tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 12

15 tháng 6 năm 2014



tủ sách việt văn mới

2014

VIỆT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 12

15 tháng 6 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký toà soạn : Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 12

15 tháng 6 năm 2014

với sự góp mặt của các tác giả :

. tiến thảo . dương phương toại . phong linh . vương hoài uyên . dương leh . hồ thủy . dung thị vân . hoàng tháp . phùng phương qúy . lê nhiên hạo . như hoài . qúy thể . mang viên long . nguyễn thăng . trần vấn lệ . lê văn thiện . vương liêm . phan chính . hoàng yên linh . cảnh dương . vũ kiêm ninh . phạm nga . lâm bích thủy . khải nguyên . hồng vinh . phan . đàm lan . hoàng gia cương . lãng hiền xuân . huy uyên . phạm thanh phúc . lê mai . đào bích phương . la thị ánh hường . trương đạm thủy . dạ thảo hương . phạm thuận thành . tâm đạm . phạm thanh khương . lê văn trung . đỗ tiến thụy . lý thị minh châu . phan thành minh . ngô thị hạnh . thế phong . nguyễn lệ uyên . từ vũ . huyền viêm . mai thục . võ công liêm . phạm vũ . kiêm thêm .

tủ sách việt văn mới 2014



TẤC LÒNG SÓNG NƯỚC BIỂN ĐÔNG

truyện lịch sử

TIẾN THẢO

Xa cách đã lâu nên khi trở lại kinh đô Phú Xuân, quan Tham tri bộ lễ Lê Tuấn cố tìm thăm một người bạn trẻ đã từng cộng sự đắc lực với mình trong quá trình đem quân ra bắc theo lệnh của triều đình, kết hợp với Hoàng Kế Viêm, để ngăn ngừa giặc Pháp đánh lấn ra Hà Nội sau khi đã chiếm xong lục tỉnh ở phía Nam. Người bạn trẻ đó là Bùi Viện, nguyên nho sinh của trường Quốc Tử Giám.

Gặp nhau, tay bắt mặt mừng. Dưới hiên nhà, nhìn ra giàn bầu nậm của khoảng sân nhỏ, đổ bóng xuống thật mát mẻ, chủ nhà pha lại ấm trà, rót nước mời khách, rồi bắt đầu câu chuyện:

- Quan Tham Tri còn nhớ đến kẻ nho sinh này, thật là diễm phúc không gì bằng. À! Mới đó mà đã năm năm rồi, kể từ ngày được quan Tế tửu Vũ Duy Thanh giới thiệu với Ngài để cùng nhau dẫn quân ra Bắc Hà.

Nghe Bùi Viện nói, quan Tham Tri tiếp lời:

- Chúng ta là người đồng sự, đã hiểu và thương mến nhau, cố tìm thăm nhau, tất là huynh đệ, chẳng có quan với dân, quan với nho sinh gì ở đây.

Bùi Viện nghe Lê Tuấn phân giải, thật là cảm động. Từ đó mới dám xưng với nhau là huynh đệ, cốt giữ sự thân mật, mặc dầu tuổi tác chênh nhau quá nhiều và địa vị ở chốn quan trường. Ông nói:

- Trải qua sự lăn lộn, chiến đấu nhiều năm, hôm nay thấy huynh được mạnh khỏe, rắn rỏi là

đệ mừng. Đời chiến binh, tên bay, đạn lạc, biết đâu mà lường.

- Trong chuyến đi ra Bắc, đệ đã giúp huynh quá nhiều việc. Đệ sinh ra và lớn lên ở Nam Định nên rất thông thạo đường sá ở ngoài ấy. Đó là một điều kiện vô cùng cần thiết của phép dụng binh nhất là đối với bọn giặc cỏ thường ẩn núp ở chốn hoang địa, rừng núi.

Thật lòng mà nói, trong lúc bàn bạc việc quân, đệ là người nhìn xa thấy rộng, lý luận sắc bén. Giữa trận địa, đệ là người gan dạ, mưu trí, tiến thối hợp lẽ, đúng là một người cầm quân xuất sắc. Còn giữa cuộc sống, đối nhân xử thế, đệ là người thận trọng, mềm dẻo, nhưng luôn giữ chính khí của kẻ sĩ. Huynh nhớ mãi câu nói của đệ: "Bất tố kỳ nam, bất tố quan". Đúng là như vậy, đã không phải người con trai khác thường, thì không ra chốn quan ải làm gì!

Đó là chuyện binh lửa, còn sau khi chia tay nhau thì đệ đi về đâu ?

- Sau đó, đệ về Phú Xuân. Một thời gian ngắn thì nhận được thư của Doanh điền sứ Nam Định, lại ra Bắc góp sức xây dựng bến Ninh Hải. Nhưng ở đó cũng chỉ được mười tháng, cuối năm Nhâm Thân với sự yêu cầu của Tổng đốc Hải Dương là Phạm Phú Thứ đệ lại phải lên đường đánh dẹp thổ phỉ đang lộng hành ở nhiều nơi. Sau đó, đệ trở lại kinh đô, chăm lo đèn sách để chờ khoa thi. Không may, đến tháng mười năm Quý Dậu thành Hà Nội thất thủ, một số tỉnh Trung Châu rơi vào tay giặc Pháp. Triều đình thật sự bối rối, lòng nhà vua như dầu sôi, lửa bỏng, cảm thấy tự mình không thể đối đầu với giặc pháp, muốn cầu viện các nước lớn. Hoàng thượng đã cử tôi đi Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ.

Nghe đến đây, Lê Tuấn giật mình. Không ngờ, kẻ có thời cộng sự với mình, về sau lại lao vào một cuộc hành trình đầy gian nan thử thách như thế.

- Đệ kể tiếp đi, kết quả ra sao, huynh sốt ruột quá!

- Đệ âm thầm đến Hương Cảng, rồi đi Hợp Chủng Quốc, xin tiếp kiến tổng thống để cầu viện. Lúc đầu, họ cũng muốn giúp ta đánh Pháp để ngăn cản bớt sự chiếm cứ thuộc địa đã tràn lan khắp nơi, làm ảnh hưởng đến cả Châu Mỹ. Nhưng khi tổng thống hỏi đến quốc thư của nhà vua thì mình không có. Thật là một thiếu sót về ngoại giao. Đệ đành trở về với hai bàn tay không!

- Rồi sau đó thế nào?

- Hai năm sau đệ lại lên đường sang Hợp Chủng Quốc lần nữa. Lúc này, tình hình chuyển biến bất lợi cho nước Nam. Năm Giáp Tuất, nước ta đã bị đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, Hợp Chủng Quốc không muốn giúp ta nữa.

Sau một thời gian dài lênh đênh trên biển, lưu lạc giữa đất khách, quê người vô cùng xa lạ, thay đổi cả miếng ăn giấc ngủ, để lại trở về với hai bàn tay trắng, chẳng có một chút kết quả để dâng lên Hoàng thượng đã ngày đêm trông ngóng, đặt biết bao nhiêu hy vọng vào sự ra đi của mình.

- Như vậy, chắc là Hoàng thượng buồn lắm?

7 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Dĩ nhiên là Hoàng thượng không vui. Mấy năm gần đây sức khỏe của Hoàng thượng rất kém, đau ốm hoài. Bảy bà vợ và bao nhiêu cung tần mỹ nữ để rồi chẳng có mụn con để nối ngôi mà chỉ trông vào mấy đứa cháu nuôi. Không biết rồi đây bọn chúng có ganh tị, tranh chức, tranh quyền, gây nên cảnh nồi da xáo thịt làm cho đất nước vốn đã rối rắm lại càng rối rắm hơn.

- À! Còn chuyện giặc Pháp nữa! Liệu họ có dừng lại ở Hòa ước Giáp Tuất hay là họ sẽ đánh lấn vào cả khúc ruột miền Trung, rồi chiếm luôn cả kinh đô này.

- Làm sao họ dừng lại được, lòng tham vô đáy mà! Trước mắt chiếm tất cả các tỉnh ở phía Bắc, đặt xong nền cai trị ở đó, rồi mới dòm ngó vào miền trung này. Dần dà, đất nước ta sẽ rơi vào tay giặc Pháp, khó có đường thoát ra được.

- Không! Theo đệ, vẫn còn có một con đường, đó là con đường canh tân gấp đất nước, làm cho đất nước mạnh lên về mọi mặt... Trước đây, cũng đã có nhiều người thấy được vấn đề này nhưng nhận thức của triều đình còn bảo thủ, không thấy hết ý nghĩa của sự đổi mới.

Khách và chủ đàm đạo say sưa, quên cả thời gian. Quan tham tri bộ lễ ở lại chơi cho đến sáng hôm sau mới cáo biệt ra về.

Khách ra về đã mấy hôm mà chủ như còn ngủ mơ giữa cuộc đàm đạo. Trong thời buổi nhiễu nhương, loạn lạc, gặp được một người hiểu mình thật là khó. Quan tham tri dù tóc đã muốn ngả màu nhưng tâm hồn vẫn còn trẻ, nhận thức được cái mới, cho nên rất tâm đầu ý hợp, hai người coi nhau là bạn tri kỷ.

Ngôi nhà ba gian hai chái với những bức tường gạch xám xịt qua mưa nắng. Mấy cánh cửa gỗ mối mọt, hư hỏng, gió giêng hai thổi luồn qua lạnh buốt thấu xương.

Sau chuyến đi Hợp Chủng Quốc lần thứ hai trở về, Bùi Viện cảm thấy cuộc đời mình như đang dẫm chân tại chỗ. Nhiều đêm ông thức trắng bên ngọn đèn dầu lạc với những câu thơ mang đầy tâm sự ngang trái. Ông nhớ cách đây đã mười hai năm đậu tú tài cùng khóa với đứa em ruột nhưng oái oăm là ba năm sau đó, người em đậu cử nhân, còn mình thì rớt để rồi trở thành Giám sinh. Thấm thía biết chừng nào câu nói: "Học tài thi phận". Ông lại nhớ đến người cha già còm cõi nơi quê nhà, người mẹ một nắng hai sương, ngã bệnh rồi qua đời lúc ông còn lênh đênh trên biển. Ông cũng không quên tấm lòng ưu ái của nhà vua, những câu dặn dò đầy trách nhiệm trước lúc ra đi và ly rượu do chính tay nhà vua rót để ban cho ông. Cảm khái trước ơn vua, lộc nước, lúc đó ông đã ứng khẩu đọc bài thơ dài mà trong đó có hai câu như một bức chân dung tự họa, đến nay vẫn thuộc nằm lòng:

"... Cương thường thân gánh vác

Sương gió bước chơi vơi..."

Ông ngước mắt nhìn lên giàn bầu nậm. Dây nào cũng mập mạnh với những chiếc lá xanh non tràn đầy sức sống. Có nách đã đậu trái, có nách chỉ mới ra hoa. Ông lại như vừa nhìn ra một

triết lý sống dâng hiến cho cuộc đời này qua cây cỏ.

Ông đang sống những ngày buồn tẻ thì bỗng dưng nhận được chiếu chỉ của nhà vua triệu vào kinh. Ông thầm nghĩ, chắc cũng như những lần trước, lần này có lẽ lại phải lên đường đi xa, lênh đênh chân trời, góc bể.

Một buổi sáng, nắng đang dần lên sau những ngày mưa bụi. Cả hoàng thành như ấm lại. Cung điện, đền đài thoát ra khỏi cái vẻ trầm mặc dưới những hàng cây um bóng lá, bên những khóm hải đường, những khóm trúc đào với những chùm hoa rực rỡ, lay động trước gió xuân.

Vua Tự Đức không mặc hoàng bào như những lần thiết triều ở điện Thái Hòa. Nhà vua chỉ mặc bộ lụa vàng trông thật giản dị và gần gũi trong lúc làm việc ở điện Cần Chánh. Nhà vua ban rượu cho Bùi Viện rồi ôn tồn nói:

- Khanh đừng lấy làm phiền muộn về hai chuyến đi ra nước ngoài của mấy năm trước không mang lại kết quả. Các nước lớn người ta suy tính thiệt hơn ghê lắm. Khanh cũng chỉ vì ta mà ra sức tìm cách bảo vệ giang sơn gấm vóc do các Tiên đế đã dày công gầy dựng. Nay ta muốn bàn với khanh một vấn đề quan trọng, có liên quan đến vận mệnh đất nước, trong tình hình ngoại xâm, nội thù hiện nay.

- Bẩm! Hạ thần xin phụng mệnh.

- Đất nước ta, từ Bắc chí Nam có mấy ngàn dặm biển. Đó không những là đầu mối giao thông của đường thủy trong nước và ngoài nước mà còn là một nguồn lợi vô tận, có thể nuôi sống con dân đến muôn đời sau.

Từ khi lập quốc đến nay, thời nào cũng coi trọng mặt biển. Âu Cơ dẫn năm mươi con lên núi thì Lạc Long Quân lại dẫn năm mươi con xuống khai phá và bảo vệ vùng biển. Còn các bậc tiên đế của Trẫm thì vào thời các chúa công đã từng lập nên đội Hoàng Sa để đo đạc, vẽ bản đồ, khai thác và bảo vệ các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Các hoàng đế về sau đều tiếp tục mở rộng sự hoạt động của đội Hoàng Sa, đều có xây thêm các trấn hải đài để tăng cường canh phòng mặt biển.

Trẫm chưa nguôi cơn giận đối với bọn Phú – Lang – Sa, dám đem tàu chiến đến bắn phá cửa biển Đà Nẵng, chiếm đất phía Nam, đánh thành Hà Nội, thì gần đây lại xảy ra sự việc bọn Tàu Ô đến cướp phá ở bên ngoài cửa biển Thuận An.

- Bẩm! Hoàng Thượng có thể nói rõ hơn về việc này.

- Nguyên hôm đó có đoàn thuyền của Nha Kinh lược sứ Bắc thành chở binh lính và một số vật dụng vào Huế đổi phiên thì bị bọn Tàu Ô chận đường cướp phá, gây không biết bao nhiêu thiệt hại về người và của.

Trước đó, Trẫm đã nghiêm trừng các viên trấn thủ Thuận An cùng các viên phòng luyện Hải Phòng sứ do sơ suất trong việc canh gác để cho thuyền của bọn Phú Lang Sa đến xin giao hảo,

chưa có phép của triều đình lại cho đi thẳng vào Thuận An mà các viên Tấn thủ, Hải Phòng sứ không can ngăn. Trong việc này các viên Chánh phó sứ Trần Tiễn Thành, Nguyễn Thịnh đã không biết nghiêm sức các thuộc hạ nên cũng bị giáng hai cấp, lưu, để làm gương.

Trước tình hình đó, Trẫm muốn khanh giúp ta kế sách ổn định mặt biển, Khanh có ý gì mới cứ đề xuất, kế sách càng cụ thể càng tốt.

Bùi Viện đã từng đối diện với nhà vua nhiều lần nên vẫn giữ được vẻ ung dung tự tại, chăm chú nghe từng sự việc. Khi nhà vua đề cập đến chuyện bọn Tàu Ô cướp phá ở ngoài cửa bể Thuận An, ông chợt nhớ đến bài thơ do mình sáng tác nhân sự việc này. Lúc đầu, ông định đọc cho nhà vua nghe nhưng rồi lại thôi vì có nhiều câu châm biếm, đụng chạm đến quan hệ của triều đình: "Tàu Ô hai chiếc thẳng dong/ Ào ào súng nổ rồi cùng hét vang/ Tung hoành chạy dọc, chạy ngang/ Quan quân chẳng thấy, thấy toàn Tàu Ô... Cũng xưng là đấng làm tôi/ Cớ sao chẳng biết hổ ngươi trong mình..."

Sau một thoáng nghĩ ngợi miên man, ông sực tỉnh và bẩm báo:

- Bẩm Hoàng thượng, việc giữ gìn an ninh mặt biển là rất quan trọng. Từ xa xưa cũng như mới đây bọn xâm lược đã nhiều lần tấn công nước ta bằng mặt biển.

Trong cả hai lần xuất dương, hạ thần thấy cảng biển nào dù tàu bè to lớn, tấp nập, mua bán sầm uất, nhưng họ kiểm tra, kiểm soát rất chặt chẽ. Nước ta đang có chiến tranh, những nơi trọng yếu cần phải được canh phòng cẩn mật với các phương tiện tàu to, súng lớn.

- Ngoài khanh ra, Trẫm chưa thấy ai thích hợp với công việc này. Mấy năm trước Trẫm đã rõ chuyện khanh cùng với Doanh điền sứ Nam Định mở mang bến Ninh Hải. Sau này khi bến đó trở thành một cảng biển lớn, giao thương thuận tiện với các nước thì các khanh là những người có công lớn, tên tuổi gắn liền với sự nghiệp phát triển mặt biển. Khanh hãy cố gắng để chu tất công việc hệ trọng này.

Biết không thể từ chối, Bùi Viện xin phụng mệnh rồi cáo lui. Ông rời điện Cần Chánh, đi thong thả về phía cửa Hiển Nhơn. Những lối đi nhỏ lát gạch bát tràng nằm im mát dưới những bóng cây cổ thụ, gió thổi lên từ phía sông Ngự Hà thơm ngát hương ngâu, hương bưởi. Trước phong cảnh hữu tình khiến ông cảm thấy thoải mái, dễ chịu sau những giờ phút căng thẳng phải giữ lễ nghi ở chốn triều đình.

Ông lại chợt nhớ đến lần gặp gỡ trước, nhà vua cũng đã có lời khen ngợi đối với cá nhân ông: "Trẫm với ngươi chưa có ân nghĩa gì mà người đã coi việc nước như việc nhà, không quản xa xôi khó nhọc, quỷ thần chắc ứng cho". Nghĩ đến đó, lòng ông lại rộn ràng, phấn chấn trước công việc được giao. Đây là cơ hội tốt của đời ông để thi thố tài năng, thỏa chí tang bồng hồ thỉ, góp chút công sức cho dân, cho nước, mặc dầu biết rằng con đường đi tới đầy cả gian nan thử thách, sóng gió nghìn trùng.

Khi ra khỏi cửa Hiển Nhơn, mặt trời đã trên đỉnh đầu, ông lừng khừng giây lát rồi quyết định ghé lại trường Quốc Tử Giám để tìm thăm quan Tế tửu, người mà bao giờ ông cũng xem như cha mẹ mình với lòng biết ơn và quí trọng.

Một điều rất thú vị là trong lúc ông đang quan tâm đến biển đông thì tại nhà quan Tế tửu ông đã được đọc và luận bàn về các sách của người xưa như Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn viết từ năm 1776, lúc đó ông giữ chức Hiệp trấn tham tán quân cơ ở Thuận Hóa, Triều chính yếu thực lục viết dưới thời Gia Long và Minh Mạng. Những tác phẩm này đều có đề cập đến đội Hoàng Sa và việc khai thác, bảo vệ các quần đảo ở biển Đông. Nhờ đó mà ông hiểu tường tận hơn về nội dung các hoạt động như đội Hoàng Sa có bảy mươi suất đinh, mỗi năm tháng ba đã tổ chức ra đi và tháng tám mới trở về, thu lượm không biết bao nhiêu là hải vật như yến sào, đồi mồi, thiếc và cả đồng khí, vàng bạc do thuyền của các nước khác bị đắm trôi dạt vào…

Ông trở về nhà, sắp đặt công việc, chuẩn bị tư trang đồ ăn thức uống rồi xuống thuyền buôn đề thực hiện cuộc hành trình từ nam chí bắc trên biển, với mục đích quan sát sự đi lại, giao thương và nhất là vấn đề an ninh, trật tự trên biển đông.

Trong cuộc hành trình dài ngày, ông đã có dịp ghé lại nhiều cửa biển, ăn ở trên một số đảo nhưng nơi đã gây nhiều ấn tượng với ông là đảo Lý Sơn khiến ông dừng chân ở đây cả tuần lễ để vừa sinh hoạt, vừa tìm hiểu đời sống và văn hóa của cụm đảo này.

Đảo Lý Sơn còn có cái tên dân dã là Cù Lao Ré. Có ra đến đây ông mới hiểu được vì sao người dân lại thích gọi cái tên dân dã này. Trên đảo mọc rất nhiều cây ré, thân mềm, lá giống lá nghệ vỏ dùng để làm dây buộc đồ rất bền. Qua thời gian sử dụng nó đã trở thành hàng hóa, mua bán trao đổi với các thương thuyền của các xứ mỗi lần ghé qua đây.

Thật ra đảo Lý sơn chỉ cách bờ có sáu mươi lăm dặm. Lúc ghe của ông cập bến thì trời vừa hửng sáng, dân chài vội vã chuyển cá lên bờ, sau một đêm ra khơi đánh bắt. Vùng biển này cá trích rất nhiều. Người ta kể, vào khoảng đầu mùa đông hằng năm cá trích bơi vào trắng như phao cả mặt biển, nhiều nhất là ở bến Đình, bến Ngoài. Bà con ngư dân dùng mọi phương tiện xúc về bán.

Ông dành thời gian ghé lại nhà một lão ngư. Tuổi cao, sức yếu không đi biển được nữa, nhà lại sát chân núi cả ngày vắng vẻ, nay có khách đến nên chủ nhà rất vui, lại có chai rượu mới được đứa cháu gái ở Quảng Ngãi gởi ra. Hai người nâng chén rồi đàm đạo:

- Gia đình cụ sống ở đây đã lâu chưa? Bùi Viện hỏi.

- Nói chung, dân trên đảo làm ăn sinh sống ở đây đã lâu, kể ra cả mấy trăm năm. Nghe người này, người kia nói có từ thời nhà Hồ, nhà Lê gì đó. Còn gia đình tôi ra đây từ đời ông Cố. Bây giờ con cháu đông lắm, đi biển từ hồi khuya, có đứa tối về, có đứa hai ba ngày mới về một lần.

11 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Con cháu có khấm khá không hở cụ?

- Làm nghề biển vất vả lắm, nhất là những ngày sóng to gió lớn, hoặc những năm mất mùa cá. Nói thì nói vậy thôi, chứ ông cháu tôi cũng nhờ con tôm, con cá dưới biển. Đến nay vợ chồng đứa nào cũng có nhà cửa đàng hoàng, ghe lớn, ghe nhỏ.

Nhà tôi đây thuộc phường An Vĩnh, bên xa kia là phường An Hải. Lâu lâu, quan huyện Bình Sơn lại cho lính chở gạo và vật dụng ra giúp đỡ. Nhờ vậy, mà ai cũng cảm thấy có sự gần gũi giữa biển đảo với đất liền.

- Khi chưa đến, tôi nghĩ ở đây chỉ có cát. Không ngờ khi đến đây lại thấy núi bao bọc bốn phía. Lạ thật, cụ ạ!

- Tôi đã nghe nhiều người nói như vậy. Trên núi còn có cả chùa, có giếng nước trong, lại có hang động rất đẹp. Ở An Vĩnh có Âm Linh Tự thờ sáu vị tiền hiền lập làng, còn bên An Hải lại có ngôi nhà thờ bảy vị tiền hiền. Đây qua đó chừng ba cây số. Khi nào rảnh rỗi, bác qua bên đó chơi cho biết.

- Ở đây yên bình quá! Nếu không phải mùa gió bão thì trăng thanh, gió mát, biển cả mênh mông, thật thú vị.

- Bác nói rất đúng. Đẹp lắm, bình yên lắm. Ai mới ra lần đầu, được ngắm phong cảnh, được ăn con tôm, con cá mới bắt lên thì thật là thú vị. Có nhiều người vào ra một vài lần, rồi đưa cả vợ con ra ở đây.

- Ngoài chuyện sinh sống làm ăn, còn chuyện gì nữa?

- Nhiều chuyện lắm. Sóng to gió lớn vẫn chưa sợ, sợ nhất là bọn cướp biển. Ông Nguyễn Văn Tuất là người gắn liền với huyền thoại dân đảo chống bọn Tàu Ô, cướp phá, xâm lược, cũng mới xảy ra thôi. Chuyện nàng Roi cũng là chuyện một người con gái đầy nhan sắc, tham gia chống cướp rồi hy sinh trên đảo. Dân chúng vô cùng thương tiếc cả hai người.

Không ngờ chuyến đi kéo dài cả mấy tháng làm cho sức khỏe của ông sút kém một cách rõ rệt. Khi trở về nhà ông suy nghĩ nhiều điều. Việc đi lại và buôn bán trên biển gặp nhiều khó khăn nên không thể phát triển được. Một phần do thuyền bè của ta nhỏ, sản vật trao đổi chủ yếu là lúa gạo, khoai sắn, một phần thì bị bọn Tàu Ô chận đường cướp thuyền. Bởi vậy, điều cần thiết lúc này là phải canh tân đất nước lập đội hải quân hùng mạnh để giữ gìn an ninh, trật tự ở biển Đông nhằm bảo vệ thương thuyền và ngư dân, đồng thời bảo vệ biên cương biển đảo của Tổ quốc.

Bên ngọn đèn khuya, ông ngồi viết bản điều trần cho nhà vua với những kế sách rất cụ thể. Ông đề nghị lập một thủy đội với một ngàn lính tuyển từ các nơi, gồm những người đã quen với biển cả kể cả bọn cướp biển qui hàng. Ông sẵn sàng nhận chức "Tuần dương quân" để huấn luyện cho đội thủy quân.

Bản điều trần đầy tâm huyết được dâng lên, nhà vua đọc rồi châu phê: "Nói lớn mà không

làm được là có tội". Ông thất vọng, buồn rầu, ra về một cách lặng lẽ. Bao nhiêu tâm tư tình cảm tan như mây khói. Ôi! Trước nạn nước, một chút tâm huyết gởi vào biển Đông, chỉ còn là những bọt sóng giữa đêm khuya vỗ mạn thuyền.

Nhưng may thay, ngày hôm sau nhà vua lại triệu vào và sửa lại lời phê: "Người nên tự cáng đáng lấy việc này".

Ông phấn chấn trở về để bắt tay vào việc. Với chức vụ mới là "Tuần tải nha chánh quản đốc" ông quyết định thành lập đội "Tuần dương quân" gồm hai đoàn là "Thanh đoàn" và "Trung dũng đoàn". Một đoàn mặt áo xanh, đội mũ vải, là bọn giặc biển qui hàng; một đoàn mặc áo nẹp đỏ, đội nón lá, dân của các làng chài, tất cả đều đã quen với sóng nước. Ông xây dựng "Tuần dương quân" trên quan điểm: "Triều đình và nhân dân cùng gánh vác", những kẻ giàu có có thể bỏ tiền bạc ra rồi mộ quân lập đội, chỉ cần lập danh sách báo cáo và chấp hành mọi quy định của Triều đình.

Nhờ vậy, chỉ trong thời gian ngắn, đội Tuần dương của ông đã có hai ngàn quân với hai trăm chiến thuyền, đúng là một đội hải quân hùng mạnh lúc bấy giờ. Mạnh không chỉ quân đông, thuyền nhiều mà dưới dự chỉ huy của ông, quân lệnh rất nghiêm. Nhà vua và một số quan lại thức thời ở Triều đình đã dành nhiều cảm tình trước sự thành công bước đầu của ông.

Vua Tự Đức rất lo lắng trước tình hình ngày càng xấu đi của đất nước. Quan lại ở xa triều dình thì lợi dụng "Đục nước béo cò". Được một người tâm huyết như Bùi Viện, miệng nói tay làm, là điều đáng quí.

Một lần nhà vua xa giá về Trấn hải đài để tham dự lễ duyệt binh ở cửa bể Thuận An, trước mặt Chánh sứ Trần Tiễn Thành, nhà vua đã khen Bùi Viện:

- Trẫm không ngờ đội "Tuần dương quân" do khanh vận động thành lập và chỉ huy lại đông đảo và nghiêm lệnh như thế này. Thời gian gần đây, biển Đông đã yên ổn nhiều, ngư dân và thương lái được yên ổn làm ăn. Trẫm rất là vui mừng.

Bùi viện nghe nhà vua nói rất là cảm động và mạnh dạn bày tỏ.

- Bẩm Hoàng thượng, từ xưa các vị Tiên đế rất quan tâm đến mặt biển. Không những thành lập và nuôi dưỡng đội Hoàng Sa để khai thác và giữ yên vùng biển đảo xa xôi, mà còn là việc khẳng định chủ quyền của đất nước ở biển Đông. Thế tổ đã từng lập căn cứ ở trên biển để chống với Tây Sơn, Thái Tổ đã cho khắc biển Đông lên Cửu đỉnh, giờ phút này Hoàng Thượng cũng đang đứng ở cửa bể Thuận An. Biển, thật là nhịp tim của lịch sử đất nước.

Việc làm của hạ thần, chưa có gì đáng nói. Đó là chỉ là tấc lòng, hạ thần muốn gởi đến sóng nước biển Đông, mà thôi!

TIẾN THẢO

13 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



BÔNG HỒNG MIỀN NẮNG XANH

truyện ngắn

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Ngồi bên bàn, Diễm Lê khum tay chống cằm, tư lự nhìn ra cửa. Ngoài ấy, những bóng cây đang nhích dần, đổ dài trên lối sỏi giữa vạt đồi ba zan ánh đỏ. Gió se lạnh thổi vi vút qua rặng thông. Nắng rải mỏng xuống những thảm hoa muôn sắc như càng mỏng hơn trong cái lạnh cuối ngày. Đám chim bồ câu con bay lên chấp chới, con sà xuống cùng những tiếng gù bổi hổi cả một khoảng không gian.

Mọi người đã tản về. Chỉ còn nàng trong văn phòng, vì chính nàng cũng là chủ nhân của ngôi biệt thự này. Sau hồi được nhận bất động sản của cha để lại, cách đây hơn chục năm, nàng đã cho Công ty Xuất khẩu Hoa thuê ngôi biệt thự làm Chi nhánh giao dịch. Công việc của nàng hàng ngày ngồi bên cỗ máy tính gõ các văn bản đầy rẫy số liệu về các loài hoa, về những dự án sản xuất, xuất khẩu hoa của Công ty... Nàng gõ mà đôi mắt nhìn ra ngoài, vẫn không sai một từ, một số nào. Ngón tay rê trên bàn phím nhẹ như làn gió lướt qua mặt sỏi, như tay người nghệ sĩ dương cầm chơi rất ngẫu hứng. Lòng nàng đang xôn xang một cảm xúc mới lạ, giống như chồi thông non bật lên từ một gốc thông đã trải qua bao mùa sương nắng. Nàng đang chờ người ấy đến. Mấy ngày nay, vào giờ này anh thường xuất hiện dưới đầu dốc với cây đàn ghi ta trên vai, như một lãng tử. Nàng bồi hồi nhớ... Chiều hôm ấy cũng như chiều nay. Khác chăng, có một cơn mưa bóng mây vừa đi qua bầu trời. Chợt nàng dụi mắt. Ai kia? Giống anh Ngân quá! Không tin vào mắt mình, nàng lại dụi lần nữa. Đúng rồi! Đúng Ngân rồi! Sao bao năm trời bây giờ mới thấy anh xuất hiện? Trên lối sỏi, một người đàn ông đang đi tới, trên vai vác một cây đàn ghi ta, ung dung và thơ thới. Bóng nắng, bóng những cây thông ngã dài loáng thoáng qua người anh. Gương mặt chữ điền, cằm rộng, đôi mày rậm, sống mũi thẳng. Dáng vạm vỡ, bờ vai mập, cân đối trong màu quân phục xanh đã cũ. Mái tóc xoăn bồng bềnh, kiêu hãnh. Càng gần càng rất rõ. Trái tim nàng bỗng

loạn nhịp. Đúng anh rồi! Mẹ ơi! Nếu còn, chắc mẹ cũng nhận ra ngay! Nàng xô chiếc ghế, gọi thất thanh:

- Ngân! Anh Ngân...!

Người đàn ông giật mình, chững lại. Một chút bối rối, ngơ ngác. Anh định hướng, nhìn qua cánh cổng. Nàng bước tới, tiếng hơi lạc đi: -Ngân! Anh Ngân! Em đây... Diễm Lê đây!

- Sao? Xin lỗi! Chị gọi tôi phải không ạ?

- Vâng! Em gọi anh. Anh Ngân phải không? Đúng rồi!

- Ấy chết! Chị nhầm rồi! Tôi không phải Ngân, không phải người ở đây! Người đàn ông tròn xoe mắt, đầy vẻ ngạc nhiên. Anh hạ cây đàn, chống xuống đất: -Tôi giống anh Ngân của chị lắm à?

-Vâng! Anh... Anh không nhận ra em ư? Diễm Lê. Em là Diễm Lê của anh ngày trước đây! Trời ơi! Sao anh lại có thể quên em, quên ngôi biệt thự này? Đôi má chợt nóng bừng, nàng trân trân nhìn anh: -Không lẽ em nhầm? Không lẽ em thay đổi đến mức anh không nhận ra ư?

- Chị ơi! Xin chị thông cảm coi kỹ lại đi. Tôi mới từ miền Bắc, trong đoàn sáng tác của các văn nghệ sĩ Quảng Ninh vào đây lần đầu tiên. Tôi đang trên đường đi thăm chợ thành phố về. Chả lẽ chị nhầm tôi đến thế sao?...

- Dạ! Không! Đúng anh rồi! Anh đùa em sao? Anh không khác xưa mấy, có già đôi chút và mập hơn trước nhiều. Nhưng trộn anh vào đâu em cũng nhận ra! Làm sao em quên được gương mặt anh? Cả dáng đi, nét râu ngang, cả giọng nói, nụ môi cười nữa. Y trang Ngân ngày nào. Vào nhà đi cưng! Còn chọc em chi nữa?...

-Trời ơi! Chị tha lỗi! Tôi chỉ ngang qua đây. Các bạn tôi đang đợi xe ở nhà Sáng tác Đà Lạt, để kịp lên Lang Bian dự đêm lửa trại của đồng bào Tây Nguyên. Lúc nào rảnh, mời chị lên Nhà Sáng tác ở đường Yên Thế chơi với bọn tôi cho vui. Tôi giống người của chị lắm à? Anh hỏi lại lần nữa với nụ cười hóm hỉnh và đưa tay bóp chặt tay nàng.

- Anh! Anh quay lại nhé! Em...em muốn hỏi chuyện... Nàng hấp tấp dặn theo. Bóng anh lùi nhanh qua lối sỏi. Trở vào nhà, lòng nàng tràn ngập nỗi hoang mang. Chả lẽ Ngân quên nơi này ư? Hay trên đời lại có người giống Ngân đến vậy?

Ngày ấy, nàng là một hoa khôi phơi phới như nụ hồng nhung buổi sớm của trường Lysec Yersin Đà Lạt. Cha nàng là một quan chức Kiểm lâm địa phương có năng lực và thận trọng. Nhưng ông hiền lành và nhút nhát. Cũng chính bởi tính nhút nhát ấy mà ngày Đà Lạt giải phóng, ông đã đánh mất một cơ hội đoàn tụ với gia đình. Vì thiếu hiểu biết về thời cuộc và quá sợ hãi, cha nàng đã bị một số quan chức lôi kéo bỏ trốn, chạy vào Sài Gòn. Trong những ngày cuối cùng ở Sài Gòn, ông nhắn vợ con, sẽ đón để chờ di tản sang Mỹ. Nhưng mẹ con nàng nhất quyết không làm theo ý ông. Cao nguyên Lang Bian, thành phố sương mù đã đón nàng khóc chào đời. Dòng suối Vàng, hồ Đan Kia đã cho nàng nguồn nước trong lành. Nàng không thể xa xứ sở này được... Trước khi Sài Gòn thất thủ, trong đám quan chức tranh nhau bỏ chạy lên máy bay trực thăng, ông đã bị chúng gạt phăng xuống biển. Mãi sau này mẹ con nàng mới biết tin do một người bạn của cha thoát được, từ Mỹ gửi thư về. Ông ta kể: "*Trên chiếc trực thăng bên này nhìn sang chiếc trực thăng bên kia đang ì ạch cất lên, rõ ràng tôi trông thấy ông nhà chới với, một tay còn bám chặt vào mép cửa. Kinh hoàng, tôi nhắm mắt lại. Không biết những gì đã xảy ra?...*"

Toà biệt thự của cha nàng tạm thời bị niêm phong. Trong những người lính Giải phóng tiếp quản thành phố hay lui tới toà biệt thự, nàng để ý có một người lính. Anh tên Ngân, trẻ măng, điển trai và rất hiền. Chính anh là người đã xin cho mẹ con nàng được ở tạm căn phòng nhỏ cạnh ngôi biệt thự sang trọng trong thời hạn niêm phong. Hàng ngày, từ trụ sở Quân quản, anh thường lui đến chăm sóc những bồn hoa cây cảnh trong khu ngoại thất toà biệt thự rất cẩn thận như của chính nhà mình. Nhiều lần nàng gặp anh đứng lặng ngắm những bông hoa rất lâu như thể chưa bao giờ được thấy. Anh còn mở quyển sổ ra hí húi vẽ ký hoạ những bông hoa, những dáng cây bon sai, những chiến sĩ trẻ ngồi cạnh gốc tùng, cạnh bức tường hoa. Nàng nghe thấy anh ao ước: "Khi nào về quê, mình sẽ trồng những vườn hoa như thế này. Bên hoa, cuộc đời sẽ thanh bình và thánh thiện biết bao nhiêu!" Có lần nàng đi qua, anh xin được vẽ nàng. Nhưng nàng xấu hổ chạy vội vào phòng, đứng vạch rèm cửa nhìn ra. Các anh rất vui nhộn, cười đùa, hát nghêu ngao trêu chọc nhau như bọn con nít thật vô tư. Vậy mà những bạn bè quan chức của cha lại bảo bộ đội giải phóng sống khô khan, không thiết gì đến cỏ cây, hoa lá! Họ sẽ đốt trụi thành phố này như đốt một

vòng hoa! Nhưng những gì nàng thấy lại khác hẳn. Nàng hài lòng và bắt đầu cảm tình. Anh và nàng đã có những giây lát bất chợt từ xa nhìn lại nhau như hai con chim trong rặng thông cùng chờ cất tiếng hót...

Năm sau, một đêm trăng đầu tháng, dưới chân dốc, anh đã gặp và ngỏ lời yêu nàng. Trong đáy lòng, nàng cũng cảm, cũng yêu anh. Đêm ấy, mảnh trăng như một cánh hoa hồng vàng đính trên bầu trời. Hai người ngồi bên nhau đến tận lúc cánh hồng vàng nhập vào vườn hoa bên kia đồi. Từ đó, cứ ngày chủ nhật là nàng lại phấp phỏng đợi anh dưới chân dốc. Anh đến, cái nắng chiều lạnh thế, chợt ấm áp, dịu êm. Quê anh ở một vùng đồng bằng ven biển, xa lắm, có tiếng sóng âm vang, có cánh đồng vàng tít chân mây, có con đò chở bọn học trò làng sang trường huyện. Những ngày gió bắc thổi tông tông, đứng trên bến đợi đò, anh phải lấy giấy báo gấp lại nhiều lần lót vào trong ngực để chống cái rét ghê người. Gác chuyện vào đại học, anh lên đường theo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hành quân qua những vùng núi cao, đèo dốc, áo anh bạc phếch cùng mái tóc xoăn rối đỏ bụi đường. Gương mặt chữ điền rám đen vì khói lửa, gió Lào, vì sương nắng, vì mưa rừng xối xả. Chỉ riêng ánh mắt là rất sáng, với cái nhìn sâu thẳm. Nàng vẫn còn nhớ rất rõ, cả nụ cười tươi tắn, pha chút hóm hỉnh và hơi kiêu của anh. Nụ cười như hút người ta vào cõi nhớ. Anh đã xin phép mẹ nàng cho anh lui tới. Mẹ nàng nhận lời và coi anh như một người thân trong nhà. Vì quá đau đớn về cuộc bỏ chạy của chồng, mẹ nàng trở nên trầm uất như một chiếc bóng. Trong hoàn cảnh cô đơn, âu lo, sợ hãi, nàng hy vọng anh sẽ là chỗ dựa. Bởi dù sao mẹ con nàng lúc này vẫn còn là diện vợ con của quan chức thời Mỹ-Nguỵ. Anh hứa ngày nào xuất ngũ, sẽ đưa nàng và mẹ về vùng biển quê anh ngồi trên con thuyền căng cánh buồm nâu lướt sóng. Nàng cũng hứa: "Khi ấy, em sẽ mang những đoá hồng đượm nắng cao nguyên ra bến đò quê anh!"...

Một đêm đã khuya lắm, anh gõ nhẹ cửa, bước vào. Đầu tóc ướt đẫm sương, lạnh ngắt. Anh nói qua hơi thở gấp gáp:

- Diễm Lê! Sớm mai anh đi rồi, nhận nhiệm vụ mới lên biên giới Tây-Nam. Đời lính mà em. Chưa hết giặc quấy nhiễu, chưa thể được ngồi yên! Anh đến chia tay và cầm cho em giấy tờ bàn giao tài sản. Ngôi biệt thự này của cha đã được mang tên em! Ngày mai mẹ và em chuyển lên ở ngay nhé! Cầm lấy bàn tay nàng, anh thốt gọi: Diễm Lê! Anh yêu em! Hãy đợi anh. Đất nước bình yên, anh sẽ về đón em! Thôi! Anh đi đây!

Bất ngờ quá. Nàng ôm chặt lấy anh. Hơi thở anh phả vào môi nàng nồng ấm như ánh nắng ban mai rọi trên đoá hồng nhung. Nước mắt nàng chan chứa vào mặt, vào vai anh. Nàng lặng đi trong xúc cảm tê dại. Lần đầu tiên nàng ngã vào lòng một người con trai mà nức nở không thành tiếng:

- Trời! Sao vội quá vậy anh?
- Công việc mà em!
- Em không cần hiểu công việc của anh! Em chỉ biết được anh yêu và yêu anh!

Một năm quen nhau, hai năm yêu nhau. Ba mùa phượng tím nở bên ngôi biệt thự và rắc bông xuống mái tóc hai người. Anh chưa hề hôn nàng. Nàng chưa hề nhận được đôi môi cháy bỏng đặt lên bầu má chín rức. Hình như anh e ấp? Hình như anh cố kìm giữ đợi một ngày nào đó? Còn giây phút này, nàng ngẩng khuôn mặt xinh đẹp lên chờ đợi. Anh bảo:

- Anh không thể để em một mình ôm nỗi đau khổ! Không muốn em là hòn vọng phu. Nàng bấm nhẹ vào lưng anh:
- Nhưng... Anh... đó là hạnh phúc của em!
- Anh hiểu! Anh muốn sự trọn vẹn... Hẹn em ngày trở lại. Ngày của trái hồng chín, ngày của đất trời cao nguyên thơm lừng và trong vắt... Anh khẽ nhắc lại: Ngày mai mẹ và em dọn lên biệt thự cho mát mẻ và đường hoàng, nhé em! Nàng vùng khỏi vòng tay anh:
- Không! Em cần anh! Em cần anh, chứ đâu cần ngôi biệt thự đó!

Một năm. Ba năm. Rồi năm năm... Thời gian thật vô tình. Chiều chiều, nàng lại ra đứng dưới giàn hoa bên cánh cổng ngóng chờ. Đỉnh núi Lang Bian vẫn trước mặt nàng. Đồi thông và những con dốc ba zan vẫn như xưa. Những trái thông vẫn chễnh mảng rụng vườn sau... Chỉ khác chăng bây giờ trong biệt thự có thêm một cơ quan chi nhánh Công ty Xuất khẩu Hoa. Anh không thể lạc lối về! Hay anh đã sao rồi! Lạy Chúa! Nàng nhắm mắt lại, không dám nghĩ điều gì khác nữa. Nàng đã đợi anh đến héo mòn. Vì thương con, mẹ nàng bỗng lâm bệnh và mấy năm sau thì bà qua đời.

16 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Thấy nàng vẫn phấp phỏng, vẫn khăng khăng đợi anh về, Diệp Sương, bạn gái từng bực tức khuyên: "Sao mi mù quáng vậy? Biết khi nào chàng trở lại mà mi mài tuổi xanh vào những tháng năm trống rỗng?" –"Không! Anh sẽ về! Nếu phản bội, mình sẽ có tội với anh!" Vậy là, lặng lẽ sống, nàng từ chối mọi cuộc gặp gỡ, du ngoạn với bạn bè, từ chối mọi lời ngỏ ý của những người đàn ông. Nàng sợ xảy ra niềm yêu. Yêu nhau để xa cách thì nàng không thể chịu nổi. Nếu nàng yêu, lại chuốc lấy sự xa cách mà thôi! Hàng triệu cành hoa từ Công ty của nàng đã tới phương xa, nhưng nàng thì vẫn sống khép mình, cất tuổi thanh xuân trong ngôi biệt thự màu vàng ốc. Và tất cả những kỷ niệm tưởng nằm yên dưới đáy lòng. Nếu không có người đàn ông kia xuất hiện...

**

Mấy hôm sau, người đàn ông lại đi qua. Nàng hồi hộp chờ anh tới gần rồi khẽ gọi:

- Anh bộ đội ơi! Anh nhạc sĩ ơi!

- Chào em cô gái Lam Hồng! Anh hóm hỉnh nheo mắt chào nàng với cái tên một bài hát mà nàng vẫn từng nghe. Nàng líu ríu cầm cây đàn, đưa anh bước lên những bậc thềm. Nàng vui hẳn ra như con chim sáo. Nom bộ mặt anh ngộ quá. Anh vẫn vui tính như xưa nên mới đùa dai đến vậy!

Người đàn ông bẽn lẽn bước theo. Anh không ngờ lại xảy tình huống này. Không biết nói sao cho nàng hiểu nỗi nhầm của nàng, anh đành tủm tỉm cười để giữ bình tĩnh. Nhưng anh càng tủm tỉm thì nàng càng nhận ra anh là chàng giải phóng quân Ngân ngày nào.

- Ngân tệ quá! Bao nhiêu năm không nỡ nhắn lấy một lời cho mẹ con em. Bây giờ anh ở đâu? Mẹ em mất hơn chục năm nay rồi, vì nhớ anh lắm đó! Anh rõ tệ! Bức tường hoa mà anh thường vẽ các bạn anh vẫn còn ngoài kia...

- Không! Tôi chưa hề biết vẽ. Tôi là Nhâm cơ mà. Nguyễn Văn Nhâm. Giấy chứng minh và thẻ Hội viên của tôi đây. Nguyễn Văn Nhâm. Bút danh Ngọc Nhâm. Quê Quảng Ninh, vịnh Hạ Long. Đúng ra bên bờ Bạch Đằng giang. Cô có biết nơi đó không? Anh rút trong túi sau ra một chiếc bóp nhỏ rồi lấy hai tấm thẻ ép platic chìa cho nàng xem:

-Cô coi đi. Nàng run run đôi tay, đón lấy:

- Nguyễn Văn Nhâm sinh... năm... Trời! Anh tên Nhâm thật à? Anh là nhạc sĩ? Tháng năm sinh cũng giống Ngân! Sao lại giống nhau đến kỳ vậy hở anh? Nàng thất vọng ngồi xuống chiếc đi văng. Khuôn mặt não nùng như đoá hồng nhung héo:

-Em nhầm thật ư? Ngân của em ơi! Nàng gục vào đôi bàn tay mình để mặc nước mắt cứ thế ứa ra. Trời ơi! Xấu hổ quá! Em nhầm thật ư? Trên đời sao lại có hai giọt nước giống nhau đến vậy? Bây giờ... còn một mà thôi...

Chàng nhạc sĩ lúng túng an ủi:

-Thôi! Em hãy bình tĩnh, lắng lại chút đỉnh cho đỡ rầu lòng. Thì cứ coi tôi là... là Ngân... Tôi giống Ngân đến thế sao?

-Dạ! Dạ! Giống lắm! Không phân biệt nổi! Nàng lau nước mắt. Sực nhớ, nàng vội rót ly nước mời anh và kể lại chuyện của nàng.

Anh chăm chú nghe, rồi chia sẻ nỗi xót xa:

-Vậy là em đã chờ đợi gần ba mươi năm?

Sao anh ấy lại không nhắn lấy một tin gì cho em thế nhỉ? Hay anh ấy đã... Anh chợt sững lại khi biết mình chạm vào nỗi đau, có thể là nỗi mất mát của nàng. Nhưng anh vẫn nghĩ: Hay anh bộ đội Ngân nào đó đã hy sinh? Hoặc vì một nhiệm vụ đặc biệt, anh ấy phải giấu và quên đi chuyện đời riêng? Trong chiến tranh, mọi tình huống đều có thể xảy ra.

- Anh biết không? Ròng rã hai mươi bảy năm chờ đợi, em vẫn tin là anh sẽ trở lại. Không có anh ở bên, ngôi biệt thự này sẽ trở nên vô nghĩa. Em không thể chịu nổi hơn nữa. Nếu Ngân xảy chuyện gì, em sẽ chết mất. Anh có biết Ngân của em ở đâu không? Hãy trả Ngân cho em đi! Nàng lại ngước đôi mắt thâm quầng nhìn anh đau đáu, run rẩy: Hay anh còn đùa em? Anh nói gì đi chứ?

Chàng nhạc sĩ biết nói gì hơn? Chao ôi! Thật đáng thương, thật tội cho nàng. Một đoá hồng nhung vẫn phảng phất vẻ đẹp buổi ban mai, ai đó đã bỏ quên nơi thành phố trong rừng? Anh cảm thấy nơi sống mũi cay cay. Chả lẽ cứ nhận liều cho cô ấy vui? Nhưng ta không thể đi quá khoảng cách mỏng manh. Lợi dụng sự mù quáng của người khác chính ta sẽ trở thành mù quáng! Anh vỗ vai nàng, dỗ dành:

17 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

-Thôi! Diễm Lê hãy nén lòng. Biết đâu gần đây anh ấy sẽ về. Trên đời, anh tin mọi thứ bất ngờ đều có thể sẽ đến! Rồi anh kể về mình cho nàng nghe. Quê anh bên bờ sông Bạch Đằng, phía trước là biển Hạ Long với muôn trùng đảo đá; phía sau là núi Yên Tử chập chờn mây trắng. Nơi ấy, anh đã trưởng thành từ những tháng năm gian khó, từ cánh buồm nâu ngang tàng vượt sóng, từ những tiếng gầm xả hơi đầy kiêu hãnh của nhà máy điện Uông Bí... Anh đã lên đường vào chiến trường chiến đấu, rồi trở về, sang nước bạn Đông Âu học tập và lao động. Người vợ xinh đẹp của anh cũng từng phải chờ đợi anh mười lăm năm xa ngái... Anh yêu thơ, làm thơ từ thuở học trò trường làng. Rồi cũng như bước chân theo cơn gió cuộc đời, anh bị cuốn hút vào những nốt nhạc mê hồn. Tiếng sáo diều trên tầng không vi vu đã kéo trái tim anh lên với khát vọng cháy bỏng. Giã từ cánh đồng, anh vào học ở nhạc viện Hà Nội và đã có những thành công. Nhiều ca khúc của anh đã phát sóng trên các Đài Phát thanh và Truyền hình. Nó đượm chất lính hồn nhiên, đượm chất dân ca mượt mà, sâu lắng, mang âm hưởng những lời ru của đồng bằng Bắc Bộ, của những câu hò sông biển Hạ Long. Đến đâu cũng vậy, vừa hạ ba lô, anh đã đi và lang thang cùng trời mây, non nước để thu những cảnh quan, những tư liệu cuộc sống vào tâm khảm, như thể sợ không còn cơ hội để làm việc. Sau chiến tranh, bao nhiêu thứ đang đợi người lính. Cuộc đời sẽ rất ngắn, nếu ta ngồi nghỉ, gậm nhấm ngọt ngào chiếc bánh thời gian!...

Từ hôm đó, chiều nào anh cũng đến thăm nàng. Lúc nhờ nàng đánh vi tính hộ bài thơ, bản nhạc vừa sáng tác. Lúc khoe với nàng về những con dốc cheo veo, những con suối, những thung lũng có cái tên lãng mạn. Đà Lạt đẹp hơn rất nhiều trong lời kể, trong giọng nói của anh. Nàng muốn níu giữ anh ở lại thật lâu để được ngắm nhìn, được thẩm định trí nhớ và được trò chuyện. Sao anh vẫn giống Ngân đến lạ kỳ? Mặc dù nàng đã cố trấn tĩnh, xua đi ý nghĩ "đây phải là Ngân?" Từ hôm có anh, nàng vui và trẻ hẳn. Mọi người trong cơ quan cũng nhận biết điều đó từ khi thấy chàng nhạc sĩ mặc áo lính thường lui tới ngôi biệt thự. Nàng thu xếp công việc rất nhanh gọn và trên bàn ngày nào cũng thay một bình hoa với những bông hồng nhung tươi rói. Nàng vẫn bâng khuâng, rung động trong cảm xúc sống lại quá khứ và sống cùng hiện tại, lúc mờ xa, lúc tỏ như vầng trăng trước mặt, vẫn tin chính chàng nghệ sĩ là Ngân của nàng thoát xác. Ngân và Nhâm, hai mà một, có khác gì đâu giữa hai cái tên hiện hữu trước mặt nàng một con người hoàn thiện bằng xương bằng thịt! Định mệnh đã thay Ngân bằng Nhâm cho nàng chăng? Đời nàng, suốt thời gian qua như một đống củi đang cháy nồng nàn, bỗng tắt, nhưng than còn âm ỉ, nay chợt có dịp khơi cháy lại. Ngọn lửa lắm lúc muốn bốc cao cháy hết mình. Nhưng nàng lại sợ ngọn lửa cháy hết mình bao nhiêu thì lại càng nhanh lụi bấy nhiêu. Giờ phút gần gụi của hai người càng nhanh xa cách bấy nhiêu.

Bỗng chuông điện thoại di động reo. Anh xin lỗi ra ngoài nghe và sau đó không hề giấu giếm: "Chị bảo ngoài Bắc lạnh lắm. Anh có tự giặt áo quần được không? Nếu dùng bàn là thì để số nhẹ thôi, kẻo xém vải!" Lát nữa lại có tin của con gái anh nhắn: "Bố ơi! Ngoài này dịch cúm gà đang lan đến, nhiều nhà phải đem huỷ từng đàn gia cầm, trông xót quá!" Chị lại gọi: "Thằng Nam đã thi đậu bằng lái xe. Giờ anh đang ngồi nói chuyện với ai? Nhớ nghỉ sớm giữ gìn sức khoẻ..." Nàng nghe rõ giọng người đàn bà đằng kia ngọt ngào, gạn gùng một cách khéo léo, dặn dò kỹ lưỡng coi anh còn trẻ con lắm. Lần nào anh cũng trả lời một cách hồn nhiên, ấm áp và dí dỏm: "Anh đang ngồi với nàng thơ và những nốt nhạc"...

- Chắc chị ấy đẹp lắm anh nhỉ? Anh rất yêu vợ. Đúng không? Nàng buột miệng hỏi anh, mặc dù biết là mình hỏi quá vô duyên. Anh cũng thật thà:

- Chị đẹp từ thuở sinh viên. Bọn anh học cùng một khoá. Chị hơn anh một tuổi. Nhưng bây giờ vẫn không khác mấy ngày xưa. Chị có lúm đồng tiền một thời làm anh mê hồn. Chị là nguồn cảm xúc trong nhiều sáng tác của anh...

Nghe anh nói mà nàng như hụt hẫng. Một cảm giác gì đó rất nhẹ như một ngọn gió lạnh lùa vào kẽ tóc. Một chút hờn ghen vô cớ lan toả và xâm chiếm cõi lòng. Kể ra nàng cũng có một người đàn ông để được chăm sóc. Kể ra người ấy đang ngồi trước mặt nàng.

- Anh nói chuyện khác cho vui đi! Nàng giật mình khẽ nhắc.

Anh lại kể cho nàng những buổi đi thăm thung lũng Tình Yêu, Vườn hoa Thành Phố, lên thác Prenn, thác Đam B'ri hùng vĩ, vào hồ Tuyền Lâm nghe tiếng chim hót, ngẩn ngơ bên Thiền viện

Trúc Lâm... Rồi trên đỉnh Lang Bian. Lần đầu tiên anh được vui một đêm lửa trại cồng chiêng, được nhảy và hát nhiệt tình, được uống rượu cần với những chàng trai cô gái Tây Nguyên. Anh bảo các bạn anh có nhiều người cũng hăng hái, trăn trở lặn lội đi thực tế như anh và họ đã có những tác phẩm hay về Đà Lạt.

- Anh đến cả hồ... Định nói hồ Than Thở, nhưng anh bỗng nói chệch sang hồ Đan Kia, sợ động phải nỗi buồn của nàng. Vì hồ Than Thở là một chuỗi truyền thuyết về mối tình cắc cớ của một đôi trai gái yêu nhau tha thiết nhưng không thành.

Hình như nàng cũng cảm nhận được ý nghĩ của anh! Nhìn ánh mắt nàng, anh thấm hiểu dần nỗi cháy lòng của người chờ đợi. Nàng đã chờ đợi, một sự chờ đợi đến bảo thủ, cố hữu, khiến nàng sắt đá không nhận ra sự khác biệt giữa anh với người chiến sĩ tên Ngân. Nàng yêu Ngân đến nỗi mù quáng cả hơi thở của người yêu! Hơi thở của Ngân ngày xưa trộn lẫn vào hơi thở của Nhâm hôm nay thành một ư?

- Có dịp... anh sẽ đón em ra thăm vịnh Hạ Long! Nàng vội che miệng anh:

- Không! Đừng hứa! Lời hứa thường dễ làm người ta xa nhau! Ngồi bên anh thế này là em hạnh phúc lắm rồi!...

Cứ sau một ngày đây đó khắp thành phố hoa, chiều muộn, anh lại đến ngôi biệt thự cho nàng được vui. Anh không nỡ để nàng cô quạnh khép cuộc đời sau cánh cổng nặng nề kia. Một tình cảm lạ dâng trào trong anh, nó giống một làn nước xanh của biển cả tràn vào cửa sông muốn chan hoà vào dòng phù sa đỏ đang thao thiết chảy ngàn năm. Nó muốn thay đổi sắc màu của dòng sông anh từng tắm lội từ thuở bé thơ. Bên dòng sông là một bến đò. Tiếng gọi từ bến đò chợt vọng lên.

***

Một chiều cuối tuần nữa. Mặt trời cao nguyên như một trái hồng cài trong rừng thông se lạnh. Anh kia rồi, đang bước ngoài lối sỏi.

- Anh đến chia tay em. Mong em đừng buồn...

- Không buồn sao được, hở anh? Nàng thảng thốt.

- Đêm qua, nghĩ về em, không thể ngủ được, anh liền vùng dậy ngân nga những nốt nhạc... Anh lấy trong cặp ra một bản nhạc: -Đây là bản "Tình khúc Đà Lạt-Hạ Long" mới viết xong. Anh hát thử em nghe nhé!

- Vâng, cưng hát đi!

Ôm cây đàn vào lòng, anh đứng dậy cười rất tươi, so dây, rồi cất tiếng hát. Nụ cười kiêu hãnh mới giống nụ cười của Ngân làm sao! Giọng anh trầm và ấm như run lên, hoà vào từng giọt ghita. Những ca từ thật đẹp, thật mượt mà. *Hạ Long quê anh thành phố biển xa. Vùng than bao la mênh mông sóng hát bốn mùa. Anh tới Đà Lạt một chiều nắng xanh...*

- Chao ôi! Nắng xanh! Vậy mà ở đây em đâu có biết nắng Đà Lạt lại là nắng xanh! Em cứ ngỡ từ trước tới giờ là nắng lạnh, nắng vàng, sắc vàng của mùa thu buồn và hoa cúc quỳ chứ nhỉ?

- Không! Với anh, Đà Lạt là một miền nắng xanh em ạ. Nắng được nhuộm bởi màu xanh của rừng thông, của ngàn cây và ngàn hoa! Nắng xanh của tuổi trẻ, của mùa xuân. Nắng của lòng em đợi chờ không bao giờ phai lạt.

Những tia nắng lọt qua rèm cửa sổ chiếu xuống nền gạch hoa lúc này rõ ràng là một màu nắng xanh dịu nhẹ, lung linh. Nàng ngân nga theo anh: "*Mai anh về rồi nhớ lắm Đà Lạt ơi! Mai anh về rồi nhớ lắm Đà Lạt ơi!...*" Nàng ào tới ôm chầm lấy anh, hôn lên gương mặt, vào mái tóc phong trần, khét nắng. Nồng nàn và cháy bỏng. Khao khát và tin yêu. Anh. Em van anh! Anh có phải là Ngân của em. Anh đừng dối em! Anh đừng xa em!/.

Tháng 8-2007

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

19 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



VÉ SỐ ... ĐÀN BÀ

truyện ngắn

PHONG LINH

Nắng Sài Gòn chát chúa đổ xuống tấm lưng gầy xương xẩu của chị. Đôi chân đã băng đi qua mấy con phố dọc ngang xiên xẹo mời chào đủ những loại người chị gặp, nhưng người ta hầu như chỉ đưa mắt nhìn chị trong thoáng chốc bằng đủ các sắc thái biểu hiện, rồi lắc đầu, hờ hững, mỏi mệt, khó chịu, từ chối. Họ cũng giống chị, chỉ là dân nghèo kiết xác đang oằn vai bòn chót từng xu từng hào một dưới cái nắng chan chát này, có ai còn tâm trí đâu mà vé số vé xiếc nữa. Cuộc đời bụi mù dưới chân họ, bám chặt lấy thân thể họ đã cào cấu tất cả những ảo vọng giàu có trong họ. Mấy tờ vé số của chị vì thế như lại trở thành cái thứ xa lạ, lỡm đời, đáng ghét đối với họ.

Nắng quá, những người vẫn thường mua vé số giùm chị để ôm mộng thành tỷ phố hôm nay chẳng ai buồn xuất hiện ở chỗ này. Những kẻ ấy, họ ngồi ngoài đường làm chi cho rát nóng. Họ tụm nhau vào các quán café máy lạnh ngồi, mà ở những nơi ấy, chị hay những người như chị đừng hòng đặt chân vào được. Nó chẳng khác nào một nửa khác của cuộc sống không có cánh cửa để chị bước vào.

Sài Gòn trưa, ngàn ngạt mùi ôi thối bốc lên từ những con kênh đen ngòm, bóp chặt lấy bầu không khí thở của con người. Nhưng chị đã quen quá với cái thứ mùi ngầy ngụa, ngai ngái ấy cũng giống như việc chị đã phải làm quen với cuộc sống này.

Chị gặp anh, yêu anh, theo anh, có con với anh và bây giờ là lủi thủi nuôi con một mình cũng chính như một thứ công thức đã được sắp xếp bởi một thứ được gọi là định mệnh nào đó. Đôi lúc chị nghĩ người đời với hay ví hồng nhan bạc mệnh, để rồi tự hỏi chính mình, chị không đẹp cũng chẳng duyên dáng sao đời vẫn buồn se sắt với chị. Chị đã tưởng rằng gia đình bé nhỏ của mình đang ấp ủ những điều hạnh phúc vô cùng, nhưng bỗng chốc khi chị vừa sinh con thì anh bị tai nạn khi đang lái xe chở hàng cho công ty. Anh mất đi tính mạng ngay trong đêm mưa bão hôm đó. Xe và hàng của công ty đều bị hỏng nặng. Chị gào khóc đổ gục giữa căn phòng trống trải giờ chẳng còn anh với một gánh nặng oằn cả hai vai, đè con tim bé nhỏ đến ngợp ngụa máu.

Mất anh, chị không biết phải làm gì để có thể xoay xở với cuộc sống đơn độc nơi mảnh đất phương Nam nắng đỏ này. Có những đêm chị khóc đến ngàn ngạt, muốn bồng con về lại quê với bố mẹ, nhưng chị không đủ sức để nghĩ đến việc đối mặt với bố mẹ sau khi chị đã quyết bỏ học, bỏ gia đình để theo anh vào xứ này. Chị chỉ vùi mình vào suy nghĩ, bỏ mặc cả cái thân xác phụ nữ ngày càng xanh xao của mình để lao vào kiếm tiền nuôi con. Cu Mít còn quá nhỏ, chị lại không thể gửi con cho ai, số vốn ít ỏi anh chị giành giụm được cũng dùng để bồi thường và làm đám tang cho anh nên cuối cùng chị vẫn tay trắng. Hai mẹ con chị đành phải ôm ấp nhau đi khắp các con phố Sài Gòn nhộn nhạo nắng này để bán vé số. Chị lật đật chạy đua với nhịp đời điên đảo quay này như một con ngựa già đã kiệt quệ sức lực. Chị mới 24 mà nhăn nhó như gần bốn mươi, chỉ có đôi mắt, sao vẫn đắm đuối cuốn hút như một ảnh ảo.

Con một tuổi, một năm chờn choạc với những con đường, chị đã quen rồi yêu chúng như chính

đứa con vẫn còn bồng trên vai của mình. Chiều chị vẫn luẩn quẩn ở những quán bia vỉa hè gần các con kênh gió mát rượi để bán vé số. Nhiều người ở đây đã quen với khuôn mặt rám đen, lặng lẽ, với nụ cười buồn chảy nước mắt của chị.

Chiều muộn, đường phố kẹt xe với những tiếng ầm ì than thở, những khuôn mặt nhớn nhác, nhuốc nhem. Quán bia bên lề đường bắt đầu đến giờ chen chúc lộn lẫn đủ loại khuôn mặt người. Chị cố nén cơn ngượng ngập, lỳ lợm để bước vào giữa những gã đàn ông bụng đầy bia ấy mời chào.

"Anh mua giùm em tờ vé số. Vé số đẹp... " – Chị cúi mặt, nói như máy vài câu nói riết thành quen.

Gã đàn ông kéo tay chị đến sát bên cạnh, phì phà vào mặt chị nồng nặc một mùi men gợn gạo với mùi thịt bò xào tỏi vừa khỉn vừa hôi. Gã cười chớt chả với chị nói nhỏ vào tai chị: "Em, em ngồi với anh một chốc thôi. Anh đảm bảo sẽ mua hết chỗ vé số này cho em, cho em thêm ít tiền hôm nay mua sữa cho con". Gã nói, đập đùi đen đét. Thằng Mít e e khóc. Chị vỗ vỗ nhẹ vào mông con "Ngoan, ngoan nào" . Gã quay định xọc tay ôm thằng bé, chị hất vội ra, "thôi anh bỏ ra để em đi bán. Còn nhiều quá, anh không mua giùm thì cũng đừng gây khó dễ cho em". Gã nói bằng cái giọng cà chớn: "Anh sẽ mua hết chỗ này. Chỉ cần em đi với anh một chút thôi". "Ái chà, bán vé số mà buốt nhăn mặt khi có khách hàng đòi mua hết vé hả. Em khờ quá hay giả ngô nghê em ơi". Gã lảm thảm những câu nói ấy bằng cái giọng lè nhè của một thằng đàn ông say sỉn. Gã nói rồi cố áp sát khuôn mặt vào người chị. Hai cánh mũi phập phùng của chị bỗng căng ra như cố muốn hít hà mùi gì đó tỏa ra từ gã đàn ông kia. Mùi mồ hôi của gã. Mồ hồ thấm dần ướt cả ngực áo thun mỏng, để lộ ra bộ ngực nở nang của một gã đàn ông vững chãi, khỏe mạnh. Mùi mồ hôi ngai ngái. Như mùi của chồng chị. Chị ngờ nghệt như bị mộng du khi gã cố đưa tay vào vòng eo hẹp của chị. Sự đụng chạm của gã khiến chị choàng tỉnh. Bàng hoàng, cay đắng, chị cố chút sức lực mỏi mệt của mình giật khỏi tay hắn. Khi gã ú ớ chưa kịp hiểu chuyện. Chị ôm con chạy. mũi vẫn còn thốc lên cái mùi mồ hôi khét lẹt phả ra từ ngực gã. Bỗng chốc trong cái tủi hờn uất nghẹn ấy nỗi khát khao vụng dại bản năng của một người đàn bà lại trở về trong chị.

Một năm nay, chị cuộn mình ôm con ngủ trong căn phòng trọ cũ kĩ thuê từ khi anh chị vào đây. Chị cùng anh, không đám cưới, không váy cưới, không hoa cưới. Đêm đầu tiên với nhau anh ôm chị chặt cứng trong lồng ngực phập phồng của mình, chị khóc tức tưởi. Mùi mồ hôi, mùi nước mắt quện chặt chẽ vào nhau, tưởng như khao khát thương yêu chẳng bao giờ dứt. Rồi anh bỏ chị mà đi, chóng vánh khi hạnh phúc chưa kịp thành hình. Đêm nằm ôm con một mình, chị hờn trách anh, sao bỏ chị lại bơ vơ, chị không nhớ anh, không còn thèm khát cái mùi mồ hôi đặc sánh của anh. Rồi nhanh chóng giấc ngủ nhấn chìm chị trong ngụp lặn mỏi mệt. Một đêm sẽ tàn. Một ngày kết thúc. Một năm qua đi. Chưa bao giờ chị thèm khát. Những ngày rạc chân đến toác nứt trên những con đường đã trả lại cho chị một thân xác hao gầy, với tâm hồn bần cùng trơ trọi. Một năm, chị chỉ biết đến kiếm tiền nuôi con. Chị đã quên rằng chị vẫn là người đàn bà đang còn cựa quậy tồn tại trên thế gian này.

Đêm nay, chị không ngủ, chị nhắm mắt để mặc mình vùi trong cảnh tượng hồi chiều, với cái mùi đàn ông áp chặt vào hơi thở của mình. Nỗi nhớ anh lúc này mới ào ạt trở về quặn xé. Từng giọt nước mắt ngập chìm trong đêm chẳng thể xoa dịu được sự cô đơn đến cùng quẫn trong thân xác xuệch xoạc của chị. Đôi mắt vẫn chong chong nhìn lên trần nhà cáu bẩn, cũ kĩ. Ngoài kia những con đường Sài gòn đang nhộn nhạo sáng, nhộn nhạo những thanh âm của đời sống. Chúng đang

21 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

đợi chị, những bước chân quết lên đi hết tuổi trẻ. mòn mỏi với miếng cơm manh áo. Chị chợt nghĩ, hình như cái kiếp đàn bà của chị cũng chẳng khác nào kiếp đời của những chiếc vé số. Số nào may mắn, trúng giải này giải nọ thì được nâng niu. Số nào hấp hiu vô duyên thì rồi cũng rách nát bị vứt bỏ như rác. Mà ở cuộc sống này, ngàn số mới trúng một, cũng giống như ngàn người đàn bà mới có một người được nâng niu. Còn chị, mãi chỉ như bây giờ. Chị càng nghĩ càng ngập trong một nỗi mòn mỏi đến giàn giụa.

Sài Gòn sáng, rồi biết đến bao giờ mới thôi giàn giụa…

06/03/2012

PHONG LINH

thơ



VƯƠNG HOÀI UYÊN

MÙA THIÊN DI

Đời phân chia mấy ngã
Mà ngã nào cũng lắm gian truân
Em ngửa tay đợi chờ số phận
Chọn ngã rẽ cho đời.

Cánh buồm nào rồi cũng xa khơi
Nhưng có mấy cánh buồm quay trở lại?
Đại dương thì xa ngái
Chỉ còn nỗi buồn neo lại
bến bờ xưa.

Đêm cuối cùng
trời bỗng quên mưa
Lắng đọng trong nhau một lời giã biệt
Cánh chim mỏi
Mùa thiên di mải miết
Bay về đâu
Khi gió lạnh sang mùa?

VƯƠNG HOÀI UYÊN



CHÂN TRỜI BỐNG TỐI

truyện ngắn

DƯƠNG LEH

Ở cái thời đại nguyên tử này, con trai con gái lớn lên thương yêu nhau nếu không có gì trở ngại thì tiến tới hôn nhân, nắm tay sống đời ở kiếp, còn nếu vì lý do gì đó hai người không đi đến được hôn nhân thì chia tay, mỗi người đi một đường xây dựng lại tương lai cho riêng mình, coi như duyên số không khớp với nhau, ông trời không muốn cho hai người thực hiện cuộc sống với "hai quả tim vàng trong một túp lều tranh".

Ông Năm ngồi nghĩ tới nghĩ lui về chuyện này hoài. Thời buổi này dù văn minh tiến bộ nhưng cũng không phải đơn giản như vậy, không thể nói nếu cưới nhau không được hai người mạnh ai nấy tìm một nửa cái tôi khác chứ không hề vướng bận tình cảm day dứt chi cả. Hồi thời của ông và bà, bốn năm chục năm về trước, chuyện tình cảm sao mà nó nên thơ quá trời. Con trai con gái thời đó yêu nhau giống như người ta viết trong truyện, trong tiểu thuyết. Người này làm thơ tặng cho người kia. Tặng qua tặng lại. Tình cảm thật là lai láng. Thư từ trao đổi qua lại trên những tờ giấy pelure màu xanh da trời tươi thắm. Có những người con gái khéo tay lấy lá bồ đề và không biết các cô làm cách nào mà chỉ còn gân lá và được tẩm mực tím rồi kẹp trong lá thơ xanh trao cho anh bạn trai. Thường thường các chàng trai mới lớn lúc bấy giờ hơi bị ngớ ngẩn không biết các cô làm sao mà có được chiếc lá bồ đề chỉ còn gân lá và mang một màu tím hiện trên tờ giấy xanh rất đẹp. Có cô bày cho một anh con trai về lấy lá bồ đề già đem ngâm dưới sình, sau ba ngày moi lên sẽ lấy được những chiếc lá chỉ còn gân lá rồi đem ngâm trong mực tím là xong. Anh chàng này về nhà làm thử cái thí nghiệm này. Ba ngày sau anh ta moi lá bồ đề lên thì thấy những chiếc lá bị rách tơi tả, không sử dụng được. Các cô gái được một bữa cười no nê khi biết được kết quả thí nghiệm ngâm lá bồ đề dưới sình của nhà "bác học" tài ba này. Thực ra những là bồ đề này được những tư nhân làm rồi gửi bán ở các nhà sách. Họ làm với số lượng lớn và ngâm lá bồ đề bằng hóa chất chứ không có ai ngâm dưới sình cả. Con trai vô nhà sách không để ý nên không biết.

Ông Năm không tin cậu con trai của ông bị thất bại ở đường tình cảm rồi sinh bệnh hoạn như vậy. Ông thấy vô lý quá. Một đứa con trai ngoan ngoãn học hành bình thường rồi tốt nghiệp ra trường lại có công ăn việc làm tốt bỗng dưng lại suy sụp như vậy. Ông không biết còn có nguyên nhân nào khác hay là cái nguyên nhân mà ông nghi ngờ nhất có chính xác không bởi vì từ khi con ông bắt đầu mang cái chứng bệnh này, ông chỉ nghe nó nói đi nói lại có một câu: "Tui biết mà, không ai chịu hiểu tui hết".

Hồi năm ngoái, cậu con trai này báo cho ông biết cậu sẽ đi học thêm tiếng Anh vào buổi tối theo yêu cầu của công ty, ông Năm thấy chuyện rất bình thường nhưng cũng có phần vui mừng vì thấy con đang trên đường tiến thân và bắt đầu có ý chờ nó nói về chuyện thành lập gia thất.

Bây giờ nhớ lại ông Năm thấy sau một thời gian ngắn từ khi nó bắt đầu đi học tiếng Anh con ông có một chuyển biến hơi lạ. Cậu có phần vui tính hơn trước. Thỉnh thoảng cậu mua về một miếng vịt quay để ông lai rai với vài lon bia buổi tối trước khi đi ngủ. Bia cũng do chính nó mua về bỏ vào tủ lạnh cho ông và còn nhắc nhở: "Ba uống đi, ít ít thôi, khỏi phải ra tiệm, tối về chạy xe nguy hiểm". Tiền lương tháng, cậu đưa cho bà Năm coi như đóng góp vào tiền chợ, tiền điện nước trong nhà, còn dư nhiều ít gì cậu cũng đem bỏ vô ngân hàng.

23 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Thấy con trai có cuộc sống ngăn nắp như vậy ông bà già thấy cũng yên lòng, bình tĩnh ngồi chờ cậu con trai, mà ông bà âm thầm coi là quý tử, thông báo cho biết muốn cưới cô gái nào làm vợ, ông bà sẽ chọn ngày lành tháng tốt tổ chức trong thời gian nhanh nhất theo cái kiểu thời bây giờ "con đặt đâu cha mẹ ngồi đấy...". Hai ông bà cũng hứa với nhau sẽ không gây một phiền hà hay trở ngại gì đến việc cậu con trai chọn vợ tương lai. Hai ông bà thấy thời buổi văn minh tiến bộ này mà còn có nhiều người coi tuổi tác có xung khắc hay kỵ cọ gì không. Chi vậy? Nếu đi coi tuổi rủi ro ông "thầy" nói hai tuổi này không hạp, nào là sát phu hay sát thê, nào là tuổi người con gái không được vượng phu ích tử, hoặc nói tuổi người con trai có tuổi thọ ngắn củn, nghe thầy phán như vậy cha mẹ có dám "cả gan" cấm cản hai đứa không được làm đám cưới, dám không? Thôi thì đã làm cha mẹ, con cái đặt đâu thì ngồi yên chỗ đó cho nó êm thắm. Cứ gì phải đòi cho bằng được cái quyền làm cha mẹ phản bác gây thêm rối rắm.

Bẵng đi một thời gian sau, khoảng bẩy tám tháng gì đó, cậu con trai cho hai ông bà biết đã học xong chương trình tiếng Anh cao cấp và được công ty giao cho "zốp" mới đồng thời dành cho cậu ta một mức lương rất thỏa đáng. Còn chuyện quan trọng mà ông bà muốn được nghe từ lâu nay, đó là chuyện cậu ta đã có bạn gái. Hai ông bà già mừng như trúng số độc đắc. Cậu quen cô bạn gái này vào những ngày đầu của khóa học tiếng Anh cao cấp. Cô cũng được một công ty khác gửi đến học.

Ông Năm không hình dung được trong thời gian học bảy tám tháng trời, tình cảm hai người đã phát triển như thế nào rồi mà hôm nay cậu này đã mạnh dạn báo cáo với cha mẹ như vậy. Ông Năm biết rõ thằng con trai của mình rất kín đáo chuyện gì nó cũng đợi cho có kết quả cụ thể như thế nào đó rồi mới nói ra. Ông Năm cũng thong thả đợi khi nó đưa cô bạn gái về giới thiệu để gặp mặt cũng không muộn màng gì.

Một buổi chiều Chủ nhật, ông Năm bà Năm đang ngồi xem TV gần cửa ra vào. Hai ông bà cố ý ngồi nán lại hy vọng thằng con trai sẽ về kịp dùng cơm tối luôn. Nó về được cũng tốt, nhân tiện ông bà hỏi nó dăm ba chuyện, còn nếu nó không về kịp cũng chả sao.

Trời bắt đầu hết nắng, con hẻm bắt đầu tối dần, bóng đèn tròn trước nhà ông Tư thầy giáo cho ra một thứ ánh sáng vàng vọt soi vào con hẻm nhỏ. Bỗng nhiên có tiếng thắng két quen thuộc của cậu con trai dừng xe ngay trước cửa, rồi có tiếng một cô gái trẻ:

- Ủa, anh ở trong nhà này à?

Tiếng cậu con trai ông Năm:

- Đúng rồi.

- Nhà này của dì Hai em mà!

Nói đến đây cô gái bước hẳn vào trong nhà nhìn ông bà Năm, mừng rỡ:

- Anh Năm, chị Năm!

- Ủa mầy là con dì Bảy ở Cần Thơ đó hả. Ổng bả khỏe hông. Gần cả chục năm không gặp.

- Dạ khỏe, em lên Saigon học. Em là bạn với anh này...

Ông Năm nhìn cậu con trai đang đứng dựa vào khung cửa ra vào, đang theo dõi câu chuyện, mắt có vẻ thất thần. Bà Năm chỉ vào cậu con trai:

- Nó là thằng Phước con chị đó.

Ông Năm chen vào:

- Tụi bây là bạn với nhau đó hả?

Cô gái lấy hai bàn tay úp lên mặt, gật đầu... Ông Năm phá lên cười ha hả...

- Trời đất quỷ thần ơi, nó là con trai lớn của tao đó, nó phải kêu mầy bằng cô.

Vẫn úp hai tay lên mặt, đột nhiên cô đứng dậy bỏ hai tay ra, nước mắt đầm đìa.

- Chào anh Năm, chị Năm em về. Em hiểu rồi.

Nói xong cô bước nhanh ra khỏi cửa và đi thẳng ra khỏi con hẻm, biến mất sau một khúc quanh...

Ngày hôm sau, cậu con trai của ông Năm không đi làm việc nữa. Ở nhà miết. Suốt ngày thơ thẩn ra vào, không màng đến ăn uống, thỉnh thoảng nói lầm bầm trong miệng. Ông Năm cố gắng nghe được mấy tiếng: "Tui biết mà, không ai chịu hiểu tui hết". Chân trời tương lai của đứa con trai bỗng nhiên tối sầm lại...

DƯƠNG LEH

24 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



RỪNG XUÂN

truyện ngắn

MAI THỤC

Ngày cuối năm. Rừng chiều xao xác lá rơi. Tiếng chim lảnh lót đều đều "bắt cô trói cột"..."bắt cô trói cột" như tiếng người, làm cho chàng bớt cảm giác vắng lặng.

Rừng im phăng phắc. Gió hoang vu miên man vờn mái tóc phong sương của chàng . Bỗng có tiếng chân lao xao rất nhẹ trên lối nhỏ đầy lá khô. Tiếng bước chân như đang nhảy múa, uyển chuyển tiến gần về phía chàng. Nhanh như con sóc, chàng leo lên chòi gác, giương súng ngắm.

Chàng hướng tầm ngắm về phía tiếng bước chân. Xoay đi xoay lại một lúc, nòng súng hiện ra một cô gái. Thiếu nữ mười sáu, dáng thanh mảnh, mái tóc đen dài buông dưới lưng ong. Nàng nhởn nhơ đi một mình trong rừng. Chiều không buông nắng. Nàng tiến sâu vào tầm ngắm của chàng. Tưởng rừng không người, nàng ngẫu hứng hát: "Anh đi đường ấy xa xa/ Để em ôm bóng trăng tà năm canh/ Nước non một gánh chung tình/ Nhớ ai ai có nhớ mình hay chăng?".

Giọng hát dân ca trong như tiếng nước chảy, suối reo của nàng khiến chàng ngây ngất. Chàng từ từ buông súng và nhảy xuống đất.

Đợi nàng đến gần, chàng nhô ra khỏi bụi cây, gọi khẽ:

- Này cô em. Sao dám đi một mình vào rừng rậm. Không sợ cọp hổ báo, rắn sao?

Bất ngờ gặp một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, da xém nắng nơi rừng sâu, dây leo chằng chịt, nàng hơi đỏ mặt, trả lời nhỏ nhẹ:

- Anh ở rừng này à? Anh trông nom bọn hổ báo chăng?

- Đấy là việc của đàn ông. Cô là ai? Cô đến đây làm gì?

- Em tên là Xuân. Hương Xuân. Em ở rừng thông bên kia, mải kiếm củi khô, lỡ bước vọt qua khu rừng của anh lúc nào, em chẳng biết.

- Cô ngây thơ, dại khờ thế. Đi vào rừng phải có la bàn chỉ hướng chứ?

- Em chẳng sợ. Ở rừng quen rồi, nhìn bóng nắng là biết hướng. Nhỡ lạc đường em hú gọi, sẽ có người đến cứu.

- Cô có vẻ tự tin gớm nhỉ?

- Em có làm gì nên tội mà sợ hãi.

- Đi lạc đường ắt gặp hiểm nguy. Cô không biết à?

- Lòng tốt và sự trong sạch sẽ cứu em. Không ai nỡ giết một con người vô sự với tạo hóa.

- Cô nói chuyện cũng hay đấy. Nào cô em, ngồi xích lại gần tôi chút nữa, mình trò chuyện thân mật với nhau hơn. Đêm nay ta cùng đón Xuân ở rừng nhé. Nhìn kìa em, cây già trụi lá, mầm non xanh đang nhú ra từ thân cành của nó, xua mùa Đông lạnh giá. Cô em ơi! Anh gọi em là em, không xưng hô lạnh lùng, cô cô tôi tôi nữa. Mùa Xuân đến rồi đấy, ăn nói dịu dàng với nhau dễ chịu hơn dùi đục chấm mắm cáy.

- Em ngu ngơ khờ dại , biết nói chuyện gì với anh?

- Thì cứ nhấm nhẳng như thế cũng được.

- Vâng.

- Anh có quê hương không?

- Sao lại không. Người Việt dù đi năm châu bốn biển vẫn khôn nguôi nhớ về ngôi làng, nơi cha sinh mẹ đẻ ra mình.

- Mỗi lúc nhớ về làng, anh nhớ những gì?

- Anh nhớ đồi cọ xanh xòe ô xanh ôm lấy những người dân hiền lành, lam lũ. Rừng cọ gọi gió thơm từ cánh đồng vàng lúa trĩu bông, ru hồn người. Anh nhớ giếng làng sâu thăm thẳm màu mây, nắng, trăng sao. Nước giếng trong vắt, ngọt ngào, sớm tối người quê chân đất, mang gầu thả dây xuống múc nước, uống được luôn.

- Ai lại uống nước lã thế. Bố em dạy bọn em không được ăn quả xanh, uống nước lã.

- Ngốc ơi! Nước giếng làng rất sạch, không có vi trùng. Nó là nước trong nguồn chảy ra. Sạch thơm mát như Tình Mẹ.

- Thích nhỉ? Quê anh đẹp thế, trong lành thế. Khi nào rảnh anh cho em về quê anh chơi nhé.

- Cũng có thể... Nhưng anh còn công việc của anh. Anh còn phải đền trả nợ nước non. Chẳng lúc nào anh được rời tay súng em ạ.

- Anh ngủ cùng với súng à?

- Đúng rồi em. Anh không được phép rời súng.

- Thế sao từ lúc gặp em, anh quăng súng vào bụi cây? Anh liều thế!

- Em biết anh quăng súng à?

- Vâng. Em biết. Vì thế em mới dám ngồi lại gần anh để nói chuyện nhăng nhít.

- Anh là Con Người mà em. Trước gương mặt Thánh Thiện, súng đạn vô dụng em ạ.

- Thế súng của anh để bắn ai?

- Bắn những kẻ tử tù. -

- Tội quá anh ạ. Em biết có kẻ tử tù là con người dám hành động cho lẽ sống mà nó lựa chọn, nhưng không hợp thời. Em yêu cả kẻ tử tù. Em muốn cứu tử tù. Anh nghĩ sao?

- Em ngây thơ thế. Em không sợ bị liên lụy à?

- Có sợ một chút thôi. Nhưng nghĩ sâu hơn, em thấy hết sợ. Cứu một người phúc đẳng hà sa. Lúc nào cứu được là em cứu. Một khi không cứu được, em sẽ dâng tín hiệu cho tử tù biết được rằng, cõi Người còn có một Con Người biết yêu thương, trước khi linh hồn người tử tù rời khỏi thân xác...

Im lặng mênh mông ngập rừng chiều.

Chàng sững sờ trước một bông hoa rừng thơm hương quả thông. Nàng đẹp giản dị đến bất ngờ, thầm tỏa hương ngan ngát vị cay nồng của cây rừng mọc lên từ sỏi cát. Chàng muốn khóc. Chàng nhìn về phía trái khu rừng rậm rạp, gai nhọn xuyên lủa tủa, trong hang đá, một kẻ tử tù đang khắc khoải đợi mùa Xuân.

Chàng quay lại nhìn sâu vào đôi mắt mở to đăm đăm của nàng, thầm đọc một câu thơ bẻ đôi: "Đôi mắt em buồn đến nỗi anh nhìn thấy những tháng năm chiến tranh, chia ly, chết chóc đang gầm thét hiện về… hiện về… hiện về…"

Nàng ngỡ ngàng trước đôi mắt thao thiết nhìn mình dịu dàng đến xôn xao, nàng lúng túng:

- Anh đang nghĩ gì vậy?

- Anh đọc thơ.

- Ai lại đọc thơ thầm chán chết. Anh đọc to lên cho em nghe được không?

- Ừ. Anh tặng em những câu thơ bị bẻ đôi này.

- Giữ nằm lòng nghe em: "Anh nói với em một điều giản đơn/ Xin em đừng tin những điều lải nhải quanh em/ Hãy cúi xuống tin vào đôi bàn chân em đang bước đi/ Hãy ngẩng lên tin vào tiếng đập trái tim ngực em/ Và nếu có thể, xin em hãy tin vào tình yêu tôi dành tặng cho em hôm nay/ Khi tâm hồn tôi cũng đã khoác ba lô lên đường/ Bỏ lại những tháng ngày đớn hèn chật chội đời tôi…"

*

Rừng chiều. Im lặng. Nước mắt thầm rơi, thấm lá khô rừng chiều. Bầy chim rừng cất tiếng hòa ca.

Nàng nghẹn ngào nắm đôi bàn tay chai sần vì cầm súng của chàng.

Chàng khẽ nói với nàng giọng buồn dịu dàng:

- Em hát cho anh nghe đi.

- Anh muốn em hát dân ca, hay hát ru tử tù?

- Hát ru tử tù em ạ.

- Ở đây làm gì có tử tù mà hát ru?

- Em cứ hát cho anh nghe đi, em tưởng tượng như đang đứng trước kẻ tử tù mà em yêu… và em hát.

- Vâng.

Rừng chiều im lặng.

Ngọn gió hoang đệm đàn nâng tiếng hát của nàng bay cao, bay xa, vút lên các tầng trời: "Em gửi tặng anh những bông hoa ngoài bãi sông/ Những bông hoa không có tên/ Những bông hoa có mùi của đất bùn/ Có mùi của nắng/ Có mùi của những cơn gió không hề biết do dự/ Những bông hoa có cuộc đời ngắn ngắn ngủi ngủi quyết liệt/ Chúng chỉ sống có một ngày/ Chúng chỉ nổ tung cánh vào lúc bình minh/ Khi Đất- Trời rạng sáng/ Và chúng rụng cánh tả tơi tàn lụi khi mặt trời lặn xuống…"

Những ngọn gió hoang hân hoan, rạo rực chở tiếng hát của nàng bay khắp rừng già, bay về những mái lều đồng xa xơ xác, bay xuống ruộng lúa non đang rét cóng đợi mưa Xuân…

Rừng chiều chuyện động hòa ca cùng tiếng hát của nàng. Cây khô nẩy mầm xanh. Rừng chiều chuyển mùa Xuân.

Chàng và nàng nắm tay nhau đi giữa Rừng Xuân như hai đứa trẻ mải mê đố lá tìm hoa.

* Thơ Nguyễn Đình Chính

Hồ Gươm mùa Hoa Cúc. 12h 10 phút Ngày 16- 12- 2009

MAI THỤC

27 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



CÓ PHẢI SẦU VẠN CỔ ?

truyện ngắn

HỒ THỦY

Vậy là Lâm đã về đến nhà sau hơn sáu tháng đi xa, cổng nhà với cây bông giấy màu tím dễ thương được má anh trồng tứ lâu lắm, mọi thứ không có gì thay đổi, anh cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, vội kêu lên với tất cả sự vui mừng:

- Má ơi! con về đây má ơi...

Má anh từ trong nhà chạy ra, bà chảy nước mắt khi thấy thằng con lãng tử của mình đứng trước cổng, vừa lúc Lâm vào đến trong nhà, bà luống cuống, cập rập nhào đến, giang rộng đôi vòng tay ôm Lâm vào lòng, xoa xoa mái tóc hớt ngắn với những sợi tóc khô cứng, bà than:

- Sao con đen và ốm đến thế này?

Lâm thả cái túi xách rơi bịch xuống nền nhà, anh ôm vai má, đôi vai bà gầy hơn trước nhiều làm anh cảm thấy chạnh lòng. Dù sao đi nữa, dù thích lang bạt kỳ hồ đến mấy nhưng khi về tới nhà, được ở trong vòng tay ôm của má, cảm giác của anh thật dễ chịu, nhẹ nhàng thoải mái và bình an, nó làm anh choáng ngợp với thứ hạnh phúc mà chỉ có tình yêu cao quí của người mẹ mới đem lại được cho con mình.

Anh ngồi xuống ghế xa long, kéo má ngồi bên cạnh mình, nói với má một câu mà từ lâu lắm anh chưa nói:

- Chuyến này đi xa con nhớ má quá chừng.

Bà Thái cười ký đầu anh:

- Khéo nịnh, để má làm nước cam con uống cho khỏe, mà sao về không cho má hay trước? mày nói với má là chỉ đi chừng bốn tới năm tháng, vậy mà mày đi những sáu tháng, làm má trông ngày trông đêm. Cái bữa con gọi điện thoại cho má, nói rằng phải ở lại thêm một tháng nữa làm má giận hết sức.

Lâm cười:

- Thì công việc bắt con phải thất hứa với má, bây giờ thì con lại được về sớm hơn thời hạn tới mười ngày lận.

Lâm nằm xuống đi văng, anh nhắm mắt lại làm như muồn ngủ, bà Thái vừa lau nước mắt vừa đi ra nhà sau, hình như con trai bà có điều gì đó muốn dấu bà thì phải?.

Chiều buông chầm chậm , bóng cây Ngọc Lan bên sân nhà ngã dài theo bóng nắng. Lâm ngồi trên băng ghế đá kê trước hiên nhà, anh châm điếu thuốc lá, nhìn chiều xuống, nhìn con đường trước mặt, nhìn màu tím của cây bông giấy, nhìn những chiếc lá vàng rụng rơi la đà, và anh nhìn lại lòng mình, hình như lòng anh có chút gì đó đổ vở, tâm hồn anh có chút gì đó sứt mẻ, cọng thêm một chút rạn nứt của trái tim... xình xịnh... xình xịch... tiếng còi tàu vang vọng trong đầu anh như một thủa nó từng vang vọng. Anh lắc lắc cái đầu của mình, như là anh muốn làm cho rơi rụng những âm vang của còi tàu xe lửa, của những bánh sắt thắng kít lại trên đường ray. Anh hít thật sâu một hơi thuốc lá để khỏa lấp một mùi hương... Bây giờ anh không còn tha thiết muốn:

Đập vở gương ra tìm lấy bóng.
Xếp tàn y ại để dành hương.

bởi vì anh đã thấy bóng và hương, không còn gì là của ngày xưa, như xưa nữa rồi.

Trưa nay khi vừa về đến nhà, anh vui với niếm vui của má, anh vui vì trở về "mái nhà xưa", nhưng sau bữa cơm trưa ngon miệng, sau một giấc ngủ đầy mắt, khi thức dậy lòng anh bỗng nhiên buồn, tâm hồn anh bỗng nhiên sầu úa, thân xác anh rã rời, nằm trong phòng mãi có lẽ sẽ

điên lên mất nên anh ra sân ngồi, gió chiếu mát rượi. Không biết anh đốt hết bao nhiêu điếu thuốc để có thể soi thấu lòng mình, phân tích tâm hồn mình. Cô em gài đi chơi đâu đó, hay ghê, khi em gái anh vẫn hồn nhiên vô tư dù đã qua khỏi tuổi cần phải có chồng, nó không giống anh; lúc nào cũng trăn trở ưu tư, ước gì anh có được chút hồn nhiên của em gái mình. Má anh cũng đi đâu đó nên nhà chỉ còn mình anh ngồi buồn hiu nhìn chiều đang rụng rơi với từng giọt nắng úa tàn. Anh cảm thấy buồn quá là buồn.

Tùng đến chơi, anh tâm sự với Tùng, nói cho Tùng nghe chuyện anh đến Lăng Cô và nỗi lòng" không giống ai" của anh, Tùng cười, nói với anh một câu hết sức đơn giản:

- Đã đến lúc ông nên cưới vợ. nghe nói bác gái chọn được cho ông một cô " hết ý" luôn.

Lâm cười mĩm:

- Tôi chưa có hứng cưới vợ, nhất là đó không phải là người mình yêu...

Anh thở dài nói tiếp:

- Phải chi tôi đừng gặp lại cô ấy thì trong tâm trí tôi Vân mãi mãi là một Vân xinh tươi cuốn hút của ngày xưa, gặp lại cô ấy... tôi tiếc quá Tùng à, không còn chút xíu hình ảnh tươi đẹp của ngày nào. Tôi cảm thấy như là mình đang ôm một "mối sầu vạn cổ" trong lòng

Tùng lắc đầu:

- Ông bạn của tôi à, ông vừa ích kỷ vừa tham lam quá đó, ông chỉ yêu có mình ông thôi, chán ông ghê. Nghe lời khuyên của tôi đi, cưới vợ thì mọi chuyện sẽ đâu vào đó, tuy bây giờ chưa yêu, cưới xong sống với nhau rồi yêu nhau mấy hồi,.cưới trước yêu sau nhiều khi còn bền hơn là yêu trước cưới sau.

Lâm chán chường nói:

- Ông cứ làm như tôi giống một anh thi sĩ nào đó đã rên rỉ:

Rồi một mai em đi lấy chồng,
Anh về cưới vợ thế là xong.
Vợ anh không đẹp bằng em mấy.
Anh lấy cho anh đở lạnh lòng...

Bà Thái và Lan về tới, thì ra bà với Lan đi chợ, bà cười vui vẻ:

- Tùng ở lại ăn cơm với gia đình bác nghen, mày mà từ chối là tao giận luôn đó.

Trong bữa cơm tối, bà Thái vô đề ngay:

- Má chọn cho con một con bé "hết ý". Tên là Cúc.

Lan cười nói đùa:

- Hàng quí hiếm sắp tuyệt chủng rồi đó anh Lâm ơi.

Bà Thái lừ mắt:

- Nói bậy không hà, má hẹn với Cúc chiều mai tới chơi, con ở nhà tiếp chuyện cho lịch sự, đừng để má quê. Cô Cúc này là con của bà chủ tiệm tạp hóa ngoài chợ, học hết cấp ba, thi đại học nhưng không đâu, ở nhà phụ với má cổ trong coi tiệm tạp hóa, hai chị gái với ông anh trai có gia đình rồi, nhà còn lại Cúc với cậu em trai đang học đại học, gia đình đạo đức đàng hoàng lắm. Cô Cúc thua con ba tuổi, lý tưởng quá rồi.

Lâm cười khi nghe bà Thái hào hứng kể về Cúc, nhưng anh có vẻ lưỡng lự:

- Sao gấp dữ vậy má? con mời về nhà mà. má cho con nghỉ xã hơi một thời gian đã.

Tùng nói theo bà Thái:

- Bác gái nói đúng quá rồi, ông mà cứ "cà chớn" như thế này là không bao giờ thoát ra được môi "sầu vạn cổ" đâu.

Bà Thái nghiêm mặt:

- Con phải giữ lời hứa với mà trước khi mày đi công tác lần đó. Má không đùa đâu. một là nghe má, hai là tao giao nhà này cho mày, tao đi.

Thấy má có vẻ giận thật sự, anh vồi vàng:

- Thôi mà, con nghe theo lời má, chiều mai con sẽ rất lịch sự với cô Cúc.

Bà Thái cười, cái thằng con lãng tử, cừng đầu cứng cổ của bà; sao mà bà thương nó quá, phải chăng vì nó giống thằng cha nó y hệt.

Chiều nay Lâm cố ý đi làm về trể hơn mọi ngày, không hiểu sao anh ngại ngùng khi nghĩ đến

chuyện gặp gỡ với cô Cúc, người con gái mà má anh chọn cho anh, người con gái mà má anh luôn miệng khen nức nở, người con gái mà Lan chầm điểm là "hàng quí hiếm sắp tuyệt chủng". Nhưng dù sao, dù cố ý về trễ; nhưng về thì vẫn phải về, dù muốn tránh gặp Cúc nhưng vẫn phải gặp cho má anh vui lòng.

Khi Lâm về tới nhà thì trời sắp tắt nắng, má anh đón anh từ ngoài cổng, bà trách:

- Con cố tình "chơi" má phải không? Con Cúc cứ đòi về hoài.

Lâm nói dối:

- Xe con bị bể bánh má má.

Anh dắt xe vào nhà, Cúc đang ngồi gọt xoài, cô đứng lên chào anh, đôi má ửng hồng vì mắc cỡ. Lâm mĩm cươi gật đầu chào lại. anh lên tiếng trước

- Cúc ngồi chơi, Lan đâu không gọt xoài mà để chị Cúc phải gọt?

Lan nói vọng ra từ sau bếp:

- Em đang nấu cơm.

Bà Thái tươi cười:

- Cúc đưa bác làm cho, con cứ nói chuyện với anh Lâm.

Rồi bà bưng dĩa xoài gọt dỡ dang ra sau bếp.

Biết nói gì đây với lần gặp mặt đầu tiên này? Một vài câu thăm hỏi khách sáo, một đôi câu trả lời ngắn gọn. Cúc có khuôn mặt hơi tròn tròn, chưa hẳn được xếp vào"khuôn trăng đầy đặn" nhưng nói chung thì cũng khá xinh xắn, đôn hậu, hiền lành, nước da trắng làm nổi bật đôi mắt đen lày với hai hàng lông mày cong một cách tự nhiên, đôi môi phớt hồng, nhẹ nhàng thanh thoát. Nếu chấm điểm thì cũng được sáu trên mười!...

Đây có lẽ là lần đầu tiên Lâm gặp Cúc, thế nhưng Cúc không xa lạ gì với hình ảnh của Lâm, thật tình thì cô đã để ý đến anh từ lâu, từ cái ngày mà cô thấy bà Thái bước xuống xe honda của anh. Bà Thái là khách mua hàng tiệm tạp hóa của gia đình cô trong chợ từ lâu rôi, bà và cô có mối thân thiện hơn những người bạn hàng khác. Có một thời gian Cúc thấy Lâm thường xuyên chở bà đi chợ, rồi một thời gian dài lại không thấy, nhưng rồi sau đó lại thấy anh chở bà đi chợ.

Cúc không dối lòng mình rằng cô thích Lâm, trái tim cô thường rộn ràng xao xuyến mỗi khi thấy Lâm ngồi chờ má anh vô tiệm tạp hóa của cô mua hàng, anh có đôi mắt với cái nhìn xa vắng, đăm chiêu; hơi buồn buồn,, hai ngón tay hững hờ kẹp điếu thuốc, ở nơi anh có điều gì đó lôi cuốn Cúc, và cũng qua sự để ý thầm lặng ấy mà cô tỏ ra ân cần, dịu dàng với bà Thái mỗi lần bà đến mua hàng, sự ân cần dịu dàng của cô đã làm cho bà Thái có nhiều cảm tình, và thâm tâm bà đã"chấm" cô gái này cho con trai mình. Bà Thái không biết rằng khi Lâm đồng ý để "má chọn vợ cho con", trước ngày đi công tác vừa qua, đó là khoảng thời gian mà anh rất buồn, thời gian mà tiếng còi xe lửa cùng với tiếng xình xịch của những bánh xe sắt nghiến trên đường ray, rồi hình ảnh một sân ga nhỏ, một mùi hương luôn ám ảnh anh, xoáy buốt trái tim anh. Má anh rất mừng khi Lâm hứa nghe theo lới bà. Cúc là điểm ngắm của bà, bà chờ đợi ngày anh xong công tác, bà tưởng tượng ra cuộc gặp mặt cùa hai đứa, rồi một đám cưới thân mật nhưng linh đình diễn ra... chao ơi, vui quá chừng vui.

Lâm cảm thấy lòng mình dững dưng khi ngồi đối diện với Cúc, anh không hiểu tại sao? nhưng cần gì phải tìm hiểu tại sao? khi trái tim anh không chút xao động. Nói với nhau đôi ba câu không đâu vào đâu, hỏi thăm về nhau vài ba câu vu vơ khách sao, tự nhiên Lâm chỉ muốn ngáp, anh cố gắng cắn chặt hai hàm răng lại với nhau, dù sao cũng không được tỏ ra quá bất lịch sự trước mặt một cô gái. Có lẽ Cúc cảm nhận được sự buồn chán ở nơi Lâm , cô hơi buồn, không muốn kéo dài thời gian khó chịu cho cả hai người, cô đứng lên, nói vói vào trong:

- Thưa bác, con xin phép đi về.

Bà Thái đằng sau bếp vội chạy ra:

- Sao vậy con? còn sớm mà... ở chơi thêm chút nữa, Lâm à! con nói chuyện với Cúc đi chớ.

Cúc từ chối:

- Để lần sau bác à, con chào bác, chào anh em về.

Lâm đứng lên đưa Cúc ra cửa, hững hờ nói:

- Ừ !... thôi Cúc về.

Anh không cầm giử Cúc ở lại chơi như má anh, điều này làm cho cô buồn và tự ái lắm.

Lâm bị má la cho một trận tơi bời, anh cười nói đùa để làm nguôi bớt cơn nóng giận của má:

- Lần sau con sẽ nói chuyện với cổ nhiều hơn, mỗi lần sẽ lâu hơn... mười phút, chuyện gì cũng

phải từ từ, "dục tốc bất đạt" má ơi.

Lâm cố soi rọi lòng mình, anh muốn tìm xem trong mọi ngóc ngách của trái tim mình có thể dành một chỗ cho Cúc như sự mong muốn của má anh hay không? nhưng hình như chưa có. Mỗi lần Cúc đến, anh cũng ngồi nói chuyện này chuyện nọ với cô, nhưng không có chuyện gì cho ra hồn, nói xong là quên ngay, vừa hỏi xong câu hỏi là không nhớ mình đã hỏi gì, anh cảm thấy mình lẩm cẩm như một ông già. Anh không dám cho má biết là anh cũng đang "dòm ngang liếc dọc" để tìm phân nữa cùa mình, khổ nỗi anh ưa nhìn những cô gái mặc quần đùi thật ngắn để khoe đôi chân dài, áo thì hai dây khoe ngực... cô nào cũng giống nhau như từ mơy6 "lò" chui ra.

Chiều nay anh với Tùng đi uống cà phê sau khi tan sở, anh than với Tùng về "mối sầu vạn cổ" trong tâm hồn mình, Tùng cười nói đùa:

- Ông... hết thuốc chữa rồi, tôi đành bó tay chịu thua thôi.

Lâm thở dài:

- Tôi không biết mình còn yêu Vân hay đã hết? nhưng trong lòng tôi luôn nuối tiếc vì Vân không còn là hình ảnh của ngày xưa, uổng quá Tùng à, bây giờ mỗi lần bất chợt nghĩ đền Vân là trong đầu tôi lại hiện lên hình ảnh của một người đàn bà làng chài nhếch nhác, đen đúa, xác xơ..

Tùng đấm nhẹ vào vai Lâm:

- Quên chuyện ngày xưa đi, cứ coi như đó là môt câu chuyện cổ tích, sống với hiện tại tốt đẹp hơn nhiều, đừng có mà ôm mãi "mối sầu vạn cổ". mệt lắm.

Tùng nói đúng, tại sao anh cứ ôm mãi trong lòng một " mối sầu vạn cô", mà đó có phải là mối sầu vạn cổ hay không? hay chỉ là sự suy nghĩ viễn vông, mơ hồ, không chút thực tế?

Mấy ngày nay trời Sài Gòn chuyện mùa, sắp tới mùa mưa rồi, vì trời chuyễn mùa muốn mưa mà không mưa được, nên khí trời thật oi nồng nóng bức, mọi cơ xương khớp của bà Thái với sự chuyển mùa này ,đã làm bà bị đau nhức khắp tứ chi, suốt ngày bà thở than rên rỉ, suốt đêm bà thao thức trăn trở vì khí trời ngột ngạt,nồng nực, vì đôi chân nhức mõi rả rời. Bà hết đi ra than, đi vào rên, ngồi xuống thì lấy tay đầm hết chân này đến chân kia, chai dầu nóng luôn ở trong túi, ngồi đâu là bà lôi ra xoa xoa bóp bóp, người già thật khổ quá chừng, tuổi già nó làm cho thân xác bà tả tơi, tàn tác, tàn tạ, te tua. Bà kêu Lan đấm bóp chân tay cho mình nhưng cô nàng này ham nấu cháo điện thoại, nên chi "chẳng giống ai, chẳng nhờ được gí lắm, thiệt phát chán", còn thằng con trai bà thì giỏi lắm nó bóp chân cho bà chừng năm mười phút là ra sân ngồi hút thuốc. Ôi chao! con với cái.

Thỉnh thoảng Cúc đến thăm bà, mỗi lần như vậy cô đều mang theo ít trái cây, bánh ngọt làm quà, cô tới thăm vì thật tình cô rất mến bà, gặp lúc trời đất chuyễn mùa như thế này, Cúc thường kiên nhẫn ngồi xoa bóp chân tay cho bà Thái, đôi tay cô mềm mài nhưng sành điệu, vì thế đã đem lại cho bà sự dễ chịu, thoãi mái vô cùng. Bà luôn thầm mong, luôn cầu nguyện xin ơn trên cho con trai bà và cô gái này thành vợ thành chồng... bà cảm thấy bà thương Cúc quá chừng.

Chiều nay Lan tới đón Cúc, chở cô tới nhà thăm bà Thái, Lan nói với cô là bà bịnh mấy ngày nay rồi., Cúc thương bà thật tình, không phải thương bà vì con trai bà, mà chính là vì con người hiền lành, chân thật của bà. Cô vừa bóp chân cho bà, vừa kể chuyện linh tinh cho bà nghe, giọng nói nhỏ nhẹ cùng đôi tay dịu dàng của cô làm bà Thái lim dim mắt đi vào giấc ngủ. Cúc vẫn dịu dàng xoa bóp chân cho bà Thái, không biết cô đang mãi suy nghĩ điều gì trong đầu mà không nghe tiếng bước chân của Lâm trước cửa.

Lâm đứng khựng lại bên ngoài cửa sổ, anh nhìn vào phòng khách, thấy má anh đang nằm trên đi văng, hai chân bà gác lên đùi của Cúc, cô đang xoa bóp chân tay cho má anh, đầu cô hơi nghiêng xuống, mái tóc của cô được vén cao, cột lại gọn gàng lạm lộ ra cái cộ trắng ngần, đôi mắt cô nhìn bà Thái thật dịu dàng, cái nhìn ân cần đầy tình thương mến. đôi tay Cúc mềm mại xoa xoa bóp bóp. Nét mặt của má anh trong giấc ngủ trông có vẻ thư thái mãn nguyện. Bỗng dưng trái tim Lâm xao xuyến, hình ảnh này sao mà dễ thương quá, nét mặt Cúc sao mà hiền lành, xinh xắn đáng yêu quá, hẳn má anh rất hài lòng khi chọn Cúc cho anh, thế mà thời gian qua anh đã vô tâm hững hờ với cô. Ôi chao! đi đâu loanh quanh cho người mõi mệt, tìm đâu cho xa một nữa của mình? nó ở ngay bên cạnh anh đây mà. Tâm hồn Lâm bắt đầu bị sợi dây tơ lòng gảy nhẹ, tuy. tuy là nhẹ nhưng cũng đủ làm cho nó rung lên từng cung bậc, hình ảnh người con gái thùy mị đằm thắm, đoan trang đang xoa bóp đôi chân cho má anh, sao mà đẹp thế? Bây giờ Lâm mới nhận ra ở nơi Cúc là một sự bình yên mà một người ưa "lang bạt ký hồ" như anh đang rất cần phải có.

31 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Thế mà anh cứ mất công đi ngắm nghía tìm kiếm mấy cô chân dài hở ngực.

Cúc có cảm giác bị ai đó đang nhìn mình, cô ngẫng đầu lên và bắt gặp ánh mắt khác thường của Lâm, cô ngượng ngùng cúi đầu xuống tiếp túc xoa bóp đôi chân của bà Thái. Lâm bước vào nhà, hỏi một cách thân mật hơn những lúc trước:

- Má anh làm nũng với Cúc rồi, mỏi tay không? Để anh lấy nước Cúc uống.

Anh vô trong nhà rót ly nước từ tủ lạnh đem ra cho Cúc.

- Em uống cho mát, nghỉ tay để anh xoa bóp thay em.

Trời ơi!, trái tim Cúc đập mạnh như muốn bung ra khỏi lồng ngực, nó rộn ràng nhảy múa khi Lâm thay đổi cách nói chuyện, sao mà gần gủi dịu dàng thân yêu quá, cô không nói được một lời nào với anh. Bà Thái không ngủ say, chỉ là một giấc nghĩ ngơi thư giãn nên chi bà nghe hết những điều Lâm nói với Cúc, bà hơi hé mắt ra một chút để nhìn "hai đứa". Cám ơn ông trời chuyển mùa làm bà vật vã đau nhức, có như thế... Nhưng bà đâu biết, chiều nay con trai bà nhìn thấy nét đẹp trong tâm hồn Cúc toát ra bên ngoài làm xao động lòng anh. Người đàn ông khôn ngoan luôn mong muốn tìm kiếm một người vợ đem đến cho mình sự bình an trong cuộc sống. Không gì quí hớn là có má chồng có được người dâu hiếu thảo, con trai mình có một người vợ dịu hiền và sẽ là một người mẹ gương mẫu, chiều nay anh đã thấy những điều này ở nơi Cúc..

Lâm ân cần hỏi Cúc:

- Em đến đây bằng gì? sao không thấy xe của em?

Bà Thái ngồi bật dậy trả lời thay cho Cúc:

- Lúc chiều nhức chân quá, má sai con Lan qua nhà xin phép chở Cúc qua đây.

- Vậy chút nữa anh đưa Cúc về.

Anh không đưa Cúc về nhà ngay mà anh chở cô đi lòng vòng trên những con đường đẹp nhất Sài Gòn, sau đó anh đưa cô vào một quán nước, nơi anh và Tùng thường đến. Bây giờ thì những câu chuyện giữa hai người đầy màu sắc, đầy hoa và... nhiều thứ lắm.

Khi đưa Cúc về tới nhà cô, anh hỏi:

- Chiều mai thứ bảy, anh đón em đi lòng vòng nữa nghen?

Cúc hơi lưỡng lự đôi chút, nhưng sau đó thì cô đồng ý.

Bà Thái vui lắm, bà hỏi đùa con trai:

- Thằng lãng tử chở con gái tôi đi đâu mà lâu quá vậy?

Lâm cười, trả lời cũng bằng một câu nói đùa:

- Chở con dâu má đi "mỗ xẻ tâm tình". Tụi con hẹn nhau chiều mai đi chơi tiếp, má biểu con Lan xoa bóp chân cho má, con đưa Cúc đi lòng vòng "mổ xẽ tâm tình" tiếp.

Chiều nay thứ bảy, chiều thứ bảy hẹn hò mà ông trời lại trút xuống thành phố Sài Gòn một cơn mưa quá xá lớn, thế nhưng Lâm cũng gồng mình chạy xe tới nhà Cúc,. Hình như hai " bà má" có nói gì với nhau trước hay sao mà ba má Cúc đón tiếp Lâm thật nồng hậu, ân cần. Mãi cho đến khi trời tối, mưa mới tạnh. Lâm tạm biệt ra về với lời hẹn sáng mai sẹ tới đón Cúc đi dự lễ ở Dòng Chúa Cứu Thế, sau đó thì đi ăn sáng, đi uống cà phê... Cúc là một cô gái ngoan đạo, thêm một điều đáng quí ở nơi cô... Trên đường về nhà, Lâm cảm thấy tấm hồn mình choán ngợp niềm vui, anh không còn nhớ đến nỗi "sầu vạn cổ" của mình nữa. Anh gọi điện thoại cho Tùng:

- Alô, này bạn, từ bây giờ để dành tiền đi nghe.

- Chi vậy?

- Hà hà... thì để mừng đàm cưới tôi chớ chi.

- Hả? cưới ai?

- Cúc!

- Ô là la... xin chúc mừng sự khôn ngoan của ông.

Lâm kể hết cho Cúc nghe những gì đã đến với anh, những cuộc tình nông nổi, một cô gái gặp ở sân ga nhỏ, và.. anh định kể thêm nữa nhưng kịp dừng lại, vì trông Cúc có vẻ ngây thơ, ngơ ngác khi nghe những điều anh kể. Lâm thành thật nói:

- Má anh chọn em cho anh, anh đồng ý với sự chọn lựa của má vì em là một cô gái thật tuyệt vời. Còn em? em có chấp nhận anh hay không? con người anh có đáng ghét không>? đáng chê không?

Cúc mĩm cười, trả lời rất khiêm nhường, dễ thương:

- Nhân bất thập toàn mà anh, em cũng có những tánh xấu mà anh chưa nhìn ra, em không hẳn là tuyệt vời như anh nghĩ đâu, chỉ sợ sau này anh lại thất vọng về em.

Lâm đưa tay qua, nắm lấy tay Cúc bóp nhè nhẹ:

- Có nghĩa là em cũng đồng ý với sự xếp đặt của " hai bà cụ"? Cám ơn em vì em đã chấp nhận anh, cám ơn em vì em đã không chê anh...

Hai người ra về, tâm hồn họ đều xao xuyến, bâng khuâng như nhau, bây giờ thì trái tim của họ đang củng đập chung một nhịp. Riêng Lâm thì đang "say tình ngây ngây", lòng không còn nghĩ gì đến một" mối sầu vạn cổ" nữa

Nhìn nét mặt tươi rói của "hai con trẻ". bà Thái biết` mình đã thành công trong việc chọn vợ cho con, bà nghĩ tới một đám cưới từ nhà thờ ra đến nhà hàng mà sung sướng quá đỗi, bà vội vàng "alo" cho má Cúc để báo tin vui.

Trong chuyện này có đến bốn người có cùng môt niềm vui: Hai bà má và... đôi trẻ!

HỒ THỦY



thơ

DUNG THỊ VÂN

HƯƠNG HOA PHƯỢNG ĐỎ

Em còn nhớ màu hoàng hôn mùa đã mất
Anh chờ em vụng dại một lời yêu
Em khép nép tình yêu anh chợt đến
Đường em về hoa cỏ vẽ hình anh

Em đã trốn tình yêu đầu anh ban tặng
Hương xưa ơi thầm lặng đến bây giờ
Ngày xưa ấy trên bước đường khổ lụy
Anh âm thầm mang nặng một tình ca

Anh cho em ánh mắt nhàu nắng úa
Mùa hạ buồn còn lại những vòng xoay
Tuôi hai mươi - xanh vết buồn trăng ngày khuyết
Nắng hạ về hương hoa phượng đỏ.. trời ơi!..

DUNG THỊ VÂN



BÀ CHỦ

truyện ngắn

HOÀNG THÁP

Bà là chủ của một tòa biệt thự sang trọng nằm ở trung tâm thành phố biển xinh đẹp. Tên bà là Đỗ Hoàng Bảo Ngân nhưng mọi người thường chỉ gọi là "Bảo Ngân". Đang ở tuổi 38, nhiều người nhìn đoán bà chỉ tuổi U30. Bà có vẻ đẹp lạnh lùng, quyến rũ. Đàn ông ngắm bà đều thèm khát nhưng không ai dám chạm đến bà. Chồng bà là Trần Đại - Giám đốc Công ti Bất động sản Ngôi nhà thời đại. Ông ta rất tài trong việc nhìn nhận, đánh giá xu hướng thời cuộc để xoay chuyển, buôn bán kinh doanh luôn có lợi nhuận cao. Ông hay dành thời gian sau khi làm việc đi tìm cảm giác khoái lạc trên thân thể đàn bà lạ.

Ông bà chủ đẻ một lần sinh đôi hai người con, một gái, một trai. Đứa con gái ra trước được gọi là chị, có tên cha mẹ đặt là: Trần Hoàng Bảo Yến, do có năng khiếu âm nhạc, say mê ca hát, được ông bà chủ đầu tư cho học ở nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh. Đứa con trai ra sau, là em, được bố mẹ đặt tên là Trần Đức. Hiện tại, Trần Đức đang sống và học ở Canađa nhờ sự giúp đỡ, che chở của vợ chồng người em gái ruột Bảo Ngân là Đỗ Hoàng Bảo Giang. Theo nhìn nhận của ông bà chủ, cho con học tại Canađa có môi trường tốt hơn nên hai vợ chồng cho nó sang đó học từ năm nó mới 12 tuổi.

Từ ngày Đức đi học, tòa biệt thực chỉ còn ba người ở. Hai vợ chồng ông chủ và một người phụ nữ giúp việc gia đình. Hai đứa con sinh đôi đã 16 tuổi nhưng ông bà chủ không sinh thêm, cốt

sao chăm sóc cho hai đứa con học thành người tử tế, có kiến thức, trình độ là hạnh phúc rồi. Ông chủ ngày ngày say sưa công việc buôn bán, kinh doanh, thời gian rảnh rỗi giao lưu cùng bạn bè, đối tác và đi tìm cảm giác mới của tình ái, thường thì tối muộn mới về nhà. Bà chủ không hài lòng nhưng vẫn phải chấp nhận. Mọi việc trong nhà từ lau chùi, quét dọn, giặt giũ, cơm nước đã có người giúp việc đảm nhiệm, bà chủ chỉ việc lo trang điểm, chăm sóc cho bản thân, cốt sao giữ dáng vẻ xinh đẹp và vị thơm ngon từ thân thể để luôn hấp dẫn, quyến rũ được ông chủ tài ba, giàu có và háo sắc. Bà chủ biết chồng có tính trăng hoa nhưng không có cách nào giữ được, không thể đi đánh ghen. Có lần khi ân ái với chồng, bà chủ đã nhẹ nhàng khuyên giải:

- Anh đi ra ngoài quan hệ làm ăn cũng khó tránh việc con gái môi chài, trêu ghẹo, rồi hiến thân. Em không thể theo anh, giữ anh được. Chỉ mong anh, xin anh hãy kín đáo, giữ thể diện cho em và gia đình, không để hậu quả xảy ra, đừng để lây bệnh rồi đổ bệnh cho em!

Ông chủ cảm động, nhận thấy vợ mình đang nói những lời lẽ chân thành, giọng nói vọng ra từ con tim khổ đau, hờn dỗi và cam chịu thiệt thòi. Ôm vợ vào lòng, ông ta bảo:

- Em yêu, hãy nghe anh nói, phút trăng hoa với phụ nữ ngoài vợ rất hiếm hoi và nếu có chỉ là chốc lát giải quyết sinh lí, sau lại quên thôi. Tình yêu đích thực là sự hòa hợp hai tâm hồn, biết thương yêu nhau, sống cho nhau, vì nhau. Tình yêu như vậy anh chỉ giành cho em. Hãy tin anh, anh sẽ yêu em đến trọn đời, cùng em chăm sóc con cái thành người. Anh cố gắng giành nhiều thời gian cho em hơn.

Rồi ông chủ hôn trên đôi môi bà chủ. Bà chủ sung sướng đón nhận một nụ hôn nồng cháy như thuở ban đầu họ hôn nhau. Những đêm hạnh phúc của ông bà chủ như thế qua đi rồi lặp lại như sự vận động tự nhiên của thời gian.

Bầu trời, mặt đất hết tối rồi lại sáng. Ông chủ đi làm, bà chủ thường ngồi một mình suy ngẫm. So với bạn bè cùng trang lứa, bà chẳng thiếu thứ gì. Bà có chồng tài giỏi, giàu có, có con trai, con gái đang được học ở những nơi hứa hẹn tương lai tốt đẹp. Bà có nhà cao, cửa rộng đầy đủ tiện nghi, có người giúp việc để bà sai bảo họ làm những khi bà cần. Bà còn muốn gì? Chỉ có bà mới biết. Bà còn đang thiếu bàn tay ve vuốt, mơn trớn của đàn ông và hơi ấm tỏa ra từ đàn ông. Bà thèm khát có người đàn ông ôm ấp. Những thứ bà chủ cần, ông chủ không lo đủ. Bà biết ông hào phóng trăng hoa ở bên ngoài. Tìm người đàn ông khác có lỗi với chồng không nhỉ? Về đạo lý vợ chồng, như vậy là có lỗi, là không nên, là không thể. Nhưng hình như xã hội càng hiện đại, con người có phần thay đổi khác. Những người đàn ông như chồng bà bỏ vợ ở nhà đi săn tìm tình ái ở bên ngoài có phần ngày càng một nhiều lên thì phải. Cái đó đã gợi ý cho bà việc đi tìm cái thiếu cho mình. Bà tự nhủ thầm: Phải tuyệt đối giữ kín việc này để giữ danh dự cho chồng và cho bản thân mình. Nghĩ phải tự đi tìm cái mình cần, bà thấy xấu hổ và buồn tủi.

Buổi sáng thứ năm, bà chủ đi xe máy tới ngã ba phố Mới, nơi tập trung những người rảnh rỗi muốn có việc làm để có tiền thu nhập, trang trải cho cuộc sống hàng ngày. Dưới tán cây bàng cạnh một cột điện đường, bà chủ thấy hơn chục người chờ việc làm. Có nam, có nữ, người ngồi, người đứng, vài người đang nói chuyện với nhau. Trong số những người chờ việc làm, bà chủ để ý một người đàn ông còn trẻ vừa đến vẫn đang đứng nhìn ngắm xung quanh. Đó là người đàn ông

dong dỏng cao, cân đối, khỏe mạnh, khuôn mặt thanh tú, đôi mắt sáng long lanh.

Bà chủ đến trước người đàn ông trẻ tuổi. Anh ta bước về phía bà, niềm nở hỏi:

- Chào chị, chị cần người làm ạ! Em có thể làm giúp chị được không?

- Rất tốt! Cậu có xe máy chứ?

- Vâng! Em có ạ!

- Cậu đi theo tôi nhé! Nhà tôi cách đây khoảng hai cây số.

- Vâng, chị đi trước để em theo!

Tới nhà, bà chủ dừng xe, bấm chuông cổng. Chị giúp việc nhanh nhẹn ra mở khóa, chờ bà chủ cùng người khách vào nhà, chị quay ra khóa cổng. Con chó bec-giê lông màu vàng phát hiện có người lạ gầm gừ sủa mấy tiếng gâu gâu. Bà chủ giơ tay bảo "thôi!", nó ngoan ngoãn nghe theo, vẫy đuôi đứng nhìn khách chuyện trò với bà chủ. Vào trong phòng khách ở tầng một, bà chủ vui vẻ mời:

- Cậu ngồi đi, chị pha nước uống!

- Không cần pha nước đâu, nếu khát em chỉ uống nước lọc thôi.

- Tưởng thanh niên các cậu thích uống nước chè, chứ chị cũng uống nước lọc hàng ngày.

- Chị xem cần làm việc gì, chỉ cho em biết để em làm.

- Được rồi... chị nói ngay đây! Chị cần thay một bóng đèn tuýp trên tầng hai. Sau đó cậu thông, sửa bồn rửa mặt trong phòng tắm cũng ở trên tầng hai. Chị đã bảo người giúp việc đi mua bóng điện. Trong lúc chờ..., chị em mình nói chuyện, giới thiệu về nhau đi. Biết đâu sau này chị còn nhờ đến cậu giúp việc khi cần đấy. Cậu tên gì, làm việc ở đâu? Muốn gặp cậu thì tìm bằng cách nào?

- Em tên là Thịnh, đang học năm thứ ba trường Đại học Bách khoa. Quê em ở Thái Bình. Bọn em chung nhau thuê nhà trọ. Nhà em nghèo lắm. Ngoài thời gian học, có ai cần đến, chúng em đi làm để đỡ phần nào khó khăn cho gia đình. Nếu khi nào chị cần, chị cứ điện cho em. Số điện em là 0918.086.xxx.

- Chị ghi xong rồi. Cám ơn cậu!

Bà chủ thoáng nghĩ số điện thoại này chỉ ghi riêng vào sổ. Số ở máy chỉ gọi xong là lại xóa đi ngay. Vừa lúc chị giúp việc mua bóng điện về, Thịnh nhanh nhẹn đứng lên cầm bóng điện. Bà chủ chỉ chỗ để chiếc thang gấp, Thịnh vội vã đi lấy thang vác lên tầng hai thay bóng điện. Công việc chỉ mất 15 phút. Thịnh tiếp tục mang dụng cụ vào nhà tắm sửa ống dẫn nước, tháo bồn rửa mặt, lau chùi vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra xả nước vào bồn tới đâu, nước thoát hết tới đó, xong xuôi công

việc mất gần hai giờ. Thịnh rửa tay xong quay ra hỏi bà chủ:

- Em đã làm xong hai việc chị bảo, còn việc gì nữa không chị?

- Hôm nay như vậy là tốt rồi! Cậu vào phòng khách uống nước, chị thanh toán.

Bà chủ ngồi vào ghế đối diện với Thịnh. Họ nhìn nhau với ánh mắt ngập ngừng.

- Vâng em uống nước rồi, chị thanh toán ạ! Em xin chị 200 nghìn tiền công lao động.

- 200? Thiệt cho cậu đấy! Cậu làm nhanh, làm tốt, chị thưởng thêm cho cậu!

Bà chủ nhẹ nhàng đưa cho Thịnh tờ tiền 500 nghìn đồng, nói với Thịnh "cậu không phải trả lại!". Thịnh e ngại không dám cầm. Bà chủ ấn tiền vào bàn tay Thịnh. Như có luồng điện phát ra từ hai bàn tay chạm vào nhau, cả hai cảm nhận thấy sự xao động, khác lạ trong lòng. Hai người như muốn nói với nhau, nhưng lại không ai nói gì. Thịnh cầm tiền, cám ơn, đứng dậy chào bà chủ ra về. Bà chủ đáp lại lời chào, đứng nhìn Thịnh ra khỏi cổng, khuất vào góc phố.

Thịnh về nhà trọ, đêm nằm trằn trọc không ngủ, nghĩ lại việc sửa điện, nước thuê cho nhà bà chủ trẻ ban ngày. Thịnh không giải thích được vì sao bà chủ rộng rãi với người làm thuê như vậy. Hai giờ làm việc thông thường, mọi nhà khác Thịnh chỉ dám nghĩ tới tiền công 200 nghìn đối với công việc khó. Việc nhẹ nhàng, giản đơn thì lấy tiền công giảm đi. Phải chăng... bà chủ thương mình nghèo cho thêm. Ngồi ở bàn uống nước, mỗi khi ngước mặt nhìn bà chủ, Thịnh lại bắt gặp ánh mắt âu yếm của bà chủ nhìn mình. Thịnh cảm thấy bối rối phải cúi mặt nhìn xuống bàn hoặc nhìn đi chỗ khác. Thịnh cho rằng chắc ông chủ phải là một người đàn ông đẹp trai, có đức, nhiều tài mới lấy được bà chủ xinh đẹp, quyến rũ thế. Thịnh ước sau này, Thịnh sẽ tìm lấy một người phụ nữ làm vợ duyên dáng, đáng yêu như bà chủ. Thịnh tự nhủ mình chưa thành tài, chưa giàu có, mình phải phấn đấu, phải thành đạt mới có thể lấy được người vợ như mình mong muốn. Đêm ấy trong giấc ngủ, Thịnh mơ thấy bà chủ cười thật tươi vẫy gọi mình đến bên. Thịnh sung sướng mỉm cười trong giấc ngủ.

Cũng vào đêm ấy, bà chủ nằm thao thức trên chiếc giường gỗ quí trải đệm ga màu hồng trong tòa biệt thự rộng thênh thang. Bà cảm thấy mình thật bé nhỏ, cô đơn. Chồng bà đang đi tham quan du lịch ở nước ngoài, hai tuần lễ nữa mới về. Chẳng hiểu lúc này ông có nghĩ tới bà không hay đang giỡn đùa, mơn trớn với những người đàn bà trẻ đẹp nơi đất khách? Hai đứa con đi học cứ biền biệt vắng nhà. Con gái mỗi năm còn về thăm bố mẹ được vài lần. Con trai mỗi năm một lần về là hiếm. Người giúp việc khi làm hết phận sự thì vào phòng riêng nghỉ, có đêm thì xin phép về nhà, sáng hôm sau mới đến. Bà chủ lặng lẽ một mình trong đêm khuya thăm thẳm, thỉnh thoảng nghe từng tiếng chó sủa vu vơ. Bà chủ nhớ lại quá khứ với tất cả những gì bà không thể quên. Rồi bà nhớ tới người đàn ông sửa chữa điện, nước ban ngày, một sinh viên trẻ đẹp, có đôi mắt sáng trong, lễ phép nhìn bà với đôi môi dày tươi đỏ, ngon thơm khiến bà bất chợt ham muốn hương vị một nụ hôn. Đôi tay chàng thanh niên khỏe mạnh, có những ngón tay thon dài, nhẹ nhàng nâng, bê chiếc bồn rửa mặt đưa lên, hạ xuống. Bà chủ liên tưởng, thân thể bà ước muốn đôi tay đó ôm, bê. Cặp đùi người đàn ông tròn lẳn, bó chặt trong chiếc quần bò cũ đang phai màu

xanh. Bà chủ nằm ngửa trên giường, hai bàn tay bà mơn man lên da thịt của bà, tưởng tượng là người đàn ông đó. Bà tự hỏi anh ta có nhớ đến bà không? Sự đối xử tế nhị, ưu ái của bà, cách trang điểm và quần áo hợp mốt bà vận có để lại ấn tượng tốt đẹp nào đối với người đó không? Bà tin là có. Nhưng dù thế nào chăng nữa, bà cũng sẽ tìm cách chinh phục bằng được người đàn ông này. Phải người này mới có thể thỏa mãn cho bà, những gì bà đang thiếu, đang cần.

Một tuần sau, cũng vào sáng thứ năm, bà chủ nhắn tin: "Thịnh ơi, 19 giờ tối nay đến giúp Bảo Ngân một việc". Và tin trả lời: "Vâng, tối nay em đến. Em phải mang dụng cụ gì không ạ?". "Không mang gì cả. Nhớ đến nhé".

Thịnh phân vân lắm. Chẳng hiểu làm gì mà lại không phải mang theo dụng cụ. Mình cứ đến, rồi tùy cơ ứng biến. Ăn vội bát cơm với thằng bạn cùng phòng rồi tắm rửa, mặc bộ đồ lao động được giặt, là cẩn thận, đến hẹn, Thịnh bấm chuông cổng nhà bà chủ. Thịnh không thấy người giúp việc mở cổng như lần trước mà từ trong nhà, bà chủ cười thật tươi mở cổng đón Thịnh vào. Thịnh chào và đi theo bà chủ tới bàn uống nước ở phòng khách tầng một. Con chó bec-giê lông màu vàng không thấy sủa. Có lẽ bà chủ đã nhốt nó.

Ngồi đối diện với bà chủ bên bàn uống nước, Thịnh thấy bà chủ như trẻ đẹp hơn lần trước. Bà chủ nhìn Thịnh, đôi mắt long lanh, chiếc mũi thanh tú chỉ xuống đôi môi mọng đỏ, thỉnh thoảng mỉm cười hiện ra những chiếc răng nhỏ trắng đều đặn. Bà chủ mặc chiếc áo màu vàng nhẹ, mỏng manh không che hết bộ ngực căng tròn, chiếc váy cộc màu đen làm nổi bật lên đôi chân thon dài, trắng mịn. Bà chủ rót rượu mời Thịnh.

- Em uống với chị một li rượu vang, xong sẽ bàn công việc. Nào, mời em!

- Vâng, em xin chị!

Thịnh đón li rượu. Hai người cụng li rồi uống cạn. Khẽ đặt li xuống bàn, Thịnh hỏi:

- Chị cần em làm việc gì hở chị?

- Cứ từ từ... Việc gì em cũng làm giúp chứ?

- Vâng! Nếu việc đó em có thể làm được!

Bà chủ rót hai li rượu đầy, hạ giọng:

- Chồng chị đi tham quan nước ngoài. Con chị ở xa. Người ở thì về quê. Chỉ mình chị ở nhà... buồn quá...! Chị mời em đến uống rượu cho vui... Chị sẽ trả công em nhiều hơn trước. Nếu em làm... chị sẽ thưởng cho em. Uống hết li này đã! Nào... chàng trai yêu quí! Chúc hai ta có buổi tối thật vui!

Hai li chạm nhau rồi dốc cạn.

Những lời bà chủ tan cùng rượu ngấm vào cơ thể Thịnh đã làm Thịnh sau thoáng bối rối thì rạo rực. Thịnh nhìn Bảo Ngân ngồi đối diện, cặp mắt ướt mở to như xoáy vào người Thịnh làm

Thịnh nhớ lại giấc mơ bà chủ cũng đã nhìn như thế tươi cười vẫy tay gọi Thịnh đến bên mình. Thịnh đờ đẫn cả người rồi ấp úng:

- Chị... bảo em... công việc... phải làm đi!

- Ừ! Cậu đi với chị lên tầng trên!

Bà chủ đi trước, Thịnh theo sau. Đang lên cầu thang, bà chủ đột ngột dừng lại khiến mặt Thịnh vập vào tấm lưng thon trắng nõn thoang thoảng mùi hương thơm quyến rũ của bà.

Đến bên giường ngủ trải ga màu hồng nhạt, bà chủ quay lại, giọng thì thào:

- Đêm nay... ở lại đây với chị... Chị ngủ một mình... sợ lắm...! Chị cần em... chị yêu em... Thịnh ơ...ơ.... ơi...!

Âm thanh phát ra từ hai lồng ngực hổn hển. Bảo Ngân ôm Thịnh ngả xuống giường.

Thịnh tỉnh giấc. Chuông đồng hồ báo thức điểm 6 giờ. Thịnh mơ hồ nhớ lại tất cả những gì diễn ra trong đêm qua và chợt nhớ sắp đến giờ đi học. Bà chủ dụi mắt, quay sang ôm lấy Thịnh, hôn lên má, lên môi, lên ngực Thịnh. Thịnh ngồi dậy. Vẫn để thân hình không mảnh vải che, bà chủ rời giường, mở tủ rút ra một tệp tiền, cho vào túi quần Thịnh rồi lại ôm Thịnh ngả xuống giường:

- Thịnh tốt lắm! Thịnh giỏi lắm! Ngân vừa gửi quà cho Thịnh đấy! Đừng đi làm thuê cho ai nhé! Học xong lại đến với Ngân nhé! Khi nào Ngân gọi, Thịnh đến nhé!

Bà chủ mở cổng. Thịnh lên xe máy để về trường.

Bà chủ đóng cổng, trở lại giường nằm. Hồi tưởng lại cuộc tình vụng trộm đêm qua, bà chủ thấy vui nhưng lại thoảng nỗi buồn vì tự nhận ra mình có lỗi với chồng. Sau ngày cưới nổi đình nổi đám đất Hà thành, khoảng 10 năm đầu chung sống với chồng mình, Bảo Ngân thấy mình thật hạnh phúc. Người chồng dành cho mình tất cả những gì yêu thương, tôn trọng nhất. Nhưng nay thì khác. Có phải cảnh sống của mình giống như người ta nói... "gia đình là mồ chôn tình yêu"? Tiền nhiều mà làm gì nếu những con người chung sống với nhau không có tình, giả dối. Sa vào cảnh ngoại tình, người có lỗi trước tiên không phải là mình mà chính là chồng mình. Tại chồng mình trước. Vì người "ăn chả" nên mình mới "ăn nem" cho hả giận.

Bà chủ mong ước một ngày nào đó chồng bà nghĩ lại không đi tìm tình ái với những người đàn bà khác mà dành tình yêu thương cho bà, chắc hẳn bà sẽ không nghĩ tới việc tìm người đàn ông khác cho mình. Rồi từ đó hai vợ chồng bà sẽ sống hạnh phúc, đằm thắm bên nhau mãi mãi.

HOÀNG THÁP

39 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



GÓC LÀNG

PHÙNG PHƯƠNG QÚY

Hồi tàu Pháp ngoài sông Lô câu mooc-chê vào, đạn nổ gần, phạt đứt một cành lớn. Năm bốn sáu, làng "tiêu hủy kháng chiến", lửa lan ra cháy một góc cội cái. Hòa bình được mấy năm, cụ đa hồi sức, cành lá xum xuê. Ai ngờ năm sáu bảy, bom giặc trên trời lại ném xuống, cả tám cội đều trúng mảnh, máu chảy trắng đất, cành lá tan hoang. Mấy chục năm nay, tưởng cụ được yên thân che chở cho dân làng...Con đường sắp chạy qua đây gọi là cao tốc, cao tiếc gì ấy, rộng lắm. Nghe đâu họ chặt bỏ cụ đa đi. Phí quá! Đau lòng quá".

(Lời bà nội tôi)

I.

Tôi chả có việc gì để làm, cũng chẳng ngủ được. Trưa tháng sáu oi bức, nắng đông đặc xuống sân, không một tí tẹo gió. Đám rôm sảy sau lưng cắn rấm rứt, nhoi nhói Dưới cái áo cứng quèo bằng vải nâu nhuộm. Cởi tung hàng cúc, thật nhẹ nhàng tôi rút tay ra, cố không để làn vải cứng chạm vào da. Ngồi bệt xuống, tôi ấn mạnh lưng vào tường nhà, đám rôm sảy như dề cơm cháy cắn vào da thịt, đau nhói, vỡ rôm rốp. Lưng tôi rát rạt, nóng bỏng. Chạy ù ra giếng, chiếc gàu mo cau lật qua, lật lại không chịu chìm xuống nước. Đéo bầm mày! Ông thì chặt nát ra bây giờ. Cuối cùng tôi phải kéo cái gầu mo lên, lôi mẩu gỗ buộc cạnh gầu từ trong ra bên ngoài. Vì cầu mo cau rất nhẹ, khó múc nước, bố tôi buộc mẩu gỗ ổi một bên cho có sức nặng, kéo nghiêng gầu để nước tràn vào. Năm tôi mười hai tuổi, nếu hỏi mơ ước điều gì, tôi sẽ nói ngay là muốn có cái gầu múc nước bằng sắt tây như bên nhà chú Hùng lái xe, sau đó mới đến có một bộ quần áo bằng vải xanh chéo để đi học. Năm nay mười bốn rồi, tôi biết không thể mơ ước hão. Hôm nào tôi sẽ sang nhà chú Hùng, học gò thùng. Tôi sẽ kiếm một miếng sắt tây và tự làm một chiếc gầu thật to.

Làng tôi là làng Nà Rậm. Núi đồi trung du, đào giếng khơi không dưới mười mét. Có nhà ở trên đồi, giếng nước sâu gần hai chục mét, từ trên ngó xuống hun hút, chóng mặt. Trước kia, mỗi xóm có cái giếng chung đào ngay ven đồi, sát mương nước, nên cũng chỉ sâu hai, ba mét. Đầu những năm thập kỉ sáu mươi, dân làng chán cảnh chen nhau gánh nước, kèo kẽo trèo dốc về nhà, nên mới có phong trào đào giếng. Nghề đào giếng ẩn chứa nhiều nguy hiểm, lát nữa tôi sẽ kể. Bây giờ làm sao múc cho được hai gầu nước, đổ ào lên đầu cho dịu đi cái rát bỏng rôm sảy. Bà nội tôi ngồi dưới gốc mít già, ngay dưới cành lớn giống con trăn khổng lồ bò từ vườn vào chớm đầu nhà trắng mốc lá cọ rách. Tôi không hiểu tại sao bà cứ tham việc khi đã tám mươi tuổi. Buổi sáng không biết bà dậy từ lúc nào, nhưng khi tôi từ trên giường nhảy xuống đất, cầm chim chạy ra đầu hè đái vồng xuống, thì bà đã ngồi dựa lưng cột hè, nhai trầu bỏm bẻm, quát the thé.

- Mèo! Cái thằng chết tròng! Mai còn đái đầu nhà, bà thì cắt bòi.

Bà nội hay rủa tôi là thằng chết tròng (chết đuối), nhưng bà yêu tôi lắm. Bà bảo càng rủa chết, người ta càng sông lâu. Bà không ngủ trưa bao giờ, mang chiếc chổi rơm ra ngồi dưới gốc mít, làm cái gì đó. Khi thì băm thúng rau *bài ngài* nấu cám lợn, khi lôi đám cành rong tre về chặt kí cách, khi ôm mớ cây sắn ra róc vỏ phơi làm củi. Bà tôi không ngồi ghế, cũng không ngồi bệt xuống đất như tôi. Bà chọn rơm nếp, chuốt sợi vàng tết chổi quét nhà, bao giờ cũng chừa lại một chiếc làm ghế ngồi. Nhìn chiếc chổi của bà, buồn cười. Nó bẹp dí, từng cọng rơm dính bết, nhẵn bóng. Thấy tôi bùm bũm ngoài giếng, bà nhổ quyết trầu, mắng lúng búng.

- Mèo ơi! Vày nước vừa thôi. Cảm chết con ạ.
- Sảy cắn ngứa lắm bà ạ!
- Mang vào đây bà xem xem!

Tôi chìa cái lưng cơm cháy ra. Bàn tay bà lạnh ngắt, khô quắt làm tôi rùng mình. Bàn tay

khô xoa nhè nhẹ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Hơi trầu nồng cay phả sau gáy tôi.

- Cha bố mày! Tọng mít, dứa cho lắm vào.

- Nhưng mà đói!

- Đói thì bào bà luộc hột mít cho mà ăn chứ.

- Chả thèm! Ăn hột mít, rắm bum bủm suốt ngày.

- Cha bố mày! Con nhà lính, tính nhà quan. Thôi! Chạy ù sang nhà mọ Bích, xin nắm lá nhội, về bà xát lưng cho đỡ sảy.

Bố tôi nằm trên tấm phản gỗ giữa nhà, phành phạch cái quạt cọ, ngái ngủ hỏi tôi chạy đi đâu giữa trưa nắng.

- Bà bảo...

Miệng mới nói, chân đã nhót ra ngoài ngõ. Đoạn đường trước ngõ ngập cát đến mắt cá chân, nóng rãy, những chiếc lá tre quăn queo giống con đỉa chết khô, lay lắt chìm nổi trong cát. Tôi cắm đầu chạy. Bố không cho tôi chạy chơi rông buổi trưa. Tôi khoái ra tập bơi ở ao cá Hợp tác xã, hoặc trèo lên cây đa tám cội tìm tổ chim và hái quả chín. Những quả đa đỏ mọng, to bằng quả xoan, ăn chát và có vị ngọt. Tôi tranh ăn với lũ chim chào mào. Bọn chào mào mũ đen nhọn hoắt, lông đít đỏ choét thường bay chuyền từ cành này qua cành kia, láu táu với nhau nhiều chuyện, chắc là chửi tôi giành ăn.

Nhà mọ Bích gần cây đa tám cội. Tôi chẳng tội gì mà vào xin lá nhội ngay, nếu chưa trèo cây chơi một trận đã đời. Nói thật, thì tôi ghét mọ Bích, cũng trạc tuổi bà nội, nhưng bà này lắm điều, lại chua ngoa. Cái mặt choắt, mắt sâu hoắm nhìn thô lố, mũi nhọn, cằm nhọn, trông chẳng khác gì mụ phù thủy. Một lần trời mưa, tôi và thằng Dũng cột trâu dưới gốc đa, chui vào vườn mọ Bích trộm bưởi. Chiều ấy, hai thằng chăn trâu được nghe mụ phù thủy chửi tàn độc. "Cha tiên nhân dây mơ rễ má, thúc bá, đệ huynh, tam huỳnh, tổ khảo nhà mày nhá. Nhà mày ba đời chết đói, bảy kiếp ăn xin, chín họ ăn cắp nhá. Bưởi nhà bà là vàng là ngọc, là rồng là phượng, mày đem về nó hóa thành đá thánh cứt, thành rắn thành rít, cắn chết vợ chồng con cái nhà mày nhá. Mày ăn bưởi của bà, nó rách cổ, nổ hầu thành trăm mảnh, nghìn mảnh nhá". Thằng Dũng tức quá, bảo tôi giữ trâu, rồi nó nhặt một nắm đá, nghiến răng ném ào ào lên mái nhà mọ Bích. Việc làm của nó khác nào "lạy ông tôi ở bụi này". Bà mọ Bích xăm xăm cây gậy sang tìm tới nhà thằng Dũng và nhà tôi. Bố thằng Dũng bênh con, nói. " Kệ xác bà già lắm điều. Có quả bưởi chua mà moi móc ba đời, bốn họ người ta ra chửi". Bố tôi sẵn bó cây sắn bà nội đang róc củi, vớ một cây vụt vào đít tôi vô hồi kỳ trận. "Mày có chừa không hả Cu? Ăn trộm quen tay, ngủ ngày quen mắt. Tao đánh tuốt xác mày ra". Bà nội giằng cây củi, loạng choạng suýt ngã.

- Mèo! Quân vũ phu! Đánh con thế hử!

Bố vội buông cây củi, đỡ lấy bà.

- Ngã bây giờ! Mọ cứ nuông chiều quá, nó sinh hư.

Nghĩ đến trận đòn, tôi lại thấy ghét mọ Bích. Chẳng thèm vào nhà mọ ấy nữa. Sảy cắn mấy hôm cũng hết chứ gì. Trước mắt tôi đã xuất hiện cây đa tám cội. Cây đa nhiều tuổi hơn tất cả các cụ già trong làng. Nằm cạnh con đường đất sỏi, cội chính mọc gần sát đường, bốn cội nhỏ hơn choãi ra đằng sau, ba cội lớn hơn một tí thì vòng qua đường, chống ba chân trên dộc ruộng phía dưới, tạo thành cái cổng chào tự nhiên. Trong xóm mỗi đợt bầu cử, lễ tết, lại có một tấm vải đỏ treo ngay bên dưới cổng chào ấy, với những dòng chữ trắng, bắt đầu bằng mấy chữ "NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG...". Tôi chui tọt vào cái hốc rỗng dưới cội chính. Hốc rỗng này có từ lâu lắm, nghe bố tôi bảo có từ hồi "tiêu thổ kháng chiến". Năm ấy dân làng đốt sạch nhà cửa, vườn tược, đi tản cư để cho giặc Pháp đến không có chỗ mà ăn, ngủ. Cả làng cháy cơ mà, lửa rừng rực mấy ngày đêm. Một mái nhà gần đó bị gió thổi bay tới gốc đa, làm cháy mất phần cội chính, tạo thành hốc rông đến bây giờ.

Trong hốc rỗng có những bãi mùn đỏ quạch màu máu, đùn ra từ góc nào đó. Tôi tìm một cái que, cẩn thận đào tìm trong đám mùn đỏ, gặp may thì bắt được một con bổ củi. Con bọ cánh cứng màu đen có cái đầu cứng và khe cổ trắng đục. Cầm trên tay, nó liên tục ngóc đầu lên, bổ xuống cùng cục. Tôi thường đặt con bọ nằm ngửa ra đất, nó cong mình, gồng đầu lên và tách một phát tung lên cao, nhảy lật mình lại ngay lập tức. Trong hốc cây, thấy dịu mát hơn bên ngoài. Lũ chào mào không thấy lao nhao trên cây, chắc chắn chúng trốn nắng trong vòm lá kín nào đó. Chân tôi dẫm phải bãi nước ướt, khai rình. Bãi mùn đỏ bên trên hốc cây bị vỡ tung tóe. Đứa nào mới chui vào đây trước tôi. Đồ mất dạy! Chỗ ngồi chơi mà cũng tè bậy ra.

Tiếng phanh xe đạp kin kít, rồi tiếng con gái cười rinh rích.

- Em về nhá! Cầm lấy tàu cọ mà che nắng này.

Tôi tò mò ló đầu ra. Chị Nguyệt con ông Hữu, vú như hai quả bưởi, người lùn tịt, béo quay. Chị cầm cái đuôi sam tóc quay quay, mặt đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi. Anh kia lạ lắm, chắc người ngoài xóm Nghè. Dựa chiếc xe đạp Thống Nhất vào cội đa bên trái, anh cầm tay chị Nguyệt kéo lại.

- Cho thơm một cái rồi về...
- Ứ...! Ban ngày ban mặt...Về đi! Đến tối.
- Tối anh sang đây nhá! Chỉ còn hai ngày nữa anh nhập ngũ rồi đấy.
- Biết rồi! Tối...

Tôi nghe trong tai ung ung giọng nói khàn của chị Nguyệt. "Tối...tối...tối".

Cái thằng chết tròng sao mãi không về. Rồi thằng bố nó nổi cục, lại nhừ đòn. Cha bố cái giống vũ phu. Ỉa chẳng xong cũng đánh con. Ôi giời ơi! Lưng đau như dần. Ngày mai phải nhắc thằng Cu phơi lại nắm rơm, tết cái chổi mới mà ngồi. Cái chổi cũ mình tết ba bốn năm rồi. Rơm rạ bây giờ chán chết, cái chổi ngồi mấy năm đã hỏng.

Bà mọ Bích có cho thằng bé nắm lá nhội không, hay lại ngồi kể tội nó trộm bưởi, trộm dứa. Dào ôi! Trẻ con đứa nào chẳng thế. Hồi lên tám, lên mười, bà ấy chẳng đi đào trộm khoai lang với mình đấy thôi. Lạy trời phật. Bà mọ chỉ phải cái ác khẩu, chẳng có lòng dạ nào. Con trẻ có hái trộm trái bưởi thì chửi cả ngày, khản cổ, nhưng đứa nào có dăm ba hào đến mua, lại vừa bán vừa cho.

Con mẹ thằng Cu vừa lười vừa đoảng. Thúng hạt mít ngon thế này mà không chịu phơi, để mốc hết. Mày đừng tưởng mốc thì bà không tọng vào họng mày được nhá. Bà cứ lột hết vỏ ra, cái nào ăn được thì độn cơm, mốc thì giã nấu canh tía tô, thối thì cho lợn. Phí của giời, mười đời chẳng có. Chẳng biết thế nào mà tám mươi tuổi chưa chết? Răng mới rụng có ba, bốn chiếc. Ba hay bốn cũng chẳng nhớ? Phải có thằng Cu ngồi đây, mình há miệng cho nó đếm xem. Người ta bảo sống thọ quá, ăn hết lộc con cháu. Nhưng trời phật có chịu gọi cho đâu.

Bà cụ tên cúng cơm là Đào, nhưng chẳng mấy ai gọi tên ấy. Mọi người quen gọi bà là mọ Mèo, vì cụ có tật nói nhịu. "Ới mèo ơi! Bà bảo đây!", là bà gọi thằng Cu tới xâu kim giúp. "Mẹ mèo ơi! Vào ăn cơm!", là bà gọi con dâu. " Ối giời ơi! Mèo bới tung nong thóc rồi". Thằng cu cười khành khạch. "Buồn cười. Gà mà lại gọi là mèo".

Mọ Mèo cúi sát đôi mắt kèm nhèm, bàn tay nhăn nheo, từng ngón khẳng khiu đốt xương cầm chặt con dao nhỏ, tỉ mẩn tách từng mảnh vỏ trắng đục quanh hạt mít. Những hạt lột vỏ rồi, còn lại màu nâu mịn. Dâu của mọ, con gái thứ ba nhà địa chủ Xung, không bao giờ chịu ăn cơm độn hạt mít. "Mấy đời nhà tôi, chả ăn uống kiểu lợn gà thế này". Con trai bà, một hôm đi họp đảng ủy về, nghe thấy vợ nói hỗn với mẹ như vậy, liền thẳng cánh giáng cho hai bạt tai. "Ối mèo! Tại sao đánh mẹ nó? Không ăn quen hạt mít thì nó nói không quen chứ sao. Con dâu ơi! Cố mà ăn con ạ. Nhà chỉ còn nửa bồ thóc, không độn, tháng tám đói rã con ơi". Con dâu lu loa. "Sao không độn sắn, độn khoai có dễ ăn không. Lại độn thứ hạt mít thối này. Sà sã ngoài đồng, đói khát. Về nhìn bát cơm nuốt không nổi". Mọ Mèo chép miệng. Đúng là khó ăn thật. Hạt mít bở tung, vỏ giấy lẫn vào cơm, bờn bợt đỏ, nhai bã miệng. Nhưng bỏ thì phí. Nhà có năm cây mít, tới mùa mít chín thơm dựng cả vườn. Hạt mít mỗi ngày phơi hàng rổ, giã nát cho gà, cho lợn ăn không xuể, phải độn cơm cho người ăn chứ sao. Sắn, khoai phơi khô, cất vào vại đậy điệm cho kín, để dành quanh năm chả hơn à?

Sắp tới ngày giỗ anh Dại. Làng Nà Rậm có tục gọi tên những người chết trẻ là Dại. Anh Dại, con bé Dại, thằng Dại, chị Dại...Những người dại dột lỡ lìa bỏ cuộc đời, bỏ cha mẹ, anh em mà đi sớm. Anh Dại nhà mọ Mèo chết năm 24 tuổi. Tên thật của anh là Phạm Công Danh, nhưng công danh không có gì, đến lúc chết thân xác còn chả giữ được. Người mẹ sau đó được nhận tấm bằng Tổ quốc ghi công, lồng trong khung kính và mấy chục đồng trợ cấp liệt sĩ hàng tháng. Bà mọ, bằng linh tính của người mẹ, sợ anh Dại đoản thọ. Vì sao? Vì anh tướng gan lì, không sợ bất cứ điều gì. Mười ba năm trước, là năm anh Dại 23 tuổi, khi ra nương nhổ sắn về luộc, anh đạp phải cây chông do chính bố mình cắm phòng trộm. Anh tha cả cây chông và mấy khóm sắn về nhà, lớn tiếng hỏi bố. "Có mấy khóm sắn, việc gì mà phải đánh chông? May là tôi giẫm phải, chứ bầm và thằng út thì làm thế nào?". Cây chông nứa cắm sâu vào lòng bàn chân, anh không thấy đau, còn giận giữ đạp xuống đất cho mũi chông lồi lên mu bàn chân, miệng hét. "Chông này! Chông này!". Bà mẹ ngất đi vì sợ.

Anh cả, là bố thằng Cu bây giờ, lúc đó đi bộ đội chống Pháp. Tiện chuyến công tác quân

báo, tạt qua nhà. “Chú Danh đâu bầm?”, và vội bát cơm nguội với tép kho, anh hỏi. Bà mẹ tém quết trầu hai bên mép bằng hai ngón tay cái và trỏ. “Ối dào! Nó đợt này theo ông thầy Lưỡng đi hầu đồng”. Anh cả túm được chú em lúc đang say sưa lắc lư, đầu trùm miếng vải điều. Cây roi dâu to bằng ngón tay quất veo véo ngang lưng, mông đít, làm giá đồng đau điếng. Thánh thăng vội. Chú em chạy một mạch về nhà. Đêm dó hai anh em ngủ chung trên chiếc giường tre kẽo kẹt, chuyện rì rầm đến sáng. Hôm sau, Danh xin phép mẹ, theo anh cả đi kháng chiến. Năm sau, tháng 11 năm Thìn, tham gia trận đánh ở Suối Rút, Hòa Bình, anh Danh hi sinh. Mấy người cùng đơn vị, sau này kể lại với anh Cả. “Cái thằng gan hơn cóc tía. Đạn đum đum nổ loạn mà vẫn ôm súng xông lên. Một quả mọoc- chê nổ ngay trước mặt, còn mỗi hai cẳng chân.

Anh cả giấu mẹ mãi cũng chẳng được. Hôm đơn vị có giấy báo tử gửi về xã, bà lăn lộn, gào thét, cứ réo tên thằng cả ra mà chửi. “ Thằng giời đánh kia! Mày giết con bà. Mày mà về đây thì bà xé xác mày ra nhá. Ối mèo ơi! Giời cao đất dày ơi!”. Xót con thì bà chửi thế, chứ khi anh cả từ Điện Biên về, bị sức ép bom gầy trơ xương, thì bà vội vã ôm quần áo tới ở chung, thuốc thang, cơm cháo cho con. Chín năm trước, bà tưởng người con cả chết đường, chết chợ không bao giờ trở về. Năm Dậu đói xơ xác, người làng Nà Rậm chưa có ai chết đói, nhưng đang ngắc ngoải. Giời thương dân làng nên để núi Voi, núi Chò còn nhiều măng nứa, măng vầu, chuối rừng, củ nâu, củ mài. Còn mấy thứ đó, người ta lay lắt sống. Bỗng một hôm nghe dân làng kêu gào gọi nhau. “Phá kho thóc của quân Nhật dưới ga Cọ rồi. Ối bà con ơi! Đi cướp kho thóc...bà con ơi!”. Những thân hình dặt dẹo, những thây ma sắp đem chôn, những bù nhìn rơm tả tơi, tất cả bừng sống lại, cựa quậy, nhúc nhắc. Một đám rách nát ào ào trên quãng đường tám cây số, ném bụi về phía ga Cọ. Quanh gánh, thúng mủng, bao tải, nón rách, có người đi tay không, ánh mắt chết đói sáng lên xanh lè. Anh cả đang ngồi gọt củ chuối dưới mương nước, đói quá cắt một miếng đưa vào mồm. Chát sít, tơ chuối kéo lằng nhằng hai mép. Thứ này phải thái nhỏ, đem ninh kỹ, cho tí muối vào mới nuốt nổi. Danh ở đâu nhảy bổ tới, hai bắp chân còn lấm bùn.

- Anh cả! Đi cướp thóc đi!

- Thóc ở đâu mà cướp. Nhà ông Xung có mấy bồ thóc đem cứu tế làng rồi.

Danh nháo nhác, giằng cái chậu đồng từ tay anh, cởi áo nâu lót vào lòng chiếc rổ, kiểu lót ổ gà đẻ.

- Giời ơi! Cướp kho thóc của Nhật dưới ga Cọ ý! Cả làng người ta đi ầm ầm, còn ngồi đây mà gọt củ chuối.

Nghe vậy, anh cả ném dao, chạy theo em, mồm chửi với.

- Không gọt củ chuối, trưa lấy con cặc mà ăn à. Đi nhanh lên!

Hôm nay anh chửi hơi tục, vì định nói “lấy cứt mà ăn à”, nhưng đói dài, nửa tháng đi ỉa một lần, muốn ăn cứt cũng không có. Ra đến quốc lộ, mới thấy người ta ở đâu kéo ra nườm nượp, chứ chưa chết hết. Tất cả bàn chân, ánh mắt đều hướng về phía nhà ga. Hai anh em chạy, không dừng lại nghỉ, đau thắt trong ruột. Cứ nhằm theo hướng đám đông mà lao tới, mồm mũi tranh nhau thở. Chưa bao giờ họ thấy nhiều thóc như vậy. Những bao tải lớn ba sọc xanh, mỗi bao cả tạ thóc, chất ngất cao như núi trong dãy nhà kho rộng thênh thang. Không thể nghe rõ tiếng người, chỉ thầy à à tiếng ong vò vẽ vỡ tổ. Bụi mù mịt, những người còn khỏe thì leo lên cao, lật từng bao thóc xuống. Bên dưới lố nhố, đen kịt những bộ xương, cào vơ từng nắm thóc vào nón, vào áo, vào thúng...Hai anh em chọn mãi mới giành giật được nửa bao thóc rách bươm, hì hục kéo ra ngoài sân. Những bao thóc tiếp tục lăn lịch bịch. Dưới chân núi thóc, người ta moi móc thành một hàm ếch khổng lồ. Bỗng vạt núi bên phải ụp xuống, hàng trăm bao thóc trùm lấp lên đám người còng lưng bên dưới, tiếng mấy người phụ nữ kêu thét văng vẳng trong đống bụi sặc sụa. Không ai cứu họ cả. Những thúng, những bao, những mủng thóc được đưa ra ngoài, tản về theo những con đường nhỏ.

Đang sức thanh niên, nhưng hai anh em bị cái đói bào mòn hết sức khỏe. Nửa bao thóc, khéo chỉ còn bốn chục cân mà nặng như hòn đá. Nhổ cái cọc rào tre, để bao thóc lên, hai người khiêng lặc lè.

- Nghỉ đã mày! Anh sắp gãy xương sống rồi.

Bao thóc rơi bịch xuống vệ cỏ. Danh nằm ngửa, đè lên bao thóc. Anh cả ngồi dựa vào gốc cọ già, nham nhở vết cháy. Cánh đồng trước mặt xanh rờn cỏ, lác đác vài thân đay héo còn sót lại, lạnh vắng như nghĩa địa. Cánh đồng này từng bị nhổ lúa lên, trồng đay. Bọn Nhật chẳng biết trồng thứ cây quỷ ấy làm gì. Bây giờ bọn chuột đồng lúc nhúc bò trong cỏ, kêu rinh rích. Có lẽ lâu lắm chúng không được cắn ngập răng vào thân đòng đòng lúa mập mạp, giòn và ngọt. Nhưng bọn

chuột không chết đói, vì còn khối thứ chúng có thể ăn được, kể cả thịt người chết. Nửa bao thóc này, đem về xay giã, nấu cháo rau dền, củ chuối được cả tháng. Chú Danh mày sảy cám cho sạch, cất kỹ để dành, lúc đói nấu cháo cũng đỡ. Anh cả đứng lên, vòng ra sau gốc cọ, vạch quần đái.

- Giờ đất ơi! Ai đây?

Anh kéo quần lên vội, nước tiểu ướt một vệt dằng trước. Danh vẫn nhắm mắt, miệng cắn chắt từng hạt thóc.

- Anh nói ai cơ?

Anh Cả không nói gì, kéo Danh lên, ấn đầu cây cọc rào vào tay em. Ra hiệu đi tiếp. Danh quay đầu lại, thắc mắc.

- Anh vừa hỏi ai cơ mà!

- Người chết! Đi nhanh lên!

Danh giật mình vì vừa nhìn thấy một xác đàn bà áo nâu, váy đen nằm sấp sau gốc cọ, nơi hai anh em vừa ngồi. Anh cả nói nhỏ.

- Chết đói đấy! Chắc không bò nổi tới kho thóc.

Trời bắt đầu nắng gắt. Giá có ngụm nước mà uống nhỉ. Đi cố lên, vào trong làng kia xin nước gàu nước. Danh bước đi phăm phăm, trong đầu nghĩ đến gàu nước ngọt lừ múc từ dưới giếng lên.

- Hai thằng kia đứng lại!

Hai anh em nhìn sững. Trong bóng mát bụi tre nhô ra ba thằng rách rưới, trạc tuổi Danh. Thằng đi trước, đầu trọc lóc, nham nhở vết trốc lở. Tay nó lăm lăm viên đạn đồng vàng chóe, chĩa vào hai anh em.

- Bỏ bao thóc lại, không ông bắn chết!

Như vô thức, cả hai buông phịch bao thóc, quay đầu chạy. Đằng sau là những tiếng cười hô hố của ba thằng cướp ngày. Chạy một đoạn khá xa. Anh cả bỗng đứng lại.

- Quay lại! Đòi bao thóc. Đéo bầm nó chứ! Mình thần hồn nát thần tính. Nó có mỗi viên đạn chứ phải khẩu súng đâu mà chạy vãi đái.

Danh cũng ngẩn người, chống nạnh nhổ nước bọt.

- Ừ nhỉ! Tiên sư nó. Em lại tưởng nó cầm súng. Ba thằng ấy, một tay em vật chết.

Khi họ quay lại chỗ cũ, chẳng thấy bóng dáng ba thằng kia đâu. Chỗ bao thóc vứt xuống, còn sót lại mấy hạt vàng mốc, căng mẩy. Anh cả thở dài.

- Chú quay lại xem còn mót được hạt nào không, đem về cho bầm. Tao đi tìm bọn kia, xem chúng nó ở đâu.

- Thôi anh đừng đi một mình, nguy hiểm lắm. Có đi thì hai anh em cùng đi.

- Đã nói về đi! Kệ tao.

Sau rặng tre, vẳng tới tiếng người ồn ào, tiếng hô "đả đảo" vang dội. Thấp thoáng lá cờ đỏ bay lẫn trong rừng cây gậy.

Cả nhà chờ anh cả suốt đêm. Bà mẹ lúc đầu thì chửi con, sau thì lo lắng, bỏ ăn. Ba ngày sau, rồi một tuần không thấy bóng anh. Người làng Nà Rậm coi sự mất tích của anh như việc một người chết đói, bỏ xác ở đâu đó.

Anh cả bỏ trốn theo Việt Minh. Mấy tháng sau, có một người quen đi qua nhà, vào uống nước vối, kể rằng. "Tôi gặp anh Hoành thì phải. Giống lắm! Thấy tập trung đông đông là. Mãi trên Võ lao ấy". Danh tức tốc đi tìm anh. Luộc một nồi sắn dẻo, gói vào trong mo cau, anh đi bộ suốt đêm thì tới Võ Lao. Người ta chỉ đường vào nơi Vệ quốc đoàn đang huấn luyện. Một cậu trẻ măng như Danh, quần áo nâu buộc túm ống chân, cầm mã tấu đứng gác ngoài lũy tre đầu làng, lên giọng hách dịch:

- Nhà anh kia đi đâu?

- Tôi đi thăm anh trai!

- Ở đây à?

- Vưng!

Thấy mo sắn luộc, cậu ta đòi kiểm tra. Mùi sắn thơm chảy nước bọt. Danh lấy một củ, mời anh chàng.

- Anh tôi là Hoành, người làng Nà Rậm, người thấp đậm, hơi đen...

Anh cả thấy em, mừng quá ôm chặt lấy. Anh cuống lên hỏi thăm chuyện nhà. Bầm thế nào? Tao đi bầm có khóc không? Con Hạnh, con Kiểm có chịu làm giúp bầm việc nhà không? Nhà

mình còn gì ăn không?

Anh đen hơn hồi ở nhà. Bộ quần áo nâu từ hôm đi cướp kho thóc vẫn dính trên người, vài chỗ rách được buộc túm lại bằng dây chuối khô. Danh bật cười khi thấy anh cả thắt lưng bằng dây đìu đìu, hai ống quần buộc túm lại. Cây gậy tre già vầng óng cầm trên tay.

- Thôi chú về đi! Bảo bầm giữ sức khỏe. Hôm nào xong huấn luyện, tao ghé nhà.

Anh chạy vào hàng người đông đúc. Họ bắt đầu tập đi. Tiếng hô vang: "Một! Hai! Một! Hai! Một! H..ái...hái!". Những cây gậy tre vác trên vai, đều tắp, những bàn chân trần lấm đất từng bước, từng bước, rầm rập.

Trong tiểu thuyết GÓC LÀNG

PHÙNG PHƯƠNG QÚY

thơ



LÊN CHÙA TÌM THĂM SƯ CỤ

Tùng hạ vấn đồng tử. Ngôn: Sư thái dược khứ, chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ.

(Tầm Ẩn Giả Bất Ngộ, GIẢ ĐẢO)

Lên Chùa, hỏi chú tiểu Chùa:
"Thầy con đâu để vào thưa ít lời?"
"Thầy con đi hái thuốc rồi
Ở đâu trên núi, biết người ở đâu!"

Ngỡ ngàng đứng đó thật lâu
Buồn chân trở bước nguyện cầu đừng mưa...
Mai theo ai nhỉ lên Chùa
Ai đi kiếm Phật, mình chờ ai thôi!
Hiểu câu tình ái, Phật cười
Em ơi chín suối ngậm ngùi thương anh!

Lá trên cành lá còn xanh
Em tôi tím ngắt trong bình tro than!

LÊ NHIÊN HẠO



BIỂN ĐÊM & SÓNG

truyện ngắn

NHƯ HOÀI

Từng cơn gió se se xuyên suốt vào làn da nghe lành lạnh, rồi thì Nó cũng đứng trước biển. Biển đen ngòm, sóng cứ ầm ào rượt đuổi, một vài ánh đèn thuyền cá leo loét trong đêm...

Thưa thớt một đôi cặp, họ đến đây để được tự do với không gian tỉnh lặng sóng gió dạt dào, hay trải lòng với những mong muốn khát khao mà họ đã dành cho nhau.

Với nó thì sao? Nó tự hỏi lòng mình.

Cái hẹn mười phút Hắn cũng đã đến, trời này mà dạo biển chắc cũng không bình thường tí nào. Đôi bước song song bên nhau, cái cảm giác lạnh khi nãy với Nó cũng bớt đi. Cùng với tiếng gió là lời Hắn:

- Tự nhiên trời lạnh thế này mà dạo biển thì mình cũng thật là " khùng" dứt lời cả hai cùng bật cười. Nó nghi ngờ hỏi:

- Hôm nay có say không vậy?

- Không!

- Rất tỉnh nữa là khác. Hắn đáp chắc nịch.

Chỉ ánh sáng mờ nhạt không nhìn rõ mặt, nhưng Nó cũng cảm được lời Hắn nói rất thật.

Nó lại hỏi :

- Sao mà gan dữ vậy bộ không sợ à?

Hắn đáp:

- Có lúc cũng phải một chút chứ !

Ngồi bên nhau nhìn về phía biển, câu chuyện hồi nhỏ còn đi học mình vẫn thường hay ra biển tắm, dường như ngày nào cũng thế. Và..

Giọng Hắn đều đều ... Nó nghe tiếng được tiếng mất, có lẽ vì tiếng gió hay tiếng sóng chen ngang.

Sóng từng đợt tung vào bờ như trải một tấm thảm trắng, rồi lại biến mất trong giây lát. Nó thì không thích tắm nhưng thích ngồi ngắm biển theo từng con sóng và chạy thi với sóng khi sóng vào bờ. Phải chi lúc này Nó được tự nhiên trêu đùa với sóng như cái ngày xa ấy, từ trong suy nghĩ chợt Nó buộc miệng : "Mình rất thích chạy theo sóng".

Hắn muốn Nó vui nên tiếp lời.

- Thì chạy xuống đi.

Như phòng bị Nó phản ứng:

- Không ! Lỡ ướt đồ thì sao?

Hắn chợt hiểu tâm ý của Nó, mình đâu thể nào chia cho nhau một chiếc áo choàng hay một vòng tay ấm đâu chứ? Vậy thì đừng để ướt đến thấm lạnh.

Sóng cứ tràn vào bờ rồi lại cuốn đi như theo về với biển. Trong im lặng mỗi đứa có lẽ đang đuổi theo dòng suy nghĩ của riêng mình.

Với Nó thật nhiều kỷ niệm khi nói về biển, tuổi mới lớn Nó đã gắn liền với biển. Ngày ngày nghe tiếng sóng vỗ bờ, tiếng sóng cứ như một bản hòa ca quen thuộc mà mỗi khi đi đâu Nó cũng không thể quên. Còn đó những trưa oi nồng Nó thường ngồi dưới gốc dương đón gió, Nó hay đùa vui với cát, tay nắm giữ thật chặt nắm cát, nhưng kỳ lạ càng nắm chặt lại chừng nào thì cát lại tìm cách thoát qua kẻ tay chừng ấy, đó cũng là nghịch lý mà mãi đến sau này Nó mới được hiểu. Người ta nói khi mình càng cố công giữ khư khư một thứ hay một vật gì đó mà nó không thuộc về mình, thì

nó cũng như nắm cát kia mà thôi.

Nó nhớ thật nhiều những đêm đốt đuốt soi Còng, thật ra nói tới bắt Còng Nó là người giơ tay hưởng ứng số một, vì chỉ nghĩ đến lúc rượt những chú Còng té tác chạy lòng Nó lại rộn lên rồi. Nhắc đến đây thôi, như nhớ hình ảnh tiu nghỉu của Nó ngày nào. Cũng vì lý do bắt Còng thì bắt nhưng lại đem đi thả, bị mọi người làm cho một trận: "Không ai đời như mày đi bắt đã rồi thả, khùng vừa thôi". Vì lẽ đó nên Nó có biết mùi vị cháo Còng bao giờ!

Nó sống xa nhà những lúc vui hay buồn Nó thường tìm ra biển. Với Nó biển như một người bạn tâm tình, Nó có thể trút gởi, thổ lộ những nỗi niềm hay tâm tư tình cảm. Khi Nó vui nhìn con sóng lăn tăn xô đẩy tung hứng bên nhau thật vui mắt, niềm vui đó như được nhân đôi. Lúc Nó buồn biển cũng hiền hòa êm dịu, lòng biển bao la mênh mông như tấm lòng của mẹ, Nó cảm nhận thế đấy!

Hắn thích tắm biển. Còn Nó thì chỉ thích ngắm biển mà thôi!

Có lẽ cuộc đời là thế không phải ai cũng có sở thích giống nhau, và hoàn cảnh như nhau. Gần như đối với Hắn cuộc đời đã dành nhiều ưu ái hơn. Hắn thường nói từ nhỏ đến giờ mọi điều trong cuộc sống cũng như trong công việc đối với Hắn gần như đều suôn sẻ. Còn Nó có lẽ thiếu may mắn vì lúc biết hiểu một chút về cuộc đời thì Nó đã phải trải qua bao gian truân cay đắng rồi. Khi nói đến vấn đề này Hắn và Nó hay đùa vui là có lẽ kiếp trước vì ăn ở hiền lành nên được bù đắp. Còn ai đó ở ác nên kiếp này phải khổ. Đạo lý luân hồi mà người đời vẫn nghiêng về mặt tâm linh là thế.

Nhìn con sóng khao khát cuồn cuộn vượt tung lên trong lòng biển. Nó tự hỏi có phải lòng Nó cũng dâng lên cuồn cuộn khát khao đến bao nhiêu trong cuộc đời này. Nhưng rồi những hoài bão những ước mơ chừng như đã vô tình quên lãng Nó chăng? Có lúc Nó như muốn buông xuôi tất cả, phó mặc đến đâu thì đến. Nhưng không! Nó không cam lòng, Nó không cho phép mình gục ngã. Nó lại gắng gượng và mạnh mẽ đứng lên. Dòng suy tư như bị cắt đoạn.

- À! Mà bên đó có sợ không?

Tiếng Hắn chen ngang.

- Sợ chứ ! Nó đáp không cần suy nghĩ.

Hắn như truy đuổi:

- Sợ gì?

Như trở về thực tại, Nó và Hắn gần nhau trong gang tấc mà lại xa vời vợi. Chỉ có thể nhìn nhau bằng ánh mắt, bằng sự cảm thông chia sẻ những vui buồn. Hắn không hiểu hay cố tình không hiểu mà hỏi Nó "sợ gì" đến những hai lần.

Nó sợ lắm chứ!

Sợ thật nhiều những nỗi buồn, nỗi cô đơn. Sợ sự quan tâm thái quá của Hắn, sợ cả tiếng cười và ánh mắt nồng nàn kia nữa!

Nhưng Nó vẫn cứ sợ chính Nó nhất, sợ Nó không chịu được sự cô đơn trống vắng, sợ Nó không kiềm nén được tình cảm của chính mình. Nó cũng có trái tim cũng mang nặng những ưu tư , buồn vui khao khát như bao người. Có thể cảm nhận những gì đang diễn ra trong tâm trí, trong hơi thở, trong sự mách bảo của con tim.

Nhưng trời ơi! Những người thân chung quanh, những ánh mắt bàn quan thiên hạ. Rồi sẽ ra sao nếu như Nó chỉ biết sống cho riêng Nó. Gần như nỗi sợ hãi kia đã chiếm hết tâm trí Nó. Nếu một ai đó nhìn thấy hình ảnh Nó và Hắn ngồi bên nhau thế này thì Nó phải sống ra sao đây? Nó có miệng cũng khó mở lời. Mặc dù Hắn và Nó chưa hề làm bất cứ điều gì vượt xa hơn cái ranh giới tình bạn. Nhưng không phải giữa hai đứa không hiểu mình đang muốn gì. Và có ai dám chắc rằng điều gì sẽ đến nếu cứ phải gắng gượng ngồi đây nữa chứ.

Sóng cứ rạt rào rượt đuổi, gió cứ vô tình tạc vào từng thớ thịt. Bất giác Nó như kẻ trốn chạy.

Thôi mình về đi, Hắn nhìn Nó vẻ tiếc nuối :

- Không! ở lại đây luôn không về.

Như hiểu được lòng Hắn, Nó cười buồn:

- Dám không đó?

Đúng thế Hắn cũng phải biết mình nên về thôi, liệu mình có dám sống với sự bồng bột nhất thời thế không? Mình không thể làm điều gì đó ngu muội, không thể đem sự tổn thương đến với những người thương trong gia đình, họ có gì sai với mình đâu chứ ? Đừng như thế, mày hãy tỉnh lại đi, tỉnh lại đi. Nó như đọc được suy nghĩ của Hắn.

Ánh đèn phản chiếu từ xa của chiếc xe máy như soi rọi vào chính tâm can Hắn. Lý trí chiến thắng

mọi tác nhân bên ngoài và đã đánh lùi sự tồn tại của chính mình trong môi trường có thể khiến con người ta dễ phạm phải sai lầm. Hắn như bừng tỉnh!

- Ừ ! Mình về thôi!

Nó nghe nhẹ nhỏm cả người. Thật lòng thì Nó rất lo sợ một điều gì đó đến bất ngờ, biết Nó có đủ can đảm để chống đỡ hay không. Nó thật sự cảm ơn và thêm phần quý trọng cái gọi là chính bản chất con người của Hắn. Mặc khác Nó lại nhận thấy niềm thương cảm thay cho nỗi xót xa...

Đôi bước bên nhau trên lối về, chỉ chạm nhau một vạt áo mà nghe biết cảm xúc chực trào dâng. Sự khao khát mãnh liệt đến lặng lẽ trong nhau, như con sóng dữ, dằn xé gào thét cả biển trời để trút cơn thịnh nộ bắt nguồn từ dông tố.

Nhưng rồi bức tường ngăn cách cũng như rào cản tự do của cả hai, đã dìm lắng dần xuống và như tan biến mất.

Tiếng sóng như xa dần, đâu đó chỉ còn lời gió vu vơ.

Biển đêm, nên cũng không mang lại hình ảnh dấu chân trên cát, nhưng hình ảnh của hai kẻ ngu ngơ chừng như lạc bước, có lẽ sẽ hằng in dấu nhớ./.

NHƯ HOÀI



thơ

HÁI NU BÌNH MINH

Một mình em hái nụ bình minh
Em một mình em chỉ một mình!

Anh ở đâu mà xa quá vậy
Cho em rộng quá một vườn xanh…

Muôn hồng ngàn tía, anh là bướm
Tia nắng nào quanh con mắt quanh?

Đôi lúc ngừng chân, em tự hỏi
Vì sao em cứ nhớ mong anh?

Anh ơi buổi sáng nay trời đẹp
Em một mình em…bỗng nghẹn ngào!

LÊ HÀNH KHUYÊN



TÌNH CŨ VẪN VƯƠNG

truyện ngắn

QÚY THỂ

Từ nhà trên vọng xuống hồi chuông đồng hồ nửa đêm. Đêm như giãn nở rộng ra bao trùm cả đất trời và con người. Đại nằm yên trầm ngâm, hút thuốc, nhìn vợ. Đêm nay là đêm tân hôn, vào cái giây phút thiêng liêng hiếm có này anh bỗng nảy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh về một thứ quyền gọi là quyền sở hữu, làm chủ tâm hồn, thân xác và cuộc đời của một con người. Cô gái nằm đây bây giờ đã thực sự là vợ anh, là của anh. Đã qua rồi cái thời kì yêu đương vụng trộm giành giật người yêu với những người đàn ông khác ưu thế hơn anh. Mấy ngày qua lo việc cưới xin bận rộn, anh quên mất thưởng thức cái thi vị, niềm kiêu hãnh tuyệt vời về việc lấy Luyến, một cô gái đẹp nổi tiếng, được bao nhiêu chàng trai săn đón. Bây giờ anh đang nằm nhấm nháp cái niềm vui dễ chịu đó. Anh thấy Luyến nằm yên, lặng lẽ nhìn trần nhà. Hình như vào cái đêm đầu tiên chung giường với một người khác, trong tâm hồn cô gái này cũng có cái gì gợn lên xao xuyến. Luyến không còn sôi nổi như mọi khi. Trên người nàng chỉ còn lại vết tích cô dâu trong ngày cưới là mái tóc chải cao đầy keo và mấy chiếc kẹp nhỏ xíu. Đại nhích lại gần hơn, đưa mũi gần hít cái mùi thuốc uốn tóc khai khai cọng với bao mùi nước hoa, kem, phấn. Thấy Luyến cứ nằm yên, không sát lại, không quay qua, cũng không nói năng gì, anh đâm ra tức. Đại nghĩ tại sao đêm tân hôn mà cô gái nằm yên, cứng đờ ra như khúc gỗ, thực là chán. Anh kéo Luyến quay lại phía mình, nói:

- Nói gì đi chớ, sao lại nằm yên như thế?

Luyến không tỏ vẻ gì hăng hái hay muốn nói chuyện:

- Nói gì?

- Gì cũng được.

Luyến quay mặt vào tường uể oải:

- Anh nói trước đi .

Đại cũng cảm thấy lúng túng. Ngày trước khi mới yêu nhau, mỗi lần gặp mặt là chuyện trò tràn lan không dứt, hết chuyện nọ tới chuyện kia. Nay đã thành vợ chồng sao lại hoá ngượng? Đắn đo mãi, không hiểu tại sao Đai lại nói:

- Em có muốn nghe chuyện tình cũ của anh không?

Chính anh cũng không ngờ Luyến lại trả lời một cách dễ dàng chóng vánh:

- Muốn, kể đi !

Bây giờ anh lại bị rơi vào tình thế khó xử. Nhưng đã phóng lao rồi, phải theo lao. Đại bắt đầu kể chuyện thời anh yêu cô gái tên là Hồng. Đây là một câu chuyện mà chính anh cũng còn hồ nghi tính chân thật. Hồng có phải là Cô gái đẹp không? Giờ đây hình ảnh cô Hồng mờ mịt quá. Hồng có yêu hay có chút cảm tình nào đối với anh không? Anh cũng không chắc lắm. Hình như đây chỉ là cái thứ tình đơn phương một chiều, có đi mà không có lại. Cũng như mọi thanh niên khác, thường thêm mắm dặm muối vào cuộc tình của mình, thổi phồng nó lên thành cuộc tình lớn, và chuyện anh kể mang nhiều tính hư cấu hơn là hiện thực. Anh dừng lại rất lâu ở một "trường đoạn" mà anh cho là quan trọng nhất. Cảnh hai người gặp nhau vào một đêm trăng sáng. Đến chỗ cao trào thì Luyến chận lại hỏi:

- Hai người ở với nhau trong một ngôi nhà vắng vẻ trong đêm, anh có dám nắm tay cô ta không?

Đại ngạc nhiên, hình như cô gái nào cũng xem cái nắm tay là một sự kiện quan trọng, một cái gì to tát ghê lắm. Anh bật cười, hài hước:

- Nắm tay thì ăn nhằm gì. Người ta còn " nắm chân" nữa !

Luyến ngơ ngác, thật thà, hỏi:

- Nắm chân làm chi?

- Em thật thà quá. "nắm chân" tội nặng gấp vạn lần nắm tay…

Luyến mơ hồ hiểu và cũng với giọng ngây thơ:

- Nghĩa là "ăn nằm" với người ta?

Đại trả lời một cách úp mở, để vợ muốn hiểu sao cũng được:

- Còn phải hỏi…

Luyến không hỏi han gì thêm. Cả ngày hôm nay nàng rất bận. Nàng phải tới mỹ viện làm tóc, làm mặt ba bốn lần.Thay áo cưới năm lượt. Đi lại mời mọc, tiếp rước không biết bao nhiêu người, có nhiều người nàng hoàn toàn không biết. Nàng còn phải đứng nhận hàng trăm lời chúc tụng. Và mặc dù cả đời không biết bia rượu, nàng phải hớp chỗ này một hớp, chỗ kia một ngụm, dồn lại cũng mấy cốc bia. Giờ đây hai chân nàng mỏi nhừ, buồn ngủ kinh khủng, mi mắt nặng như chì. Luyến chẳng còn thấy hứng thú gì với những "cuộc tình vớ vẩn" ấy. Nàng kéo chăn quấn quanh bụng, quay vào vách.

Kể xong Đại kết luận, giọng đầy vẻ trịnh trọng và cảm động:

- Đó chỉ là một trong những cuộc tình. Người đàn ông thời đại phải được tôi luyện qua nhiều cuộc tình như thế để được xem là trưởng thành trong tình cảm, mới đủ tư cách làm chồng, làm chủ gia đình !

Nói xong anh thấy Luyến ngáp, dụi mắt, tính ngủ. Anh kêu:

- Anh kể rồi đó, giờ tới phiên em.

Luyến chỉ muốn ngủ, tìm cách thoái thác:

- Thôi để khi khác, khuya rồi, buồn ngủ quá !

Đại không chịu:

- Kể đi, đừng có tìm cớ hoãn binh.

- Có gì đâu mà bắt người ta kể ?

- Kể về mối tình đầu của em đó.

Luyến dứt khoát:

- Không tình đầu tình đuôi gì cả !

Đại chẳng thấy mệt nhọc, anh đã tỉnh ngủ lúc nào. Nhân cơ hội này anh thấy cần phải "thuyết" cho cô vợ mới cưới thế nào là tình yêu :

- Yêu là đặt niềm tin vào nhau hoàn toàn.Yêu là chấp nhận trọn vẹn người mình yêu, cả phần tốt lẫn phần không tốt. Yêu là chia xẻ cho nhau quá khứ, hiện tại và tương lai. Yêu là không giấu giếm. Đêm tân hôn hai người cần thố lộ tất cả cuộc đời tư cho nhau biết, một lần này rồi thôi, sau không bao giờ nói nữa. Vợ chồng phải tôn trọng nhau, phải bình đẳng trong việc ôn lại quá khứ…

Luyến bực mình quá, gắt:

- Lảm nhảm mãi ! Người ta đã nói không mà cứ nằng nặc ép người ta kể.

Đại không chịu thua, nài nỉ :

- Ai lại chẳng có mối tình đầu. Nhất là người đẹp như em, khối đứa chạy theo.

Luyến vẫn không chịu nói. Đại tức lắm kéo chăn không cho nàng ngủ. Luyến quay lại. Nàng cố moi óc ra một chuyện tình kể cho yên thân. May quá, nàng nhớ ra rồi, đó là một kỉ niệm thời còn cắp sách đến trường :

- Hồi đó em học lớp tám...

Mới nghe có thế Đại đã ngạc nhiên một cách khó chịu :

- Mới lớp tám ?!

- Ừ, còn cậu ta lớp chín hay lớp mười gì đó...

Đại không thể ngậm miệng được, chàng cất tiếng chê bai:

- Đồ con nít hiện quỉ ! Thằng đó con nhà ai mà hư hỏng sớm thế

Chẳng thèm nghe lời bình phẩm của chồng Luyến tiếp tục kể:

- Trong một lần học nhóm về rất khuya. Trời đầy sao, những ngôi sao lấp lánh trong đêm như những hạt minh châu rải trên nền trời đêm đen như nhung...

Đại bực tức:

- Lại còn tả cảnh tả tình, không chịu nói nhanh cho người ta biết hồi cuối. Tuổi đó mà chẳng chịu lo học hành, trai gái lăng nhăng...

- Đường khuya rất vắng. Đi hồi lâu chẳng gặp ai. Hai bên đường cây cối bụi rậm um tùm, tiếng côn trùng, ếch nhái kêu vang...

Đại than thầm :" Thôi chết rồi! Có cả bụi rậm, ếch nhái là nơi vắng vẻ lắm. Thế nào chúng nó cũng kéo nhau vào bụi. Nửa đêm ở trong bụi, chuyện gì mà chúng chẳng làm !" Mới nghĩ tới đó Đại đã nổi điên. Luyến chậm rãi kể:

- Đang đi, cậu ta dừng lại. Em sợ ma cũng dừng lại đứng sát cậu ta. Cậu ta run rẩy cầm lấy bàn tay em...

Đại thét lên:

- Trời ơi! Tại sao để cho nó nắm tay ?

Luyến chưa kịp nói gì thì Đại giận dỗi giằng lấy chăn kéo về phía mình trùm kín đầu như con sâu quấn mình trong lá. Luyến kinh ngạc về thái độ thay đổi nhanh chóng của anh ta. Cô lay, cô kéo, nhưng Đại nhất quyết không quay lại. Bây giờ Luyến mới hiểu cái tính hẹp hòi ích kỉ mà lại ba hoa của bọn dàn ông. Họ thuyết một đường, làm một nẻo. Động một tí thì nổi máu ghen, đầu óc đặc sệt chất phong kiến, tự ban cho mình cái đặc quyền làm đủ mọi thứ, còn phái nữ thì cấm. Luyến tức cười không chịu nổi, nàng cất cao, giả giọng đạo mạo thuyết:" Đừng có ngủ, còn sớm, dậy mà nghe kể chuyện tình. Tình yêu là tin tưởng, là chia xẻ, là bình đẳng, là không giấu giếm..."

Đại không cười nổi. Anh chàng lăn ra xa, nói giọng hờn dỗi:

- Nằm tránh ra ! Đừng có động vào người tôi ...!!!

QÚY THỂ





GIỌT NƯỚC MẮT MUỘN MÀNG

truyện ngắn

MANG VIÊN LONG

Tính đang đứng xớ rớ trong phòng, cạnh giường nằm của ông Kế, thì điện thoại trong túi quần đổ chuông. Đưa tay lấy điện thoại ra khỏi túi quần, nhìn lướt lên mặt điện thoại, là cuộc gọi của Thảo; Tính bỏ ra khỏi phòng.

Căn phòng rộng bốn giường, nhưng chỉ có ba giường là có bệnh nhân nằm, ông Kế nằm ở giường giữa, hai bên là một bà lão gần 80, và một gã khoảng năm chục tuổi. Người đàn ông ở tận Daklak nằm chờ mổ động mạch vành đã mấy hôm, còn bà lão nằm suốt tuần rồi để các bác sĩ "tìm bệnh" nhưng vẫn chưa thấy bệnh.

Trong lúc khẩn cấp, Tính đã đưa cha vào bệnh viện Thiện Tâm, để được cấp cứu kịp thời. Nếu có vào bệnh viện Chợ Rẫy, cũng chẳng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế là bao, bởi cô con gái ông Kế ở quê đã chuyển ông "vượt tuyến" vào Saigon, mà không có sự đồng ý chuyển viện của bệnh viện cấp tỉnh; mà phải làm đủ mọi thủ tục phiền hà! Nếu phải nằm chờ bệnh viên tỉnh đồng ý cho chuyển viện thì cũng mất mấy ngày! Ông Kế nằm im đã ba ngày, nhưng các bác sĩ điều trị ở bệnh viên huyện chưa cho chuyển ông xuống bệnh viện tỉnh. Thấy cha hôn mê dần, Thảo - con gái ông, đã nóng lòng đưa ông vào Saiogn mà không có giấy tờ xuất viện. Ông Kế được sơ cấp cứu chạy tim, truyền thuốc, nằm ở đây đã ba ngày... Trong ba ngày ấy, ông được thử máu, nước tiểu, siêu âm tim vài lần, và cho uống thuốc, truyền dịch, sau cùng là chụp hình động mạch chủ.

Theo cuộc hội chẩn sáng hôm qua cùng ba vị bác sĩ đang theo dõi điều trị, ông bác sĩ trưởng khoa đã quyết định sẽ cho phẫu thuật tim, vì động mạch chủ đã hẹp quá mức cho phép. Ông cho gọi Tính vào phòng để thông báo, hỏi ý kiến, và tiến hành làm thủ tục.

Trở lại phòng của cha, Tính nói: "Bác sĩ bảo phải mổ!"

- Mổ là mổ thế nào?
- Mổ tim...

- Mổ tim thế nào?

- Là mổ hở giữa ngực, rồi can thiệp động mạch chủ cho rộng ra…

- Cha đã khỏe lại rồi kia mà…

- Cha vào mà nói chuyện với bác sĩ trưởng khoa đi!

Ông Kế ngồi dậy, theo Tính vào phòng trưởng khoa. Vị bác sĩ niềm nở mời ông ngồi – nhìn thẳng vào mặt ông, cao giọng: "Tim của ông phải mổ mới hy vọng sống nhé!"

- Mổ thế nào, thưa bác sĩ…

- Y học chưa thể sử dụng cách mổ nội soi ở động mạch chủ và động mạch vành. Phải mổ hở…

Nhìn thấy nét mặt ưu tư, e ngại của ông Kế - vị bác sĩ mỉm cười: "Ông cứ yên tâm đi! Chúng tôi chỉ tiến hành mổ trong vài giờ thôi!"

- Chi phí cho việc mổ nầy là bao nhiêu, thưa bác sĩ?

- Hiện tại là khoảng một trăm triệu đồng. Sang năm, sẽ lên giá…

- Bảo đảm bao nhiêu năm?

- Điều đó không thể cam đoan chắc chắn với ông được đâu. Còn tùy…

Ông Kế nhớ lại vài trường hợp mổ xẻ mà ông được nghe kể lại: Thân nhân người bệnh cam đoan nhận hết mọi rủi ro, trong và sau khi mổ. Có người mổ xong, phải đi lui đi tới bệnh viên hằng tháng, hai ba tháng. Có người sau vài năm phải mổ lại. Có người nằm lì ở nhà chờ chết! Người bạn của ông có vợ đã mổ tim hở, đã cho ông biết, kết quả là năm mươi – năm mươi. Năm mươi phần trăm sống tốt, năm mươi phần trăm èo uột hay chết! Ông Kế phân vân không biết ông sẽ ở vào năm mươi phân trăm nào! Hiện tại, từ ngày bà Kế mất, ông đã phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của hai con. Thảo làm điều dưỡng ở bệnh viện huyện, chồng là giáo viên cấp một, đã có một con ba tuổi. Vợ chồng Thảo đã nhận chăm sóc cơm nước cho ông từ hai năm nay khi bệnh tim không cho ông đủ sức ngồi hằng ngày ở chiếc tủ sửa đồng hồ dưới phố nữa. Đã có lần, ông bị choáng, ngất ngã ngay ở chỗ làm, phải nhờ ba gác chở đến cấp cứu ở bệnh viện huyện. Người ta đã cạy gãy hai chiếc răng của ông để cho ống cao su thở vào miệng. Hằng tháng, vợ chồng Thảo nhận tiền của Tính gởi, để lo cho cha ăn ngày ba bữa. Vợ chồng Tính đã quyết định như vậy sau khi đem cha vào Saigon sống chung với gia đình mình khoảng hơn một tháng. Ông Kế rất vui khi biết sẽ được trở về quê, trở lại với cuộc sống yên ã với xóm giềng, với bè bạn cũ, với con cháu. Sống với vợ chồng Tính, ông luôn phải ngồi bên trong cánh cửa kính, nhìn ra ngoài - nếu không thể đọc báo hay xem ti vi được nữa vì lòa mắt, hay buồn chán. Tuổi già của ông Kế chỉ được nuôi với ba bữa ăn, như con Mimi suốt ngày quanh quẩn bên ông… Như một chiếc đồng hồ, 9 giờ sáng mở cửa cho người giúp việc vào làm việc nhà (rửa chén bát, nấu cơm và thức ăn, lau nhà, phơi áo quần ở lầu ba, xếp áo quần vào tủ). 11 giờ mở cửa để người giúp việc về đến làm cho gia đình khác. 11giờ 30 ngồi vào chiếc bàn nhỏ dành cho ông ở góc phòng, ăn cơm. 12 giờ 15 mở cửa cho vợ chồng Tính đi làm về. 12giờ 30 vào phòng ngủ…

- Thế nào? - Tiếng vị bác sĩ trưởng khoa chợt vang lên.

- Thưa bác sĩ, cho tôi suy nghĩ lại…

- Chúng tôi không thể chờ ông lâu hơn vài tháng đâu!

- Bác sĩ cho toa tôi dùng tạm thuốc vài tháng, qua Tết sẽ quyết định - Giọng ông Kế thẩn thờ.

Ông Kế chào từ giã vị bác sĩ trưởng khoa, lửng thửng bước ra ngoài… Ông trở về phòng, nói ngay với Tính: "Con lo làm thủ tục cho ba ngày mai xuất viện, mua cho ba vé tàu về lại quê vào ngày mốt nhé!"

Tiếng Tính hằn học với Thảo bên ngoài hành lang bỗng nghe rất rõ: "*Mày tưởng tao giàu lắm hay sao? Tao có được là do công sức của tao đã đổ ra hơn mười mấy năm nay… Mày liệu thu xếp vào đây mà làm việc với bác sĩ, với bênh viện đi - đừng ở ngoài đó mà gọi nữa. Chở ông già vào giao cho tao, rồi cút ngay mà còn lên giọng đạo đức giả! Mới ba ngày mà chi phí khám, chẩn đoán, siêu âm, chụp hình, đã lên gần hai chục triệu, còn phẫu thuật, ít nhất cũng cả trăm triệu, chứ mày tưởng ít sao?*"

**

Ông Kế về quê sống với vợ chồng Thảo đã hơn hai năm. Qua người bạn nhắc nhở, ông đã tìm gặp người bạn học cũ thời trung học, nay là tiến sĩ y khoa chuyên khoa Tim mạch, hiện đang

nhận làm Giám đốc cho bệnh viện tư Phước Huệ tại QN, nhờ theo dõi, chữa trị, nên trái tim vẫn ổn định. Hằng tuần, người bạn từ Saigon đi máy bay ra bệnh viên 2 lần vào thứ 3 và thứ 5. Trường hợp khẩn cấp, người bạn có thể bay ra bệnh viện bất kỳ lúc nào trong ngày nếu có yêu cầu. Ông Kế đã đến gặp người bạn mỗi tháng một lần theo lời người bạn bác sĩ dặn. Ông cảm thấy đã có dấu hiệu biến chuyển rất khả quan. Ông nhận ra mình khỏe dần mỗi tháng, an vui sống mỗi ngày, không còn nhớ đến trái tim gây phiền nhiễu như trước nữa. Ông nghĩ: Cứ để cho nó đập tự nhiên, như chiếc đồng hồ đeo ở tay vậy thôi. Mỗi buổi sáng, trước 7 giờ, phải nhớ uống 4 viên thuốc là Coversyl, Vasotrate, Lovastatin, và Aspirin 81. Trong 2 bữa ăn, nhớ ăn thêm khoảng 5 gam nấm mèo đen rửa sạch cắt nhỏ; như lên dây đồng hồ cho khỏi bị trục trặc."

Vợ chồng Thảo cũng chẳng dành cho ông chút thời gian gần gũi thân thiết nào vì luôn bận bịu, hết việc nầy đến việc khác; dường như công việc cứ như dồn đuổi tuổi trẻ, dồn đuổi con người cho đến ngày kiệt sức nếu không biết "nhìn lại"? Tuy vậy, ông đã có được niềm vui với đứa cháu ngoại năm tuổi mỗi tối hay ngày chủ nhật, với bạn bè, với xóm làng, và sinh hoạt một mình tùy thích! Vui thì nằm ở trong phòng đọc sách báo chơi, buồn thì mang chiếc xe đạp kút kít đi lan man ra vùng ngoại ô nhìn ruộng đồng, trời mây, rồi tạt vào chiếc quán cóc bên đường uống ly café, hay ly trà lipton nhâm nhi cho đến giờ trờ về ăn cơm chiều. Có lúc, ông đến chùa Ngọc Tánh lễ Phật, trò chuyện với Sư Ông, rồi "thọ trai", ngủ lại luôn ở chùa. Ông đã luôn có mặt trong các ngày nhà chùa tổ chức "thọ bát quan trai", để được nghe quý Thầy giàng kinh, gặp bạn đạo tâm tình, trò chuyện...

Trong số những người bạn ở quê, nhẩm tính lại, ông Kế chỉ có thể thoải mái đến với hai người: Một là ông Văn - giáo viên đã nghỉ hưu; hai là ông Khắc - nghệ nhân trồng hoa, cây cảnh. Cả hai người nầy, ông đều gọi là "tri âm", bởi họ luôn chia sẻ cùng ông tất cả; không chút nề hà, đắn đo, suy tính... Trong bất kỳ tình cảm nào, còn ngần ngại suy đi tính lại, so đo thiệt hơn, đều không thể lâu bền! Bạn bè từ thời đi học, đi lính, đi làm, quan hệ làm ăn, thù tạc lai rai thì nhiều, rất nhiều - nhưng, bạn để nâng đỡ, lắng nghe, chia sẻ cùng nhau mọi nỗi đời truân chuyên thì có lẽ rất hiếm!? Gần hết cuộc đời, ông thấy minh cũng rất diễm phúc: Ông còn có được vài người bạn gọi là tri âm xa gần để thăm hỏi, tưởng nhớ...

Mỗi sáng sớm, khoảng 4 giờ 30, ông nhẹ nhàng mở cửa ra đi với chiếc xe đạp cũ mà trước kia hằng ngày vẫn đạp xuống góc phố. Ông đạp xe thật chậm. Kút kít. Kút kít. Lơ đãng nhìn trời đất còn im vắng, phố chợ còn lờ mờ trong sương. Lên đến công viên, ghé lại chỗ gốc cây hằng ngày vẫn đến, ông dựng xe vào đó và bắt đầu đi quanh công viên – đếm từng bước đi thong thả, lặng lẽ, nhẹ tênh; đúng 5 vòng. Khi mặt trời ló dạng ở hướng đông thị trấn, ông đến ngồi trên một bậc cấp của căn nhà lục giác phía nam, ngóng nhìn cảnh vật như một đúa trẻ lần đầu được ra ngoài, rong chơi xa... Ông vẫn dành thời gian gần nửa giờ mỗi sáng, để nhớ lại mọi chuyện đã đi qua đời ông, như một cách thư giãn... Ông dừng lại ở mỗi chặng đường thăng trầm gian khó; suy gẫm, và cười: "*Rồi tất cả cũng sẽ như vậy! Không có gì đứng yên một chỗ!*" Câu kết luận này vẫn thường ở đầu môi ông, mỗi khi gặp những chuyện quá u buồn. Mỗi lần nói xong câu ấy, ông tự dưng cảm thấy vui vui, an lòng với duyên nghiệp của mình. Xưa nay, ông thường tự khuyên lấy mình, an ủi lấy mình. Đã bao năm, ông ít khi nhận được lời thăm hỏi, chia sẻ thắm thiết từ các con, những người thân, cho dầu đôi khi, ông rất ao ước được nghe. Ông thầm mong sao mỗi ngày, mỗi tuần, hay mỗi tháng, được nghe vài lời thăm hỏi, khích lệ, chia sẻ của chúng để được an tâm mà sống tiếp cho hết quãng đời ngắn ngủi còn lại! Ông đâu dám đòi hỏi gì nhiều? Cuối cùng, ông vẫn tự khuyên mình: "*Hãy quên chuyện cũ, đừng mơ chuyện mới, phải tự mình sống tốt với bây giờ!*" Và, từng ngày tháng qua, từ khi rời Saigon trở về gần hai năm, ông đã sống yên lặng nhởn nhơ với mình như vậy - như hàng cây bạc hà vô tư bên đường trước sân nhà.

Rải rác trên các ô sân rộng, trên thềm hành lang, hay tại các ghế đá dọc theo bờ hồ công viên ở giữa - người đi tập thể dục đông dần. Nhiều nhất là quý bà, quý cô, và các học sinh. Đàn bà tập thể dục để giữ sắc đẹp và sức khỏe. Đàn ông tập thể dục để mong có sức khỏe sống lâu, nhưng dường như họ ít quan tâm hơn là việc hưởng thụ trước mắt.

Ông vẫn ngồi yên. Lẳng lặng một mình nhìn ngó. Mỉm cười. Và đôi lúc chợt thở dài...

Một buổi sáng, một cô gái trạc hai mươi dừng lại.

- Thưa chú, chú ngồi nhìn gì mà cháu thấy sáng nào chú cũng đến ngồi ở bậc cấp đây cả nửa giờ vậy? - Cô gái hỏi.

- À, chào cháu! Chú ngồi nhìn trời đất, cây lá, xe cộ, mọi người qua lại, và đời mình...

- Đời mình làm sao mà nhìn được hả chú?

- Có đấy! Cháu chưa đến tuổi để có thể "nhìn lại đời mình" đâu. Rồi cháu sẽ biết thôi...
- Vậy thì có gì đâu mà chú cứ nhìn hoài cả tháng... không chán?
- Không nhìn vậy, chú biết nhìn ở đâu, bây giờ?

Cô gái mỉm cười - bước đi. Ông Kế chợt nghĩ: "Có lẽ mọi người quanh công viên cũng có thể nghĩ vậy, nhưng chỉ có cô gái kia là hồn nhiên cất tiếng hỏi mà thôi!" Tuổi trẻ của ông cũng có thời đã trải qua như vậy: Hồn nhiên, bộc trực, chân tình. Những tháng năm đi học ngây thơ bay nhảy, những tháng năm vượt rừng lội suối ào ào, những tháng năm lang bạt đó đây không toan tính; ôi những tháng năm của một đời người sao mà qua mau đến vậy? Ông tự hỏi: "Đã có lần nào trong cái qúa khứ ấy, ta đã dành một phút giây nào nghĩ đến buổi sáng hôm nay ngồi ở bực thềm nhà lục giác nầy một mình không nhỉ?"

***

Vợ chồng Thảo thường thức dậy lúc 5 giờ khi ông Kế đã ra đi khỏi nhà. Sáng hôm nay, ra mở cửa, Thảo vẫn nhìn thấy chiếc xe đạp của ông dựng ở góc nhà giữa. Hiệp - chồng Thảo, lo gọi con thức dậy – rửa mặt cho nó, thay áo quần, chuẩn bị cho nó ăn sáng, pha chai sữa đem theo, kiểm tra túi xách nhỏ đựng áo quần khăn lau, và chở con đến trường mẫu giáo trên đường đi dạy. Lúc Hiệp chở con ra đi, Thảo vội lên gác gọi cha dậy, để kịp đi làm sớm một chút vì phải thay phiên ca trực.

Thảo thấy cha nằm ngủ. Yên lặng.

Cô đưa tay vén mùng, kéo nhẹ cánh tay cha.

Cô kéo hết chiếc mền đắp, giật mạnh cánh tay lần nữa.

Ông Kế vẫn nằm im. Đôi mắt nhắm nghiền. Như người ngủ say.

- Cha ơi! -Thảo gọi, cha ơi...

Cô áp bàn tay lên mặt cha. Lạnh ngắt. Áp bàn tay lên ngực cha: Trái tim không còn đập nữa... Thảo áp sát tai lên mũi cha - không nghe thấy động tĩnh gì: "Cha ơi!" - Cô bật khóc òa lên thảm thiết: "Cha ơi, đã đi thật rồi sao?"

Ông Kế đã chết!

Thảo vội lấy điện thoại gọi ngay cho Hiệp. Rồi gọi cho Tính.

Hiệp quay về, nhưng không thể làm gì được nữa rồi.

Trưa hôm ấy Tính theo chuyến bay 10 giờ sáng, trở về - chỉ kịp lo chuẩn bị cho các việc xem giờ, mua cổ quan, khâm liệm, thành phục, mời đội mai táng thị trấn đến phụ giúp lễ nghi... Nhớ lời dặn của ông Kế thuở trước, Thảo vội đến chùa Ngọc Tánh (nơi đã quy y) mời thầy trụ trì đến làm lễ cầu siêu. Vợ và hai đứa con của Tính cũng đã lên tàu ngay chiều hôm qua.

Vì được ngày lành, bốn giờ chiều hôm sau xe tang đã đưa ông Kế lên nghĩa trang thị trấn - đúng giờ thường ngày ông Kế vẫn lôi chiếc xe đạp ra để bắt đầu đi ra vùng ngoại ô ngắm cảnh... Bây giờ thì ông cũng có một chuyến đi, nhưng đi mãi - không về!

Vợ con Tính sau ba ngày "làm ngu", đã lấy máy bay trở lại Saigon vì công việc, vì không thể bỏ nhà lâu hơn. Tính còn ở lại cho đến ngày làm tuần. Mấy ngày chờ đợi, anh tiếp bà con, bạn bè, xóm giềng đến thăm, chia buồn. Một buổi sáng, anh tẩn mẩn thu xếp chồng sách báo cũ của ông Kế ở góc phòng ông nằm, tình cờ nhặt ra một cuốn sổ tay bìa mầu nâu đã sờn cũ, to bằng hai bàn tay, dày khoảng trăm trang...

Anh lật vội vào trang đầu, thấy nét chữ nắn nót chơn phương của ông Kế năm xưa: "*Nhật Ký Cho Con*"...

"10 giờ Ngày 21 tháng 5 năm 1981

... Đã qua một ngày thở oxy ở phòng cấp cứu, nhưng mầu da của Tính vẫn còn xanh tái, thỉnh thoảng bị co giật. Tình trạng không có chiều hướng thuyên giảm chút nào. Cô bác sĩ trưởng phòng vẫn thản nhiên ngồi cắm cúi ở bàn làm việc, không tỏ chút bận tâm, hay có ý kiến gì với vợ chồng mình cả! Chỉ có hai cô y tá là luôn đứng bên cạnh Tính, theo dõi, nhưng cũng không có quyết định gì mới, sau buổi chiều ấn vào tay mẹ Tính cái toa thuốc - nói với bà: "Chị nên đi mua các loại thuốc cần thiết cho cháu gấp đi, bệnh viện không có tiêu chuẩn đặc biệt dành cho gia đình chị". Mẹ Tính cầm toa thuốc, đã ôm mặt khóc ấm ức vì biết rằng, với mấy loại thuốc ngoại nhập hiếm hoi ấy, moi hết tiền của trong nhà, cũng chẳng đủ! Mình đã vội đi hỏi thăm ở khoa dược,

được biết, giá cho bốn loại, mỗi loại một hộp và bình serium đạm phải gần ba trăm ngàn. Mình đã moi hết trong óc ra tên những người thân, những người bạn, nhưng chẳng có chỗ nào có thể đến mượn tiền được, ngay chỉ một trăm ngàn. Cô bác sĩ trưởng phòng đã có ý không đổi bình oxy mới, khi bình cũ sắp hết. Cô buông lời lạnh lùng: "Cháu không sống được đâu!"

"13 giờ chiều ngày 21 tháng 5…

… Trong lúc ngồi bó gối ủ rũ ở hành lang phòng cấp cứu số 2, mình bỗng nghe tiếng người đàn bà khóc òa lên khi bước ra khỏi phòng. Trông cách ăn mặc, dáng vẻ của bà, mình nghĩ có lẽ bà thuộc gia đình giàu sang, hay cán bộ cấp cao. Mình đến gần: "Sao vậy bà?" – "Cháu cần máu để truyền, nhưng những người thân không ai có nhóm máu AB của cháu cả! Bác sĩ nói, nếu không có máu truyền gấp cho cháu chiều nay, cháu khó qua khỏi đêm nay đâu…" Mình bỗng nhớ đến loại máu của mình được khắc trên thẻ bài năm xưa, là loại máu AB – "Tôi thuộc nhóm máu AB – tôi giúp cháu được không?" Người đàn bà nghe xong, hai tay chắp trước ngực: "Phật ơi! Ngài đã cứu con tôi…"

Mình đã đi theo bà đến phòng lấy máu nằm bên kia dãy lầu như một cái máy. Sau khi cân trọng lượng của mình, gần 60 ký, vị bác sĩ hỏi thêm mấy câu về bệnh tật đã và đang có, sinh hoạt hằng ngày, căn dặn đôi điều sau khi được lấy máu cần giữ gìn, nếu có triệu chứng bất thường thì làm cách nào, cách nào, vân vân – mình cũng chỉ nghe như một cái máy, mong được lấy máu sớm, để kịp thời cho người bệnh đang trông chờ từng phút trong phòng cấp cứu. Khi cô y tá xét nghiệm máu xong, mình được hướng dẫn ngồi vào chiếc ghế bành rộng, dựa lưng thẳng, và cô y tá đã lấy của mình 350 mililit cần thiết…

Mình ngồi im một lát, và cảm thấy hơi choáng, có lẽ sau 2 ngày đêm mất ăn mất ngủ chăng? Mình nhắm mắt, dựa lưng thẳng hơn lên thành ghế dựa nệm mousse cho đỡ mệt. Người đàn bà nhét vào túi áo mình một xấp giấy bạc, ríu rít nói lời cám ơn, và theo vị bác sĩ cầm bịch máu biến ngay sau cánh cửa phòng, mình không thể phản ứng gì… Sau hơn mười lăm phút, mình đã ngồi dậy được - cô y tá mỉm cười dặn: "Chú hãy giữ nguyên băng dán ít nhất 6 giờ nhé!Nên bồi dưỡng vài hôm! Uống nhiều nước, sữa, ăn trứng, và nước cam, tránh làm việc nặng, không thức khuya… Vài hôm là sẽ trở lại bình thường thôi chú à!" Mình hơi ngượng vì việc làm bất ngờ của người đàn bà, mình đâu có nghĩ đến việc "trả ơn" như vậy của bà ta trước đó? Mình bước vội ra ngoài, đi lửng thửng dọc hành lang để trở về phòng của Tính.

Mẹ Tính vừa thấy mặt mình, đã chạy lại khóc bật lên: "Trời ơi! Con đang nằm chờ chết, mà ông đi đâu cả mấy giờ?" Mình rút xấp tiền trong túi áo, không biết là bao nhiêu, đưa ngay cho mẹ Tính. Bà xòe ngay ra đếm: "Trời ơi! Tiền ở đâu mà nhiều vậy, ông?" "Anh mượn của người bạn - em coi thử bao nhiêu?" "Anh đi mượn tiền của người ta mà không biết bao nhiêu sao? Đến ba trăm bảy chục ngàn lận!" "Em lấy ba trăm gởi cho bác sĩ để mua thuốc cho con ngay đi – nhanh lên!". Mẹ Tính lật đật đẩy cửa, chạy vào phòng…"

"8 giờ sáng ngày 24 tháng 5…

Người đàn bà hôm trước lại tìm gặp mình ở hành lang trước phòng cấp cứu của Tính. Bà đưa hai tay cầm lấy tay mình, giọng run run: "Cám ơn anh nhiều lắm, cháu đã qua khỏi cơn nguy kịch. Bác sĩ phòng cấp cứu cho biết vài hôm nữa thôi sẽ chuyển sang phòng hồi sức để điều trị tiếp, chờ ngày xuất viện!" Mình cũng đã xúc động nói với bà: "Cám ơn bà, bà đã cứu con tôi!"

Tự dưng, cả hai cùng khóc…"

Tính áp quyển nhật ký lên ngực mình, khóc nấc lên: "Cha ơi!"

Tháng 2 năm 2012

MANG VIÊN LONG

56 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



CHUYỆN CŨ Ở LÀNG HẠ

truyện ngắn

NGUYỄN THĂNG

Câu chuyện xảy ra ở làng Hạ từ những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước những ngày đất nước chưa đổi mới .

Sáng hôm đó,bác sĩ Đức đang rửa mặt thì một người đi vào.

- Cháu chào ông ạ .

Nghe tiếng quen quen , ông Đức dừng tay lau mặt rồi ngoảnh lại đáp :

- Không dám mời ông vào nhà chơi .

Người mới đến là ông Thị .Ông Đức đứng lên vắt cái khăn mặt lên dây phơi rồi vui vẻ mời khách .Ông Thị bỏ cái mũ rách vành để lộ cái đầu bù xù như tổ quạ .Mùi mồ hôi ẩm mốc từ đầu tóc lâu ngày không gội , từ áo quần nhớp nháp ,cáu bẩn ,từ con người ông Thị tỏa ra thật khó chịu ,

Bây giờ ông Đức mới có dịp nhìn kĩ khuôn mặt bé choắt ,nhăn nheo thảm hại ấy .Ông Thị ngước cặp mắt thao láo nhìn chủ nhà cầu khẩn :

- Cháu đói quá.Ông bà bớt cho cháu xin bơ gạo .

Giọng nói phều phào be bé ,ngậm ngùi. Ông chìa chiếc mũ lá rách vành ra trước mặt ông Đức nói như giảng giải :

- Cháu biết ông bà làm việc nhà nước phải đi sớm, nên cháu đến đây trước,sau mới đi xin chỗ khác.

Ông húng hắng ho rồi tiếp :

- Cháu đói quá hóa liều . Không có sức đi xa thì cháu đi xin gần vậy.

Thì ra ông Thị đi ăn mày.Tội nghiệp ! Dân làng Hạ từ cổ chí kim không có ai đi ăn xin,ăn mày .Nay lại có ông Thị người đầu tiên của làng đi ăn xin mà lại hành khất ngay ở trong làng mình ? Thì ra khi bị đói người ta đâm liều,miễn là có hạt gạo !

Ông Thị hình dàng có nhiều nét độc đáo .Ông thuộc dạng ái nam ái nữ.Nhìn mặt mũi thì biết là đàn ông,nhưng giọng nói lại như đàn bà.Ông nhuộm răng đen,ăn trầu,cử chỉ như con gái .Quanh năm ông măc bộ quần áo bà ba gụ như nhà sư.

Bà cụ thân sinh ra ông Đức từ giếng đi vào .Cụ hấp háy đôi mắt ươn ướt nhìn con trai hỏi :

- Bố Thị vừa vào nhà ta ăn xin đấy à ?

- Vâng nhà con vừa xúc cho ông ấy một bò gạo - Ông Đức trả lời mẹ .Bà cụ thở dài :

- Hôm kia mẹ cũng cho nó hai bơ gạo rồi. Con người ta khi đói thì khổ đến thế đấy con ạ .

Mẹ lấy trầu ra ăn.Ánh nắng ban mai chiếu qua cây bưởi quả chín vàng in xuống sân gạch những vệt sáng loang lổ.Giọng mẹ xót xa:

- Khốn khổ vợ chồng anh Hân năm Dậu chỉ trong một ngày cả hai vợ chồng đều bị chết đói.Chồng đi sáng thì vợ đêm tắt nghỉ.Hai người cùng chết ở ngay điếm làng thật tội nghiệp! Thị mới 5,6 tuổi đã phải phiêu bạt lên tận Phúc yên.

Mẹ thuật lại vanh vách quãng đời lang thang phiêu bạt của Thị .Con người tội nghiệp này như một sản phẩm của tạo hóa sinh ra để chịu thiệt thòi .Lớn lên ,Thị đi làm mướn chuyên nghiệp.Kiếm được đồng nào Thị không tích cóp mà chỉ vặt mũi đút miệng.Có ăn Thị lại nằm dài, đói bụng Thi mới đi làm .Thị là loại người được đỏ nào đánh đỏ ấy. Năm 1977,Thị xung phong đi Lâm đồng để được tiêu chuẩn, đươc xóa nợ đã vay của hợp tác xã .Người ta đi kinh tế mới thì ăn lên làm ra, còn Thi. Đi rồi lại về tay trắng như thế đấy.

Mẹ kể rồi thở dài thườn thượt :

- Thỉnh thoảng mẹ vẫn cho nó ..Nhưng chẳng có ai mà cứ cưu mang mãi được

Mặt trời vượt lên khỏi lũy tre làng.Ngoài đường cái quan xuất hiện 5,6 chiếc xe cải tiến chở

đầy cỏ núi lặc lè kéo qua .Tiếng bánh sắt nghiến xuống đường kêu lộc cộc . Tiếng người nới chuyện léo nhéo. Trông họ mệt mỏi,phờ phạc làm sao ?Họ đang cố đẩy xe cỏ xuống chợ Vân Trì để bán lấy tiền đong gao chống đói. Thì ra có đói mới biết thương người ! Nếu không có buổi sáng nay tiếp súc với ông Thị và nhìn những người kéo cỏ núi đi bán kia thì Đức làm sao hiểu đươc hoàn cảnh những người lam lũ ấy ?

Hình ảnh ông Thị và những người kéo xe cỏ núi sáng hôm ấy cứ ám ảnh mãi bac sĩ Đức . Chờ cho đền chủ nhật,ông mới thực hiện được một ý định.Thử đến nhà ông Thị xem sao ?

Ngôi nhà ở ven cái ao làng,gần con đường có cây gạo vỏ sần sùi, quanh năm xanh tốt .Đó là một túp lều thì đúng hơn . Có một gian hai trái,lợp rạ,vách đất.Hồi 1953,1954 thì nhìn được.Nhưng nay thì ngôi nhà ấy nhìn thật tiều tụy,thảm thương .Nó thấp tè,có một cái cửa ra vào,hai bên có hai cái cửa sổ tròn ghép bằng bánh xe cải tiến hỏng,nhìn cứ thao láo như hai hố mắt của người ốm lâu ngày.Cánh cửa không có,nó tuềnh toàng như lều chăn vịt .Đằng trước ngôi nhà là cái sân đất nham nhở những vết chân vịt,chân chó,dấu vết của trân mưa rào hôm trước .Xung quanh sân là mảnh vườn cỏ gà, cỏ cứt lợn ,vòi voi thi nhau mọc bời bời .Ông Thị ngồi thu lu ở xó nhà,bên những ông vua bếp đen xì lì lợm .Vợ Thị cùng con nằm tênh hênh trên chiếc võng ở gian bên kia.Thằng bé con gày nhom đang chơi một minh,mũi dãi nhem nhuốc. Mẹ nó thì ngủ ngáy kho khò như kéo gỗ .

Thấy khách vào ,ông Thị không chào,chỉ dương mắt nhìn,đoi mắt trắng dã trũng sâu dươi đôi lông mày rậm.Ông nhìn khách chằm chằm .Mặt ông choắt lại trông đén sợ.Bác sĩ Đức lấy lại bình tĩnh rồi lên tiếng :

- Ông Thị đấy à ?Hôm nay tôi đến thăm ông đây.

Ông Thị ậm ừ như tiếng mèo rên .Ông Đức nhắc lại lần thứ hai ,ông Thị bỗng đổi giọng:

- Cứ tưởng ai hóa ra ông Đức .Mời ông ngồi xuống đây -Thị chỉ vào cái manh chiếu rách ông đang ngồi.Mùi rượu nồng nặc lẫn với mùi bã trầu hôi hôi thật khó ngửi .

Ông Thị dương mắt nhìn tận mặt ông Đức hỏi giọng lè nhè :

- Ông đã đi nhiều nơi .Ông có thấy ai khổ như tôi không ? Thị nói nhíu cả lưỡi, phả hơi cua lòm vào mặt Đức khiến cho nhà y học phải nhăn mũi.

Bác sĩ Đức trấn tĩnh nói ;

- Ông khổ là tại ông thôi ?

- Tôi khổ là tại tôi , ông nói gì mà lạ thế ! Ông Thị nhìn ông Đưc bằng đôi mắt đỏ ngầu dễ sợ .

Ông Đức lấy trong túi áo đại cán ba cái bánh mì đưa cho ông Thị .Ông ta nhanh nhảu đón lấy rồi quẳng cho thằng cu một chiếc,còn lại ông bẻ ra nhai nhồm nhoàm .

- Qúi hóa quá ,cảm ơn ông thương người –Thằng cu con cũng đưa chiếc bánh lên miệng nhai nhìn ông khách mới tới nhoẻn cười .

Ông Đức ngồi xuống bậu cửa nói ;

- Đất đẹp thế này mà ông bỏ hoang phí hoài quá . Sẵn con mương đáy ,sao ông không vật đất lên mà tôn cao ,cải tạo vườn ?. Ông Thị lắc đầu :

- Đói bụng bủn rủn chân tay còn muốn làm gì hả ông ?Vườn lại tuềnh toàng không giữ được,có làm thì kẻ trộm nó cũng vặt mất.Trồng cây chăc gì đã đươc ăn quả . Ở xóm em,kẻ trộm nhiều lắm ông ạ .

Tiếng ông Thị nhỏ dần, buồn bã . Ông lại móc túi lấy ra một miếng bánh đưa lên miệng nhai tóp tép. Ông Đức giảng giải :

- Không phải tốn kém gì,chỉ cần ông cố gắng thôi . Ví dụ như chỗ vườn tiếp giáp với mương nước kia ông trồng khóm tre . Xung quanh vườn ông trồng xoan đẻ sau vài năm ngả xuống làm nhà .trong vườn ông trông chuối .Chuối con thì đi xin thiêu gì.Cây xoan con thì ra đông kiếm, nó mọc đầy cả..Chỉ dăm năm là thu hoạch thôi mà . Chuối thì một năm, đã có buồng . Còn trồng xoan đát mình độ bảy tám năm là làm đươc nhà ?

Ông Thị nhai trầu bỏm bẻm chăm chú lắng nghe, trán nhăn lại. Vẻ e ngại,ông nói với ông bac sĩ tốt bụng :

- Không rào đươc ,trẻ con người lớn nó vào đươc,nó bẻ,nó phá hết..Nếu có buồng chuối , nó lại cắt trộm thì công toi ông ạ.

Ông Đức cắt ngang :

- Ông ra ở đất này đươc mấy năm rồi ?

- Từ năm Giap Tí đến nay dễ chừng đươc bốn năm rồi .

- Nếu ông trồng chuối từ ngày đó đến nay cũng đã to lắm rồi ,ông thấy phí chưa ?" Có phải đói là do ông không ? Tiếng nói của ông Đức vẫn đều đều;

- Còn về lâu dài ,ông phải làm bếp ,làm chuồng lợn,làm nhà tiêu nữa. Ông cũng nên lấy găng trồng xung quanh vườn làm hàng rào,làm cổng rong đóng mở cẩn thận mới ngăn đươc kẻ trộm.Rõ ràng đói là do ông? Hai ông bà chỉ có một thằng cu,có ba miệng ăn chứ nhiều nhặn gì ? Thế mà vẫn bị đói là đáng trách lắm !

Ông Thị nhìn ông Đức tỏ lòng biết ơn .

Ngoài kia nắng hoe vàng,gió thổi xôn xao .Bấy giờ ông Đưc mới ngắm thằng cu.Mọi người cứ đòn ông Thị ái nam ,ái nữ làm sao có con .Thằng cu kia là con người khác.Nhìn kỹ thì nó chẳng giống bố .Nhưng ai nhận vào đây được ? Thằng bé đến ngoan.Nó ăn gần hết cái bánh,còn mẩu cuối nó nhét vào mồm mẹ.Thằng cu thích chí cười sằng sặc.Mẹ nó ú ớ rồi tỉnh dậy.Nhìn thấy khách chị tủm tỉm cười nhe cả mấy chiếc răng bàn cuốc .Ông Đức hỏi trước để ả đỡ ngượng:

- Gớm bà chủ dậy làm gì vội,mới có chín giờ thôi mà .

Vợ Thị ngồi dậy ho sù sụ như người già rồi nhổ toẹt xuống nền nhà .Thị nói giọng ồm ồm như chõ vào ống bơ

- Mệt đói quá nên ngủ sớm cho quên đi ông ạ.

Rõ là một người lười biếng ,chả trách đói là phải ? Tuổi xấp xỉ 30 mà phải lấy ông già 56 . Hai người ngu dần ở với nhau còn khổ suốt đời ... Nghĩ vậy ,ông Đức lái sang việc khác:

- Chị cấy mấy sào ?

- Có một sào..

- Lúa tốt không ?

- Có nhưng không có phân.....

Ả cứ nhắm mắt trả lời, thỉnh thoảng lại giương căp mắt lông quặm rồi cười thật vô duyên . Ông Đức nhin ả hỏi chân thực :

- Dạo này ông ấy có đi xin nữa không ? Ông ấy đi một mình hay cả hai người cùng đi ?

- Ông ấy đi còn em coi nhà . Đi ăn xin xấu hổ lắm,em chịu thôi .

Ả đỏ mặt ..

Mặt trời lên cao,ánh nắng chiếu vào chỗ Đức đang ngồi . Ông uể oải ra về rồi dặn cả hai người:

- Đi xin chống đói thì cứ tiếp tục . Bà có thể đem giỏ ra đồng bắt cua đem bán lấy tiền đong gạo..Còn việc phải làm ngay là trồng xoan,trồng chuối. Nếu không làm được thì cho ngươi ta làm. Họ sẽ trả thóc cho. Đừng có để vườn hoang,cỏ dại ,chó ỉa thế này. Tấc đất tấc vàng phí quá .

Vợ chồng Thị vâng dạ . Ông ta cũng chụp cái mũ hôm xưa lên đầu, mặc vội cái áo công nhân vá chằng vá đụp (chắc xin ở đâu đươc). Ông cùng đi với ông Đức ra cổng rồi ngoặt vào ngõ đông.Thị lẩm bẩm nói một mình :

- Hôm nay thử vào xóm Bún xem sao ?

Rồi hắn nói to cho vợ hắn nghe:

- Mẹ cu kiếm củi đi . Nếu xin đươc tao mang về ngay đây.

Lão cằn nhằn :

- Đàn bà quạ mổ.Chỉ có mình ông kiếm ông nuôi..Cứ nằm tênh hếnh ra đấy lấy ... mà đổ vào mồm à ?

Nhà y học nhăn mũi, lắc đầu.Có phải cái đói,cái nghèo làm cho người ta thô lỗ ,tục tằn chăng ? Bác sĩ Đức đi thẳng đén xóm giữa làng. Cái ngõ sâu rông .Hai bên đường nhà cửa chen chúc đủ kiểu .

Đây là nhà hai tầng của Vương Tường, giám đôc ngoại thương huyện.Nghe nói hắn giầu nhất làng này .Nhà hắn chẳng thiếu thứ gì .Đi tí nữa là nhà lão Háy.Lão nổi tiêng cơ chỉ,suốt ngày chỉ biết làm quần quật và tích thóc, ăn độn quanh năm.Lão chẳng dám sắm sửa gì .Nghe đâu nhà lão Háy chỉ có cái giường tre .Bên trong nhà không dám trát tường sợ mối.Cứ nhìn cái tường đất to dầy,rêu mọc cao ngập đầu người với cái cổng rong luc nào cũng đóng kín là biết tính của lão.Lão ít chơi bời giao du với ai .Nghe nói thế chứ Đức chưa vào nhà ông này bao giờ .Nằm sau nhà lão Háy là túp lều xiêu vẹo của nhà ai kia ? Nó tiều tụy thảm hại như nhà chị Dậu trong tiểu thuyết Tăt đèn .À phải rồi,có lẽ nhà cô Cứ.Một người vừa dở hơi,vừa đồng bóng.Bà đã ngoài 60 tuổi không có chồng nên dân làng vẫn gọi là "cô". Cô Cứ chịu khó phá hoang làm mướn ra phết,

nhưng được dồng nào là bói toán cũng lễ hết...Lác đác có một vài ngôi nhà mới xây theo kiểu biệt thự kiểu cách chìm trong vườn cây trái sum xuê. Một vài nhà nhô lên giàn ăng ten như bảo rằng chủ nhân vừa sắm được tivi.

Đây là xóm giàu nhất làng Hạ. Chủ nhân của những ngôi nhà kia là những hộ buôn bán, vừa làm ruộng, vừa chạy chợ. Có một vài nhà cán bộ, giám đốc, có chức có quyền. Họ xoay xở kiếm chác được, chứ làm ruộng thì lấy đâu ra? Và cơ bản người làm ruộng, ông Đức còn lạ gì nữa? Họ chỉ cố làm cho được cái vỏ bên ngoài ra vẻ đàng hoàng, cũng sập gụ. tủ chè nhưng để cho đẹp. Cứ nhìn vào bữa ăn của họ thì biết chỉ có cơm độn rau muống qua quýt, sang lắm thì có chút mì chính, nước mắm chứ thịt cá chỉ khi nào có khách hay giỗ chạp. Họ ăn mặc cũng giản dị. Xóm này còn có thây Ka dạy học đã ba chục năm mà chỉ có cái xe đạp Phượng Hoàng cũ kĩ.

Ông Đức rẽ vào nhà chủ nhiệm hợp tác xã Trần Văn Thọ. Anh là người lanh lợi, hai mắt sáng ẩn dưới đôi lông mày lưỡi mác. Nhìn Thọ thông minh dễ gần. Anh mặc áo bay Nga, nhìn thật chững chạc. Ở nông thôn bây giờ người ta bảo phải bầu những ông chủ nhiệm giàu có mới ăn lện làm ra, chứ những tay ngheò rách thì không làm gì được. Họ lí luận, ông ấy chỉ huy một hộ năm sáu người còn không xong, nữa là lãnh đạo hàng nghìn quân. No lên bụt, đói lên ma. Mặt khác khoán quản rồi, chẳng sợ ai chấm mút...Thọ là con người như thế. Sau khi đi bộ đội phục viên về, Anh được bầu làm chủ nhiệm làng Hạ hai khóa rồi.

Anh pha ấm trà Thái để cho ngấm rồi thận trọng lấy trong tủ ly bao thuốc ViNa mời khách:

- Anh xới thuốc đi. Cụ và chị nhà vẫn khỏe chứ ạ? Giọng của anh thủ thỉ thân mật.

- Cảm ơn anh, mẹ tôi và bà xã vẫn bình thường – ông Đức đáp rồi hỏi:

- Chị và các cháu đi đâu rồi hả anh ?

- Mẹ con nó hôm nay đi cắt cỏ núi anh ạ. Cái ăn đã gay, cái đun cũng vất vả.

Chủ nhiệm Thọ rót nước mời khách rồi bật lửa ga mời ông Đức châm thuốc, còn mình thì hút thuốc lào sòng sọc. Ông Đức uống chén trà rồi hướng về chủ nhiệm Thọ hỏi:

- Anh biết gia đình ông Thị chưa?

- Biết chứ, những làm thế nào được-anh lôi trong ngăn kéo ra một cuốn sổ tay chìa trước mặt ông Đức:

- Danh sách cứu đói của hợp tác xã đây. Mặc dù ông Thị không ở diện nào, liệt sĩ, thương binh không phải, đông con nheo nhóc cũng không. Nhưng hợp tác xã cũng vữa cứu tế mười cân gạo rồi.

Chủ nhiệm lắc đầu:

- Vợ chồng tay này lười lắm. Vào Lâm Đồng để xóa nợ, lai bổ ra cưới vợ. Hợp tác xã cấp đất cho làm nhà. Đáng lẽ thì không cấp nữa. Hồi cải cách ruộng đất hắn đã được chia rồi, nhưng hắn đã bán đi để ăn. Ban quản trị bố trí cho ra trại chăn nuôi thì hắn ăn cắp từ đấu cám đến cái chổi cùn. Bố trí cho làm chân nước nôi trong ủy ban thì chỉ nằm dài bỏ bê công việc.- Anh rít một hơi thuốc lào phà hết khói rồi nói với bác sĩ:

- Anh xem có cách gì không? Đó là tình hình chung của dân làng năm nay, thôn ta có tới 50% số hộ chạy ăn từng bữa. Nhưng có ai như cái ông Thị. Ông ta thấy đi ăn mày, ăn xin thì nhanh, ăn được ngay mà lao động làm ra thì lâu? Ông Đức lắng nghe rồi nhíu mày suy nghĩ nói:

- Giúp họ một vài bữa thì không khó lắm. Nhưng cái cần thiết, cái quí hơn cả là phải giúp cho họ một phương pháp làm ăn phải không anh .

Chủ nhiệm Thọ lắc đầu ...

...Dạo này ở làng Hạ trôm cắp xảy ra liên miên. Chúng lấy từ buồng cau, trái chuối đến con gà, con lợn..Ai ngờ cả đến quả cà ,dây lang ngoài đồng cũng bị xẻo mất. Đói ăn vụng ,túng làm càn. Xóm làng không êm ả bằng phẳng mà phức tạp rối bời.

Đêm ấy trăng sáng đẹp quá.Trẻ con người lớn rủ nhau lên xóm Chùa xem văn công .Người đi xem cứ nườm nượp,chuyện trò rôm rả.Khuya lắm vợ chồng ông Đức mới đi xem phim về ,ngả lưng xuống giường là ngủ thiếp đi.Mãi đến khi sáng bạch mới dậy thì ôi thôi mới hay bị mất trộm cả bốn con ngan đang đẻ.

Đang băn khoăn thì có hai người đi vào,ông Đức nhìn kĩ thì nhận ra người quen .Đó là anh Thọ và anh Hải trưởng ban bảo vệ.

- Mời các anh vào nhà xơi nước? Ông Đức mời rồi phân bua – Đêm qua nhà tôi mất trộm cả bốn con ngan đang đẻ. Tệ thật, các anh phải nghiêm trị để giữ vững kỷ cương xã hội! Ông Đức bất bình đề đạt. Chủ nhiệm Thọ hướng đôi mắt sáng nhìn anh nói:

- Mời bác sĩ ra trụ sở nhân ngan. Cậu Hải đã bát được kẻ gian vào lúc 4 giờ sáng.

- Kẻ trộm trong làng hay thiên hạ hở anh? Ông Đức sốt sắng hỏi. Chủ nhiệm Thọ tủm tỉm cười bảo:

- Cứ ra trụ sở anh sẽ biết. Ban bảo vệ đang giữ nó ở đấy.

Nói rồi hai người hấp tấp đi ra, ông Đức hăm hở đi theo. Một lát sau, họ đi ra sân kho làng. Chủ nhiệm Thọ khoát tay chỉ vào phòng bảo vệ. Ông Đức hấp táp đi tới nơi. Nhìn qua cửa sổ ông bỗng giật mình sững sốt. Vợ tay Thị và mấy con ngan của nhà ông vẫn bị buộc chân quẳng ở đấy. Bên cạnh là cái bao tải. Vợ Thị không nói gì. Mặt đỏ bừng, chợt nhìn thấy ông, ả vội cúi mặt xuống đất...

Thấm thoát đã đến mùa thu hoạch, lúa chín vàng trải rộ tù lũy tre làng đến ven sông Cà Lồ. Đứng ở bãi Ga mà nhìn, Chỗ nào cũng lúa. Lúa cứ vàng sáng lên một màu vàng trù phú. Cái đói đã đi qua. Cái no đã đến. Xóm thôn vui phơi phới hẳn lê. Niềm vui hiện trên những khuôn mặt nhăn nheo khắc khổ. Giá thóc ở chợ Vân từ chỗ chín mươi ngàn một nồi tụt xuống còn sáu mươi ngàn đồng. Giá thịt lợn từ mười năm ngàn đồng một cân tăng lên hai mươi ngàn. Bây giờ bán đi một nồi gạo chỉ mua được hai ba cân thịt lợn. Có bát gạo ăn người ta lại phải có thịt mới nuốt được. Chẳng bù vào khi đói ăn cơm độn sắn với muối vẫn ngon. Nhưng mấy nhà không có giỗ tết lại đi bán thóc để mua thịt? Hóa ra ở nông thôn tình trạng thiếu chất dinh dưỡng vẫn là căn bệnh thâm căn cố đế.

Nghĩ lại trận đói tháng ba năm trước, dân làng còn rùng mình. Mọi người thấy giá trị của đất đai là quí. Săn sóc không bằng góc ruộng, bãi ga, thùng đấu, đầu thừa, đuôi thẹo mọi khi để cỏ mọc, nay đều được khai phá trồng cấy. Thành ra không chỗ để chân trâu bò. Cái no ập đến xóm làng như người ốm chóng hồi phục nhiều nhà tính toán để thóc đủ ăn đến vụ sau, còn thừa bán đi mua giấy bút, mua quần áo cho các con... Trăm thứ đều trông vào hạt thóc.

Ông Đức ở bệnh viện về thì trời tối. Mảnh trăng thu đã lấp ló sau bụi tre nhà ông Cò. Tuy là công chức không làm ruộng nhưng nhìn quang cảnh xóm làng no đủ, ông cũng vui lây niềm vui của mọi nhà.

Cất cái cặp vào tủ, ông dắt xe đạp phóng đi. Đường làng bề bộn những rơm rạ, khiến cho ông thỉnh thoảng lại phải dừng xe rút những sợi rơm quấn vào xích líp xe. Một lúc sau, ông Đức cũng đến nơi.

Hai vợ chồng Thị ngồi đón trăng. Thấy khách vào ông chồng lên tiếng:

- Ông đến chơi, ông khỏe không ạ? Ông Đức dựa xe vào tường rồi vồn vã:

- Cảm ơn ông, tôi vẫn bình thường. Gia đình xơi cơm chưa?

Chị Thị trả lời khiêm tốn:

- Nhà cháu đã ăn rồi ạ.

Ông Thị nhanh nhảu vào trong nhà vác chõng ra sân:

- Mời ông ngồi chơi ạ? Rồi Thị oai vệ sai vợ:

- Mẹ cu đi đun nước! Vợ Thị ngúng nguẩy xách cái siêu ra vại lấy nước rồi xách vào trong nhà đánh lửa đun nước. Rơm khô cháy bùng bùng soi rõ cả gian nhà trống trải. Ông Đức nhìn thấy một đống thóc vãi tung tóe. Ông hỏi chủ nhà:

- Ông Thị đã gặt rồi à?

- Vâng cháu đã cắt hết rồi để lấy cái ăn. Một sào, chỉ được ba thúng. Người ta có công, có sức được gấp ba, gấp bốn,! Ông Thị ỏn ẻn đáp thật thà.

Nước đã sôi. Ông Thị xúc ấm rồi the thé sai vợ:

- Sang cụ Dương xin ấm chè? Ả như cái máy ù té đi rồi lại tất tả về đưa chè cho chồng. Ông Đức quan tâm hỏi:

- Ông bà còn lúa nữa không?

- Cháu hết rồi, chỉ cấy có một sào! Thị đáp, giọng bùi ngùi tiếc rẻ.

- Ông bà thấy chưa! Đức nói sôi nổi hẳn lên – Họ làm được thì bồ đầy, cót vơi, còn mình không chịu làm thì không bằng thóc bã rơm nhà người ta. Gặt xong rồi, ông bà làm gì? Vài hạt thóc thế kia ăn được mấy hôm?

Ông Thị buồn bã lắc đầu:

- Ôi dào, bấc tới đâu, giàu tới đấy ! Tiếng Thị the thé như tiếng bà già rồi ông ngước nhìn lên vầng trăng nghĩ ngợi. Thị rót nước ra bát mời khách còn minh lấy trầu ra ăn, lơ đãng ngắm mảnh vườn đầy ánh trăng. Trăng sáng quá, ánh trăng xanh dịu tãi trên những cây vòi voi, cứt lợn mọc bời bời. Ông Đức thực thà:

- Mảnh vườn vẫn đẻ cỏ mọc thế này, phí hoài quá?

Từ dạo ăn trộm ngan đến nay mới gặp ông Đức nên vợ Thị thèn thẹn bế con vờ ra ngõ hóng mát. Ở nhà chỉ còn hai người. Ông Đưc uống xong bát nước rồi bảo:

- Tôi biết dưới làng Vân, cách đây 15 km, người ta có lệ thuê người làm. Vụ gặt, chủ nhà cho ăn ba bữa cơm ăn no nê và trả công hai chục ngàn đồng, ông nên xuống đấy mà xin làm.

Ông Thị ngước đôi mắt kèm nhèm nhìn ông bác sĩ nhân từ:

- Làng ấy họ làm gì mà nhiều tiền thế hả ông?

- Làng ấy đóng tủ chè, sập ngụ. việc cày cấy, gặt hái họ thuê mướn cả. Thiên hạ đến làm đong lắm.

Ông Đức hạ giọng thì thầm. Nghe thủng câu chuyện, ông Thị nhả bã trầu ném đi rồi đáp nhỏ nhẹ:

- Đi làm mướn như thế xấu hổ lắm. Ăn có mời, làm có mướn chứ. Ai đi xin đám hả ông?

Bác sĩ Đức nhìn ông Thị cởi mở:

- Đi ăn mày còn chẳng xấu hổ nữa là đi làm mướn. Ở làng ấy người ta có lệ ấy. Mình xuống ngồi ở chợ Đình, có người đến mượn ngay lo gì?

Thị đồng ý gã nói:

- Ngày kia, ông đưa vợ chồng cháu xuống nhé. Ông đã thương thì thương cho chót. Mai là thứ bảy, kia là chủ nhật, ông dược nghỉ đi giúp cháu. Có việc làm, vợ chồng cháu không quên ông đâu – Gã cầu khẩn thiết tha. Trước lúc ông Đức về, ông Thị bộc bạch:

- Dạo tháng ba đói, nhà cháu chót dại. Cụ và ông bà tha cho. Nếu không thì lôi thôi to. Nhà cháu nó sợ, nếu lấy trộm của người khác mà bị bắt thì họ đánh chết, hoặc bắt bồi thường nặng, nên không dám. Còn lấy của ông, nhỡ ra ông bắt được, ông cũng không nỡ. Nghĩ lại, xấu hổ quá?

Ông Đức xua tay:

- Mấy con ngan chứ gì.Thôi chuyện cũ cho nó qua đi. Biết lỗi là được?

Ông Đức thoáng thấy vẻ tư lự trên nét mặt ông Thị.

- Cháu nghèo quá hóa ngu phải không ông? Tiếng Thị thẽ thọt nhỏ dần khiến người nghe mủi lòng.

- Sông có khúc, người có lúc, cứ yên tâm đi ông Thị ạ? Bác sĩ động viên làm cho ông Thị cảm động. Dưới ánh trăng xuông nhìn ông Thị mới thảm hại làm sao!

Ông Đức về đến nhà đã khuya lắm. Hoa cau thoang thoảng. Tiếng máy tuốt lúa của mấy nhà trong xóm vo vo đều đều. Đêm nay mệt quá, ông bỏ thói quen đọc sách, rón rén lên giường nằm.

Một lát sau ông đã ngáy đều đều...

Một làn gió nhẹ thoáng qua, trước mắt ông Đức là cánh đồng lúa chín. Người gặt tấp nập. Xe bò, xe cải tiến, máy bông sen rộn rã đi về. Những người nông dân vừa con trai, vừa con gái, áo quần lành lặn. Họ vừa làm vừa hát hò vui vẻ. Các bà, các chị áo bà ba gụ, áo cánh nâu, áo phin trắng bỏm bẻm nhai trầu. Họ ngồi nghỉ dưới gốc cây đa cổ thụ ven đường, nói cười vui vẻ.

Ngày hội Cỏ Loa, hội đền Soc Sơn, người đi trẩy hội đông vui, náo nức. Vợ chồng ông Thị đã xây dược nhà ba gian, quét vôi có giàn ăng ten ở đầu hồi.

Vợ chồng ông Thị đèo nhau trên chiếc xe đạp Cổ Loa màu rêu còn mới cùng đi xem hôi. Hai vợ chồng mặc quần áo mới. Ông diện véc tông màu đen, bà mặc áo len tím, trong là áo phin nõn trắng tinh. Hai người nói cười hỉ hả lẫn vào dòng người trẩy hội tấp nập.

Ông Đức cất tiếng gọi:

- Ông Thị ơi! Ông bà Thị ơi! Gọi ríu cả lưỡi mà vợ chồng Thị vẫn cứ đạp xe đi...

Ông Đức mở choàng mắt. Thì ra ông đang mơ.

Trăng sáng quá. Ánh trăng chiếu rọi cả vào trong nhà. Ánh trăng xanh diu dịu chan hòa trên mặt chiêu...

Tháng 3/1990

Đã phát thanh trên chương trình văn nghệ
đài phát thanh truyền hình Hà Nội 15/4/1990
và in trong tập Nước mắt đàn ông – Nhà xuất bản thanh niên – 1998.

NGUYỄN THĂNG

thơ



MỘT CHIỀU KHÔNG NẮNG KHÔNG MƯA

Chiều không có nắng. Lạnh. Không mưa.
Chưa phải heo may, gió nhẹ, vừa
đủ mướt tóc người con gái đẹp
tôi vừa chạm mặt...một câu thơ?

Với người con gái thơ là đẹp
Với đẹp của nàng thơ dễ thương
Son phấn chẳng qua là ngoại mạo
nàng cười tôi thấy tấm lòng son...

Nàng không hề biết tôi đang đứng
ngó mãi tay nàng vuốt cỏ hoa
Tôi tự hỏi nàng sao chẳng bướm
để lồng lộng áo nét kiêu sa?

Tôi tự hỏi tôi sao chẳng nắng
vuốt cho hai má của ai hồng
Nói yêu-em được, ai thèn thẹn
ai nhíu mày như mây bên sông?

Người con gái đó còn Xuân mướt
Tôi hối hận mình thơ xa xôi
chỉ nói trống không ngàn thuở trước
như vô tình gặp ai hai mươi...

Nàng mười bảy tuổi hay mười tám?
Tôi đếm thơ tôi hàng nối hàng
Không khéo thơ mình mai mốt lạc
một mình buồn lắm lối Thu sang...

TRẦN VẤN LỆ

truyện ngắn



TÌNH MỜ

LÊ VĂN THIỆN

Bên đàng trai có bốn người: vợ chồng ông Nhâm Ngọ và vợ chồng ông Đạt Đức, em ông Ngọ. Chị Nhàn và tôi ở phía bên gái. Đây là lễ làm quen vợ. Ông bà Ngọ tới xem mặt Quỳnh Mai – con chị Nhàn – để hỏi cưới cho cậu con Tấn Quang.

Tuy mới bước đầu, lễ nhỏ, nhưng nó cũng quan trọng. Chị Nhàn không chồng, nên nhờ tôi thủ vai đàn ông. Tục lệ cưới gả coi nặng nghi thức đủ đôi, có ông có bà. Chị Nhàn khen tôi biết ăn nói, tướng người sáng sủa. Nhưng đến giờ phút này, sắp vào cuộc, tôi chỉ mới biết được vài nét mỏng về "đối phương": ông Nhâm Ngọ giàu, nhờ hai đứa con ở nước ngoài. Cậu công tử Tấn Quang – con trai độc nhất của ông – học hành chập chờn, đến lớp 9 nghỉ, hiện đang học một khóa công nghệ thông tin ban đêm. Cậu ta được nuông chiều, ăn chơi khá vung vít.

Chỉ sau ít phút đã có thể thấy được anh em ông Ngọ vui tính, hoạt bát, trò chuyện có duyên. Họ thích nói, nói nhiều, không để cho tôi có dịp xen vào. Thế cũng tốt. Thật ra đàng gái chỉ nên nghe, chẳng có gì đáng để khoe! Ông Ngọ giới thiệu về gia thế, về hai đứa con gái ở Na Uy, mất khoảng nửa tiếng. Nửa tiếng tiếp sau, ông Đạt Đức nói về những nét nổi bật, các điểm tốt của sự kết hợp giữa tuổi Tỵ và tuổi Dậu của hai trẻ. Ông nói rành rẽ, thông thạo như một thầy tướng số. Tuyệt hảo! Hai tuổi này sẽ sống với nhau lâu bền, giàu lớn, hậu vận vượng không ai bì kịp! Theo cách nói của hai ông, đời chỉ toàn một màu hồng, cuộc sống là một giấc mộng dài và đẹp! Đây là góc nhìn của những người lạc quan, đang phất!... Hai bà vợ ngồi nghe, nghiêm trang, chăm chú. Cả hai ăn mặc đẹp, mặt tô son phấn dày cộp, vòng vàng đeo sáng tay, kín cổ. Chị Nhàn cười, chẳng nói tiếng nào. Dù không chú ý cũng có thể thấy chiếc áo dài chị mặc đã cũ, lỗi mốt, xuống màu, và

trên người chị chẳng dính được một gợn vàng nào. Nhưng chị rất vui! Chị từng nói với tôi nhiều lần, đây là đám tốt, mừng cho Quỳnh Mai. Chị mong muốn con gái có cơ hội thoát ra khỏi cái làng Cẩm Sơn còi cọc, để đời nó không rơi vào vòng cơ cực khổ nghèo dằng dặc như mẹ. Mấy ly nước khoáng trên bàn còn nguyên, chưa ai đụng đến.

Sang giàu ai chẳng mê, nhưng cũng có người không mặn mà lắm với cuộc hôn nhân này, đó là ông Dương, cha chị Nhàn. Ông bảo, mọi mặt được cả, chỉ có chú rể dường như chưa tốt lắm! Ông đã nghe lối xóm bàn tán về những cuộc ăn chơi theo kiểu "mát trời" của Tấn Quang. Trong đó có chuyện nửa thế kỷ qua chưa hề xảy ra ở cái huyện nhỏ này. Mẹ Quang bị các chủ quán đến nhà đòi nợ nhậu của con nhiều lần, có lần đến bảy triệu. Ở quê, nơi phụ nữ nghèo đi làm thuê, gánh gồng cấy hái, còng lưng dưới ruộng sình, nắng cháy mặt, mỗi ngày chỉ được bốn chục ngàn, con số bảy triệu ấy là một hòn núi. Tấn Quang còn chơi trội, trong các trận ăn nhậu, nhiều lần anh ta bảo quán đem ra hàng trăm chai bia đắt tiền, đãi tất cả thực khách có mặt lúc đó, kể cả người lạ, nếu uống không hết thì giặt khăn, rửa tay! Con người này, với cách sống bốc đồng, ngông cuồng hết cỡ thì tương lai, về già chắc sẽ "có vấn đề"! "Ta phải nhìn xa. Nếu chịu khó nghĩ sâu một chút, sẽ dễ dàng thấy rằng dù cha mẹ có để lại bạc tỉ, nhưng với một gã quản lý như thế thì sớm muộn số tiền đó cũng sẽ cháy sạch". Ông ngoại cô dâu kết luận.

Khi họ trai về, các bà các cô từ nhà dưới túa lên, thi nhau bình phẩm, nhận xét ào ào như họp chợ. Tất cả đều thích thú, ca ngợi. "Nhà Việt kiều có khác!" Họ khen hai chiếc xe đẹp, hai cái áo dài nhung lộng lẫy, những dây chuyền vàng to kềnh như sợi xích sắt. Họ cũng khen khuôn mặt đầy đặn phúc hậu của bà Ngọ, nét duyên già và tài ăn nói của ông Đức. Cha mẹ ơi, khen thiếu chút nữa sưng phồng cả miệng!... Chị Nhàn hỏi tôi:

"Ý chú thế nào?".

"Biết nói sao đây? Tới giờ tôi vẫn còn phân vân, có lẽ nên để cháu Mai quyết định, tùy nó lựa chọn".

Chị Nhàn mời tôi uống nước.

"Lúc nãy người bận nghe, kẻ bận nói, giờ thì ta uống!". Chị đùa.

"Chứng kiến tận mắt, nhưng dường như tôi không thấy được tất cả".

"Nghĩa là...".

"Có cái gì lướng vướng, chẳng thông suốt... có lẽ đó là hạnh kiểm của chú rể Quang".

Chị Nhàn gật.

"Chắc vậy. Ba tôi đã nói mấy lần, thằng Quang... Nhưng, nếu chê nó...".

Tôi làm một động tác không chủ định, gõ gõ lên trán mình.

"Không ai nghĩ rằng chúng ta sẽ chê... Hay là cứ phó mặc cho duyên phận, như người xưa nói, mười hai bến nước".

"Không chủ động, dựa hẳn vào vận mạng thì chẳng yên tâm chút nào... Nếu thằng Quang cũng ngon lành như cha mẹ nó thì đẹp biết bao!".

Uống liền hai hơi hết ly nước khoáng, tôi động viên chị Nhàn:

"Chẳng có cách nào khác đâu, chị à... Nếu xem xét khắp mọi góc cạnh, nhìn rộng ra, thì ta thấy trên đời chẳng có gì hoàn hảo, toàn bích, như người có kẻ tốt kẻ xấu, trời có ngày đẹp ngày mù mây... nếu tốt, hay cả thì không phải là đời nữa!".

*

Chị Thanh Nhàn sống một mình, nuôi ba đứa con. Anh Kim – cha Quỳnh Mai – người chồng đầu tiên của chị, là anh họ xa của tôi. Anh chị gặp nhau ngoài đường, hợp nhãn, về sống với nhau không cưới hỏi. Nhưng chỉ được vài năm anh Kim chết, trong một tai nạn khi đi tìm trầm... Không ai rõ cha của hai đứa con nhỏ của chị Nhàn là ai. Thời nay dễ, thiên hạ ít quan tâm đến loại chuyện này, việc ai người ấy lo. Những người sống kiểu "tự do" như chị Nhàn cũng khá nhiều. Nhưng cuộc mưu sinh đã khiến chị khốn đốn. Chị không rành một nghề nào, bạ đâu làm đó, tiền kiếm được chẳng bao nhiêu. "Tôi phạm một sai lầm lớn: sinh con quá nhiều. Nếu chỉ có Quỳnh Mai thôi, một mẹ một con thì khỏe, ung dung." Chị tự kiểm điểm, phê phán mình. Cực khổ, quay mòng vì cơm áo, tên là Nhàn nhưng xưa giờ chị chưa hưởng được một ngày thanh nhàn!

*

Về tới nhà, vừa bước vào sân, thằng con nhỏ đã chạy ra đưa cho tôi một mảnh giấy. "Thư của bác Hiệp." Trên vỏ bao thuốc lá Hiệp viết, nay là ngày giỗ chị Nga – vợ anh – mời tôi đến chơi. Tôi quay ra, đi tiếp. Sẵn đà, vù luôn, nếu vào nhà tôi sẽ đâm ra lười, chắc phải ngủ, mất lòng bạn bè!

Nhà anh Hiệp vắng teo, không giống nhà có đám tiệc. Ở phòng ngoài chỉ có anh và một phụ nữ lạ. Sau bếp hai con anh loay hoay với xoong nồi bát dĩa. Anh Hiệp giới thiệu bà khách là Linh Hoa, công nhân, cùng làm ở hãng xe hơi Hàn Quốc với anh. Chị Hoa này tuổi trạc non bốn mươi, dáng thanh mảnh, gương mặt khá xinh nhưng buồn. Suốt buổi tôi thấy chị chỉ cười một, hai lần. Tôi nghĩ bụng, chắc đây sẽ là người đem nụ cười đến cho anh Hiệp. Chị Nga mất đã lâu. Không thấy anh Hiệp có bạn gái. Cũng không thấy anh la cà đến những chốn ăn chơi, những quán đèn mờ ôm ấm, đang nở rộ khắp nơi.

Chúng tôi ngồi ăn với nhau. Anh Hiệp mang ra khá nhiều bia. Anh nói hôm nay đặc biệt, hai đứa phải uống tới bến, không thì các hãng bia người ta sẽ kiện!

"Còn mấy anh em khác mình sẽ mời vào 3 giờ chiều. Nào, chúc mừng sức khỏe của chúng ta". Linh Hoa nói chuyện hay, vui. Tôi ngạc nhiên khi biết, tuy ở quê, nhưng chị đọc sách đọc báo và xem phim ảnh khá nhiều. Và tôi càng ngạc nhiên về điểm: chị chưa hề lập gia đình. Chị nói:

"Tôi quen anh Hiệp hết sức tình cờ. Tôi thấy sự may rủi đóng vai trò quan trọng trong đời mỗi người. Không hiểu lần tình cờ này mang bộ mặt nào, vui hay buồn... Con người có số, như giày dép vậy!".

"Chắc thế!" – Tôi tán thành, vì xã giao. Thực tình, tôi ít tin vào những thứ không rõ ràng.

"Lắm lúc tôi nghĩ, chẳng rõ nay mình quen anh Hiệp là quen qua đường, như bằng hữu, hay có bàn tay lông lá nào đó chen vào... loại tay ấy vô hình mà nhiều màu, đa năng, nó có thể đen hoặc là trắng, lo lắm!".

Anh Hiệp cười phá lên.

"Nó màu hồng!... Dù cho ngay bây giờ nó trắng, anh cũng sẽ nhuộm để trở thành hồng... Không phải bàn tay đâu, một sợi tơ đấy, tơ hồng!".

Chị Hoa nhìn anh đăm đăm.

"Mới có vài ly, chớ giả vờ say mà nói xiên xẹo!".

Anh Hiệp không nhìn thẳng mặt chị Hoa, nhưng giọng anh lộ rõ sự trìu mến. "Hai vị này rồi sẽ lấy nhau thôi!" Câu chuyện lan man đi sâu vào lãnh vực yêu đương, duyên nợ, mùa cưới. Tôi kể chuyện đám coi mắt vợ của nhà ông Nhâm Ngọ, và nói về nỗi lo của chị Nhàn. Nghe qua, chị Hoa nói ngay:

"Không được. Theo tôi, anh chàng Quang sẽ quị ngã sớm, chẳng chờ đến già. Gả con cho anh ta là giao trứng cho ác!".

Tôi hỏi ý Hiệp, anh lắc đầu.

"Gay đây. Phải nghĩ cho chín! Có khi tuổi hai đứa nó hợp nhau, cưới xong Quang sẽ đổi tính, ngoan hiền, làm ăn chí thú, biết đâu".

"Không nên đem Quỳnh Mai ra làm vật thí nghiệm. Tay Quang đang cắm cổ chạy trên con đường gập ghềnh, làm sao biết lúc nào anh ta dừng lại?". Linh Hoa hỏi.

"Cái gã Quang này làm ta mất vui!". Hiệp than.

Tôi nói, tuy mối liên hệ họ hàng đã xa tít tắp nhưng tôi quý mến mẹ con chị Nhàn. Việc vợ chồng hệ trọng, không dễ thay đổi, không thể làm qua quít. Tôi mong Quỳnh Mai gặp một chỗ nương tựa vững chắc, để chị Nhàn được thong dong trong tuổi già.

"Vậy thì chúng ta, con người, phải nắm phần chủ động trong mọi việc, không giao phó cho các thần hộ mạng?". Hiệp hỏi. Tôi nói:

"Chuyện nào bí mới giao... Hồi sáng tôi nghĩ: gật đầu cho xong, cứ bước vào cửa nhà giàu, sẽ sướng thôi! Nhưng giờ nghĩ lại, như thế là phiêu lưu... Bé Mai, cũng như chúng ta, chỉ có một cuộc đời".

Chị Hoa xuống nhà sau gặp hai con anh Hiệp, chắc định làm quen.

"Chị Hoa được lắm".

"Được thế nào?".

"Khó giải thích, cảm thấy vậy!".

"Hãy cho điểm, như thầy giáo! Lê nên nói thực lòng, tôi cần biết nhận xét khách quan của bạn".

"Bảy điểm".

"Hay quá, bảy là đẹp! Tôi cũng chấm cỡ đó!". Hiệp cười xòa.

Chúng tôi cụng ly. Hiệp đã ngà ngà. Hình như hôm nay anh uống yếu. Thường thì Hiệp ngồi vững

suốt buổi, hiếm khi thấy anh ngã.

"Quen nhau lâu, gần hai năm, nhưng ta chưa hôn nàng, chỉ mới cầm tay mấy lần!".

"Rồi anh sẽ hôn!". Tôi nói, như mình có quyền ban phát trong chuyện hôn hít của họ "Anh có định tiến tới không?".

"Chắc tiến, nhưng chưa biết lúc nào. Bây giờ thì không được, còn kẹt nhiều chỗ... do vậy, nên ta chưa hôn".

"Có tiền anh hãy làm ngay, đồng tiền quyết định, chẳng có gì ngăn trở được nó".

Hiệp trợn mắt.

"Đừng tưởng bở! Có rơi vào dòng xoáy mới biết nước mạnh thế nào!".

Tôi hỏi anh bằng cái nhìn.

"Vấn đề nằm ở nơi hai đứa nhỏ của tôi".

Ra thế. Hiệp nói khẽ, như thì thầm:

"Tôi biết rõ tính nết của chúng. Nếu hai đứa được mười chín, hai mươi tuổi khi Nga mất thì chuyện đã khác. Đằng này chúng nhỏ quá. Nên những năm qua tôi đóng thế vai, thay Nga, làm mẹ... Mẹ thì không tính đến việc rời xa con... Bởi thế, chuyện tôi với Hoa sẽ ra sao, chưa có gì rõ ràng, dù đôi lúc tôi cũng muốn làm cho nó rõ".

"Tôi hiểu".

"Có thể nói, tụi nhỏ đang nắm hai đầu của một sợi dây. Chúng sẽ giữ chặt hoặc buông tay, buộc vào hay cắt đứt, làm sao ta biết!".

"Cũng gay!".

"Còn may, Hoa chưa biết chuyện này... Đến giờ, ngay hôm nay, tôi cũng không hiểu rồi ra tình thân của chúng tôi sẽ tới đâu... cho nên, dù không muốn, nhưng có lúc ta cũng phải lệ thuộc vào sự may rủi".

Chị Hoa trở lại bàn. Chị cười vui.

"Quen hai đứa nhỏ rồi. Chú bé nói chuyện dễ thương. Nó bảo, cô để tóc giống má cháu, dáng người cô cũng giống má cháu!".

"Còn con bé?".

"Nó chẳng hỏi gì, nhưng nhìn ngắm em rất chăm chú... Môi cô bé hồng, cặp mắt hay lắm, lớn nó sẽ xinh gái đấy".

Chị quay sang tôi.

"Anh Hiệp nói Lê là bạn thân của anh. Vậy nên, dù mới biết nhau nhưng chúng ta đã là bạn... Tôi vừa nghĩ ra một ý, hôm nào rảnh rỗi Lê đưa tôi đến gặp chị Thanh Nhàn. Tôi muốn đóng góp một, hai nhận xét về chuyện chồng con của bé Mai. Nghe tình cảnh chị Nhàn tôi thương. Phụ nữ với nhau, chắc chúng tôi sẽ dễ có chung một số nhận định, hoặc tìm thấy vài giải pháp".

Anh Hiệp nắm tay bạn.

"Em định sẽ nói với chị Nhàn những gì?".

Chị Hoa nhìn tôi, cười, bối rối.

"Lại còn cầm tay! Có hơi bia thì dạn lắm!".

"Nói xong anh sẽ buông".

"Như thế này: em có thằng em con ông chú ruột, năm nay 28 tuổi, giáo viên. Nhà chú ruộng vườn kha khá. Thằng nhỏ hiền, lương sống được. Chú em rất muốn có cháu nội, thúc hối luôn, nhưng cậu con còn dùng dằng, vì chưa tìm được đối tượng ưng ý... Em định, nếu chị Nhàn không thích bên ông Nhâm Ngọ, em sẽ giới thiệu Quỳnh Mai cho thằng em đó".

"Cảm ơn Hoa!". Anh Hiệp đứng dậy, cúi đầu, gần cụng bàn, như người Nhật. "Cảm ơn em! Em giúp chị Nhàn là giúp anh và Lê. Mong rằng em mát tay trong vụ mai mối này... Sống tốt với người, trời sẽ phù trợ ta. Anh rất vui vì bụng dạ em rộng rãi".

Tôi xuống bếp rửa mặt, đùa với hai đứa nhỏ một lúc. Khi trở lên tôi thấy Hiệp đang ôm hôn Linh Hoa! Tôi lại quay xuống bếp. Anh chàng này phải đợi lúc bia vào mới có can đảm thực hiện những điều lớn lao. ./.

3-2002

LÊ VĂN THIỆN

67 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



MỘT THOÁNG TRÊN SÔNG NƯỚC TIỀN GIANG

VƯƠNG LIÊM

1-Vị trí, địa lý của Tiền Giang :

Tiền Giang là vùng đất nằm sát với bờ sông Cửu Long ở phía bắc sông Tiền Giang thuộc nhánh sông trên (còn nhánh sông dưới là Hậu Giang) được chia làm hai cửa : cửa Tiểu, cửa Đại đổ ra biển Đông, trong số 9 cửa (cửu long = 9 con rồng) tạo nên đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là đoạn cuối cùng của dòng sông Mê Công bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng (Trung Quốc) dài 4.200km, là một trong những con sông dài nhất thế giới chảy qua năm nước (Trung Quốc, Myanma, Lào, Cam Pu Chia và Việt Nam), nhận nước trong một lưu vực rộng 800.000km2. Phần hạ lưu sông Mê Công chảy vào địa phận Nam Bộ dài 250km theo hai nhánh là sông Tiền và sông Hậu.

Sông Tiền chảy men theo đồng Tháp Mười thuộc tỉnh Đồng Tháp thông qua các tỉnh Châu Đốc, Sa Đéc, Vĩnh Long, Mỹ Tho, Bến Tre, Trà Vinh. Từ tỉnh Vĩnh Long trở đi sông chia làm nhiều nhánh trên một vùng rộng từ 50 đến 60km, chảy ra biển bằng sáu cửa : cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu. Sông Hậu chảy qua tỉnh An Giang (gồm có Châu Đốc, Long Xuyên), tỉnh Hậu Giang (có Thành phố Cần Thơ), tỉnh Sóc Trăng và ra biển bằng ba cửa : cửa Định An, cửa Bát Xác – Ba Thắc (Bassac) và cửa Tranh Đề. Giữa sông Tiền và sông Hậu có nhiều kinh rạch nối liền. Hai con sông cái này là một nguồn hải sản lớn, mỗi năm có thể đánh bắt được trên 100.000 tấn cá các loại.

Sông Cửu Long còn là một hệ thống giao thông quan trọng giữa các miền ở Nam Bộ và giữa ba nước Việt Nam, Lào và Cam Pu Chia.

2-Vài dòng về lịch sử - con người của Tiền Giang :

Nói về nguồn gốc lịch sử của đất nước Việt Nam, Tiền Giang là vùng đất cổ được hình thành từ thế kỷ thứ 17, bắt đầu từ năm Mậu Dần (1698) chúa Nguyễn Phúc Chu sai tướng Nguyễn Hữu Cảnh vào tổ chức lại đất mới khai phá, cách nay trên 300 năm, trong đó có Sài Côn (tức Sài Gòn – nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Lúc bấy giờ đất Tiền Giang trực thuộc hai nơi quản lý : một phần thuộc huyện Tân Bình phủ Gia Định dinh Phiên Trấn, lỵ sở đóng tại Sài Côn (Sài Gòn) và một phần thuộc châu Định Viễn dinh Long Hồ, lỵ sở đóng tại Tầm Bào (thành phố Vĩnh Long ngày nay).

Trước sự kiện trên, theo tạp chí Xưa và Nay, Mỹ Tho đại phố có lịch sử hình thành khá sớm ở vùng đất Nam bộ. Vào năm 1679, một nhóm khoảng 1.000 người Minh Hương được chúa Nguyễn cho định cư vùng đất mới này. Trong nhóm có Dương Ngạn Địch đứng ra lập Mỹ Tho đại phố ở làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa. Khu đại phố này kéo dài đến Cầu Vĩ, Gò Cát, tức khu vực xã Mỹ Phong hiện nay.

Về Sự kiện nhóm Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đến Đàng Trong, *Đại Nam thực lục tiền biên* của triều Nguyễn ghi rõ: "... Kỷ Mùi (1679), mùa xuân, tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn Tổng binh Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tiến, Cao Lôi Liêm, Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3.000 quân và hơn 50 chiếc thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng, tự trần là bỏ thần nhà Minh, vì nghĩa không chịu làm tôi nhà Thanh, nên đến để xin làm tôi tớ". Chúa Hiền đã dung nạp họ đưa vào khai khẩn đất Biên Hòa và Mỹ Tho. Đoàn người Hoa này đã "vỡ đất phá hoang" dựng thành phố chợ, buôn bán giao thông với người Trung Quốc, Tây Dương, Nhật Bản.

Năm Nhâm Thìn (1772), vùng Tiền Giang được tách rời khỏi các tỉnh lân cận, trị sở đóng tại Tân Lý (nay là Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành giáp ranh với tỉnh Long An). Theo Lê Quý Đôn (thời Lê – Trịnh) ghi lại ở sách *Phủ biên tạp lục*, cho biết vào thế kỷ thứ 18, vùng Tiền Giang còn rất nhiều thú dữ, vì thế người dân thích học võ hơn học văn, gọi là "Võ Ba Giồng" khá nổi tiếng. Về quân sự, thời ấy, chúa Nguyễn lập Đạo Trường Đồn, có 5 đội quân bảo vệ vùng này đóng ở Tân Lý, hầu hết là lính thủy đi thuyền, chủ yếu tuần tra bốn cửa biển : cửa Soi Rạp (hai bên cửa là huyện Cần Giờ và Gò Công), cửa Tiểu, cửa Đại và cửa Ba Lai.

Theo sách *Lịch triều Hiến chương loại chú* của Phan Huy Chú, đất Đồng Nai từ hai cửa Tiểu, Đại đến Soài Rạp, Cần Giờ trở vào toàn là rừng rậm đến mấy ngàn dặm. Đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) có lệnh mộ những người quê ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn ... di cư vào đây. Người Việt từ miền Trung dùng ghe bầu men theo bờ biển xuôi về phía Nam, rồi vào cửa Tiểu, cửa Đại. Lúc đầu, do ít nhân công lao động, do trình độ kỹ thuật còn yếu trong sinh hoạt nên người đi khai hoang phải lựa giồng đất cao ráo như vùng Gò Công, Chợ Gạo, Ba Giồng... định cư. Dần dần, dân càng ngày càng đông, họ lại sáng tạo ra cách "đào mương lên líp" và tiến dần về phía Cai Lậy, Cái Bè để lập ra "Miệt vườn". Theo nhà văn Sơn Nam, tới đầu thế kỷ 19, nền văn minh Miệt vườn cơ bản mới hoàn thành, vào thời kỳ giặc Pháp xâm chiếm từ ba tỉnh miền Đông tới 3 tỉnh miền Tây Nam Bộ, trong đó có Tiền Giang.



Trong thời kỳ sơ khai đó, các nhà nghiên cứu đều ghi nhận cuộc sống thiếu thốn và đơn sơ của những người đi khai hoang lúc ban đầu từ các nơi tới đây định cư. Từ Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn cho tới Trương Vĩnh Ký (Pétrus Ký)...đều ghi chép về điều kiện ăn mặc của người dân thời đó như sau :

"Đàn ông thường mặc quần đùi, áo cánh may bằng vải ta nhuộm màu nâu chế biến từ vỏ cây già hay cây cóc, cây tràm. Đàn bà thì mặc quần và áo dài hơn, cũng nhuộm màu nâu, ngực mang yếm vải. Đàn bà và đàn ông đều ăn trầu. Đàn ông nơi lưng có mang túi "hỗ phệ" bằng vải xếp nhiều lớp có hai ngăn, bên ngoài có thêu bông hoa và cây lá. Hai bên mép "hỗ phệ" luồng vào một dây thắt lưng bể buộc vào lưng. Trong túi để trầu cau, thuốc hút. Đàn bà buộc vào lưng một ruột ngựa may bằng vải dùng để đựng trầu cau, thuốc xỉa. Hoặc có người dùng cái túi nhỏ kết vào ruột ngựa và lận vào lưng quần. Hễ là dân chúng thì đi chân không (không có giầy dép, còn gọi là đi chân đất). Chỉ những bậc quan lại quyền quí mới mang giầy dép..." *(Theo ông Trương Ngọc Tường, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Tiền Giang năm 1984).*

3-Đất Tiền Giang nổi tiếng về hai trận đánh chống ngoại xâm :

-Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút : Phong trào nông dân ở đất Tây Sơn thuộc tỉnh Bình Định do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ (1788-1802) lãnh đạo đã mở ra một thời kỳ làm vẻ vang cho lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm lớn ở hai đầu đất nước vào cuối thế kỷ 18. Trước khi tiến quân ra Bắc diệt giặc Thanh vào đầu xuân 1789 thì vào đầu xuân 1785, anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã lừng lẫy đánh thắng quân Xiêm đang xâm chiếm Nam Bộ với ý đồ vừa giúp Nguyễn Ánh cầu viện vừa nhân cơ hội "dịp may hiếm có" này chiếm đóng Nam Việt.

Tháng 8/1784, 5 vạn thủy quân Xiêm cùng với số quân của Nguyễn Ánh đổ bộ đánh chiếm Kiên Giang (Rạch Giá) phối hợp với bộ binh từ biên giới Chân Lạp – Châu Đốc đánh xuống theo hữu ngạn sông Hậu thành hai gọng kiềm chiếm Trấn Giang (Cần Thơ), Ba Thắc (Sóc Trăng) và Trà Ôn (Vĩnh Long).

Đại quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã từ Qui Nhơn theo đường biển vào Tiền Giang và lập tức cho chuẩn bị chiến trường dành cho một trận phục binh lớn trên bờ sông Tiền Giang từ rạch Rạch Gầm tới rạch Xoài Mút dài khoảng 7 km. Trận đánh diễn ra vào rạng sáng ngày 19/1/1785, gần nơi mà ngày nay là cầu Rach Miễu. Thế là chỉ một trận quyết chiến, quân Tây Sơn đã tiêu diệt gọn đội quân xâm lược Xiêm – Nguyễn trong một thời gian kỷ lục.

-Chiến thắng Ấp Bắc trong thời chống Mỹ cứu nước :

Từ năm 1954 tới năm 1960, ở Tiền Giang là thời kỳ chiến tranh một phía của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Nhưng lúc đầu vì tuân thủ tinh thần Hiệp định Genève nên chính phủ Việt Nam DCCH do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo không phản công chống lại bằng quân sự. Nhưng đến khi có nghị

quyết 15 của Trung ương Đảng năm 1959, nhân dân Tiền Giang hưởng ứng nhân dân Bến Tre làm cuộc "Đồng khởi" nổi lên như vũ bão. Với truyền thống có giặc là đánh, phát huy khí thế Đồng khởi, quân dân Tiền Giang đã quyết liệt đánh trả địch bằng ba mũi giáp công, trong đó vừa phá ấp chiến lược của địch (nhằm cách ly căn cứ kháng chiến với xóm làng) vừa xây mới xã ấp chiến đấu của Cách mạng miền Nam, làm cơ sở cho chiến thắng Ấp Bắc ngày 2/1/1963.

Chiến thắng Ấp Bắc đã đi vào lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Tiền Giang không thua trận thủy chiến của quân Tây Sơn với quân Xiêm, làm rung chuyển tòa nhà Trắng và lầu Năm góc của Hoa Kỳ. Trận đánh này diễn ra từ sáng tới chiều giữa cánh đồng lúa bên cạnh mương vườn và xóm làng đông dân. Kết quả, 500 lính Mỹ Thiệu bị tiêu diệt, bốn xe thiết xa M.113 bị bắn cháy, ba tàu chiến và 19 máy bay các loại bị loại khỏi vòng chiến, trong chiến thuật "Trực thăng vận" và "Thiết xa vận" lần đầu tiên đưa ra áp dụng ở Việt Nam của Mỹ.

Ngày nay, ở xã Ấp Bắc vẫn còn di tích và bảo tàng chiến thắng này, trở thành điểm du lịch về nguồn của người dân tỉnh Tiền Giang và cả nước. Sau ngày miền Nam được giải phóng, nhiều tường tá CCB Mỹ đã tới Ấp Bắc để tìm hiểu lại chiến trường xưa và hai chỉ huy trận đánh của hai bên Việt và Mỹ đã gặp mặt nhau, thân mật ngồi uống rượu với nhau bên bờ các chiến hào xưa để cùng nhau tìm ra câu trả lời :"Vì sao Mỹ thua trận ở Việt Nam".

Từ trận Ấp Bắc đó, tiếp tục giữa năm 1966, quân đội Mỹ thuộc sư đoàn 9 và lữ đoàn 3 đã tới chiếm đóng và bung ra càn quét nhiều nơi. Nhiều trận đánh nhỏ giữa ta và địch diễn ra khắp nơi. Để bảo vệ căn cứ Đồng Tâm, quân Mỹ Thiệu bố trí tuần phòng trên khúc sông từ Mỹ Tho tới Rạch Gầm khá dày đặc, trung bình cứ ba phút có một tàu chiến Mỹ qua lại. Phát huy chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút nhận chìm 300 chiến thuyền quân Xiêm xâm lược trước đây của Tây Sơn - Nguyễn Huệ, quân dân Tiền Giang đã làm hư và bắn chìm nhiều tàu lớn nhỏ của Mỹ như chiếc Jamaica B trước căn cứ Đồng Tâm.

Tới trưa ngày 1/5/1975, toàn tỉnh Tiền Giang đã được giải phóng.

4-Tiền Giang đi lên từ thời kỳ đổi mới đất nước :

Tiền Giang ngày nay, sau trên 200 năm chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút và sau 39 năm chiến thắng Ấp Bắc đã trở thành một tỉnh mang đậm nét đổi mới của nền văn minh miệt vườn, tên gọi của nhà văn Sơn Nam dành cho sự trù phú và hiện đại của đồng bằng Cửu Long bước vào thế kỷ 19-20 đã trải qua hai cuộc kháng chiến hào hùng chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gần 100 năm (từ 1860-1975). Pháp và Mỹ ngày nay đã trở thành đối tác quan trọng với Việt Nam trên tinh thần hội nhập thế giới và Việt Nam muốn là bạn với mọi quốc gia trên thế giới.

Cũng trên tinh thần đó, ngày nay, tỉnh Tiền Giang với thành phố Mỹ Tho và khắp các tỉnh thành trên cả nước Việt Nam, hàng ngày có hàng triệu lượt người thuộc các quốc gia, các dân tộc trên thế giới trong đó có người Pháp và người Mỹ tới Việt Nam, vừa làm công tác từ thiện xã hội để hàn gắn lại vết thương đau trong chiến tranh gây đau thương chết chóc, đói nghèo cho nhân dân Việt Nam, làm kinh tế và giao lưu thương mại, đặc biệt tổ chức thực hiện nhiều cuộc tham quan, du lịch đến với các thắng cảnh, di tích lẫn chiến tích, trong đó có du lịch sinh thái, môi trường. Phía Việt Nam, trong đó nổi bật các tỉnh thành thuộc đồng bằng sông Cửu Long hồ hởi chuẩn bị mọi điều kiện để tiếp đón khách nước ngoài, trong đó có cách thức tổ chức du lịch sinh thái miệt vườn. Đây là một loại hình du lịch hấp dẫn khách nước ngoài.

Tiền Giang là điểm hẹn và đến của đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Tour Tiền Giang – Du lịch sinh thái miền Tây sông nước Cửu Long khởi đầu là Tiền Giang – Mỹ Tho nội ngày gồm có : ngồi thuyền (đò máy – tàu du lich) trên sông Tiền Giang, thăm củ lao Thái Sơn bằng xuồng ba lá, nghe đờn ca tài tử, thưởng thức trái cây miệt vườn, nếm mật ong tươi ngay trên tổ ong nuôi trong vườn cây, đi bách bộ ngắm cảnh quang sinh thái, đi cầu khỉ, tát mương bắt cá, tập làm bánh tét, đổ bánh xèo, gỏi cuốn và nhiều món ăn đặc sản miền Tây khác trên cù lao Lân, Long …tham quan di tích nơi tu luyện và đài quan sát của ông cố Đạo Dừa (Kỹ sư Hóa điên Nguyễn Thành Nam) thời kỳ kháng chiến chống Mỹ - Diệm – Thiệu…trên cù lao Phụng.

Tour Tiền Giang còn kéo dài sang tỉnh Bến Tre (quận Châu Thành) sau khi ngồi đò máy băng ngang sông Tiền Giang gần cửa Đại để ngắm nhìn cảnh quang với mênh mông trời nước của miền Nam đất Việt…tha hồ mà suy tưởng, nhớ nhung về quá khứ, hiện tại và tương lai.

Ở bên bờ Nam sông Tiền phía tỉnh Bến Tre, du khách lại đi vào một khung cảnh và môi trường khác của Văn minh miệt vườn. Ở đây, du khách tiếp tục ngắm nhìn cảnh quan vườn cây ăn trái,

đời sống của người dân quê, nếp sinh hoạt nửa cũ nửa mới của miền Tây sông nước Cửu Long, nhà cửa khang trang với các bày trí nội thất đa dạng, lối đi ngay ngắn, sạch sẽ có khi tráng xi măng phẳng phiu luồng lách trong các khu vườn tược được chăm sóc kỹ lưỡng, bờ mương gọn ghẻ ... mà người dân Nam Bộ mến khách dành cho mọi người, người nước ngoài còn nhiều hơn người trong nước. Lời chào đón, hỏi thăm luôn luôn nở tươi trên cửa miệng của các chủ nhân, dù là nam hay nữ, già hay trẻ đều làm cho du khách hồ hởi, phấn khởi, quá hài lòng. Quả thật, văn minh miệt vườn ngày nay trong thời kỳ hội nhập càng cho thấy tâm hồn, tư tưởng và cung cách giao tiếp, ứng xử của típ người phương Nam gần 5 thế kỷ tha phương cầu thực ở vùng đất mới phía Nam Tổ quốc Việt Nam luôn là hình ảnh của hiền hòa, hiếu khách, dễ mến yêu và dễ gần gũi, không chút toan tính, lợi dụng.



Du khách thích thú với một thoáng xem tận mắt tổ ong mật xinh xắn, nếm mật ong ngọt bùi thiên nhiên, nghe "Đờn ca tài tử" với tiếng đàn, giọng ca ngọt ngào của các "ca sĩ tài tử" miệt vườn – một loại hình văn nghệ đặc thù của miền Nam vừa được UNESCO công nhận là "Di sản thế giới phi vật thể" của Việt Nam.

Ở đây, ngành du lịch địa phương còn dành cho du khách thưởng thức một nét giao thông đặc thù gợi nhớ một thời "lối xưa xe ngựa hồn thu thảo" của loại hình vận chuyển phổ biến ở miền Nam trước khi hình thành nên nền văn minh miệt vườn. Đó là xe ngựa hay "thổ mộ" chuyên chở hành khách và hàng hóa.

Du khách sẽ ngạc nhiên thích thú khi được ngồi trên chiếc xe ngựa cổ kính nhộn nhịp đưa đón du khách chạy lọc cọc lạch cạch xuôi ngược trên một khoảng đường làng lối vài km. Người cao tuổi bồi hồi xúc động khi được sống lại với loại hình vận chuyển bằng xe thổ mộ và nghe tiếng "xà ích" (người lái xe ngựa) vừa vun roi quất vào mông ngựa vừa hô hoán nghe vang vang trên đường làng yên ắng, thơ mộng của vùng sông nước cây trái miền Nam. Người trẻ tuổi thì e dè ngồi vào xe ngựa nhưng cảm thấy vui vui khi được cảm nhận một nét sinh hoạt cổ kính mà thân thương. Du khách trong nước có dịp sống lại "ngày xưa thân ái", còn người nước ngoài vừa ngạc nhiện vừa thích thú với phương tiện đi lại cổ kính này.

Nếu đi tour khép kín này, du khách còn được thưởng thức một bữa cơm đặc sản miền Nam ở cùa lao Rùa (Đảo Quy) nằm giữa sông Tiền, đoạn gần cửa Đại mênh mông trời nước trước khi trở lại đời sống đô thị mới.

Du lịch sinh thái Tiền Giang kết hợp với Bến Tre du khách được làm quen với sinh hoạt nông thôn của văn minh miệt vườn thời kỳ đổi mới, có nhiều thời gia tát ao bắt cán sống lại với một vài nét sinh hoạt xưa rất đáng yêu và đáng nhớ. Du khách có dịp đi thực tế tận mắt nhìn thấy nền sản xuất thủ công nổi tiếng "kẹo dừa Bến tre"...

Ngành du lịch sinh thái còn tạo dựng lại nhiều sinh hoạt trong nếp sống nông thôn ở miền Nam để thu hút nhiều du khách nước ngoài, đồng thời muốn giới thiệu vài nét bản sắc dân tộc Việt Nam mang tình truyền thống ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, như :

- Tour miệt vườn Nam bộ với tiết mục hấp dẫn: " Tát mương bắt cá"
- Tour nấu ăn: " Tập làm bánh tét, đổ bánh xèo, gỏi cuống..."
- Tour ngắm hoàng hôn trên sông mekong, xem đom đóm ban đêm ...
- Tour hướng nghiệp:" Tìm hiểu văn minh sông nước miệt vườn" dành cho sinh viên học sinh.
- Hệ thống ăn uống tại nhà hàng theo kiểu sinh thái miệt vườn, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, thức ăn đa dạng:

Cá tai tượng chiên xù, cá lóc nướng trui, gà quay lu, gà ta xé phai, tôm càng sông, rắn, chuột đồng ..v.v.

(Ký sự này thực hiện trong tuần lễ Tết cổ truyền của dân tộc Khmer ở miền Tây, tên gọi "Cho Chnam Thmay" giữa tháng 4/2014).

VƯƠNG LIÊM

71 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



NGHỀ ĐI BIỂN XƯA

PHAN CHÍNH

Bình Thuận là vùng đất có ưu thế về lưu thông với bờ biển dài 192 km2 và một ngư trường giàu tiềm năng. Bước chân của cư dân lưu tán trong buổi đầu đi mở làng dựng nghiệp hầu như dựa vào lợi thế biển. Điều đó không lạ bởi trên 300 năm đã định hình chốn đô hội, phồn vinh đều nằm ở những quần cư làng chài không tách rời khỏi biển. Dấu thời gian ở những di tích dinh vạn thờ thần Nam Hải (Cá Ông) được coi là sớm nhất, vạn Thủy Tú ở Phan Thiết (1762), vạn An Thạnh ở Phú quý (1781)...

Do yêu cầu phát triển, thuyền buồm chỉ đánh bắt vùng biển gần bờ nhưng để mở rộng giao thương, vận chuyển đưa sản phẩm nước mắm, cá khô và sản vật rừng đến các nơi xa hơn thì bị hạn chế. Trước khi đường thuộc địa số 1 (nay là QL.IA) thông thương nối với các tỉnh lân cận thì phương tiện giao thông bằng đường biển là chủ yếu. Lúc đó ngư dân xứ Quảng, miền Trung đã từng sử dụng loại ghe bầu, có trọng tải lớn vào ra buôn bán với Bình Thuận, rồi dần dần theo đó ngư dân địa phương sắm mới, đóng loại ghe này.

Nguồn gốc ghe bầu là của người Chăm đã dùng từ trước, gọi là Prau. Ghe bầu lớn hơn loại ghe chài thường dùng rất nhiều, kích cở chiều dài đến 30 thước, thân ghe phình rộng, ba buồm hứng gió hình tứ giác hay cánh dơi, chở nặng khoảng 200 tấn, có thể đi xa dài ngày. Mùa thuận gió, từ Phan Thiết chở hàng cá, mắm đi Vũng Tàu mất một ngày một đêm. Ghe bầu đóng bằng gỗ sao, chò, bình linh... là loại lâm sản dễ tìm ở rừng Bình Thuận. Ghe lớn vậy nhưng đáy bằng nan tre được trét dầu chai chịu nước, bên trên là sàn lót ván. Bộ phận quan trọng nhất là bánh lái và lộng dọc ngang, cho nên người cầm lái rất có toàn quyền trên suốt hải trình. Nguồn hải sản Liên Hương, Phan Rí Cửa, Mũi Né, Phan Thiết, La Gi cần bán ra các nơi, nhất là Sài Gòn rất lớn với các loại đặc sản nổi tiếng mắm ruốc, mắm mòi, cá thu, cá thiều.... Đặc biệt cá mòi được chế biến làm mắm dùi và nước mắm có hương vị độc đáo. Sản lượng khai thác nhiều, nghề chế biến làm thùng lều phát triển, nhiều nhà hàm hộ, đầu nậu, chủ vừa bao thầu sản lượng ngay tại bến ghe. Theo một bài viết của Lê Hữu Lễ căn cứ số liệu của Sở Thống kê Đông Dương nghiên cứu về nước mắm thì khoảng thập niên 30 (thế kỷ 20), hàng năm Bình Thuận sản xuất 40 triệu lít nước mắm, tức cần đến 13 triệu tĩn, toàn tỉnh có 230 xưởng làm nước mắm. Tĩn làm từ lớp bùn non, nhuyễn được đun chín, hình bánh ú, có tác dụng ủ chín nước mắm càng lâu càng ngon, vận chuyển không bị bể vỡ. Đến năm 1912 có thêm tuyến đường sắt Sài Gòn -Phan Thiết và miền Trung cũng phải cần đến đường biển bằng ghe bầu, vừa tiện lợi bến bãi vừa giá rẻ.

Những chuyến hải hành của ngư dân ngày xưa chịu lệ thuộc rất lớn vào thời tiết, thiên nhiên. Dự báo cơn bão sắp đến, hướng ghe vào bờ giữa biển khơi mù tít chỉ thấy chân trời và sao đêm. Nhưng bằng kinh nghiệm cha truyền con nối, họ lặn sâu dưới nước cũng xác định được luồng cá ở đâu, thấy chớp biển biết được mưa nguồn, nhìn sao mọc đủ để định hướng cho ghe vào bờ. Bài vè thủy trình xuất xứ từ đất Quảng, nơi sản sinh những câu hát, hò đối đáp bằng vần điệu, nghe điệu đàng và dễ nhớ. Bài vè thủy trình dọc dài các địa danh cử sông, bến đậu, làng chài, rạn ngầm...ven biển từ Nam Định vào đến Sài Gòn gồm 332 câu theo thể lục bát. Mở đầu bài vè: "Ghe bầu "các lái" đi buôn/ Đêm khuya ngồi buồn kể chuyện ngâm nga". Những người làm nghề lái ghe bầu được gọi là "các lái". Do nghề nghiệp, nhiều ghe bầu bị bão đánh chìm, xác người biệt tăm cho nên bên vạn, đình có một bàn thờ "các lái" để vong linh có nơi nương tựa.

Ghe thuyền từ Bắc vào Nam, đến địa phận Bình Thuận bằng câu:

Lao Cao, Cà Ná là đây
Lòng Sông, Mũi Chọ thẳng ngay La Gàn
Ngó vô thuyền đậu nghênh ngang
Gành Son, Trại Lưới tiếng vang làm nghề
Cửa Duồng nay đã gần kề

Lạch kia Phan Rí ghe nghề xôn xao…

Nhiều dị bản viết các địa danh mỗi khác, hoặc câu vè bị sai vận, sai từ nhưng người địa phương cũng dễ nhận ra như Lao Cao chính là đảo Cù Lao Câu…Ghe đi tiếp đến đoạn Bắc Bình-Phan Thiết, thì:

Bãi Rạng, gành Trọc trong xa
Hòn Rơm, Mũi Né là đường vô ra
Trông xa mua dặm bán chừng
Phú Hài, Phan Thiết ấy là trạm trung…

Rồi đến đoạn biển La Gi cuối tỉnh:

Khe Gà nay đã đến nơi
Anh em làm lễ một hồi ta qua
Nối lèo xây lái trở ra
Hòn Lan, Cửa Cạn ấy là Tam Tân…

Nghĩ lại, với bài vè có tính chân chất, mộc mạc đã đi vào lòng người làm nghề biển ở một thời kỳ mà hoàn cảnh xã hội còn nhiều thiếu thốn, khắc nghiệt. Cuộc sống của ngư dân phải bằng ý chí mạnh mẽ, giàu sáng tạo để mà thích nghi, tồn tại.

PHAN CHÍNH



thơ

CHỜ . . .

Sông cứ theo nhau ra biển cả
Bao giờ về lại với non cao
Ngược xuôi cũng đã mòn thiên hạ
Ước vọng thôi đành nỗi xót xa .

Mang theo một nửa vầng trăng cũ
Một nửa chia người giữ được không ?
Cớ sao đành đoạn vầng trăng lỡ
Để mãi tìm nhau , mãi đợi chờ ...

Trăng vân tròn trăng từ vạn kỷ
Nước có bao giờ lại cách sông
Ta mãi bên đời soi chiếc bóng
Một ánh trăng chờ ai biết không ?

HOÀNG YÊN LINH



NGẮN DÀI

truyện ngắn

CẢNH DƯƠNG

Ông lão ngồi ló khó trong một góc khoảng không yên lặng.

Tóc ông trắng bệch, quần áo vá lỗ lách vách vài ba chỗ, nhưng vẫn đủ ấm cho ông trong khí trời hơi sương lạnh lảng bảng. Tôi quan sát ông từ xa và từ rất lâu. Từ khi mà ngày nào tôi cũng phải đi tham dự buổi lễ sáng chưa hảnh rặt bóng đêm. Tôi coi việc đó như một phần công việc hàng ngày "phải làm". Mặc dầu không biết lí do "tại sao" và phải rất cương quyết mới bật khỏi cái chăn bông êm thắm lúc trời còn lạnh như phà hơi sương ngoài kia.

Có lẽ một phần do tôi sợ, lần này thì thật tôi sợ thứ tôi đã biết. Nhưng điều này không làm giảm đi nỗi sợ, nhiều khi chúng ta bị dẫn dắt đi bởi nỗi sợ. Cho dù tôi có biết trước điều gì sẽ xảy ra cũng không làm với bớt đi nỗi sợ, không như bạn đang bị đau mà uống panadol sẽ hết đau. Hoặc có lẽ tôi đã bi nhây thuốc.

Nỗi sợ đưa tôi đến với căn phòng nửa mùa cách đây hai năm, lúc đó tôi mới chỉ vừa đặt chân đến thành phố bộn bề hỗn tạp. Còn người nằm bên cạnh tôi, anh đã ở cái thành phố này đến ba năm. Mọi thứ trong mắt tôi sáng tỏ vẻ tò mò, thì trong mắt anh lại ảnh lên vẻ chán chương khôn nguôi.

...

Ánh nắng chiếu lập lờ qua ô cửa sổ, tấm màn vải đung đưa theo những con gió hiếm muộn của một sáng mùa hè. Những ngày hè này, tôi chỉ cầu cho trời mưa. Khí sẽ bớt hầm hơn, người sẽ dễ chịu hơn. Hay ít nhất thì trời cũng sẽ âm u, vì trời âm u tôi sẽ rất hăng hái xách cái xe cà tịch cà tang ra khỏi nhà mà hóng gió. Nhưng chắc những con gió chỉ thoảng qua nên không có chút hy vọng nào vào cái bầu trời quang đãng không chút gợn mây ngoài kia.

Mọi người thì sẽ mở cửa và thốt lên rằng "hôm nay trời đẹp nhỉ" , hay lậm phim ảnh hơn "đi picnic nhé". Ngược lại thì tôi sẽ nhăn nhó khi nhìn con nắng chan hòa ngoài kia, và nhủ thầm rằng "thật lại một ngày xấu trời". Đóng cánh cửa sổ mà vẫn chưa hết cái nóng hầm hập đang nung nấu căn phòng nửa mùa.

Nắng chiều phập phồng vào căn phòng, đậu lại trên chân "anh" đang nằm ngủ. Những giấc ngủ có lẽ chẳng một người trẻ tuổi này trong thành phố mong muốn. Trong giấc nống đó, anh qua quât cho quên thời gian buổi sáng. Anh bảo với tôi "hè này tao không về nhà", tôi hỏi "vậy anh làm gì ? ", "tao không biết". Giờ thì anh biết mình đang nằm ngủ cho quên thời gian. Người ngoài nhìn vào sẽ gọi anh là một kẻ thua cuộc. Còn tôi cứ nhìn mãi cái giấc ngủ đó. Tôi gọi là giấc ngủ của kẻ thất bại trong thành phố tám triệu dân. Mới đầu tôi khinh bỉ cái giấc ngủ đó, nhưng dần dà quen thuộc, tôi coi đó là một phần của cuộc sống. Một phần cuộc sống của anh, của những người trẻ rơi rớt.

Nỗi sợ ấy ám vào tâm trí tôi từ dạo ấy. Đến nỗi khi nó sắp thành hiện thực trong tôi, là một phần trong cuộc sống này, thì tôi vẫn còn nhớ như in thoảng thất mùi nắng hất lên từ tấm nệm trong căn phòng đó.

Đó cũng phần nào giải thích "tại sao" tôi "phải" đi tham dự nhưng buổi lễ sáng theo bản năng. Nỗi sợ quá lớn ấy phần nào dẫn dắt, cộng thêm tiềm thức "không muốn mình vô dụng như cái xác chết nằm phơi nắng mùa hè".

...

Những sáng sương bảng lảng bay lờ mờ trên đầu, tôi có thể cảm nhận hơi sương làm ướt tóc. Tôi đi vào màn sương mù như đi vào xứ sở thần tiên. Nơi đó từng ngôi nhà mờ ẩn hiện lên, rồi lại lấp liêm cuốn đi hút khỏi tầm mắt.

Ông cũng không ngoại lệ. Hiện lên trong mắt tôi dáng đi khập khiễng, vì tôi lướt qua nhanh hơn nên phải dừng lại để nhìn rõ hơn. Lần đầu gặp ông, tôi cứ tự nhủ "ông là ma đấy, ôi mình được gặp ma". Khi biết ông chỉ là người thường xác thịt với chân tay mắt mũi. Tôi còn ước gì ông là ma nữa kia. Ông hiện ra trong sương, tóc bạc trắng, dáng người khập khểnh đến thể kia mà. Có lẽ những ông nhà văn đã viết sai rồi cũng nên.

...

Ông mất hút đi khói tâm mắt khi tôi vào nhà thờ. Không khí bên trong cũng không ấm hơn bên ngoài là bao bởi lễ sáng chỉ tan hoang những hàng ghế trống, lác đác được vài người. Ngồi phía trên tôi là một người đàn ông, hay đích thị hơn thì người xóm hay gọi bằng "thằng". Thằng này, thằng nọ. Cái tên "thằng" ấy là cả một quá trình mà có.

Dáng người gầy gòm, mặt mũi bợm trặm, tóc tai mái được mái không. Tướng tá chẳng ra hồn, tay thằng lúc nào cũng cầm điều thuốc, miệng thì nha nhả ra khói, đi qua đi lại trong xóm như cô hồn. Cộng thêm cái nghề ba vụ bảy lượt lăn lông lốc theo thời gian, có đám nào dựng rạp thì gọi thằng, có nhà nào phụ vữa hồ sẽ có thằng. Cái nghề, cái công, tường tá, qua quật thời gian xây trình lên công một "thằng".

Và sáng nào tôi cũng thấy thằng ngồi ngay tựa ghế thứ ba từ dưới đếm lên, trên tôi hai ghế. Tóc tai vẫn bú rù như ổ quạ, may lắm hôm nào thì được một mái vắt vẻo qua. Mấy chiếc áo sơ mi thằng mặc thì hầu như đã bạc cả vai. Thật sự là rất kinh ngạc, lạ lùng, khi thằng lại đi buổi lễ những sớm sáng này.

Tôi định chốt lại cho người đàn ông đó, cho thằng, một cái tâm sau vỏ bọc bệu rệu vì dòng đời này, nhưng lại chợt do dự nghĩ. Có khi, Thằng, vẫn còn trong vè ăn bám nát cái gia đình rỏ giọt nước khi mưa, và đi lễ chỉ theo lệ truyền thống của ông bố dữ dằn. Chẳng biết đâu được thì tôi lại gặp được cả bố của thằng, với cũng dàng đi, nước da và ánh mắt khi ngỏ nhìn tôi bước qua. Chỉ khác thằng ở mái tóc bạc, bằng chứng của thời gian.

Dạo gần đây tôi còn dị ứng với những lời giảng của cha xứ. Ngày xưa những lời nói thấm nhuần vào một thằng nhóc và mang lãi cho nó bao nhiêu sức mạnh, niềm tin, ấm áp. Thì giờ chỉ còn những ý nghĩ vẩn vơ, đối nghịch. Khi lớn lên ta thật càng khó hiểu.

Và càng khó hiểu và kì lạ hơn khi tôi chả nhìn thấy ông đâu trong cái nhà thờ này. Rõ ràng là ông có cất bước cùng đường đi lễ với tôi. Cùng đến cổng nhà thờ. Nhưng sau đó lại biến mất trong nhà thờ, có thể ông đang ở trong gian thánh làm công việc hàng ngày của những người phụ lễ cũng nên. Nhưng rõ ràng là ông biến mất.

...

Cho đến một hôm tôi quyết định theo dõi và quan sát từ xa xem ông ở đâu trong nhà thờ. Tôi thật không nhận ra được là ông vẫn đang ngồi cạnh bên mình cơ đấy. Tức là từ đầu đến cuối, từ khi cha bắt lên buổi lễ, cho đến khi chúc an lành ra về. Ông hiện hữu nơi đó, yên lặng trong trầm lắng của thời gian và những bản nhạc thánh ca. Như một người bạn. Tôi lại ngắm ông, với bộ tóc bạc, hàng râu dài, dáng gầy gòm nhưng vẫn rất sang trọng. Từng cử chỉ đều toát lên vẻ thanh thoát. Tôi chợt muốn hỏi ông " đời nên ngắn, hay nên dài".

Nếu, trong trường hợp nếu có "nếu". Tôi sẽ cho đời dài, mà thanh thản theo tháng ngày, chẳng bận tâm, lo nghĩ. Nếu đời ngắn, như những bài giảng về thân và số phận người mỏng tang như tờ giấy từ cha xứ, thì tôi sẽ sống với tất thảy nhiết tâm và huyết. Nhưng đời không có chữ "nếu".

CẢNH DƯƠNG

75 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

ĐI THĂM THANH HÓA



VŨ KIÊM NINH

Không Gian Văn Hóa xã Hoằng Ngọc

Trong chương trình đi thăm Thanh Hóa, điểm đầu tiên mà tôi đến là xã Hoằng Ngọc huyện Hoằng Hóa

Đây là một xã trong tám xã ven biển, ở vào thế ngày đêm đối mặt với biển, thu lợi từ biển và đôi khi chịu những trận bão biển dữ dội, người dân Hoằng Ngọc đã tìm mọi cách lấn biển để cuộc sống ngày một thay đổi.

Ông Bùi Minh Kính bí thư Đảng ủy xã cho biết Hoằng Ngọc gồm 5 thôn là Hồng Đô, Nhân Ngọc, Đức Tiến, Yên Tập và Đa Văn.. Tổng số đất đai cả xã là 528, 23 ha đất, trong đó đất canh tác là 390 ha, Dân số toàn xã có 1120 hộ, 6812 người, trong 5 thôn, có một thôn được công nhận là Làng Văn Hóa

Người dân Hoằng Ngọc hiện nay đã có sự đổi mới về nhận thức kinh tế, 54% làm nông nghiệp, thương nghiệp dịch vụ có 30%, ngoài ra là các ngành nghề khác.

Chúng tôi chưa đến các thôn Nhân Ngọc, Đa Văn, Đức Tiến và Yên Tập, nhưng tại thôn Hồng Đô cũng tìm được nhiều điều lý thú. Trong cái màu xanh ngút ngàn của dừa và tre, các mái nhà trong thôn đều lợp ngói, Đa số vẫn là kiến trúc truyền thống : ngôi nhà lớn hướng về phía Nam, cuối sân có ngôi nhà ngang bố trí vuông góc với nhà lớn. Những nhà này trang trí còn đơn giản, chưa có trang trí cầu kỳ.

Đôi chỗ tại các ngã tư giao thông đã có ngôi nhà kiến trúc đẹp. Suy ra có thể biết người dân trong xã nắm được thời cơ. Mỗi thôn tuy sự phát triển kinh tế khác nhau, nhưng chung nét giữ gìn bản sắc văn hóa.

Ông Bùi Minh KÍnh kể với tôi câu hò dân gian của quê hương : Cách nay đã hơn mấy chục năm, máy bay Mỹ đánh phá Hoằng Hóa rất ác liệt, thế mà trai giái các thôn vẫn hát đối đáp với nhau. Đó là những tiếng hát giao duyên , hoặc bày tỏ nỗi lòng. chọn bạn trăm năm

Dưới ánh trăng, trai gái không thấy mặt nhau , họ chỉ nghe câu hò, giọng hát để đoán định, không có mối mai mà ưng ý trọn đời. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã viết :

Đêm khuya một tiếng bầu, tiếng trúc.

Một câu hò cũng động trong tim

Ban đêm, người trai nghe người con gái cất lên giọng hò, bâng khuâng tìm bạn, thế là dù anh ta đã nằm trong màn cũng không sao ngủ yên được. Anh lắng tai nghe xem trong thôn xóm có ai trả lời câu hò đó, nếu lâu lâu không nghe tiếng hò trả lời, thế là anh ta vùng dậy ra khỏi mái nhà cao giọng hò đáp lại. Cứ như thế, anh - ả hò thâu đêm, mặc cho trăng lên, trăng xế , trăng tà vẫn chưa thôi bởi chưa tỏ hết tình , hết nghĩa cùng nhau.

Kể đến đây ông Bùi Minh Kính cất giọng hò cho tôi nghe mấy câu đối đáp của trai gái miền quê Hoằng Hóa. Thật là vui, khi người đàn ông 47 tuổi, mà chất giọng vẫn trong trẻo, ngân dài.

Bên nữ hò

Ơi hò…Ta về bẻ lá cắm đây
Ngày mai ta lại chốn này ta chơi

Bên nam hò

Ơi hò…Tây nâng chén rượu Kim bôi
Tay gạt nước mắt : "em ơi đừng về
Người về …ta chẳng cho về
Ta túm vạt áo, ta đề bài thơ…"

Người dân xã Hoằng Ngọc đều là dân sông nước, họ hát hò để tìm bạn trăm năm. Ở đây nhiều khi cha mẹ đã làm cố vấn, tham gia "vận vần" cho trai gái đối đáp. Các bậc cao tuổi khi đó, thủng thẳng ăn trầu, hút thuốc lắng nghe câu hò của đối phương để xác định người này tính tình hành trạng ra sao mà toan tính chọn dâu rể trong nhà

Đi thăm Hồng Đô, tôi ngạc nhiên thấy việc dân làng nhiệt tình sửa chữa các di tích. Xưa thôn nào cũng có các di tích nhưng bom đạn phá hủy nhiều, nay hòa bình nên làng nhớ đến người xưa.

Làng Nhân Ngọc thờ ông Đỗ Hạnh, một tướng giỏi thời Trần từng lập chiến công bắt sống Ô Mã nhi, Phàn Tiếp trên sông Bạch Đằng. Làng Yên Tập thờ quốc mẫu Bảo Anh , vợ của vua Lê Hiến Tông (1497- 1504) theo chồng đi chinh chiến phương Nam đã chết, được thờ tại đây. Làng Đa Vân thờ cụ Bùi Nhân Minh, nguyên Tri phủ Hưng An có công đưa dân về khai hoang lập ấp.

Làng Hồng Đô có dòng họ Lê Trung, 3 thế hệ đều là công thần dưới triều Lê Trung hưng, góp công khôi phục nhà Lê, góp phần an cư nhiều xứ sở

Hồng Đô tên nôm là làng Đò, tên cũ là Đô Du tiếp giáp các làng Lương Hà (đông), Sông Cung (tây) Hoằng Đông (nam) và Nhân Ngọc. Trong làng có 7 họ cùng cư trú là các họ Lê Trung, Lê Văn, họ Chu, họ Nguyễn v.v. nhưng họ Lê Trung là đông dân hơn, chiếm tới 1000/2000khẩu

Với số dân đông như vậy, ta có thể ước định rằng từ xa xưa dòng họ Lê là người đã đến đây vừa làm ruộng, vừa đánh cá biển, rồi sau đó tách thành hai chi Lê Trung và Lê Văn.

Gia phả họ Lê cho biết cuối thời Lê sơ có người con trong họ Lê trung húy là Giang , thụy là Quảng Xuyên là một thanh niên khỏe mạnh, giỏi vật được tôn là Đô Thông. Khi ông đến tuổi trưởng thành gặp lúc Triều Lê đổ nát xã hội rối ren, bọn du thủ du thực họp nhau đi cướp của dân lành. Thấy tình hình như vậy, ông liền triệu tập trai tráng trong làng rèn vũ khí, tập võ nghệ đánh đuổi bọn cướp bảo vệ dân lành.

Nghe tin các cận thần nhà Lê như An Thành hầu Nguyễn Kim Lý Quốc công Trịnh Duy Thuận … chiêu mộ quân sĩ nổi lên giúp vua Trang Tông đánh lại nhà Mạc ông liền đưa quân bản bộ đến xin gia nhập Năm đó là năm 1533. Từ đó, ông Lê Trung Giang chiến đấu trải 4 đời vua trung hưng nhà Lê (Lê Trang Tông, Lê Trung Tông, Lê Anh Tông và Lê Thế Tông) phục vụ trong quân ngũ 66 năm giúp triều đình nhà Lê. Từ thuở cầm quân chống lại Mạc Kính Điển ở cửa Hới Lạch Trường đến lúc cùng Trịnh Tùng giải phóng Thăng Long, phò vua Lê Thế Tông về kinh đô xưa, ông làm đến Phụ quốc Thượng tướng quân, đô đốc Tĩnh quận công.

Ngoài thời gian chiến trận, ông là người chú ý tới việc đắp đê ngăn mặn , khai phá ruộng đất, biến bãi hoang sơ thành vùng dân cư đông đúc, tiếng hát, tiếng hò lan tỏa quê hương từ

thuở ấy.

Theo gương người anh, em ông là Lê Trung Hải phù Lê làm đến Hộ bộ Tả thị lang, làm quan trải các đời vua Lê Trung tông, Lê Anh tông, và Lê Thế tông.

Con trai cả của Lê Trung Giang là Lê Trọng Diễn cũng có công tôn phò, được phong Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân .

Cháu nội là Lê Trung Thiện cũng được phong võ tướng.

Một gia tộc trung thần, làm văn cũng giỏi, làm võ cũng giỏi xứng đáng được coi là "Khải Văn Võ Đường"

Một người đã dành cả đời rèn cập cho em, rèn cập con, cháu hết long trung nghĩa phù Lê diệt Mạc đáng là nơi huân nghiệp được nhà Hậu Lê coi là Khai quốc công thần. Với công tích ấy khi ông mất đã được vua Lê phong là Thành hoàng làng Đô Du (tên cũ của Hồng Đô) Ông được dân tôn phong lập đền thờ làm phúc thần, dân làng kính tặng ông bức hoành phi "Dân Thụ Kỳ Tứ"

Các triều vua Lê Trung hưng rất ân sủng đối với Lê Trung Giang, vua Lê Thế Tông đã ban tặng ông 4 chữ "Khải Văn Nõ Đường" và tặng 4 đôi đũa ngà làm đồ thờ.

Thông thường trong dân gian có di tích ắt có lễ hội, để giữ gìn và phát huy những nét đẹp của di tích.

Làng Đô Du xưa sống theo nếp làng, hang năm tổ chức lễ hội với nhiều nét đặc trưng của văn hóa vùng ven biển,

Trải qua nhiều năm chiến tranh và hoàn cảnh xã hội, đình làng bị tàn phá, lễ hội không tổ chức được, nhiều nghi thức bị quên Nay ông Lê Trung Tân- nhà giáo hưu trí- hiện nay tham gia nghiên cứu lịch sử huyện Hoằng Hóa kể cho biết :

Theo lệ cũ, hằng năm vào ngày 20 tháng Giêng, làng Đô Du mở hội Kỳ Phúc. Trước ngày đó các phe giáp trong làng đã họp nhau củ soát mọi việc chuẩn bị cho ngày lễ.

Có một tục lệ còn lưu tới bây giờ là các hộ trong làng đều theo nếp nuôi quân ngày xưa , chuẩn bị gạo trắng nước trong đợi đến giờ Dần ngày 20 tháng Giêng nấu cơm. Mang ra đình dâng cúng Thánh. Nồi cơm chỉ nấu 2 kg nhưng phải chọn lựa củi, gạo, cẩn thận Nếu không may cơm bị sém, bị khê, thì số "lương thực" đó không dâng cúng được mà gia đình nấu kém bị phạt, bị kém phát đạt trong năm.

Sau khi dâng cơm nuôi quân làng Đô Du bắt đầu tổ chức rước. Đám rước có kiệu thờ ông Lê Phụng Hiểu , một võ quan đời Lý được vua phong ăn lộc vùng Hoằng Hóa, dân gọi là Thánh Bung. Thế là trong đám rước có kiệu của hai vị Thành hoàng :một vị là Thành hoàng huyện Hoằng Hóa, một vị là Thành hoàng làng Đô Du

Bởi cả hai vị Thành hoàng đều là công thần nên nghi lễ nghiêm túc lắm , Mọi việc đều theo quy định, không được thêm bớt chi tiết nào.

Riêng làng Đô Du quê ông Lê Trung Giang vốn là đất võ nổi tiếng nên có hội vật kéo dài, lôi kéo người ở Bung, ở Phù Khê về dự

Thường thì các võ sinh đóng khố, cởi trần vào sới vật. Nhưng làng Đô Du lại có lệ : Mặc quần dài chấm gót trong lúc vật, để khi vật phô diễn những miếng võ điêu luyện. Hạ được đối phương mà võ sinh thần thái vẫn ung dung , không bẩn quần áo mới là chiến thắng

Đây là một thế vật bí truyền , chỉ được nghe kể lại mà không làm được, ngày nay các đô vật đang tìm cách ôn lại.

Cũng trong lễ hội này, có tục tế nữ quan do 12 người vùa làm lễ vừa múa "sanh ngô" trình diễn trước ban thờ. Theo mô tả của các cụ thì người múa "sanh ngô" mặc áo dài rộng tay, hai tay cầm hai cái quạt vải rông (hay là cái vả) khi vũ lộng, người và quạt quấn lấy nhau trông phiêu diêu như tiên giáng trần.

Một di chỉ dù trải qua nhiều biến cố, nhưng long dân đây, nếp sinh hoạt văn hóa của bao đời truyền lại đã thành tục lệ , sẽ tồn tại và sống mãi trong long dân ..

CỔNG ĐỀN ĐỒNG CỔ

Cổng vào thăm đền Đồng Cổ ở Thanh Hóa có những phiến đá hình chữ nhật 50 x 60cm xếp liền nhau tạo thành chiều sâu 3 mét. Trên nóc cổng có nhà gác, Tại đây có câu đối

Sơn trĩ tam thai vân tụ tán
Hồ loan bán nguyệt thủy thăng trầm.

Đi vào trong, gặp mấy người dân, họ đọc cho biết câu vè :

Đan Nê tốt đất cao nền
Nào ai đi đến thì quên cửa nhà

Tư liệu nói rằng đền xây giữa tam thai, có dông Mã chảy qua núi. Lưng đền dựa vào cách núi, trong thời kỳ chống Pháp đã dùng khu này đặt công binh xưởng, đến phong trào bài phong người dân lại phá đền. Trước kia, lễ hội ở đền Đồng Cổ vào ngày 15 tháng Ba, nhưng chính quyền lại đưa về ngày 30/4 và ngày 1/5

Từ đền Đồng Cổ Đan Nê sang thành nhà Hồ cách 6km, ở Vĩnh Lộc có dền thờ tướng Trần Khát Chân. Đền Trần Khát Chân có kiến trúc chữ Nhị, có đôi câu đối :

Thiết thạch nhất tâm triêu nhật nguyệt
Cương thường vạn cổ đặng càn khôn

Ban Quản lý Di tích Lịch sử - Danh thắng đền Đồng Cổ đã trao cho tôi một tờ rơi , trên đó ghi rõ :

" Núi và đền Đồng Cổ làng Đan Nê xã Yên Thọ năm 1993 được Sở VH-TT Thanh Hóa ra quyết định công nhận là Di tích Lịch sử - Danh thắng. Cuối năm 2001 Bộ VH-TT ra Quyết định công nhận là Di tích Lịch sử Quốc gia.

Từ trung tâm thành phố Thanh Hóa đi theo đường quốc lộ 45 khoảng 38km là đến Phố Kiểu. Rẽ trái ngược đê sông Mã 3 km là đến Trung tâm Khu Di tích "Núi và Đền Đồng Cổ"

Hoặc có thể đi bằng đường thủy từ cầu Hàm Rồng ngược sông Mã quãng 35 km qua cầu Kiểu về đến núi Đồng Cổ.

Núi Trống đông, Đền Trống Đồng phiên âm chữ Hán là "Đồng Cổ Sơn và Đồng Cổ từ" cùng với tên làng cổ phiên âm ra tiếng Hán là Khả Lao Thôn (Nay đổi gọi làng Đan Nê xã Tên Thọ) đã trải qua quãng đời mấy ngàn năm, cũng như đất nước Việt Nam đã trải qua mấy ngàn năm lịch sử

Thời Vua Hùng thứ nhất (năm 2569 trước Công nguyên) nhà vua đi dẹp loạn Chiêm Thành xâm lược ở phương Nam. Đại quân theo đường núi tiến đến chân núi Khả Lao nghỉ quân ở đó. Đêm đến nhà vua mộng gập thần núi này xin có trống đồng, dùi đồng giúp nhà vua đánh thắng giặc. Nhà vua tỉnh dậy làm theo lời. Khi đối trận với giặc nghe âm vang trên không tiếng trống đồng, tiếng kiếm, kích. Người Chiêm sợ hãi bỏ chạy. Quân ta thắng trận trở về. Nhà vua phong cho thần núi Khả Lao là"Đồng Cổ Đại Vương" lập đền thờ

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí phần nói về tỉnh Thanh Hóa viết về Núi và Đền này: " Núi Đồng Cổ có tên là núi Khả Lao, núi nổi thành ba ngọn cao thấp liền nhau như ba vì sao nên gọi là Tam Thai. phía Tả núi có Đền thần, trong đền có một cái trống đồng nặng 100 cân , đường kính khoảng 2 thước 1 tấc, chiều cao khoảng 1 thước 5 tấc
Tương truyền cái trống này chế từ thời Hùng Vương

Đầu thiên niên kỷ thứ II, Thái tử Lý Phật Mã con vua Thái Tổ Lý Công Uẩn vâng mệnh vua cha trên đường đi đánh giặc Chiêm ở phương Nam, qua núi này nghỉ đêm ở bến Trường Châu , bên chân núi Khả Lao. Canh ba đêm đó, Thái tử mộng gập thần núi khoác chiến bào, tay cầm kiếm nói " Tôi là thần núi Đồng Cổ biết Ngài đi dẹp loạn ở phương Nam xin cho giúp sức". Thai tử vui vẻ y cho, khi giao chiến quả nhiên thắng trận . Trên đường thắng trận trở về Thái tử đến Đền Đồng Cổ để tạ ơn thần thì thần lại báo mộng "nhà Vua về ngay Thăng Long ở nhà có loạn" Thái tử vâng lời cùng tùy tùng cấp tốc về Kinh. Quả nhiên như thần đã báo mộng , ba vị vương em làm loạn tranh ngôi. Nhà vua kịp ngăn chặn được bạo loan

Sau đó Nhà Vua cho rước Thần Đồng Cổ từ Đan Nê về lập đền thờ ở Bắc thành Thăng Long. Phong cho thần Đồng Cổ là Thiên hạ minh chủ (người chủ lời thề trong thiên hạ), cho lập đàn thề, đọc câu thề : "Làm con mà trái đạo Hiếu, làm bầy tôi mà trái đạo Trung thì thần giết chết"

Từ đó cứ đến ngày 4 tháng Tư âm lịch hằng năm ở đền Đồng Cổ
thuộc phường Bưởi quận Tây Hồ - Hà Nội có Hội thề Trung Hiếu.

Trong đền Đồng Cổ xã Yên Thọ ngày nay còn lưu truyền câu đối :

Thiên vi anh, địa vi linh, tất mã giang tây thanh miếu cổ.
Thần đương trung, tử đương hiếu, Thăng Long thành Bắc thệ đàn cao

Ngày nay, chủ tịch Hồ Chí Minh dựa theo ý xưa đã nói : "Quân đội ta, Trung với Đảng, Hiếu với Dân nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua"
(*Nhân dân cho biết Hội làng thường mở vào ngày 15 tháng Ba âm lịch, sau 1975 chính quyền đổi là ngày 30/4 và 1/5 dương lịch)*

Khu di tích Núi và Đền Đồng Cổ trước đây vốn nổi tiếng linh thiêng , Quanh Đèn cây cối sầm uất um tùm. Đứng trên ngọi núi cao nhất nơi có quán Triều Thiên thả tầm mắt về hướng Bắc ta bắt gập thành nhà Hồ. Chính diện hướng Đông là chùa Dáng, phía Nam là động Hồ Công, một phong cảnh đẹp của huyện Vĩnh Lộc

Dưới quán Triều Thiên là chùa Thanh Nguyên đã từng được ghi trong Thanh Hóa Kỳ thắng " quán Triều Thiên sánh với Quần Thiên"

Đứng đây nhìn xuống chân núi có dòng song quấn quýt chảy quanh, bong người hái củi dọi xuống dòng sông có chiếc thuyền nhẹ buông câu khi ẩn, khi hiện . Dõi mắt nhìn bốn bề, như một bức tranh .
Có thơ rằng :

Ba ngọn non dăng, ngất giữa trời.
Trèo non tưởng tượng bước thang mây
Sườn mây thảm lục rêu xanh phủ
Núi Dáng phơi hồng ánh đỏ vây
Cây cỏ um tùm tràn bóng rọi
Gió thêm phảng phất nức hồ đầy.
Đất thiêng thu góp non sông đẹp
Phong cảnh đẹp sao khó tả lời.

Trong lòng ba quả núi có các hang động kỳ thú, động Ích Minh xuyên núi ra sông Mã, Mùa hè, trong động nhiệt độ thấp hơn bên ngoài khiến ta dễ chịu. Phía hữu có hang Nội mát không kém. Phía Tây có cửa vòm bằng những phiến đá. Lại có hồ bán nguyệt nằm trong thung lũng núi Tam Thai quanh năm gợ sóng lăn tăn
Có câu đối khen rằng

Hồ bán nguyệt lung linh hổ phách
Ấn tam thai giữ mạch long bài

Trên vach núi trước mặt hồ có hai tấm bia liền nhau : 1 bia khắc chữ Hán, 1 bia khắc chữ Pháp. Nội dung bia miêu tả cảnh đẹp của núi và đèn , vừa hiểm trở lại có nhiều hang động . Trước năm 1945 nơi đây là cơ sở cách mạng. Đây là điểm xuất phát đốt đuốc tiễn thanh niên lên đường giết giặc trong 2 cuộc kháng chiến

Năm 1948 Ủy Ban Kháng chiến tỉnh Thanh Hóa chọn đây là điểm Hội chợ Trường Cao Đẳng Giao thông công chính về đây giảng dậy . Năm 1949 Binh Công Xưởng Nguyễn Công Cậy về đây sản xuất vũ khí phục vụ kháng chiến

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Nhà máy điện Tĩnh Gia Thanh Hóa đã sơ tán về đây sản xuất điện phục vụ chiến tranh. Bởi vậy khu di tích luôn là điểm đánh phá của kẻ thù.

Trải mấy ngàn năm, biết bao cảnh biển dâu biến đổi, nhưng huyền thoại Thần Núi Trống Đồng ứng mộng trong quân vẫn được lưu truyền, cùng với cảnh đẹp núi sông làng Khả Lao xưa, một dẫy núi cao thấp ba tầng mà tài tử văn nhân gọi là núi Tam Thai vẫn sừng sững hiên ngang. Dòng sông Mã uốn khúc quanh co. Ngai Khánh đá trên núi Triều Thiên của xóm bằng những phiến đá hồ tang nửa vách, bia đá cheo leo trên cao giữa sườn núi vẫn còn đó.

Cảnh đẹp thiên nhiên của núi Trống Đồng vẫn được lưu truyền trong các tác phẩm "Việt Điện U Linh " "Lĩnh Nam Chích Quái" " Đại Việt sử ký toàn thư" "Thanh Hoa chư thần lục" , trong bia đá do Tiến sĩ Nguyễn Văn Giai chấp bút, trong kiệt tác của Bảng nhãn Lê Quý Đôn, trong Dư Địa Chí của nhà bác học Phan Huy Chú, trong bài viết "Tam thai sơn Linh tích" của Lam Kiều Nguyễn Dật Sản ...khiến ta nghĩ rằng Núi và Đền Đồng Cổ là một thắng cảnh nổi tiếng, đồng thời là một di tích lịch sử - văn hóa có giá trị về tinh thần, truyền thống dân tộc suốt mấy nghìn năm

qua.

Nhờ có ánh sáng văn hóa của nhà nước mang lại trong công cuộc đổi mới. Thể theo nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân trong xã và bà con xa quê. Nhân dân đã tụ tâm công đức bước đầu mới trùng tu được 3 gian hậu cung và một số công trình khác làm nơi phụng thờ. Nhưng so với những gì mà Núi và Đền Đồng Cổ có trước đây mới chỉ là phần rất nhỏ. Công trình này có ý nghĩa rất lớn vì sâu 6 thập kỷ bị lãng quên , từ đây các thế hệ tiếp nối sẽ từng bước trùng tu khu di tích này xứng đáng với tầm cỡ của nó, trở thành một điểm du lịch hấp dẫn phía Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Kính cáo các nhà hảo tâm công đức được biết để khu di tích lịch sử Núi và Đền Đồng Cổ ngày càng đẹp hơn

BAN QUẢN LÝ DI TÍCH

ĐI THĂM THÀNH NHÀ HỒ

Thành Tây đô còn gọi là thành Nhà Hồ tồn tại từ nhà Hồ đến nay, xây bằng đá xanh khối vuông, mỗi viên nặng 7 tấn đến 25 tấn. Tòa thành xây trong 3 tháng trên đất An Tôn

Trong lịch sử kiến trúc không có công trình nào hơn Tây Đô, đắp đất bên trong và ốp đá bên ngoài. Những viên đá ốp này thường dài 5m, 7m chiếm tới 20.000m3

Trong điều kiện thô sơ, chưa ai hình dung nổi người dân năm xưa vận chuyển đá, cắt đá như thế nào để trong 3 tháng có thể xây xong thành.

Thành có trục Nam Bắc dài 900mét, Đông Tây dài 500mét . Đây là tòa thành cực kỳ kiên cố, đẹp nhất Việt Nam

Thành được ghép bằng các khối đá, đẽo gọt cẩn thận. Các viên đá xếp chồng lên nhau không có chất kết dính.

Thành có 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Cửa nào cũng có vòm cuốn, tính ra các cửa Bắc, Đông, Tây mỗi cửa có 1 vòm cuốn, trong khi đó tại cửa Nam có 3 vòm cuốn, Các vòm cuốn ghép đá cắt gọt múi cam, không dùng chất kết dính, thế mà trải bao biến động địa chất không hề suy chuyển

Độ cao của thành từ 5 đến 6 mét. Ngoài thành phía Tây ngày xưa có trồng tre gai dầy đặc, lệnh cấm bẻ măng tre, ai phạm bị xử tử.

Trong khuôn viên thành Tây đô, năm xưa đào được đôi rồng đá (bị mất đầu)

Câu chuyện xây thành An Tôn vẫn là điều bí ẩn. Dấu tích đã tìm được là bia đá, đàn Nam Giao,

Hồ Quý Ly là người khởi xướng cải cách kinh tế.

Hồ Nguyên Trừng là người chế ra súng thần công

Cho đến nay, tính sơ thấy thời nào họ Hồ cũng có thiên tài :

- Hồ Thơm tức Nguyễn Huệ
- Nữ sĩ Hồ Xuân Hương
- Ngày nay họ Hồ có người là viện sĩ Viện Hàn lâm Hoa Kỳ.
- CCB Hồ Huy về lập Công ty xe Taxi Mai Linh.

Vĩnh Lộc và Tây Đô đã hình thành một nơi có nền văn hóa nổi tiếng

Thời nay có Lê Dũng Tráng là Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Pháp

Tại thành nhà Hồ đã tìm thấy vết tích đàn Nam Giao, Thành nhà Hồ có 4 cửa Đông, Tây, Nam, Bắc. Riêng cửa Nam có 3 cổng

ĐỀN THỜ TƯỚNG QUÂN TRẦN KHÁT CHÂN

Tại gần thành nhà Hồ có đền thờ Trần Khát Chân , bên đền có cây quéo đã 600 tuổi

Nhân dịp đến Vĩnh Lộc tôi đến thăm đền thờ Thượng tướng quân Trần Khát Chân lập tại Đốn Sơn xã Vĩnh Thành huyện Vĩnh Lộc

Ban QLDT Đền đã sưu tầm tư liệu, viết nên Tài liệu "Đốn Sơn linh từ với Thượng tướng quân Trần Khát Chân 1366-1399" kính biếu khách thập phương. Toàn văn như sau :

81 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Thượng tướng Trần Khát Chân sinh năm Bính Tuất 1366 . con bà Nguyễn Thị Điểm ở vùng Đông Sơn Thanh Hóa, Ông vốn là hậu duệ Lê Hoàn (tức vua Lê Đại Hành) nhà truyền ba đời là bậc khanh tướng. Năm 21 tuổi, Trần Khát Chân làm quan đến chức Tam công trật Nội hầu, giúp vua Trần Nhuệ Tông , Trần Thuận Tông trong việc trị nước an dân.

Khi còn nhỏ, ông mang họ Lê tới thời vua Trần Khải Tông ông được mang họ Trần và được phong Thái ấp ở làng Hà Lăng, huyện Vĩnh Ninh (tức huyện Vĩnh Lộc ngày nay)

Khi Trần Khát Chân thành niên thì Trần triều không còn lớn mạnh như những tháng năm kháng chiến chống quân Nguyên. Vua quan bắt đầu sống sa đọa, trong nước giặc nổi ở các nơi, phía Bắc thì giặc Minh nhòm ngó, phía Nam thì quân Chiêm Thành do Chế Bồng Nga đem quân vượt qua biên giới tiến đánh Đại Việt nhiều lần.

Năm Quang Thái thứ hai (1389) vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga lại đem quân đánh Đại Việt, Hồ Quý Ly đem quân đi cự chiến bị thua, phải rút chạy về Đông Đô/

Tức giận trước sự xâm lược của ngoại bang, Trần Khát Chân đã xin với vua Nghệ Tông đem quân ra chặn giặc, thề quyết đánh tan giặc. Vua Nghệ Tông ưng cho

Với tinh thần dũng cẩm, dùng mưu cao, Trần Khát Chân cùng cận thần giả danh làm chài lưới, trinh sát biết rõ nơi đậu chiến thuyền của Chế Bồng Nga nên đã dùng hỏa công bắn trúng, vua Chiêm thành là Chế Bồng Nga chết tại chỗ, quân Chiêm tan tác rút về nước.

Thắng trận, Trần Khát Chân mang thủ cấp Chế Bồng Nga về dâng vua tại bến Bình Than. Do có công lớn nên Ngài được phong lên hàm Thượng tướng và cấp đất tại Hoàng Mai (Hà Nội) Năm đó, Trần Khát Chân mới 20 tuổi.

Trần triều tiếp tục suy thoái, lợi dụng địa vị là bố đẻ hoàng hậu nhà Trần, Hồ Quý Ly ngày càng lấn át vua, mọi công việc trong triều đều lọt vào tay họ Hồ,

Năm Quang Thái thứ 10, Hồ Quý Ly cho dời đô về Vĩnh Lộc Thanh Hóa, đồng thờ ép vua Thuận Tông nhường ngôi cho Thái tử Trần An và đi tu ở cung Bảo Thanh (Hà Trung Thanh Hóa) rồi sau ép vua phải chết. Con vua là Trần Thiếu đế lên ngôi lúc ba tuổi, mọi quyền lực đều do tay Hồ Quý Ly

Trước tình hình đó, con cháu dòng họ nhà Trần đều muốn lật đỏ Hồ Quý Ly .

Mùa hạ năm 1399, Hồ Quý Ly lập đàn tế tại phía Tây Nam Đốn Sơn. Đây là hội tế đầu tiên trong lịch sử nhà Hồ, Đại lễ có trống dong, cờ mở, gươm giáo rợp trời, Nhân cơ hội này các quan tướng trung thành với nhà Trần tổ chức tạo phản. Song công việc bại lộ, Hồ Quý Ly ra lệnh bắt các tướng Trần Khát Chân, Trần Nhật Đôn, Phạm Ông Thiện vv cùng với các quan thân thích Trần triều tất cả là 370 người đem hành quyết dưới chân núi Đốn Sơn . Đó cũng là ngày hội tế đẫm máu nhất trong lịch sử.

Tương truyền sau khi bị hành quyết, tướng quân Trần Khát Chân còn phi ngựa lên đỉnh núi Đốn Sơn dõng dạc thét to ba lần , khiến cho Trời Đất đang nắng bỗng tối sầm lại. Ngài chết rồi mà ba ngày sau sắc mặt vẫn không thay đổi.

Ngày các vị tôi trung nhà Trần bị hành quyết là ngày 24 / Tư/ Kỷ Mão 1399. năm ấy Ngài mới 33 tuổi

Nhân dân trong vùng vô cùng thương tiếc và khâm phục tấm lòng của bề tôi trung, nên đã lập đền thờ ông trên núi Đốn Sơn vào đầu thế kỷ 16 và tôn ông là Thành Hoàng của ba Tổng là Tổng Bình, Tổng Cao, Tổng Hồ (tức Quang Hiểu, Cao Mật, Hồ Nam ngày nay) thuộc huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa,

Tương truyền ông là người có công chỉ đạo xây thành Tây Đô, ông còn có thuật dút đường, dút đất, Từ xưa nhân dân trong vùng Vĩnh Lộc có lệ khi hạn hán kéo dài thì làm lễ cầu đảo, Ngày làm lễ, nhân dân địa phương tổ chức rước bài vị của Ngài ra bờ sông Mã để cầu đảo. Ngay trong đêm tối hôm ấy, trời đã đổ mưa, cứu dân .

Đền Đốn Sơn được xây dựng ngay trên mảnh đất Ông đã ngã xuống, Mặt tiền của đền hướng về thành Tây giai, trong đền còn thờ các tướng sĩ nhà Trần như Trần Thái Bảo, Trần Nguyên Hãng, Trụ quốc Trần Nhật Đôn,

Đền Đốn Sơn có nhiều tên gọi : Đền thánh Lưỡng, hay Thánh Lãng, (vì quê Ngài ở làng Hà Lưỡng, Hà Lãng xưa)

Bẩy thế kỷ đã qua, các triều đại phong kiến như Hậu Lê , Nguyễn, đã tôn vinh ông là vị Thánh (Thánh Lưỡng bất diệt)

Nơi đây , người xưa đã tạo hình một khu đền thiêng chữ Môn dưới tán một quần thể các cây đại thụ

Tháng 12 năm 2001 Bộ VHTT đã cấp băng DTLS cấp quốc gia

HỌ TRỊNH Ở LÀNG BỒNG -THANH HÓA

Đường đi tiếp tục qua nơi sinh ra dòng họ Trịnh . Tại Phố Bầu xã Vĩnh Hùng có một ngôi nhà 12 gian, là nơi thờ họ Trịnh, kiến trúc kiểu chữ Đinh, người làng gọi đây là Nghè Vẹt, Hai bên chia 8 gian, thờ 8 bài vị, ở gian giữa rộng hơn thờ 3 bài vị. Tất cả là 11 đời chúa Trịnh. Ngày hội là ngày 14 /11/âm

Tại xã Vĩnh Hùng huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa có phủ Trịnh và lăng mộ các chúa Trịnh tồn tại đã 500 năm qua.

Đất Vĩnh Lộc sinh ra Trịnh Kiểm, dựng nên cơ nghiệp họ Trịnh hình thành chế độ Vua Lê - Chúa Trịnh 200 năm. Có Phủ Trịnh *còn gọi là Nghè Vẹt)

Xã Vĩnh Hùng, tên cũ là làng Bồng. Tại làng Bồng chia ra Bồng Thượng, Bồng Trung, Bồng Hạ. Tục truyền xưa ở vùng này có câu sấm chỉ về họ Trịnh rằng : "*Chẳng đế, chẳng bá, Quyền nghiêng thiên hạ, Truyền được 8 đời, Trong nhà dấy vạ*"

Đất Bồng Thượng có làng Sóc Sơn là nơi Trịnh Kiểm sống và nuôi mẹ chí hiếu, được Nguyễn Kim nuôi và gả con gái cho. Từ đó, họ Trịnh theo nghĩa quân đánh nhà Mạc, khôi phục triều Lê. Cũng từ những năm đó, thời cuộc xoay vân hai họ Trịnh Nguyễn đánh nhau, suốt mấy trăm năm, rồi chia ra Nam, Bắc lấy sông Gianh làm phân giới.

Họ Trịnh ở làng Bồng xứ Thanh Hoa, tồn tại 200 năm cùng họ Lê, Có nhiều người cống hiến cho dân tộc như Trịnh Tùng, Trịnh Doanh, Trịnh Cương. Trong chế độ vua Lê chúa Trịnh thì ngôi vị chúa ngang với thủ tướng chính phủ lập hiến bây giờ.

Dòng dõi chúa Trịnh kéo dài từ 1545-1786 có các chúa sau đây :

1. Thế tổ Minh khang Thái vương Trịnh Kiểm. (1545-1570)
2. Thành tổ Triết vương Trịnh Tùng (1570-1623)
3. Văn tổ Nghị vương Trịnh Tráng (1623 – 1652)
4. Hoằng tổ Dương vương Trịnh Tạc (1653 – 1682)
5. Chiêu tổ Khang vương Trịnh Căn (1682 – 1709)
6. Hy tổ Nhân vương Trịnh Cương (1709 – 1729)
7. Dụ tổ Thuận vương Trịnh Giang (1729 – 1740
8. Nghị tổ Ân vương Trịnh Doanh (1740 – 1767
9. Thánh tổ Thịnh vương Trịnh Sâm (1767 – 1782)
10- Đoan Nam Vương Trịnh Tông (1782 – 1786)
11- Án đô vương Trịnh Bồng (từ 9/1786 đến 9/1787)

Làng Vĩnh Thịnh có chùa Hoa Long mang nét văn hóa Chàm

LAM KINH

Lam Kinh là nơi yên nghỉ của các vua nhà Lê, đã hơn măm nay không tiếp khách vì còn bận tu sửa, Ông chủ nhiệm dự án cho biết :

Khu DTLS Lam Kinh được chính phủ đầu tư yêu cầu hoàn thành giai đoạn 1 vào năm 2005, nhưng đến hôm nay vẫn chưa hoàn thành . Nhiều đề án còn chờ duyệt, Can bộ lãnh đạo có thể sẽ thay đổi, nên từ 2003 chúng tôi dừng tiếp khách đến tham quan

Khu DTLS này lấy đèn thờ Lê Lai làm tâm, có 8 vệ tinh, Cách Lam Kinh 10km có đền thờ Lê Hoàn, Di tích Lam Kinh gồm 2 xã, 1 thị trấn, các lăng mộ phần lớn tập trung ở Ngọc Lặc

Hiện tại đang thi công khu Hồ Tây, xe vận chuyển đất đào đi lại suốt ngày nên khách chỉ có thể tham quan bia Vĩnh Lăng. Tại khu di tích có 20.000 hiện vật thu được sau 7 đợt khai quật.

Thanh Hóa là nơi có 1600 di tích, là nơi có 3 vua, 2 chúa.

Thanh Hóa cách khu di tích 56 km .

Ta đi qua cầu Bạch Ngọc đến sân điện Kính Thiên, Thái Miếu rồi vào nơi Lăng mộ

HỒN THIÊNG XỨ LAM SƠN

Nhân ngày giỗ của tướng quân Lê Trung Giang, một đoàn cán bộ khoa học lịch sử và con cháu dòng họ Lê Trung đã về xã Hoằng Ngọc huyện Hoằng Hóa làm lễ , sau lễ kỵ ở Hoằng Ngọc, chúng tôi về đất Lam 1Sơn viếng mộ bà Thần phi Trịnh thị Ngọc Lữ, vợ cả của vua Lê Lợi .

Truyền thuyết dân gian kể rằng bà là người dân tộc Mường quê ở trang Bái Đô huyện Lôi dương tỉnh Thanh hóa. Truyện kể rằng có một lần bố Ngọc Lữ đi rừng bị một con hổ dữ bất thình lình nhảy ra vồ, mặc dù ông là người con của núi rừng, lại có võ nghệ , nhưng trong lúc bất ngờ, ông lâm vào thế bí, không sao phòng ngự được, mười phần chết chín. Trong lúc người và hổ đang vờn nhau thì chợt có tiếng thét :"Súc sinh không được vô lễ", con hổ giật mình quay đầu nhìn sang, phơi bộ ngực hứng trọn một mũi lao từ xa phóng đến mạnh như xé gió . Thú dữ trúng thương, hung dữ đánh nhau với võ sĩ, quần nát cả đám cỏ cây trước khi giãy chết, ông Mường đã thoát chết. Cảm phục vì tài nghệ và lòng quả cảm của võ sĩ ôngt thân thiết mời chàng về trang trại để nghỉ và ... giới thiệu với gia đình.

Trại chủ có một người con gái đẹp nghiêng trời sắc nước còn treo giá ngọc, chưa gá nghĩa cùng ai, thấy cha giới thiệu chàng dũng sĩ cô trộm ngắm thấy chàng dung nhan tươi đẹp hùng vĩ, mắt sáng, mồm rộng bước đi oai vệ như rồng hổ khiến cô xao xuyến trong lòng, ngày đêm mơ ước. Trại chủ biết ý con gái, ông nói với nàng :"Người đó là Lê Lợi, một tráng sĩ đất Lam Sơn, có chí phục quốc diệt Minh , nếu con gái ta mà để lọt mắt xanh, đó là điều vui đấy "

Rồi lễ ăn hỏi và đám cưới Lê Lợi- Ngọc Lữ theo đúng phong tục Mường Kinh . năm đó bà Trịnh Thị Ngọc Lữ 19 tuổi.. Là người vợ từ thuở hàn vi, cùng chồng mưu đại sự, bà đã tỏ ra là một vị chủ mẫu có tài quán xuyến công việc hậu cần giúp cho nghĩa quân đánh giặc.

Tại vùng Lam Sơn, có người phường chài là Lê Thuận ba lần quăng chài đều thu về một lưỡi gươm báu, sáng ngời ánh thép, trên thân gươm có khắc chữ "thuận thiên", ông đã dâng lên Lê Lợi, nhưng chuôi gươm lại do chính bà Trịnh thị Ngọc Lữ phát hiện tại một gốc cây đa già. Mang chuôi gươm đó, lắp vào lưỡi gươm thấy rất vừa vặn, không thể tháo ra được nữa. Đặc biệt tại chuôi gươm khắc hình mãnh hổ vờn long, có hai chữ :"Thanh Thúy".cũng trong thời gian đó, khi cuốc đất làm nương bà Ngọc Lữ lại tìm thấy một quả ấn vàng , có khắc 4 chữ "Thuận thiên Lê Lợi .Theo ý trời đã định, Lê Lợi khởi nghĩa chông lại quân Minh, bà Ngọc Lữ lo việc hạu cần giúp sức cho chồng.

Rất đáng tiếc là trong lúc nghĩa quân đánh đâu thắng đấy, có một tên phản quốc đến bàn kế với tướng Minh là Mã Kỳ rằng :"Thưa đại nhân, nhiều đêm dò theo chúa Lam Sơn , tôi đã tìm ra chỗ ở của gia quyến hắn , nếu ta tổ chức đánh úp thì có thể tiêu diệt được Lê Lợi" . Mã Kỳ đã nghe theo, đem quân đánh úp vào doanh trại , nhưng không hạ được Lê Lợi , giặc bắt được bà chủ mẫu Trịnh thị Ngọc Lữ, bọn giặc Minh còn đào huyệt thân phụ Lê Lợi lấy hài cốt mang về doanh trại, hòng tìm cách ép buộc Lê Lợi vì hiếu, vì tình mà đầu hàng quân Minh

Chúa Lam Sơn lúc đó vừa thù cha, vừa thương vợ đã bí mật cử các nghĩa sĩ lọt vào khu đóng quân của Mã Kỳ để tìm kiếm hài cốt cha và giải cứu cho vợ. Các nghĩa sĩ đã mang được hài cốt thân phụ Lê Lợi về, nhưng còn bà Ngọc Lữ thì không cứu được. Vì trong cuộc chiến với quân Minh, bà đã bị thương nặng, nay dù các nghĩa sĩ năn nỉ, bà đã không muốn vì mình mà vướng bận việc quân , nên đã nhờ Trịnh Khả, Bùi Dị đưa hài cốt bố chồng về Lam Sơn , còn mình thì tự vẫn. Hôm đó là ngầy 9 tháng 5 ăm 1418.

Truyền thuyết còn nhắc lại lời trăng trối của bà :

Ta là lệnh nữ
khi ta về trời
không hòn tên mà chẳng mũi đạn
không bởi gươm đao của quỷ dữ ở đời
chỉ cần một chén rượu thôi
ta về một nơi trăng thanh gió mát.

Người vợ "tấm cám", người vợ "tao khang chi thê" của Lê Lợi, người mẹ của Quốc vương Tư Tề , người chủ mẫu trong lúc nghĩa quân non trẻ đã hy sinh để lại tấm gương liệt nữ chói ngời. Nhưng rất tiếc khi chúng tôi vào thăm Thái Miếu họ Lê ở Thanh hóa không có ban thờ của Bà.

Phải chăng sau này do "lỗi" của con trai bà là Tư Tề đã không đánh dẹp được giặc Đào Cát Hãn (1432) , rồi nhân đó do lời hứa của vua Lê Thái Tổ với hậu phi họ Phạm, nhà vua đã giáng Tư Tề làm Quận Vương,rồi sau đó giáng làm thứ dân. đưa Lê Nguyên Long con thứ lên ngôi Thái tử . Vì lỗi của con, nên bà Trịnh thị Ngọc Lữ không được thờ trong thái miếu, mồ mả của bà cũng không ai tìm đến.

Năm 2003, một đoàn con cháu họ Lê đã về bãi mía vùng Châm thuộc khu vực Nhà Máy đường Lam Sơn quản lý và tìm thấy ngôi mộ của bà . Cac cụ trong họ Lê bảo với tôi :"Hơn 570 năm đã qua , người đời ai nấy đều xot xa cho thân phận của bà, họ tôn trọng bà và cố công tìm về chiến trường xưa, giao cảm với tâm linh để mong được lời chỉ dẫn. Và đến nay các cụ họ Lê đã thành công " Tại góc sân nhà ông Đỗ huy Phòng có một ngôi mộ xây 5 cấp . Mộ hình bát giác. Tục truyền rằng ngôi mộ được xây trên hình thể ngôi mộ thiên táng (mối đùn) nơi bà Trịnh thị Ngọc Lữ ngã xuống. Không biết từ bao giờ, mà trên mộ đã có một tấm mộ chí đơn sơ bằng đá , viết rằng :"Lê triều Thân phi Trịnh thị Ngọc Lữ". Trước bia, có một bát hương bằng đá chạm , chân hương ngời ngời . Con cháu dòng họ Lê từ khi tìm được mộ Thần phi, hàng năm về Lam Sơn đều tìm đến đây thắp hương tưởng niệm

Giữa đồng mía bạt ngàn của vùng Lam Sơn . tôi như thấy hiện lên bóng dáng Thần phi , một phụ nữ có dung nhan hiền hậu đang xé mảnh thắt lưng cắn ngón tay lấy máu viết lời trăng trối, rồi buộc vào con gái, đưa cho các tướng, còn bản thân bà thanh thản nâng chén rươụ độc nhẹ nhàng lìa trần, giữ vững khí tiết, chung thủy với chồng, với nghiã quân Lam Sơn

Nay bà đã có mộ chí , có nơi gìn giữ khí tiết, có nơi để người đời hương khói, lạy Bà xin hãy phù hộ cho đất nước trường tồn mãi mãi.

ĐẾN VÙNG ĐẢO NGHI SƠN

Chúng tôi đi qua núi Nhồi về phía biển. Trên núi Nhồi có Hòn Vọng phu cao khoảng 25 mét, mang dáng hình người thiếu phụ bồng con. Bên cạnh có hòn đá cắm cờ

Đặc điểm của đá núi Nhồi là có thể tách mảng đẻ tạc tượng, tạc bia. Có một câu chuyện dân gian ở đây kể rằng : Khi tạc tượng vua Lê Lơi để đặt tại quảng trường thành phố, không tìm được mảng đá nào đủ tạo nên đầu và thân. Các vị lãnh đạo đã đến Núi Nhồi làm lễ xin đá, Lễ xong, một tiếng nổ lớn xảy ra, núi Nhồi bật ra một tảng đá tạc đầu và cai Lê Lợi đủ khớp.

Chiều 11-12-2004 chúng tôi đến xã Nghi Sơn Con đường đến Nghi Sơn phải qua chui một cầu chuyển thành phẩm từ nhà máy xi măng ra cảng. có chiều dài khoảng 3000 mét. Đường lên đảo lại qua một quãng chênh vênh, chúng tôi phải xuống xe đi bộ cho được an toàn.

Khi vào đến Nghi Sơn, có con đường nhựa chạy sâu vào phía trong. Có nhà xây cao san sát, đừng tưởng là Nghi Sơn nghèo.

Từ đời vua Bảo Đại có đưa một viên thái giám ra trông coi, nhưng thật ra từ đời vua Quang Trung tại đây đã có đồn binh trấn giữ. Tại Nghi sơn phía sau các tòa nhà, chúng tôi tìm được một quãng thành cổ, bên cửa thành có một khẩu thần công bằng gang nằm bên tường.

Theo lời kể của dân thì từ thời Trịnh đã có một đạo quân đi qua đảo để xuống phía Nam, đến thời Quang Trung sau khi đánh quân Thanh, cũng xây dựng đồn biên phòng ở đây. Khi vua Quang Trung mất, dân trên đảo lập đền thờ. Vua Gia Long lên lại phá đền. phá tượng, Nay dân đảo khôi phục lại

Nghi Sơn có 15 xóm, lập thành 4 thôn. Chúng tôi đến thăm đền, tại đây có ban thờ Tứ vị Hồng nương, nhưng tên đền lại đề là Quang Trung điện.

Chúng tôi đến đền, các pho tượng đá đều đã bị chém cụt đầu, không biết đó là tượng của ai nhưng nhân dân đều mang về trân trọng thờ cúng.

Hàng năm, Nghi Sơn vào hội ngày 5 tháng Giêng.

Trong lễ hội có bơi thuyền, mỗi thuyền 16 tay bơi, Các thôn Bắc sơn, Nam sơn, Trung sơn và Thanh sơn thi với nhau

Ông Tôn Thất Cơ một người trong dòng tộc đã ra đây trấn thủ, ông đặt tên nơi này là Đất Biện

Ngày nay, Thanh Hóa đang có kế hoạch đưa vùng Nghi Sơn lên thành vùng công nghiệp, nâng cao dời sống nhân dân nên các công trường được mở khắp nơi.

Trước năm 1945, triều Nguyễn cử một viên quan trong tôn thất là ông Tôn Thất Cơ ra trấn thủ tại một vùng đảo nhô ra biển thuộc huyện Tĩnh Gia. Thuở đó, ở Thanh Hóa có câu ví "Nhất Xương

nhì Gia" để chỉ hai huyện nghèo nhất tỉnh. Ta đến vùng đảo đó, ông Tôn Thất Cơ đặt tên là Cù Lao Biện (ý muốn ví với đất Biện trong sử Trung Quôc) và mộ dân ra đảo khai khẩn, đánh cá.

Trong chuyến đi Thanh Hóa, chúng tôi đã đến cù lao Biện và được đại diện chính quyền địa phương tiếp đón nồng nhiệt . Ông cho biết diện tích canh tác của đảo chỉ có 1 km2 nên dân đảo tập trung ở ven biển tới 7000 hộ, sống chen chúc quanh khu vực trồng lúa và cửa biển. Cù lao Biện nay đổi tên là xã Nghi Sơn với 4 thôn là Bắc Sơn, Trung Sơn, Nam Sơn, và Thanh Sơn . Trên đường liên thôn có dãy phố, với nhiều nhà cao tầng như biệt thự nghỉ mát và con đường rộng trải nhựa nối với bến xe . Người dân trong đất liền theo xe ra đây mua cá biển đem về chợ trong đất liền để bấn. . Phần bên kia đảo, là những dãy núi đá già, bao quanh một vụng nước sâu còn chưa được khai thác.

Ông kể chuyện ngày xưa, thời chúa Nguyễn mở mang đất đai về phía Nam thì cù lao này là nơi quân đội thường trú , mỗi khi gặp sóng gió, các thuyền lương cũng tránh bão ở đây Đến thời Tây Sơn, vua Quang Trung đã chú ý tới vị trí hiểm yếu của cù lao, Ngài đã cho đặt đồn binh, và mộ dân ra khai khẩn. Nhưng công cuộc của ngài chưa được bao lâu thì nhà vua đã mất, dân trên đảo thương tiếc Ngài đã lập nên một ngôi đền tên là "Quang Trung từ", có tượng đá , bia đá thờ Ngài.

Khi vua Gia Long lên ngôi, với chính sách trả thù nhà Tây Sơn, nhà vua đã cho phá đổ đền thờ vua Quang Trung, đập vỡ các bia đá và chém đầu các pho tượng thờ.

Bây giờ, đến Quang Trung từ chúng tôi đã tận mắt trông thấy các pho tượng thờ bị cụt đầu, các bia đá bị vỡ nhưng được dân trên đảo trang trọng dựng lại

Ngôi đền mới do dân đảo dựng nên vẫn mang tên "Quang Trung từ" nhưng có kiến trúc to đẹp chắc chắn hơn xưa, mạt tiền hướng ra biển như một ngọn hải đăng để người ra khơi lấy hướng tìm về. Theo tín ngưỡng vùng biển, các cư dân trên đảo còn phối thờ Tứ Phủ gồm các vị Ngọc Hòang, Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn .

Chúng tôi đến thăm thôn Thanh Sơn là thôn ở sát bờ biển, dân ở rất đông , các ngôi nhà xây sát nhau, tại đây còn lưu giữ một đoạn thành cổ , cổng thành xây cuốn bằng gạch , dưới chân cổng thành, có một khẩu thần công đúc bằng gang kiểu thế kỷ XVIII thường bố trí trong các nơi đồn trú. Thứ súng này khi bắn, người pháo thủ nạp chặt thuốc ở đuôi súng, rồi mới nhồi đạn gang hình tròn từ đầu nòng vào. Trên thân súng, có một lỗ để tra ngòi pháo, khi bắn, người pháo thủ đốt ngòi pháo, thuốc nổ cháy, bắn viên đạn về phía quân thù. Loại súng này , chúng ta thường gọi là "thần công đốt đít" So với vũ khí của châu Âu hồi đó thì vũ khí của ta sức sát thương kém hơn, nhưng cũng là một vũ khí phòng thủ lợi hại lúc bấy giờ

Sau Cách Mạng Tháng Tám năm 1945, cù lao Biện đổi tên là xã Nghi Sơn, đồng thời cũng đổi đời cho dân đảo. Người trên đảo tổ chức đánh cá, canh tác nông nghiệp, Sau ngày đổi mới , nhận ra vị trí kinh tế của Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia đã cho đắp một con đường nối từ đất liền tới đảo, xây dựng đảo thành khu kinh tế . Tại đây có nhà máy xi măng Nghi Sơn của liên doanh Viêt- Nhật . Đi trên con đường của đảo, ngắm nhìn các tầu cá ra vào trong vụng, hoặc neo đậu trước đền Quang Trung , phía đất liền có một đường băng chuyển sản phẩm xi măng từ nhà máy rót thẳng xuống các tầu vào cảng ăn hàng.

Bây giờ đã đổi đời, nhưng cư dân trên đảo không quên ơn vua Quang Trung, hàng năm họ tổ chức ngày hội làng là ngày 5 tháng Giêng- ngày vua Quang Trung đại phá quân Thanh-

Trong ngày hội làng, ngoài nghi thức tế lễ, xã còn tổ chức thi bơi thuyền giữa 4 thôn. Sự rèn luyện sóng nước đã làm cho đội thuyền Nghi Sơn nổi tiếng trong những ngày Thanh Hóa mở hội đua thuyền.

Chúng tôi rời đảo Nghi Sơn, thủy triều đã xuống, những chiếc tàu đánh cá đã về bến, đang bán cá cho các lái buôn, họ hối hả chia cá với nhau, rồi tất tả ra xe để về chợ huyện Tĩnh Gia Bãi biển trở nên rộng lớn , nhiều cụ già thanh thản ngồi ngắm biển, và thanh niên hò hét chạy dưới bãi chơi bóng đá. Đúng là Cù lao Biện đã khác xưa.

Ghi chú :
Trong tư liệu này, phần nói về lịch sử của Thái tử Lý Phật Mã và loạn Tam vương các tác giả Thanh Hóa đã viết không đúng ĐVSKTT.

VŨ KIÊM NINH

86 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



BIỂN
VÀ
CHUYỆN TÌNH KHÔNG MAY

truyện ngắn

PHẠM NGA

1.

Tôi yêu biển. Trong cái may mắn đầu đời thật tuyệt diệu là được sinh ra ở vùng đất biển Nha Trang, tôi cứ hồn nhiên thích biển, một mực khoái biển ngay từ tuổi ấu thơ. Rồi sau này, vào năm ra trường đi dạy học, tôi lại may mắn nữa là được bổ nhiệm về thị xã Vũng Tàu, cũng miền biển!

Lúc đó đã giữa mùa nghỉ hè, mà vào năm học sắp khai giảng, Bộ giáo dục bắt đầu cho dạy môn sinh hoạt học đường ở bậc trung học. Khóa tập huấn đầu tiên về môn nhiệm ý mới mẻ này được tổ chức ở Vũng Tàu, kéo dài sáu tuần, quy tụ khoảng 30 nam, nữ giáo viên thuộc các trường công lập ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận, tất nhiên là có cả các trường của đất "chủ nhà". Ông hiệu trưởng trường tôi, sau khi tiếp nhận tờ sự vụ lịnh trình diện của tôi, đã hỏi han thân thế của "kẻ mới đến" sơ xịa vài câu rồi giao luôn công tác đầu tiên cho hắn: đi dự khóa tập huấn môn học mới.

Trại tập huấn của chúng tôi là toàn bộ khu vận động trường Lam Sơn, cách bãi Trước chỉ chừng nửa cây số. Trong lễ khai giảng, tôi nhận ra là đa số thầy, cô giáo dự trại đều còn trẻ, số đông là trên dưới 30. Có lẽ tuổi tác trại viên nên như thế mới thích hợp với tính chất năng động, cần đến thể lực của những môn học chính của khóa tập huấn, là các môn thể dục thể thao, trò chơi vận động tập thể, múa hát cộng đồng, kỹ năng sinh hoạt ngoài trời: cắm trại, lửa trại, , thám du, mưu sinh nơi hoang dã... Đặc biệt tự nhiên mà có hai trại viên quá trẻ, phải nói là hai cô bé mới đúng, lại đứng riêng ra, phía sau hàng các cô giáo. Dò hỏi mới biết đó là hai cô cháu gái của thầy Cương, trại phó nội vụ. Vừa đậu tú tài xong, hai cô nữ sinh chuẩn bị 'lên sinh viên' này được chú Cương dắt theo, cho làm trại viên 'bán chính thức'. Hai cô ả cũng thường sinh hoạt chung với đoàn nhưng đi chơi là chính, chẳng phải học hành, ghi chép gì cả.

Thế rồi, rõ ràng những buổi học ngoài trời, trong sân Lam Sơn hay ở các bãi biển, rừng dương..., tức được phơi mình trong nắng, gió, cát, nước biển... mới lý thú hơn nhiều so với những buổi nghe lý thuyết trong phòng học hay hội trường. Từ những thầy, cô đã có tuổi, vốn e dè, chậm chạp với màu nước da nhợt nhạt của mình, cho đến mấy anh thầy trẻ măng, háo hức kiểu 'mới ra trường' như tôi, tất cả đều dần dần thay đổi thấy rõ. Khi những ngại ngùng ban đầu – ngại nắng, sợ gió, ớn bụi... - giảm hẳn đi hay không còn nữa, mọi người vui vẻ, ồn ào chạy nhảy trên cát, ngụp lặn dưới nước, nằm dài ra thảm cỏ. Vài lúc tác phong nghiêm trang, đạo mạo cố hữu của nhà giáo đã tạm đi chơi đâu mất, nhiều thầy, cô tự do thả lỏng mình vào những trò đùa nghịch tếu táo, có khi rơi cả mặt kính, cũng như chọc phá nhau lì lợm y như bọn nhóc học trò của mình.

Vui nhộn nhất lúc nào cũng là đám thầy giáo trẻ tức bọn chúng tôi. Y như trong lớp học nào cũng có một "xóm nhà lá" quy tụ bọn học trò hay nghịch phá, "xóm nhà lá" của lớp tập huấn này coi như được dẫn dắt bởi tên 'quậy' nhất là Côn, dạy ở trường trung học Long Khánh. Anh thầy toán này có nước da đen như "anh Bảy Chà" trên ống kem đánh răng Hynos thời đó và chuyên chọc cười

thiên hạ qua biệt tài kể chuyện tiếu lâm. Rồi Tâm – chẳng bao lâu đã có ngay biệt danh Tâm *lùn*, để phân biệt với một thầy lớn tuổi cùng tên – dạy ở Dĩ An, mới hôm qua còn nghiêm trang, mực thước, mặc sơ-mi luôn cài kín cổ thì hôm nay đã *hót* như khướu, chuyên rủ cả bọn ra quán cà phê cóc để... tán dóc đủ thứ chuyện. Hay Thảo, dạy môn hóa ở một trường vùng quê Long An của anh. Phải nói là thầy Thảo đẹp trai, kiểu "trai miệt vườn" để răng vàng sáng giới và thu hút mọi người với ngón đờn ghi-ta thiệt điệu nghệ tài tử, cả tân nhạc lẫn cổ nhạc. Thảo có kể cho anh em nghe chuyện một ông phụ huynh chủ xe đò, mê mẩn ngón đờn vọng cổ của anh thầy nên mua cho thầy một chiếc nhẫn 5 phân vàng, đồng thời may cho một bộ sơ-mi, quần Tây thiệt *gồ ghề* để đến dự đám giỗ nhà ông chủ xe và tất nhiên, thầy sẽ biểu diễn đàn, ca tại đây.

2.

Sáng nay, ở khu bãi Trước, cả đoàn được huấn luyện viên của Hội Lực Sĩ *Con Kiến Càng* ở Sài Gòn xuống dạy các kiểu bơi, sau đó là sinh hoạt tự do. Ba anh thầy trẻ của "xóm nhà lá" đang làm bộ lòng vòng bơi tới bơi lui, thiệt ra là để bám sát một chiếc phao đang bềnh bồng trôi mà hai cô trại viên "bán chính thức" đang bám vào.

Còn tôi, làm sao mà không khỏi chú ý đến hai cô bé xinh xắn kia, nhưng tôi chỉ bơi ở xa xa và lặng lẽ nhìn lại thôi. Vẫn còn trong tôi những mặc cảm của cuộc sống nghèo khó, cô độc vừa qua. Tôi đã phải xa gia đình cha mẹ, phải ở trọ trên một căn gác chật hẹp, bẩn thỉu và học hành cho đến tốt nghiệp đều luôn trong tình trạng thiếu cơm ăn, áo mặc, sách vở... Khó khăn như thế nên cho đến nay, dù tương lai gần sẽ dễ thở hơn do lương bổng ổn định từ nghề đi dạy, bạn gái và hàng hiệu vẫn là hai thứ xa lạ và xa xỉ đối với tôi.

Cứ thầm tự so sánh mình – một cách bi quan về mọi phương diện trong/ngoài - với các anh thầy trẻ kia, nên lâu lắm tôi mới đánh bạo mở miệng hỏi Côn về hai cô bé. Thì ra đó là Hồng, để tóc *à la garconne*, cởi mở, dễ bắt chuyện. Còn lại là Nghi Dung, tóc hơi dài, luôn trầm lặng, ít nói.

Cuối cùng thì tôi cũng lấy hết can đãm mà nhập cuộc. Nhân lúc Nghi Dung buông phao bơi đi, tôi bơi theo thật nhanh. Hụp xuống lặn một quãng, trồi lên là tôi đã ở bên cạnh cô bé. Tôi mở lời:

"Em bơi giỏi há? Nhưng cẩn thận, đừng ra xa một mình. Mà em là Dung phải không, tôi là Hòa, mình làm quen nha?"

Cô bé cười, gật đầu, có vẻ ngỡ ngàng:

"Dạ..., đúng em là Dung, Nghi Dung. Mà làm sao em bơi bằng thầy được? Vừa rồi thầy ở đâu mà thoáng một cái bơi ra đây liền lẹ vậy? Lúc nảy em không thấy có thầy ở gần phao tụi em...

Mở đầu có vẻ thuận lợi. Tôi phấn khích nên tìm ra được ngay ý tưởng tạm xem là hay hay để nói tiếp:

"Tên Nghi Dung là một cái tên thật đẹp. À vừa rồi em không thấy tôi là vì tôi không thích đám đông cho lắm, dù ở đây ai cũng vui vẻ, dễ mến."

"Dạ em cũng vậy, không thích chỗ ồn ào nên em bơi ra đây. Mấy thầy kia cứ theo hỏi đủ thứ chuyện!"

Dù dung nhan đang hơi *lôi thôi* vì tóc ướt sủng, dính bết vào đầu và trán nhưng Nghi Dung vẫn rất duyên dáng, thụy mị. Cô bé nói, cười vừa hồn nhiên, tươi tắn vừa dí dỏm, thông minh. Mãi lén nhìn ngắm *người ta* nên tôi bí đề tài, đành hỏi han một chút về chuyện học hành rồi rủ cô bé bơi trở lại chỗ... đông người - chiếc phao có mấy anh thầy trẻ vây quanh.

Đêm hôm đó, tôi quá hân hoan để bỏ giấc ngủ mà nằm mơ mộng. Cái tuổi 18 của Nghi Dung không quá cách biệt với tuổi tôi 21. Thuận lợi nữa là ngoài kiểu xưng hô "thầy","em" theo hoàn cảnh hiện thời, tôi và cô bé không có quan hệ thầy trò.

Mặt khác, tôi sẽ cẩn thận và tự kềm chế, không đeo bám công khai, lộ liễu, nhưng luôn luôn ở tư thế sẵn sàng, nghĩa là có cơ hội là áp dụng ngay những lời dạy quý báu của một đàn anh về nghệ thuật, bí quyết lấy cảm tình con gái. Có một bí quyết tuyệt vời là : "*Như trong một ngày trôi qua, con gái đã nghe không biết bao nhiêu là lời tán tỉnh, trong đó có những câu rất hay ho của những tay giỏi ăn nói hơn mình. Do đó, mình phải ráng có vài câu – ít nhất là một câu nhưng phải thật hay – gây được ấn tượng thật tốt đẹp trong lòng con gái. Có như vậy thì vào cuối ngày, khi con gái ngồi một mình nhớ lại để chấm điểm, vô số những lời tán tỉnh của mấy tên khác sẽ bị quên sạch vì đã có câu tán của mình, do gây ấn tượng nhất nên duy nhất còn đọng lại trong tâm tưởng của con gái, tức là mình sẽ được nhớ tới chứ hổng phải tên nào khác.*"

Tôi thao thức, lo lắng vì không mơ hồ gì nữa, ngay giây phút đầu tiên tôi đã thương Nghi Dung.

Do đó, tôi cầu Trời khấn Phật cho từ ngày mai, ngày nào những lời chân tình của tôi cũng được Nghi Dung "chấm điểm" cao nhất, do tạo được ấn tượng tốt đẹp nhất đối với cô bé, để tôi được ghi vào bộ nhớ của *người ta*, chứ tôi không biết cách *sạo sự* ngọt ngào, bay bướm như mấy anh thầy trẻ kia – toàn những địch thủ *dẻo miệng* đáng gờm.

Trại tập huấn tổ chức đêm lửa trại đầu tiên. Đúng là một cơ hội bằng vàng cho tôi, vì vào dịp này, trại viên phải luân phiên ra *trả bài* bằng thực tế về các kỹ năng quản lửa, quản trò, quản ca... thì tôi đã nổi bật, nhờ hồi xưa đã có thời gian làm huynh trưởng hướng đạo sinh. Đặc biệt là tuy thời gian chuẩn bị chơi lửa trại khá ít nhưng tôi vẫn kịp đưa vào chương trình văn nghệ đêm ấy vở kịch vui, tựa là "Gia đình bác Tám", do tôi đã dựng nhái theo một chương trình rất nổi tiếng về nông thôn trên đài phát thanh đô thành và cũng từng trình diễn rất thành công trong một hội Tết sinh viên. Nay tôi vừa làm đạo diễn tập *miệng* cho Côn, Thảo "xóm nhà lá" và một cô giáo trẻ chịu nhận vai một thôn nữ trong kịch, vừa vào vai chính là bác Tám. Nghi Dung đã nức nở khen:

"Hay thiệt, thầy Hòa coi bộ hiền hiền, ít nói vậy mà tếu quá đi. Thầy giả giọng ồm ồm của bác Tám nghe y hệt giọng một ông già vui tính, dễ mến. Mà thầy ơi, quê thầy ở đâu mà nói giọng..."

Tôi hãnh diện đáp nhanh:

"Tôi chỉ giả giọng ông già miệt vườn Nam bộ cho vui thôi, chứ quê tôi là Nha Trang, xứ biển em à. Nên tôi rất yêu biển. Còn quê em?"

"Dạ ở Sài Gòn. Em cũng thích biển nhưng chỉ những lúc biển thật vắng như chỉ có mình mình thôi."

Vậy là *hai đứa* vừa thố lộ những tâm ý, sở thích sâu lắng của riêng mình cho nhau nghe. Cũng lúc này, trái tim tôi vừa biết yêu đã đảo nhịp liên hồi, hết hát ca, bay bổng rồi lại bồi hồi, thổn thức. Tôi vừa mới gặp Nghi Dung đó lại thấy nhớ cô bé rồi. Bao giờ vẻ mặt, giọng nói, cử chỉ của cô bé cũng đầy dịu ngọt, thiết tha lưu lại trong trí tưởng của tôi. *Mà sao những han hỏi, ánh mắt, nụ cười của người mình yêu dành cho mình bao giờ cũng ít ỏi đến thế?* Trong thương yêu bao giờ cũng có những nỗi khổ tâm kỳ lạ với sự mâu thuẫn không-chịu-nổi là cứ lo lắng và hờn trách nhưng lại càng nhớ thương nồng nàn hơn.

Dù sao, như đã nói, tôi luôn cố gắng tự kềm chế, tự chế diễu những khi biết chỉ là mình tự kiếm cớ gì đó để đi tìm gặp Nghi Dung thêm lần nữa trong ngày. Chắc chắn là đang có những đôi mắt nghiêm nghị theo dõi mối quan hệ đã trở nên quá thân mật, gần gũi giữa tôi và cô bé.

Riêng về ba thầy giáo trẻ thì không rõ vì lý do gì, Tâm đã bỏ cuộc. Còn lại là Thảo và Côn thì chỉ tập trung theo nhỏ Hồng. May mắn cho cả bọn chúng tôi là anh Cương - vừa là đồng nghiệp vừa là phụ huynh! – vẫn phóng khoáng, khi gặp gỡ, chè chén riêng tư vẫn vui vẻ xưng hô "tao", "tụi bây" với chúng tôi như bình thường. Nhất định là anh Cương đã dễ dàng nhận ra cái trò chộn rộn lộ liễu của bọn tôi đối với hai cô cháu gái, nhưng anh chưa hay không lên tiếng ngăn cấm bọn tôi, có lẽ là do bậc đàn anh này đã rộng lượng thông cảm "tuổi trẻ mà!"?

3.

Thời gian qua thật nhanh, thấm thoát mà khóa tập huấn sắp bế giảng. Chúng tôi vẫn thường đến cả năm bãi tắm của Vũng Tàu, đi thăm cả Long Hải và Cần Giờ. Biển có mặt ở khắp nơi – vị chứng nhân đôn hậu như mẹ hiền. Sóng biển cứ rạt rào đêm ngày như ru tình tôi lớn dậy. Gió biển cứ thổi tóc Nghi Dung bay bay, có lúc vờn nhẹ vào tôi, ve vuốt tình tôi.

Rồi tôi khổ sở, thương nhớ quay quắt khi Nghi Dung chợt biến mất hết một ngày một đêm. Cô bé về Sài Gòn gấp vì chuyện gì? Lúc cô bé trở lại Vũng Tàu thì nhằm vào buổi sáng chúng tôi làm bài thu hoạch cuối khóa. Tôi đang ngồi ở cuối phòng, sắp kết thúc bài thu hoạch thì chợt có một mảnh giấy vo viên rơi trên mặt bàn. Nghi Dung và nhỏ Hồng đang đứng ở hành lang, vừa ném giấy qua cửa sổ mà miệng cười, tay ngoắt. Tôi mừng rơn, vội vã ra khỏi phòng. Nghi Dung nói ngắn gọn là hai cô bé sẽ đi trước và chờ tôi ở bãi Dâu...

Bãi biển vào lúc rất vắng người, tôi rất sung sướng về cái hẹn riêng tư này - nhỏ Hồng vừa ý tứ rời đi, nói là kiếm dừa uống – nhưng cũng làm bộ trách cô bé:

"Hẹn tôi ra đây mần chi vậy? Trưa quá rồi, mà một rưỡi chiều cả trại phải tập dợt gấp rút ở sân cờ cho lễ mãn khóa vì sẽ có quan lớn trên Bộ xuống dự..."

Nghi Dung bạo dạn xỉ ngón tay vào ngực tôi:

"Thì chỉ vì em muốn gặp riêng thầy thôi mà. Biển đang thật vắng, đúng ý của em, mình tha hồ nói chuyện thoải mái, phải hôn thầy? Lễ mãn khóa thì nhằm nhò gì đâu thầy?"

Tôi trợn mắt:

"Nhằm nhò gì đâu hả? Nhà trường cử tôi đi học thì phải học cho đàng hoàng, nghiêm chỉnh chứ, không thì hiệu trưởng chữi, phạt chết. Đúng là em nói giọng... học trò, không biết *trời cao đất dày* gì cả!"

Nói thì có vẻ dõng dạc, hùng dũng như vậy nhưng thật ra tôi đang rất yếu đuối, ngớ ngẩn nhìn người mình yêu sau một ngày-đêm xa cách. Và tôi lập tức muốn ngã quị khi Nghi Dung dịu dàng nhìn tôi, nói nhỏ:

"Thì em đã nói là em muốn gặp riêng thầy thôi mà. Về Sài Gòn, em cảm thấy... nhớ nhớ thấy."

Niềm vui ngút ngàn đẩy nhịp tim tôi nhảy đến mức cuồng loạn. Tôi liều lĩnh nắm bàn tay cô bé:

"Thì em đừng gọi tôi là thầy nữa. Gọi anh là anh đi Dung nhé? Anh cũng nhớ em nhiều lắm, dù chỉ một ngày qua. Anh đã nhớ em từ lâu lắm rồi, em có biết không?"

Nghi Dung không rút tay lại, chỉ nhìn tôi bằng ánh mắt thật ngoan hiền rồi hơi cúi mặt, chúm miệng nói nhỏ với cái giọng vừa ngộ nghĩnh vừa dễ thương của con gái Nam bộ:

"Thiệt hôn?"

"Thiệt mà. Anh đang có hơi lo về buổi tập lễ mãn khóa, nhưng kệ! Từ lâu anh đã mơ ước được ở cạnh em thật riêng tư như lúc này. À em về Sài Gòn gấp như vậy, có gì vui không Dung?"

"Dạ vì ba em sắp xuất ngoại, đi làm ăn bên Hồng Kông nên em phải về gặp ba để bàn với ba về ngành em theo trên đại học."

"Em chọn ngành nào vậy?"

"Cũng Văn khoa như anh, nhưng cũng chưa chắc chắn lắm anh à!"

Bị lôi cuốn vào chuyện của Nghi Dung, tôi chỉ vừa thay đổi được cách xưng hô thôi, trong khi tôi còn có ý muốn cháy bỏng nữa trước vẻ yêu kiều lạ thường của người mình yêu. Cái óc tính toán đáng xấu hổ của tôi đang bảo *người ta đang vui, đang dễ dãi kìa, nói đại đi!* Thôi thì... Tôi xiết nhẹ bàn tay Nghi Dung:

"Dung ơi, anh muốn nói..."

Chợt cô bé không còn ánh mặt tươi vui nữa:

"Anh Hòa, xin anh đừng nói. Em biết anh muốn nói gì với em rồi, nhưng xin anh... Không biết sao, em sợ..."

Tôi hoảng hốt, tự cực lực lên án mình cái tội dại dột tính "nói đại" vừa rồi. Tôi nài nỉ:

"Em sợ điều gì mới được? Dù mình gặp nhau chưa lâu nhưng anh không hề lầm lẫn về tình cảm trong lòng mình đâu em. Dung ơi, em không tin anh sao?"

Đôi mắt Nghi Dung đã ngấn lệ, giọng cô bé ray rứt như van nài ngược lại:

"Dạ em tin anh chứ, nhưng xin anh đừng nói ra. Lần trước em đã từ chối anh, không cho biết địa chỉ nhà em cũng là vì em sợ... Sợ ngay từ lúc em bắt đầu cảm thấy mến anh, Hòa ơi! Em sợ chuyện tình cảm của tụi mình *không có tương lai* đâu anh."

Nói xong, Nghi Dung nhẹ nhàng rút tay ra khỏi bàn tay đờ đẫn của tôi. Cô bé đứng dậy, bước đi vài bước trên bãi cát rồi dừng lại, khoanh tay, nhìn mông lung ra biển.

Trong những chuyện tình có duyên may, khi người con gái chạy đi chỗ khác là chỉ vì thẹn thùng, không muốn chàng trai nhìn thấy ánh mắt thuận nhận của mình. Còn trong chuyện tình của tôi lúc này, người yêu bước đi là đã mang theo mọi mơ ước, hạnh phúc, cả tuổi thanh xuân của tôi. Tôi đang chìm vào cực cùng của khổ đau, hụt với.

Ngày cuối cùng ở trại, trong lễ mãn khóa, Nghi Dung tránh mặt tôi nên tôi tìm cách dò hỏi nơi nhỏ Hồng. Thì ra, từ lâu rồi, gia đình Nghi Dung xào xáo vì ông bố có vợ nhỏ và bà mẹ hăm sẽ ly dị, còn cô bé thì tắt mất nụ cười hồn nhiên, hóa thành một cô gái trầm lặng, u sầu. Trong chuyến đi chơi vùng biển vừa qua, cô bé tỏ ra nguôi ngoai, vui tươi trở lại chút đỉnh. Nhưng khổ nỗi, ngày Nghi Dung về Sài Gòn gấp là ngày bà mẹ chính thức ra tòa nộp đơn xin ly dị, không ai ngăn cản được. Tan nát cõi lòng, lại gặp lúc tôi ngờ nghệch định tỏ tình nên cô bé tội nghiệp đành ngăn tôi lại bằng một lý do đơn giản nhưng mơ hồ, rằng "chuyện tình cảm của tụi mình *không có tương lai*", mà không chia xẻ với tôi về tấn thảm kịch gia đình cô bé phải riêng mang.

Từ dạo đó, tôi yêu biển với cõi lòng đầy u uất. Sóng biển ngàn năm cứ vỗ mãi vào gộp đá trơ lì, gió biển cứ thổi mãi đến lạnh cả bãi cát câm nín, và tâm tưởng của tôi cứ giữ mãi những kỷ niệm rất buồn về một chuyện tình không may...

PHẠM NGA

90 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



NHÀ THƠ XUÂN DIỆU MÀ TÔI BIẾT

LÂM BÍCH THỦY

Nhà thơ Xuân Diệu là đồng hương Bình Định; chú ở huyện Tuy Phước, ba tôi ở huyện An Nhơn, cách nhau chỉ vài cây số thôi. Khi ấy, nhà tôi là điểm hẹn của các văn nhân Miền trung trung bộ: chú Hoàng Châu Ký, Vương Linh, Trinh Đường, Mịch Quang, Tế Hanh, Nguyễn Đình, Nguyễn Thành Long, Phạm Hổ ... từ nhiều nơi tìm đến để đàm đạo chuyện văn chương thi phú, nhân tình thế sự v.v... Ngay cả khi ấy và rồi, khi ra Miền Bắc, ở cùng thủ đô Hà Nội, tôi cũng chưa lần nào gặp mặt chú tại nhà như các chú kia.

Bác Quách Tấn cho biết: *Xuân Diệu quê cha ở Hà Tĩnh, quê mẹ Bình Định. Nhưng Xuân Diệu không thiên về quê cha, mà chỉ thường nhắc đến quê mẹ và không xấu hổ nhận mình là người Bình Định từ thời kháng chiến chống Pháp. Nhất là khi Bình Định trở thành trung tâm điểm của Liên Khu Năm. Đối với Bàn Thành Tứ Hữu, Diệu chỉ nể Chế Lan Viên. Diệu chê Hàn là một tên điên chạy cùng đường vừa ngâm thơ vừa la "tôi là thiên tài, tôi là thiên tài"... Yến Lan bị chê rằng "thơ còn non nớt", Quách Tấn bị đả kích: "Lạc hậu, cổ hủ". Xuân Diệu nể Chế Lan Viên không phải về học vấn, tài năng mà nể về sự ứng phó lanh lẹ, sắc bén thôi.*

Thời còn học lớp 10H ở Trường Chu Văn An-Hà Nội, tôi thường nghe các bạn lớp bàn tán rất nhiều xung quanh cái tên Xuân Diệu: Nào đó là ông hoàng thơ tình, là người không rõ giới tính; là đồng tính luyến ái v.v..

Cuối một buổi học, anh lớp trưởng bèn nói với các bạn: "Muốn biết rõ về nhà thơ Xuân Diệu chỉ có nhờ được Bích Thủy mà thôi. Ba cậu ấy là nhà thơ, cùng làm việc với Xuân Diệu, sẽ biết rõ nhất." Thế là cả lớp nhao nhao: - *Đúng đấy Thủy à; cậu về hỏi ba, xem có phải nhà thơ Xuân Diệu là ái nam, ái nữ?*"

Chà, quá đã! Tôi nhận lời ngay và lấy làm hãnh diện vì từ trước đến nay ai cũng muốn biết chuyện kín này mà không ai có điều kiện như tôi: Vì ba tôi làm cùng cơ quan với người *cần làm rõ giới tính. Nếu giải mã được việc này, chắc lỗ mũi tôi nở to hơn vì tôi sẽ trở thành người có thể giải quyết mọi vấn đề, có thể giúp các bạn bất kỳ vướng mắc nào; kể cả phía sau cuộc đời của các nhà thơ...*"

Nhưng, cái đáng gờm còn ở chỗ ba tôi. Việc gì chứ đụng đến luyến ái khi tôi còn ở lứa tuổi học sinh, không dễ đâu. Bởi, ông cụ thuộc lớp người quyết bảo vệ và giữ gìn nếp sống thuần phong mỹ tục thời "*cổ đại*" đấy! Mà việc này thuộc "lĩnh vực và phạm trù" hết sức tế nhị–xoi mói vào chuyện riêng tư người khác.

Trước mặt các bạn tôi tỏ ra hữu dụng, vậy chứ khi về nhà, tôi như con chi chi, phải chờ có cơ hội mới thực thi.

Và đây, nhân lúc ông già ngồi ngắm hoa hồng trước lan can nhà, tôi đến bên, ngần ngại một chút; rồi, tự tin và quyết định, hỏi: "*Ba ơi, các bạn lớp bảo con về hỏi ba về chú Xuân Diệu, có phải chú là...là ..là ...*" tôi chưa kịp nói ra cái từ đó thì ông già lập tức bê "cả vú lấp miệng em" nạt: "*Con gái con lứa mới lớn hỏi chi chuyện đó, vô duyên lắm*", làm tôi giật mình, mất hứng, thối lui.

Thế là từ đó chẳng bao giờ dám hỏi lại chuyện chú Xuân Diệu nữa.

Cho đến tận bây giờ, tôi cũng chưa biết rõ ngô khoai về chú, vẫn trong vòng bí mật. Trên đời này chỉ có hai người có thể biết, đó là nữ đạo diễn- NSND Bạch Diệp-người bạn đời đầu tiên của chú,

và nhà thơ Cù Huy Cận, mà cả hai người cũng đã theo chú đi vào cõi hư vô rồi!

Hình ảnh chú Xuân Diệu có trong tôi là qua những câu chuyện vui và những câu thơ tình của chú, do bạn đồng niên hay vong niên đọc lên với nhau trong nhà tôi. Ngày chú còn sống, chú hay được mời đi nói về đề tài văn học, thơ phú cho thanh niên. Khi đó, chú chỉ đem thơ tình của mình đọc cho độc giả nghe, một trong những bài thơ tình của chú :

Đố ai định nghĩa được chữ yêu
Có khó gì đâu một buổi chiều
Gặp người con gái ngây thơ ấy
Rồi thương, rồi nhớ thế là yêu...

Và chú tưởng rằng lúc nào, ở đâu ai cũng thích nghe, nên khi tiếp nữ thi sĩ của nước bạn-Tiệp Khắc, chú khiến bà nổi cáu: "Tôi đến Việt Nam không phải để nghe thơ tình của anh, bởi nói về thơ tình, thì ở nước tôi nhiều vô kể và có lẽ hay hơn. Đến đây, tôi muốn được nghe những câu ca dao, dân ca, dân gian truyền miệng ca ngợi người phụ nữ. Vì ở Việt Nam-Người phụ nữ là biểu tượng về người mẹ sinh sôi và sáng tạo; sinh con đẻ cái để người cha đánh giặc giữ nước v.v.. rồi bà đọc câu ca dao mà bà cho là rất hay: "*Em như cục cức trôi sông/Anh như con chó chạy rông trên bờ*".

Bà nói- Những câu ca dao này tuy đọc nghe tục tỉu nhưng lại rất thanh cao, giá trị của người phụ nữ được nâng lên tột đỉnh, dẫu em chỉ là cục cức thôi mà khiến anh thèm thuồng mong có được....!

Cơ hội tôi gặp nhà thơ Xuân Diệu - Đó là lần đầu và cũng là lần cuối, ngay tại nhà 37 Hàng Quạt – Hà Nội, trong tiệc mặn ngày cưới của tôi. Đám cưới tôi, thời đó, cũng đình đám và tốn kém vào bậc nhất, nhì ở Hà Nội. Gồm một buổi tiệc ngọt tại 51 Trần Hưng Đạo, hai bữa tiệc mặn tại nhà gái ở 37 Hàng Quạt và nhà trai ở 26 Hàng Bài. Nếu tính thành tiền, tốn hơn 2.000đ. Thời bao cấp, năm 1974, đám cưới nào chi đến 2.000đ, Nhà Báo mà biết sẽ phê phán kịch liệt. Nhưng, tất cả thực phẩm phục vụ cho đám cưới của tôi đều tự túc: Tôi nuôi heo, gà, và trồng các loại củ, quả, rau dưa ở nơi làm việc, tại Nông trường Ba Vì; sau đó, hai vợ chồng tôi chở dần về Hà Nội dài 52 cây số bằng xe đạp.

Hồi đó, việc cưới xin không cầu kỳ như bây giờ; không làm cho khách mời phải lo lắng tiền, quà mừng; nhà có gì mừng nấy. Ngày cưới được đông đảo bè bạn của hai bên đến dự là vinh hạnh lắm rồi. Ngày vui của tôi, các cô, chú bạn ba là những văn nghệ sĩ nghèo xác xơ, có gì đâu để mừng! Quà cưới chỉ mang ý nghĩa kỷ niệm là chính. Bác Khương Hữu Dụng, tặng cho tôi quyển truyện vừa (không nhớ tên) của nhà văn Chu Lai. Chú Tế Hanh, tại tiệc mặn mới có quà – đó là chiếc túi nhỏ bằng ½ bàn tay, màu mận chín, hàng thổ cẩm của Bungari, quà của ba chú: Long-Đình-Hổ, là chiếc thuyền làm bằng sừng trâu – hiện tôi còn giữ; quà của vợ chồng bác Minh Vĩ là bức ảnh hình lập thể có hai con két mỏ đỏ, của Trung Quốc ... Thế mà chúng tôi rất trân trọng và thích lắm.

Hôm tiệc mặn tại nhà, tôi thấy một người đàn ông bước vào, bắt tay ba má tôi rồi đến ngồi ở góc phải của gian nhà. Má tôi đem cho ông bát miến gà nóng hổi; ông bắt đầu thưởng thức nó một cách ngon lành; không để ý đến xung quanh. Đằng sau tôi, tiếng xì xào nghe rõ danh tánh "người ngồi kia là nhà thơ Xuân Diệu đấy!". Thực ra tôi cũng có ý đoán vậy; nhưng tôi không thể nào tin vào mắt mình. Đây mà là ông hoàng thơ tình của nước ta ư?! Từ trước đến giờ tôi cứ nghĩ chú khác cơ; đẹp trai, người gọn, nhanh nhẹn và nhìn phải hơn hẳn ba tôi chứ. Vậy mà sao chú bệu rệu, tóc thì xoăn, mặc chiếc quần màu cháo lòng, thủng một lỗ tròn ở bên hông trái, trông không được sạch sẻ. Nếu phân loại theo bài học của tôi, chú thuộc loại *thô sỏi*... và tôi thấy chú thật tội nghiệp!!!

Nhìn cách chú ăn càng thấy thương hơn; đã hết cái mà chú vẫn cúi sát vào bát để húp húp. Tôi không đợi được nữa, đến gần chú, tế nhị hỏi "*chú Diệu, cháu múc thêm chú bát nữa nhé*?". Chú xua tay, vẻ thật thà: "*Ồ, không đâu cháu, chú no rồi, còn chút nước chú húp kẻo bỏ đi thì phí*!". Lúc đó chú mới hỏi: Cháu là Bích Thủy? Tôi- dạ. Chú thò tay vào túi quần, lấy quà mừng cưới cho tôi. Đó là chân dung hình bán thân, nhìn nghiêng của nhà thơ Nga-Puskin, bằng mica tím đen, nhỏ

bằng 2 ngón tay.

Trong một bức thư bác Tấn gửi cho ba tôi, có đoạn nói *"... Xuân Diệu đấm Hàn, thoi Yến, đá Quách bắt tay từ giã Chế ra Hà Nội cùng Huy Cận lập nhóm Huy Xuân. Kế đó, Bích Khê ở Quãng Ngãi lẻ loi vào Bình Định. Năm thành viên trở thành "Ngũ Hành". Sau này, Xuân Diệu mới bắt tay với năm thành viên của nhóm Bình Định hợp thành "Lục Căn"* .

Lục Căn là lấy những bộ phận của cơ thể con người: "Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý" làm bút danh cho từng người. Tôi không biết ai mang một trong những bộ phận ấy. Không có tài liệu nào nói rõ về vấn đề này cả .

Phần lớn các thành viên sống và sáng tác ở Bình Định, còn bác Tấn ở tận Nha Trang. Hàng tháng, ít nhất một lần, vào những đêm trăng, thấp thoáng bóng họ chụm đầu bên nhau trò chuyện thâu đêm trên lầu cửa Đông, Thành Bình Định. Chế Lan Viên gọi đây là "Lầu tư tưởng", hay "lầu Thơ". Thi thoảng họ mới vào Nha trang với bác Tấn để giao lưu thơ phú.

Nhà bác Tấn, trước sân có cây mận. Tối đến, họ quây quần dưới gốc mận, đọc thơ đường, thơ Pháp... Có lần bác Tấn nghe chú Chế Lan Viên và chú Xuân Diệu tranh luận: *"Đến lúc này mà "người ấy" còn thốt ra những câu "cảm thương chiếc lá bay theo gió/ riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm"*

Chú Chế không bằng lòng nói:

- *"Diệu công kích anh Tấn sao không nói tên mà gọi "người ấy"?*

Chú Diệu cười thích thú trả lời:

- *tội gì mình lại đi làm quảng cáo cho anh ấy! Diệu gọi "người ấy thì ai biết rằng Diệu nói anh Tấn thì biết, còn ai không biết thì thôi. Chớ kêu đích danh ảnh ra, thì tên ảnh được "người không biết" biết thêm, như thế là làm lợi cho ảnh !...*

Chú Chế lại mỉa mai:

- *Diệu có tính so đo và tính toán quá. So đo tính toán trong tình yêu "cho nhiều nhưng nhận được chẳng bao nhiêu", lại so đo tính toán cả trong việc chỉ trích.*

Thế nhưng, khi những nét đẹp trong văn hóa ứng xử ngày đang mai một, bác Tấn lại khen chú Xuân Diệu:

"*Xuân Diệu là người khôn ngoan nhất. Trước kia tôi cứ cho rằng Xuân Diệu sống ích kỷ, nhất thiết không cho ai xem bản thảo, nhất thiết không nói cho ai biết những gì mình chưa in lên giấy hẳn hoi. Ngày nay tôi mới biết là Diệu khôn. Bọn đạo văn càng ngày càng nhiều, chú (Yến Lan) cũng như tôi ưa giúp người quá nên chưa biết.*".

Sau lần gặp trong tiệc cưới thì tôi không gặp lại chú Xuân Diệu lần nào nữa. Chỉ nghe có chút nhận xét của chú liên quan đến ba tôi qua Nhà nghiên cứu Văn học Đinh Tấn Dung-Khổng Đức, kể lại:

"Sau giải phóng chú gặp Chế Lan Viên, hỏi thăm ba cháu, (lúc đó Yến Lan còn ở Hà Nội). Chế Lan Viên lắc lắc đầu vẻ thông cảm, nói: "về cái nghiệp làm thơ của Yến Lan thì ít được gặp may, Diệu không ưa Văn Cao, mà Văn Cao lại ca ngợi Yến Lan (viết lời tựa trong tập thơ Những ngọn đèn) quá nên Yến Lan cũng bị ghét lây"

Tất cả những gì tôi biết về chú Xuân Diệu khiến tôi không phục chú. Khi còn sống, thơ chú viết, người đọc thấy than rằng "*mình cho rất nhiều nhưng nhận được chẳng bao nhiêu*". Tôi chưa đọc bài báo nào của ai đó nói về việc chú làm từ thiện mà chỉ thấy rằng trong giai đoạn gọi là "Nhân văn giai phẩm" thì chú là một trong những người góp phần làm thiu chột tài năng của nhiều nhà thơ tài hoa và đức độ như nhạc sĩ Văn Cao, Cụ Phan Khôi, Lê Đạt, Trần Dần v.v.., Tôi xin giới thiệu một vài nội dung được viết lên từ Nhà Nguyên cứu văn học Lại Nguyên Ân:

– Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong thơ là bài báo được công bố khi các hiện tượng Nhân văn, Giai phẩm đã được tuyên bố công nhiên trên công luận như là hoạt động chống Đảng chống chế độ, khi những người tham gia các ấn phẩm đó đã bị tuyên bố là kẻ thù ở bên kia chiến tuyến. Bài này của Xuân Diệu và các bài khác của ông như Những suy nghĩ chung quanh vấn đề chỉnh huấn, Những biến hóa của chủ nghĩa cá nhân tư sản qua thơ Lê Đạt, Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao, – đều thuộc phần đóng góp của Xuân Diệu vào đợt tổng công kích Nhân văn – Giai phẩm, diễn ra trên nhiều tờ báo ở miền Bắc trong quý II/1958.

– Bằng vào loạt bài viết này của Xuân Diệu, có thể dự đoán rằng, trong cuộc tổng công kích này, Xuân Diệu được phân công, – hay là ông tự chọn lấy cũng vậy, – mấy mục tiêu chính: khu vực thơ như một chiến trận tư tưởng, với các cứ điểm Lê Đạt, Văn Cao, bên cạnh đó là Nguyễn Tuân với tùy bút Phở và với quan niệm bị coi là sai lầm nghiêm trọng: coi viết văn giống như bác sĩ, chỉ cần gọi ra đúng bệnh, không cần kê đơn bốc thuốc.

"..Có thể thấy vào thời điểm này nhà thơ đang góp phần đặt ra những quan niệm quy phạm nhằm thu hẹp quyền nhận xét và suy nghĩ về đời sống thực tế đương thời của giới văn nghệ sĩ và trí thức nói chung. Có lẽ, qua trường hợp Xuân Diệu, người ta lại thấy rõ, mỗi hạn chế, mỗi trói buộc mà ba chục năm sau mới được thừa nhận, đã định hình theo cung cách như thế nào, và lịch sử của sự đánh mất tự do cũng đồng thời là lịch sử của sự tự nguyện từ bỏ từng phần tự do ra sao."

Phải sòng phẳng nhận rằng, Xuân Diệu đã tham dự cuộc tấn công này một cách hết sức hăng hái. Ông không phải người phát hiện nhưng là người phác họa lại rõ nét "một luồng thơ chống Đảng, chống chế độ", là người đã đem tất cả uy tín của một nhà "thơ mới" hàng đầu hồi những năm 1940 để kết tội những cây bút vào giữa những năm 1950, theo ông nhận xét, đã "cố nặn ra một chất thơ ác, đập vào giác quan bằng mọi cách, cố giật gân người đọc như Trần Dần, huênh hoang như Lê Đạt, trá hình nhiều cách lập lờ giả trá như Hoàng Cầm".

Xuân Diệu dành cho hai tác giả Lê Đạt và Văn Cao mỗi người một bài viết riêng. Nếu bài về Lê Đạt thiên về chửi bới sỉ nhục, thì bài viết về Văn Cao lại thiên về giọng điệu mỉa mai cay độc. Dưới ngòi bút Xuân Diệu, Lê Đạt chỉ là một nhà thơ cao bồi:

Nhưng trong mắt Xuân Diệu, Văn Cao lại như một "đại ca" nằm vùng, "giả dối như một con mèo, kín nhẹn như một bàn tay âm mưu trong truyện trinh thám", "lập lờ, ấp úng, bí hiểm, hai mặt", "hiểm độc", "một cái giọng cao đạo, ra vẻ bác học, thông thái", "giọng tiên tri", v.v... Tất nhiên, điều chính yếu mà Xuân Diệu phải vạch ra bằng được ở Văn Cao là "cái duy tâm chủ quan, cái cá nhân chủ nghĩa bế tắc, cái tìm tòi lập dị, cái khinh thường quần chúng, một mớ cặn bã tư tưởng cũ rích"! Xuân Diệu cảnh tỉnh Văn Cao mà như có ý đồng thời tự căn dặn mình:

Dẫu rằng sau này tự kiểm điểm chú cũng nhận ra cái sai của mình:

"*Giai đoạn vừa rồi là một sai lầm chung. Trong đó có cái sai lệch của mình, có phần nào do tự phụ, tự mãn, cho ý kiến của mình đúng hơn người khác... Những chuyện vừa qua là một bài học cho mình. Riêng mình thấy lớn thêm lên, thêm chút nào sáng suốt hơn, thêm bình tĩnh và càng rõ ràng cuộc sống còn của một nhà văn là ở tác phẩm, còn chuyện khác là phụ, nếu nói quá đi là rơm rác!*" (trích thư Xuân Diệu gởi cho nhà thơ Đào Xuân Qúi - ngày 4 /12/1956)

Theo tôi, thì ông Xuân Diệu là người cho ít nhưng lại nhận được nhiều nhất so với tất cả các nhà văn, nhà thơ ở trong nước ta:

Được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật (1996).

Tên của ông được đặt cho một đường phố ở Hà Nội, và cũng được đặt cho một trường trung học phổ thông ở huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định . Tại Qui Nhơn-Bình Định, chú được ưu tiên dành cho mang tên cung đường đẹp nhất – "*Đường Xuân Diệu như vành môi người con gái xuân thì ôm sát mép biển*"

LÂM BÍCH THỦY



94 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



PHẬN

truyện ngắn

KHẢI NGUYÊN

Ta chẳng ngờ lại gặp ông ta tại bến sông này. Con sông trong ánh sáng âm u dường như không có bờ bên kia. Dòng nước đen ngòm nhưng vục tay xuống thì thấy rõ từng ngón. Ta rất khát mà chẳng dám uống. Nghe nói uống nước này sẽ đâm lú. Trước đây, mình đã uống nước này đâu mà có lúc cũng lú. Có lẽ tại mình hay gặp may. Một thằng bạn vốn thân nói: "Mày từ bùn lầy ngoi lên được cái số". Cái giọng có mùi đố kị. Chẳng "cái số" nào tự đến tay cả. Ta từng lận đận chẳng riêng vì quá ỷ vào sự ban phát của Nàng Thơ. Đất đồng chiêm lầy thụt bám chặt thân phận cha mẹ ta, tưởng rồi ra lại níu kéo bước chân ta. Những ai đó từng viết rằng ta có số đỏ vừa bước vào trường tiểu học đã gặp được một thầy giáo mộ văn chương và có lòng ươm tài năng; lại cũng vận đỏ mà được nhà thơ lớn nâng đỡ, dắt dìu. Ờ, hồi đó nói thế chẳng hề chi; ta đọc, ta nghe cảm thấy vừa biết ơn, vừa tự hào. Về sau, ngẫm lại thấy sai quá! Thiên tài cũng phải có điều kiện. Người ta tán tụng thiên tài, chẳng ai tung hô điều kiện, càng không để điều kiện phủ bóng mờ lên thiên tài. Ta chẳng thích câu của tay nhà văn nào đó: "Trong mỗi con người Việt Nam chồm hổm một kẻ nông dân". Người ta thường chập làm một "nông dân" với "nhà quê". Ta làm gì còn cái lốt nhà quê. Những cậu bé sớm rời nông thôn ra tỉnh học rồi bay luôn mấy ai như ta! Anh nông dân nào ban đầu cũng rất khiêm tốn, cái chính là do tự ti. Nhưng khi đã có một "chỗ ngồi" nào đó rồi thì... (Thật ra thì anh thành phần khác cũng rứa, song họ "khéo" hơn). Ta không thế. Ta giữ lâu, giữ mãi cái dáng vẻ khiêm tốn, song không nhà quê. Phong thái đã đành, cả cách nghĩ nữa. Ai bảo tư duy nông dân đều nhà quê? Lối trao chuyện quảng giao, cách lập ngôn tưng tửng của ta chẳng ai học nổi chính là thăng hoa từ sau lũy tre làng qua đầu óc thơ thiên bẩm của ta. Thằng bạn không đủ tầm để hiểu ta. Ta xởi lởi với hắn, sẵn sàng khen; mà hắn thì luôn luôn phục ta. Có lúc tình bạn nhạt nhòa. Có tình bạn thật không? Câu hỏi đến dở, dở hơn hỏi tình yêu có thật không. Tình yêu! Một khái niệm mê hoặc. Ta quen biết rộng, lại nhiều người biết tiếng, nhiều người chìa tay ra, nhiều người chạy đến, vậy mà một mảnh tình vắt vai đúng nghĩa lại khó. "Ái nhi viễn chi" thì có cơ... Biết bao cô nàng đọc thơ ta rồi viết cho ta tưởng chừng sẵn sàng đặt trái tim lên đĩa hiến dâng, nói lóng kiểu hiện đại là "sẵn sàng chết".

Chẳng thấy phà hay đò gì cả. Không có gió, - chốn này chẳng hề có gió-, mà lạnh heo heo. Lần đầu tiên ta thật sự cảm thấy bơ vơ. Chỉ mới đây quanh ta quá sẵn người. Không kể những người đỡ nâng, người khích lệ ngày bé. Lớn lên, thêm lắm người tâng bốc, chèo kéo. Lúc này đây, chẳng còn mống nào. À, còn ông ta, nhưng...

Con người chưa già mà chẳng còn trẻ kia, ông ta, im lìm ngồi dựa gốc cây cách mươi bước chân, không ngửng lên, không hé mắt. Chẳng lẽ lão lại chết nữa! Có nên đến đánh thức ông ta dậy để "bầu bạn" tạm thời không? Đây cũng kể như đang là tha hương.

Ta gặp lão -nói lão gặp ta thì phải hơn- ở nước ngoài, chỗ cô em họ lão. Lão nghe tên ta thì "à" lên: "Chào nhà thơ!" Ta chẳng thích cái giọng thân tình "bằng vai" kia, nhưng được cái âm sắc ngưỡng mộ chuộc lại. Ta biết lão có "thơ thẩn" nhì nhằng. "Em có đọc mấy bài của anh. Anh viết được lắm, có bản sắc". Lão chỉ hơi mủm mỉm cười, nhưng chắc là sướng mê, cái mũi cứ muốn ngọ nguậy. Được nhà thơ tiếng tăm khen thì khỏi phải bàn. Cái cô em họ của ông ta cũng dễ thương, hơi cứng một chút. Định nói chuyện văn chương, rốt cục lại là chuyện hàng họ. Ông ta có vẻ muốn ta và cô em... Chán một nỗi, cô nàng dường như coi ta thuộc "giống trung". Ta cũng rất "hồn nhiên" với cô nàng. Người thông minh, bặt thiệp vẫn có thể hồn nhiên chứ! Thơ ta già đi, ấy

không! già dặn lên, mà tình ta còn hồn nhiên lắm lắm. Với cô em, ta hồn nhiên theo nghĩa khác. Chẳng phải ta không biết có những tay nhà văn, nhà thơ xắn tay "nhiệt tình" hướng dẫn, dìu dắt những "em" viết truyện, làm thơ, rồi dìu cả cách "xâm nhập tình cảm" và thực hành luôn. Hắn nọ, nổi danh hơn ta về hậu vận, lại tỏ ra "tự nhiên" một cách trơ tráo, thường khi rủ các em hâm mộ mình đi nhậu bia rồi mượn hơi men đè con người ta ra hôn, và còn nữa... Có lần, được mời về một trường Trung học nói chuyện thơ, tối đến đang ngơi trong phòng khách "buồn tình" ngó ra thấy một chị đang dọn dẹp trong sân trường bèn tới gạ. May mà chị kia không làm toáng lên. Cái nổi tiếng, hắn dùng làm cái khiên cho cái bê tha của hắn. May mà ta chưa đủ lọc lõi và lì lợm như hắn, mà cũng không bao giờ muốn theo chân hắn. Tình cảm trong thơ ta chẳng phải bao giờ cũng là thứ thiệt, song tình yêu trong đời ta cần thứ thiệt -hẳn đi rồi! Cô bạn của cô em họ lão ta lại khó "nắm bắt" ở dạng khác. Cô du học để làm cái "phó Nghè" tâm lí học mà chẳng tâm lí mấy nỗi hoặc quá tâm lí, ta chẳng biết nữa. Bạn cô chưa kịp giới thiệu cô ta đã nói như reo: "Em đọc thơ anh từ trong nước. Đã được xem anh diễn thuyết. Nhà thơ nhiều người biết, em út được nhờ đây". Ta hơi bị bất ngờ, đang "giao dãi" thì cô ta đã chun môi: "Gớm! Chưa chi đã từ nan rồi". Lại thật! một câu dung tục được nói ra cách nào đó khiến ta như bị lật áo. Ta đành cười vô tư: "Nào đã nhờ gì đâu mà trách nhau từ nan", bụng nghĩ: nhờ gì nhỉ? hẳn là học tiếng. Tưởng vậy, nhưng cô ta đâu cần vậy. Cái mà dân xuất ngoại mình cần đầu tiên khi đặt chân lên đất khách là "mối". Mặt này thì bạn cô ta là chúa rồi. Chẳng nhẽ mình là con bài dự trữ? Có lần cô ta bảo: "Anh làm thơ về bọn con gái li hương đi!" Đã có lúc đêm khuya ta mơ hồ cảm nhận Nàng Thơ chấp chới trong hình bóng cô ta, rồi lại bạn cô ta... Làm thơ, tứ thơ nào chợt hiện là ta chộp (cái từ nghe chẳng thơ tí nào mà gọi đúng tên chuyện "bếp núc" của ta). Với các cô nàng thì...Cho tới lúc ta gói ghém mọi thứ để về nước, hành trang tinh thần lẫn vật chất về phái đẹp xuất ngoại vẫn chỉ là những tứ thơ "ương". Chẳng có nàng nào cặp với ta về. Chẳng có nàng họ "lưu" nào quyến ta ở lại. Thắng bạn chí cốt ở bên nhà viết thư sang: "về dễ, đi khó". Ta hiểu ý hắn (thời đó là vậy, chẳng như sau này), nhưng ta phải về thôi. Về với hào quang của ta, về làm sống dậy "vang bóng" cho to hơn, cho cao hơn. Nơi xứ người, kiếm đâu ra công chúng ngưỡng mộ, dù chỉ ở tầm lão kia, trong cộng đồng dân lưu vong, nói chi trong dân bản xứ.

*

Chẳng ai xui, chẳng ai dẫn mà tôi lạc bước đến bến này. Ngẩn ngơ trước cảnh sông nước đượm màu thê lương, tôi mệt mỏi ngồi xuống. Trong phút tọa thiền, tôi bỗng mơ hồ nghe có tiếng mách bảo hãy quay gót. Toan đứng lên thì hắn đến; không mở mắt mình cũng biết hắn đến. Chẳng phải do mình có "công năng đặc dị" gì đâu mà có lẽ do cái mùi "nhà thơ đặc hiệu". Dẫu sao thì ấn tượng buổi đầu về hắn vẫn khó phai. Không vì hắn đã có mấy lời khen mình dù mới sơ ngộ. Hắn khen, giọng không hay, hơi lè phè, nhưng lời lẽ vừa hung dị, vừa có cánh làm cho khuôn mặt vuông, hơi thô tháp, trở nên nhẹ nhõm, và cái thân hình thấp bè dường như dọn bớt bề ngang tăng thêm bề cao. Cái đám đàn bà con gái "siêu thị" đến là quá quắt. Bữa ấy, mấy cô vừa lưu học sinh, vừa dân "lao động xuất khẩu" đang ngồi tán chuyện, có mặt nhà thơ, cô phó Nghè tương lai chợt nẩy ra sáng kiến: Đố thi sĩ làm xong một bài thơ tình trong hai phút. Chỉ hơn một phút, nhà thơ đã cho ra sáu câu lục bát hoàn chỉnh một tứ thơ. Có tiếng la lên: "Giỏi cực! Người đố phải thưởng đi!". "Thưởng gì nào?". "Nụ hôn" -nhiều tiếng nói ào lên. "Không được! -Tiếng cô em họ tôi át đi- Phải để người thắng cuộc hôn người đố". Tiếng vỗ tay lốp đốp. Một cô đứng lên hoa tay: "Tôi dám chắc thi sĩ lừng danh của chúng ta tuy viết những câu thơ tình nóng sốt nhưng chưa hề biết hôn là thế nào đâu". "Xạo!". "Cược nào! Một chầu đặc sản ở chung cư số Năm nhá. Có nhà thơ đang ngồi đây, anh hãy nói thật đi!" Họ dồn một hồi, nhà thơ lúng túng cười xòa: "Gì mà chẳng biết". "Thế thì anh thực hành luôn xem nào! Lấy thưởng. Mà thôi! Với đứa nào ở đây cũng được". Anh ta mặt đỏ rần. Cô đặt cược ra bộ giải cứu: "Chúng mày như bà la-sát cả, anh ấy thèm đụng vào à. Anh cứ thử hôn cô gái trên tờ lịch kia kìa! Cho chúng nó trắng mắt ra". Nhà thơ cười trừ cố lảng. Cả bọn nhao nhao: "Đúng là không biết thật", "Quê quá!" cô "giải cứu" lại tức mình hộ, đẩy anh ta đến trước cô gái trên tường: "Anh hãy tỏ ra cao thủ đi! Đừng để em bị thua cược". Nhà thơ chẳng làm thế nào được, kiễng chân chụm môn áp vào đôi môi đỏ chót trên tờ lịch. Các nữ quái cười phá lên: "Cộc mũi nhau rồi, ông anh ạ. Lại chẳng kêu gì cả. Hôn môi là khó ghê! Phải học thôi!" Tôi đâm ghét mấy người kia, bực luôn với cô em họ. Bọn này không biết quí người chân chất. Văn nghệ sĩ là chúa phóng túng, được người hiếm hoi vậy lại coi rẻ. Một người nổi danh mà

vẫn giữ được nét đôn phác, mà vẫn xởi lởi, mà vẫn thấy được cái hay của người khác, ... Cô em họ bảo tôi: "Em nói thật nhé: Nghe anh ta, anh đừng vội sướng". Còn cô bạn của cô thì: "Cái tay ấy chẳng biết xuất khẩu thành thơ có ra gì không chứ xuất khẩu thành lời khen thì chúa. Với bất cứ ai, dù thân dù sơ". Các cô cứ bi quan hóa tình người! Anh ta được cuộc đời ưu đãi nên lòng không chật. Để cho thơ bay cao và tỏa rộng chứ! Nhà thơ đích thực là phải vậy. Có đâu như ai nổi máu thiên tài, "khiêm tốn" đấy mà "mắt xanh, mắt trắng" đấy.

Gặp nhau lần đầu, tôi đang ăn cơm cùng cô em họ, mời, anh ta chẳng chút màu mè: "Em vừa mới ăn xong, nhưng xin ngồi tiếp anh cho vui". Anh ta ung dung đưa tay cầm cái nem rán lên cắn, nhau rau ráu: "Thứ này dùng đũa thì giảm ngon". Khẩu khí nhà thơ đích thực quả có khác. Nữa, đúng là một con người giản dị, xuề xòa một cách vĩ đại hoặc vĩ đại một cách xuề xòa. Cô em họ của mình từng ốm người vì thức chép thơ và mơ được diện kiến nhà thơ, nay đã hơi quá lứa còn đòi gì nữa cơ chứ. Cô mải mê chạy hàng xách hơn là lo học. Cô bạn "sắp sửa phó Nghè" của cô, thường đi đi về về cái thành phố cách hàng nghìn ki-lô-mét, một tối tôi gặp đang lúc nhón từng túm đồng hồ đeo tay điện tử loại rẻ tiền làm giả một nước kề cận cho vào một cái túi du lịch ngoại cỡ chuẩn bị ra ga nhảy tàu khuya, -"bất cứ lúc nào" vì đã "nắm" các tay lái tàu-, miệng ơ hờ: "Cái lí tưởng biết nó hình thù ra sao mà xây dựng với bảo vệ! Bây giờ đồng đô-la có giá vượt xa đồng tiền tại đây thì rõ ràng". Ờ, nhà thơ ta không buôn bán gì thì phải. Nghỉ thì ngủ vùi, chín mười giờ sáng mới dậy; hoặc đến la cà, tán gẫu nơi các khu lưu trú có bạn bè. Người mình có dịp ra nước ngoài mà không xoay xở kiếm chác thì thật là một "sự cố"! Cô em họ tôi khịt mũi: "Chưa biết thế nào. Cái vẻ ngoài ươn lười, xuê xoa có khi náu những toan tính khó lường". Lại thói đời!

*

Ta biết chắc lão rất phục ta, -điều này chẳng làm vinh dự thêm cho ta mấy nỗi. Về nước, ta đã quên ông ta như đã quên bao nhiêu kẻ từng hâm mộ ta, loại cỏ rả, xin lỗi, ta nói lại, loại "triển vọng mơ hồ". Gặp lại lão là một tội nợ. Lần nọ, ta đang được mấy người vai vế tiếp trang trọng, ta chuẩn bị ra hội trường đăng đàn nói chuyện văn thơ, lão đến chào ta một cách quá gần gụi. Ta mà ngang tầm lão ư, trong con mắt những người đang đàm đạo cùng ta! Ở nước ngoài ta đãi lão với tư cách người đồng bang trong cái xô bồ nơi xứ người. Thế mà lão quên ta là ai, lão là ai. Lão chẳng hiểu gì cả. Có một thứ đẳng cấp mà những người như lão "mãi mãi là một anh nhà quê" không thể nào "giác ngộ" được. Ta chưa hề nhà quê! Thời bé tí chẳng cần nói. Vào độ tuổi thiên thần này, với tạng loại người hơi bị hiếm, không khí nông thôn chỉ có nâng tâm hồn thanh sạch bay bổng mà thôi. Cái hơi nhà quê chẳng thể làm ô nhiễm. Lớn dần lên ta đi nhiều, khí vị đường trường vương hồn thơ làm cho cốt cách thơ trở nên hào sảng. Ta cố tránh nhiễm phong thái "thượng lưu hiện đại". Ta ung dung, đĩnh đạc mà vẫn mang vẻ khiêm nhường khi lên bục diễn giảng, khi thượng sân khấu, khi tiếp xúc công chúng độc giả, nhất là với các giới nữ sinh, nữ nghệ sĩ, kể cả nữ doanh nhân. Ta chẳng cần xuất khẩu thành thơ, một kiểu dùng thơ dọn đường hoặc một cách giải tỏa tâm lí, ta xuất khẩu thành những câu dí dỏm mà uyên bác, những ý ngộ, thậm chí tếu táo, được nâng lên tầm triết lí hàm ý phán truyền, cho khoác vỏ ngôn từ cách riêng. Người đời khó tính, song chẳng khó dắt mũi lắm đâu. Chỉ một chút khác lề thói đã có thể nên chuyện, tuy thực ra vẫn là lề thói đấy thôi. Ăn may, có thể làm một "hiện tượng". Nói thơ ta hết thời đã đành là nhãn quan kém, mà nói ta dùng lợi khẩu ("lợi bút" chứ!) để chinh phục cũng là ý thức non. Chuyện chinh phục lúc này ta chỉ quan tâm "một" mà thôi. Song, đây là chuyện khó nói, và khó... rành rẽ. Bởi "tình" hay bởi "danh" đây? Hay bởi "tài"? Trong làng văn nghệ, "thu nhập" của ta giờ chỉ kém các "sao hát" thôi.

Có những sự ngưỡng mộ làm phiền người ta. Khốn khổ! Khen cũng không biết đường khen. Như hạng ông ta kia. Chỉ biết tán tụng mấy bài thơ thuộc thời trẻ dại của ta, cái thời ta lên hương song thơ ta chưa vào "trường cách tân", nó vương hơi bản năng mà không là vô thức, nó mang mùi tự phát chứ không phải thăng hoa. Tầm thẩm thơ của họ chỉ đến vậy. Thơ ta, như bất cứ thơ thứ thiệt nào, ngày càng kén độc giả. Thế giới này, đời sống càng bộn bề, cuộc sống càng bon chen, càng năng viện đến tâm linh. Mà trong chuyện tâm linh, ai cũng có cái thớ của mình. E rằng rồi ra mỗi thi sĩ chỉ có mỗi độc giả là chính hắn. Ngày nay nhan nhản câu-lạc-bộ thơ, định kì

người ta đến đọc thơ cho nhau nghe, vỗ tay rôm rả; tan cuộc, hầu như mỗi người chẳng còn nhớ gì ngoài bài thơ mình đọc. Dù sao, nhen và giữ lửa được cho không khí thơ cũng là tốt; nhu cầu làm thơ chưa bao giờ cao như lúc này! Thơ ta có quyền đòi có công chúng! Nhưng là công chúng tự đến như trước kia. Không phải vì tiếng tăm cũ! Không phải vì xảo thuật văn chương mới!

Thơ Việt đã được mời đi đọc ở Mĩ, ở Tây Âu. Một công chứng có chọn lựa. Họ đến, ít nhiều có sự đẩy đưa chính trị, văn hóa, có cả sự tò mò. Thưởng thức thơ qua chuyển ngữ thì cũng tựa như hôn qua lần vải. Được cái tiếng Việt có cung bậc thanh âm (Nghe nói ngày trước có một nhạc sĩ Pháp qua Việt Nam gặp lúc hai người đàn bà đang chửi nhau; anh ta chẳng hiểu gì nhưng nghe có vần có điệu bèn kí âm và được một khúc nhạc độc đáo). Người nước ngoài nghe người Việt đọc thơ, ngâm thơ ít nhất cũng thích vì lạ. Nhưng chẳng nhẽ nhà thơ sáng giá lại chỉ trông mong vào loại công chứng xổi này ư!

Sau cái lần nhà-thơ-quen-biết của tôi bị các nữ quái chọc-quê-hội-đồng, tôi cứ nghĩ anh ta "đụt gái" (chứ không phải dại gái). Song tôi nhầm to. Nhà thơ dày dạn của chúng ta đâu có dễ để cho bị vào xiếc. Về sau, trong các trường hợp tương tự, anh ta dễ dàng giành thế chủ động bằng các câu phủ đầu hoặc phản công sắc cạnh, hóm hỉnh. Tôi mơ hồ cảm thấy một "chất người" khác đằng sau cái vẻ xuê xoa gần như dân dã.

Tôi về nước sau nhà thơ. Một hôm ghé vào một quán bia vỉa hè, tôi nghe mấy tay có vẻ là dân buôn nước bọt hoặc dân văn nghệ đang kháo nhau về nhà thơ ái mộ của tôi cùng cuốn tản văn "kì tài" đang làm chuếnh choáng sân chơi văn chương. Tôi hối hả tìm đọc. Có gì ghê gớm đâu! Khen chê cũng chuyện thường tình. Đọc thú ra phết, nhất là sau bữa cơm. Nhưng rồi một tay nhà văn chính hiệu bảo tôi: "Ông thật thà quá! Trong bài viết, hắn kể như không những mẩu hay hay, những câu lạ lạ, có khi dí dỏm, lúc với ông này, lúc về bà kia, toàn những người tiếng tăm, chen vào giữa những câu bình luận cũng vui vui, hóm hóm. Toàn là những chuyện rất thân tình có thật và những cảm nghĩ bạn bè thôi mà! Người đọc biết đâu những gai nhọn cài tinh vi. Các vị đàn anh từng o bế hắn bị hắn chích đau mà khó nói. Bây giờ hắn đã bằng vai hoặc hơn vai mà vẫn "bác bác, em em" rất chi là nhũn nhặn. Trong những mẩu chuyện tưởng chừng chỉ để điểm xuyết trang văn, có những ý, những từ ngữ, thậm chí một chữ, được thêm hoặc bớt một cách dễ thương, đương sự mà moi ra thì chẳng là nhỏ nhen lắm ư! Chỉ chừng nấy thôi, thằng cha đã đáng là sư tổ của những tay phất văn chương rồi! Trong mắt một số độc giả, trước hết là lớp trẻ, hắn là bậc anh hùng đã dám phạm húy, đã dám sờ râu mấy vị từ lâu đã an tọa ngôi cao trong đình văn. Thơ ông giờ mà nhờ được hắn ban cho mấy đường bình, tưng tửng theo lối của hắn càng tốt nhưng hắn phải có thiện ý, nếu không thì ông ăn cám đấy. Thơ bây giờ như nấm sau mưa. Người ta ngại đọc. Vậy nên mới cần những bài "lăng xê". Không dễ mà nhờ được hắn đâu". Tôi nghe không thủng. Chẳng có nhẽ! Tôi cám cảnh cho nhà thơ và canh cánh hận thay cho anh ta. Tôi chẳng có ý định nhờ nhà thơ có tiếng "thổi" thơ mình, song vẫn mong một lần được gặp lại.

Tôi được gặp lại thật. Tôi thì vồ vập, còn anh ta thì... cái nhìn hơi "trống". Chẳng phải vì cô em họ tôi đã lấy chồng và có ý định làm Việt kiều. Dẫu vậy, tôi vẫn giữ những ấn tượng tốt. Mình không chú ý câu anh ta "giới thiệu" mình ngày nọ với mấy vị quan chức đang ngồi với anh ta khi mình vừa quay đi: "Người tôi gặp ở...". Người tôi gặp chứ chẳng phải quen, càng không phải là thân. Bẵng đi một thời gian. Một tối họp long trọng cỡ quốc gia, nhà thơ là khách mời. Tôi may mà có mặt theo suất dự thính. Nhà thơ được chào đón, gần như là tung hô. Tôi cố len đến gần, lòng hơn hớn một niềm vui "ăn theo". Trước mặt là một dáng quen. Người đó nghiêng nhìn: đúng là... ánh mắt mình mừng rỡ nhưng miệng mình chưa kịp hé thì nhà thơ mến mộ đã quay ngoắt đi, mình chỉ kịp nhận ra cái ánh mắt bạc ác lóe lên trong chừng một phần trăm giây. Mình ôm ngực gục xuống như bị một trùy vào mỏ ác, đúng điệu nhồi máu cơ tim...

Tôi lang thang bất định hầu lạc phương hướng. Còn anh ta sao lại đến đây? Nhà thơ đi rung tiếng chuông thơ nơi bến bờ mới hay đi tìm công chúng cho thơ mình nơi thế giới khác? Hoặc giả vương quốc thơ quá chật rồi, vương quốc "bình" thì xác, hơn người là biết thích nghi mà hơn người cũng là biết ra đi!

Nhà thơ bất ưng đứng trong hiên một thứ nhà tựa điếm chờ xe. Cảnh huống này đáng có thơ lắm. Khốn một nỗi, tứ thơ chẳng chịu ló ra. Nàng Thơ của mình thành mệnh phụ mất rồi. Sang được bên kia hẳn sẽ đổi đời thơ. Cao cao một chút phía xa, phía đoán chừng là bờ bên đó, ưng ửng một màu sáng lúc rõ, lúc mờ, như thôi thúc, như ơ hờ. Một con thuyền đột ngột hiện ra không tiếng động trên mặt sông sương mù giăng lãng đãng, thấp thoáng vài bóng người lòa nhòa. Ánh sáng mù mờ vẫn cho phép nhận ra thuyền có dạng như loại kết bằng bẹ chuối người ta vẫn thả trôi sông dịp lễ "cầu yên" hàng năm. Một giọng nói dấp dính, chẳng ra nam, chẳng ra nữ, cất lên: "Còn trùng trình gì nữa hỡi thi gia! Cái chân thi bá chẳng dành riêng ai mà cũng chẳng dễ giành giật. Ở cõi kia, mọi 'thông lệ' xứ ngươi đều phá cách hết. Cái mong đợi nhiều nhất là cái ít rõ rành nhất". Chiếc thuyền vẫn lửng lơ xa bờ. Chàng nhà thơ lần chần cũng phải. Lội xuống sông bơi ra... "Ngươi chờ thuyền ghé ư? Nước sông này có thể tẩy chất trần lụy và thói tự huyễn hoặc đấy!" Nhà thơ do dự giây lát rồi ra đứng bên mép sông cúi xuống khum hai bàn tay múc nước đưa lên miệng. Cái người vốn im lìm dựa gốc cây như ngủ hoặc như đã chết rồi bỗng bật dậy chạy tới đánh mạnh vào cánh tay anh ta. Nước tung tóe vãi hết. Nhà thơ quay ngoắt lại nhảy xổ vào người kia. Anh ta vốn nổi tiếng không hay dùng vũ lực. Cơn hung dữ bộc phát, hay trong mỗi con người vẫn náu một con quỉ, vấn đề là có dịp cho nó sổ lồng hay không mà thôi? Bàn tay nhà thơ giương ra hai gọng kìm ngón tay mỗi bên khuýp lại thành một thứ thòng lọng chụp vào cổ người kia bóp cật lực. Bàn tay nhà thơ không hề chạm tới da cổ đối tượng bị tấn công vậy mà anh ta vẫn cảm nhận được tay mình đang xiết vào một vật có sức cưỡng lại, và người kia thì cảm thấy cổ y đang bị thít chặt. Y vùng vẫy, lưỡi thè ra, sắp ngạt đến nơi. Y bèn liều huých mạnh đầu gối vào hạ bộ đối phương. Anh ta buông cổ địch-thủ-bất-đắc-dĩ, gập người, chới với rồi rơi tòm xuống sông, chìm nghỉm. Người kia kinh hãi, đứng chết trân mấy giây. Y sực tỉnh, đang loay hoay chưa biết cứu cách nào thì nhà thơ đã nổi lên. Anh ta chân đạp, tay đập loạn xạ. Nước sông dường không chảy, anh ta cứ quẫy tại chỗ. Chỉ chốc lát nhà thơ đuối sức, buông xuôi cả tay lẫn chân, để mặc cả người chìm đứng trong nước thò cái đầu lên, nước mấp mé miệng, hệt một thứ phù kế mà người ta vẫn dùng để đo nồng độ một loại dung dịch nào đó. Người kia lúng túng. Quái! đầu hắn ta như cái phao. Cái gì rỗng mới bềnh lên chứ! Tiếng giữa sông ồn lên nhưng âm âm như tiếng vọng: "Vỡ bài bản rồi. Thôi! Cứ để sự vật xoay vần theo qui luật của sự ngẫu nhiên". Người kia vẫn lo cứu nạn. Y nghĩ phải tìm cái gậy dài để khều. Lội xuống vớt thì mạo hiểm. Nước sông này chưa biết thế nào. Y lại chẳng thạo bơi. Nhìn quanh, y thấy trong quán treo rất nhiều sách, lủng lẳng chỗ này chỗ nọ toàn sách văn chương. Một cuốn dày cộp đập vào mắt y. Một tuyển tập mang tên nhà thơ đang neo chơi vơi trong nước sông kia. Nom như cái phao gối. Y cầm lên xem, lôi theo sợi dây nhợ lằng nhằng. Y cảm thấy đang cầm một vật xốp, nhẹ bỗng. Hà! đúng là phao. Y thận trọng mang cả phao cả dây ra đứng sát bên sông. Tay trái y nắm chắc đầu dây. Này! Tóm lấy cái này! Tay phải y tung cái phao cho nhà thơ. Lập tức, bao nhiêu tờ giấy vụn ra lả tả như tàn tro hàng mã bay chấp chới trên không xoay tròn rồi rơi xuống. Trong chốc lát chẳng thể nom thấy đầu nhà thơ. Đám tàn giấy dần hạ xuống kết thành cái bè nhỏ, một đầu chạm bờ, đầu kia nhô lên tựa cái ngai. Nhà thơ ngọ nguậy song cứ lùng nhùng trong nước. Người kia bước lên bè. Chiếc bè chẳng hề lúng liếng. Y đưa tay tóm lấy cổ nhà thơ. Anh ta trợn to mắt, cố giãy giụa, nhưng tay chân hầu như bị tê liệt. Người kia dồn sức nhấc nhà thơ ra khỏi nước đặt nằm trên bè rồi ngồi thỉu đi. Khi y định thần lại thì nhà thơ đã bò đến ngồi lên ngai, ẻo lả dựa vào lưng ngai, nhưng đầu ngửng cao, miệng há. Người kia nhỏm dậy, đến gần nhà thơ định dìu anh ta rời bè. Nhà thơ ho khan một phát, người kia tự nhiên bị bắn bật lại ngã ngồi lên bờ. Cái bè-ngai như bị phản lực đẩy ra, xoay vòng và từ từ xa dần.

Người kia giơ hai tay ra trước như thể muốn níu kéo, như thế muốn bươn theo. "Hãy đọc trên quán đợi kia!", một tiếng trầm đục phán truyền. Y quay đầu ngước nhìn. Một tấm biển ngang mà trước đó y chưa thấy đập vào mắt với dòng chữ viết phóng bút, y chỉ đọc được mỗi chữ "***Phận***". Y chớp mắt một cái, bỗng thấy trơ lại một mình, chung quanh chẳng có gì hết, trên sông không thuyền, trên bờ không quán.

Hải Phòng, 1999 - 2003

KHẢI NGUYÊN

99 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



thơ

ĐIỆU HÁT QUÊ TÔI

Mai tôi về dòng sông lên điệu hát
Mái đẩy hò ơ trước bến Văn Lâu
Nước sông Hương trôi dưới mấy gậm cầu
Là qua đó bấy nhiêu thuyền xuôi ngược

Thương những đám bèo tím hoa dưới nước
Trôi hồn nhiên không nhớ nẻo đi về
Qua nguồn sông – cửa biển – với triền đê
Qua gió nội mây ngàn in bóng núi

Mai tôi về hỏi thăm từng viên sỏi
Đã nằm ngoan lặng lẽ giữa đôi bờ
Phủ bao năm những lớp rêu già cỗi
Mặc thời gian qua như một giấc mơ

Tôi hỏi lá – lá già thôi nhân chứng
Lá cũng tan – hoa cỏ chuyển bao mùa
Bấy nhiêu dòng xuôi ngược giữa nắng mưa
Cùng nhịp điệu miệt mài theo cuộc sống

Và vẫn đó – nét đời luôn sống động
Với tiếng rao quà vào đêm vang vọng
Với tiếng chuông xe về tối muộn màng
Rồi lại tiếng rao quà đánh thức một ngày sang
Trong sương sớm chị bán hàng rảo bước
Oằn trên vai đôi quang gánh nhịp nhàng
Trên bến đò đổ bao chuyến sang ngang
Không kịp biết còn ai về lỡ chuyến

Con phố đó biết còn ai lưu luyến
Buổi hẹn thề lúc nắng xế tàn qua
Mai tôi về kỷ niệm nở ngàn hoa
Để không thấy Huế buồn trong lặng lẽ.

HỒNG VINH



MIẾNG LÍP CỬA

truyện ngắn

PHAN

Tư Diệc ở trong đồng, hết bia hết thuốc mới mò về phố chợ. Lần nào anh Tư về cũng gọi mấy người quen đi uống cà phê hay vài chai bia, để được nghe họ nói chuyện trên trời dưới đất cho đỡ buồn ngày tháng dê kêu bò rống ... thèm nghe tiếng người, nhất là tiếng Việt. Hôm anh ở lì trong nông trại tới cả năm, về thành râu tóc như người rừng, nói tiếng Việt ngượng ngịu như mắc bệnh cà lăm. Chặp đó anh Tư buồn chuyện chị Tư vắn số qua đời vì bạo bệnh, chưa kịp hưởng thọ đã sớm theo ông bà. Anh Tư thất chí bỏ nghề đi bán xe *lunch* vì hai vợ chồng rong ruổi với nhau từ ngày qua Mỹ. Bây giờ nói anh đi bán một mình thì không xuể nhưng mướn ai đi cùng, thuê ai cùng đi bán rồi đi chợ mỗi ngày, về nhà cùng nhau chế biến ra những món độc để cạnh tranh nghề nghiệp với những xe *lunch* khác, cái nghề thấy dễ ụi nhưng vô nghề mới biết khó nuốt vì cứ bán mấy món Mỹ, ngán thấu trời thì chỉ vài tháng là hết khách, thức ăn đổ bỏ tới hết vốn, chào thua.

Nhưng người tính không qua được ông trời, hai vợ chồng mới rảnh tay con cái lớn khôn để tính chuyện chúng mình, để thôi con nhỏ lớn đã có bạn trai, nó làm đám cưới trước ba má thì kỳ chết. Anh chị Tư ăn ở với nhau đã mấy mặt con, mấy chục năm tình cũ, ngày nào chị Tư cũng lên xe *lunch,* đi bán với anh Tư nhưng cả đời chị Tư chưa mặc áo cưới, chưa lên xe hoa lần nào. Vì hồi hoà bình thì ai không khổ, cực chẳng đã còn bị má ép lấy chồng cho nhà đỡ hao cơm. Cũng đâu phải người không quen biết, gặp nhau mòn mặt mà sao ưa không nổi loại người trốn quân dịch đời ông Thiệu nhưng sang đời ông Hồ thì ra làm cán bộ, có xuồng máy đuôi tôm chạy tạch tạch lấy le thì chị không ưng. Đi ưng anh Tư Diệc bán kẹo kéo ở trường học con nít, có cái xe đạp bể bánh quanh năm, toàn thấy ảnh đẩy xe đi bán kẹo kéo, "Sao anh Tư không khoác cái thùng kẹo kéo thôi ên cho khoẻ, đẩy theo cái xe đạp cho cực?" Ảnh trả lời gọn hơ, "Đẩy theo cái xe bể bánh không có tiền vá cho em thương..." Ai nói không thương, tự người ta không nói ra thôi chớ bộ! Chị Tư cũng bán gánh khoai luộc ở cổng trường học cho có đồng ra đồng vô phụ má, lo em, thì ảnh cứ ghẹo hoài là khoái ăn sang. Hồi biết được nói ngược lại là sáng ăn khoai, chị Tư cười quá chừng!

101 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Ai dè ưng ảnh chưa kịp nói thì ảnh đi Miên, theo phục quốc chớ hổng thèm bán kẹo kéo nữa. Chị Tư cứ vậy mà buồn tới đổ bệnh tưởng chết vì ảnh đi biệt mấy tháng trời, làng xóm cứ tính là anh Tư đi vượt biên mất xác nên không tin tức. Một mình chị Tư cam chịu đợi chờ, tự hôm ảnh đi có nói: "Anh đi qua Miên với mấy thằng bạn lính, không biết chừng nào về… tụi anh không phục kiểu hoà bình chó đẻ này. Mơi anh đi rồi, em có buồn không?" Nói vậy thôi rồi đi, không cần biết người ta sống như ma bắt. Bán gánh khoai có bao nhiêu tiền mà ngày nào cũng lỗ vốn vì ai đưa nhiêu đưa… khùng tới gánh khoai ra nghĩa địa ngồi khóc mà không đi bán. Từ đó mang tiếng ma nhập tới ế luôn, đổ bệnh tưởng chết… [.....].

Ai dè chết điếng khi anh Tư về không báo trước, không biết ảnh hay là ma? Ốm tong như cây sậy, sốt rét xanh lè… hỏi gì cũng không nói, hỏi-cưới thì không tiền. Lầm lũi bỏ đi chăn vịt mướn để canh me vượt biên. Chị Tư lội biết bao nhiêu đồng, băng bao nhiêu ruộng, đi thăm người chăn vịt mắc bệnh câm. Hỏi gì cũng không nói, chỉ biết nghiến răng tới trẹo quai hàm. Chăn vịt đồng gần thì sợ chị Tư đi thăm cực khổ nên chăn vịt đồng xa cho khỏi thăm luôn, ảnh đâu có biết lội rã giò đi thăm ảnh, dù có mớ khoai luộc không đáng gì nhưng nó vui trong bụng. Số chị cực tự thương người không biết thương mình, đi cho đã nư rồi nửa đêm mò về như báo mộng, dắt chị đi vượt biên. Đi hôi còn làm tàng, lên ghe làm ghe trưởng, "ai không nghe lệnh, tui liệng xuống biển đừng trách!" Vậy mà người ta sợ cái tướng tá cù lần của ổng… Chị Tư ngồi cuốn chả giò, nói như không nói, nói với mình hay nói với ai mà lả chả thương thân: gả cho anh Tư không một lá trầu, trái cau dạm ngõ, tới hôm mặc áo cưới thì đã nằm trong quan tài, đi xe tang…

Những hôm lừng khừng mấy chai bia với anh Tư trong cái *garage* làm thành nhà bếp để nấu nướng ì xèo cho xe *lunch* đi bán. Chị Tư làm đều tay, miệng luyên thuyên kể chuyện hoà bình, nghe như chuyện cổ tích. Lâu lâu tạt ngang chai bia anh Tư đang uống dở, - "cho giang một ngụm coi ba xấp nhỏ!" Chị uống bia như thằn lằn uống nước cúng, nhưng ưa rủ nhậu, thích làm ốc leng xào dừa cho đỡ nhớ quê hương… vô ba ngụm là bùi ngùi muốn khóc, ước mơ của chị Tư không lớn hơn một lần mặc áo cưới, đi xe hoa, một căn nhà có cửa trước cửa sau vì hồi theo chồng, ở chòi, miếng líp lá chầm làm cửa, gặp trời giông gió bay bất tử, mắc cỡ muốn chết… Chuyện chị Tư còn chưa dứt trận cười sao bỏ đi đột ngột, để anh Tư trơ trọi đứng chờ vợ ngoài chợ Việt nam cho đỡ nhớ. Chờ hoài cũng không tin vợ mình đã theo ông bà. Trên dây đèn chim còn có bạn, anh Tư bùi ngùi bỏ chốn xôn xao… đi chăn bò cho nông trại đèo heo hút gió để tìm quên tháng ngày…

Lần nào chia tay anh Tư ở quán bia, quán cà phê, cũng hứa chắc như đinh đóng cột là sẽ đến thăm anh cho biết chỗ anh làm, biết ông bà chủ mà anh luôn nói tốt về họ. Anh đi làm thuê cho nông trại, 5 năm sau đã thành người quản gia tin cẩn, trông coi hết mọi việc trong nông trại mênh mông… Anh Tư không nói quá lời vì ngay người Việt với nhau thì phong cách và tính nết anh Tư đã hơn người. Ở anh, sự lực lưỡng của một người nông dân không làm cho ai sợ. Người nông dân về già càng phúc hậu, dễ mến như một ông già nam bộ chánh tông. Khề khà bên ly rượu, nói chuyện tâm tình, không bao giờ lớn tiếng với ai. Mỗi lần anh về phố chợ như chỉ để ăn tô hủ tíu sau tháng ngày triền miên ăn món Mỹ. Cũng không quan trọng bằng anh về như để hỏi thăm mọi người quen biết có được mạnh giỏi? Nghe ai không xong, anh gác đũa đi thăm, mà những người anh Tư quen thì thường không ai biết nên việc anh đến thăm một người cắt cỏ thuê, làm bồi bàn, deli pizza… trong lúc bệnh hoạn hay không may, làm cho người đó cứ như niềm tin đánh mất vừa tìm lại được. Nói tới anh Tư Diệc, những người quen biết anh thấy tự hào vì anh không thành danh nhưng thành nhân trong hổ lốn tranh hùng…

Mấy hôm trước gọi anh Tư thăm hỏi vì đã lâu không gặp, anh nói qua điện thoại thôi cũng đủ mát lòng, "Anh biết, chú mày không hay nói điện thoại. Vậy mà gọi hỏi thăm anh Tư… anh xin lỗi để chú mày lo."

"Không lo sao được, lần nào anh về mà không gọi em. Tự nhiên nhớ ra đã lâu anh không gọi…"

"Anh thiệt là có bệnh, đi bệnh viện… tự ông bà chủ lo quá thôi! Ở bệnh viện buồn chết anh Tư

luôn. Bác sĩ cho về, mừng như sống lại. Nhưng ông bà chủ không cho làm việc nữa, họ bắt anh nghỉ ngơi…"

"Có ăn lương không?"

"Sao lúc nào, chú mày cũng coi trọng…"

"Không có lương, lấy gì sống đây anh Tư?"

"Cũng phải. Anh xin lỗi…!"

"Rồi, mấy đứa con anh có biết anh bệnh, phải đi bệnh viện không?"

"Có. Anh không nói, nhưng bà chủ gọi tụi nó. Bắt tụi nhỏ về thăm anh, bà ấy cho tiền vé máy bay…"

"Anh thiệt là có phước. Không phải ai đi làm mướn cũng được người chủ có lương tâm. Nhưng anh làm gì tới đổ bệnh, dữ vậy?"

"Anh cất căn nhà."

"Sao không mua cho khoẻ, anh dư khả năng mà?"

"Anh cất căn nhà đúng như ý chị Tư mày muốn. Tiếc là hồi bả còn sống thì anh không làm nổi…"

"Chết là hết rồi anh Tư. Bây giờ anh có cất lâu đài tình ái thì chị Tư cũng biết gì đâu!"

"Vợ anh biết anh sẽ làm, chỉ là số phần bà ấy-trời không cho đợi."

"Vậy bây giờ anh còn làm để làm gì, làm xong rồi đốt cho chị Tư như đốt vàng mã hả?..."

"Khi mình còn trẻ, cày cuốc để lo con… mong ngày tụi nó lớn cho mình bớt cực. Nhưng khi con cái tự sống được mới nhức đầu! Hơn đi cày hai *job*…"

"Mấy đứa con anh, ngoan mà!..."

"Con cái anh biết má nó mơ một căn nhà-giống làng quê Việt nam chứ không thích nhà Mỹ, bả kể từng bữa cơm, nhưng anh không làm nổi khi bả còn sống. Bây giờ làm cũng chưa muộn. Làm không phải để cho bả mà để cho con cái thấy hết tình cũng còn cái nghĩa. Tình nghĩa muốn trọn vẹn phải có cái tâm. Má tụi nó chết sớm nhưng anh vẫn làm điều bà ấy muốn để tụi nhỏ cân nhắc hơn trong chuyện hôn nhân vì đứa nào cũng giỏi hơn ba, hay hơn má… nhưng nhường nhịn nhau thì tụi nó chỉ biết cãi lộn, chưa cưới đã mở miệng ra là ly dị…"

"Anh Tư lợi hại thiệt! Chừng nào ăn tân gia nhớ kêu nha."

"Đương nhiên rồi,…"

Không cần thấy cũng biết căn nhà có cửa trước cửa sau, trời giông gió bất tử, miếng líp cửa không bay bất ngờ làm chị Tư mắc cỡ muốn chết nữa… Cuối cùng anh Tư cũng làm được điều chị Tư muốn, còn mình…

PHAN

103 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



CHỊ ĐỒNG

truyện ngắn

ĐÀM LAN

Chị có khuôn mặt đầy góc cạnh. Mới nhìn rõ ràng là không dễ cảm tình, thậm chí còn có cảm giác e dè chờn chợn. Không chỉ là gương mặt, tính cách chị cũng khá ngược ngạo với góc nhìn vốn mặc nhiên dành cho nữ phái. Đồng cũng không phải là tên thật của chị, mà từ câu ám chỉ "lạnh như đồng" của một số người gán đặt. Nói một cách khác, chị như một người đàn ông nấp trong cơ thể một phụ nữ. Có một điều thật vô lý, trong con mắt tự nhiên thì cứ như mọi sự trái khoáy của chị là một lỗi lệch, thậm chí là lố bịch. Họ thường cười cợt đàm tiếu sau lưng về những hành vi hay một số chi tiết ngoại hình của chị. Mặc dù, nói một cách công bằng, những điều đó chẳng ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân của bất kỳ ai. Hầu như chẳng ai nghĩ rằng, con người không được phép lựa chọn những yếu tố quan thiết cho cá nhân mình khi ra đời. Tất cả mọi liên quan đều được hình thành từ đâu đó mang tên Tạo hoá. Vì vậy mà dù không muốn, mỗi con người đều phải tồn tại giữa cuộc đời này bằng một hiện trạng không thể thay thế được. Và dù với bất kỳ hình thể cùng tính cách thế nào, thì mỗi người đều hội đủ những yếu tố hay dở, dại khôn, xấu đẹp. Nhưng người ta luôn hành xử bằng một cảm quan sơ khởi và đơn thuần, bằng vào thang bậc mỹ cảm người ta có thể tuỳ nghi mà xét đoán mọi người qua lăng kính rộng hẹp của cá nhân. Tôi cũng đã từng như thế, hời hợt trong nhận định, nông nổi trong suy xét và cả hẹp hòi trong vị kỷ. Cuộc sống với những diễn biến bất kỳ của dở hay may rủi, lại là những điều kiện tối cần cho người ta nhận diện ra một phần từ mọi người và từ cả chính mình.

Đợt đi dự trại sáng tác lần này đoàn chúng tôi có 15 người. Hôm họp bàn các vấn đề cho chuyến đi, đến khâu bầu trưởng đoàn, không ai bảo ai, gần như đồng loạt đều giơ tay bầu chị. Chăng phải họ tin tưởng gì vào một năng lực lãnh đạo tiềm ẩn trong chị, cũng chăng phải họ yêu mến trọng vọng uy tín của chị vào một danh chức lâm thời ấy, bởi làm trưởng đoàn không có gì gọi là đặc ân hơn cả, chỉ mất thời gian và công sức cho những công việc vụn vặt mà ai làm cũng được, trong khi cùng một chế độ và quyền lợi như nhau, thì người phải bỏ công sức thời gian ra làm việc công đồng là người phải chịu ít nhất là một chút thiệt thòi. Đó là chưa kể, nếu có diễn biến gì bất lợi và hư hại, thì trưởng đoàn lại là người có nhiệm vụ giải quyết, khắc phục hay chịu trách nhiệm với tổ chức. Chính vì thế mà cái gánh giữa đàng được nghiễm nhiên choàng vào cổ chị. Chị không phản ứng, không từ chối, chỉ cười nhẹ. Tôi biết không phải chị ham hố gì cái chức danh ấy cả, chỉ là chị hiểu rõ mọi người nghĩ gì, và với bản chất gánh vác của nam tính, chị cũng mặc nhiên xem đó là nhiệm vụ vủa mình vậy. Thế rồi lên đường, cả đoàn hồ hởi lên đường. Hành lý chất vào cốp, nhét vào gầm ghế, vài cái cặp được hết sức nương nhẹ nép một bên mạn ghế. Đó là một thứ công cụ vô cùng tiện ích của thời đại, thứ công cụ không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực, nó đáp ứng khá tốt những nhu cầu thuộc giới văn phòng. Tôi cũng tò tò một cái như thế, và thật lúng túng không biết để nó vào vị trí nào cho an toàn. Bởi chỉ cần một cái cẩn tay bất cẩn thì ôi thôi…

- Em treo nó vào đây này.

Cùng với câu nói thì cái cặp được nhấc bổng ra khỏi tay tôi, và nó thật ung dung khi được máng

cái quai dài cột cẩn thận vào cổ tựa đầu của ghế trước mặt. Một vị trí hết sức thuận tiện và gần như an toàn tuyệt đối. Vì nó ngay trước mắt tôi, lúc nào cũng có thể kiểm soát được. Tôi nhìn chị với cái cười thiện cảm, và một chút hàm ơn.

- Chị ngồi đâu ạ ?

Chị đảo mắt một vòng :

- Chị ngồi dưới kia.

Đó là băng ghế sau cùng, một vị trí có thể nói là bất thuận nhất trong xe. Ít khí thoáng, dễ bị nhồi mỗi khi xe vòng, lắc. Thường là băng ghế dành cho cánh đàn ông, vì họ giỏi chịu đựng hơn. Tôi vừa định nhích vào trong để chị ngồi cùng, thì tiếng Ánh Thư oai oái :

- Bà cầm cái này giùm tui cái, trời ơi, mệt chết đi được.

Cùng lúc cho hai động tác, chị quay ra đỡ cho Ánh Thư, một túi xách nhét vào gầm ghế, một túi xách nữa kê vào chỗ để chân, Ánh Thư thả phịch cái thân vào chỗ tôi vừa nhích, và chị quay người kéo theo hai túi hành lý khá to và nặng. Tôi chỉ kịp thoáng qua một câu hỏi "chị đem theo những gì mà nhiều thế ?". Kể ra băng cuối cũng có cái thuận lợi, là chỗ để hành lý tiện hơn. Vì nó không phải tránh một phần cho lối đi, nên vừa chỗ cho hai túi xách khá to của chị.

- Cái chị này bê cả nhà theo đấy à ? Sao không bỏ bớt dưới cốp cho đỡ nặng ?

Chị chỉ cười, không nói gì, chiếc máy ảnh lủng lẳng trước ngực cũng được máng lên lưng ghế trước như chiếc laptop của tôi sau khi chị kê gọn hành lý. Một số người cũng làm theo với những vật dụng cần bảo đảm an toàn cao. Rồi xe bắt đầu lăn bánh, mọi người râm ran chuyện nọ chuyện kia. Thực ra nhà nước có chế độ ưu đãi cho anh em giới văn nghệ sĩ chúng tôi là rất hay, rất đúng, rất có ý nghĩa. Bởi một lẽ hết sức thực tế là, muốn có được những tác phẩm tốt thì phải có sự tích luỹ kiến thức nhiều mảng, phải tiếp xúc sâu rộng với đời sống con người đây đó, phải có những ý tưởng và cảm xúc mới, đủ nồng độ để thổi bùng lên một nguồn hứng khởi thăng hoa. Nếu cứ quanh quẩn hoài một góc xóm địa cư quen thuộc, thì mọi ngóc ngách tâm tưởng sẽ bị cùn mòn đi, lấy gì để làm nên tác phẩm. Mà để đến được nơi này nơi khác, thì điều kiện kinh tế là then chốt, "không tiền lấy gì mà tiến", mà phần lớn những người làm nghệ thuật là những người rất kém khả năng làm kinh tế, không chỉ sự đối lập triệt để giữa các mặt lợi ích của tinh thần và vật chất, mà còn là sự hữu hạn của mỗi bản thân, ai cũng chỉ có một sự tập trung cao nhất cho một lĩnh vực chính, người năng động lắm thì kèm thêm được một vài lĩnh vực phụ, nhưng cũng chỉ là phù trợ thêm cho mặt chính thôi. Còn thì có dồn tâm sức cho một công việc nhất định mới có thể đạt được một thành quả tương đối. Chính vì vậy mà nếu không nhận được sự hỗ trợ tạo điều kiện từ ngân sách nhà nước, thì dám chắc một con số đáng kể trong lĩnh vực nghệ thuật đành ngậm ngùi từ tạ niềm đam mê của mình để mà xoay xoả với bao nhu cầu đời sống. Cho dù mặt trái của vấn đề là một sự tiêu phí cho một số ý nghĩ "tiền chùa không tiêu cũng thiệt, cho thì cứ hưởng đi đã còn trả thì tính sau...ai bắt...". Đại loại là những ý niệm đầy tính cơ hội và thụ hưởng, mà không một chút lăn tăn xem mình có xứng với điều được nhận ấy không. Vì vậy mà vô hình chung, một hành xử mang tính tương quan của một tổ chức đầu ngành, nói rộng hơn là của xã hội, lại rơi một thành phần ỷ lại, và tuỳ tiện trong suy xét mà thành ra phí phạm. Với quan điểm của tôi, khi nhận của ai bất cứ một chút gì dù nhỏ, cũng phải tự hỏi mình có nên không ? có xứng đáng không ? và phải làm gì để đáp lại ? Cho dù với tính chất công việc của mình đúng là có đóng góp một phần nhỏ bé vào cuộc sống chung này, nhưng ai trên đời mà chẳng thế, ngoại trừ những kẻ vô lương hay bạc nhược hay hết sức ỷ lại thì mới không đem sức mình để hoà chung vào công cuộc mà thôi. Nhưng dù có thế nào thì sự đóng góp của mỗi người trước tiên vẫn bắt nguồn từ chính khát vọng của bản thân. Những gì bạn làm được, trước hết thuộc về bạn, bạn làm cho chính nhu cầu của bạn, bạn phục vụ cho bạn và người thân của bạn trước khi chia sẻ cho cộng đồng. Nên không thể tự thị rằng mình đã tài cán lắm lắm, đã nghiễm nhiên mà thụ hưởng cái

được mà sự ưu ái của cuộc đời dành tặng. Chỉ có điều, ý niệm của mình thì củng cố cho hành động của mình, Với một số đồng tình thì chẳng cần phải nói, vì đó là ý thức tự nhiên rồi, còn ngược lại thì chỉ tổ nghịch tai, lại sau lưng dè bỉu, rằng thế này thế khác. Trò đời là thế mà, người ta hay bao biện cho những sai trái của mình bằng cách mỉa mai sự đúng đắn của người.

Xe đã khá xa thành phố, cảnh vật hai bên đường cuốn hút tầm mắt. Trời nắng đẹp, trước hôm đi ít ngày thấy đài báo áp thấp dã lo lo. Giờ thì vô tư rồi. Thật là... ọ...ọ....Có ai có cái túi nào không ?

Tâm Liên một tay bưng miệng, một tay quờ quanh, Nhân Vỹ vừa né người vừa la to lên. Ngay lập tức có mấy cái túi chuồi vào tay Tâm Liên. Cô co người rút cổ một hồi thì mặt mũi tèm lem. Chị Đồng đã có mặt với một cái khăn ướt, và một hộp nhựa đựng thứ gì đó. Lau mặt xong, Tâm Liên thở dốc mệt nhọc. Chị Đồng mở nắp hộp lấy cái thứ trong ấy ra :

- Em ngậm gừng ướp đi này, ngậm lâu lâu rồi nhai từ từ cho thấm.Em ngồi thẳng, nhắm mắt hít thở sâu vài lượt, sẽ thấy đỡ ngay. Ối ai bôi dầu gió xanh đấy ? Cất ngay đi. Cái mùi ấy làm ao cả xe bây giờ. Có ai khó chịu thì ngậm gừng đây này.

- Cho tôi một ít....tôi nữa...em với chị...đây nữa...

Tôi cũng giơ tay đón lấy mấy lát gừng tươi thái mỏng ướp với đường và muối. Cái hộp chưa hết vòng thì đã nhẵn. Chị Đồng về chỗ mở túi xách lấy ra một hộp khác.

- Sao chị làm nhiều thế ? Chị cũng say xe à ?

- Không, tôi làm cho mọi người đấy chứ, tôi có say xe bao giờ đâu

- Hoan hô trưởng đoàn. Cái món này đúng là hết ý. Chị làm nào chỉ cho bọn em với.

- Có gì khó đâu. Gừng tươi cạo vỏ rửa sạch, thái từng lát mỏng, rồi cứ một lát gừng là một ít muối một ít đường rắc lên, chỉ cần làm trước một ngày là dùng được rồi. Nhưng chữa say xe thì không chỉ thế này đâu. Các bạn nên củng cố tâm lý bằng cách nói chuyện, nghĩ đến những chuyên vui cười cho tinh thần phấn chấn, đừng cứ chưa bước lên xe đã ám ảnh thì kiểu gì cũng bị. Nếu có muốn dùng dầu thì nên dùng loại dầu gừng, nó thoảng mùi thôi, và có chất ấm nữa, đừng dùng dầu gió xanh, mùi nó gắt quá, lại kín gió thì gây khó chịu nhiều hơn. À, bác tài ơi, thôi tắt máy lạnh mở cửa sổ đón gió trời cho thoáng đi.

- Thôi đừng, bụi lắm.

- Phải đấy, cứ máy lạnh hại cho hô hấp lắm thôi. Ở nhà đã úm phòng máy lạnh mãi rồi.

Yêu cầu được đáp ứng ngay, lời phản đối đơn lẻ lọt thỏm, một không khí nhẹ nhõm theo luồng gió ùa vào xe. Ai cũng cảm thấy khoẻ hẳn ra. Đúng là nguồn sống thiên nhiên là một thứ năng lượng tuyệt bích, vậy mà con người ngày nay dường như ngày càng ít biết cách tận hưởng. Cứ chúi mũi vào những thứ thiệt bị hiện đại cho có vẻ đẳng cấp, mà không biết đã tự tước đi của bản thân bao điều thú vị và đáng quý khác. Nhưng cảm nhận được thế nào là giá trị thì còn phụ thuộc vào quan điểm sống của mỗi người. Trong xu hướng cuộc sống ngày càng vật chất hoá, bản năng hoá, thì giá trị đời sống tinh thần ngày càng khô cạn và nghèo nàn là điều mặc nhiên của dòng chảy.

- Biển kìa. Biển kìa.

- Ui. Đẹp quá.

Những con mắt háo hấc dõi ra một dải màu xanh ngắt xa xa. Rồi rõ dần rõ dần, rồi bỗng mất hút sau một mảng xanh ngát núi đồi cây lá, và lại ẩn hiện ẩn hiện. Hôm nghe thông báo sẽ được đi dự trại tại một thành phố biển. Ai cũng vỡ oà niềm phấn khích. Biển luôn có một sức hút đến mãnh liệt với những tâm hồn phóng khoáng lại dạt dào thi tứ lại láng văn chương như chúng tôi. Không chỉ nhìn ngắm một cách choáng ngợp trước một mảng xanh bao la, mà cái thú vùng vẫy thoả thuê giữa những con sóng ào ạt với nhiều người quả là một sự đam mê không cưỡng nổi. Bây giờ thì nó như đang ập vào cảm xúc của mỗi người rồi.

Hơn 5h chiều thì chiếc xe từ từ lăn bánh vào bãi của điểm đến. Mọi người thở phào nhẹ nhõm. Gần một ngày ngồi xe, ai cũng mang một vẻ mặt phờ phạc mệt mỏi. Nhưng chỉ vừa bước xuống xe những ánh mắt như loé lên một tia sáng. Khung cảnh thật thoáng mát xanh ngát của những hoa cây dáng kiểu được bài trí xếp đặt thật tươi tắn sinh động trước một khu nhà khang trang hứa hẹn những ngày dễ chịu thoải mái cho khách lưu trú. Vài tiếng xuýt xoa bật vội, và mọi người nhanh chóng mang xách hành lý vào quầy tiếp tân nhận phòng. Chị Đồng nhận phòng sau cùng, khi đã cẩn thận ghi lại số phòng của mọi người vào cuốn sổ tay. Hai xách hành lý khá nặng kéo theo, một anh nhân viên vội chạy theo phụ giúp. Tôi ở cùng phòng với Yên Trang, cô bé mảnh khảnh nhất đoàn và cũng nhỏ tuổi nhất, hồn nhiên và nhí nhảnh một chút. Cảm giác thật dễ chịu khi ở cùng phòng với một người không biết cau có. Soạn cất đồ đạc và tắm táp vừa xong thì đã nghe tiếng chị

- Xuống phòng ăn đi các em ơi !

Tiếng chị tiếp tục vang sang những phòng khác, chỉ ít phút sau chúng tôi đã có mặt tại phòng ăn. Một không khí hồ hởi toả rợp trên những mắt môi. Tíu tít những lời chào hỏi. Bởi trong đợt tham gia trại sáng tác này, không chỉ có đoàn chúng tôi, mà còn mấy đoàn anh em các tỉnh bạn. Một số người đã quen từ trước, một số thì đã từng nghe đến nhau, đọc nhau, một số thì còn khá mờ nhạt thông tin, nhưng tựu trung tâm trạng thì tương tự. Vui vẻ, phấn khích, thoả giãn trong sự hội tụ, Sau bữa ăn, là một cuộc họp chóng vánh để ban tổ chức phổ biến một số quy chế. Đêm đầu tiên ai cũng thức khuya nhưng lại ngủ thật say một hơi đến sáng.

Tiếng chim luých chuých đã đánh thức mọi người. Đó là những chú chim tinh khôn làm tổ dưới lớp mái ốp ngói của dãy nhà. Chúng nào biết sinh hoạt đời sống tự nhiên của chúng lại thêm một nét chấm phá sinh động cho đời sống con người. Buổi sáng thức giấc trong tiếng chim rộn rã và ánh nắng nhẹ mơn man thấy lòng yên bình dễ chịu làm sao. Vệ sinh cá nhân xong, tôi mở cửa bước ra ngoài, vươn vai vài động tác thể dục. Chị Đồng từ xa đi lại lên tiếng hồ hởi :

- Ra biển đi em, biển buổi sáng tuyệt vời lắm.

- Sao chị nhanh thế ? Gần không hả chị ?

- Ngay sau lưng đây thôi. Em gọi các bạn ra cùng cho vui. Có cái cổng nhỏ phía bên trái ấy. Chị ra từ sớm đón chụp cảnh mặt trời lên mà. Thấy người ta đi lưới đêm về hay lắm.

- Thế thì em phải đi ngay mới được.Yên Trang ơi ! ra biển không?

Lên tiếng gọi nhưng tôi không đợi Trang trả lời, búng chân chạy theo hướng chị Đồng chỉ, còn nghe loáng thoáng tiếng chị ơi ới gọi mọi người. Quả thực, ngay sau lưng dãy nhà là một bờ cát dãi trắng còn lô xô những thúng mủng lưới thuyền, chi còn một ít tôm cá mực đang trút nốt vào những thùng xô thau chậu và long tong những giọt nước ra chợ. Tôi ngợp người trước biển xanh lấp lánh nắng mai. Thỏa thuê cảm xúc với bao la dào dạt của cảnh đẹp thiên nhiên.

- Trời ơi ! Quá đã.

- Ban tổ chức tâm lý quá ta.

- Vầy là ì oạp tắm cả ngày cũng được, có phải đi đâu cho xa nữa,

- Các tướng khi đi khảo sát lập trại cũng tính cả rồi.

- Xuống thôi bà con ơi !

Lao xao bàn tán rồi ùa nhau xông thẳng xuống làn nước xanh màu trời mà vùng vẫy, chỉ có vài nàng không mang đồ tắm theo còn e ngại, nhưng chắc trong bụng hậm hụi lắm, và hẳn chỉ bỏ hụt một thời cơ duy nhất này thôi. Chắc chắn là vậy, bởi trong số đó có tôi mà. Không xuống tắm thì rảo chân trên cát, xục vào sóng, chí choé trêu chọc, vậy mà cũng ướt cả. Và chỉ một loáng ra khu chợ gần, chiều đến, chẳng ai phải hậm hụi gì nữa cả. Buổi tối, sau bữa ăn là tuỳ nghi di tản. Tôi lẳng lặng rút về phòng mở máy. Những dòng chữ đầu tiên về biển, mới chỉ là một tứ thơ vút qua, nhưng phải nhốt ngay nó vào kẻo nó theo sóng bồng bềnh mà xa tít ngàn khơi mất. Một lúc xong tôi đóng máy rồi thả bộ quanh sân. Bỗng muốn chút mơ màng biển đêm. Tôi né những căn phòng đang ồn ã tiếng cười, cũng chẳng phải tâm trạng gì, nhưng có những lúc chẳng muốn tiếp xúc, chẳng muốn sôi nổi, một khoảng riêng thinh lặng cho mình cũng rất hay chứ. Tôi dõi mắt xa phía mênh mông một màu đen thăm thẳm, thi thoảng chớp nháy những đốm sáng, có lẽ từ những con tàu đang neo đậu. Bất chợt, tôi nhìn thấy chị ngồi trên bãi cát, cũng đang đăm đăm hun hút. Tôi định cất tiếng gọi chị nhưng kịp dừng lại. Chắc chị cũng như tôi, đang muốn trầm tư riêng mình. Tôi vòng xa một chút, và cũng tìm một chỗ, ngồi một mình trước biển đêm, nghe âm vang tiếng sóng ập vào bờ, gió mênh mang nhè nhẹ, thấy lòng thoải mái lạ. Thả hồn rong ruổi đó đây một lúc, bất giác tôi xoay ánh mắt về phía chị. Chị vẫn ngồi im đó. Tôi lởn vởn chút suy tư. Chị tên thật là Nguyễn Trọng Anh. Ngay cả cái tên cũng đầy nam tính. Không biết khi sinh ra chị, ba mẹ chị linh cảm thế nào mà đặt cho chị cái tên ấy. Cái tên của một người cũng có một cái gì đó như tiền định. Giá mà có thêm chữ thị, chắc nó cũng làm mềm đi một chút. Nhưng hình như đã từ lâu lắm rồi, chữ Thị và chữ Văn không còn là chữ lót đương nhiên của mỗi cái tên nữa. Người ta sáng tạo hơn, văn vẻ hơn cho những cái tên mà nó sẽ là một biểu thị đặc trưng cho một gương mặt cuộc đời. Hay chứ. Đẹp hơn nhiều chứ.

Chị thuộc chuyên ngành nhiếp ảnh. Chị đã đạt được rất nhiều huy chương các loại có đẳng cấp quốc tế. Mà kỳ thực tôi chỉ nghe phong phanh qua một số thông tin. Bởi hai chuyên ngành khác nhau, cho dù với văn học thì không có kiến thức nào là thừa, nhưng điều kiện để tiếp xúc và tìm hiểu thì không nhiều. Đa phần chúng tôi chỉ gặp nhau trong các kỳ hội họp, ngoài một số nhóm có độ gắn bó khá bạn bè, thì không phải một hội viên nào cũng có thể tường tận nhau về gia cảnh cũng như một vài nét khác trong tính cách, đời sống. Đôi lời xã giao cùng những câu đùa tếu táo là đủ để qua những khoảnh khắc ngắn ngủi của sự gặp gỡ. Những dịp đi cùng nhau đến một nơi xa thế này thường là điều kiện khá thuận tiện nếu con người ta muốn gần gũi nhau hơn. Có điều, không phải cứ muốn là có thể xông thẳng vào đời riêng của người ta được. Vì vậy mà trong lúc này diều có thể chỉ là đặt ra vài câu hỏi.

- Trời đất. Ngồi đây mà để người ta đi tìm hết hơi. Nhớ anh nào vậy hả ? Tôi giật bắn người vì bàn tay vỗ bốp vào vai. Tiếng Minh Hà rổn rảng.

- Sao không gọi điện ?

- Gọi có thấy bà trả lời đâu.

- Thôi chết, chắc quên điện thoại trong phòng rồi.

- Về có anh Viên Tâm đến chơi kìa. Ông hỏi bà hoài à, tui phải đi kiếm cho bằng được đó.

Cuộc trò chuyện với một anh bạn văn người địa phương kéo dài đến tận khuya. Và rồi mang cả nụ cười vào giấc ngủ với hứa hẹn mai là một ngày đầy sóng và gió.

Mờ sáng, vẫn là tiếng chim đánh thức, tôi vươn vai thoả giãn sau một giấc ngủ sâu. Tuyệt thật. Ngủ thật ngon rồi tỉnh thức giữa một không gian nên thơ thế này thì còn vương giả nào hơn nhỉ. Trây lười gối chăn thêm một chút cho cảm xúc tận hưởng. Bỗng thoang thoảng tiếng nói ai đó :

- Thôi chị về nghỉ chút đi. Thức cả đêm rồi.

- Giờ còn nghỉ gì nữa, không sao, lát nữa một ly cà phê là ổn thôi mà. Bớt sốt rồi đó.

- Cũng may, không chắc phải đưa vô viện rồi.

Có chuyện gì với ai vậy ? Tôi tốc chăn lao ra ngoài. Cách phòng tôi hai căn là nơi phát ra tiếng nói. Hoá ra anh chàng Mẫn Huỳnh tôi qua đi nhậu say quá, về khuya nhiễm sương lạnh thành sốt. Làm Chí Tấn ở cùng phòng phát hoảng, nửa khuya gọi điện cầu cứu chị Đồng. May mà chị có mang theo cả cặp nhiệt lẫn thuốc hạ sốt. Giờ thì Mẫn Huỳnh đang thả giấc ngon lành, nào biết có hai người một đêm mất ngủ.

Chiếc cano rẽ sóng phăm phăm vun vút về phía trước. Cảm giác tung hoành cùng sóng và gió đang bật tung mái tóc, bật tung cả buồng phổi náo nức giữa trời và biển sao mà ngập tràn hứng khởi đến thế. Giữa bao la lồng lộng, thấy mình như bức thoát khỏi bao ràng rịt vụn vặt hàng ngày, thoả thuê mà hoà cùng phóng khoáng thiên nhiên. Trong niềm sung sướng tuyệt cùng, tôi cất tiếng hét to, tiếng hét kéo dài vút cao, xả trút bao năng lượng để thấy mình đang bay bổng. Không phải là đôi cánh xác thịt cụ thể, mà là đôi cánh của tâm thức đang vẫy vùng tung sải giữa trùng khơi. Không còn gì tuyệt thú hơn. Cả cuộc đời, nếu không nhiều thì cũng nên đôi lần được thấy mình được thoát thai trong một không gian vô hạn thế này. Tối qua anh Viên Tâm chỉ mập mờ rằng sẽ có một ngày đầy sóng và gió, giờ đúng thật. Cảm ơn nhé những người bạn thân tình và hào phóng. Ra là anh Viên Tâm có dịch vụ cano du lịch. Dịch vụ này được thuê theo giờ, và để có một giờ cano rảnh rỗi phục vụ miễn phí thật khó, ngoài sự rộng lòng của chủ sự thì không có cách gì len vào một chuyến "lướt sóng" hoành tráng không chịu nổi. Mình Hà cũng cất lên tiếng hét đầy phấn khích. Cảm giác của Hà chắc chắn không khác gì tôi. Chán chê mê mải cùng sóng cùng gió rồi chúng tôi còn được chiêu đãi một chầu đặc sản biển. Dong dài mãi cho đến tận chiều tối mà chưa hết tiếng cười. "Ồ la la. Ôi đời đẹp quá như là mùa xuân hoa..." Câu hát tự chế đánh nhịp trên môi chúng tôi trên đường về trại.

- Họ về kia rồi.

- Trời ơi ! Là ma hay người dzậy hả ?

- Coi bộ sung sướng phởn chí chưa kìa. Báo hại ở nhà tán loạn cả.

Những câu nói đua nhau, cùng những vẻ mặt lẫn lộn vui giận khiến hai đứa ngây thộn ra .

- Có chuyện gì vậy ?

- Còn chuyện gì nữa. Chắc nghe thông tin tìm trẻ lạc trên loa mới biết đường mò về chứ gì.

Chị Đồng đang bươn bả đi tới.

- Sao ? hai cô về rồi hả ? Thôi thế là tốt rồi.

- Phải phạt một trận đi chị.

- Thôi, phạt gì, coi như đây là kinh nghiệm cho mọi người. Có đi đâu cũng xin vui lòng báo qua tôi một tiếng để còn liệu.

- Có phải con nít đâu mà đi phải xin phép.

Minh Hà bực dọc trước những ánh nhìn trách cứ. Chị Đồng nghiêm mặt :

- Tôi biết, cô không phải là con nít, nhưng đã có tổ chức thì phải có chút kỷ luật. Cô có biết sáng giờ chúng tôi lo lắng đến thế nào không ? Gọi điện thì không thấy trả lời, hỏi thì không ai biết là đi đâu, đây lại là xứ biển, ai dám chắc sẽ không có rủi ro gì.

- Dạ, đúng là tụi em thật có lỗi, xin lỗi chị, xin lỗi mọi người phải lo lắng. Tôi huých nhẹ Hà một cái rồi nói.

- Thôi, không phải bắt lỗi, chỉ là đừng để xảy ra lần thứ hai. Hai cô về nghỉ đi, đi cả ngày chắc mệt rồi đó.

Nói rồi chị Đồng né người qua một bên nhường đường. Tôi và Minh Hà ngượng ngùng đi một mạch. Hà lụng bụng :

- Đang vui vậy mà về bị mất hứng.

- Thì cũng tại tụi mình mà. Lần sau có đi thì báo cho chị ấy biết là được thôi.

- Xí, có mấy ngày mà ra bộ quan chức.

- Đừng nói vậy, đó là sự quan tâm và trách nhiệm mà. Thôi về tắm đi cho khoẻ, suốt ngày với biển giờ rít rịt à.

Vẫy tay với Minh Hà tôi đi nhanh về phòng, Yên Trang vừa nhìn thấy tôi thì toét miệng cười :

- Thế chị chưa bị anh nào bắt cóc à ? Em đang lo ngủ một mình thì sợ ma chết đây.

- Làm gì có ma mà sợ. Cũng mong có anh nào bắt cóc đây mà chả ai đủ gan cả. Sáng giờ ở nhà òm sòm lám hả ?

- Cũng không om sòm lắm, chỉ có gần như thừa sáu phần cơm thôi.

- Sao lại gần như ?

- Thì chị Đồng lo cho các chị, đứng ngồi không yên thì làm sao mà ăn được. Mà em nói chị đừng giận, nếu định đi đâu bỏ cơm trại thì báo để chị ấy bớt xuất. Cơm canh ê hề, đủ người ăn đã thừa, mà còn bỏ xuất nữa thì phí lắm.

- Chị biết rồi, lại còn biết tiết kiệm nữa đấy.

- Em mới lần đầu tiên được dự trại, nghe nói mỗi lần tổ chức trại thế này hết đến hơn trăm triệu, em thấy choáng thật đấy. Mình đã làm được gì ra hồn đâu mà được hưởng chế độ ưu đãi đến vậy, nên có chút ý thức vậy thôi.

- Em không biết đấy, có mấy đợt đi trước chị còn gặp một số người ảnh eo chuyện ăn ở nữa kia Nào là món này không ngon, món kia dở quá, nào là phòng ốc không sang trọng, chả biết ở nhà cơm gà cá gỏi đến đâu mà ra bộ tướng thế. Mà người thì trông như là…

Tôi bỏ dở câu nói, bước vào nhà tắm. Vòi sen nước nóng toả khắp người, thoải mái nhẹ nhõm làm sao. Nghe Yên Trang nói, tôi thấy lòng thật sự áy náy. Mình dù gì cũng mang tiếng là dân trí

thức, mà xử sự thì không được cẩn thận cho lắm. Để bao nhiêu người phải phiền hà vì mình. Sẽ chẳng có lần sau nào nữa đâu nhé. Hôm nay đi chơi cả ngày chẳng viết dược chữ nào đây. Ừ mà phải đi chơi thì mới có cảm hứng mà viết chứ. Tự biện minh rồi bằng một cái cười, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Yên Trang hơ hãi nét mặt khều tôi :

- Chị. Ai kìa ?

Trực nhìn ra cửa, một gương mặt lạ hoắc, mái tóc rũ rượi xả hai bên khuôn xương sạm xịt, đôi mắt chòng chọc một cách sỗ sàng, dáng người thì nghiêng ngả khật khưỡng, nhìn là biết ngay một kẻ đáng ngờ. Tôi cũng hoảng hồn, nhưng chỉ có hai chị em, tôi phải trấn áp nỗi sợ mà làm bộ cứng cáp :

- Anh hỏi ai ạ ?

Không trả lời, mà cái dáng khật khưỡng ấy bước luôn vào phòng, buông ịch một phát trên giường, tôi chưa kịp phản ứng thì ngoài cửa xuất hiện một gương mặt khác, với kiểu cười mơn trớn, khình khịch và cũng với cái nhìn lom lom khả ố :

- Chào hai cô em.

Dứt câu chào thì hai chân gã cũng đã bước hẳn vào phòng. Tôi hét lên muốn lạc giọng :

- Các anh là ai ? Các anh ra ngoài ngay, tôi không quen các anh.

- Không quen rồi sẽ quen, làm gì mà em cuống quýt lên thế ?

- Văn nghệ sĩ mà, tứ hải giai huynh muội, một bài thơ là quen hết từ nam chí bắc thôi, phải không hai cô em xinh đẹp.

Yên Trang muốn phát khóc, tôi lùi sát cạnh cô nói nhỏ :

- Em bình tĩnh, chị tìm cách nhử chúng, em chạy ra ngoài kêu cứu nha.

- Em sợ lắm. Mấy ông đi nhậu hết rồi. Gọi ai ?

- Sợ cũng phải ráng. Thì cứ gọi toáng lên, ai nghe cũng được.

- Hai cô em thì thầm gì thế ? Nói cho bọn anh nghe với. Hay anh đọc thơ tình cho hai em nghe nhé.

Cái giọng lè nhè cất lên mấy câu thô tục, thật không chịu nổi. Nhưng làm sao để tống khứ chúng đi bây giờ ? Thường thì cứ sau bữa chiều là mọi người tuỳ nghi đi cả, không cà phê thì nhậu, mấy hôm tôi cũng thế, nhưng hôm nay đang có hứng viết nên ở nhà. Để giờ khổ sở thế này đây. Biết vậy cứ đóng tịt cửa phòng lại, tại Yên Trang bảo mở cho thoáng. Điên thoại. Trời. Vậy mà quen béng mất. Tôi móc điện thoại ra, nhưng chưa kịp bấm thì một trong hai gã sấn đến bên cạnh, chụp lấy tay tôi cười hềnh hệch :

- Chúng mình hai cặp là đủ vui rồi, không phải gọi thêm ai nữa đâu em. Nào lại đây với anh.

Tôi hét lên, cố sức đẩy gã, Yên Trang cũng khóc la kêu cứu ầm lên.Bất thần, tên đang co kéo với tôi bị giật ngược ra sau, tích tắc, tên kia với Yên Trang cũng tương tự. Một tiếng quát đanh sắc :

111 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Cút. Cút ngay.

- Chị Đồng.

Sự có mặt đúng lúc của chị như một vị cứu tinh cho chúng tôi. Như hai con gà con, chúng tôi núp sau lưng chị. Hai gã kia khi nhìn ra đối thủ của mình là một người phụ nữ có thân hình chắc nịch đứng chống nạnh, cùng ánh nhìn như một lưỡi gươm xuyên thấu tim, thần khí dũng mãnh toát ra từ chị đủ khuất phục thói côn đồ hung hăng, khiến chúng bỗng nhiên như chó cụp đuôi, nhưng còn cố ném lại một câu vớt vát sĩ diện :

- Tưởng ngon lắm hả ? Thèm vào.

Nói xong, cả hai tên chuồn thẳng. Hoá ra chỉ là loại giỏi bắt nạt kẻ yếu thôi. Yên Trang khóc oà lên :

- Chị ơi. Không có chị chắc tụi em chết mất rồi.

Tôi cũng ôm ngực ngồi phịch xuống ghế. Chị Đồng ôm Yên Trang vỗ về :

- Thôi thôi, hết rồi em. Đừng sợ nữa. May sao tự nhiên chị bôn chồn mà chạy về. Không thì…

- Chị có biết tụi nó là ai không chị ?

- Không. Chị không biết. Nhưng có lẽ đây là những tên hay trà trộn vào giới văn nghệ, chiêu của chúng là cóp vài bài thơ đâu đó, nhớ vài cái tên đâu đó, rồi cứ ngang nhiên đến, gặp nam thì ra chiều thân mật, gợi ăn gợi nhậu, gặp nữ thì giở trò bỉ ổi. Các em ở nhà buổi tối sao không đóng cửa nẻo cho cẩn thận ?

- Em nghĩ để cửa cho mát cho thoáng, em đâu có ngờ.

- Đúng là cái loại khốn kiếp, chúng đội danh nghệ sĩ đi bôi tro trát trấu cho cả giới chúng mình. Người ngoài không biết cho là văn nghệ sĩ tệ hại thế đây. Thật là sâu róm.

- Đó là ngợ sĩ ngợm sĩ chứ nghệ gì. Thôi các em đóng cửa nghỉ đi.

Một cảm giác gần gũi thân thương khi tôi nhìn vào ánh mắt chị. Một hình ảnh khác về chị hiện lên trong tôi. Có lẽ bắt nguồn từ một sự hàm ơn.

- Nhanh lên nhanh lên, có nhà văn Đinh Hữu Ngọc đến kìa.

Thông tin được truyền từ phòng này sang phòng khác làm náo động cả không gian của một ban trưa yên ả.. Ông là một nhà văn nổi tiếng đã có nhiều giải thưởng trong và ngoài nước. Tôi rất thích đọc văn của ông, một chất văn suy tư và mẫn tiệp, cách truyền tải dung dị và súc tích, đọc văn ông cứ thấy như chuyện xảy ra hàng ngày bên mình vậy, xảy ra hàng ngày nhưng qua góc nhìn của nhà văn có gì đó sâu hơn, đằm thắm tinh tế hơn, và hơn hết là NGƯỜI hơn. Chỉ đôi lần nhìn thấy ông qua ti vi, tôi đã cảm nhận được phần nào cốt cách của con người ông. Ngỡ rằng mãi mãi là kính nhi viễn chi, ngờ đâu bây giờ lại có dịp được gặp. Vui lám. Háo hức lắm.

Vóc người đầm đậm, dáng trầm tư, phong cách nhã nhặn, ánh mắt thân tình, cái bắt tay ấm chặt. Đó là những cảm nhận của tôi về nhà văn Đinh Hữu Ngọc. Một sự cảm tình đã đựơc hình thành ngay từ giây phút đầu tiên. Nghe ông nói chuyện, lại càng thấy ấn tượng hơn. Lối nói rủ rỉ, cứ như đôi bạn thân ngồi tâm sự. Không có vẻ gì là người nổi tiếng. Bỗng nhiên tôi thoáng nhớ đến một cái tên. Cũng xôn xao diễn đàn lắm. Nên khi về tỉnh lẻ cứ như một ông vua đi vi hành

vậy. Cái bắt tay thì hỡ hững, chưa kịp nắm đã buông, mắt thì cứ nghếch lên lưng trời, miệng cười khinh khỉnh, Gặp một lần không muốn nhìn mặt lần thứ hai, đồng thời cái tên cũng del luôn trong bộ nhớ. Người nổi tiếng, đương nhiên là đã có một công tích đáng kể nào đó được cộng đồng ghi nhận và tôn vinh. Xong, cái đọng lại thật sự vẫn cần có một nhân cách ứng xử. Bởi anh giỏi hôm nay, mai có người giỏi hơn anh, vị trí của anh không phải là bất dịch. Tài năng anh sẽ không tồn tại mãi trong phong biểu chương cuộc sống, nếu anh tự cho rằng mình đã và luôn là một cái đỉnh giữa gầm trời này. Nên cùng với tài năng, anh còn phải có một tấc lòng chân tình và thật sự là biết yêu cuộc đời này niềm ấm áp sẻ chia. Cho dù thang bậc thế nào, thì cái làm nên một vóc hình thật sự vẫn không thể thiếu một chữ Tình.

Những con mắt cứ ngây ngô mà chăm chú, những cái tai cứ ngong ngóng mà dỏng lên. Nhà văn nói chuyện, đôi lúc ánh ra cửa như trông chờ ai đó. Nhưng ông gần như không có thời gian để biểu lộ sự trông ngóng của mình, vì những câu hỏi cứ thay nhau xen vào, và thế là ông cứ tiếp tục tiếp tục... Gần cuối buổi rồi, ông mới ngập ngừng hỏi :

- Tôi nghe nói cô Trọng Anh có dự trại này... ?

- Trọng Anh ?...A chị Đồng đấy. Ờ mà chị ấy đâu rồi nhỉ ?

Đúng là không ai nhớ đến chị và gọi chị cả.

- Chị Đồng ? Cô ấy có chồng khác rồi sao ?

Nhà văn hỏi và gần như mọi người đều ngớ ra.

- Chồng khác ? Chị ấy đã từng có chồng sao ?

- Sao mọi người có vẻ ngạc nhiên vậy ? Không ai biết gì về gia cảnh cô ấy sao ?

Sự im lặng là câu trả lời. Quả thực, tôi chưa từng đặt một dấu hỏi nào về cuộc đời của nữ nhiếp ảnh ấy. Khi tâm trí ta không mảy may nghĩ đến người thì ta đâu mất thời gian tìm hiểu về người làm gì.

- Không phải là chồng khác, mà đó là một tên gọi khác.

- Tên gọi khác ? Sao lại gọi là Đồng ? Thôi, tôi hiểu rồi.

Một tiếng thở dài cùng một cái lắc đầu, ánh mắt nhà văn bỗng thẫm buồn.

- Đúng. Cô ấy đã từng có chồng, có cả con. Nhưng mọi người có biết chồng con cô ấy hiện giờ ở đâu không ? Ở một nơi xa, xa xa lắm. Một tai nạn giao thông đã cướp đi cả hai cha con, khi đứa bé mới vài tuổi. Có ai thấu không ? Nỗi đau tột cùng của một người phụ nữ bỗng chốc phải làm một cái đám tang với hai chiếc hòm. Và cô ấy đã phải trải qua những ngày tháng như thế nào để vượt qua được nỗi đau ấy ? Tôi chắc trong số này, chưa ai từng nếm trải nỗi đau tương tự. Thử đặt mình vào cảm giác ấy mà xem, có đau đến hoá đá đi không ? À mà không, không bao giờ hiểu được nỗi đau của người khác khi chính bản thân không hề thực nghiệm. Lại càng không thể biết được rằng, khi phải lần từng bước để qua cái hố đau thương, gượng từng bước để đứng lên được, thì con người sẽ trở nên mạnh mẽ và cứng cáp như thế nào. Mọi người chê cô ấy là lạnh như đồng, cứng như đồng ư ? Vậy có ai không ? đã một lời thân tình gần gũi để mà hiểu để mà thương. Không có. Chính vì không có mới có cái tên gọi về cô ấy như vậy. Trong cái giới gọi là nghệ thuật này, cái giới mang tiếng là trí tuệ là văn hoá, cái giới mà ai cũng luôn tự phụ rằng mình hay mình giỏi, nhưng nói thật, rất ít người sống được với nhau bằng cái tình thật, khi sự đố kỵ tài năng và hời hợt cảm xúc được đặt lên hàng đầu, và người ta luôn vội vàng khi đánh giá một con

người qua cái vẻ bên ngoài. Và khi chưa hiểu được người thì hãy cứ coi thường người đi đã, không ít người tự cho mình cảm giác lớn hơn người khác từ sự coi thường vô lối ấy...

Nhà văn ngưng lại khi thấy thấp thoáng bóng người ngoài cửa. Chị Đồng gần như đâm bổ vào, mặt chị nhễ nhại mồ hôi, nhà văn cũng gần như bật dậy, họ nắm chặt tay nhau, mọi người ngây ra chứng kiến một cuộc hội ngộ, bốn bàn tay họ nắm chặt nhau, hai gương mặt nhìn sững nhau, hình như đã khá lâu rồi họ mới gặp lại.

- Anh vào bao giờ ?

- Anh mới bay vào chiều qua. Nghe em dự trại này nên anh đến.

- Thôi mình nói chuyện sau, anh tiếp tục với các anh em đi.

Câu nói sau một thoáng liếc mắt. Anh Hồ Thức bỗng nói :

- Anh Ngọc nói chuyện cũng cả buổi rồi, giờ anh em mình dành thời gian lại cho chị ...Trọng Anh đi, nhân tiện mời anh Ngọc dùng cơm chiều với anh em ta rồi nói chuyện tiếp nhé.

- Phải, phải đấy. Thôi ta đi nào.

Cho dù ai cũng luyến tiếc muốn được nghe thêm câu chuyện còn đang dở, nhưng ai cũng biết dành lại thời gian cho họ là rất chí lý, nên lục tục chào rồi về phòng. Tôi cứ âm âm mãi câu chuyện về chị, và những lời trách cứ của nhà văn. Quả là quá đúng. Trên trang viết thì nói hay lắm, có ý nghĩa lắm, có tình lắm, nhưng trong đời thực thì khác, có khi khác rất nhiều. Miên man ngẫm ngợi, tôi chợt hỏi, từ đâu mà ra cái tên chị như vậy nhỉ ? Tôi nghe mọi người gọi thì gọi theo chứ chưa từng nghĩ đến xuất xứ. Chắc chỉ từ các lão ngoa ngôn thôi. Thường cánh đàn ông thích những phụ nữ biết nghe lời họ, chịu cho họ bỡn cợt một chút, chịu tâng bốc họ một chút, thì họ vui lòng họ gọi đó là nữ tính. Còn típ người như chị Đồng, hẳn không cha nào dám dớ được nên mới nảy ra cái tên ấy. Có thể đúng. Nhưng chỉ là đúng với những ai có ác cảm với cái tên ấy. Chứ riêng tôi, ngẫm cho kỹ thì thật chưa chính xác lắm. Bởi với một người đã phải chống chọi nhiều với nghịch cảnh, đương nhiên họ không còn chỗ cho sự yếu mềm. Sự cứng cáp ấy lại là một bản lĩnh sống, mặt khác bản chất thật của chị không cứng không lạnh. Là bởi chị luôn nghĩ đến mọi người, bằng chứng là chuyến đi này, tôi chắc không chỉ với vai trò trưởng đoàn, mà là chị thật tâm lo lường mọi tình huống khi xa nhà, nhất với loại vô tư hồn nhiên như những con bé tôi chẳng hạn. Cái bàn ủi, những liều thuốc, dụng cụ y tế đơn giản, và vài thứ lặt vặt khác mà không phải dành cho chính chị. Một trái tim chứa nhiều mối bận tâm như thế không phải là một trái tim cứng, một tấm lòng lo toan cưu mang chuyện thiên hạ như thế thì không phải là một thứ lòng lạnh. Với những ai chỉ biết có mình, và luôn muốn mọi người phải vì mình, còn mình thì không vì ai hết thì mới loại tim cứng lòng lạnh, mặc dù họ rất biết khôn khéo trong lời ăn tiếng nói, còn với chị thì không, hoàn toàn không. Bỗng nhiên một thứ tình cảm thân thiết với chị trỗi dạt dào, tôi hít một hơi dài. Sau chuyến đi này, tôi sẽ mời chị đi uống cà phê, và chắc là không chỉ một lần. Giật mình khi nghe tiếng chị ơi ới gọi đi ăn cơm. Đã lại hết thêm một ngày nữa rồi. Thời gian ở đây bỗng trở nên rất ngắn.

Bữa cơm vui nhất từ khi đến trại vì có những câu chuyện hóm hỉnh từ nhà văn Đinh Hữu Ngọc, và chị cười nhiều nhất. Hoá ra họ là những người bạn từ thuở gieo neo khúc khuỷu. Một tình bạn thân thiết và bền bỉ khi có những chung chia ngọt đắng, và cũng là vì người ta thực sự chân thành yêu quý nhau. Có thể cách xa lâu ngày, nhưng nồng độ tình cảm thì vẫn không suy giảm. Đó mới chính thật là bạn, chứ không phải là những "bè" chỉ hơi một chút gió to là đã rã.Thật tốt nếu trong cuộc đời tôi có được những người bạn như thế.

ĐÀM LAN

114 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



- MINH LỆ -
LÀNG MANG TÊN HUYỀN THOẠI MỘT TÌNH YÊU

HOÀNG GIA CƯƠNG

Sau nhiều năm xa cách, tôi trở về thăm quê hương Minh Lệ - một làng quê mang tên huyền thoại ngót 400 năm. Quê tôi, cái làng quê bình dị uốn mình theo một nguồn nước sông Gianh, nơi mang nhiều dấu tích lịch sử một thời... Về quê, cái cảm giác nao nao ấp ủ bấy lâu, bây giờ mới đến. Lần đầu tiên tất cả 6 anh em trai chúng tôi sau ngót nửa thế kỷ xa quê, ly tán khắp nơi mới có dịp cùng về thăm quê cũ. Con sông Gianh vốn hiều hoà xanh biếc, vào những ngày này bỗng trở nên đục ngầu, cuộn sóng. Đợt lũ đầu tháng 11 làm mực nước sông dâng cao, đứng ở Ba Đồn nhìn ra Cửa Hác chẳng khác gì một vịnh biển bao la. Ba nguồn sông tụ hội về đây làm cho con sông trở nên quá sâu, quá rộng. Bởi lẽ đó mà bao thế hệ vẫn hằng mơ bắc được chiếc cầu. Ước mơ đó bây giờ cũng chỉ đang hiện dần thành sự thật. Ai đã một lần qua sông Gianh chắc chẳng thể nào quên, càng không thể quên một miền quê đầy gió Laò, cát trắng! Cảnh vật đang thay đổi. Thị trấn Ba Đồn nay như một thị xã với những con đường, dãy phố khang trang, "những dáng dấp thị thành" hiện rõ. Chiếc xuồng máy đưa chúng tôi vượt qua Cửa Hác, vòng xuống phía cầu Gianh (đang thi công) rồi ngược lên Rào Nan để về Minh Lệ. Sóng lớn, nước đục ngầu làm cho tôi cảm thấy như đang đi trên cửa sông ngoài Cát Hải (Hải Phòng). Nhiều người ngồi trong khoang, nhưng tôi vẫn đứng. Đứng để nhìn lại những cảnh vật thân quen mà mình đã nhiều năm xa cách. Tôi chạnh nhớ một câu thơ mà tôi đã viết trong một lần về thăm quê trước đây:

Con thuyền nhỏ bơi ngược dòng ký ức
Trái bần xanh còn chát một thời xa...

Nếu ai đã một lần ăn trái bần chắc không thể nào quên được. Hai bờ sông Gianh có rất nhiều cây bần mọc đầm mình dưới nước. Đó là một loại cây sống vùng nước mặn. Trái bần chín ăn chua dịu, nhắc đến ai cũng phải thèm. Trái bần xanh thì vừa chua vừa chát! Tuổi ấu thơ tôi đã nhiều lần phải ăn cả trái bần xanh! Tôi đi qua nhiều nơi, sống nhiều miền nhưng lâu lắm rồi chưa được nếm lại vị chát chua của trái cây quen thuộc. Nhưng đâu phải chỉ là vị trái cây? Quê hương đâu chỉ có ngọt bùi, mà còn có chua, có chát. Hơn bốn chục năm trước đây tôi đã rời quê trong vị chát chua của trái bần xanh. Nhưng dù chát dù chua, quê hương vẫn là niềm yêu thương khôn xiết, vẫn nỗi nhớ vô cùng của những đứa con phiêu bạt...

Sông Gianh có ba nguồn chính. Rào Nan là nguồn ở giữa, lại là nguồn mà một thuở hai họ Trịnh Nguyễn làm ranh giới phân chia. Làng Minh Lệ trải dài theo dọc nguồn Nan ở bên bờ bắc. Từ những xóm mới lập cho tới đầu làng dài trên 5 cây số là những khóm tre, hàng cau xanh mướt. Dưới mép nước bờ sông vẫn là những cây bần đầm mình trong nước để khoe sắc xanh mơ. Bần

đang mùa ra trái, những trái xanh dạng hình con quay đung đưa trước gió, trông rất đẹp mắt nhưng chắc là rất chua, rất chát. Nhìn trái bần mà lòng thấy nôn nao. Cái làng dọc sông ấy đối với tôi thật thân thiết biết bao. Tuy gia đình tôi đã phân tán nhiều phương nhưng cha mẹ tôi, anh cả tôi vẫn còn nằm lại bên sông. Cầm chiếc camera trong tay mà mắt tôi nhoè đi không còn thấy những gì mà mình đang ghi lại. Những trái bần xanh, tuổi ấu thơ của tôi vẫn còn lơ lửng đó đây!

Một huyền thoại từ xa xưa kể lại và đã được xác minh khi người ta khai quật một mộ táng trong vùng, nói rằng thời Trịnh Nguyễn phân tranh có một ông quan tài giỏi và đức độ tên là Nguyễn Khắc Minh(*) trấn giữ vùng này. Ông Minh là một tướng có tài có đức được dân trong vùng yêu mến. Ông Minh có một người vợ tên là Nguyễn Thị Lệ cũng rất tài giỏi, thường giúp chồng bàn việc quân cơ. Hai vợ chồng ông thường chọn một tảng đá trên ngọn đồi nhỏ (mà ở đây người ta quen gọi là Lòi) ngay trên bờ sông để luận bàn việc trấn giữ và phát triển vùng Bắc Bố Chính này. Họ thật là một đôi vợ chồng tâm đầu ý hợp, một tình yêu trọn thuỷ vẹn chung. Sau khi bà Lệ mất, ông Minh đã mai táng rất cẩn thận và chính nhờ ngôi mộ này mà bây giờ nhiều chứng tích lịch sử đã được xác minh. Từ thời đó, dân địa phương đã lấy tên ghép của 2 ông bà để đặt cho ngôi làng - nơi mà ông bà thường ngồi bàn việc quân cơ, chính sự, là làng Minh Lệ. ***Minh Lệ - tên làng là tên của một huyền thoại tình yêu!*** Nếu bạn có dịp đi tàu thống nhất qua đất Quảng Bình, cách Hà Nội gần 500 cây số, bạn sẽ thấy tên ga Minh Lệ, ngay cạnh chân đồi, nơi mà ông Minh bà Lệ đã một thời ngồi quan sát bờ nam, bàn việc quân cơ, giãi bày tâm sự...

Chúng tôi về đến làng thì chiều gần tắt. Xóm nhỏ dưới chân đồi, ngay trên mép nước. Nhà tôi trước kia ở ngoài cánh đồng, nhưng đầu những năm 80 theo phong trào Quỳnh Lưu, dồn làng lấy đất canh tác, cả xóm đã chuyển vào đây. Xóm nhỏ yên ắng bỗng trở nên náo nhiệt. Tôi thật sự trở về với tuổi ấu thơ xưa. Người nắm tay, người giật áo, có người còn cọ cả 2 má lởm chởm râu lên khắp mặt tôi. Có nhiều người tôi không còn nhận ra, nhưng họ lại nhớ rất rõ về tôi thuở bé. Tất cả đèn đều được bật sáng và dưới ánh nêông tôi cố tìm lại những hình nét xa xưa. Có người bảo tôi già đi nhiều, có người lại bảo là quá trẻ so với bạn bè cùng trang lứa. Duy có điều là ai cũng khen tôi tuy đi xa lâu ngày mà vẫn giữ được giọng nói quê hương. Tôi biết dân quê tôi rất ghét những ai mới ra tỉnh ít lâu đã bỏ mất tiếng cha sinh mẹ đẻ. Họ coi đó như một dấu hiệu quên hết ông bà, tổ tiên, làng xóm. Tôi tha phương nhưng chưa bao giờ quên nguồn cội, chưa bao giờ quên nghĩ đến quê hương.

Ngày hôm sau trời mưa gió liên miên. Cơn áp thấp thật là tai hại. Mấy anh em chúng tôi lòng như lửa đốt. Về quê rồi mà chưa ra viếng mộ tổ tiên ông bà, cha mẹ thì dạ không thể nào yên. Nghĩa địa nằm trên một khu gò ở phía bên kia sông. Nước to, sóng lớn, mưa tầm tã, đò rất khó qua. Mãi đến giữa chiều chúng tôi mới qua viếng mộ được. Khu mộ quá đơn sơ bình dị, bình dị đến nao lòng! Vùng quê tôi còn nghèo quá, không thể xây cất một cách đàng hoàng, quá chênh lệch với xung quanh. Thắp nén hương mà lòng tôi quặn thắt, nước mắt nhỏ xuống hàng bia. Ông tổ lâu đời của chúng tôi vốn là hoàng tử, một tướng quân thuộc dòng tộc nhà Mạc, có công đánh Chiêm Thành nhưng cùng với sự thất thế của nhà Mạc đành phải đổi họ thay tên. Ông là người đã khai phá vùng này, mộ ông vẫn còn nguyên vẹn cho tới những năm gần đây do yêu cầu làm thuỷ lợi nên mới phải di dời qua nơi khác. Bây giờ họ hàng dòng tộc từ cụ tổ cho đến cha mẹ tôi, anh cả tôi đều đã qui tụ về một chốn. Cha tôi là một nhà nho có 7 người con trai đều theo kháng chiến. Hôm nay 6 người con trai còn lại, sau gần 50 năm ly tán lần đầu tiên cùng sum họp trước nấm mộ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ để thắp nén tâm hương bái tạ các bậc sinh thành đã góp công dưỡng dục. Trong 6 anh em chúng tôi, 5 anh trai tôi đã từng *"cùng tiến vào 5 cửa ô"* trong ngày giải phóng thủ đô mà vừa qua một số báo, đài truyền hình và đài phát thanh đã từng giới thiệu. Tôi là em út khi đó còn đang học ở ở quê, tự nuôi thân bằng củ khoai củ sắn ngày ngày đi mót lượm. Tôi làm sao quên được cái thời mà quanh năm hầu như không biết đến hạt cơm? Quê tôi rất nghèo, chỉ có "khoai khoai là khoai" mà bản thân gia đình tôi lúc đó lại thuộc loại nghèo nhất, nghèo vì cha mẹ tôi và các anh tôi đã từ bỏ tất cả để đi theo cách mạng, để tham gia cuộc kháng chiến thần kỳ của dân tộc. Sự hy sinh ấy ngày nay đã được bù đắp bởi sự thành đạt mà anh em chúng tôi có được. Phải chăng đó chính là do phúc ấm tổ tiên mà đôi câu đối gia truyền của dòng tộc từng có từ mấy trăm năm truyền lại:

(

Tổ công tông đức bách thế bất thiên
Tử hiếu tôn từ vạn đại như kiến.

Sang ngày thứ 3 trời mới ngớt mưa. Tôi háo hức đi thăm lại những nơi mà dấu ấn cuộc đời khắc mãi trong tôi. Ga Minh Lệ khiêm nhường nép mình sau những tán bàng xanh tốt. Nơi đây đã 2 lần tôi suýt bỏ mạng vì bom đạn từ hồi kháng chiến chống Pháp. Chỉ một chút xíu thôi thì tôi và một người bạn bị bom vùi dưới lòng sâu của giếng nước nhà ga. Cũng chỉ một xíu thôi thì tôi đã nát thân khi một chiếc máy bay lao xuống bắn xối xả vào những luống khoai gần kề nhà ga mà tôi đang bò dưới rãnh. Ngọn đồi bên ga, nơi ông Minh bà Lệ từng ngồi trò chuyện, cũng là nơi một thời bọn học sinh chúng tôi ngày ngày thay nhau canh chừng ca nô địch khi chúng xuất hiện ở cuối dòng sông. Tôi cố lê cái chân tập tễnh của mình lên tận đỉnh đồi để nhìn rõ bốn phương tám hướng. Hùng vĩ và thơ mộng cùng hoà chung trong một cảnh sắc diệu kỳ! Bao đôi lứa ở làng tôi đã lấy nơi đây làm nơi hò hẹn, lấy nơi đây làm chỗ chia tay lên đường đánh giặc. Cô em họ tôi cũng tự nơi đây thẳng đến chiến trường để trở thành mẫu người thực của cuốn phim *"Rừng O Thắm"*. Hàng trăm chàng trai cô gái đã từ đây đi tới mọi phương trời để rồi còn được bao người trở lại? Một nghìn rưỡi dân làng đã có ai thoát được vành trắng khăn tang trong 2 lần kháng chiến? Họ là cháu con của ông Minh bà Lệ đầy tình yêu thương nhưng cũng biết căm thù...

Ai đã đặt cho làng tôi cái tên mang đầy kỷ niệm, đầy sự biết ơn và cũng đầy thi vị? Huyền thoại xưa như vẫn còn tiếp nối hôm nay...

Nhìn qua ruộng đồng, nhà cửa làng tôi đã có nhiều biến đổi, một biến đổi đi lên cùng cả nước. Đường điện cao thế 500kv chạy vắt qua làng, vượt nguồn Nan để vào với miền Nam. Mái ngói đã chiếm đa phần, có cả nhà tầng khang trang và thấp thoáng dưới các rặng cau là những cần ăngten thu hình ẩn hiện. Nhưng đây đó vẫn còn những túp nhà tranh cũ nát, những gia đình còn khoai độn, ngô bung... Dấu vết chiến tranh đâu dễ đã phai mờ! Làng xóm ruộng đồng đều khác xa không nhận ra được nữa. Con đường ô tô từ ga về huyện đã bị phá nát từ hồi kháng chiến nay không còn dấu tích. Nhưng như lời anh Tuynh – một lãnh đạo huyện, hôm đón chúng tôi có nói "chỉ đến cuối năm sau là xe con của các anh có thể về tới tận nhà". Và cũng theo lời anh Tuynh thì tuyến đường thuỷ vào động Phong Nha kỳ ảo cũng sẽ được khai trương. Khi đó chắc làng tôi sẽ trở thành một nơi du lịch hội tụ đủ 3 con đường: sắt, thuỷ, bộ. Cái đồi mà ông Minh bà Lệ đã từng ngồi chắc sẽ là một nơi hấp dẫn khách tự bốn phương về thưởng ngoạn. Chiếc camera trong tay tôi quay lướt mấy vòng rồi mà vẫn không muốn nghỉ. Tôi như mới khám phá một miền quê!

Cùng mấy chị dâu và các cháu, 6 anh em trai chúng tôi đã thực hiện được cuộc hội ngộ sau ngót nửa thế kỷ ly tán với bao niềm da diết, với bao nỗi chờ mong. Cha tôi đã từng mong ước:

"Hôm sớm sân Lai thêm sắc mới
Sum vầy con cháu tiếng vui reo".

thì nay đã thành sự thật, chỉ tiếc là người đã đi xa. Chúng tôi từng chia xa, cũng vì quê hương và trở về đoàn tụ cũng vì 2 tiếng "quê hương" ấy. Đất mẹ có bao giờ quên những đứa con yêu, và những đứa con hiếu nghĩa càng không bao giờ quên đất mẹ. Từ nơi xa chúng tôi vẫn luôn hướng về đất mẹ, luôn gắng sức góp phần nhỏ bé cho quê hương. Cơn áp thấp và mưa lũ đã thử thách cuộc hành hương của chúng tôi nhưng đã không ngăn được những đứa con trở về đoàn tụ.

Nước sông Gianh vẫn dâng cao, vẫn mênh mông như biển cả, nhưng gió đã yên, sóng đã trở lại dịu dàng đưa tiễn chúng tôi...

Tháng 11-1996

*Nguyễn Khắc Minh (1553 – 1637) quê gốc ở Hà Đông (Hà Nội) là Thượng tướng quân, được vua Lê phong tước Nghiêm Quận Công.

HOÀNG GIA CƯƠNG

117 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



ĐIỂM NHÌN

truyện ngắn

LÃNG HIỀN XUÂN

...Một đôi bàn chân nữa loẹt xoẹt đi vào trong,tiếp theo một đôi,một đôi nữa.Rồi hai đôi khác sóng nhau bước qua và đi ra phía ngoài.Hai đôi này có bước đi như cùng một nhịp rất đều nhau.Đôi chân to hơn,thật ra là một đôi giày to sù sụ kiểu"model khủng bố",đã dẫm lên cái điểm nhìn của tôi làm nó xẹp xuống hết cỡ không còn có thể xẹp hơn được nữa.Đôi bàn chân nhỏ có bước đi khá nhún nhảy nhưng vẫn thấy cái vẻ như rất quấn quýt với cái đôi bàn chân mang đôi giày"khủng bố"kia...

Một đôi bàn chân khác nhão nhoẹt đi vào mang theo tiếng loẹt xoẹt của một đôi dép mòn vẹt bởi sức lực mỏi mệt của khổ chủ.Thêm một đôi,một đôi nữa...

...Đến lúc này thì tôi cũng chẳng thể nào hiểu nổi mình nữa.Từ bao giờ tôi đã xuất hiện cái thói quen hay nhìn xuống.Không phải tôi là một thằng không mạnh mẽ và không ý thức được bản thân mình.Phải chăng vì cái hoàn cảnh xuất thân của tôi ở giữa chốn đô hội này đã dần làm cho tôi tự an phận như vậy chăng!Nhưng thực ra,tôi đâu có phải là một kẻ sống hời hợt hay băm bổ,ham hố và cũng chưa bao giờ làm điều gì xấu để mà phải tự hổ thẹn...Và bây giờ,cái thói quen mới xuất hiện này đã bắt đầu có dấu hiệu làm khổ tôi bằng cái việc bắt tôi đứng lỳ ở đây như trời trồng...

...Một đôi bàn chân nữa chậm rãi đi qua,một đôi chân mốc meo xỏ trong một đôi dép nhựa ba quai màu đỏ.Có lẽ đã lâu ngày chúng không được cọ rửa nên cái màu đỏ hoe của nó đã chuyển sang thành màu đỏ bầm.Đôi bàn chân ấy dừng lại trước điểm nhìn của tôi một khắc rồi dẫm nhẹ lên nó và bước nhanh rất dứt khoát đi ra phía ngoài.

Hai đôi chân nữa đi vào,một đôi có bước đi khá nặng nề,còn đôi kia thì dường như là lê theo đôi chân ấy.Cuốn theo chúng là những tiếng rên được kìm nén một cách khó nhọc.Hai đôi bàn chân này vừa dìu nhau đi vào thì lại có thêm hai đôi chân nữa đi ra riu ríu nhẹ nhàng và thanh thoát.Một trông trắng xinh nhỏ nhắn được lồng trong một đôi"sandal"tám quai màu mận chín.Còn đôi kia được bịt kín hơn hai phần ba bằng một đôi giày cao gót mũi vuông màu nhũ bạc.Cả hai đôi này đều tạo cho chủ nhân của chúng một dáng vẻ rất trí thức mà đôi cao gót kia thì tỏ ra sành điệu hơn...

...Hôm trước đứa bạn học cùng lớp bị tai nạn,tôi muốn vào thăm nó ngay nhưng lúc đó(thú thật)trong túi chẳng còn đồng nào để mua cho nó chút gì đó làm quà.Mãi hôm nay tôi mới mượn được cái Hương hơn chục ngàn để mua cân cam và hộp sữa mang vào thăm nó.Vậy mà nó đã lại ra viện rồi,không biết phần quà này sẽ phải giải quyết như thế nào nữa...

Vâng đúng,chỗ tôi đang đứng lỳ ở đây là phía trong một cái cổng bệnh viện Đa khoa.Một cái cổng như hàng trăm ngàn cái cổng khác vốn có ở trên đời,một cái cổng chẳng ai dại gì lại chui vào và dầu không muốn đôi lúc cũng phải vào cho dù chẳng dại.Thế mà giờ đây tôi lại đang đứng chết gí ở đây một cách thật vớ vẩn,không vào mà cũng chưa thể ra.Vào thì còn việc gì nữa khi thằng bạn tôi nó đã xuất viện,mà ra thì lại đang bị cái điểm kia nó hút lại...

...Thêm một đôi bàn chân nữa lộp cộp đi vào và đạp lên cái điểm nhìn của tôi thật vô tình rồi lướt đi nhanh làm cho nó xê đi một đoạn ngắn.Tôi chỉ kịp nhìn thấy một đôi giầy đen bóng loáng,có lẽ chủ nhân của nó là một người khả kính...

...Tôi con nhà nghèo làm nghề nông từ bao đời nay.Bố mẹ tôi quanh năm suốt tháng quần quật vật lộn với trời đất để nuôi lũ chúng tôi ăn học.Mỗi một đồng của ông bà gửi ra cho anh em chúng

tôi là mồ hôi nước mắt của những tháng ngày lam lũ ấy.Thời gian này ông bà phải nuôi hai đứa trong anh em tôi đang theo học Đại học,tôi học Mỹ thuật và một đứa em kế tôi học Nông nghiệp.

Ngày tôi làm hồ sơ để thi vào trường Mỹ thuật,bố tôi cứ dằn dỗi không muốn tôi thi vào trường này.Bởi lẽ ông nghĩ,nghề vẽ vốn là nghề của mấy người nhà giàu ở trên thành phố.Còn ở nông thôn đi học vẽ thì về làm gì được để kiếm ra miếng cơm mà ăn.Ông bảo theo nghề vẽ là không thực tế.

Từ bé tôi rất mê và hay vẽ lung tung nên luôn bị ông ngăn trở,thỉnh thoảng còn bị ông nện cho vì cái tội vẽ không đúng chỗ.Chỉ lúc đến trường để học chữ hay đi chăn trâu ngoài bãi thì tôi mới được tự do làm theo ý thích của mình.Nhưng rồi trước sự cương quyết bướng bỉnh của tôi,một phần tôi cũng không chịu thi vào trường nào khác nên bố tôi đành chấp nhận cho tôi thi vào trường Mỹ thuật.

Ra đến Thành phố để nhập học,qua sự tiếp xúc với thực tế và với trường lớp,tôi mới thấy hết được nỗi khó khăn cực nhọc và sự phức tạp của nghề này.Nhưng điều đáng lo thường xuyên của tôi vẫn là tiền học,tiền ăn,tiền học thêm,tiền vật tư màu vẽ...và cả tiền thuê nhà trọ nữa.Đối với lũ sinh viên Mỹ thuật bọn tôi,tám đứa mà nhốt chung vào một phòng mười lăm,hai chục mét vuông của cư xá sinh viên thì quả là không ổn.Tám đứa là tám vị trí xuất thân,tám cái nhìn,tám quan niệm,tám thế giới riêng và chỉ có mỗi một cái chung đó là:tên nào cũng có máu"Nghệ sĩ lớn"cả.Đụng một chút là chạm tự ái nhau ngay,đôi khi chỉ cần một câu nói cũng đã đủ sinh chuyện,chưa kể đến những va chạm khác trong khu vực làm việc,sinh hoạt và học tập.Với những thằng ở quê lên học như tôi thì còn nhiều vấn đề khác dễ bị tự ti tự ái hơn mấy đứa khác.

Mấy hôm nay tôi đang rỗng túi lại còn gặp biết bao nhiêu chuyện xảy đến cần phải xử lý.Sắp tới sinh nhật cái Hương chưa biết mua quà gì để tặng nó thì hôm nay lại đi mượn tiền nó để mua quà vào thăm thằng Thái.Quà mua rồi thì không thể trả lại được mà thằng Thái cũng đã ra viện chưa biết hôm nào mới trở lại lớp...

...Thêm một đôi bàn chân nữa đi qua.Một đôi,một đôi rồi hai đôi nữa...

...Chưa hết,cách đây mấy hôm,tôi còn bị rắc rối với môn Anh Văn và môn Kinh tế chính trị học nữa.Không khéo kỳ này mất luôn cả cái học bổng còm cõi nữa là xong.Mấy đứa ở ngoại trú thì cứ xúi tôi đến nhà thầy và cô để xin điểm,mà xin là như thế nào và xin làm sao thì chúng không chịu nói,còn tôi thì chịu bó tay,không biết cách xin.Tôi cũng chẳng hiểu tại sao học Mỹ thuật lại phải học cả mấy cái môn Đại cương phải gió ấy không biết.Hôm thi chuyển giai đoạn,trông mọi người rối tít mù cứ như là chuẩn bị"Vượt Vũ Môn"để hoá rồng làm tôi cũng đâm lo và ngán cho cái sự học.Như môn Anh Văn,thì còn có thể chấp nhận được chứ còn cái môn Kinh tế gì gì kia thì có dính dáng gì tới hội hoạ đâu mà phải học,phải thi sát hạch mất hết cả thời gian và trí lực.Nhưng thực ra những nỗi bực mình ấy cũng chẳng lý giải được tại sao tôi lại ở đây trong lúc này...

Đã mấy lần tôi định bỏ đi dứt khoát,nhưng hấp lực của cái điểm kia nó cứ níu giữ tôi lại một cách thậm vô lý.Lúc mới đầu tôi cũng định cứ tự nhiên ra nhặt lấy nó thật gọn là xong.Nhưng khi tôi dợm bước tới thì tính sĩ diện trong con người tôi nó khẽ khàng nhắc khéo:Mày là thằng sinh viên,thằng trí thức..!Nhưng mà tôi cũng không thể làm ngơ mà bỏ đi được.Mọi người qua lại nơi đây dường như chẳng ai nhìn thấy cái điểm ấy và còn chà đạp lên nó một cách vô tình.Còn cái thằng sĩ diện trong tôi lại quên đi một điều rằng:Đây là một cái cổng bệnh viện,mấy khi ngớt người qua lại,hoạ may phải chờ đến nửa đêm mới vắng hết!...

...Một đôi bàn chân nữa đi vào,một đôi bàn chân trần như bàn chân của bố tôi ở nhà.Những vết nứt nẻ ở nơi gót chân đập vào mắt làm tôi nghĩ chắc đây là một con người sống khá lam lũ cực nhọc.Nhìn đôi bàn chân cứ như cố bám chặt lấy mặt đất để mà tồn tại ấy tôi bỗng thấy chạnh lòng và thương bố mẹ tôi ở nhà vô cùng.

...Tiếp theo một đôi bàn chân nữa nhìn thấy quen quen.À phải rồi,đôi bàn chân mốc meo xỏ trong đôi dép nhựa ba quai màu đỏ bẩn thỉu khi nãy.Lần này nó cũng dẫm nhẹ lên cái điểm nhìn của tôi,dừng lại một khắc rồi lại lướt đi vào phía trong. Chợt tôi nghe những tiếng lộc cộc lạch cạch tiến đến gần.Đó là tiếng dịch chuyển của một chiếc xe inox sáng choang có bốn cái bánh bằng cao su đặc đã cũ.Nó lăm lăm đi vào và phát ra những tiếng lộc cộc lạch cạch như có vẻ đang nhại theo một điệu nhạc hiện đại nào đó đang mở đầy rẫy ở ngoài các quán cà phê của

thành phố.Sát theo bên hông nó là một đôi bàn chân bèn bẹt để trần bước đi vội vã.Sau gót đôi chân ấy cũng có những vết nứt nẻ màu đen,nhưng ở phía trước hai ngón chân cái của chúng lại cong vòng vào với nhau.Hình như tôi đã nghe được đâu đó nói về những bàn chân có những ngón cái như vậy là bàn chân của người Giao chỉ xưa và nay chỉ còn sót lại một cách hiếm hoi.

Đi sau xe là một đôi bàn chân khác khá trắng trẻo được xỏ trong một đôi dép lê bằng nhựa trắng.Đôi chân này có bước đi tất bật một cách hơi quá so với bình thường.Lẫn trong tiếng lộc cộc lạch cạch của bốn cái bánh xe là tiếng nỉ non của một giọng khàn đục:"Con ơi là con,sao khổ thế này hả con! Con ơi...ời...ì..!"...

Tự nhiên lúc này tôi phát hiện ra một cái mùi gì đấy thật khó chịu.Nó không hẳn là mùi ête,cũng không phải là mùi thuốc tây.Một cái mùi thật khó tả,nó cứ luẩn quẩn nơi đầu chóp mũi,vì không gọi được tên nên tôi đành cho nó là mùi bệnh viện.Và cũng lúc này tôi bỗng thấy thực sự khó chịu về mình.Nhưng làm sao có thể thờ ơ được cơ chứ.Con người ta trong lúc đau ốm bệnh tật có thể thờ ơ được với tất cả mọi thứ thậm chí thờ ơ với cả những vấn đề về cái sống và sự chết,chỉ biết duy một nỗi đau đang hành hạ mình.Nếu như có chăng chỉ là sự sợ hãi,mà cũng chưa hẳn đã là sợ hãi cái chết,chẳng qua đó là sợ hãi những vấn đề mình không thể kiểm soát được mà thôi.

Lúc này,tôi đang hoàn toàn khoẻ mạnh và sáng suốt.Còn cái điểm kia thì nó đang hiện diện một cách thách thức dưới những đôi bàn chân qua lại như rất vô tình.Và cũng đến lúc phải thú thật,cái điểm đang níu tôi lại chỗ này chính là một tờ Năm chục ngàn vo tròn nằm giữa lối đi phía trong cổng ra vào của bệnh viện-Vì với tôi,nó bằng mười ngày của sự sống tồn tại để học tập.Và bây giờ tính sĩ diện của một thằng sinh viên Mỹ thuật đang tạm thắng cái thằng tôi với bản năng sống nên tôi chưa thể bước tới để làm một cái việc dể ợt đó là cúi xuống,nhặt lên và bỏ vào túi.

Thực ra có gì đáng hổ đâu khi mà tôi đang còn là người duy nhất phát hiện ra nó nằm dưới đôi bàn chân của những con người đang hối hả qua lại kia.Nhưng nếu như tôi bước đến và cúi xuống thì cùng một lúc có ai đó cùng phát hiện thì sẽ xảy ra chuyện gì?!Năm chục nghìn,gần một phần hai xuất học bổng,một phần sáu tháng lương công chức,một nửa tạ thóc và mười ngày ăn của thằng sinh viên bọn chúng tôi.Thời buổi này thiếu gì những kẻ thấy người khác nhặt được tiền lại chẳng vơ quàng lấy là của mình vừa đánh rơi.Tôi cũng đã từng chứng kiến cái cảnh ông hàng xóm gần chỗ tôi ở trọ tự nhiên trúng số độc đắc.Nghe ông trúng số,người lạ ở đâu cứ ùn ùn tới xin ông bố thí.Nhà ông cũng chẳng khá gì cho lắm,tấm vé số chỉ vừa đủ cho ông thay lại cái mái nhà cũ đã dột nát.Hôm khánh thành,có mấy tay giả thương binh đến xin"đểu"ông,ông không cho,thực ra cũng chẳng có tiền để cho.Thế là bọn chúng quay ra chửi ông,tức quá ông chửi lại,một thằng vác cái nạng gỗ nện vào đầu ông rồi bỏ chạy...

...Một đôi bàn chân nữa lại thong dong đi vào,một đôi"sanldal"bốn quai màu nâu sậm có bước đi thật tự tin nhẹ nhõm.Tiếp theo một đoạn là môt đôi giày"model Italia"da lật màu cà phê sữa,đôi giày này có bước đi khoẻ khoắn nhưng cũng không kém vẻ thong dong.Có lẽ chủ nhân của chúng là những ông bà bác sĩ,một giới chức đang rất được trọng vọng trong xã hội.Những bước chân của cả hai đôi này khi đi qua đều dẫm lên cái điểm nhìn của tôi-tờ năm chục-một cách vô tình...

Lúc này đã giữa trưa,cái dạ dày teo tóp của tôi cũng đã nhiều lần cố sức báo động cho tôi biết từ đêm qua đến giờ vẫn chưa có cái gì ở trong nó.Vỗ túi,còn được điếu Đà lạt quăn queo tôi thắp nốt sự chờ đợi của mình.Lần nữa,tôi định tiến đến tờ năm chục(lúc này tôi nói rõ như thế),thế nhưng sự cả nghĩ lại thêm một lần nữa cản trở tôi.Dường như đến trưa,những bàn chân qua lại càng nhiều hơn và có phần vội vã hơn,những đôi bàn chân dù có lê đi cũng lê đi nhanh hơn.Sự vội vã tất bật ấy làm tôi phải vò đầu bứt tai trong chờ đợi,một sự chờ đợi tôi cho là nghiệt ngã vì bất đắc dĩ.

Điếu thuốc Đà lạt qủa là hiệu nghiệm,những vòng khói cuối cùng vừa tan vào trong không khí thì tôi cũng quyết định bỏ đi bởi sực nhớ đến một câu:"Không nên tham những cái không phải của mình!"Tôi vừa bước ra khỏi cổng thì dường như có một giọng nói nào đó từ trên cao vọng xuống:"Mày có phải ăn cắp,ăn trộm gì đâu mà mày phải sợ,sao mà hèn nhát thế!"Và thế là tôi quay lại,bước tới trước tờ năm chục rồi cúi xuống một cách dứt khoát.Mặt tôi nóng ran,không biết có phải khi mình cúi xuống máu nó dồn lên mặt hay là vì một cái gì khác!?

Vừa lúc những ngón tay của tôi chạm vào tờ năm chục thì một bàn chân tiến tới và dừng lại

cách tờ năm chục khoảng một gang tay.Vẫn là đôi bàn chân mốc meo xỏ trong đôi dép ba quai màu đỏ bẩn thỉu khi nãy.Khi tờ bạc năm chục đã nằm trong lòng bàn tay,tôi vội ngẩng phắt đầu lên.Đối diện với tôi lúc này là một gương mặt gầy gò xương xẩu của một người phụ nữ rất khó đoán tuổi có đôi mắt trũng sâu trông rất tinh quái.Thị nhìn xoáy vào tôi và nở một nụ cười rất cầu tài ngô nghê,nhưng tôi chỉ thấy được hai hàm răng trắng xỉn của thị.Mặc kệ thái độ của thị,tôi quay ngoắt người và bước vội ra cổng.Tờ năm chục vo tròn lúc này cộm lên trong lòng tay tôi nhoi nhói,hình như không hẳn chỉ là một tờ năm chục..!

- Anh gì ơi!Tiếng gọi giật từ phía sau như níu người tôi lại.Tôi từ từ quay về phía có tiếng gọi.Vẫn khuôn mặt xương xẩu và đôi mắt nhìn tinh quái,chỉ có nụ cười là không còn nữa.

- Anh vừa nhặt được tiền hả?

- À...à không,nhưng mà...mà sao?

Tôi nói không giấu được vẻ lúng túng của mình.

- Khi nãy tôi nhìn thấy hết rồi,anh cứ giở ra,tôi chỉ xin anh mấy đồng mua ít cơm bới cho người nhà nằm viện thôi!

Nói rồi,mụ ta ném về phía tôi cái nhìn soi mói dò xét.Đến nước này thì tôi đành phải giở ra mà không thể chối được nữa.Khi mở ra,như tôi vừa linh cảm,trong tờ năm chục vo tròn còn có thêm một khâu vàng ước khoảng hai chỉ nữa mà bây giờ tôi mới thấy.

- Nói thiệt với anh nhé,tôi đưa con đi viện,nhưng hoàn cảnh rất khó khăn,thấy anh được lộc trời nên chỉ dám xin anh một nửa.Vì của đó cũng không phải của anh mà!

Nói xong,mụ ta nhìn tôi như xuyên qua cả quần áo từ đầu cho tới chân,nét mặt của mụ càng lúc càng đanh lại.Lưỡng lự một lúc,tôi mở tờ năm chục ra,giữ lại khâu vàng và đưa cho mụ tờ năm chục.Mụ ta nhìn tờ năm chục một cách hờ hững rồi buông một câu nhấm nhẳn:

- "Được bạc thì sang,được vàng tổn mạng..!"chắc anh biết chứ.Mà kể ra thì anh cũng khéo chia đấy nhỉ!-Nói đoạn mụ ta vênh mặt lên rồi ra giá–Hai chỉ vàng với thêm năm chục ngàn thì ít nhất anh phải cho tôi được vài trăm chứ,ăn một mình không sợ mắc họng à!

Câu sau mụ ta nói oang oang gay gắt.Đến lúc này thì tôi cũng chẳng biết xử trí ra sao,mặt tôi nóng bừng.Sự việc làm tôi từ bất ngờ ban đầu đến bây giờ thì chuyển thành rắc rối khó chịu.Như lời mụ ta nói thì cũng có vẻ có lý nhưng vẫn còn có điều gì đó khuất tất mà các giác quan thông thường của tôi không thể nhận ra được.Cái đói khi nãy đã biến đi đâu mất và nhường chỗ cho một cảm giác bất an rất đỗi phiền toái khó ở.Sau một lúc phân vân,tôi nói với mụ dứt khoát:

- Tôi có đi móc túi của ai đâu mà chị đòi chia với chác!Đã vậy chị cầm lấy cái này,tôi chẳng có trăm nào để mà chia với chị.Chào chị!

Tôi vội vã dúi khâu vàng cho mụ ta rồi quay gót bỏ đi như trốn chạy một điều gì đó thật ghê tởm.Bỗng nhiên mụ ta la toáng lên:

- Thằng móc túi,thằng móc túi!

Đến cơ sự này thì tôi thực sự hoảng hốt và bực tức vô cùng.Tôi nuốt một cục nghẹn xuống cổ,may mà đã ra khỏi cổng bệnh viện một quãng nên sự xấu hổ cũng đã giảm đi được phần nào.Tôi cố sức kiềm chế quay lại nói:

- Ai móc túi chị mà chị ngoa ngoắt thế!

- Chính mày là thằng móc túi!Bắt lấy nó,thằng móc túi!-Mụ ta tiếp tục làm ầm ĩ.

Một người đàn ông chạy xe thồ gần đó lao đến túm lấy tôi.Đôi bàn tay của ông ta như một gọng kìm bấu chặt lấy cánh tay tôi một cách đau điếng.Đúng là tai bay vạ gió,chưa bao giờ trong đời tôi lại rơi vào một tình cảnh như thế này.Tôi đang còn quýnh quáng chưa biết xử trí ra sao thì đã bị ông ta lôi đi xềnh xệch tới đầu ngã tư đèn xanh đèn đỏ.Chưa kịp định thần thì đã nghe ông ta nói với anh Công an đứng ở đó một cách hồ hởi và tự hào:

- Báo cáo đồng chí công an,tôi vừa bắt được một thằng móc túi ở đằng kia.Nó móc túi của chị

này đây nầy!

Đến lúc này thì tôi không thể còn kiềm chế được nữa,tôi vùng mạnh tay mình ra khỏi bàn tay hộ pháp của ông xe thồ và vung sang định cho mụ kia một cái tát.Anh Công an kịp thời giữ tay tôi lại và bắt tôi trình giấy tờ.Lục mãi trong các túi tôi mới lôi ra được một cái thẻ mượn sách của thư viện có dán ảnh và trình bày lại sự việc cho anh công an rõ.Tôi vừa dứt lời thì mụ ta liền liến thoắng:

- Thằng này rõ ràng là sinh viên"dổm"nó vừa móc túi tôi xong chứ có nhặt được đâu.Không tin thì tôi đọc số"xơ di"của tờ năm chục nó đang cầm cho đồng chí rõ!Và mụ đọc rành rọt số sơ ri một cách rất chính xác cả ký hiệu"A H"của tờ năm chục.

Một lần nữa tôi lại sững sờ trước người đàn bà tinh quái này,tôi cảm tưởng mụ ta như là một con"ma xó",lẽ nào mụ ta có con mắt thần thánh mới có thể đọc được những con số đó một cách rõ ràng như thế.Anh Công an quay sang nhìn mụ ta một lúc rồi hỏi chậm rãi:

- Chị bảo cậu thanh niên kia móc túi chị ở đâu,khi nào?

- Khi nãy ở ngay cổng bệnh viện đầu kia!

- Thế chị để ở túi nào mà anh thanh niên móc được của chị?

Bỗng nhiên mụ ta nhìn xuống sờ quanh khắp người và ú ớ:

- Ở..ở ...ở, tôi lận ở lưng quần!

Nói xong gương mặt mụ ta tái hẳn đi,cặp mắt trông láo liêng gian xảo.Thì ra bộ quần áo nhàu nhò mụ ta mặc trên người không có cái túi nào cả.

Anh công an lập biên bản giữ tang vật,mụ ta và cả tôi đưa về trụ sở để làm rõ.Về tới trụ sở,qua đấu tranh bằng nghiệp vụ,công an làm rõ ra mụ ta là một tên lừa đảo.Khâu vàng kia chỉ là một khâu vàng giả.Hành vi của mụ là giả vờ làm rơi tiền vàng,nếu ai lỡ nhặt được có chút tư trang tiền bạc trong người thì đem ra chia với mụ,sau đó ôm khâu vàng giả để mà làm"kỷ niệm".Tôi hôm nay tuy hơi đói bụng nhưng chẳng có tư trang gì đáng giá nên mụ không bẫy được tôi và còn suýt bị mất tờ năm chục ngàn để làm mồi nên mụ ta định la toáng lên để lấy lại.Nhưng cuối cùng thì mụ ta cũng phải bị trả giá.

* * *

Tôi viết lại chuyện này trong một tâm trạng rất vui,vì tôi vừa bán được một bức tranh đầu tiên trong dịp triển lãm tranh của sinh viên nhân ngày 9 tháng 1 vừa qua.Bức tranh tĩnh vật tôi vẽ trong cái ngày gặp rắc rối ấy.

Hôm đó,sau khi từ trụ sở Công an về phòng trọ với một sự rã rượi toàn thân,tôi nằm vật ra chiếc giường ọp ẹp của mình và để cho cái đói cứ dày vò một cách thoải mái.Bởi nỗi bực mình về chuyện vừa xảy ra mới làm cho tôi bải hoải.Chợt những tia nắng chiều chiếu qua khung cửa phòng tôi một thứ ánh sáng rất lạ.Nó cứ lung linh lung linh,lúc thì như muốn chập vào phần khuất phía trong phòng,lúc thì lại bừng lên như để nuối tiếc một ngày trong những khoảnh khắc đưa chiều vào tối.Tôi vội vã bật dậy lấy hộp sữa và cân cam bày ra nền nhà nơi gần khung cửa,ngay khoảng giữa của ánh nắng và phần khuất trong phòng.Sau khi sắp sếp,tôi lấy màu ra và vẽ liền một mạch cho đến khi tia nắng cuối cùng vừa tan hết thì xong.Và tôi quyết định tự thưởng cho mình hộp sữa.

Khi đang uống sữa,nhìn bức tranh vừa vẽ trên giá,tôi bỗng cảm thấy trong bố cục của nó đang còn thiếu một cái gì đó làm cho nó chưa hoàn chỉnh được.Đêm đó,tôi đã thức suốt đêm để vẽ thêm cho nó vào góc trên bên trái một tờ năm chục ngàn y như thật.Phải nói rằng,nhìn tờ năm chục găm một cách hờ hững trong bức tranh,tôi thấy nó rất sống động và cảm giác như nó chỉ chực rơi ra khỏi bức tranh khi có một cơn gió vô tình nào đó thoảng qua hay là có ai đó vô ý lỡ chạm vào.Tất nhiên tôi cũng không quên vẽ vào cả ký hiệu"AH"và số sơ ri của tờ tiền ấy!

Viết xong 8/2000

LÃNG HIỀN XUÂN

122 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



thơ

NGÀY Ở LẠI VỚI ĐÀLẠT

Mưa từng cơn bay trời Dalat
trên đôi ai đứng đợi mong
ngày nào em vội qua sông
để riêng tôi buồn
mà lòng cũng một trời cay đắng .

Ơi em, hồ-xuân-hương vời vợi trong xanh
xanh mấy thuở anh,em và cuộc tình
thôi rồi ai đưa tay vội hái
để cho hoa buồn và Dalat lặng im .

Bỏ nổi buồn bên thung-lũng-tình-yêu
vĩnh biệt những lời hò hẹn
người đi mà không hề đến
để riêng ai than-thở-hồ-chiều .

Thôi ơi Dalat buồn da diết
ai đi và ở lại một mình
chiều ngồi bên thác Preen
thoang thoáng đâu đây giọng cười tưởng tiếc .

Xa em,người tìm
đồi xanh,hồ xanh lòng ai không nói
Dalat mắt chiều lời gọi
ngậm mãi trên môi cuộc tình .

Dalat rồi hoa,cây và gió
tình cầm bằng cháy mãi trong tim
chân đi mà lòng cứ ngỡ
con mắt có đuôi đi tìm .

Vĩnh biệt Dalat và một mình

HUY UYÊN



NHỚ MÙI KHÓI ĐỐT ĐỒNG

PHẠM THANH PHÚC

Chiều. Cánh đồng sau khi gặt chỉ còn trơ những gốc rạ. Vài con trâu thong thả gặm cỏ bên bờ ruộng khô. Ba Động mùa này có vẻ thảnh thơi lạ lùng, hệt như chưa từng trải qua một mùa làm lúa vất vả. Ở một góc ruộng khác, tôi thấy vài thiếu nữ đang gánh nước chăm sóc những luống dưa hấu chuẩn bị cho mùa bán tết âm lịch.Và lác đác quanh mấy ngôi nhà nằm dưới những đụn cát, thấp thoáng vài đụn rơm vàng ươm-một báo hiệu mùa gặt đã xong. Xe hon-đa ôm chở chúng tôi chạy rất nhanh, nhưng tôi vẫn kịp hít hà mùi rơm khô, mùi tanh tanh của bùn non và mùi khói đốt đồng đang lan toả trong không gian nông thôn tĩnh lặng của buổi chiều đang xuống.

Một người bạn đi cùng lúc lắc mái tóc, cười: Thấy khói đốt đồng, nhớ nhà quá anh à! Thì tôi cũng có hơn gì đâu, tôi cũng đang da diết nhớ quê đây.

Tất nhiên, Ba Động cũng thuộc tỉnh Trà Vinh, nhưng là rẻo đất gần như "tận cùng" của tỉnh, nên cái gì nhìn thấy cũng toát lên sự nghèo khó.

Mùi khói đốt đồng hăng hăng làm tôi nhớ đến mùa đốt đồng những năm tôi mười ba, mười bốn tuổi.

Ký ức vui nhiều hơn buồn. Gần như khoảng thời gian ấy là phút nghỉ ngơi của người nông dân sau một vụ mùa vất vả.

Ruộng khô queo chỉ còn sót lại hiếm hoi vài cái đìa, và chúng tôi cứ canh đến mùa này là xúm lại tát đìa, bắt cá. Sướng nhất là lúc nước trong đìa sắp cạn, tôm cá nhảy loi choi, nhìn thật đã con mắt, thế là cả bọn ùa xuống mạnh đứa nào nấy bắt. Người đứa nào cũng lấm lem bùn đất, nhưng vui vì giỏ cá đầy nhóc. Ban đêm, chúng tôi còn rủ nhau đi đốt tổ ong lấy nhộng-nấu cháo nhộng húp xì xụp, ngon tuyệt.

Những đêm như vậy, sau khi đã no kềnh cháo nhộng, cháo cá, 2, 3 đứa kéo ra "khoét" một chỗ ở chân đụn rơm, ngồi ngắm sao trời và nói dóc, và đề tài thường xuyên vẫn là *"lớn lên hông biết tụi mình sẽ làm nghề gì?"*. Vậy mà loáng một cái đã hơn bốn chục năm trôi qua. Mấy thằng nhóc thuở nào đi tát đìa, đi đốt tổ ong đều bạc tóc và không phải đứa nào cũng trở thành "ông nọ, bà kia". Đa số đều dẫm lên vết chân nông dân tỉnh lẻ, hoặc làm thuê làm mướn kiếm sống qua ngày. Có đứa sống trong đồng, cả tháng không biết tờ báo là gì. Và cuộc đời cứ mỗi ngày lặng lẽ trôi qua buồn hơn mặt nước ao tù.

Làm sao có thể khác đi được phải không bạn?

PHẠM THANH PHÚC

124 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

NGƯỜI ĐÓNG THUẾ



truyện ngắn

LÊ MAI

Nắng gắt. Tôi ngồi trong phòng điều hòa nhiệt độ hút thuốc và mơ màng nghĩ tới bữa cơm chiều. Cửa phòng mở, Hoàng uể oải bước vào, nói thờ ơ:

- Có lệnh, anh sang ngay phòng Tổng biên tập.

Sang thì sang, tôi sang. Tổng biên tập tắt máy, ngừng chơi quay sang nói với tôi:

- Đã lâu rồi, ông toàn viết những bài có cũng được, không có cũng được. Nay nhân đợt thành phố tổng tiến công chống mại dâm - ma túy, ông nên đi thực tế để viết một bài, chấm dứt chuỗi trăm bài viết dựa vào báo cáo đi.

- Vâng, nhưng xin anh hỗ trợ cho ít kinh phí.

- Chuyện vặt, miễn là ông phải có bài viết thực sự sinh động chấm dứt chuỗi bài... Tình là tình như không mà có... là tình... có cũng như không.

Bảy ngày sau, tôi viết xong bài, phải nói là... có thực tế có khác. Tổng biên tập đọc duyệt bài. Tôi lặng ngồi và lén quan sát sắc mặt của ông. Mươi phút căng thẳng trôi qua... Tổng biên tập nói với không trung:

- Hay! Bài hay lắm! Có thế chứ. Đúng là: Thực tế là tiêu chuẩn của chân lý. Sư bố cái anh báo cáo, nó làm phóng viên mình viết cứ như dở hơi, nhạt nhẽo, viết cũng như không.

Ông nói với không trung mà từng khúc ruột tôi cứ nở ra, nở ra mát lòng rượi dạ.

Bỗng ông nhiu nhíu mày... rồi quay sang nói với tôi:

- Bài này ông viết hay lắm, sinh động lắm. Nhưng có lẽ cái tay khách làng chơi mà ông tả thế này là không ổn rồi. Ông có biết vì sao không? Đầu như quả dưa hấu, nốt ruồi thề lề bên mép trái, lại còn từ đó rủ xuống một chùm lông bàng bạc... thế thì đúng là ông Nguyễn Bình phó chủ tịch tỉnh mình rồi còn gì, trệu làm sao được. Ông định đóng cửa tòa soạn đấy à?

Nghe tổng biên tập nói, tôi toát mồ hôi hột. Mồm lắp bắp định thanh minh thì... tổng biên tập vẫn nhẹ nhàng nói:

- Không sao, ông chỉ cần sửa lại chỗ đó là được. Sửa xong ông đưa ngay cho tôi, đăng ngay, đang thời điểm cao trào.

Ra khỏi phòng tổng biên tập lòng tôi nhẹ bẫng. Thật hú vía! May mà ông ấy nhạy cảm chứ để in ra rồi, giấy trắng mực đen rồi thì... Tôi ngồi ngay ngắn trước bàn làm việc và vù một cái, chữa xong ngay. Nhưng để tránh tiếng nhanh nhẩu đoảng, hời hợt tôi đợi đến cuối ngày mới đem bài nộp lại.

Lưng chừng ngày sau, khi tôi đang lơ mơ trong phòng lạnh, nhẩm tính: Sau cú bài đinh này, tôi có thể ung dung dựa vào báo cáo mà ăn dần vài tháng thì... Có lệnh mời lên gặp Tổng biên tập. Lại có việc gì đây? Tổng biên tập chỉ yêu cầu sửa mỗi một chỗ thì đã sửa rồi. Hay có việc gì mới. Cửa mở, tổng biên tập vẫn nói với không trung:

- Anh ngồi xuống, đọc lại bài đi.

Tôi nói ngay:

125 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Tôi đọc kỹ rồi. Chỗ anh góp ý tôi đã sửa rồi.

- Có thấy gì không?

- Không có gì lạ cả.

- Đúng là gà công nghiệp. Ông đọc to lại chỗ sửa đi.

Tôi đọc to, vừa đọc vừa giải thích: Mắt him híp tôi đã sửa thành mắt lồi; Mụn ruồi có rủ lông tôi đã thay bằng hai lỗ mũi sợi đen, sợi bạc đâm ra tua tủa như chổi quét sơn cùn rồi còn gì; hơn nữa tôi còn thêm cái bụng tròn tròn ủng ủng như bụng đàn bà chửa tám tháng…

- Thôi, đọc thế là được rồi, ông có thấy gì không?

- Tôi chẳng thấy gì cả.

- Ngu! Ngu lâu khó đào tạo. Giờ ông nhắm mắt lại, tưởng tượng xem cái thằng có mắt lồi, có lông mũi đâm ra tua tủa, có bụng to như bụng đàn bà chửa… nó là thằng nào?

Tôi nhắm mắt hướng sự tưởng tượng theo gợi ý của tổng biên tập rồi chợt giật nẩy mình, lắp bắp:

- Xin lỗi anh… xin… lỗi… anh… Tôi đâu có ý định xỏ xiên gì anh, ôi, ngu quá! Ngu quá! - Tôi vỗ tay bôm bốp vào đầu.

Tổng biên tập điềm nhiên:

- Ông thấy chưa, làm báo là phải cực kỳ thận trọng, bút sa là gà chết. Tôi chủ quan không xem lại để báo in ra thì… ông giết tôi còn gì. Mắt lồi, lông mũi đâm ra tua tủa, bụng tròn tròn như bụng bà chửa… ông bảo, vợ tôi, cô ấy đọc bài viết của ông, cô ấy sẽ nghĩ cái thằng ấy là ai… Có mà thanh minh giời.

- Xin lỗi anh! Xin lỗi anh! Tưởng đơn giản nào ngờ…

- Thôi, ông mang bài về nhà, tối làm cho cẩn thận. Sáng mai nộp vậy.

- Vâng! – Tôi cúi đầu lo lắng, lê bước về phòng làm việc.

Tối. Bài học nóng hổi buổi sáng nhắc tôi ngồi ngay ngắn trước bàn làm việc và thận trọng suy nghĩ. Những khuôn mặt. Những hình dáng. Những cử chỉ… lần lượt hiện rõ trong đầu tôi. Răng miệng lởm khởm, cái còn cái mất rủ như thạch nhũ trong hang, cử chỉ xun xoe… thì không được rồi – ông Khảm, phó tổng biên tập lại kêu. Đầu trán láng bóng, ruồi đậu trượt chân, ngón tay ngón chân thu lu múp míp… không ổn rồi – ông Cấn mà tự ái mình có mà ăn cám. Mũi củ tỏi thò lò, dáng oai phong bệ vệ… cũng không được – lão Kháng lão ấy cho mình chết sặc gạch ngay… Càng nghĩ càng rối, càng bí, chỗ nào cũng động cũng chạm. Làm phóng viên đã nhiều năm giờ mới biết: viết là công việc chẳng dễ chút nào, tôi vò đầu, bứt tai bất lực. Bỗng… một ý nghĩ chợt lóe sáng trong đầu. Có thế chứ! Cái chết của anh viết văn làm báo là cứ tự phức tạp hóa vấn đề, việc chẳng có gì mà cứ hoẳng cả lên. Việc thật đơn giản, quá đơn giản, cứ mình mà tả, chẳng động chạm tới ai. Tôi hăm hở viết: tóc tai bơ phờ, mồm tóp má teo… Nhưng cậu phóng viên phòng mình cũng vậy! Thế thì ta viết thêm cái bớt ở thái dương trái – chỉ mình mới có. Lưng lòng không dấu hỏi, chân tay ngoằng ngoẵng chữ chi… Nhưng… cậu Biên, cậu Tập cũng thế… à, thì ta thêm cái bàn tay trái 6 ngón – dị tật chỉ có ở mình thì lẫn vào ai được… Cứ thế, loáng cái tôi đã viết xong. Bỗng… từ góc giường vẳng lên tiếng vợ, giọng còn ngai ngái:

- Tắt đèn, ngủ đi anh. Hôm nay viết gì mà kinh thế?

- Viết cái bài chống mại dâm ấy mà. Mai nộp bài.

- Ôi dào, loại bài ấy năm nào anh chả có vài bài. Mai đến cơ quan lôi mấy bài cũ ra mà sửa, mà nộp. Có ma nào đọc nó đâu mà thức khuya dậy sớm cho uổng sức.

- Không! Bài này khác, đọc thích lắm. Có thực tế có hơn chứ.

- Cái gì! Cái gì! Có thực tế là thế nào?

Chẳng còn ngái ngủ, vừa nói vợ tôi vừa lao ra khỏi giường, chộp lấy bản thảo đọc ngấu nghiến. Chẳng hiểu đọc được đến đoạn nào, bỗng thấy vợ ôm mặt nấc lên:

- Khốn nạn! Khốn nạn! Không biết xấu hổ còn viết ra khoe cho cả thiên hạ biết. Giời ơi, sao số tôi lại khốn khổ nhục nhã thế này. Chồng ơi là chồng!!!

- Ơ hay, năm nào anh chẳng có mấy bài thế này đưa in.

- Trước khác, nay khác. Thảo nào viết hăng thế, say thế. Có thực tế có hơn mà... hờ... hờ... hờ...

- Vớ vẩn. Cái gì cũng vơ vào mình rồi gào, rồi thét. Tôi viết thực tế xã hội chứ viết gì về mình mà gào, mà thét!

- Vơ vào à? Vơ vào à? Thế đứa nào tóc tai bơ phờ, mặt mày hốc hác, có cái bớt ở thái dương trái? Đứa nào lưng lòng không dấu hỏi, chân tay ngoằng ngoẵng chữ chi, bàn tay trái có 6 ngón? Đứa nào? Đứa nào? Rõ như ban ngày còn nói là vơ vào. Đứa nào? Đứa nào? Hờ... hờ... hờ...

Nghe vợ hờ hờ gào thét, tôi chợt cay đắng nhận ra một điều đơn giản: mình không thể thế chân vào những việc như vậy được. Còn vợ, còn con, còn bên nội, bên ngoại, còn bạn còn bè... còn... Tôi giật tập bản thảo từ tay vợ rồi quả quyết châm lửa đốt. Lửa từ tập bản thảo phần phật réo, phừng phừng soi tỏ ánh lửa từ mắt vợ đang hừng hực lóa.

LÊ MAI



thơ

KÝ ỨC MIỀN TÂY

Chẳng quá xa xôi nhưng sao quá nhớ
Thèm một chút gần cho thỏa nỗi mong
Có những buổi chiều thản bước thong dong
Nơi cánh đồng xanh thơm mùi lúa mới
Có giọng hò ai nghe sao diệu vợi
Câu tình tang anh hát lý qua cầu
Ví dầu chim sáo có lỗi hẹn nhau
Hãy bước qua sông xin đừng ngoảnh lại
Bên kia sông có ai khắc khoải
Chờ người về dẫu chiều muộn trên bến sông quê.

ĐÀO BÍCH PHƯƠNG



NGƯỜI TỐT

truyện ngắn

LA THỊ ÁNH HƯỜNG

Trời chiều như đang cố níu kéo những tia nắng cuối ngày. Bên vệ đường, vài hạt nắng nhởn nhơ đùa giỡn với khóm hoa. Chúng nhạt màu dần rồi tan mất, chỉ một lát nữa thôi màn đêm sẽ bao trùm lên vạn vật. Bóng tối như một khối đen khổng lồ úp chặt lấy anh, không cho anh vùng vẫy. Từ bao giờ anh sợ nỗi cô đơn đến vậy? Anh sợ cả bóng đêm, cái thời khắc cuối ngày ấy thường kéo anh về lại với quãng thời gian êm đềm của ngày xưa, khi anh còn có chị. Cái "ngày xưa" ấy chỉ mới vỏn vẹn cách đây hơn hai tuần. Mười bốn ngày có thể chôn vùi cuộc tình kéo dài bốn năm của anh với chị sao? Anh không tin. Cứ mỗi chiều anh lại đi ngang nhà chị. Như một thói quen rồi, nhưng anh không còn nhận được nụ cười tươi tắn của chị, hay được chị ân cần hỏi: "Anh có đói bụng không? Nhà còn cơm nguội đấy!" Bằng giọng chân tình, thiết tha đến độ xua tan hết âu lo phiền muộn trong anh. Đã từ lâu anh biết rằng đời anh không thể thiếu chị. Không thể thiếu sự chăm lo kín đáo nhưng hết sức ân cần của chị. Anh cần chị biết bao.

Chiều nay anh lại đi ngang nhà chị, chỉ để làm một việc ngớ ngẩn : tô đậm thêm cái kết luận hết sức phũ phàng: vị trí người đàn ông trong lòng chị đã được thay thế! Người đàn ông đó anh đã gặp rồi, hôm cùng chị đưa mẹ vào phòng cấp cứu của bệnh viện Thị Xã. Rồi những lần sau đó vẫn thấy ông ta ngồi cùng chị mỗi khi chị lo lắng đến xanh rớt người. Chị suy sụp hẳn đi khi ông ta kết luận bệnh mẹ chị khó có thể cứu chữa.

Anh thương chị. Thương lắm ! Nhưng ngoài tình yêu ra anh còn gì có thể cho chị, ít nhất là trong lúc này ! Ngần ấy năm yêu thương, anh chỉ mong đến ngày được rước chị về nhà sống chung. Khi ấy anh quan tâm đến chị được nhiều hơn. Anh thay chị giặt đồ, rửa chén mỗi khi chị mỏi mệt. Anh sẽ ân cần bón cho chị từng muỗm cháo mỗi lúc chị ốm đau. Rồi cả những giấc ngủ trằn trọc khó đến, anh ru chị trong vòng tay yêu thương của mình. Anh ước ao được như thế, nhưng lại lo ngại,với đồng lương ít ỏi của mình liệu anh có mang lại cuộc sống nhàn hạ hơn cho chị, hay lại khiến chị vất vả hơn cả thời con gái vốn đã quá nhọc nhằn. Anh lo lắng, dằn vặt khôn nguôi.

Nhưng bây giờ thì cả những lo lắng, dằn vặt ấy cũng không thuộc về anh nữa. Cho đáng đời mày Khang ạ! Anh thường chửi mình như thế trong cơn say. Nhưng khi tỉnh dậy anh bỗng thấy anh đáng thương nhiều hơn đáng trách. Chẳng lẽ lại trách bản thân anh sao không phải là một bác sĩ, hay trách chị thiếu chung tình? Không, anh vẫn thương chị. Anh ngước nhìn những ánh sao trên bầu trời đêm và nhớ chị đến quay quắt. Chị cũng giống như vì sao trên kia, mãi như những ngọn nến thắp sáng và sưởi ấm tâm hồn anh. Ngọn nến ấy không tắt bao giờ. Rồi một ngày nào đó chị sẽ về với anh, anh tin thế!

Chị đi lấy chồng trong một ngày cuối đông. Mùa đông trên cao nguyên được tô đậm thêm bởi những đợt gió hú đến ghê người. Cõi lòng chị cũng dằn xé gào thét theo từng cơn gió. Chị xinh như một đóa hoa rừng trong bộ đồ cưới màu đỏ mà chồng chị đặt may ở một tiệm nổi tiếng trong Thị Xã. Chỉ có đôi mắt chị không sao giấu nổi nỗi buồn. Chị trách cứ mình, chửi rủa mình rồi cuối cùng lại an ủi mình. Tình yêu có là gì đâu kia chứ ! Chị yêu anh? Thì có yêu. Chị thề nguyền chung sống trọn đời trọn kiếp với anh ? Ừ, thì chị đâu có quên. Nhưng để chị có được ngày hôm nay để mà thề thốt, để mà yêu thương thì nhờ ai kia chứ ?

Mỗi khi nói đến mẹ chị lại không cầm được nước mắt. Mẹ chị đã hy sinh cho chị quá nhiều. Chị làm sao mà quên được những gánh cải của mẹ trong buổi chợ sớm, đổi lấy cho chị áo trắng guốc cao đến trường. Nhớ có hôm trời mưa, chị trốn học mang áo mưa ra chợ cho mẹ. Vừa nhìn thấy chị lụp xụp dưới lớp áo mưa mỏng, mẹ lao tới quất tới tấp vào mông chị, mắng: "Ai dạy con trốn

học như thế hả ? Mẹ khuyên con đến lớp phải chịu khó học cho giỏi kia mà. Con không nghe lời mẹ nữa phải không ? Đồ hư thân, đồ mất nết, đánh cho mày chừa !". Cứ thế mỗi câu nói của mẹ là một đòn đánh vào mông. Đến khi mẹ mệt lả đi, nhìn lên chị vẫn không khóc. Mẹ nhìn chị hồi lâu rồi quỳ gối ôm chặt chị vào lòng, cả hai mẹ con ướt đẫm trong làn mưa trắng xóa. Trong mưa, chị vẫn nhận ra đâu là nước mắt của mẹ. Mẹ xoa chỗ chị vừa bị đánh nói với chị trong tiếng nấc: "Con phải học giỏi để khỏi phải đi bán cải như mẹ con biết không ?".
Mười ba tuổi chị đã nung nấu trong đầu mình một tương lai, mà ở đó ít nhất là mẹ chị không còn dầm mưa giãi nắng như hôm nay. Chị học xong cấp ba rồi ròng rã suốt bốn năm ở ngôi trường đại học. Những năm đó chị không hề khó khăn chuyện tiền bạc. Nhưng chị hiểu mẹ chị đã vất vả như thế nào để có nó. Rồi chị biết yêu, người con trai cùng quê với chị. Người thường qua sửa cho chị cái bóng đèn, tráng lại mấy ô gạch bị kiến đục vỡ từng mảng nhỏ... Cứ thế, cuộc sống trôi qua những ngày bình yên. Ngày chị tốt nghiệp cũng là ngày mẹ ngã quỵ bởi căn bệnh của tuổi già.

Bây giờ thì kể như chị đã thực hiện được những gì chị mơ ước; một cuộc sống tiện nghi đầy đủ cho mẹ chị sống quãng tuổi già còn lại. Chồng chị, vị bác sĩ có uy tín nhất nhì trong Thị xã và yêu thương chị hết lòng. Những lúc rảnh anh xuống bếp giúp chị, phân tích cặn kẽ từng món ăn cần thiết cho sức khỏe của mẹ. Chị thì chẳng giúp gì được cho anh. Cầm tấm bằng sư phạm trên tay, chị thấy tiếc nuối. Anh hiểu cả những điều chị không nói, những khi nhìn chị thẫn thờ như thế, anh choàng tay lên đôi vai gầy xương của chị, anh nói: "Cưới được em anh mừng lắm. Em không cần lo lắng, băn khoăn gì cả, cứ ngoan hiền nết na như tính cách vốn có của em là anh toại nguyện rồi. Anh yêu em nhiều lắm !". Anh là một người tốt, anh sống bao dung rộng lượng và không trách cứ chị bất cứ điều gì, kể cả mối tình đầu mà cho đến tận bây giờ chị vẫn chẳng thể nguôi ngoai. Anh tôn trọng quá khứ cũng như khoảng riêng của chị. Điều đó với chị cần thiết biết bao Cuộc sống trôi qua như một giấc mơ êm đềm.

Cái chết của mẹ chị cũng diễn ra êm đềm như thế ! Ai đó đã nói " tiền bạc không mua được sức khỏe con người ". Nhưng chị vẫn thấy biết ơn chồng, người đã tận tụy bên mẹ chị trong suốt những ngày qua. Đêm, chị gối đầu lên cánh tay rắn chắc của chồng, bỗng thấy những yêu thương tràn về, cảm giác mà trước đây chị chưa từng có.

Có tiếng gõ cửa giữa đêm khuya, giọng của người nhà bệnh nhân vẻ như cấp thiết lắm, anh gỡ vòng tay mềm mại của chị đặt xuống giường, đắp mền lên đến ngực cho chị rồi lặng lẽ khoác bộ đồng phục trắng lên người, giọng cô y tá gấp gáp "Cô ta đau bụng chuyển dạ, bụng to quá nên có phần nguy hiểm. Bác sĩ ra xem giúp". Chị cũng choàng dậy, hơn lúc nào hết chị muốn được ở bên chồng, chẳng giúp gì được anh nhưng chị vẫn muốn nhìn anh làm việc.

Tiếng khóc thét của đứa trẻ trào đời làm mọi người thở phào nhẹ nhõm, gần hai tiếng đồng hồ cho một ca mổ khá nguy hiểm. Chị cầm sẵn ly sữa trên tay vì biết chắc chồng chị rất mệt. Chị còn biết anh không ra khỏi phòng bệnh ngay như những bác sĩ từng làm, anh bảo anh cần ở lại để thấy cảnh người nhà bệnh nhân vui mừng như thế nào.

Để nguyên bộ đồ ngủ như thế, chị bước vô phòng. Người đàn ông ngước lên như một phản xạ tự nhiên, chị ngỡ ngàng thốt lên: "Ôi anh Khang !" "Em ...". Lúc này anh ta mới đưa mắt nhìn vị bác sĩ . Đúng là ông ta rồi, người đã xen và và cướp mất đi cuộc tình tươi đẹp của anh. Dạo đó anh tưởng đâu mình không vượt quan nổi cú sốc quá nặng nề đó. Nhưng như một quy luật tự nhiên, con người sinh là để tồn tại và luôn khát khao tồn tại, cho dù có phải tồn tại song song với những khổ đau. Trời thương nên cho anh gặp Nhung, người giúp anh thoát khỏi những cơn say triền miên.

Vị bác sĩ cũng vừa nhận ra anh, ông chìa tay ra niềm nở: "Chúng ta đã gặp nhau rồi phải không ? Hôm nay lại có dịp chúc mừng anh lên chức làm cha!". Anh xiết chặt tay bác sĩ, hai người đàn ông nhìn nhau, không hận thù oán ghét. "Cảm ơn anh đã giúp vợ chồng tôi, nếu không có bác sĩ ..." "Anh khách sáo thế làm sao chúng ta trở thành bạn được đây! Bây giờ anh cứ lo cho chị nhà đúng như lời tôi dặn, khi nào chị nhà khỏe anh em mình làm vài ly để ăn mừng".

Đã hơn mười một giờ. Chưa đầy một tiếng nữa sẽ bước qua một ngày mới.

Trong vòng tay yêu thương của chồng, chị chìm vào giấc ngủ thật êm đềm.

LA THỊ ÁNH HƯỜNG

129 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



DỊU DÀNG GÓC PHỐ HÔM NAY

TRƯƠNG ĐẠM THỦY

PHỐ TÂY BA LÔ

Chẳng hiểu do đâu mà năm thập niên trước đây ngũ tư Bùi Viện - Đề Thám lại được gọi là khu Ngã tư Quốc Tế. Có lẽ đó là tên gọi đùa của giới nghệ sĩ quy tụ phía sau rạp hát cải lương – rạp Nguyễn Văn Hảo mặt tiền đường Trần Hưng Đạo. Và Ngã tư Quốc Tế "chết tên" từ đó. Vậy mà ai ngờ cái tên "dân gian" ấy lại "linh" đến nỗi bây giờ trở thành khu phố của Tây ba lô, của dân du lịch năm châu bốn biển.

NGÃ TƯ QUỐC TẾ NGÀY ẤY

Ngồi trên lầu một nhà hàng tôi dùng bữa cơm trưa tự chọn cùng với vợ chồng Tự từ Pháp mới về. Sở dĩ anh chàng mời tôi đến đây là để... ăn cơm là phụ, cái chính là để ôn lại những kỷ niệm xưa trên con đường Phạm Ngũ Lão - Đề Thám - Bùi Viện này. Hơn 40 năm trước Tự mới vừa độ tuổi hai mươi. Và nghề kiếm sống đầu đời của anh là nghề "thầy cò" (correcteur) " tài tử " cho một vài tòa soạn báo ở đây.

Thời ấy đường Phạm Ngũ Lão chỉ có một dãy phố duy nhất. Đối diện chỉ là bức tường hoen ố cũ kỹ của ga xe lửa Sài Gòn. Nằm giữa Đề Thám và Đỗ Quang Đẩu – đoạn phố chỉ dài hơn vài trăm mét mà có đến mấy nhà in. hồi đó những tờ Nhật báo, Tuần báo, Tạp chí đa số đều sống "tầm gởi" theo nhà in. Báo nào in ở đâu thì tòa soạn đặt ở nhà in đó. Có khi chỉ một nhà in mà có đến hai "ông anh" báo chí sống chung chật chội với nhau. Nếu bộ phận nhà on ở dưới đất thì mấy anh ký giả ở trên lầu. Còn nếu bộ phận xếp chữ ở trên lầu thì mấy anh "áo bốn túi" quay quần nhau bên dưới.

Trong một tòa soạn báo chỉ có một chức vụ duy nhất được gọi là "thầy", ấy là anh chàng "thầy cò" chuyên sửa bài. Gọi là thầy cho oai, chớ như thầy cò Tự là một chức vụ... "trên răng dưới v (z) ế". Sửa "mo-rát" mà sai thì bị chủ nhiệm, chủ bút chửi cho sói trán. Còn nếu sửa quá kỹ, "hành" cánh typo sẽ bị họ ghét thì cũng có khi bị họ chơi trát vỗ bài lem nhem cho sửa nhướn lòi con mắt. Vì vậy cừ mười anh thầy cò thí có đến tám anh bị cận thị. Tự nằm trong số này. Suốt ngày Tự ngồi nơi một cái bàn lem luốc đặt cạnh mấy cha typo lưng trần mặc tà lỏn tay bóc từng con chữ nhanh như máy.

Ngôi nhà hàng mà Tự đang ngồi dùng bữa trưa đây, hơn 40 năm trước nó vốn là một nhà in ọp ẹp nơi anh ta thường ép cái ngực lép kẹp vào cạnh bàn mắt căng ra trên trang bản vổ ướt lem nhem. Cạnh cái nhà hàng cao bốn năm tầng này ngày trước là một quán cà phê nhỏ, kế đó là một quán cơm bình dân. Tự kể cho vợ nghe về một đoạn quá khứ của... "đời chàng": "*Hồi đó anh thường ăn cơm ở quán cơm vỉa hè của chị Tám map, chuyện thiếu chịu là chuyện kinh niên, sổ phong thần ghi nợ cơm dài như Sớ Táo quân. Bây giờ chẳng biết chị ấy ở đâu, còn hay mất mà đến thăm*". Nghe đức lang quân kể chuyện thời "trần ai khoai củ" của đời mình mắt bà vợ rươm rướm đỏ.

130 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Vì sống lâu ở khu "đất vàng" này nên anh chàng Tự cựu thầy cò trở thành "thổ địa" ở đây. Tự nói hồi đó đoạn phố Phạm Ngũ Lão này chẳng có cái nhà lầu nào, đa số chỉ có nhà trệt cơi thêm căn gác gỗ. Đan xen giữa năm sáu cái nhà in là một con hẻm nhỏ, một quán cà phê có cassette. Đi vài căn nữa là quán cà phê cóc nằm sát con hẻm, vừa bán cà phê kho, vừa trà đá với vài ba nải chuối treo đong đưa.

Để ôn lại bao kỷ niệm của một thời đầu tắt mặt tối. Tự dắt tôi đi về Đề Thám. Anh chàng tỏ ra thích thú khi nhìn thấy hai bên đường là hai dãy phố khang trang. Một bên với nhiều công ty lữ hành, một bên là quán xá nhìn vào chỉ thấy toàn người nước ngoài. Đến góc Đề Thám - Bùi Viện, Tự chỉ cho tôi một căn phố lầu cao hai ba tầng: "*Hơn 40 năm trước chỗ này có một cà phê kho không tên. Thú vị là ở chỗ lão chủ quán có treo một tấm bảng gỗ nhỏ trước cửa quán viết hai câu lục bát: Uống đâu cũng phải trả tiền/ Uống đây giúp đỡ bạn hiền – cám ơn*". Đa số khách ghé quán "bạn hiền" là nhân viên của các gánh hát đang lưu trú nơi rạp Nguyễn Văn Hảo kế bên. Tự kể: "*Nghe nói tay chủ quán này xưa cũng là nghệ sĩ của các đoàn hát. Về sau Tổ không đãi nữa nên về đây mở quán. Không đi hát nữa những vẫn nhớ nghề nên mở quán cũng chọn ở gần rạp hát để "bạn hiền" còn thường xuyên gặp gỡ chuyện trò cùng các đồng nghiệp*".

Chúng tôi đi dạo qua phố Bùi Viện dưới nắng chiều. Hai bên phố dày đặc những quán xá, khách sạn, nhaà nghỉ, baber shop, tiệm massage, tiệm làm nail. Hai đứa tôi đi giữa một rừng... Tây u đen có, trắng có; ngỡ như mình đang đi du lịch trong một khu phố nhỏ nào đó ở New York hay Cali. Đột nhiên Tự dừng lại trước một căn phố lầu. Anh chàng ngó tới ngó lui mắt chớp chớp: "*Chỗ này ngày xưa có một phòng trà tên Anh Vũ. Đây là phòng trà ca nhạc đầu tiên của Sài Gòn. Hồi đó mình hay ngủ lại ở nhà in trên Phạm Ngũ Lão nên tối ưa qua đây uống cà phê nghe nhạc. Mới đó mà đã hơn 40 năm rồi, gần hơn nửa đời... hương phấn!*". Tự cười. Tôi thấy mái tóc bạc của anh bồng bềnh rung rung...

PHỐ TÂY BA LÔ... BÂY GIỜ

Chúng tôi ghé vào một quán cà phê trên đường Đề Thám đông vây khách ngoại. Cô bé phục vụ chắc nghĩ rằng hai đứa tôi là người Nhật, người Hàn hay Singapore nên hỏi chúng tôi dùng món gì bằng tiếng Anh. Tự cười: "*Hồi xưa uống cà phê mòn răng ở vùng này, nay sao bỗng dưng người ta lại nhầm mình là người ngoại quốc nhỉ?*". Ngồi bàn bên cạnh chúng tôi là cặp Antonio và Pamella, một người đến từ Ý còn người kia là Tây Ban Nha. Antonio ngồi trước ly cà phê đá và nhai ngồm ngoàm một ổ bánh mì thịt. Thấy Tự nheo mắt cười thân thiện anh chàng hồ hởi chỉ ổ bánh mì đang ăn giở khen: "*Đến đây lần nào tôi cũng ăn món này, rẻ mà ngon. Tôi không thích món hamburger. Bánh mì thịt có rau, dưa và cà chua ăn rất khoái khẩu*". Cô Pamella nói cô thích món chả giò và bánh xèo: "*Tôi đã dùng hai món này bên chợ Tân Định, ngon không thể tả. À còn một thứ mà tôi rất khó quên, đó là món khoai mì luộc ở Củ Chi*".

Đôi bạn Antonio - Pamella họ cùng học một trường đại học ở Pháp, năm nào vào dịp nghỉ hè họ cũng dành dụm món tiền đi làm thêm để du lịch sang Việt Nam. Pamella tâm sự: "*Có hôm hai đứa tôi ngồi đây gần suốt đêm để ngắm và thưởng thức đêm yên tĩnh Sài Gòn. Ở đây nắng ban ngày và gió ban đêm lúc nào cũng hào phóng và thân thiện. Cần đi đâu thì tót lên xe ôm là có thể thong dong hòa vào dòng người...*". Antonio cắt ngang: "*Năm nay tôi sang đây đi xe ôm được anh bạn lái xe phát cho một cái mũ bảo hiểm. Tôi rất thích ngắm các cô gái Việt Nam chạy xe với cái mũ này. Trông họ đẹp hơn, hình như ai cũng duyên dáng hơn dưới cái vành mũ xinh xinh ấy*".

Buổi tối chúng tôi vào một quán bia nhỏ ở góc đường Phạm Ngũ Lão. Thấy hai đứa tôi gọi bia có mấy anh bạn người da đen ngồi bàn bên cười bảo: "*Hai ông không nên dùng đá, bia mất ngon, cứ nốc nguyên chai lạnh đã hơn*". Tự nhăn mặt: "*Tụi tao không thích uổng kiểu đó. Uống bia phải có đá. Cầm ly lên ngắm màu bia, lắc lắc cho viên đá xoay xoay rồi đi một phát gần nửa ly. Uống như vậy không chỉ uống bằng miệng mà còn bằng con mắt nữa chú nhóc ạ!*". Nghe Tự nói, anh chàng người Congo cười ha hả rồi xin cô phục vụ cho anh ta một cái ly và viên đá: "*Ông bạn nói có lý, người phương Đông lúc nào cũng thâm trầm, ngay cả khi uống bia cũng từ tốn*". Tự nói vui: "*Uống*

ồng ộc kiểu anh bạn, tụi này gọi là ngưu ẩm". "Ngưu ẩm là gì?". "Là uống như… voi ấy". Tự nói trại ra. Anh chàng ôm bụng cười muốn gần nôn cả bia ra ngoài.

Đêm xuống dần. Dịu mát. Cả khu Quốc Tế mỗi lúc một đông khách nước ngoài. Họ từ các phòng trọ, khách sạn túa ra đây bắt đầu cho một cuộc chơi khuya. Tự và tôi như lọt thỏm vào một "cộng đồng" khác. Tự nói: "*Đây từng là nơi tao sinh sống mà bây giờ thay đổi đến không ngờ. Hồi đó tối buồn thiu đâu có đông vui như vầy. Cái tên Ngã tư Quốc Tế gọi cho vui thôi, vậy mà ai ngờ là cái tên… tiền định. Bây giờ đúng là cả một khu quốc tế thật*". Gần một giờ sáng anh bạn người Congo có lẽ hơi xỉn nên vừa nốc bia vừa hát ầu ơ ví dầu. Anh chàng bảo đang nhớ nhà. Sang đây định kiếm một chân cầu thủ nhưng chưa có nơi nào hứa hẹn mà tiền bạc mang theo cũng gần cạn có lẽ phải về xứ thôi. Nên vì thế mà anh ta buồn. Tự nói những ngày đầu sang Pháp vào thập niên 60, anh cũng có những nỗi buồn như anh bạn Congo, kiếm sống và nhớ nhà, day dứt nơi quê người xứ lạ. Tự mời anh bạn người da đen sang ngồi chung bàn cho vui và gọi thêm bia.

Cả ba chúng tôi cùng cụng ly.

Đêm khu phố Tây ba lô lung linh ánh đèn còn trên trời thì lung linh những vì sao…

TRƯƠNG ĐẠM THỦY



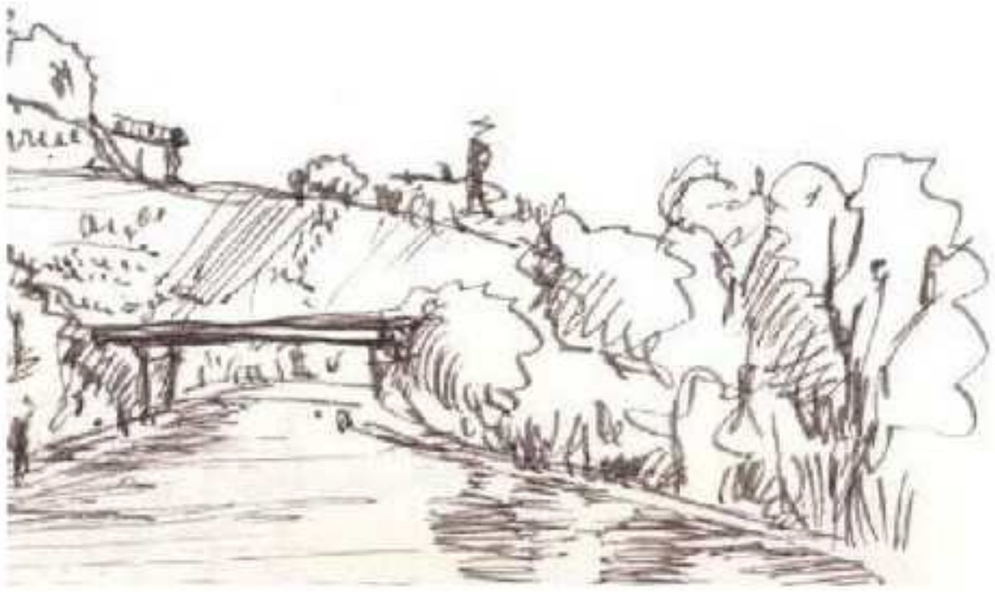
thơ

CÓ MỘT LOÀI HOA

Người đi rồi, dạ hương vẫn nở hoa,
Như nhắc khẽ điều gì chưa kịp nói,
Nhấp nháy ánh nhìn trong mùi hương bối rối,
Hoa sợ điều chi khép vội dưới trăng hè,
Hạ đến nồng nàn chín đỏ những âu lo,
Dẫu bao đêm miệt mài bên sách vở,
Em vẫn nâng niu từng nụ hoa bé nhỏ,
Thắc thỏm trong lòng nỗi nhớ bóng ai xa,
Khi em viết những dòng này riêng tặng ngày qua,
Người có nghe tim rung lên điệu buồn nhung nhớ,
Có những điều cố quên mà không thể nào, không thể…
Nếu một mai vô tình qua chốn cũ,
Mong người hãy nhớ về, nơi có một loài hoa.

Chiều chớm hạ 93.

DẠ THẢO HƯƠNG



CẦU SÔNG CON

truyện ngắn

PHAM THUẦN THÀNH

Tốp máy bay phản lực hình vỉ ruồi di động trên nền trời hoàng hôn sầm sầm phóng về phía cầu. Cây cầu sắt con con bắc qua sông Con tưởng chỉ nghe tiếng gầm rú của máy bay đã đủ sập hay chỉ cần hơi bom cũng đủ thổi nó bay lên giời từ lâu. Vậy mà vẫn chình ình đứng đó vẫn bám chắc vào mố cầu. Gan góc. Dạn dày. Một tấc không đi một li không rời. Khẩu đội pháo cao xạ trên mỏm núi kề bên mố cầu vẫn vươn nòng sẵn sàng khạc lửa. Hướng ... cự li... nhằm thẳng quân thù bắn. Khẩu lệnh lảnh lót vượt tiếng gầm rú tiếng bom nổ. Cờ phất. Đạn lao khỏi nòng. Tiếng pháo nổ như tiếng pháo xịt trong dây pháo đùng đại của tiếng gầm rú tiếng bom nổ. Xịt vẫn là lửa vít cổ vỉ ruồi xuống đất đen. Vỉ ruồi không tỏ vẻ né tránh lửa mà cứ đâm bổ vào trận địa. Hoàng hôn rắc vàng lên cánh nó lấp loáng. Sao vạch nhằng nhịt. Chỉ cảm giác lấp loáng trong tích tắc. Tinh thần chiến trường quyết định chiến trường. Cột khói lửa bốc cao tận trời xanh. Tiếng nổ âm trầm vọng tiếp. U... ủm ục uoàng. Bom nguyên tử rồi. Bọn Mĩ dùng bom nguyên tử phá cầu rồi. Mỏm núi bay bạt đi như bị hàng ngàn máy xúc máy ủi đồng loạt thi công. Vỉ ruồi không còn một mảnh. Cháy rụi. Khẩu đội pháo cũng không còn một mảnh. Cháy rụi. Hai hệ tư tưởng va nhau cháy rụi. Hai hệ anh hùng va nhau cháy rụi chảy tan thành nước. Cầu sông Con vẫn chình ình còn đó. Lạ.

Cuộc va chạm hai hệ anh hùng xảy ra đã mấy chục vòng quay ngày 4/4.

Và ngần ấy vòng quay ngày 4/4 bốn pháo thủ binh nhì cầm tù một trung uý phi công. Mỗi vòng quay một lần cứ đến ngày 4/4 phe cầm tù và phe bị cầm tù lại cãi nhau nảy lửa ai anh hùng hơn ai, ai chiến thắng ai. Phe cầm tù đông hơn, lợi thế hơn. Khẳng định đã thực hiện đúng yếu lĩnh nhằm thẳng quân thù bắn. Khẩu đội trưởng khẳng định đã hạ lệnh đã phất cờ. Xạ thủ khẳng định đã nhấn cò. Cả bốn pháo thủ binh nhì đều khẳng định đinh đóng cột đã bắn tan xác pháo vỉ ruồi. Người bị cầm tù chỉ nghe và cười vỉ ruồi. Đến lượt nói chưa. Chịu thua trước đi rồi hãy nói. Ai thắng ai? Toà án lương tâm còn cao hơn toà án quốc tế đấy. Làm gì có luật toà nào ép nhau nhận thua như thế. Mất hết tinh thần cao cả của chủ nghĩa anh hùng. Quân xâm lược quân phi nghĩa làm gì có chủ nghĩa anh hùng? Hí hí, ít học quá. Chủ nghĩa anh hùng là đặc tính của con người. Cứ có tinh thần anh hùng, hành động anh hùng là anh hùng. Làm gì có phân biệt phi nghĩa với chính nghĩa ở đây. Thì cứ nói đi, đồ Mẽo ngoan cố.

Đồ Mẽo ngoan cố học nhiều hiểu rộng bắt đầu giải trình. Kiểu tự biện hộ. Một mình một phe bị cầm tù cũng không chịu phe bốn người đi cầm tù người khác. Tôi, Rôbe, trung uý phi công vũ trụ mới tốt nghiệp hạng ưu trung tâm đào tạo của NASA. Nhiệm vụ là cưỡi phi thuyền Apôlô khám phá thiên hà. Nhưng có cuộc thi phá cầu con con kia nên tạm cưỡi vỉ ruồi thử tài. Vướng khẩu đội pháo cao xạ. Đại uý, thiếu tá rồi cả trung tá không hạ nổi con muỗi lửa. Bực. Khẩu đội thép à. Trăm trận oanh kích vẫn kiên cường nhả đạn à. Tôi hỏi thiếu tướng tư lệnh Rôbe tôi làm cho khẩu đội pháo tan xác pháo thì có được thăng trung tá không. Thiếu tướng tư lệnh đáp thăng. Tôi nhận nhiệm vụ cùng phi đội xuất kích trận cuối ngày. Quân đội chính quy dẫu đánh trận cũng vẫn thực hiện đúng luật lao động. Phóng vào mấy phút. Thả bom. Rồi phóng ra mấy phút. Là vừa đến giờ nghỉ. Hết giờ chiến đấu. Tôi bảo thiếu tá trung tá chỉ hộ tống xem tôi hạ khẩu đội thép tan xác pháo ra sao thôi. Khẩu đội pháo đã nhả pháo xịt làm lộ mục tiêu. Tôi kéo cần lái bổ nhào. Chúng mày nhằm thẳng bắn tao nhằm thẳng đâm. Không cần cắt bom. Tôi tin chắc sức nổ của vỉ ruồi và lượng bom mang theo đủ quét sạch khẩu đội thép không còn hạt bụi. Tôi đã tính đúng làm đúng.

133 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Nào, tôi quét các anh hay các anh hạ được tôi nào. Tinh thần chiến trường quyết định chiến trường đấy.

Hứ hứ. Lí luận đấy. Thông minh tài giỏi chẳng đi nghiên cứu khám phá thiên hà cho thiên hạ nhờ. Lại đi nghiên cứu cách giết người hại nhà. Bây giờ lại còn già mồm cãi cố hơn bọn điêu dân xảo trá. Thử hỏi có người mang bom đến dội vào nhà chúng mày như chúng mày dội vào nhà người ta thì liệu chúng mày còn lí luận được nữa không. Một cây cầu con con một quả đồi con con chúng mày đã vãi bao nhiêu tấn giết người phá nhà rồi mà chúng tao vẫn nhằm thẳng quân thù bắn nghĩa là sao. Hả. Một dân tộc quyết tử là một dân tộc quyết sinh. Quyết tử để bảo vệ giành giật sự sống từ tay kẻ thù. Hiểu không Mẽo. Không hiểu thì cố ngẫm đi rồi có ngày ngộ ra đấy.

Hai hệ anh hùng va nhau tan thành nước.

Dân làng Nam Ngạn không thể tìm nổi một mảnh xương cốt các pháo thủ binh nhì bèn dựng một kì đài nhỏ trên quả núi đã bằng phẳng như người khổng lồ bị phạt ngang lưng bằng thanh kiếm thần để tưởng nhớ họ. Hương hoa không dứt. Phe cầm tù vẫn san sẻ hương hoa ấy cho phe bị cầm tù. Công ước Giơnevơ đấy. Phe cầm tù không bao giờ bỏ đói tù binh. Chính sách nhân đạo thời nào ở đâu cũng đều vậy. Kể cả xưa lẫn nay, kể cả cõi dương lẫn cõi âm.

Nhưng thế gian biến cải, thế sự xoay vần, tớ chủ đổi ngôi, đã đến lúc nháo nhào mọi giá trị xã hội. Lúc cần sức người thì tôn vinh người nghèo, tiêu diệt người giàu, lấy của cải của nhà giàu chia cho người nghèo. Lúc cần tiêu xài thì tôn vinh người giàu, lấy của người nghèo dồn cho người giàu. Một người thì lo chạ người thì đói. Lấy đất của nhiều người dồn cho một người làm nhà máy làm trang trại. Một nhà máy làm ra giá trị bằng cả huyện cả tỉnh làm ra giá trị nông sản nhé.

Dương sao âm vậy. Phe bị cầm tù được dồn tiền trở thành chủ còn phe cầm tù số đông nhưng nghèo lại trở thành bị cầm tù. Không lạ. Thường thôi. Trung tá Rôbe báo mộng bà Rôda nghị sĩ Mẽo để biết chỗ tìm xác con. Rôda nghị sĩ đề xuất luật MIA được hạ viện thông qua. Rồi dẫn đầu phái đoàn MIA đến làng Nam Ngạn tìm dấu vết. Có mấy nông phu chân lấm tay bùn thật thà chất phác sống qua thời thép chảy khẳng định đã nhân đạo tự tay chôn cất một phi công Mẽo bí mật trong vườn nhà bí mật suốt mấy chục năm qua hương hoa chu đáo. Rôda hậu tạ cả mấy. Để xin phép mang hài cốt về nước. Mấy nông phu chân lấm tay bùn thật thà chất phác mở lòng nhân đạo khép lại cửa quá khứ mở toang cửa tương lai lên nhà lầu ở phố từ đôla của Rôda hậu tạ công hương hoa phi công Mẽo suốt mấy chục năm qua.

Hai hệ tư tưởng va nhau thì bùng cháy rụi ráo cả. Nhưng để so le nhau thì cùng tồn tại hoà bình cùng phát triển. Ám khói là cùng. Không cháy.

Rôda mang ráo mấy bộ hài cốt về nước giám định xem đâu là con mình. Kĩ thuật C14 chỉ ra niên đại cốt già bằng mấy chục đời cố nông phu. Kĩ thuật AND thì chỉ ra cốt không có nguồn gốc Nêanđectan tổ của người Ăngliêxacxong di cư sang Mẽo.

Rôda điên tiết viết luật trừng phạt cấm vận phía bên kia thù dai lại còn giở bài lừa tiền chứ không thật lòng hợp tác vấn đề MIA. Nhưng nghĩ lại đây là tự mình làm mình chịu coi như đóng thuế ngu. Chỉ vì tin báo mộng và sốt ruột mang xác con về. Mấy kẻ nông phu lừa chứ phía bên kia có lừa đâu. Nhưng nó đang tâm bán xương cốt tổ tiên nhà nó để có nhà lầu để giàu thì rồi cũng trở thành tay sai nô lệ của mình mà thôi. Mình sai đôla đi khiển thì việc gì chẳng thành.

Tình mẫu tử lại sẵn đôla khiến Rôda không thất vọng.

Lần này bà đến làng Nam Ngạn với tư cách cá nhân. Để cám ơn dân làng đã nhiệt tình giúp đỡ vấn đề MIA và tỏ lòng đền đáp dân làng. Mấy nông phu nghe vậy biết vậy không dám gặp. Bà cũng chẳng cần gặp. Kinh nghiệm lần trước dạy bà phải dựa vào chính quyền. Đất có thổ công sông có hà bá mà. Câu ngạn ngữ quá hay. Bà gặp trưởng làng. Trưởng làng bảo có sách lịch sử viết kĩ về trận đánh bảo vệ cầu sông Con nhưng sách in từ lâu bây giờ con cháu xé hết không còn giữ được cuốn nào trong nhà. Rôda bắt đầu đếm nhờ dân làng tìm hộ. Dễ trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu sẽ xong. Cuốn sách lịch sử đâu phải kim đáy biển. Đếm. Thì tìm. Nô nức tìm. Thấy. Sách do trung tá Trần Trọng Trí, nguyên chính uỷ pháo cao xạ bảo vệ cầu sông Con và nhà nghiên cứu lịch sử địa phương Nguyễn Chí Đức viết. Rất đáng tin cậy. Từng trận đánh

được mô tả rất chi tiết và sống động. Như thật. Trận đánh hồi 17 giờ 55 phút ngày 4/4 đây. *Bầu trời hoàng hôn rực rỡ. Ánh tà dương nhuộm vàng không trung, nhuộm vàng dòng sông và cây cầu. Đẹp mê hồn. Khẩu đội pháo cao xạ trên đồi Nam Ngạn vẫn hiên ngang hướng nòng pháo đầy cảnh giác lên trời. Chưa hết giờ đánh trận của chúng nên vẫn phải túc trực sẵn sàng. Quả nhiên tốp ba chiếc F4H hình vỉ ruồi lợi dụng đám mây đen phóng như ăn cướp lao đến. Pháo nhả đạn. Hai chiếc vỉ ruồi không dám bổ nhào vãi bom bừa ra quanh quả đồi. Vỉ ruồi thứ ba bị khẩu đội nhằm thẳng quân thù bắn vít cổ rơi tại trận. Tan xác pháo. Quân dân bảo vệ cầu hoan hô khản cổ: Máy bay Mĩ cháy rồi! Máy bay Mĩ cháy rồi! Tiếng hoan hô có sức mạnh thôn Ngưu Đẩu khiến hai vỉ ruồi sợ hãi chuồn thẳng ra biển.*

Rơi tại trận à? Thế nào là rơi tại trận? Bà Rôda nhờ trưởng làng dẫn lên chỗ máy bay rơi tại trận. Mỏm núi phẳng đã làm sân bóng mini của công nhân cầu đường. Góc phía đằng cầu có đài chiến thắng máy bay Mĩ. Rơi. Nổ tan xác pháo. Cháy rụi. Xương thịt thành tro bụi bay đi hết. Thảo nào Rôbe báo mộng bị cầm tù ở đây. Rôda khóc nấc lên. Nước mắt mẹ già làm tan chảy phiền muộn nhớ thương. Những người gây chiến có thèm hỏi ý kiến các mẹ đâu. Họ dùng luật dứt con ra khỏi mẹ ném vào trò chơi chết chóc. Chết mất xác thì cho một dòng tin mất tích là xong.

*

Bà Rôda trở lại làng Nam Ngạn lần thứ ba. Bà tỏ tâm nguyện được góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh nơi Rôbe của bà đã gây ra. Tìm trưởng làng. Trưởng làng lần trước nhờ giúp bà tìm sách *Lịch sử chiến thắng Nam Ngạn* mà có đôla thầu được chức chủ tịch xã rồi. Quyền hô quyền hét vua con một vùng. Lại đến à. Tốt lắm Rôda ạ. Hoan nghênh. Rất rất hoan nghênh. Mọi tấm lòng Mĩ yêu chuộng hoà bình đều được hoan nghênh. Rôda định lập công viên giải trí Nam Ngạn à. Hình thức công ti trách nhiệm hữu hạn nước ngoài đầu tư vốn trăm phần trăm à. Hoan nghênh. Vấn đề là thời gian làm thủ tục. Thủ tục hơi bị lâu vì phải qua từ người dân đến thôn xã huyện tỉnh. Riêng đầu tư nước ngoài còn phải đến cả trung ương. Ô kê. Rôda đủ đôla *rải thảm* đấy chứ. Ô kê.

Công ty giải trí Nam Ngạn chiếm trọn dãy đồi Nam Ngạn và dải hồ nước dưới chân đồi. Chủ tịch xã cho quy tập các pháo thủ binh nhì về nghĩa trang liệt sĩ xã từ trước. Gọi là quy tập thực ra chỉ chuyển mấy cái tên từ đài chiến thắng máy bay Mĩ trên đỉnh đồi về thôi. Ai cũng biết làm gì có tí xương thịt nào. Chi phí quy tập có Rôda rải thảm rồi.

Khi công viên sắp khánh thành thì tỉnh có dự án bỏ cầu cũ xây cầu mới. Nghe nói cũng tranh luận ghê lắm. Phe truyền thống đòi giữ nguyên trạng để làm bài học sống cho con cháu. Phe đổi mới giải trình sự cần thiết phải xây cầu hiện đại đáp ứng yêu cầu đổi mới. Dự án có rồi. Cuối cùng phe đổi mới đương chức đương quyền tay cầm dự án thắng. Có dự án là có tiền. Có tiền là thắng. Chả ai dại gì bỏ tuột mất tiền nghìn tỉ trong tay. Chủ tịch xã ở phe truyền thống dắt mối cho Rôda. Rôda yêu hoà bình xin mua lại cây cầu sắt con con nguyên trạng để trưng bày mô hình ở góc công viên giải trí. Để giáo dục truyền thống cho toàn thế giới. Lợi cả đôi đường.

Vậy là người đi trên cầu mới to rộng hiện đại đều nhìn rõ mồn một truyền thống phía trên cao gần đó. Mô hình vỉ ruồi đâm thẳng vào trận địa pháo cao xạ cạnh cầu sông Con được dựng lại như thật.

Quả nhiên khách tham quan rất thích mô hình sinh động này. Nó có đủ chất truyền thống, chất hiện đại và chất anh hùng nữa.

Mặc dù tên các pháo thủ binh nhì đã được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ xã nhưng do cốt các anh hùng vẫn lẫn vào đất đồi Nam Ngạn nên hồn các vị cũng vẫn ở lại. Ở lại thì phải đổi vai. Hôm qua là phe cầm tù hôm nay thành phe bị cầm tù. Trung tá Rôbe không ăn hương mà chỉ ăn hoa trộn bánh xăngđuých và pida khiến các pháo thủ binh nhì của chúng ta ngán không nuốt nổi. Định kiện. Rôbe nhún vai bảo trước đây các vị ăn gì tớ ăn nấy bây giờ tớ ăn gì các vị ăn nấy có phân biệt gì đâu mà đòi kiện. Không hợp khẩu vị à. Ừ, phải cố thôi. Trước tớ cố được thì bây giờ các vị cố được. Thích nghi với hoàn cảnh cũng là một phẩm chất của chủ nghĩa anh hùng mà. Chẳng lẽ các vị chỉ anh hùng trong chiến đấu chứ không anh hùng trong hoà bình hoà hợp nữa à. Bốn pháo thủ binh nhì hội ý đi đến nhận định rằng ăn kiểu nó thì anh hùng kiểu nó chẳng hoá ra ta nó thành cùng một giuộc à. Vấn đề ai thắng ai đã giải quyết xong đâu mà đã vội cá mè một lứa. Không ăn.

Tuyệt thực. Biểu quyết trăm phần trăm. Đói cũng không chết lần nữa đâu mà sợ.

Hiện nay các pháo thủ binh nhì vẫn đang tuyệt thực. Một ngày, hai ngày, nhiều ngày rồi. Họ kiên nhẫn chờ hết hạn thuê đất của Rôda. Ngày ấy dân Nam Ngạn dựng lại đài chiến thắng máy bay Mĩ. Và họ lại đổi vai thành người đi cầm tù Rôbe. Lại ăn hương ăn hoa hợp khẩu vị.

Hi vọng nuôi sống ước mơ dù ước mơ là cao đẹp nhất hay đơn sơ nhất. Xưa nay đều thế.

Trại viết Nha Trang ngày 5/4/2010

PHAM THUẦN THÀNH



ĐÒ SANG SÔNG RỒI

thơ

TÂM ĐẠM DƯƠNG TRỮ LA

Bốn năm một mối tình đầu
Yêu thương chưa trọn đã sầu biệt ly
Lối quen còn dấu chân đi
Đường tim còn một lời ghi hẹn hò
Đã toan thôi mộng thôi mơ
Mà sao hồn vẫn còn thơ thẩn buồn
Trách làm chi chuyện cô đơn
Tình trao duyên mới dỗi hờn mà đau
Tháng năm rủ ngọn tóc sầu
Môi xưa lỗi hẹn, tay cầu buông lơi
Chuyện tình yêu dưới gầm trời
Trăm năm cũng chỉ một lời thở than
Là thôi một kiếp lỡ làng
Thương em tôi khóc đò sang sông rồi

TÂM ĐẠM DƯƠNG TRỮ LA



THỜI GIAN KHÔNG CỦA NGƯỜI

truyện ngắn

PHẠM THANH KHƯƠNG

Nức nở, Lệ đứng lên, lao ra cửa. Ly cà phê vẫn còn khói. Từ chiếc phin vài ba giọt còn sót lại vẫn tóc tách rơi xuống chiếc cốc ủ trong bát nước nóng. Thư thả, tôi đứng lên nhìn theo. Lệ đã ra khỏi chỗ ngoặt, nơi cái chợ cóc từ sáng sớm đến chiều tối luôn ồn ào, rỉa rói lăn lóc vì đồng tiền. Tự nhiên tôi thấy lòng nặng nề. Chiều vàng suộm, phủ lên nền tán lá màu mỡ gà nhức nhối.

Ngày xưa, tôi và Lệ cùng lớn lên trên mảnh đất làng chật chội, nơi mà cánh bạn lính thường hay tếu táo nói đùa, một mét vuông nơi đây chứa bốn thằng ăn cắp. Tất nhiên, tôi nhận là làng cũng chỉ là nhận vơ. Tôi nhận vì các giấy tờ khi khai có tên nó trong đó. Tôi chỉ là dân ngụ cư không hơn không kém. Và thực lòng, tôi cũng không thích thú gì khi khai phải viết những từ như thế. Dù chỉ là tên đất, tên làng nhưng mỗi khi phải nhắc đến, nó cứ gợi tôi nhớ về những năm tháng khổ cực, khốn khó. Giá không còn mẹ tôi ở đó, chắc tôi đã không khai nó từ lâu rồi. Khi tôi chào đời, tôi đâu có sinh ra ở trên cái làng này. Nhiều người không hiểu, khi phải kê khai lý lịch, hồ sơ tôi thường bỏ mục nguyên quán, chỉ viết nó ở mục trú quán là thế.

Biết là bạn bè nói đùa nhưng dẫu sao người nghe cũng thấy dờn dợn. Một mảnh đất làng như thế thì sự nanh nọc, gian manh, tranh cướp để sống cũng đủ là nỗi lo cho bất kỳ ai có mặt ở đó. Con người ở đây bước ra ngõ phải ngó trước nhìn sau. Đi trên đường phải tránh xa bụi tre, khóm dứa, nơi mà bọn lục lâm thảo khấu có thể lẩn khuất, ẩn nấp lao ra bất cứ lúc nào, dí dao vào cổ, miệng rít lên đòi tiền, hoặc đường hoàng lột từng thứ trang sức ai đó trót mang trên mình vì tội muốn làm đẹp, khoe mẽ giữa thanh thiên bạch nhật.

Tất nhiên làng tôi chưa như thế. Người làng đông, đất làng chật, dù không có trộm cướp thì việc mưu sinh kiếm sống cũng luôn là nỗi ám ảnh của mọi người. Miếng ăn đến mồm, buôn bán lãi đến tay nếu không biết giữ miệng chắc không còn là của mình mà sẽ rơi vào tay kẻ khác. Đất quần vật tranh mồi, chuyện mua tranh bán cướp cũng chẳng có gì to tát cho lắm, nó cũng là chuyện bình thường như cơm ăn nước uống hàng ngày. Có lẽ vì sinh ra trên mảnh đất như thế nên người làng tôi trông ai cũng già trước tuổi, nét mặt lúc nào cũng khó đăm đăm, nói năng chậm chạp như vo viên, cân đong đo đếm từng từ một, mỗi bước đi phải ngó trước nhìn sau. Ngày tôi còn ở quê. Khi cuộc sống của gia đình đã trở lại bình thường sau mấy năm nhà tôi phải chịu cảnh tay gậy tay bị đi lang thang trông nhờ vào lòng tốt của người đời. Cha tôi tối tối thường cho gọi mấy anh em tôi lại. Những câu chuyện ông kể thường là chuyện làm ăn, đối nhân xử thế trong xã hội. Có một câu ông hay nói, hay nhắc, dặn dò và cũng là câu kết luận cho buổi nói chuyện.

- Muốn sống ở đời, không ăn người thì người sẽ ăn mình.

Nghe bố nói thế, tôi phải khắc cốt ghi tâm. Cha tôi có tính, những điều ông nói, những chuyện ông kể, thỉnh thoảng ông hỏi lại chúng tôi có nhớ được cái gì không. Ai mà không nhớ được, hôm ấy tha hồ nghe ông chửi cho ủng óc. Nhục hơn chó.

Cha tôi là người mê Tam Quốc. Đi đâu thì thôi chứ về đến nhà là y như rằng ông lôi Tam Quốc ra đọc. Ông thường khen Tào Tháo giỏi. Tôi lúc đầu nghe ông khen cũng đọc thử một vài chương nhưng thấy toàn bàn mưu tính kế, giết kẻ nọ hại người kia. Lúc đầu tôi không thích, nhưng rồi, đọc nhiều đâm ham. Có thời gian là tôi lại cầm sách đọc. Tôi chả thích gì những chuyện đâm chém nhưng những câu chuyện anh hùng hảo hán cuốn tôi đi.

Lệ không hề biết những gì mà cha tôi, cha Lệ để lại. Lệ cũng không ngờ rằng, những điều bí mật giữa nhà tôi và nhà Lệ tôi là người biết tường tận đến thế. Câu chuyện xảy ra khi tôi còn bé,

cởi quần cuốn cổ, trèo cây hái trộm, nhông nhông chạy chơi khắp xóm. Lệ cho rằng, những gì đã xảy ra với nhà Lệ chỉ là sự tất nhiên của quy luật tạo hoá. Tuy vậy, những chuyện xảy ra giữa hai nhà đã đeo đẳng tôi suốt bao nhiêu năm qua. Có những lúc tôi đã cố quên đi. Mỗi khi nhớ đến, nỗi đau đớn, sự hận thù dường như chỉ lớn thêm lên. Những gì gia đình tôi phải trải qua, những gì tuổi thơ tôi phải chịu, những cái chết tức tưởi của các anh, các chị tôi không thể nào quên được. Nó như ngọn lửa âm ỉ cháy chỉ chờ ngày thiêu trụi những gì nó gặp. Thùng thuốc nổ chỉ cần châm mồi lửa. Cũng có đôi lúc tôi nghĩ đến sự giải thoát nhưng cho đến bây giờ tôi vẫn chưa làm sao gỡ được. Hình như mỗi khi tôi định gỡ thì nó càng thêm rối. Những điều tôi nói với Lệ là thật, thật đến phũ phàng. Và tôi muốn Lệ phải đón nó trong đau đớn. Còn tôi, tôi sẽ ngạo nghễ cười của kẻ chiến thắng. Từ ngày gặp lại Lệ, trong đầu tôi lúc nào cũng chỉ nghĩ. Khi nào làm cho Lệ thật đau khổ, sống không yên, ngủ không ngon, ăn không được thì khi đó tôi mới có thể hả lòng. Khi đó khối u của lòng thù hận mới có thể tiêu tan. Và hôm nay tôi đã làm được. Làm xong, tôi nghĩ, lòng mình sẽ thanh thản nhưng không ngờ lại nặng như đeo đá. Tôi quyết định về quê. Một công hai việc. Về để cho thư thái đôi chút và cũng để gặp mẹ mà lâu rồi tôi chưa về thăm. Tôi cũng muốn cho các anh chị biết những gì ngày xưa còn lại tôi đã làm xong. Một lời dặn, một lời trăng chối mà không dễ gì chối bỏ.

* * *

Tôi thường nghĩ, ở đời, người ta chỉ nuốt hận chứ có ai xí xoá được hận thù. Biết tôi nghĩ thế, khi chỉ có hai mẹ con, bà thường nhẹ nhàng.

- Ở đời hận thù nên cởi, chớ nên buộc. Càng buộc càng chặt. Sống phải lấy nhân nghĩa làm trọng. Hận thù chỉ làm cho con người ta khổ càng thêm khổ.

Nghe mẹ nói tôi vâng cho bà vui lòng nhưng tôi vẫn nghĩ thế. Những năm tháng tủi cực sáng sáng khoác chiếc bị cói ra đồng mót khoai, mót lúa, lăn lóc đồng trên bãi dưới kiếm miếng ăn đút mồm tôi không thể nào quên được. Những ngày dài ba bữa chỉ có độc một món thân rau muống già người ta bỏ đi mẹ lấy về, rửa sạch, phơi khô rồi mang nấu lên cả nhà ăn mà cho đến bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi còn rùng mình. Thân rau muống già lại phơi khô khi nấu lên trông đen đen như bãi cứt trâu nhoét. Đưa vào mồm vị nồng nồng, thum thủm, chan chát, dai ngoanh ngoách, những bã là bã. Mấy ngày đầu ăn chưa quen, để nuốt trôi xuống bụng, tôi thường phải lấy tay bóp mũi, đuỗn cổ ra, ngắc ngắc mấy cái cho những cái sợi xơ già không mắc vào lưỡi gà phế quản. Mỗi khi đi học, qua ngõ nhà hàng xóm, mùi cơm xộc vào mũi làm tôi tứa nước miếng, bủn rủn chân tay. Đã mấy lần tôi đi qua, ngửi thấy mùi cơm, thèm quá, tôi ngã quỵ xuống như cây chuối bị phạt gốc. Sau đó, để tránh, tôi phải đi lối khác. Nếu không, khi qua đó tôi phải chạy. Rồi những sáng, tôi phải dậy đi học từ tờ mờ sáng để lao xuống ruộng rau, nhổ trộm su hào, miệng nhai trệu trạo củ rau mà mũi vẫn ngửi thấy mùi thum thủm của phân bắc lót gốc. Dấu ấn đói khổ ấy mẹ bảo tôi quên đi thì làm sao tôi có thể quên được.

Dẫu năm tháng đã lùi quá xa nhưng tôi không thể nào quên hình ảnh của người anh trai dặn tôi trước khi nhập ngũ. Hôm ấy, trời còn đang sớm, cha đánh thức tôi dậy bảo đi theo ông. Chả biết có chuyện gì nhưng bố bảo đi thì tôi đi. Năm ấy tôi lên bảy tuổi, đang học vỡ lòng. Lẽo đẽo chạy theo cha ra chỗ tập trung quân. Nơi tập trung quân cách nhà khoảng bốn năm cây số. Có nhiều đoạn, mỏi chân không chạy nổi, ông lại phải cõng tôi trên lưng. Trước khi lên xe đi vào Nam, anh kéo tôi ra một chỗ trống. Anh ngồi xổm, hai tay nắm lấy vai tôi. Hai mắt nhìn tôi như gửi gắm. Anh bảo.

- Anh đi chuyến này không biết có ngày về không. Nếu anh không về, em hãy nhớ. Người làm cho gia đình nhà ta phải đi ăn mày là thằng Riễu. Em phải nhớ đấy, không bao giờ được quên.

Lúc đó, cái đầu của thằng bé lên bẩy tuổi là tôi làm sao mà biết được đó là lời của hận thù. Chỉ biết rằng, anh dặn tôi không được quên thì tôi cũng cố mà nhớ. Nhớ để mà làm. Thế thôi. Tuy vậy, cũng từ hôm đó, tôi không còn thích sang nhà bác Riễu chơi như trước. Với Lệ, mỗi lần gặp là tôi lại tìm cách để chơi xấu. Thậm chí tôi còn xui bọn bạn tôi làm cho Lệ phải khóc tôi mới thích.

Nhà tôi và nhà Lệ chỉ cách nhau con đường liên xã. Con đường này bây giờ đã được trải nhựa còn ngày trước, nó là con đường được rải bằng những viên gạch vỡ. Mặt đường lúc nào

cũng lở loét, gồ gẫy. Hai bên đường do người và trâu bò qua lại nên tương đối nhẫn. Giữa lòng đường những viên gạch gồ lên như sống trâu. Vào những ngày mưa, mỗi khi đi học về, bọn chúng tôi thường tranh nhau đi theo cái gồ sống trâu đó cho khỏi lấm. Có nhiều hôm, gặp chỗ có vũng nước, thấy có đám nhóc bên đường. Gọi thế cho oách thôi chứ chúng cũng chỉ kém chúng tôi năm sáu tuổi là cùng. Bọn tôi, đứa đi trước lấy chân khuấy đục lên để đứa đi sau lấy chân té làm cho chúng bẩn không đi học được. Mỗi lần làm được như thế chúng tôi rất khoái trá. Đứa nào đứa nấy cười hô hố trên đường. Lệ ngày đó hay bị là đối tượng để chúng tôi té bẩn nhất. Lý do duy nhất để chúng tôi té là Lệ mặc đẹp hơn chúng tôi, có cặp sách đẹp hơn chúng tôi, không như lũ con nhà nghèo chỉ toàn cặp cói. Tôi khác. Mỗi khi Lệ bị như thế hay nghe tin nhà Lệ có ai làm sao tôi có cảm giác sung sướng. Tất nhiên điều này chỉ có mình tôi biết. Vì thế, mỗi khi nhìn thấy Lệ, thấy chúng nó mải nói chuyện, không để ý là tôi chạy lên trước, lấy chân khuấy cho đục để mấy đứa đi sau té.

Vì tôi ghét Lệ nên thường để ý xem Lệ làm gì ở đâu để nếu có cơ hội là trả thù. Có một lần, tôi đang mò ốc ở gần ao nhà Lệ. Thấy Lệ đang tắm, tôi chạy về gọi, xui mấy thằng bạn học trong xóm đến xem. Mấy đứa tranh nhau nhoài người ra để nhìn cho rõ. Chẳng may, thằng Tý bị mấy đứa bên trong đẩy ngã xuống nước nên bại lộ. Bị xem trộm khi tắm, Lệ xấu hổ không dám đi học. Mấy tuần sau bác Riễu gái phải dắt tay kéo đến trường Lệ mới đi học trở lại. Lệ không dám nhìn ai, cả buổi ngồi học cúi gằm nhìn xuống gầm bàn. Mỗi lần nhìn thấy Lệ ở đâu, mấy thằng choai choai trong xóm lại thì thào to nhỏ kháo nhau. Lệ từ đó bị bọn con trai ghép thêm vào cái tên mới, Lệ truồng.

Đi học hoặc phải theo mẹ ra đồng giúp việc thì thôi, còn nếu rảnh rỗi là tôi tìm mọi cách rủ mấy đứa học dưới mấy lớp chơi trò bắn gà bằng súng cao su. Đứa nào trong xóm chưa có, tôi cắt chiếc xăm xe đạp hỏng bố bỏ đi, chặt đoạn ba chạc, đẽo gọt cẩn thận làm súng cho chúng. Tôi dẫn chúng đến gần bờ giậu nhà bác Riễu, ngồi phục. Mỗi khi gà mẹ dẫn đàn con ra vườn là tôi chỉ cho chúng bắn. Đứa nào bắn trúng, hạ gục được nhiều gà nhất sẽ được tôi thưởng cho đi ăn cá nướng hoặc con cá cờ về thả trong lọ chơi. Mấy đàn gà nhà bác vừa xuống ổ, chỉ trong không đầy một tuần bị chúng tôi dùng súng cao su bắn chết hết.

* * *

Tôi không hiểu vì sao cha tôi ngày ấy lại tha cả nhà lên bờ, bỏ ngoài tai mọi điều vợ con phản đối. Khi gia đình chuyển lên bờ lúc đó tôi mới được ba tuổi. Việc nhà tôi lưu lạc từ đâu đến rồi lên bờ, đậu lại đất làng cũng là chuyện nhiều người trong làng không thích. Cái không thích thực ra là vì lợi ích kinh tế. Mảnh đất làng vốn đã là bầy vật tranh ăn nay lại thêm một con vật nữa đến tranh phần đương nhiên là không thể được. Biết điều đó nhưng có lẽ cha tôi, ông chủ gia đình, cái ông thuyền chài to cao, lực lưỡng, ngực nở như ức trâu, tay chân cuồn cuộn cơ bắp như dây chão đã quyết định thì cả nhà vẫn phải theo. Ngày đó, khi ông đưa cả nhà lên bờ, chúng tôi phải xa cuộc sống tự do, nay chỗ này, mai nơi khác, chẳng phải chịu sự sai khiến của ai, không phải tranh nhau việc làm để tính công điểm thì chúng tôi giận ông lắm.

Mang tiếng là làng gai vó nhưng tay nghề các thợ trong làng so với bố tôi quả là một trời một vực. Chả biết ngày về làm dâu làng, bà cụ tổ gai vó có buồn bực hay giận dỗi gì không mà không truyền hết nghề, mánh lới thợ thuyền cho con cháu. Còn gia đình tôi, chả biết có nghề truyền kiếp hay không, tự nhiên ở đâu đến, có khác gì người trên trời rơi xuống, nhưng tất tần tật các loại vó lưới không có loại nào không tường. Cũng chính vì thế mà gia đình tôi phải chịu khổ. Khổ vì giỏi, khổ vì hơn thiên hạ, khổ vì sự đố kỵ ganh ghét, khổ vì khác loài.

Nghề vó lưới cũng mênh mông biển sở. Vó có hai loại. Vó tay và vó bè. Vó tay nghĩa là người kéo vó cất bằng tay. Loại này có từ vó ba cho đến vó tám. Tuỳ theo sức khoẻ và vùng nước sông ngòi từng nơi mà người ta mua hay đặt làm vó cho đúng. Còn lại, các loại vó từ chín thước cho tới mười tám, hai mươi thước người ta thường gọi là vó bè. Vì vó to cho nên không ai có thể kéo bằng tay mà phải dùng tre làm cần, gọng và có dàn để kéo. Vó bè, người giàu thì làm bè để kéo hoặc giả thích đi đến đâu thì đẩy bè đi cho thỏa chí tiêu dao quân tử. Người ít tiền, không có thú sông nước nay đây mai đó thì làm trên bờ, dựng cái lều, vác cái chõng tre đêm đêm vắt chân chữ ngũ, nằm ngửa mặt lên trời ngẫm nghĩ sự đời hay pha ấm trà sen một mình độc ẩm nghêu ngao

hát vài câu xẩm chợ. Có cá cũng chẳng quan tâm mà không có cũng chẳng hề hấn gì. Mặc ông có lưới, mặc bà có te. Ta đây thủng thẳng vó bè cất chơi.

Lưới cũng có dăm bẩy đường. Lưới thả, lưới đóng, lưới kéo, lưới vét, lưới vây. Rồi chài cũng thế. Cũng có rất nhiều loại. Chài quăng, chài mò, chài ngâm. Ngay trong từng loại ấy cũng phân ra làm nhiều kích thước, hình thức khác nhau. Mỗi loại cá có loại vó lưới và cách đánh bắt. Bao nhiêu loài cá là bấy nhiêu loại lưới. Nếu tính sơ sơ thì các loại vó lưới nếu liệt kê cho hết cũng phải tới hàng trăm.

Sợi để đan vó, lưới thường làm bằng sợi cây gai. Thân cây gai dùng để làm sợi. Nếu gặp phải năm mất mùa, củ cây gai luộc lên ăn nhơn nhớt nhưng cũng cứu được khối người chết đói. Nhà tôi cũng có đến ba bốn năm phải ăn củ gai thay cơm. Những người phụ nữ khi động thai đem luộc củ gai lên ăn cũng có thể chữa được rất tốt. Khi cây gai cao khoảng năm mươi đến bẩy tám mươi phân thì người ta cắt tận gốc, đem ngâm nước. Được khoảng hai ba ngày, khi vỏ cây gai bóc ra thì người ta đem tước. Lúc này, lấy dao cạo sạch lớp vỏ bên ngoài rồi chẻ ra thành những sợi nhỏ, dùng tay xe các sợi đó lại với nhau, cuộn lại như cuốn len. Xong, người ta lại dùng xa quay tay gai, xe cho săn các sợi đó lại. Bao giờ sợi gai săn rồi mới dùng tay quàng lại thành từng đàng, phơi nắng. Khi nào sợi gai chắc, dùng ghim bằng tre đan thành các tấm lưới hay cái vó. Vì thế nên thường có tên là lưới gai. Không như bây giờ người ta dùng sợi ny lông để đan lưới. Nếu tính về độ bén cá thì vó lưới làm bằng sợi gai vẫn bén cá hơn là sợi ny lông. Tôi vẫn nghĩ, giá có ai nghiên cứu về truyền thống của các làng và nghề gai vó có khi không những chỉ là tiến sỹ mà thậm chí thành bình phương, lập phương tiến sỹ cũng nên. Và biết đâu dân gai vó quê tôi, người làm nghề thuỷ hải sản của cả nước lại được nhờ từ cái luận án tiến sỹ ấy, chứ không phải làm chỗ cho mạng nhện bương, cho trong tủ kính nằm rấp xó thư viện quốc gia làm dáng.

Ở đời, miếng ngon nhớ lâu, đòn đau nhớ đời. Dẫu không phải là miếng ngon được ăn, đòn đau phải chịu nhưng làm sao tôi có thể quên được chuyện đó. Thời gian có làm cho con người già đi, có làm cho mọi buồn vui chìm dần vào quên lãng, có làm cho sự vật đổi trắng thay đen nhưng sự thật vẫn cứ là sự thật. Vết thương có lành lặn đến bao nhiêu đi chăng nữa thì vẫn còn vết sẹo. Sống ở đời, làm một việc trái dù có lấy trái đất lấp đi nó vẫn hiển hiện ra trước mắt. Nỗi đau cũng thế. Thời gian có thể khoả lấp được tất cả những nỗi đau về thể xác chứ không bao giờ có thể khoả lấp được nỗi đau trong tâm hồn. Vết sẹo lòng là vết sẹo đeo đẳng dai dẳng nhất của kiếp con người. Không chảy máu, không bưng mủ nhưng nó có thể làm cho con người chết bất đắc kỳ tử lúc nào không hay.

Ngày gia đình tôi chuyển lên bờ, họ hàng người thân chẳng có ai. Dân làm chài nay đây mai đó, có cá thì ở, hết cá thì đi, gạo chợ nước sông, nhà thuyền mái nứa, ra chạm vào quệt, con cái lúc nhúc như gà như vịt. Kiếm ăn chẳng đủ nên khi đã có vợ, có chồng, nghĩa là có cái thuyền riêng, to nhỏ không cần biết, mạnh ai nấy làm, đầu ai chấy nấy. Khéo làm thì no, khéo co thì ấm, cả năm, cả đời anh em cũng không gặp nhau. Vì thế nên khi lên bờ, gia đình tôi gần như là cô độc giữa những mối quan hệ họ hàng thân tộc của người trong làng. Mọi người cho rằng gia đình tôi là dân ngụ cư nên chẳng mấy người muốn quan hệ chơi bời qua lại. Đã thế, nhà tôi lại là dân chài lưới nên họ cũng không muốn có gia đình nhà tôi vì lại phải san cơm, sẻ gạo, chia bát nước canh.

Trong khi gia đình tôi còn đang lúng túng xoay trở trước cuộc sống mới, người làng gần như xa lánh thì có bác Riểu, tối tối vẫn sang nhà ngồi uống nước nói chuyện gai vó với bố tôi. Bác Riểu cũng là người có nghề gai vó nhưng chủ yếu bác mua vó lưới làm sẵn rồi mang đi các chợ bán lấy lãi. Qua câu chuyện trao đổi giữa bác Riểu với bố tôi. Tôi đoán, ngoại trừ khả năng đan lưới và vá ra, tay nghề bác Riểu chẳng còn biết làm gì khác. Được bác Riểu đến chơi, nói cho biết các chuyện trong làng, các tập tục, lễ nghi trong xóm, những bỡ ngỡ ban đầu, những khó khăn của lối sống cộng đồng chòm xóm dần dần rồi cũng qua đi. Thỉnh thoảng bác còn chủ động mang cho nhà tôi mượn những vật dụng sinh hoạt của đời sống trên bờ mà nhà tôi chưa kịp sắm. Sang nhà tôi chơi, bác thấy thiếu cái gì lại bảo chúng tôi sang nhà bác lấy về để dùng. Nhiều khi thiếu cái gì, bố tôi lại sai chúng tôi sang nhà bác mượn. Dăm bữa nửa tháng, bác Riểu gái lại cho các anh, các chị bên nhà mang sang cho anh em tôi lúc rá lạc, khi rổ khoai. Tình cảm giữa nhà tôi và nhà bác Riểu còn hơn cả anh em bên bố tôi. Động rạng tý gì là hai nhà lại cho gọi nhau san sẻ. Mẹ tôi thì thôi rồi, lúc nào cũng tấm tắc cám ơn trời phật cho nhà tôi khi lên bờ may mắn gặp được người như bác Riểu. Bà thường dặn chúng tôi.

140 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

- Một nắm khi đói bằng một gói khi no. Nhà ta lên bờ, chân nâng, khó khăn may mà có bác Riểu giúp đỡ. Các con sau này nhớ ơn mà trả.

Để bù lại, mọi kỹ thuật làm vó, lưới bố tôi nói lại cho bác hết. Có nhiều người đặt hàng, nhà tôi làm không hết. Bố nhận rồi đưa sang cho nhà bác. Thậm chí, bác Riểu đi chợ, tuy không biết cách làm cũng cứ nhận rồi về nhờ bố tôi hướng dẫn hoặc làm giúp. Dần dần tay nghề của bác so với người làng chỉ đứng sau bố tôi. Tuy vậy, bác có khả năng nói giỏi hơn bố tôi nhiều. Có nhiều cái tôi biết. Do nắm kỹ thuật chưa chắc nên khi làm bị sai, chất lượng không tốt, nếu đánh bắt cá sẽ rất kém nhưng khi nghe bác nói khách hàng nào cũng vui vẻ, có nhiều người còn cám ơn vì đã làm tốt hơn yêu cầu.

Một lần sang chơi gặp lúc bác bàn giao hàng. Tiện tay tôi cầm tay lưới lên. Lưới mười, nghĩa là cách mười mắt buộc một phao nhưng bác chỗ buộc năm, nơi buộc bẩy. Làm như vậy khi thả, lưới sẽ buông không đều, cá dễ bị động chạy mất. Mắt lưới khi xuống nước chỗ mở chỗ khép, cá sẽ không bén và độ dài của lưới cũng không đủ kích thước. Khi khách hàng kiểm tra, hỏi. Bác giải thích, làm như thế mới tạo được các độ cao thấp khác nhau của lưới. Khi con cá bị động, chúng lao đi sẽ dễ bị vướng lưới hơn. Tôi không dám nói gì, đem chuyện nói lại với mẹ. Mẹ vừa nghe tôi nói chưa hết câu đã vội lấy tay bịt mồm lại. Ấm ức, tôi hỏi bố. Bố thủng thẳng bảo. Đó là bác Riểu sáng tạo. Mỗi người một tay nghề, một kỹ thuật. Kỹ thuật làm hàng nó vô cùng, không phải ai cũng biết tất cả. Rồi bố dặn. Kỹ thuật của bác Riểu là kỹ thuật mới. Nhìn để biết nhưng đừng làm theo. Nhà ta sống nhờ sông nước bao nhiêu đời rồi. Cứ làm đúng như những gì nhà ta đã làm từ trước tới nay. Xong, bố nói sang chuyện khác. Nghe bố nói thế tôi cũng thôi, tuy trong lòng còn ấm ức thắc mắc. Lằng nhằng hỏi thêm, không chừng ăn cái vả đến méo mặt.

Thời gian sau, chả biết thực hư đến đâu tôi nghe mọi người trong làng thầm thầm thì thì về chuyện bố tôi với bác Riểu gái. Nhìn mặt mẹ, tôi thấy bà rất buồn. Cái dáng tảo tần, te tái sáng sáng chiều chiều chợ búa của bà như còng xuống. Bà đi chợ sớm hơn mọi khi. Gặp người làng bà không còn vồn vã xởi lởi chào hỏi mà có ý tránh mặt. Còn bác Riểu gái, tôi cũng không thấy bác sang nhà tôi chơi như trước. Chỉ có chúng tôi, vẫn vô tư. Khi bắp ngô nướng, lúc củ khoai luộc vẫn tí toét gọi nhau ăn chung. Thậm chí chúng tôi còn rủ nhau cùng chui rào đi ăn trộm ổi nhà ông Vạc hàn nổi trong xóm. Ngày bác Riểu gái sinh Lệ, chúng tôi ngồi ngoài cửa nhà hộ sinh chờ như mẹ tôi đi sinh em vậy. Mấy người trong làng đi qua hỏi vọng vào mấy anh em mày đi đón em à. Chúng tôi cùng đồng thanh vâng to như lệnh vỡ. Mấy ngày bác Riểu gái nằm ở bệnh xá tôi không thấy bác Riểu trai lên thăm. Người lên thường xuyên thăm nom giúp bác là mẹ tôi. Ngày đón bác và em Lệ về nhà. Mẹ tôi một tay bế em Lệ, tay kia dìu bác đi. Bọn tôi đi sau, đứa xách làn, người ôm chăn, kẻ cầm ấm tích giành nhau ầm làng vang tổng. Mẹ và bác Riểu thấy thế đi càng nhanh, chúng tôi phải chạy mới đuổi kịp.

* * *

Chuyện ấy rồi cũng qua đi, nhà tôi và nhà bác Riểu vẫn thân thiết như xưa, như chẳng hề có điều gì xảy ra. Có một buổi tối, tôi thấy bố và bác Riểu ngồi ngoài hè uống nước chè, bàn bạc chuyện gì rất khuya. Ở trong nhà học bài, tôi nghe câu được câu mất. Hình như hai người định mang hàng đi đâu xa lắm, mãi chợ Bờ trên Hoà Bình hay chợ Nghệ ở Sơn Tây thì phải. Tôi nghe bập bõm như trên đó có vỡ đê, lũ lụt. Sau khi bác Riểu về, bố gọi mẹ dậy lục cục sắp xếp hàng cho mãi đến canh ba mới xong. Tôi nghe tiếng mẹ thì thào nói với bố giọng rất lo lắng.

- Ông tính toán cho kỹ, chứ tôi thấy lo lắm. Vốn liếng dồn cả vào đây, có chuyện gì xảy ra, cả nhà phải đi ăn mày mất.

Nghe mẹ nói thế, bố chửi.

- Có câm cái mồm đi không. Mở mồm ra là nói gở. Đúng là cái đồ đàn bà, đái không cao hơn ngọn cỏ. Mình mất thì người ta cũng mất chứ chắc không đấy.

- Thì tôi cũng nhắc xa ông thế - Giọng mẹ nhũn nhường cam chịu - Buôn bán chả biết đâu được. Anh em vì bát cơm manh áo còn mang dao chém nhau. Đằng này...

Nghe mẹ nói thế bố tôi gắt át đi.

- Bà có câm ngay cái mồm đi không. Vừa đéo vừa run. Cút mẹ nó đi cho tôi nhờ. Đằng này, đằng này cái gì.

Sáng sớm, khi mẹ gọi tôi dậy học bài thì bố đã đi rồi. Mẹ ra bậu cửa ngồi, thỉnh thoảng lại thở dài.

Sáng hôm ấy bố đi, ba bốn ngày sau vẫn chưa thấy về. Mẹ ở nhà lo lắng, hết đi ra lại đi vào. Sốt ruột, mẹ sang nhà bác Riểu hỏi thăm mới hay. Chuyến ấy bác Riểu không đi. Bác bảo với mẹ, tối hôm ấy, khi từ nhà tôi về, đến đêm bác bị trúng gió nên phải nằm nhà. Mẹ từ nhà bác Riểu về nước mắt lưng tròng, đi xiêu vẹo như người mất hồn. Cả ngày mẹ không ăn uống gì chỉ nằm trên giường, quay mặt vào tường. Mấy ngày đó không thấy bác Riểu trai sang chơi, chỉ có bác Riểu gái sang một chốc một lát rồi te tái về nét mặt lo lắng, buồn bã.

Bước sang tối ngày thứ bẩy thì bố tôi về. Ông không nói năng một lời, lầm lầm lỳ lỳ đến bên chiếc bàn dốc ngược tích nước tu. Xong ông kéo chiếc điếu bát hút hết điếu này đến điếu khác. Thấy bố tôi về, mẹ te tái chạy xuống bếp sắp cơm. Khi đặt mâm cơm trên bàn mẹ hỏi.

- Mất hết rồi hả ông?

- Phải - Bố đang cầm bát cơm trên tay dằn mạnh xuống mặt bàn - Quân khốn nạn - Ông thề độc - Đời này còn tao thì không còn mày.

Ông rút con dao rựa thường giấu dưới đầu giường, vung tay chém vào cây cột nhà. Mẹ tôi thấy thế vội quỳ xuống, mặt tái xanh, tái xám.

- Tôi xin ông. Đừng làm điều gì để ảnh hưởng đến con đến cái. Thời này khác trước rồi ông có biết không?

Hình như nghe mẹ tôi nói ông càng tức. Bố tôi lấy tay gạt bay cả mâm cơm xuống đất. Ông chỉ tay vào mặt bà.

- Bà mà để lộ ra chuyện này tôi giết.

Mấy ngày đầu, ông cấm cả nhà được qua lại chơi bời quan hệ với nhà bác Riểu. Sau đó, không biết nghĩ thế nào, ông lại nói với chúng tôi, từ nay trở đi phải thường xuyên qua lại thân thiết hơn bên nhà bác Riểu. Đến sau này, khi anh trai tôi nhập ngũ, đêm trước khi đi anh đã nói cho biết. Tối hôm ấy, bác Riểu và bố tôi bàn bạc sẽ dồn hàng mang lên Sơn Tây để bán. Trên đó vừa có lụt nên vó lưới đang rất đắt. Bố tôi y hẹn, dồn toàn bộ vốn liếng hàng có trong nhà mang đi. Khi ông vừa đi đến phố Phủ, cách nhà khoảng bẩy tám cây số thì bị thuế vụ bắt. Ngày đó buôn vó lưới còn bị coi là buôn lậu chứ không như bây giờ, có thể buôn cả xe tăng máy bay vẫn chẳng sao, miễn là có vốn. Trong bẩy ngày ông bị giam giữ để các cơ quan, các nhà chức trách làm rõ mức độ vi phạm, ông luôn nghĩ phải tìm cho ra kẻ giấu mặt. Bằng tất cả những gì của con vật bị dồn vào bước đường cùng, ông cũng tìm được ra người đi báo thuế vụ bắt bố tôi chính là bác Riểu. Sau khi thống nhất với bố tôi, bác Riểu đã chạy sang nhà anh thuế vụ ở xã bên báo hành trình mà hai người đã bàn để tránh các nơi có thuế vụ đón đường. Còn bác Riểu, sáng đó lấy cớ ốm không đi được, ở nhà.

Kể từ ngày bố tôi bị bắt mất hàng, nhà chín anh chị em với hai bố mẹ thành ra tới mười một miệng ăn nên lâm vào tình trạng nghèo túng. Bố tôi ngoài nghề vó lưới ra không biết một tý gì nghề nông. Ngay đến dắt con trâu cũng không biết dắt đằng trước hay dắt đằng sau. Mẹ tôi bảo đi chợ thì được chứ việc làm cỏ, vãi phân, cấy cầy chẳng khác gì người của thế giới khác. Ngay chúng tôi, nếu có ai thích ăn ba ba hay con cá to vài ba cân chỉ cần chờ trên bờ một lát là cũng có thể bắt được, nhưng nếu bảo cầy lấy một rãnh cũng chịu. Cũng chính vì bố mẹ, anh em nhà tôi không biết làm nông nên công điểm bao giờ cũng thấp, chỉ bằng năm phần người khác. Đến mùa, nhà người ta được chia năm sáu tạ thóc còn nhà tôi chỉ được hai ba tạ là cùng.

Không biết làm ruộng, vốn liếng hết, con cái đông nên nhà tôi chẳng mấy chốc rơi vào cảnh phải đi ăn mày. Đã thế, các bạn hàng cũ cũng ngại đến đặt hàng bố tôi vì sợ liên luỵ. Và tiền không có cũng không thể lấy được nguyên liệu. Họ sợ bố tôi mua rồi khi làm xong, bán được hàng nhưng lại phải lo ăn uống cho gia đình, không trả được. Thời gian đó, nhà bác Riểu làm không hết việc, giá công sá bác cũng giảm đi quá nửa nên mọi người đổ xô vào đặt. Cũng có đôi ba lần bác Riểu gái sang nhà bảo bố tôi có làm hàng để bác trai nhường lại cho một ít. Lần nào cũng thế, bố

tôi từ chối khéo rồi lấy cớ gì đó bỏ đi không nói chuyện nữa. Có một lần trong bữa ăn, mẹ nói với bố.

- Nhà ta đang khó khăn, bác ấy đã có ý tốt, ông nên nhận về làm. Ông cứ thế này thì tôi cũng không sống được.

Nghe thế, bố tôi bê cả mâm cơm ném luôn ra ngoài sân.

- Nó tốt thế, thích, sang nhà nó mà ở. Cút. Cút ngay.

Thấy thế, chúng tôi im thin thít. Còn mẹ, bà chạy vào trong buồng ngồi khóc. Tính mẹ tôi vẫn thế. Một điều nhịn là chín điều lành, với bà, sự yên ổn trong gia đình là tối thượng.

Mặc dù là người có tay nghề cao nhưng không có vốn nên tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống. Làm được đến đâu lại đổ hết vào nồi cơm đến đấy. Gạo ăn không đủ, bố bắt chúng tôi hàng ngày phải đi mót khoai, mót lúa. Hết mùa, ông bắt chúng tôi đi đánh dậm, mò cua bắt ốc. Mẹ tôi, ngày ngày ra bãi rau muống, nhặt các thân cây rau già về rửa sạch, chặt nhỏ ra, phơi khô để nấu thay cơm. Thời đó, gạo châu củi quế, có tiền cũng không mua được gạo. Nhà nào khá giả cũng chỉ đủ ăn nên không ai có gạo để bán. Những ngày đó, chúng tôi đói đến vàng cả mắt. Trong cái năm khốn khó đó, chín anh chị em nhà tôi có ba người đã phải chết vì đói. Người chị cả, do đói, đi mò cua bắt ốc, gặp phải lúc mưa, ngâm mình cả ngày dưới nước bị lạnh, chuột rút chết trôi xuống tận cửa bể. Khi tìm thấy xác, hai con mắt bị chim khoét còn độc hai hố. Khuôn mặt bị cá rỉa xơ xước, nhoe nhoét. Chiếc giỏ bên sườn, mấy con cá còn thối bên trong. Người anh thứ hai, đêm trên đường đi xin về nhà, thấy ruộng rau cải bắp xuống nhổ ăn sống. Chẳng may phải ngày người ta phun thuốc sâu. Khi bố mẹ tôi đến nơi, anh còn nằm vắt qua luống rau, miệng đầy lá cải, trên vai vẫn còn khoác chiếc bị, bên trong còn vài bơ thóc, mấy đồng tiền lẻ nhăn nheo và nắm cơm nguội ngấm nước bùn. Trên cổ cả chục con đỉa trâu bụng no máu bám vắt vẻo. Người chị thứ ba, đi mót lúa, trời nắng, ăn sống ăn sít con cua con cá, trúng cảm thương hàn, đưa được về nhà thì tắt thở. Mỗi lần như thế, bố tôi lại lấy con dao rựa chém vào cột nhà một vết gần kề ngay chỗ chém lần trước.

Vì nhà nghèo nên các anh chị tôi đều phải nghỉ học. Riêng tôi, ông không cho. Ông bảo.

- Cả nhà phải nuôi cho nó học. Nếu có chết đói hết cũng phải để cho nó sống.

Trong thời gian nhà tôi khổ nhất thì bác Riểu đứng lên thành lập và được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã gai vó. Nhà bác có vốn, khách hàng đông lại là người có tay nghề nên kinh tế nhà bác khá giả nhất xã. Các anh các chị nhà bác ai cũng được đi học, quần áo đẹp, đến trường đứa nào cũng phải ghen tỵ. Chúng tôi vẫn thỉnh thoảng sang chơi nhưng vì bố tôi dặn nên khi gặp các công việc khó chúng tôi cũng nói đổ không biết. Tất nhiên, thấy bác nói, hỏi nhiều quá, thỉnh thoảng tôi giấu bố nói cho bác biết. Sau mỗi lần như thế, bác trai thường bảo bác gái lấy cho tôi bát cơm với mấy miếng thịt to hự.

Một năm sau chuyện trên xảy ra, bố tôi quyết định bán nhà. Ngôi nhà năm gian mái ngói với mười hai cái cột lim to cả người ôm bán đi nhưng ông không đưa cho mẹ tôi một đồng. Ông dồn tất cả vào mua hàng dựng lại nghề. Ông chỉ bỏ ra một ít mua mảnh đất ngoài bãi dựng lều cho cả nhà ở. Ông vẫn bắt cả nhà phải ăn ngô, khoai và thân rau muống già như trước. Ngôi nhà này sau đó năm sáu năm, khi nhà tôi đã trở lại bình thường, ăn nên làm ra ông đã mua lại. Và đến bây giờ nó là nơi thờ tự của gia đình.

Bán nhà có vốn, mua được nguyên liệu, bằng tay nghề của ông, khách hàng dần dần quay lại. Tuy khách hàng đông nhưng ông không lấy lãi, thậm chí cả tiền công. Suốt ba năm trời như thế, ông để cả nhà phải lặn ngòi ngoi nước kiếm sống, mặc mẹ tôi lo, tuyệt nhiên không nói một câu. Vì khách hàng dồn về cả nhà tôi nên hợp tác xã do bác Riểu làm chủ nhiệm dần dần thua lỗ phải giải tán. Bác Riểu lúc này lại phải đi chợ bán hàng như trước đây.

Người làng không hiểu vì sao, khi bác Riểu không còn làm chủ nhiệm nữa thì nhà bác xảy ra lắm chuyện như thế. Anh con trai bác đi học tối ở trường cấp ba về, khi qua bãi tha ma lao xe xuống hố gãy cả chân, gục cả khung. Bác cho đi chữa chạy nhưng chân vẫn cà nhắc, thậm thụt, bước ngắn bước dài, chấm phẩy. Mỗi khi đi lại như kẻ đánh vật. Con trâu hợp tác xã giao chăn chung với bác Nha. Đến phiên nhà bác, đêm lăn ra chết. Bác phải bỏ tiền ra mua đền cho hợp tác xã. Đàn gà cũng thế, đang yên đang lành, sáng rời cửa chuồng, cứ ộc nước miệng rồi rũ ra chết.

Ao cá nhà bác, sau một đêm phơi bụng trắng mặt nước. Ruộng ngô ngoài đồng đang trỗ cờ bỗng dưng chết héo do bị nhổ gốc. Con lợn nái trong chuồng sắp đến ngày đẻ cũng chẳng hiểu sao bỏ ăn lăn ra ốm phải giết vội. Mỗi lần như thế, bố tôi bắt mẹ sang hỏi thăm rất tử tế. Có lần ông còn đưa tiền cho mẹ mang sang giúp. Mọi việc giữa hai nhà ông để cho mẹ và chúng tôi qua lại, còn ông tịnh không một lần sang thăm.

Vào một tối, tôi thấy bác Riểu gái sang nhà. Mẹ tôi lấy cớ có việc chạy sang hàng xóm để mặc bố tôi ngồi tiếp chuyện. Hai người ngồi lâu lắm tôi mới thấy bác Riểu gái vừa nói vừa khóc.

- Tôi xin ông tha cho nhà tôi. Tất cả do ông ấy tham mà thế. Tôi cắn rơm cắn cỏ xin hai ông bà và các cháu tha cho - Bác Riểu gái quỳ xuống, chắp hai tay lên đầu lậy - Tôi lậy ông. Ông không thương ông ấy thì thương cho tôi vậy. Ông ơi. Tôi khổ vì các ông lắm rồi. Các ông còn định hành hạ tôi cho đến bao giờ mới thôi.

Bố tôi vẫn ngồi bình thản uống nước. Khi bác Riểu gái quỳ xuống đất, ông đỡ lên, nói rất nhẹ nhàng thư thả. - Sao bà lại nói thế. Tôi có làm gì đâu mà bà bảo tha với không tha. Bà đừng buộc cho tôi như thế phải tội chết. Nhà tôi khổ là do tôi chứ đâu có do ông ấy. Nhà tôi còn nợ nhà bà ngày đầu lên bờ nhiều lắm mà chưa biết trả thế nào đấy.

Tôi thấy bác Riểu gái quỳ xuống mấy lần nhưng bố tôi trước sau cũng chỉ nói tưng ấy câu. Rồi như thể có việc phải làm, ông sai tôi đi gọi mẹ về. Khi mẹ tôi về, tôi thấy ông đang cắt lưới giáp vó. Ánh đèn chai đưa qua đưa lại, bóng ông lẫn vào trong mắt lưới như cá mắc.

Tối ấy, khi tôi đang ôn thi cuối cấp hai thấy bố nhét tiền vào bị rồi khoác vai đi đâu đến sáng mới về. Ba ngày sau, trên đường từ trường về nhà, qua ngõ nhà bác Riểu thấy có cờ tam tài cắm dọc ngõ, bộ linh xa hay dùng để đưa người chết đã được bầy, cạnh đấy là cỗ quan tài có hai khung thép đóng đai ở hai đầu. Tôi nghe mấy bác ngồi hút thuốc lào cạnh cỗ linh xa kháo nhau. Bác Riểu đi chợ bán vó ở trên mạn Lào Cai, Yên Bái. Khi về, giữa đường gặp cướp. Chúng không chỉ lấy hết tiền bạc mà còn đẩy bác rơi xuống vực. May có mấy người công nhân lâm trường phát hiện, báo công an, tìm được nhà để đưa về, chứ nếu không mất xác. Tôi chạy về nói với bố. Ông nghe xong, vứt tay lưới đang kẹp chì giở, xuổi xuổi tay bên mông rồi vào hút thuốc lào. Một lúc sau, ông gọi cả nhà lại bảo bỏ hết các việc sang nhà bác lo đám. Mặc dù sang giúp nhưng những điều ngày anh trai vào Nam nói, tôi còn nhớ. Lâu nay tôi vẫn muốn làm một cái gì đó cho bõ tức nhưng chịu. Các anh, chị nhà bác Riểu đều lớn hơn tôi. May chăng tôi chỉ có thể bắt nạt được Lệ mà thôi. Đi theo trong đoàn đám ma nhưng bụng tôi rất mừng. Đợi cho mọi người đắp mộ xong ra về. Đi đến nửa đường, tôi quay lại, vạch quần đái một vòng xung quanh ngôi mộ. Lúc quay ra, nhìn thấy bát hương đang cháy, tôi trèo lên, cố rặn, đái luôn vào đấy.

* * *

Ba năm sau, khi sang cát cho bác Riểu trai xong thì bác Riểu gái đưa cả nhà đi đâu không rõ. Khi mẹ tôi hay tin chạy sang thì ba gian nhà trống huơ trống hoác. Còn nhà tôi, do những năm tháng khổ cực mà tất cả anh chị em phải ly tán mỗi người một phương. Chẳng biết có phải nghèo khổ quá không mà lớn lên đến đâu là người nào người đó lại tìm đường đi hết. Đã mấy chục năm rồi nhưng đến bây giờ tôi vẫn chưa tìm lại được. Năm đó tôi đang học cấp ba. Nhà mười mấy con người mà bây giờ chỉ còn tôi và hai bố mẹ.

Tốt nghiệp cấp ba tôi vào bộ đội. Hết hạn nghĩa vụ quân sự tôi xin trở về quê chứ không chuyển ngành như nhiều người khác. Ngày còn sống, bố tôi thường bảo.

- Ở đời, không có tiền có nói rằng thương cũng chỉ là thứ nói hão, trò đãi bôi. Có tiền xa mấy cũng gần.

Có nhiều lần thấy tôi không chịu học, mải chơi. Ông chỉ tay vào mặt đay nghiến.

- Tao bảo mày không nghe, rồi ra đời loại như mày chỉ có đi hót cứt.

Cũng chính vì ông chửi tôi thế nên sau mấy năm quân ngũ tôi quyết chí làm giàu. Có chí làm quan, có gan làm giàu. Muốn giàu, ở đời, phi thương bất phú. Thế là tôi đi buôn, mọi thông tin về cái làng một mét vuông có bốn thằng ăn cắp gần như là không biết. Đây cũng là thời gian mà tôi không nghĩ đến chuyện xảy ra giữa nhà tôi và nhà bác Riểu. Ngày bố tôi ốm tôi cũng không ở

làng. Lúc đó tôi đang phải giải quyết mấy lô hàng nằm tắc ở cửa khẩu. Khi tôi về đến nhà thì bố tôi đã cấm khẩu. Nghe mẹ bảo tôi về, ông he hé mắt nhìn rồi giơ hai tay lên như cố níu lấy cái gì đấy trước mặt. Hình như ông muốn nói với tôi điều gì đấy nhưng không nói được. Mấy người hàng xóm thấy thế bảo ông bắt chuồn chuồn rồi. Tôi lại nghĩ, ông nhắc đến lời anh trai dặn. Đến đêm thì ông đi.

* * *

Tôi chạy xe về đến nhà trời đã chiều. Trước khi về nhà, tôi không quên tạt vào chợ mua hoa quả và các đồ lễ để thắp trên bàn thờ bố tôi và các anh các chị. Trong ảnh, bố tôi trông khắc khổ và rất buồn. Các anh các chị, nhìn mặt người nào cũng như đang mếu. Chắp hai tay trước ngực tôi khấn thầm với mọi người về việc đã làm. Mẹ tôi đứng kế bên, hai tay vịn vào cái cột còn hằn bốn vết chém của bố tôi ngày nào. Đợi cho tôi khấn xong, buông hai tay xuống, mẹ tôi hỏi.

- Con đã tìm được em Lệ rồi à?

Nghe mẹ hỏi, tôi ngạc nhiên. Tại sao lại là em. Hay là mẹ tuổi cao, quên những gì mà nhà tôi phải chịu bao năm trước rồi.

- Vâng. Con đã gặp Lệ.

- Con có làm gì hại đến em nó không? Giọng mẹ run run.

Tôi cầm tay mẹ dắt đến chiếc ghế, đỡ bà ngồi xuống. Thì ra, lâu nay mẹ tôi vẫn ngong ngóng có ý tìm lại gia đình bác Riễu. Mẹ tôi không biết, sau khi sang cát cho bác Riễu trai xong, bác gái đã đưa cả nhà lên Tây Bắc. Các anh chị nhà bác lớn lên, bác cũng bắt mỗi người một nơi, không được ở quây quần một chỗ. Lệ bảo cũng không hiểu vì sao bác lại như thế. Bác Riễu gái cũng đã mất cách nay mấy năm khi Lệ đang đi học đại học. Tất nhiên chuyện này, khi gặp lại, Lệ đã kể cho tôi nghe.

Đêm ấy, phải khuya lắm rồi, khi tôi đang ngủ thì mẹ gọi tôi dậy. Bà bảo ra ngồi cạnh bàn để bà có chuyện muốn nói. Tôi có cảm giác bà phải cố gắng lắm mới nói được.

Sau khi bố tôi đưa cả nhà lên bờ, bỏ nghề chài lưới, bỏ kiếp sống lênh đênh tự do nay đây mai đó là vì chúng tôi. Ông muốn con cái được ăn học tử tế, không phải khổ như đời ông. Cả nhà mười mấy người chỉ có mình ông được cho đi học, mà cũng chỉ biết đọc biết viết thì thôi. Những năm đó cũng là thời kỳ cả nước cuốn vào phong trào ba ngọn cờ hồng, hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Bố tôi cũng bị cuốn vào đó. Bố tôi chọn làng làm gai vó là ông muốn cả nhà vẫn có thể làm được nghề cha ông để lại.

Những ngày gia đình chuyển lên bờ, vì không biết nghề nông nên gia đình gặp rất nhiều khó khăn. Mang tiếng là làng nghề nhưng chủ yếu là buôn bán kiểu nước bọt chứ tay nghề không cao. Khi thấy bố tôi là người nơi khác đến ở, có tay nghề giỏi, hút hết khách hàng nên người làng không mấy ai thích. May có bác Riễu, thấy gia đình tôi như thế nên đã ra tay giúp đỡ. Mối quan hệ giữa nhà tôi và nhà bác Riễu rất thân thiết. Thế rồi, chả biết ma xui quỷ ám thế nào, bố tôi và bác Riễu gái lại phải lòng nhau. Chuyện vỡ lở, bác Riễu giận lắm, nghĩ bố tôi là kẻ lấy oán báo ân nên đã lập mưu để bố tôi bị bắt hết hàng, làm cho nhà tôi lâm vào đói nghèo khổ cực đến nỗi đi ăn mày, các anh các chị tôi mấy người phải chết. Cả giận mất khôn, bố tôi nghĩ bác Riễu là kẻ vô ơn, học xong nghề quay ra phản thầy nên đã quyết chí trả thù. Ông thuê người triệt hạ kinh tế nhà bác. Khi có tiền trong tay, bố tôi làm lại nghề và suốt ba bốn năm ông làm không công, thậm chí lấn cả vào vốn của nhà để cho bác Riễu phải mất chức chủ nhiệm, thua lỗ, giải tán hợp tác xã gai vó phải đi lên bán hàng trên Lào Cai, Yên Bái, bị cướp hết tiền rồi đẩy xuống vực. Sau khi đoạn tang bác Riễu trai, bác gái sợ con cái liên luỵ nên đã đưa cả nhà đi trốn. Lệ chính là đứa em cùng cha khác mẹ của tôi, là nguyên nhân của lòng thù hận mà suốt bao nhiêu năm qua tôi âm ỉ nuôi giấu.

Kể xong, mẹ tôi bảo.

- Con ạ. Sống mà lòng người hẹp hòi, chỉ nghĩ đến hận thù thì không là con người được đâu.

Phải vất vả và tốn kém lắm tôi mới tìm lại được Lệ. Vì bị cú xốc quá lớn nên Lệ đã phát bệnh

thần kinh, cứ nhìn thấy người là sợ. Khi anh bạn điện báo cho biết đã tìm thấy. Tôi vội vàng lên. Lệ đang ở trong một cái hang rắn. Nhìn thấy tôi vào, Lệ chạy, xô đầu vào vách hang, ngã tưởng chết. Tôi đưa Lệ về thành phố chữa chạy nhưng xem ra bệnh tình không thuyên giảm mà ngày càng ngày có nguy cơ nặng thêm. Trước đây, hai nhà gần hai chục con người. Đến bây giờ, quay đi ngoảnh lại chỉ còn được hai người. Một người thì điên, một kẻ thì dại. Tôi giật mình, nhớ lời mẹ tôi nói. Ừ nhỉ. Những năm qua tôi đã sống có phải là con người không. Tôi cũng không biết nữa.

* * *

Một lần rủ tôi đi uống cà phê, anh bạn thời lính biên giới đã kể cho nghe chuyện này. Cầm ly cà phê nâng lên rồi đặt xuống, anh nhìn xoáy vào chỗ nước nhờ nhờ đen trong cốc. Trên trán, những nếp nhăn hằn sâu như những vết chém. Đôi mắt tê dại. Tôi xoay người nhìn về đường chân trời. Chiều vỡ vụn ra từng mảnh. Tôi định chỉ nghe để biết chứ không muốn viết. Nhưng rồi anh bạn, người đã kể cho nghe câu chuyện của chính đời mình bảo tôi.

- Ông viết được thì cứ viết ra. Dẫu chẳng lấy gì làm vui nhưng cũng là chuyện để cho mọi người biết thêm mà chiêm nghiệm. Buồn vui cũng một đời người.

Thỉnh thoảng gặp, anh hỏi tôi đã viết xong chưa. Nấn ná mãi rồi tôi cũng quyết định viết. Thôi thì cũng xin góp với đời chuyện của người vậy. Và câu chuyện này vì thế mới có trên tay bạn đọc. Hay dở, đau đớn, buồn tủi tuỳ bạn đọc phán xét. Thời gian mà anh bạn tôi đã sống, có phải là người hay không, tôi cũng nhờ bạn đọc nói giùm./.

PHẠM THANH KHƯƠNG



thơ

LÊ VĂN TRUNG

CHIÊM BAO

em nào hiểu giữa cơn say
ta chiêm bao thấy một ngày rất xa
tình không không cửa không nhà
lòng như mây trắng bay qua biển chiều.

1970

LÊ VĂN TRUNG



CHÊNH VÊNH

truyện ngắn

ĐỖ TIẾN THỤY

Anh lồng xe trên phố như một con chuột cố nhờ sức gió dập tắt ngọn lửa bén vào mình. 23h, phố núi vắng tênh. Man man trong gió một điệu tăng-gô buồn từ quán cà phê vườn nào đó vọng ra: "Đường về đêm nay vắng tênh... Hàng cây lướt nhanh...". Anh đã cảm thấy lạnh và muốn về nhà. Nhưng không được. Hương! Hương tóc, hương tình vẫn còn lẩn quất trên áo anh...

Mặc dù Giang đã cam đoan nàng không hề trang điểm, và cũng không hề dùng một chút nước hoa nào, nhưng anh vẫn ngửi thấy mùi thơm, mùi thơm không rõ ràng nhưng dai dẳng bám riết lấy tâm trí anh. Những đường phố khuất nẻo mọi đêm thơm lừng thiên lý vậy mà hôm nay anh không thấy gì ngoài cái mùi ám ảnh suốt từ lúc chia tay Giang.

Anh đột ngột vặn mạnh tay ga, chiếc xe già nua giật mình ằng ặc mãi mới chiều ý anh tăng tốc. Gió u ú thổi qua tai anh với tốc độ kinh người, vậy mà anh vẫn còn ngửi thấy mùi thơm bám trên áo. Anh bất lực muốn trào nước mắt, đành lủi thủi dong xe chầm chậm ra cầu. Cầu treo Kon-Klor đây. Cây cầu nối phố với rừng đây. Mỗi khi có nỗi niềm không biết chia sẻ cùng ai anh lại ra đứng nơi này để tận hưởng cảm giác tận cùng của nỗi cô đơn.

Hồi chiều Giang điện cho anh kèm theo lời đề nghị, không, yêu cầu mới đúng: "Em đã đọc xong cái truyện anh đưa. Em cần gặp anh ngay!". "Không, không nên Giang à". "Tại sao?". "Vì... vì không tốt cho em". "Nói dối! Anh cũng muốn gặp em, nhưng anh sợ, đúng không?". Anh im lặng thú nhận.

*

Anh làm nghề viết, một nghề viết không được ai công nhận bởi anh chẳng có trong biên chế một

báo nào, vì thế cuộc sống của anh luôn trong tình trạng vất vưởng. Cái bằng đại học ngữ văn không giúp được anh xin việc, đành mài nó ra thành những bài viết nhỏ cộng tác với vài tờ báo. Đã thế anh lại không năng động như người khác luôn đón đầu sự kiện để viết, anh chỉ viết những gì anh thích, đôi lúc máu hâm nổi lên anh cắm đầu cả tháng vào viết văn, vì thế túi anh lúc nào cũng ráo như tổ chim mùa thu, nợ tiền cơm bụi tháng này qua tháng khác.

Ấy thế mà có tới 4 cô gái lần lượt yêu anh, chỉ có điều khi anh ngỏ lời cầu hôn thì họ đều im lặng, lắc đầu. Cô gái thứ năm anh không cần yêu và tìm hiểu gì nhiều bởi ngày nào cũng gặp, ngày nào cũng được người ấy hai lần bưng suất cơm đặt trước mặt cùng câu nói: "Anh cứ ăn đi khi nào có trả cũng được". Nghe nói nàng bị bệnh tim. Đã có vài chàng trai mê cái dáng thon gầy dân dã cùng với cơ ngơi cơm bụi, nhưng khi biết sự thật họ lặng lẽ chuồn. Khi anh ngỏ lời cầu hôn nàng cũng nói thật: "Anh biết em bị bệnh tim rồi chứ? Bác sĩ khuyên không nên có chồng. Có chồng thì không nên có con...". Mặc, một quả tim yếu nhưng vẫn biết thương một gã nghèo như anh, quả tim ấy chưa đến nỗi hỏng. "Mày sẽ phải trả giá cho cái triết lý cùn này!" - Thụy, thằng bạn đồng niên đã cảnh cáo trước khi anh quyết định cưới nàng. Trớ trêu cho anh là lúc này Giang xuất hiện, một phóng viên mới tinh của tờ báo anh thường cộng tác, mới gặp lần đầu cả hai người đã cảm thấy nửa kia của đời mình vừa tìm thấy.

Giang khóc trên vai anh: "Sao em không gặp anh sớm hơn được chứ!". Anh cắn chặt môi: "Ừ... anh mới ký vào giấy đăng ký kết hôn hôm qua". "Không thể nào khác ư anh?". "Không, em hiểu cho, Trân sẽ chết nếu anh phụ cô ấy!". Giang không tin, bắt anh dẫn đi ăn cơm bụi. Chỉ khi giáp mặt, tận mắt chứng kiến Trân mặt trắng bệch, ôm ngực thở dốc khi vừa thấy anh cặp kê với Giang, khay cơm bụi rớt xuống sàn tung tóe, Giang mới tin. "Đây là bạn của anh. Còn đây là vợ sắp cưới của anh". Nghe lời giới thiệu công khai, Trân mới tạm thời qua cơn sốc. Nhưng trước vẻ đẹp thanh tao của Giang, Trân tỏ ra lúng túng vụng về tội nghiệp, đánh động lòng trắc ẩn của Giang. Nhưng nhìn vào mắt Giang, anh hiểu Giang vẫn hy vọng vào một biến động nào đó trong cuộc sống vợ chồng sắp tới của anh.

*

Đêm tân hôn, hàng xóm chung quanh anh nhốn nháo bởi một ca cấp cứu lạ. Lạ là bởi những ca cấp cứu kiểu này chỉ xảy ra ở thời "Nam nữ thọ thọ bất thân". Cũng may quả tim của Trân cũng dần quen với hạnh phúc quá đỗi ngọt ngào. Ban đầu cuộc sống vợ chồng anh khá dễ chịu. Trân vẫn quán xuyến quán cơm nhưng cũng dành thời gian chăm chút anh bằng tất cả sự hàm ơn và tình yêu cộng lại. Nàng không đòi hỏi gì anh nhiều. Nhưng anh thì có. Mỗi khi viết được cái gì, anh reo toáng lên: "Trân! Em xem này!". Nàng đón bản thảo và đi xuống bếp. Anh nằm lim dim trên giường tận hưởng niềm vui của vận động viên leo núi vừa chinh phục xong một đỉnh dốc. "Em đọc xong chưa? Thế nào?" - Anh hồi hộp hỏi trước khi ngồi vào mâm cơm tương đối nhiều ca-lo, mà cái dạ dày nhỏ như trái quýt chỉ quen với cơm bụi và rượu đế của anh đâu cần như thế. Trân thành thật: "Em chưa đọc. Mà có đọc em cũng chẳng hiểu gì dâu". Nàng len lén xuống bếp mang lên tập bản thảo đã lem nhem mỡ trộn lẫn nhọ nồi: "Hồi đi học em hay bị ngất, cứ đọc một lúc là mắt hoa lên". Anh thở dài sườii sượi, vừa thương vợ, vừa xót xa cho đứa con tinh thần của mình không được đoái hoài.

Nhưng Giang thì khác. Giang hồ hởi đón nhận tất cả những gì anh viết ra. Anh hồi hộp ngắm nhìn Giang đọc bản thảo của anh, khấp khởi mừng khi thấy khuôn mặt Giang giãn nở, lòng cuống thốn lên khi thấy cặp mày cong mảnh nhướng lên, cặp môi mọng hồng mím lại. Sau mỗi lần như thế Giang lại buông bản thảo nhìn anh đăm đắm: "Văn anh như có móng vuốt, mà em thích lối văn như thế. Lương tâm con người đang chai đi vì tham vọng, tiền tài. Phải cào bật nó ra cho rướm máu, đau một chút nhưng em tin con người sẽ sống nhân hậu với nhau hơn". Chao ôi! Đối với người cầm bút, còn hạnh phúc nào hơn khi có người hiểu mình đến thế. Không kìm được lòng nữa, anh và Giang đã hẹn gặp nhau tại một quán cà phê.

*

Cái quán khuất nẻo, mỗi bàn được cách ly nhau bằng những mảnh lồ ô ghép cùng những chậu cây kiểng tạp. Lần ấy, trước lúc ra về, anh đã lập cập cài lại cúc áo cho Giang, còn Giang cẩn thận dùng tay lau đi vết son mờ trên môi anh, tỉ mẩn nhặt những cọng tóc vương trên cúc áo len sờn anh thường mặc. Vậy mà về đến nhà anh đã sững người bởi câu hỏi của Trân: "Sao anh thơm thế". Anh giật mình ngó vào mắt vợ ánh mắt vô tư biểu lộ sự quan tâm chân thành chứ không có nét gì soi mói đã khiến anh buột miệng nói dối: "Anh bị đau đầu, thằng Thụy đưa anh lọ dầu Trường Sơn...". "Anh bị gió rồi!". Vợ anh hốt hoảng dìu anh vô giường, lấy nước ấm rửa mặt cho anh, bàn tay mảnh mai của Trân cuống quýt xoa bóp khiến cho nỗi ân hận trong lòng anh trào ra bằng hai giọt nước to, bỏng xót. Từ đó anh không dám gặp Giang nữa. Anh quan tâm đến vợ nhiều hơn bằng một thứ tình cảm gì đó, nhưng nhất quyết không phải tình yêu.

"Anh, em muốn có con!". Anh giật mình trước lời đề nghị của vợ: "Không! Bệnh của em...". "Không, em muốn đẻ cho anh một đứa con". Anh ôm ghì vợ vào lòng dỗ dành: "Anh hiểu! Anh hiểu! Nhưng sức khỏe của em không cho phép. Rồi chúng mình sẽ xin một đứa con nuôi". Vợ anh im lặng cắn môi như đồng ý. Đùng một cái vợ anh mang bầu. Anh bàng hoàng trước sự thật ngoài ý muốn đó. Một cái chết được báo trước cứ rút ngắn dần thời gian chờ đợi khiến anh có cảm giác ngồi trên đống lửa. Ngày đưa vợ đi sinh, anh chuẩn bị cho mình một tinh thần sẵn sàng đón nhận điều khủng khiếp. Thời gian đứng ngoài phòng sinh dài hơn tất cả thời gian cuộc đời anh cộng lại. Tiếng dao kéo loảng xoảng cứa thót vào tim anh từng chặp. Khi tiếng "Oe" đầu tiên cất lên anh đã tông cửa lao bổ vào phòng. Trên bàn sinh, Trân nằm bất động, toàn thân trắng rợn như nặn bằng thạch cao. Một vệt máu đỏ rùng rùng đập vào mắt, khiến anh chỉ kêu lên được hai tiếng "Trân ơi!" rồi đổ gục vào những bóng áo blu trắng, tai vẫn chập chờn tiếng gọi: Ô xy! Trợ tim!...

"Ô, anh tỉnh rồi!" - cô y tá mắt sáng rỡ reo lên khi anh vừa mở mắt: "Quả tim của anh coi bộ dồm hơn của bà xã nhiều!". Anh ngơ ngác như vừa tỉnh ngủ. Giường bên Trân nhìn anh bằng đôi mắt chứa chan và nụ cười mãn nguyện. Đây là thực hay mơ? Ôi, con trai anh! Thằng bé đỏ hỏn, mắt nhắm nghiền nhưng miệng lại nhích lên nụ cười mụ dạy.

*

Suốt bảy tháng trời anh nghỉ viết để chăm sóc vợ con. Đến khi Trân hoàn toàn bình phục anh lại thấy ngứa ngáy chân tay và lại cầm bút viết. Suốt ba ngày cơm nước thất thường, không tắm gội, không ra ngoài, cái ý tưởng vụt lóe hôm trước đã thành hình hài. Anh hăm hở cầm cái truyện ngắn nóng hổi ấy đi tìm Giang. Nàng hờ hững đón bản thảo: "Không cần đọc tôi cũng biết văn anh bây giờ là thứ văn bằng lòng, mãn nguyện". Anh không nói gì, thờ thẫn ra về.

Thế mà chiều nay Giang lại điện hẹn gặp anh. Chỗ cũ. Hai người vừa ngồi, anh gọi chanh rum cho anh và cam vắt cho Giang. "Em không ngờ văn anh vẫn như xưa". Anh ngây dại nhìn Giang... "Kìa! Từ từ đã anh!...".

Cô tiếp viên tần ngần mãi trước ngăn tình yêu đang nổi bão, đành mang hai ly nước lại quầy. Bà chủ quán nhướng cặp mày chì vẽ lên xeo xéo: "Sao không mang cho khách?". "Họ không cần giải khát bằng thứ nước này!".

Cơn thủy triều vừa lắng xuống, anh lấy giọng chân thành pha tiếc nuối hỏi Giang: "Sao em không lấy chồng đi?". "Anh muốn thế à?". "Không. Mà... em đã hai bảy tuổi còn gì. Con gái có thì. Em như thế này chả lẽ không có ai theo đuổi hay sao?". Giang nhếch mép, khẩy mũi: "Đầy! Một giám đốc sở kiêm nhạc sĩ mù, chuyên nhờ người ký âm hộ mong mua chút hư danh, một cộng tác viên có tên trong hội nhà báo nhưng lại chuyên "xào" bài người khác kiếm tiền nhuận bút, một trạm trưởng kiểm lâm nhưng chuyên nghề buôn gỗ lậu... Sao cái lũ bặng nhặng ấy nó vo ve quanh em nhiều thế không biết! Được rồi, nếu anh không yêu em nữa, em sẽ nhón tay lấy một thằng làm chồng, giải quyết khâu xác thịt, còn tâm hồn, nếu cần em sẽ ngoại tình!". Anh choáng váng trước lời tuyên bố đanh thép ấy nên lắp bắp: "Đừng... Đừng". "Sao đừng?". "Em làm thế tội nghiệp những người đàn ông". "Xí! Thế còn đàn bà thì sao? Anh xem lại anh kìa!".

Rốt cục, có lẽ lo sợ cho quyết định của Giang, và cũng có lẽ do cả một cái gì đó không biết nữa, nên anh đành chấp nhận duy trì cuộc tình đã đẩy anh vào thế chơi vơi như chiếc cầu treo này. Con sông Đăk Bla vốn dĩ vô tư chảy tự đầu nguồn, đến đoạn cầu treo thì gặp cù lao Đăk Son, nó chia làm hai dòng. Theo tháng năm cù lao cứ lớn dần lên, hai dòng chảy cũng dần dần thay đổi. Một bên cồn cào xoáy xiết, một bên phẳng lặng lững lờ. Bờ bồi bây giờ hoa mía tím ngắt trong gió đông. Bờ lở vách dựng đứng, thăm thẳm sâu, đang cháy rực một màu hoa trinh nữ.

*

Trời khuya vắng lặng, cầu treo nhờ nhợ ánh trăng u ám. Rồi mưa. Mưa lay phay cùng với gió sắt se khiến anh đứng so ro như chú cò trong đồng vắng. Mặc dù vẫn ngửi thấy mùi tóc, mùi da thịt Giang ám trên người, nhưng lạnh quá, anh phải ra về.

"Đường về đêm nay vắng tênh... Hàng cây lướt nhanh. Mưa ơi có thấu cho ta đường về chốn lạnh lùng. Đời nghèo nào đâu dám mơ tình chung...". Lời ca ướt sượt nước mưa mọi ngày anh vẫn cho là sến, vậy mà hôm nay nó hợp tâm trạng anh, nó đuổi theo anh về đến tận nhà. Trong đầu anh đã phác sẵn một kế hoạch đối phó với Trân: "Anh chơi chỗ thằng Thụy. Anh em lâu ngày gặp nhau có uống nhiều. Em thông cảm. Anh bị đau đầu. Thằng Thụy có đưa anh lọ dầu Trường Sơn...".

Trân ôm con ngồi như tượng trước cửa dưới ánh đèn huỳnh quang xám lạnh. Vừa thấy anh. Trân đã bật dậy như chiếc lò xo bị nén. Anh luống cuống lách qua người Trân dắt xe vào nhà, tai vẫn dỏng lại đằng sau nghe ngóng. Lạy giời! Trân có ngửi thấy mùi gì không mà đứng trân trân như cọc gỗ thế kia? Dựng xe xong anh toan ra đóng cửa. Cánh cửa sắt cũ hoen gỉ luôn quá sức Trân nhưng thấy Trân vẫn ôm con đứng đó nên anh sợ không dám quay ra. Anh lao vào nhà tắm trút hết áo quần rồi xối nước ào ạt lên người, hòng nhờ nước phi tang điều gian dối. Xong, anh chui ngay lên giường trùm chăn nằm run như cầy sấy.

"Anh bế con để em đóng cửa". Bất đắc dĩ anh phải ngồi dậy thò tay qua màn đón con. Cơ thể do chạm lạnh, cũng có thể do linh khứu trẻ con thằng bé đã ngửi thấy mùi gì đó nên nó choàng mở mắt nhìn anh đăm đăm, cánh mũi dỉnh lên nhấp nha nhấp nhỉnh. Qua nhãn cầu của con, anh biết mình là một kẻ xa lạ đối với nó. Điều đó càng được khẳng định khi bất ngờ thằng bé ré lên, duôi người khỏi tay anh. Anh cuống cuồng ôm chặt lấy con, muốn cất giọng dỗ dành nhưng không được, miệng chỉ "Ầy ầy" lạ lẫm. Thằng bé càng khóc tợn, người xoắn vặn như sợi chão trong tay anh. Trân cuống quýt chạy vào: "Ô-ô-ơ-ơ. Con hư quá! Bố mà con không nhận ra ư? Ôi xôi mẹ xương". Vừa qua tay mẹ thằng bé lại ngủ ngon lành như không có chuyện gì xảy ra. Trân đặt con xuống giường rồi khẽ khàng hỏi anh: "Anh đi đâu mà mẹ con em chờ mãi?". Anh lấm lét nhìn vợ. Kẻ ăn vụng bị truy hỏi ngọn ngành đang lúng búng tìm lời biến báo. Và ánh mắt, ánh mắt lo lắng xót xa nhìn kẻ tội đồ đang run rẩy trên giường khiến anh muốn co mình lại như con giun đất sợ ánh sáng ngày. Một chút xíu nữa thôi là anh đã phun hết ra sự thật. Rất may bản chất ngoan cố của thằng đàn ông đã trỗi dậy kịp thời giúp anh bật mồm nói dối. Ôi giá như Trân hiểu chuyện mà bóng gió, mà chì chiết có lẽ anh đã có cớ để mà nạt nộ, rằng anh có quyền như thế, có quyền đi tìm người đồng cảm sẻ chia những tâm sự mà anh không thể tìm thấy ở Trân. Đằng này...

Anh nằm thẳng tưng như thân chuối, mặt úp vào gối, mặc cho Trân nước mắt lã chã rớt xuống lưng anh nóng hổi, bàn tay hối hả xoa dầu cạo gió. Anh bình thản như một kẻ trúng gió thật sự, nhưng trong lòng đang tả tơi như vừa trải qua một cơn lũ xiết. Cơn lũ xiết gặp phải cù lao chia làm hai dòng, một dòng cuồn cuộn bão giông, một dòng hững hờ phẳng lặng. Một lần nữa anh cay đắng nhận ra rằng, mỗi cơn lũ đi qua, dẫu chẳng vô tình nhưng những hạt phù sa không bao giờ đọng vào bên lở.

ĐỖ TIẾN THỤY

150 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



QUÁN CHIM

truyện ngắn

LÝ THỊ MINH CHÂU

Làng bây giờ cũng có vài quán cà phê gần nơi những con hẻm giao nhau, nơi đó thuận tiện cho việc buôn bán vì người qua lại đông đúc. Chỉ cần một cái sân lát gạch hay vườn cây sum suê bóng mát là được, có không hay không có nhạc cũng chẳng sao bởi nhà ai cũng có ti vi máy đĩa cả rồi. Có thể chẳng ai để ý tới việc phải tới đó sáng sáng, tối tối để làm gì bởi cà phê thì nhà nào chả có, ngon hơn quán nữa là khác nhưng quán vẫn là địa chỉ quyến rũ họ thật sự. Người ta không quan tâm tới chuyện ngon hay dở, đắt hay rẻ. Người ta tới đây chỉ để nghe ngóng những chuyện họ quan tâm, từ giá nông sản cho tới vật nuôi, từ câu chuyện lá cải cho tới đề tài nóng bỏng nào đó, chuyện trên trời dưới đất vô thưởng vô phạt chỉ để chuốc vài nụ cười.

Làng có nhiều quán cà phê vườn đẹp xinh và mát mẻ như thế nhưng bọn tôi chọn một quán có cây bàng to, có nhiều cành thấp lè tè vươn rộng ra bốn hướng để làm nơi tụ họp mỗi sáng sớm. Ở đó, chúng tôi treo những lồng chim đang mùa sung lửa nhất của mình lên và say sưa ngắm chúng. Chim tha hồ hót, khách tha hồ huyên náo, chủ quán lăng xăng chạy ra chạy vào. Ngoài chúng tôi ra cũng có một vài cụ lớn tuổi thích nghe tiếng chim hót du dương, thích nghe chúng tôi nói về chuyện đánh bắt chúng. Có con phải bỏ ra hàng tháng trời rình rập mà chẳng được gì. Cái tên " Quán chim " mà tụi tôi ưa gọi cũng có từ đó. Công việc đồng áng bây giờ cũng nhàn nhã chớ không tất bật như ngày xưa, ngoài việc gieo cấy, làm cỏ, bón phân ra thì máy móc làm tất. Bây giờ chẳng còn mấy ai gánh từng gánh lúa trìu trĩu về nhà, máy liên hợp lo chuyện gặt đập, công nông bon bon chở lúa về nhà. Danh sách tỉ phú " hai lúa " ngày một dài ra kéo theo những trò chơi miệt đồng lên hàng " danh gia vọng tộc ". Đá gà, chọi chim, chọi trâu, đua bò, thi tiếng hót chim là một trong số những thú tiêu khiển và cũng là nguồn thu nhập không nhỏ của một số cư dân làng tôi. Nghề nào cũng lắm công phu. Đá gà thì phải biết đầu tư cho gà, biết coi chưn coi cẳng, biết chăm sóc gà và biết chạy khi thấy Công an. Còn chọi chim thì khỏi lo gì cả, có chút kinh nghiệm chăm sóc chúng là được, con nào hăng lửa thì cho đá không thì thôi. Chim yếu lửa nghe tiếng hót của địch thủ là xếp re, im tịt, loại ấy thì chẳng đấm đá được gì. Khách chơi chim chỉ cần nhìn cái lồng là biết chủ của nó thuộc hàng đại gia nào trong xóm. Có những cái lồng giá tới vài triệu đồng là thường. Loại lồng này thường làm bằng gỗ quý, mái sơn son thếp vàng, cống đựng thức ăn bằng ngọc Non Nước, chú chim nào ngự trong đó không là đệ nhất điểu thì là gì, tiếng hót của nó không hay mới là lạ.

Có người chơi chim thì phải có người bẫy chim. Bẫy chim không đơn giản là tay ngang mà thành công. Người bẫy chim thiện nghệ là người biết chọn nuôi con chim mồi ưng ý, có tiếng hót hùng dũng, cánh vỗ đôm đốp. Người ta huấn luyện chúng thành chiến binh gan lì trước mọi đối thủ, biết hót trêu ngươi khi cần thiết. Bấy nhiêu đó đủ để đem về cho nhà bẫy năm mươi phần trăm thắng lợi rồi. Ngoài con chim mồi, bẫy chim là phần thắng lợi của năm mươi phần trăm kia còn lại. Bẫy phải chắc chắn, có hệ thống sập nhanh và phải nguỵ trang thật khéo, lưới phải thật trong để chim trời khó phát hiện. Ngoài niềm đam mê, nhiều gia đình cũng sống được bằng thu nhập của công việc này mang lại. Riết rồi thành chuyên nghiệp, thành nghề hẳn hoi. Có những con chim mồi có giá ngất ngưởng mây xanh như đa đa, hoạ mi, chích choè lửa, cu cườm...Nhưng giá của con chim đa đa mồi hay là dữ dằn nhất, có ngày nó dụ được vài ba con chim hoang là chuyện thường. Với giá bán sĩ cho nhà hàng không dưới hai trăm ngàn một con, con chim đa đa mồi hay cũng nuôi nổi vài miệng ăn quê qua ngày đoạn tháng dễ ợt. Thứ đến là hoạ mi và chích choè lửa, loại này phải nuôi cho sung rồi mới bán được, giá cả của chúng tuỳ thuộc vào tiếng hót.

151 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Còn cu cườm hay chim gáy thì thông dụng hơn nhiều. Loại này cho người bẫy thu nhập không cao do chỉ bắt được những con chim hoang có tiếng gáy nghe không sướng. Đa phần trong số chim này là giọng thổ còi, thổ dền chỉ đổi được bữa rượu là cùng còn không thì nướng muối ớt cho cả nhà đưa cay. Hoạ hoằn lắm mới chộp được con có giọng thổ đồng quý hiếm bán được kha khá tiền nhưng phải nuôi hàng năm nó mới lại lửa.

Sau bữa điểm tâm bằng tiếng chim hót, người ta kéo nhau ra đồng gửi lại những chiếc lồng chim cho chủ quán coi ngó, chiều về họ xách chim về. Cho tới một hôm người chủ lồng chim cu gáy la toáng lên do không thấy con vật cưng của mình đâu cả, cái lồng trống hoác trống huơ. Có ai đó thó nó mất rồi. Chủ quán tíu tít phân trần này nọ nhưng làm gì có chuyện đền bù ở đây. Còn người chủ chim thì nằng nặc đòi cho được những hai triệu đồng. Hai triệu đồng đủ để đối diện với pháp luật rồi còn gì. Cuộc cãi vã không dứt đành nhờ tới chính quyền can thiệp.

Đó là cái lồng có con chim gáy giọng thổ đồng, con chim mà làng bên coi như báu vật của làng mình đã bị người ta bẫy mất. Làng đó có cây đa trăm tuổi, cao vút tầng trời, có đôi chim gáy hót ra rả cả ngày. Tiếng hót của nó ngân vang như tiếng chuông đồng, trầm trầm nhưng mạnh mẽ. Tiếng hót của nó đã làm say lòng bao cụ già lớn tuổi ở đây, các cụ gọi nó bằng cái tên trìu mến là " con thổ đồng ", các cụ cấm trai tráng trong làng không được bắn ná hay bẫy sập đôi chim này. Ấy thế mà nó tự dưng biến mất, không còn tiếng vỗ cánh mồn một mỗi sáng trước khi bản tình ca " Cù.. cú.. cu... cù..." réo rắt cất lên. Một " chuyên án " được các cụ lập ra là dò xem làng trên, xóm dưới nơi nào đang sở hữu cục cưng thiên nhiên của làng. Bởi các cụ cũng tính trước lường sau cả rồi, ai đó bỏ công theo đuổi, rình rập để bẫy cho được con chim này phải là người rất mê chim, biết tiếng chim gáy này rất quý nên chẳng thể nào dám thịt nó. Không thịt nó thì nó còn sống mà còn sống thì nó phải hót. Làm sao bịt được tiếng hót. Mà có tiếng hót thì phải tìm ra. Mà đã tìm ra thì chỉ cần mở cửa lồng là xong, đâu ai trộm cắp gì đâu mà sợ, cùng lắm nếu bị phát hiện thì nói lỡ tay, đền là cùng. Lý luận thật chặt chẽ, các cụ chia nhau lên đường.

Lần theo tiếng " con thổ đồng " hót, vài cụ đã tìm ra nơi ở mới của nó. Tiếng gáy thì không thể nhầm lẫn được rồi còn chuyện mục sở thị nó tận mắt mà gần trong gang tấc thế này thì quả là bất ngờ với các cụ, các cụ ngắm nó hoài không chán. Trừ bộ cánh và đuôi có màu đen đặc trưng thì thân nó tuyền màu xám nhạt. Cái mỏ của nó đen nhánh, dài và hơi cong, phía trước cụp xuống. Bao quanh con ngươi của nó là cái vòng tròn vành khăn đo đỏ, trông thì đẹp nhưng khi nó nổi giận chắc lá dữ tợn phải biết. Cổ choàng tấm lông lấm tấm những hạt cườm trắng trên nền lông đen trông nó thật quý phái. Đôi chân màu hồng cánh sen đẹp đẽ làm sao, với những cái vảy nho nhỏ xinh xinh, người ta xem chưn cẳng chúng là ở những cái vảy này và bộ móng vuốt nhọn hoắt đầy uy lực kia nữa chứ. Chỉ cần một buổi cà kê dê ngỗng tại nơi đây thôi thì các cụ đã hoàn tất công việc của mình. Con chim thổ đồng đã bay về tổ ấm của nó. Vài ngày sau nó sẽ lại hát ca vang trời.

Một anh đến thăm dò chủ quán :

- Khách sáng nay gồm những ai.

- Dạ, vẫn như thường ngày...

- Nghĩa là không có ai khác ngoài dân làng mình ?

Ông chủ quán còn đang ngẫm ngợi thì chị vợ đã nhanh nhảu :

- Có hai cụ tới muộn, uống nước trà với hai cái bánh đậu xanh thôi nhưng ngồi lâu lắm.

- Biết ở đâu không ? - Người chồng chen ngang.

- Hình như ở xóm Đình thì phải.

- Lẽ nào...

Anh ta về mà chẳng hỏi han thêm gì.

Theo hình dạng mà cô chủ quán miêu tả, anh ấy không khó tìm ra các cụ ở xóm Đình kế bên. Cũng là chỗ quen biết cả thôi, các cụ nhìn anh rồi tủm tỉm cười và chỉ lên ngọn đa làng mà không nói gì. Lúc đầu anh cũng ngơ ngác nhưng khi nghe tiếng gáy của con thổ đồng thì anh đã hiểu. Anh vui vẻ uống ly nước trà của các cụ mời, nghe các cụ hào sảng kể về đôi chim gáy này một

cách say sưa và nhiều cảm mến dành cho nó, anh đâm ra nể phục lòng yêu thiên nhiên của các cụ. Công việc của anh tới đây coi như đã hoàn thành mà không phải đưa ra lời khó hỏi trước các cụ già khả kính. " Bất chiến tự nhiên thành ". May quá. Còn chuyện ở nhà thì dễ ợt, chỉ cần gặp người chủ chim và khuyên ông ấy không đem bẫy sang đánh bắt chim làng khác là xong.

" Quán chim " lại đông vui như trước, tiếng chim lại hót líu lo duy chỉ tiếng gáy của con thổ đồng muốn nghe thì phải sang làng bên cạnh.

LÝ THỊ MINH CHÂU



thơ

PHAN THÀNH MINH

ĐỒNG DAO MÙA HẠ

Gửi vào mắt phượng chút buồn
để quên nắng ngủ sân trường sáng nay
để quên màu mực trên tay
rưng rưng bụi phấn thông bay cuối đường

Lặn vào nghìn giọt yêu thương
mai bơ vơ những nỗi buồn...hạ ơi
về đâu xao xuyến một thời
mưa bất chợt để khơi vơi má đào

Lời ve trầm bổng xót xao
bao tiếc nuối cứ dâng trào...phượng ơi
hạ buồn bóng khuyết riêng tôi
trăng khuya lành lạnh cút côi giấcằm

PHAN THÀNH MINH



HOA THANH LONG VỠ

truyện ngắn

NGÔ THỊ HẠNH

Hưng ngồi sụp xuống trong tiếng thác loạn của vũ trường. Anh cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Anh muốn quay về Tây Ninh, nơi có mảnh vườn với những bông thanh long rực sáng. Thanh Long, loài hoa có hương thơm dịu và vẻ đẹp làm ngơ ngẩn lòng người.

Trước, anh ít khi nào để ý đến loài hoa ấy. Nhưng từ ngày chị đi cho đến nay, việc chăm sóc cây thanh long đã trở thành công việc của mẹ. Và cũng từ khi chị đi, mẹ suốt ngày thẫn thờ ở ngoài vườn. Cái khuôn vườn nhỏ ấy không đủ sức chứa nổi nỗi lòng của mẹ. Nỗi nhớ cứ trào ra, chòng chành, chòng chành mà không thể nào đổ ánh mắt lạnh lùng.

Chị gần với cây cỏ ngoài vườn và chị vui với niềm vui của chúng. Nhất là khi thanh long trổ bông, chị tíu tít suốt ngày với mẹ và luôn tươi cười với em trai. Hưng cảm thấy chị như con nít và anh thè cái lưỡi dài ra trêu chị. Chị không thèm trách Hưng mà lại nói :

- Bông thanh long tàn kể cũng buồn thật nhưng lại có thêm niềm vui mới. Đó là sự ra đời của một trái mọng đỏ tươi.

Bây giờ vắng chị, nhà chỉ có hai mẹ con. ra vào cả ngày chỉ có vài ba tiếng nói. Lúc ăn cơm, không có câu nói đùa của chị, buổi tối quây quần, không có tiếng chị cười vui, lúc Hưng đi chơi về khuya, không có giọng mắng sang sảng của chị vọng lên từ cái chõng nơi cuối nhà. Lúc đầu chỉ cảm thấy trông trống, sau thấy nhoi nhói ở trong lòng. Bởi chị ở xa mà lại ở nơi hang hùm miệng sói. cảnh chị mặc áo hồng, tóc chải mượt, lượn qua lượn lại trong bữa tiệc của bọn đàn ông say xỉn khiên Hưng vô cùng ấm ức. Rồi anh lại còn nghĩ đến cảnh chị phải tiếp khách ở vũ trường. Chị bưng nước cho họ nhưng nếu họ muốn mời chị nhảy thì chị cũng không thể từ chối được. Bởi nếu từ chối thì có nguy cơ bị đuổi việc còn nếu đồng ý thì thật là tôi cho chị quá. Những người đàn ông khi đang say thì còn kể gì đến phép lịch sự với những cô tiếp tân như chị. Hưng càng tưởng tượng càng cảm thấy sự bất lực trong mình. Mà đối với tuổi trẻ, bất lực là một trạng thái vô cùng đáng sợ.

Hưng cảm thấy nhục cho chị thì ít mà cảm thấy giận cho mình thì nhiều. Không hiểu tại sao mà anh lại có thể đồng ý cho chị đi thành phố làm, kiếm tiền nuôi mình ăn học. Hưng giận mình rồi lại chuyển sang giận chị. Tại sao chị lại có thể sống trong môi trường ấy ? Mà con người hễ càng giận lại càng nghĩ nhiều đến người mình giận. Mà càng nhớ lại càng thương, càng chua xót nhiều. Hưng tưởng tượng chị mình bị người ta sai khiến. Chị có sắc đẹp và tuổi trẻ. Người ta muốn sai

khiến chị hoàn toàn thì người ta phải dùng đến tiền tài, thậm chí cả ma túy. Nghĩ vậy, anh chàng không thể chịu nổi... Càng nghĩ đến chị, anh càng cảm thấy mình như bị hàng trăm mũi tên đâm vào tim. Vào óc. Đau buốt, đau như thể anh đang sắp bị mất đi cột sống. Cột sống anh như đang có một con vật nào đó đục khoét và ăn cho rỗng tuếch. Hưng quyết định đi tìm chị.

- Biết tìm nó ở đâu giữa thành phố đày người đó. - Mẹ nói kèm theo tiếng thở dài sườn sượt.

- Có lần con nghe một người bạn của chị nói chị làm ở vũ trường Ánh Sao. - Hưng chống chế.

- Rồi biết vũ trường ấy nằm ở đâu. Mà sợ khi mày tìm thấy vũ trường ấy nó lại đổi chỗ làm rồi thì sao. Thôi con, ở nhà lo mà học đi. Trước sau gì rồi chị con cũng tự trở về cho coi.

- Biết chị ấy có chủ động được hy không. Rủi chỉ bị người ta hại thì sao ? Chỉ không có tin tức cả nửa năm nay rồi.

- Kệ thây nó.

Mẹ bắt đầu rơi nước mắt. Hưng quay đi, không nhìn.

Mẹ vẫn thường hay khóc về đêm. Nơi cái chõng tre ở cuối nhà chỉ còn mình mẹ xịt xoạt. Hưng lại cảm thấy đau, cảm thấy mình như vô cớ bị cướp mất một vật gì đó qúy giá nhất đời mình. Mẹ đã già và trải qua nhiều sóng gió cuộc đời. Nếu mẹ không tin vào chuyến đi này của Hưng, thì quả thật là Hưng cũng cảm thấy phiêu lưu. Nhưng biết làm sao được. Tiếp tục ngồi ở nhà, không tin tức gì của chị, có thể anh sẽ điên mất. Hoặc mẹ không tin cũng bởi mẹ sợ. Mẹ sợ những cạm bãy cuộc đời cũng sẽ giăng cả vào Hưng. Nhưng không, mẹ hãy cứ yên lòng.

Hưng quyết định đi? Tây Ninh - Thành phố có cách nhau là bao !

Nhưng giờ đây Hưng cảm thấy mệt mỏi và rã rời. Hai ơi, giờ này Hai đang ở đâu ? Hưng rời rã bước ra khỏi vũ trường. Đi một đoạn, anh gặp lại bà gánh tàu hũ nóng hôm nọ? Nhìn thấy Hưng bà lão ân cần hỏi :

- Cậu chưa tìm thấy chị phải không ?

- Dạ, - Hưng trả lời mà không nhìn vào mặt bà.

- Thôi cậu về đi ! Về lo mà học đừng để mẹ cậu trông.

Bà lão thường xuyên bán tàu hũ vào buổi tối ở đây, nơi lền đường cạnh vũ trường này. Khách của bà thường là nhân viên vũ trường và một số công nhân đi làm về khuya ghé vào. Trong số khách ấy có chị hai của Hưng. Hôm đầu tiên lên thành phố Hưng đã quen với bà. Anh đưa hình chị hai ra cho bà xem. Bà nói bà có quen nên Hưng mừng lắm. Nhưng nào ngờ, khi vào vũ trường hỏi thăm thì chị đã không còn làm việc ở đó nữa. Nghe người ta nói chị được một ông Việt kiều nào đó "bao" nên không còn làm ở đây nữa. Suốt mấy hôm nay, Hưng đi tìm những người bạn cũ của chị nhưng cũng chẳng ai biết rõ chị đang ở đâu. Chị của em , - Hưng thốt lên trong tâm khảm.

- Nếu chị còn bình yên xin chị hãy liên lạc về nhà.

- Câu đừng tuyệt vọng chứ ! - Bà lão nhìn Hưng như để chia sẻ nỗi băn khoăn trong lòng anh. - Cậu ăn chén tàu hũ đi ! Có thể ăn xong cậu sẽ bớt căng thẳng hơn.

Hưng nhìn người phụ nữ miền Trung tần tảo buôn bán mà thương má ở nhà. Có lẽ giờ này, má chưa chịu ăn cơm vì còn thói quen chờ Hưng hoặc "con Hai" về thì má mới ăn. Để đến khi sực nhớ hai "đứa nhỏ" đều ở xa, má mới lủi thủi đi ăn cơm một mình.

Hưng đưa tay đón lấy chén tàu hủ còn nóng hổi. Đường cát được thắng vàng và nước cốt dừa hoà với tàu hủ trắng tinh. Hưng chỉ ăn cho có lệ nhưng ăn xong, quả thật anh cũng cảm thấy mình bớt "căng" hơn. Anh rút tiền ra gửi trả bà lão. Bà lại hỏi anh :

- Cậu định mai sẽ tìm chị cậu ở đâu ?

- Cháu cũng chưa biết nhưng có thể cháu sẽ đến nơi ở của chị Nhã. Chị ấy là người cùng quê và lúc trước, chị cháu làm chung xưởng may với chị ấy ở thành phố này. Thôi, bác ở lại bán nhé!

- Ừ, mong cậu chóng tìm thấy chị cậu.

Đường Sài Gòn vào đêm chi chít những ánh đèn màu. Ánh đèn rực rỡ ấy trong phút chốc có thể

làm một kẻ ở quê chóng ngợp. Hưng đi bộ, và cứ chốc chốc lại có những ông đạp xích lô nói giọng Quảng Ngãi mời chào. Có những người còn chạy theo anh một đoạn dài, khi thấy anh cương quyết không đi thì họ mới đạp xe quay đi. Có không ít những người đàn ông ấy lấy xe làm giường để ngủ. Có thể chỉ là để đỡ tốn mười ngàn đồng để có một nơi trú thân và một giấc ngủ chập chờn với những cơn ác mộng. Lúc mơ thấy má cứ hai hàng nước mắt chảy ròng ròng như hờn như trách. Sài Gòn vào đêm, trời dịu lại, mát và những làn gió mơn trớn thịt da, cả những cơn gió làm cho người ta rờn rợn...

Cả buổi sáng, Hưng săn lùng căn hộ mang số nhà anh cầm trên tay. Những con hẻm ngoằn ngoèo, nối tiếp nhau như đang dẫn anh vào cõi mê cung. Có những con hẻm chỉ đi lọt mỗi một người, hoặc một xe. Nếu hai xe ngược chiều nhau thì chắc chắn sẽ đụng vào nhau. Những giọt mồ hôi rơi, những suy nghĩ ngậm ngùi và một niềm hy vọng mỏng manh vào một người quen cũ.

Hưng gõ cửa, một người đàn ông trẻ ra mở cửa. Hưng hỏi thăm Nhã và nói rõ mục đích của mình thì anh ta liền reo lên :

- Thì ra em là người cùng quê với Nhã. Vào đi, vợ tôi ở trong nhà. Chị Nhã đã lấy chồng ư ? Thế mà Hưng không hề hay biết. Anh ngồi vào chiếc ghế con chờ đợi. Nhã mặc đồ bộ bước ra, khuôn mặt biểu lộ niềm hạnh phúc của một người vợ trẻ. Hai người nói chuyện với nhau về quê hương, về chuyện cũ. Nhã cứ nhắc đi nhắc lại những kỉ niệm thời thơ ấu của mình với chị hai Hưng. Càng nghe, Hưng càng cảm thấy xót xa cho một thực tại mà chị mình đang phải trải qua. Ngày ấy, chị trong sáng và ngây thơ biết chừng nào ! Hưng nhìn chậu hoa mua trong nhà mà ngạc nhiên. Nhã giải thích :

- Chị đòi anh Phong (chồng chị) phải đem bằng được loại cây này về trồng. Mỗi ngày chị từ xưởng may về, thấy nó chị bớt đi mệt nhọc. Vả lại, nhìn nó cho đỡ nhớ quê hương.

- Nhớ thì chị cứ về. Đây với Tây Ninh có xa xôi gì cho cam.

Nhã nhìn Hưng tỏ vẻ ái ngại, rồi cô thành thực :

- Chị lấy anh Phong, má chị không đồng ý. Nhưng tụi chị yêu nhau nên cứ làm giấy đăng ký kết hôn. Ông bà can không được, giận nên từ chị luôn rồi.

- Em lo gì, cứ đắt cháu ngoại các cụ về là các cụ quên giận ngay thôi. - Anh Phong chen vào.

Câu nói làm cả ba đều cười, tiếng cười làm tan đi sự căng thẳng không cần thiết của cuộc đời. Mỗi người có một cách nhìn nhận về tình yêu và hạnh phúc. Hạnh phúc như anh chị đây tuy còn trắc trở nhưng đó cũng là một sự lựa chọn của chính mình.

Tuy Nhã không biết địa chỉ hiện tại của chị hai Hưng nhưng chị đã làm cho Hưng biết tin vào một tình yêu đích thực. Chị đã chọn một người có cùng cảnh ngộ với mình để chia sẻ, từ bỏ những vinh hoa sáo rỗng của những cô gái đẹp bây giờ đang theo đuổi. Chị có một tình yêu và cuộc sống đời thường mà những người phụ nữ lấy chồng vì tiền, vì địa vị không có được. Vợ chồng Nhã giữ Hưng ở lại ăn cơm. Anh Phong đi chợ để cho Nhã ở nhà được thao thao với Hưng về kỉ niệm của chị và chị hai Hưng vào những ngày đầu mới lên thành phố.

Cả hai giữa nơi phồn hoa đầy quyến rũ. Mình sẽ là một công nhân suốt ngày quần quật với công việc hay là một "bà hoàng" với nhiều thú vui chơi ? Thật ra, đó không chỉ là sự chọn lựa đơn thuần mà đó là cả một qúa trình lặn lội, sự va chảm và những quan hệ. Những đứa con gái mới lên thành phố như tụi chị hay bị những quán bar, những quán bia, hoặc là những nhà hàng đang cần bọn "phục vụ" mới... Chị hai em vốn là người tốt, nó tốt nên mới bỏ nhà lên thành phố để kiếm thêm tiền cho em ăn học. Nhưng nó vốn là một đứa nhẹ dạ, mà phụ nữ thì hay nhẹ dạ lắm...

Hưng ở nhà Nhã cho đến chiều. Anh gọi điện về cho má :

- Hưng, về đi con ! Hai mày mới gọi điện về nhà tối hôm qua. Nó nói cứ yên tâm, hiện giờ nó đang phụ nuôi tôm thuê cho một gia đình ở Kiên Giang. Khoảng một tháng nữa nó xin ông chủ về

thăm nhà. mai con về đi nghe !

Hưng nghe mà lòng phơi phới. Anh đã cảm thấy được yên ổn trong lòng. Anh đến báo cho Nhã biết tin vui đó. Rồi anh lấy chiếc xe đạp của chị chạy vòng vòng ngắm cảnh thành phố xinh đẹp.

Sài Gòn thật lạ, buổi trưa thì như một kẻ hậm hực với đời, rừng tực những tia lửa đỏ. Buổi tối thì mát mẻ và trở thành một cô gái đầy sức xuân muốn đem đến cho mọi người sức sống của mình. Hưng chạy dọc theo những con đường mà anh thấy thích. Cả những con đường mà anh chưa hề đi qua anh cũng đạp xe đến. Từ hôm đến thành phố, tối nay là tối đầu tiên mà anh cảm thấy thoải mái nhất. Anh cảm thấy như mình đã trút đi một gánh nặng mà mình đã mang từ kiếp trước - một nỗi buồn buồn day dứt vì sợ chị mình đã lao vào chốn hiểm nguy. Nhưng lúc này đây, những ngọn gió lao vào anh như muốn ôm hôn anh, muốn nói với anh rằng :

- Sao ngươi cứ hay lo nghĩ không đâu, chứ cuộc đời này đâu đến nỗi.

Những ý nghĩ tốt đẹp cứ nối tiếp nhau trào ra khiến anh vô cùng hứng khởi. Đi đến một cái cầu anh định quay lại, nhưng anh lại nghĩ bây giờ mà mình qua cầu thì sẽ được hưởng cái mát mẻ và thảnh thơi của một buổi tối dưới những hoa đèn.

Những ánh đèn phản chiếu xuống dòng sông. Ánh đèn được phản chiếu đẹp, nó đẹp phải chăng chỉ vì sự mơ hồ của mình ? Những người đàn bà đứng bên lề cầu. Họ trang điểm lòe loẹt và ăn mặc hở hang. Ánh đèn khiến họ trở thành mờ ảo và ma quái. Hưng không muồn nhìn họ. Anh linh cảm mình đang đi vào một nỗi đau mà bản thân anh không thể nào chế ngự được. Những cảm giác khoan khoái của anh hồi nãy liền bay theo gió. Anh lầm lũi đạp xe đi qua những người đàn bà đó. Nhưng bất chợt, anh lại nhìn thấy một bóng dáng thân quen. Tuy được ngụy trang bởi một thứ quần áo khác nhưng anh vẫn nhìn thấy ở người con gái ấy vẻ thân quen không thể nào chối cãi. Anh đến bên người con gái đó và gọi :

- Chị !

Bị bất ngờ người con gái quay lại, nhìn thấy Hưng cô ta bỏ chạy. Đớn đau và nhục nhã. Cô lao vào một vùng trời đầy gai. Những cái gai ấy đâm vào da thịt cô. Chảy máu. Những vết xước aéy không thể lành, cô biết.

- Chị !

Hưng chỉ gọi có thế. Anh muốn nói một câu dài hơn nhưng không thể .

Đã đến nông nỗi này thì thôi, đành bỏ mặc! Chị khụy xuống nơi chân cầu. Hưng đẩy chiếc xe đạp đến gần bên chị. Ước gì lúc này anh có thể khóc nức lên, khóc như một đứa trẻ lúc bị đòn oan. Ước gì anh có thể mạnh dạn mà đánh chị hai mình, như thể cho chị tỉnh lại giữa cơn mê. Nhưng anh không thể làm gì được. Anh lí nhí :

- Chị ơi, về với em và má đi chị.

Anh bắt dầu nghe tiếng nấc, tiếng nấc ấy bị nén lại nơi lồng ngực nhưng vẫn bị vọng lên. Và tiếng vọng ấy gió có thể cuốn đi...

- Chị nhơ nhuốc lắm...chị đã lừa dối mẹ. Làm sao có thể về? - Nhưng cây thanh long cần chị ! Nghe vậy, chị ngửa cổ lên trời mà cười. Tiếng cười như tiếng khóc. Vỡ ra, bay vào gió. Gío rát mặt, khô căn...

Hưng biết, mùa này hoa thanh long đang nở rộ. Từng bông hoa mang màu trắng tinh khôi, ôm trọn một màu hồng phấn phía nhụy bên trong. Hoa nở, rồi hoa tàn và cuộc đời sẽ được đón một thứ qủa màu đỏ ngọt thơm, thêm một vị dôn dốt chua...như là cuộc sống.

NGÔ THỊ HẠNH

157 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



ĐÊM DÀI TÌNH ÁI

truyện ngắn

THẾ PHONG

Khi tôi tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao chiếu ánh nắng oi bức vào căn gác, qua song cửa sổ. Tơi trở dậy mặc quần áo, đi đi lại lại trong phòng và hát lên cho đời đỡ trống trải. Còn nữa, là muốn để cho tiếng của mình bay bổng sang nhà các cô con gái, gọi là chút làm duyên của con trai ngồi hai mươi thích được thấy vóc dáng mình trong gương mắt các cô. Nhưng thực ra, tôi không được biết một cô gái nào ở trong cái ngõ hẹp này, lại cũng không giao thiệp với ai, ngoài gia đình bên cạnh, gia đình người chủ nhà ở từng dưới và vợ một người bạn đã dọn đi từ nhiều tháng nay. Đúng ra, tiếng hát sáng nay là thói quen của tôi trong những ngày mà vợ người bạn chưa dọn đi. Chính vợ chồng anh ta đã giới thiệu cho tôi thuê căn gác này. Anh ta dạy học ở xa, hàng cuối tuần mới về, chỉ có vợ con ở Sài Gòn. Vợ là người xứ Huế, nơi đã có câu ca dao:

"Học trị xứ Quảng ra thi
Thấy cơ gái Huế bỏ đi chẳng đành".

Mang tên Thu trong cuộc đời, người đàn bà ấy dường như đã có sẵn một hành trình lận đận. Sóng gió biển cả chỉ thường xô đến những người con gái có tên là Thu, Lan, Thủy, Loan, Tâm, Oanh...

Tuy nhiên, họ lại thường là đàn bà đẹp và có sức quyến rũ thanh niên, đàn ông mạnh mẽ. Mê đàn bà một con có chồng là phạm tội; nhưng sự phạm tội này không có trong đàn ông, ắt hẳn sẽ là một điều dần độn.

Tôi bắt đầu bị mê hoặc vào một buổi trưa, khi có tiếng nàng ru đứa con nhỏ:

"Lên xe nhường chỗ con bạn ngồi
Nhường nơi con bạn ngủ, nhường lời con bạn than".

Nó tha thiết và làm mềm lòng tôi biết là bao! Tôi vẫn được tiếng với bạn bè là có tư cách. Ở chỗ mỗi khi đến nhà bạn, nếu bạn đi vắng, không bao giờ tôi lưu lại uống nước hay dừng chân nói chuyện; bần cùng lắm tôi chỉ lưu lại hai, ba phút viết thư để lại và canh chừng không cho dị nghị hàng xóm nhìn vào. Vợ bạn ở nhà một mình thì tôi kêu nóng bức, lấy cớ xin phép ra mở cửa cho thoáng hơn. Đại khái là thế.

Đối với Thu, tôi không còn xa lạ gì. Cả chồng nàng và nàng. Quen biết chồng Thu đã lâu, hắn rất kính trọng tôi. Tôi ăn cơm hồi ở nhà bạn, mỗi lần gặp bữa. Và dù gia cảnh bạn đang cơn túng quẫn, song bữa cơm ấy bao giờ cũng làm cho tôi cảm thấy ngon miệng. Và ngon miệng hơn hết; có lẽ là do cách đối xử của Thu, nét hào hoa lịch lãm thốt ra từ môi cười, lời nói; cộng thêm nhiều cử chỉ bặt thiệp của con nhà có giáo dục.

Thu quí mến tôi, coi như một người bạn thân tín trong gia đình. Nhiều lần Thu đã kể cho tôi nghe về chuyện riêng tư gia đình nàng. Như bạn tôi từng đã có lần bỏ nhà ra đi ít lâu vì cờ bạc; để vợ con nheo nhóc, nàng đã phải về nhà ông bà ngoại xin tiền, than khóc. Hoặc kể về một lá thư người chồng cũ mới gửi cho nàng, trách móc việc nàng bỏ nhà ra đi sống với bạn tôi. Chẳng là, Thu gặp và yêu người bạn của tôi từ trước; nhưng vì gia cảnh bạn tôi nghèo, gia đình Thu buộc nàng lấy người khác. Cuối cùng, hai người lại có cơ hội sống chung với nhau. Đứa con đầu lòng may thay là con gái, có mang dòng máu của ông chồng bất đắc dĩ kia. Thu còn làm tôi phải yêu trộm nàng qua điểm này nữa. Đò là vẻ buồn muôn thuở của nàng. Những đêm đầu tôi dọn nhà về đây- căn gác tôi thuê chỉ cách nhà nàng một bức tường và thông nhau bằng một chiếc cửa giữa. Tiếng ru con não nuột của Thu đã làm tôi quên tất cả, kể cả người yêu của tôi thường đến chơi. Nàng đã phát ghen, vì thấy tơi nhiều lần cứ tấm tắc khen tài nấu cơm kiểu Huế của Thu. Phải thú thật rằng sau lần bị xúc động cao độ này, tôi đã dám khởi sự ý tưởng lần sang bên ấy và tôi dám tin rằng không bị từ chối, căn cứ vào sự thân mến ban ngày và tâm sự Thu đã kể cho tôi nghe. Thêm một kinh nghiệm nữa, đàn bà con gái Huế quả là nòi đa tình, lãng mạn!

Có lần tôi đã nói trước mặt Thu rằng:

-Thú thật với chị, thái độ tình cảm của tôi; tôi không sao lường trước được khi ngồi đối diện với các cô gái Huế. Tôi bị trói buộc hoàn toàn vào họ, ấy là người nói chuyện lại tài hoa như chị chẳng hạn- và lại có vẻ đẹp muôn thuở nữa. Nên mai đây tôi lập gia đình, thế nào tôi cũng phải nhờ chị làm mai mối một người mực thước giống như chị. Tiếc rằng chị không có em gái, và nếu cuộc đời tôi hơm nay có một mức sống ổn định hơn!

Lần ấy Thu cười và có một đêm, đứa con gái đầu lòng của nàng ốm; trở kinh giữa đêm khuya tưởng có mệnh hệ nào rồi, Thu đứng ở dưới sân nhà gọi tôi:

- Anh Nguyên! Anh Nguyên!

Cho đến khi đã chữa chạy cho con bé tỉnh lại, đơi lúc cúi xuống giường cháu, cặp mắt tôi giao động, chớp chớp nhiều lần, khi bắt gặp một khuôn mặt người đàn bà quyến rũ ngước lên. Chúng tôi yêu nhau rồi mà không ai chịu nhận tỏ tình trước. Nếu chiếc cầu bắc ngang qua hai bờ sông kia, sẽ là lối đi lại thông thương cho hành khách; tôi vẫn phải là người đầu tiên từ chối bước lên.

Ám ảnh kia kéo dài khoảng hơn một tháng, nhất là vào đêm tối trời, tôi thường hay thức giấc. Tôi cố dằn vật dục, tìm tới ý nghĩ cao đẹp để trấn át cơ thể làm quên hình bóng Thu. Tôi nhớ đến mẹ tôi, vì thuở thiếu thời tôi rất quí mến người. Tôi nhớ tới có lần nào một anh lính *partisan* mò vào màn mẹ tôi định cưỡng hiếp, mẹ tôi tri hô, hắn hăm dọa bắn bỏ cả gia đình tôi. Tôi mong cảm giác và hình ảnh căm phẫn kia trở lại lúc này, để mình khỏi lâm vào cảnh tượng sẽ làm đau khổ một người đáng quí như Thu. Tuy vậy, cái đẹp mỏng manh quá, và vật dục thường làm mờ lương tri tôi luôn. Mỗi lần như thế, tâm trí kia buộc tôi sờ mó đến loại sách khêu gợi dục vọng mãnh liệt, thuộc vào loại mạnh để đọc. Như cuốn truyện của *Schroeder Devrient* hay của tác giả khác nữa, *D.H. Lawrence* chẳng hạn.

Và những bậc thầy dục tình kia lại xúi giục tôi làm nhiều điều đen tối. Cuối cùng, sau bao lần thức giấc về đêm, trằn trọc không ngủ, chịu xâu xé tâm hồn qua tiếng ru con não nuột đó đây, tôi đã tự chủ được khi nghĩ tới đời sống sẽ bị xao động dữ dội khi vướng mắc vào đàn bà. Và cũng thật là may, chỉ vài ngày sau, Thu báo tin nàng phải dọn về nhà ông bà nhạc vì túng thiếu đủ thứ, nào là gạo nước, tiền nong. Chồng nàng lại đánh bạc, vui anh vui em, mà chẳng hiểu rằng như thế là làm khổ vợ con.

Để bù vào việc mà tôi cho rằng mình đã bỏ hoài đi cái dịp ngàn năm một thuở kia, đêm đêm tôi thường đi chơi một mình. Trong những lần như thế, hình ảnh chuyện mà tôi từng đọc của Khái Hưng lại ám ảnh tôi luơn. Thực ra, chàng văn sĩ kia chẳng tài ba đến nỗi buộc tôi nghiêng mình; nhưng nói về chuyện tình, thì quả chàng ta làm thỏa mãn dục vọng đòi hỏi nơi tôi trong giây lát. Như vai họa sĩ Nam với cháu gái người yêu trong truyện *Đẹp* của tác giả Khái Hưng chẳng hạn. Tôi ao ước có nhiều tiền, có nhà riêng, không ai dòm ngó vào đời riêng. Chứ như bây giờ đây, mỗi lần gặp con mồi phụ nữ ngoài đời, quả thật tôi vẫn chưa đủ can đảm đưa về căn gác trọ của tôi, để cùng nhau qua một đêm quên cuộc đời.

Đêm hôm ấy, tôi khóa xe đạp vào một gốc cây rồi đi lang thang ngồi phố. Tôi loanh quanh từ chợ Bến Thành đến đường Tự Do, Lê Lợi. Lần thứ hai này, ở phía sau rạp chiếu bóng *Eden,* tôi gặp một người đàn bà ăn vận theo lối quê mùa đang ngồi trên băng ghế đá phía bên kia công viên.

Tôi đi lại phía nàng, ngồi xuống bên cạnh, nhưng cách một khoảng xa. Trông nàng cũng hấp dẫn và còn khá trẻ. Được một lát, nàng lên tiếng trước:

- Anh ơi, từ đây về trên Phú Nhuận còn bao xa?

Nghe giọng nói của người đàn bà kia, tôi biết ngay nàng là người xứ Quảng. Và chẳng cần suy nghĩ lung gì, tôi hiểu ngay rằng đó là một thứ đàn bà đi tìm việc; hoặc không, thì cũng là gái làm tiền qua một phương cách khéo léo. Trên đường phố mang mầu sắc tây phương này, khách làng chơi lịch lãm, thấu đáo hình ảnh cuộc đời dễ nhận ra họ. Có nàng gái làm tiền bằng cách đi đứng, ăn vận hoặc trang điểm khác lạ. Có nàng đi dạo nhiều lần trên một đường phố dắt em nhỏ theo sau. Và có thể là con hay là em gái. Đơi mắt có đuôi đa tình ấy, chỉ cần dừng trước một hiệu nào đóng cửa, đảo nhanh tứ phía; là tôi đã thừa hiểu phải giao thiệp bằng cách nào rồi. Một cái búng tay tanh tách, một lời nói, một nụ cười, một bước đi theo sau theo dõi. Song tất cả vẻ thông minh, lịch lãm kia vẫn phải có sẵn tiền trong túi.

Bây giờ thì tôi có tiền. Đủ chi cho một đêm tình ái.

Sự im lặng chưa trả lời của tôi làm nàng gặng hỏi thêm một lần nữa. Con đường về Phú Nhuận bao xa? Khi tôi trả lời khá xa, nàng lại hỏi tôi đi đâu mà giờ này còn lang thang giống hệt như nàng? Tôi đáp rằng, tôi đi tìm việc mà chưa có. Thất nghiệp dài. Chán. Không muốn về. Còn nữa, là để quên đi dạ dày thôi thúc.

Cái tâm trạng đồng hành này được nàng thông cảm chấp nhận ngay. Tôi đã nhìn thấy con đường đi tới có kết quả rõ rệt. Tiếc có một điều, là không thể đưa nàng về căn gác trọ của tôi. Trở ngại, chủ nhà ở dưới. Họ biết tôi chưa có gia đình, lại ít bạn bè là đàn bà, con gái. Một cô nhân tình chỉ đến ban ngày vào trưa thứ bẩy. Tôi nghĩ tới một khách sạn nào có lối lên lầu mà không cho đàn bà biết là vào khách sạn? Ở đâu có thể bảo đảm cho sự yên ổn của một đêm chung giấc với người tình tạm thời, giúp quên đi nỗi buồn năm tháng của tôi? Và có lẽ, rồi cũng như trăm lần khác, tôi sẽ chẳng còn nhớ gì tới khuôn dáng người đàn bà cùng mình tạm ghé bến đêm nay. Tôi nhìn và dò xét nàng. Trong lúc này, dường như nàng còn như lấp lửng, chưa có quyết định gì cả. Tôi nhấn thêm một câu thuyết phục. Tôi mời nàng đi ăn tô phở hoặc ăn một mẩu bánh mì thịt. Nàng chấp thuận bằng vẻ im lặng. Tôi giục đi thôi. Nàng gật đầu đứng dậy.

Tôi đem xe đạp đến hông chợ Bến Thành gửi qua đêm, rồi dẫn nàng đến một tiệm hủ tíu Tàu, một nơi không ai dòm ngó, tự do tán tỉnh dẫn dụ đàn bà. Nàng ăn một tô hủ tíu bò kho xong, uống

một ly cà phê đen, cũng như tôi. Vẻ uống cà phê sành sỏi của nàng khiến tơi hài lòng, và tin chắc rằng nàng thuộc vào loại đàn bà có nhãn hiệu đa tình, chịu chơi. Tôi vẫn thường nghĩ rằng, thật sung sướng được làm đàn ông có được nhân tình chịu chơi thuộc loài bướm đêm như nàng. Còn lấy vợ thì phải chọn cho được cô vợ ít nói, đoan trang. Và cả hai thứ ấy không cần đẹp, nhưng ít ra phải có cá tính đàn bà.

Tôi hỏi nàng có cần phải về Phú Nhuận ngủ nhà bà con không, hay về ngủ với tôi? Tôi đề nghị một cách trắng trợn lại táo bạo như thế; rất ngạc nhiên vì nàng gật đầu. Câu trả lời khiến tôi sửng sốt:

- Có thiệt hại chi đâu anh, tôi và anh đều buồn về cuộc đời mà. Ngủ với nhau nói chuyện chơi cho vui, nhất là đêm nay trời lại mưa lâm râm.

Câu nói của nàng khiến tôi quay về nghĩ tới kiếp sống bồng bềnh bản thân- một kẻ theo đuổi nghề viết văn. Sản phẩm tinh thần cưu mang, không có giá cả như đồng lương chắc chắn của một người thợ. Một người thợ sửa xe đạp thôi, ít ra họ có thể lường được đồng lương tối thiểu kiếm hàng ngày bao nhiêu. Còn tôi, một thứ lương bấp bênh, lúc có lúc không; vì vậy bấp bênh luôn cả nhu cầu sống cần thiết hàng ngày không thể thiếu. Bữa đói, bữa no vẫn đeo đuổi nghiệp, để rồi chỉ sản xuất ra tình cảm băn khoăn, dày vò xót xa trong lòng.

Tôi bảo nàng hiện tôi thất nghiệp, viết báo bằng những tin chó chết, không đủ tiền thuê nhà; nhưng có một người bà con có nhà rộng rãi cho ở nhờ. Như vậy, tôi khơng thể đưa nàng về đó. Mà nếu lựa chọn một chỗ ngủ nơi bến xe, chắc chắn không thể nào bảo đảm được cho hai đứa dưới mưa có thể yên ổn kể chuyện đời cho nhau nghe. Nên hay nhất đành phải tìm một khách sạn bình dân thôi. Nàng hỏi khách sạn ở đâu và hãy bằng lòng cho tôi được phép xếp đặt một đêm vui bình yên cho hai đứa. Chỉ có hai đứa mình mà thôi.

Nàng không từ chối. Cái gật đầu kia càng khiến tơi hoang mang xếp nàng vào lọai đàn bà nào. Tôi đưa nàng đến bến xe búyt và hai đứa còn cười với nhau thật thân thiện như quen từ lâu. Chẳng là lúc ở quán Tàu, ý chừng hầu sáng tưởng chừng chúng tôi là mọi Ban Mê Thuột mới về đây lần đầu; chắc chắn vậy. Ngay trong con mắt tôi, một người đàn ông quần tây mất nếp ủi, chiếc áo sơ mi trắng bám ghét, loang lổ mồ hơi mầu vàng khè, tay áo lại xắn lên xộc xệch. Còn người đàn bà vận áo cụt, quần láng đen; mà thứ vải chồng lên thân xác kia không thuộc lọai đắt tiền; nhất là tóc lại búi tó chứ không uốn, là tôi cũng nghĩ như thế mà thôi.
Cũng vì vậy, hầu sáng kia đã tính trội tiền lên đến ba mươi đồng, cho hai thứ hủ tíu và cà phê; mà thực ra giá chính thức chỉ hơn một nửa giá. Tôi bảo hắn rằng hãy tính lại cho đúng hơn. Cái miệng cười hềnh hệch của hầu sáng Tàu rất chuyên nghiệp ấy thốt lời xin lỗi. Chúng tôi nói nhỏ với nhau rằng hắn bịp chúng mình. Hai tiếng *chúng mình* tôi thốt ra đó, nó gượng gạo làm sao! Nhưng nhờ thế, tôi kiểm sóat được tình cảm của mình. Tôi chợt nhận ra mình không thành thật và cũng chỉ tầm thường như tên đàn ông khác chuyên bịp đàn bà. Tôi không cần soi gương đã thấy mình trở thành một thanh niên xứ Quảng, sống ở quê chẳng đủ kiếm nổi miếng cơm, đành bỏ nhà ra đi. Vào Sài Gòn chưa kiếm nổi việc làm, mong trở thành anh đạp xích lô tập sự. Giai đoạn thất nghiệp này làm tôi băn khoăn, đêm đêm lang thang ngồi hè phố. Rồi tình cờ gặp một thiếu phụ cùng xứ sở cũng thất nghiệp như tôi. Hai tâm hồn đơn độc gặp gỡ, tìm giải thóat quên đời trong một đêm tình ái nhớp nhúa.

Nàng bắt đầu khơi chuyện với tôi trên xe búyt đi Chợ Lớn:

- Người Bắc mà cũng thất nghiệp, tìm không ra chỗ *mần* sao anh?

- Cô tưởng chỉ có người Quảng mới không có việc sao? À cô ở Đức Phổ hay Tam Kỳ?

- Em ở Đức Phổ.

Tôi ngồi sát nàng hơn. Mắt đảo một vòng từ trên xuống chiều sâu cuộc đời, biểu tượng qua nếp quần láng, đôi chân ngọc thuơn gập. Nàng rất thông minh, nhìn vào mắt tôi rồi cười. Nụ cười đó ngụ ý đã hiểu cử chỉ kia của tôi muốn gì rồi !

161 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Tôi quay trở về nghĩ tới chương trình vui thú đêm nay, đến khách sạn; một khách sạn Tàu bình dân quen thuộc, vì có lần tôi đã đến đó ngủ. Cũng với một người đàn bà xa lạ. Nhờ sự khôn khéo ngoại giao, tôi đã được anh bồi phòng Tàu quen mặt, thêm nữa cả tài phú cũng vậy. Chính họ là những kẻ nẩy mực tương lai của tôi, thân phận tôi nằm trong sự yêu ghét của họ. Tai họa sẽ xảy ra hoặc hòan toàn yên ổn. Khi mà lệnh cấm mãi dâm đã được chính phủ tung ra, sự trao đổi tình dục bất chính bị coi như một tội phạm xử theo luật hình. Tôi sẽ đưa nàng đến đây, họ sẽ không tố cáo mà còn che chở mỗi khi có cảnh sát kiểm tục thường đến khám xét.
Tôi đã từng trải qua cảnh này nhiều lần, chưa bao giờ bị bắt tại trận, nhờ ở nhiều mưu mẹo thông minh trong khía cạnh này. Nhiều lúc tôi đã nghĩ, giá mình đem áp dụng mưu mẹo ấy vào cuộc sống làm giầu, chắc chắn tôi đã chẳng bao giờ bị nhục nhã vì thiếu thốn đồng tiền - bảo đảm cho đời sống cơm áo. Đưa nàng đến khách sạn Tàu kia, còn một điều lợi nũa, là tôi chỉ phải ghi một tên tôi vào sổ, khỏi cần đến tên người đàn bà đi theo tôi. Hai cái lợi, cộng thêm với giá rẻ mạt của khách sạn, tuy tồi tàn, song cũng có giường nệm êm ấm hơn cái ổ ngủ xưa kia, hơn cả chiếc giường ọp ẹp của tôi đặt trên căn gác thuê bây giờ.

Chợt nàng vỗ vào đùi tôi và bày tỏ vẻ xa hoa phố Tàu Chợ Lớn ban đêm. Ánh điện đủ mầu, người chen chúc chẩy hội, thật là tấp nập. Tôi cười tình và cũng đặt tay lên đùi nàng, báo hiệu sắp đến chỗ ngủ của chúng tôi. Tôi định an tâm nàng bằng cách nói rõ chương trình xếp đặt đêm nay ra sao chẳng cần bận tâm lo lắng làm gì, nhất là nàng.

Chúng tôi xuống xe, còn thấy một xe bánh mì rong, bèn mua một ổ lớn trong có nhân thịt, dăm bông và ba tê. Tôi bắt đầu kể cho nàng nghe tôi trù liệu ra sao. Nàng đứng trước khách sạn, lúc đầu vẻ ngại ngùng, dừng lại, nhìn lên tấm bảng hiệu và dường như không muốn bước vào. Chắc nàng đã tỉnh trí lại và sự chần chừ kia có thể là một thức giấc lương tâm lôi kéo nàng trở lại, cản bước nàng đang định nhấn thêm một chặng đường tội lỗi, mà sự thiệt hại chắc chắn sẽ hướng về phía nàng nhiều hơn.

Tôi cười xã giao chào tài phú quen thuộc và giới thiệu nàng là vợ tôi. Hai chúng tôi mới ở quê lên mua ít hàng hóa. Nói xong, tôi mới chợt nhận ra là có một sự không tương ứng giữa lời tôi nói , là đồ đạc không có một tí gì mang theo. Tôi băn khoăn mãi không biết tài phú có để ý gì tới điều đó hay không? Lúc này, nàng mỉm cười gật đầu chào tài phú và mạnh dạn sóng đôi với tôi đi vào khách sạn. May mắn tài phú không để ý gì, chỉ cần biên tên tôi thôi, khơng đả động đến căn cước nàng. Đây là điều tôi lo nhất. Nếu nàng không có giấy tờ, hẳn là tôi sẽ mất công toi cả buổi tối. Cảm tưởng này, mấy phút trước đây, tôi cũng đã gặp phải, lúc nàng chần chừ trước cửa khách sạn. Vì vậy, mà khi chúng tôi bước lên thang rồi, tay cầm chìa khĩa buồng, tôi vẫn còn phập phồng trong tâm trạng của một kẻ không dám chắc chắn đã thắng cuộc.

Vào trong phòng, nàng ngồi lì ra như thế. Sau khi người bồi phòng mang ấm nước trà vào, tôi theo anh ta ra và khóa chặt cửa lại. Tôi đi tắm trước. Nhà tắm liền với phòng ở phía sau. Tôi ra và giục nàng cũng làm như tôi. Tôi đưa tay luồn vào mái tóc dài lúc này đã bỏ xõa. Hai bàn tay xích gần về phía má, ngửa mặt nàng lên vừa sát mặt tôi. Một nụ hôn giao cảm. Nàng ngần ngừ giây lát trước phút quyết định đi tắm. Nàng bảo không muốn tắm, nhưng sau đồng ý; vì đã lâu ngày đi lang thang kiếm việc; ghét kết mảng, tắm là hợp lý. Tôi cởi áo cho nàng. Những chiếc cúc bật lìa khỏi khuy gây một âm thanh háo hức trong tôi. Rồi đôi vai trần lồ lộ với đôi ngực trắng như tuyết. Mắt tôi mờ đi. Môi tôi hôn thỏa thuê lên da thịt ấy.

Đột nhiên nàng khẽ đẩy tôi ra và bảo:

- Khoan đã anh, em đi tắm nghe anh.

Giọng nói trầm trầm kia cũng tha thiết như cảm giác mằn mặn của một thứ mồ hôi lạ, và càng xô đẩy sự thèm muốn da thịt nàng ở tôi hơn. Một tay luồn vào trong túi quần để dằn một sự cường dương thôi thúc; tôi cho làm như thế là xấu hổ lắm. Rồi tôi cởi quần áo ngoài ra, chỉ mặc một chiếc quần đùi, nằm nhìn lên trần nhà. Như là hồn mình đang phiêu diêu theo đám khói thuốc lá bay lên trần.

Trong giây phút chờ đợi này, tôi thấy mình trần truồng, đê hèn; khi chính mình biết rằng tai đang lắng nghe từng tiếng động nơi phòng tắm bên kia, tiếng mưa ào ào từ hương sen đang tẩm lên da thịt đàn bà mà chút nữa đây tôi được xâm chiếm.

Con vật nhiều tội lỗi là đàn bà, theo kinh Phật dạy, mi phải tu để tự cứu lấy linh hồn nhơ nhuốc của mi, tự nhiên lại đến với tôi vào lúc này? Và lát nữa đây, con đàn bà tội lỗi không tu tỉnh đó, nằm cạnh tôi thì cũng trần truồng. Mồ hôi nhễ nhại, tôi đang tác động dương vật theo chiều lựa nơi tay người vào cửa mình người đàn bà. Còn trơ trẽn và xấu hổ hơn thế nhiều nữa. Mặc!

Tôi đi lại phía cửa phòng tắm nhìn qua khe hở. Nàng có thân hình tuyệt mỹ, pho tượng nhà nghệ sĩ điêu khắc tài ba nào đó đẽo gọt nay sắp dâng cho tôi. Lúc nãy, tôi nẩy ra ý nghĩ, lát nữa tôi sẽ gõ cửa phòng tắm bước vào, rồi lấy khăn bông thấm lên da thịt thơm tho ấy. Sau cùng, tôi sẽ ẵm nàng trên tay đi về phía chiếc nệm trắng. Đột nhiên tôi lại băn khoăn, nàng có quen như thế hay chưa? Một người đàn bà quê mùa bị luân lý xã hội cũ ràng buộc, khó mà chấp nhận thái độ chiều chuộng kia của tôi; có thể trái lại, cho là dâm đãng thì rất có thể hỏng việc.

Từ khi là thanh niên, tôi vẫn thường tự khen , hãnh diện về vóc dáng hào hoa bản thân. Chưa bao giờ tôi bị thất bại trong tình yêu xâm chiếm, với bất cứ người con gái, đàn bà nào mà tôi ham muốn. Vậy mà mới đây, tôi đã bị thua một cách thật dễ dàng với một gã đàn ông- có cùng giai cấp với người đàn bà này- theo quan niệm trước đây của tôi về gã đàn ông ít học, thì chẳng cần phải đề phòng. Nên bây giờ tôi còn do dự, không dám thực hiện ý định vào phòng khi nàng đang tắm. Tôi quay trở ra. Đã thỏa mãn sự nhìn trộm kia rồi, tôi không còn gì áy náy nữa. Tôi lại lên nằm trên nệm, lần này tôi úp mặt trên gối, lật đi lật lại. Cuối cùng, lúc nàng tắm xong trở ra, thì tôi nằm nghiêng. Hơi thở dịu ấm đàn bà, ngồi kia trời mưa mau hạt- cảnh tượng này, quả thực chưa bao giờ nghĩ tối nay lại có một buổi chiều tối thú vị như lúc này. Tôi hỏi nàng đói chưa? Nàng lắc đầu.Và tôi đứng dậy tắt đèn. Bóng tối lùa vào phòng mỗi lúc mạnh hơn. Đôi khi có một lằn sáng lóe lên, rồi tắt ngấm kèm theo với tiếng sấm sét bên ngoài.

Tôi ôm chặt lấy nàng và lại cởi cúc áo nàng lần hai. Sự chống đối dần dần đi vào êm lặng. Lúc tôi bật đèn bẻ miếng bánh mì đưa cho nàng ăn, thì nàng khóc. Tôi biết nàng không phải là thiếu nữ trinh trắng đã thất tiết với tôi. Chính tôi cũng không ưa lọai đàn bà như vậy. Rồi nàng kể lể. Chồng đi ra phía bắc, kiếm sống ở làng nước không nổi đành vào Sài Gòn. Tôi vốn đa nghi, nghĩ ngay rằng có lẽ họ tung địch vận vào thành chăng? Những kinh nghiệm ở bên kia còn lại, tôi đem ra hết để kiểm chứng với trường hợp của tôi và nàng bây giờ; cuối cùng tôi hoàn toàn lạc quan. Tôi không phải là loại người để họ cần khai thác tài liệu.

Nàng cho biết, không phải tiếc rẻ vì đã chung đụng với tôi đâu? Có lúc xưng em, lúc xưng tôi,nàng xưng hô lẫn lộn trong diễn tiến cảm xúc bất thường, cảm xúc lúc tự ty khi tự tôn. Nàng trút bầu tâm sự:

- Tôi có chồng lúc còn trẻ được hơn một năm thì anh ấy ra đi, chưa có con cái gì. Tôi lấy chồng vì gia đình hàm ơn với gia đình bên chồng. Làm thân con gái thì thằng đàn ông nào làm chồng hoặc ngủ với tôi thì nào có khác gì đâu? Đây là ý nghĩ của tôi khi bước về nhà chồng; hơn nữa lúc đó em còn nhỏ, chưa có quan niệm gì về luyến ái. Sau một thời gian chung sống, em thấy bận lòng. Em không ưa loại làm chồng chỉ cười với em lúc chưa có gì vào ban tối. Sau phút ấy, quay mặt ngủ khì, nước dãi chảy lòng thòng. Rồi ít tâm sự với vợ, coi em như một đồ dùng câm trong nhà. Cũng vì vậy, mà em đã chẳng theo chồng và lẻn vào Nam trước. Em vừa thất nghiệp ít lâu nay; tiền gần cạn là gặp anh đó. Anh cũng như nó, lúc chưa có gì, anh tỏ ra là kẻ biết mình, biết người. Nhất là nịnh đàn bà khéo hơn ai hết. Rồi sau đó anh làm lơ. Mà em biết rằng lát nữa đây, anh lại cần và em lại được nịnh bợ như lúc đầu. Em định chỉ cho anh một lần này thôi, không có lần thứ hai, như vậy là dạy cho đàn ông một bài học biết thèm. Em khóc vì nhớ đến nó, khóc như bảo thầm với nó, lần thứ hai em biết một người đàn ông khác. Xưa kia, đã có lần em lừa dối nó, hay chính em tự lừa dối mình khơng biết nữa? Đó là lần em thề chỉ biết có một mình chồng em thôi. Nó bảo giải quyết sinh lý không tùy thuộc vào quan niệm thành kiến xã hội cũ. Giải quyết sinh

lý với em hay ai khác nữa, nào có gì là quan hệ với đời sống xã hội mà chúng ta đang xây dựng đâu? Đàn bà là cái bát chứa cơm, một hay nhiều người dùng tới cái bát đó thì cái bát vẫn là cái bát. Nó không buồn, dầu cái bát đã có nhiều người dùng chung. Nó chỉ cần đem lại nhiều cơm đầy trong nhiều bát cho xã hội mà thôi. Chỉ có cơm mới là thành trì bảo vệ xã hội mới đang được nó quyết tâm xây dựng nên. Em thì em nhất định phản đối. Em thề thốt với nó. Cho dù em là cái bát chứa cơm, thì cũng chỉ cho một mình anh được cầm trong bữa ăn thôi. Vậy mà nay em không ngờ là mình đã thất hứa với nó. Về một điều không quan trọng đối với nó, nhưng có ý nghĩa với em. Và nay thì em đã bằng lòng cho anh vừa rồi.

Nàng khóc to hơn. Tôi hỏi nàng đến tên. Nàng lắc đầu cho biết rằng, ngay cả tên trong căn cước- dầu tôi biết nữa- cũng chỉ là tên giả. Còn tên thật của nàng từ khi cha mẹ sinh ra, bây giờ không ai gọi nữa, thì nhắc đến làm gì?

Bây giờ thì tôi đã bắt đầu nhìn nàng bằng con mắt khác hẳn. Một điều như trong mộng vậy. Tôi không sao ngờ được, và tự trách mình là chưa có cặp mắt quan sát định vị giá trị chuẩn xác.
Tôi bẻ thêm một miếng bánh mì nữa cho nàng ăn. Nàng bảo:
-Ăn bánh xong thì không có cái ấy ngay được đâu. Em cự tuyệt cho mà xem. Vì vệ sinh cho anh, cho em, mà cho anh nhiều hơn. Anh lại thèm rồi chứ gì? Em biết đàn ông quá mà. Qua sông thì lại đấm buồi vào sóng, em không buồn anh đâu? Vì anh là đàn ông và em là đàn bà còn trẻ, cần phải ăn nằm với nhau khi cần; cũng chẳng khác gì đói muốn ăn, khát thèm uống vậy.
Tôi nheo mắt nhìn nàng, như để thâu tóm hình dáng nàng sâu hơn trong tâm trí, đồng thời như để nhận định xem vì đâu con người trước mặt mình đây, đột nhiên lại có nhiều biến đổi bất thường như thế! Tôi bắt đầu cảm thấy trở nên quá thấp bé trước nàng. Tôi hoang mang, dù tự cho có kiến thức cao, học rộng; với người đàn bà này, tôi vẫn chẳng là cái gì cả. Tự nhiên thấy hổ thẹn và không dám đụng chạm đến da thịt nàng nữa.
"Đưa bánh đây cho em ăn", tôi nghe theo tăm tắp rồi nhìn nàng qua cái liếc trộm. Nàng chưa cần sai, mà tôi đã đi rót nước chè nóng lúc nàng sắp ăn xong. Uống nước xong, nàng bảo thế này:
-Tắt đèn đi anh. Ngủ đi anh nhé. Lát nữa em đánh thức thì anh phải dậy. Nghe anh, cưng của em.
Tôi gật đầu thay cho câu nói, tôi muốn không nói, vì lẽ nói ra thành tiếng, tôi càng nhận ra vẻ dại khờ của mình. Tôi cố ngủ theo lời nàng. trằn trọc rồi nằm thiếp đi. Không biết chừng bao nhiêu lâu, mơ mơ màng màng, nghe có tiếng cười bên cạnh. Tiếng cười thủy tinh của gái Liêu trai trong mộng? Lại thấy có người lay vai thật. Có tiếng gọi của nàng. Sự xâm chiếm tình dục lúc này có vẻ khoan tay hơn; vì tôi mang tâm trạng của kẻ chiến bại.
Tôi như là một tên nô lệ *Townsend*, viên đại tá nước Anh hầu công chúa *Margaret*. Và câu chuyện này từng được thể hiện bằng ảnh trong một tờ báo Pháp: hình đại tá đang ẵm công chúa lên cầu thang, với hàng chữ *À vos ordres!* (Xin tuân lệnh công nương). Tất nhiên lúc này công chúa chưa lấy tên thợ ảnh làm chồng.

Đêm hôm ấy mưa rào rạt.

Và nàng còn đánh thức tôi dậy thêm một lần nữa. Cộng thấy đến lần thứ ba. Cho đến sáng hôm sau…

Khi trở dậy, tôi khơng còn cảm tưởng như đêm qua. Nàng thu hình bé bỏng như con mèo nhỏ. Tôi nhận thấy nàng vẫn sợ sệt nhìn tôi, đúng là con sen nhìn ông chủ. Nàng hôn tôi rất tân tiến, hôn môi lại rất điệu nghệ. Sau đó nàng mới cho tôi đi rửa mặt. Tôi bảo nàng hãy nằm lại đây, trưa về sẽ tính. Thực ra, tôi muốn bỏ rơi nàng một cách khéo léo. Đúng là tâm trạng của kẻ đêm qua băng sông rồi, hơm nay còn tiếc rẻ gì sóng nữa! Tôi tỏ ra mình rất bặt thiệp, tha thiết với kẻ chung gối đêm qua.

- Em đợi anh. Anh ra mua quà sáng. Chúng ta cùng ăn. Rồi em nằm nghỉ lại đến trưa cho đỡ mệt. Anh đi làm về sẽ lại đón em.

Còn ác độc hơn thế nữa, khi mua đồ ăn sáng trở về, tôi dặn tài phú và anh bồi phòng khách sạn; rằng buổi trưa nay hãy lên đánh thức nàng dậy, và bảo là đã hết hạn thuê phòng. Tất nhiên tôi phải thú thật với họ về lời nói dối đêm qua. Họ cười xòa bảo rằng họ cũng biết vậy, nhưng vẫn giả vờ tin. Cho tôi hài lòng và yên tâm hưởng món bở.
Đem đồ ăn sáng lên phòng, tôi thấy nàng nằm đắp chăn mỏng, đôi má hồng, tóc lõa xõa, mắt lim dim, bàn tay vắt trên trán.

– Em dậy ăn sáng và chờ anh nhé. Anh đi làm. Trưa anh trở lại. Chúng ta đi ăn cơm và chiều đi xem chớp bóng, tôi bảo nàng vậy.

Nàng lắc đầu bảo chưa muốn ăn vội. Tôi có thể tự do đi làm.

Trước khi đi, tôi còn cúi xuống hôn lên trán nàng, luồn hai tay ôm lấy vòng ngực; rồi nâng lên để chiếc đầu kia vừa đủ làm cho khuôn mặt nàng giáp môi tôi. Tôi đi ra, khép cửa phòng lại còn vẫy vẫy, mỉm cười và hứa hẹn.

Tôi xuồng đường đến chỗ chờ xe búyt. Thế là thoát nạn. Lịch sử một đêm dài tình ái rũ tay. Tôi rất hài lòng về thủ đoạn mình vừa thực hiện.

Nhưng khi xe buýt tới, leo lên rồi, ngồi xuống ghế; tôi không còn vui như lúc ở dưới bến nữa. Tôi bắt đầu băn khoăn, suy nghĩ về tâm trạng người con gái kỳ dị đêm qua. Tôi chưa xác định được mẫu người nàng thuộc vào loại nào. Từ sự thua sút về tài trí, thông minh đêm qua của tôi đối với nàng, đến cảnh tượng sáng nay; sự thu hình của con mèo nhỏ kia; hai biên giới ấy hoàn toàn chẳng còn dấu vết gì nữa, hoàn toàn trái ngược nhau. Tại sao lại có cái tâm trạng kỳ ảo như vậy. Trong đêm qua, người đàn bà ấy đã không giấu diếm gì dục tình bỏng cháy của nàng. Vẻ lẳng lơ ấy, quả đã có một sức chiêu dụ đàn ông tột độ. Đầu tiên người đàn bà đánh thức tôi dậy rồi tìm môi, lần đường cúc áo; tận hưởng cái gì có kia một cách cuồng nhiệt. Rồi buổi sáng, trước khi tôi đi rửa mặt, nàng còn ôm lấy tôi hôn, và nũng nịu nhỏ nhẹ:

- Cảm ơn anh đã cho em một đêm đầy sung sướng. Có lẽ em có con với anh. Em chắc nó sẽ là con trai. Và giống anh như khuôn đúc. Thế là, em có mong gì hơn nữa đâu! Anh đi làm đi chứ? Muộn giờ rồi!

Tôi ngồi thừ người, đần độn ra như thế ngay trong tòa soạn. Mọi lần tôi rất thích thú nhìn hình dáng cô thư ký ruỗi đôi chân dài dưới bàn máy chữ. Nhìn một cách thèm muốn cái gì lấp lửng dưới làn vải mỏng đê mê kia, tuy chưa bao giờ tôi nuôi ý định chiếm đoạt sở hữu nàng. Trái lại sáng nay chẳng thấy tha thiết gì với tật xấu cố hữu của tôi mọi ngày. Cô thư ký thấy tôi buồn, an ủi, làm tôi vui. Bản chất đàn bà hay thương người. Nào cô ta bảo, có nhiều cơ gọi điện thoại hỏi, có một cô đến đây tìm tôi khơng gặp. Nào, nói cho nghe đi, sao tôi chưa lập gia đình, rồi ra cha già con mọn còn gặp nhiều cơ cực nữa. Tuổi già không dễ gì mà chịu đựng thấu đâu? Nếu lời nói ấy của cô vang lên vào hôm nào khác; chắc hẳn như thế, cô đã ban cho tôi ân huệ để được gần cô. Nhưng sáng nay, tôi hờ hững. Tôi bị ám ảnh bởi hình ảnh người đàn bà đêm qua. Về lời hứa ban sáng. Và dự định lúc này. Có thực người đàn bà kia yêu tôi? Cho tôi mà không nuối tiếc, lại sẵn sàng đón nhận hậu quả hay không? Phải chi người đàn bà ấy đáng ghét, bủn xỉn, thô tục, trục lợi; có phải dễ dàng cho tôi biết bao! Tôi sẽ không trở lại trưa nay và chẳng cần có một chút băn khoăn, nuối tiếc gì. Thế nhưng chính sự âu yếm, chính thái độ bất cần nghĩ về thủ đoạn ban sáng của tôi, đã làm tôi bối rối, băn khoăn tìm đường thoát trong suốt sáng nay. Trong đầu óc tôi, đang dần dần nẩy sinh ra ý tưởng lấy nàng làm vợ. Tơi sẽ có vợ, có con, để đỡ lâm vào cảnh cha già con mọn. Đời tôi vật lộn đã nhiều, thất bại cũng không ít; nên tôi tin rằng mình có thể đón nhận một thay đổi đột ngột nào đó về cuộc sống mà không lấy gì làm ngỡ ngàng cho lắm. Như vậy, chỉ còn quyết định và nhận phận nữa là xong. Tôi cố vẽ lại trong trí cái thân hình nõn nà, da thịt trắng ngà ngọc ấy, quả thật chẳng khác gì pho tượng dã thú là bao! Vậy thời trưa nay, liệu tôi có trở lại đó hay không? Tôi băn khoăn hoài hủy về câu hỏi ấy mà vẫn không đạt tới được một nhất quyết rõ ràng. Tuy vậy, tôi đã đi tới một quyết định về con bé tình nhân vẫn thường đến thăm tôi vào những ngày nghỉ. Với thân hình mảnh khảnh, tính nết chẳng đoan trang gì; nó khó có thể làm vợ vừa lòng tôi được. Trong bản cáo trạng, so sánh giữa hai người đàn bà; tôi thấy tôi hướng về người đàn bà cùng chung chăn gối đêm qua nhiều hơn. Tôi tìm thấy ở hình hài nàng rất trùng hợp với mẫu người Thu, cái thân xác tôi đã thèm muốn qua nhiều đêm dài mất ngủ.

Duy có một điều làm tôi tiếc ngẩn Thu là người Huế. Nếu lấy vợ Huế, gặp những lúc gia đình xảy ra chuyện cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt, và nếu người vợ Huế của tôi có to tiếng, chửi rủa đi nữa; nhất quyết tôi sẽ không hành hạ vợ. Lại càng muốn được nghe vợ mắng mỏ nhiều hơn.

165 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Ơi cái âm thanh trầm buồn, như lời ca nào về một mối tình dang dở. Sao tôi khơng sang giường Thu vào những đêm chồng nàng vắng nhà? Chiếc cửa thông hai nhà vẫn mở thường đêm. Chỉ cần thị tay nhắc chiếc then cửa nhà sau là vào tới giường Thu. Và Thu sẽ không bao giờ lên tiếng. Tôi chắc chắn như vậy. Nàng cũng như tôi- chúng tôi thỏa thuận rồi- vì không người nào dám dấn bước tới trước mà thôi. Chỉ cần một cử chỉ mạnh dạn là xong. Tôi, đàn ông, địa vị của kẻ xâm chiếm; tôi có bổn phận phải lên tiếng trước chứ. Trong chế độ mẫu hệ vùng cao nguyên, đàn ông thường thấy phụ nữ nhìn đắm đuối phải ngoảnh mặt đi, vì họ là chồng, có quyền chọn mình làm vợ. Còn tôi ở chế độ phụ hệ cơ mà; tại sao lại rút rát? Tôi đã làm đầy đủ lề lối ngoại giao chinh phục. Tôi đã căn đúng được guồng máy gia đình Thu chuyển động. Vào lúc nàng rơi vào cảnh túng thiếu nhất, tôi đã nhét tiền vào phong bì đưa cho Thu.
"Chị ạ, tôi và anh ấy cũng như một. Nếu chị cho phép là xong. Trước kia, tôi vẫn thường đến lấy của anh, mỗi khi thiếu hụt. Chị đừng từ chối, nếu chị đã từng kể cho tôi nghe những chuyện mà theo chị chưa từng kể với người nào, ngay cả anh ấy. Nếu quả thực như thế thì xin chị hãy cầm, cầm cho tôi khỏi tủi!"

Và, tiếp theo một nụ cười. Hàm răng trắng muốt. Môi hồng. Khuôn mặt trái xoan. Lông mày dậm. Da trắng ơi là trắng! Thân hình nhìn là thèm muốn. Chiếc quần Mỹ A đen láng, in hằn ám ảnh sinh lý, thèm muốn đòi thõa mãn. Ăn nói có duyên, tài hoa, lịch lãm. Chỉ cần một trong những điều kia cũng đã đủ làm khổ tôi rồi, huống hồ nàng có đủ. Hơn nữa lại là đàn bà. Vì chỉ đàn bà mới có đủ tư thế làm khổ đàn ông thôi. Con gái, ngoài vẻ ngây thơ, trong trắng, chưa biết mùi tình ái, chưa thành thạo tâm lý đàn ơng, làm sao có thể hại nổi?
Đôi mắt Thu buổi chiều hôm ấy nhìn như là hứa hẹn, muốn nói nhiều lời. Đủ làm tôi cay mắt cho tới sáng hơm sau, qua bao nhiêu cái trở mình, vắt tay lên trán rồi trở dậy đi ra đi vào, thuốc lá châm liên miên vô tội vạ. Nhất là đêm ấy, người ở gái của nàng lại không có nhà. Nó về ngủ nhà nó. Cơ hội thuận tiện hết chỗ nói. Vậy mà tôi đã bỏ qua. Uổng! và rồi tự trách mình ngu dại hơn bất cứ một kẻ ngu dại nào ở trên đời này!

Tôi cứ băn khoăn, vẩn vơ như thế cho tới hết buổi sáng.

Cô thư ký sửa soạn đóng máy chữ lại. Hỏi sao hôm nay ông Nguyên về muộn? Hẳn là đang có chuyện buồn. Tôi giật mình nhận ra chung quanh mọi người đã về gần hết. Tôi đứng dậy soát lại tiền trong ví. Còn độ hơn một trăm đồng. Tạm đủ cho một bữa ăn uống và hai vé đi xem chiếu bóng sau đó. Tôi cũng có thể làm khác hơn thế, về nhà ăn cơm và bỏ mặc người đàn bà đêm qua ở khách sạn. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, người tài phú sẽ ra lệnh cho anh bồi phòng lên đuổi nàng.

Tôi cảm thấy một sự bất nhẫn mỗi lúc một đè nặng thêm lên, khiến tôi không sao chịu nổi. Tôi vội vã ra bến xe búyt, trèo lên xe, đi về phía Chợ Lớn.

Tôi thấy gói mát ban trưa thổi tạt vào mặt. Khoan khóai trở lại rồi đây. Khi bước vào ngưỡng cửa khách sạn, đưa mắt tìm anh tài phú, anh ta đã ra về từ lâu, chỉ gặp bồi phòng.

- Cô ta còn đó chứ?

Cái gật đầu của anh làm tôi mừng rỡ. Tôi nhẩy từng bước thật nhanh lên lầu, đưa tay gõ cửa. Đúng là tiếng nàng từ trong hỏi vọng ra.

- Anh đây mà em. Đi ăn cơm trưa thôi.

Cánh cửa bật mở. Nàng ôm chầm lấy tôi rồi tìm môi hôn tưởng thưởng:

- Em cứ tưởng anh bỏ em rồi. Anh ơi, yêu quá đi thôi!

Tôi chột dạ. Thế ra nàng biết tôi định lừa nàng sao?

- Nghe anh gõ cửa, em lại tưởng bồi vào đuổi chứ.

Thôi, thật đúng là nàng đã đoán biết được ý định của tôi rồi. Lại không thèm nói ra .Và cũng chẳng coi đó là một điều thua thiệt.

Sau bữa cơm trưa, tôi vẫn chưa biết phải quyết định thế nào. Lấy nàng làm vợ; tôi tiếc rẻ cuộc đời tự do, phóng túng. Nhược bằng không, tôi lại ân hận, vì đã để lỡ một dịp có được một người vợ hiểu đời, cao thượng. Lại còn dòng máu của tôi nữa, nếu có. Đang lúc tôi còn băn khoăn như thế, thì đột nhiên nàng nói:

- Chúng mình tạm xa nhau. Em còn phải đi kiếm việc làm. Thăm lại họ hàng bà con nữa. Em đề nghị thế này. Nếu anh thực thương em, anh cho em địa chỉ thật của anh. Mai này, nếu em cấn thai đúng là con trai, em sẽ đến kiếm anh. Lúc đó anh đã có đủ thời gian định đoạt, nếu thực ra hai đứa có thể chung sống lâu dài. Bây giờ thì xin anh đừng nói gì nữa. Chỉ nên làm theo lời em dặn. Chúng mình đi xem chớp bóng lần cuối nghe anh. Cho em được tặng anh chiếc hôn âu yếm từ biệt. Rồi chúng ta giã từ nhau. Nghe em đi nào anh!

Tôi im lặng nghe theo lời nàng. Vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, nàng đứng ở con đường có nhiều hàng mì vịt ngon nhất, trông ra phố Đồng Khánh, nhìn tôi lên xe búyt. Những chiếc vẫy tay giã biệt. Tôi không đủ can đảm quay mặt nhìn lại. Để tránh nhiều nỗi buồn thêm!

Còn nhớ rõ mồn một như đêm qua. Người đàn bà đêm nào không trở lại. Và dù đã nhiều tháng qua đi rồi, đôi lúc nhớ lại tôi vẫn băn khoăn muốn biết nhiều về đời nàng. Không hiểu rằng nàng có con trai như là điều mong ước không?

Sáng nay dậy, tôi thấy tâm hồn trống trải lạ thường.

Nhiều tháng rồi tôi vẫn ở đây, và lúc này thì sắp phải rời chỗ. Người đàn bà một đêm vẫn không trở lại. Đứa bé làm tình nhân không đến nữa. Nó đã đi lấy chồng, vì tôi nhiều do dự. Cuộc sống chẳng có gì mới mẻ. Âm thanh của tiếng hát kia đã chỉ làm tôi gợi nhớ tới Thu, tới chồng con nàng hiện ở xa hàng trăm cây số dài. Tôi chợt nẩy ra ý nghĩ xuống thăm họ, nhân tiện tặng vợ chồng bạn cuốn sách, đồng thời cũng là để tìm ra một nhân chứng (tuy không biết mình là nhân chứng) chứng dám cho chuyện tình nhớ lại, đang sống động trong tôi. Còn nữa, là để muốn đo lường lại mức độ yêu nàng, có thực sự nóng bỏng xôi sục như xưa, hay đã chìm xuống đáy linh hồn sâu thẳm của tôi rồi.

Không cần phải suy nghĩ lung, tôi ra phố, thẳng tới bến xe về nơi vợ chồng bạn ở. Trong lúc đi đường, tôi im lặng nhớ nhung. Về nhiều chuyện. Thu bây giờ ra sao? Đã hai con rồi, hẳn vẫn còn đẹp như xưa, với nét buồn muôn thuở. Đời tôi, tôi vẫn chênh vênh một mình, kéo dài thêm nếp sống *độc-thân-á-thánh* này.

Về tới tỉnh lỵ rồi, tôi vẫn bần thần mãi. Và lúc này lại băn khoăn rằng không biết có nên vào thăm bạn nữa hay không? Có nên tìm lại một bóng hình mà lúc này đã thành kỷ niệm? Tôi bước đi những bước vô hồn trên phố hẹp. Nhưng này, đúng là con đường nhà Thu. Tôi tần ngần đứng một lúc thật lâu trước căn nhà quét vôi mầu xanh nhạt đó. Tôi nghe có tiếng trẻ nhỏ đùa nghịch bên trong và đã hai ba lần toan giơ tay gõ cửa. Đột nhiên, ẩn hiện qua tấm màn cửa mầu vàng, tôi thoáng thấy một chiếc lưng nào quen thuộc. Vẫn cái khuôn dáng hào hoa, lịch lãm ngày xưa.

Người đàn bà bên trong chợt xoay mình trở lại .

Và bỗng dưng không biết có phải vì đã nhìn thấy gì không?- nàng đứng im, toàn thân bất động, cặp mắt sâu thăm thẳm mở rộng, miệng há to như muốn kêu lên một tiếng gì đấy.

Tôi quay người đi thật nhanh, nghe bước chân mình vội vã...

THẾ PHONG

167 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



GIÓ BAY XA

truyện ngắn

NGUYỄN LỆ UYÊN

1*

Ban đầu tôi nghĩ khu nhà trọ như một trại binh, sau nhớ lại thì nó giống một trại chăn nuôi gia súc. Bốn mươi căn phòng, mỗi căn rộng chưa tới hai chục mét vuông đôi mặt vào nhau. Ở giữa là dãy hành lang dài hun hút. Khu nhà trọ táp nham này chứa đủ các thành phần từ thợ thuyền đến công chức, và chẳng mấy khi họ đứng lâu, ngó mặt nhau nói chuyện thân thiện. Mới tờ mờ sáng mọi người đã vội vội vàng vàng dắt xe máy, xe đạp hoặc hộc tốc chạy ra bến xe buýt. Chiều tối mịt họ mới lác đác kéo nhau về, kẻ trước người sau, với sự mệt mỏi bám lủng lẳng trên mí mắt, trên những đôi chân bước chậm. Chính xác hơn, khu nhà trọ này giống cái tổ ong thu nhỏ. Một tổ ong trong mùa gió rét, mưa bão!

Tôi thuê được căn phòng thứ hai bên dãy số lẻ gần sát đầu hẻm, nhưng cũng không thể quan sát được gì chung quanh do cấu trúc của khu phố và khu nhà trọ. Tôi cũng như mọi người, sáng bảnh mắt đã xách cặp phóng xe tới công ty; chiều tối về mở khoá nằm sải tay chân trên tấm nệm lật xuống nền xi măng, đầu óc như muốn bã ra; thân thể mỏi nhừ. Đó là chưa kể những đêm khuya về sáng bị đánh thức dậy bởi những tiếng động khẽ hừng hực, tiếng ư ử rên bên căn phòng đầu liền vách. Cuộc sống "gạo chợ nước sông" cứ lênh đênh hết ngày này qua tháng nọ, kể ra cũng không đến nỗi nào. Nhưng những lúc buồn, chẳng có người hàng xóm nào thân thiết để giải bày, trò chuyện. Í ới qua điện thoại chẳng hứng thú gì.

Chủ nhật, ngày nghỉ nếu bạn bè không đến chở đi đâu đó thì tôi thường khoá cửa nằm nghe nhạc, tấu hài, cải lương, bài chòi, chèo... miễn sao quanh mình có tiếng động cho bớt vẻ quạnh hiu.

Nhưng sáng nay thì không như mọi ngày. Một sự bất tiện. Một sự quấy rối. Một sự bất ngờ. Lẫn lộn những cảm xúc bực bội và thích thú. Đó là tiếng gõ cửa. Những tiếng động nhẹ đã làm chao

đảo, không, chính xác là làm đảo lộn trật tự vốn được giữ gìn cẩn thận theo thói quen sẵn có và lười biếng bấy lâu nay. Hơn ba tháng ở khu này, lần đầu tiên tôi đón nhận tiếng gõ cửa thong thả, không ngập ngừng, không vội vàng. Thoạt nghe hơi khó chịu nhưng hình như những tiếng lốc cốc phát ra từ sự đụng chạm giữa các ngón tay và cánh cửa gỗ đã đè ép sự bực dọc xuống ở mức độ thấp hơn nhiều lần. Tôi khoát thêm chiếc áo ngoài để che đậy sự hở hang khi chỉ một mình trong phòng, nhón gót hé cánh cửa.

Một chiếc đầu lướt qua kẻ hở. Một khuôn mặt dài ngoằng khi mới thoạt nhìn qua khe hẹp. Chiếc đầu lùi lại. Khe hở của cánh cửa mở rộng và khoảng tối biến mất. Chiếc đầu lên tiếng:

-Chào chị. Tôi tới trọ gần tuần nay. Nếu không phiền thì chị cho tôi mượn kim chỉ khâu lại hột nút bị sút. Định ra đầu hẻm mua, nhưng nghĩ các vị phụ nữ thế nào cũng chỉn chu hơn trong chuyện may vá…

Chiếc đầu nói thêm những gì nữa nhưng tôi không để ý. Sự nói dài của Chiếc đầu khiến cánh cửa dưới tay tôi cũng chỉ hé thêm vài phân một cách dè chừng. Chiếc đầu ngưng đột ngột và thở dài đánh sượt nghe thật rõ khiến tôi bối rối, bàn tay tự động hé rộng cánh cửa thêm vài phân:

-Có thể đấy – tôi trả lời – nhưng anh phải nói chỉ màu gì?

-Dạ màu xanh nhạt hay trắng cũng được.

Tôi kéo cánh cửa hẹp thêm một chút như thể phòng ngừa Chiếc đầu có thể bất ngờ chui tọt vào bên trong, trong khi tôi quay vào tìm kim chỉ. Mở chiếc va li tìm chiếc hộp chứa lỉnh kỉnh các thứ vặt vãnh nhưng cần thiết của phụ nữ, và lôi ra đúng loại chỉ khâu Chiếc đầu yêu cầu, tôi đưa cho hắn qua khe cửa hẹp:

-Anh có thể giữ lấy mà không cần trả lại.

Bàn tay chiếc đầu chạm vào bàn tay tôi. Và thay vì nói lời cảm ơn, Chiếc đầu lại xuýt xoa:

-Ôi bàn tay chị đẹp quá.

Tôi đóng sập cửa lại nghe thành tiếng. Lần đầu tiên có người khen bàn tay tôi đẹp. Tôi lật qua lật lại hai bàn tay; xoè mười ngón rồi cong lại nhìn ngắm. Trời đất có đẹp thiệt dưới con mắt hắn hay chỉ là sự nhầm lẫn, tâng nịnh lấy lòng? Tôi nằm ườn trên ghế, lật tiếp tạp chí Thời Trang Phụ Nữ để không nghĩ về bàn tay, lời khen nịnh và thái độ của Chiếc đầu bên kia cánh cửa đóng.

Những chiếc váy dài, váy ngắn, áo pulls, soutiens, slips …màu sắc sặc sỡ, đủ loại như một rừng cờ tổ quốc của nhiều chủng tộc đang quàng vai bá cổ diễu hành trên đường lớn.

Đây rồi, để mai chỉ cho nhỏ Thư ra Corp Mart mua chiếc váy này đi ăn cưới con Lan. Đẹp, hợp với cái dáng mỏng manh của nó. Còn mình thì mặc gì nhỉ. Ôi dào, hơi đâu. Già rồi. Gì cũng được. Lướt chưa đến trang cuối lại nghe tiếng lốc cốc. Tôi đoán đây là Chiếc đầu. Chưa kịp ngồi thẳng lưng, cánh cửa khép hờ đã bật ra. Lại một chiếc đầu thò vào, bím tóc buông thõng trước ngực:

-Em ở sát phòng chị đây mà. Em tên Mai. Chiếc bàn ủi của em bị sao đó không ăn điện. Chị làm ơn cho em mượn. Trời ơi, thiệt là phiền chị quá trời - Giọng nói miền Nam nhào nhão nghe dễ chịu đến lạ.

Tôi cúi xuống gậm bàn lôi chiếc bàn ủi đưa cho cô gái. Không thể đoán được tuổi tác, không đẹp, nhưng khuôn mặt phúc hậu. Cô ta vội vã rụt đầu và biến mất sau cánh cửa, quên cả kéo sát lại. Thôi kệ. Tôi nghĩ, bữa nay chủ nhật ta cũng nên “connect” với thế giới nhà trọ một chút, một chút

thôi với hành lang dài hun hút này để gọi là cũng có tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa. Ta không ngắm được gì, không sờ soạn nắm được tay ai, ngồi hàn huyên to nhỏ với ai trong khu tổ ong thì để chút không khí chủ nhật luồng vào tận phòng tắm cũng chẳng mất mát gì, tôi tự nhủ như vậy, cầm bằng như không khí cũng được xếp loại sinh linh trên trái đất này.

Em ơi…nếu như đôi ta… Em ơi… nếu như đôi ta… câu vọng cổ cứ lặp đi lặp lại một cách sộn sựt trên mặt đĩa bị trầy xước phát eo éo qua hai chiếc loa nhỏ, đập vào tai khiến tôi tưởng tượng đến Chiếc đầu đang ngồi dạng chân xỏ chỉ qua lỗ kim bị trật hoài. Chuyện này rất có thể sẽ xảy ra. Chuyện kim chỉ không phải dành cho đám đàn ông con trai. Tệ thật, tinh thần cộng đồng của bầy ong nơi tổ này không được phát huy một cách triệt để. Giá như có một thủ lĩnh – tôi nghĩ vẩn vơ – mà lấy đâu ra thủ lĩnh kia chứ? Ai rỗi công đâu mà đứng ra gánh vác chuyện hàng tổng? Nhảm nhí. Thiệt nhảm nhí. Tôi đứng dậy, vói tay tắt chiếc loa vi tính. Những câu *em ơi…* sậm sựt tắt ngấm.

Bỗng dưng Chiếc đầu lọt hẳn vào bên trong, kéo theo cả tấm thân đồ sộ đo chật khung cửa. Chiếc đầu chìa gói kim chỉ về phía tôi:

-Trả lại chị. Cảm ơn rất nhiều. Ủa mà chủ nhật chị không đi đâu sao? Xin lỗi, tôi hơi tò mò thái quá.

-Không có chi.

Câu trả lời khiến Chiếc đầu chưng hửng. Hắn đưa tay lên gãi đầu theo thói quen của những gã con trai có thói tán tỉnh vu vơ, mắt nhìn quanh như thể che lấp sự hổ thẹn bắt đầu tăng lên. Chiếc đầu lúng túng thật sự, mắt dán chặt vào bức tranh khoả thân, buông câu nói không dành cho ai.

-Đẹp thật, tuyệt.

Tôi nói:

-Xin lỗi, tôi hơi nhức đầu – và đỏ mặt.

Chiếc đầu quay lui:

-Chào chị.

Bây giờ thì tôi mới kịp hoàn hồn, nhìn lại khoảng cách Chiếc đầu đứng bên trong khung cửa và bức tranh. Hắn nhìn thấy gì nhỉ? Tôi hoảng hốt bỏ tờ tạp chí xuống nền đất, chạy lại đúng chỗ lúc nãy Chiếc đầu đứng, và đứng đúng với tư thế của hắn, cũng ngoái đầu nhìn về phía bức tranh, ước lượng khoảng cách và độ sáng: cũng đến chục bước chân, độ sáng thì nhoè ở một nửa khung tranh. Như vậy Chiếc đầu chỉ có thể nhìn thấy một cách lờ mờ, không rõ ràng. Tôi tạm an lòng và thầm nhủ, sẽ không để bất kỳ gã đàn ông con trai nào ngắm bức tranh này lần thứ hai dù là trong tư thế đứng nhìn ngắm không rõ ràng như Chiếc đầu lúc nãy.

Thật ra bức tranh ấy không có gì là ghê gớm. Chỉ tội một điều: nó chính là chân dung tôi. Người vẽ nó không phải là gã hoạ sĩ cuồng tình mà chính là Lan, con bạn thân sắp đi lấy chồng nay mai của tôi, theo trí tưởng tượng của nó. Tôi không hiểu mấy về hội hoạ, nhưng khi nó chìa bức tranh ra, tôi không khỏi ngạc nhiên. Có điều gì đó khó diễn tả đang phát ra từ thân thể tôi bằng thứ màu nước trơn tuột. Nó lạnh lẽo một cách nồng nàn; héo buồn đến ngây dại trên một tấm thân hừng hực những đồi trũng nhấp nhô, xa vắng, mời gọi, xô đẩy… với thân thể loã lồ từ gót chân đến hai cánh tay giơ thẳng vượt khỏi đầu, chân chéo vào nhau chỉ thấy một miền cỏ mượt xanh hình tam giác nối liền từ háng lên phía dưới khoang bụng…

Chiếc đầu là kẻ lạ duy nhất nhìn thấy sự ẩn hiện thấp thoáng, hư ảo, nhạt nhoà những đường nét không thật rõ ràng.

Chiếc tổ ong bị xé toạt trong buổi sáng chủ nhật tình cờ này rồi.

2*

Chui khỏi tổ ong nhỏ, ra bên ngoài là tổ kiến khổng lồ. Tất cả mọi loại kiến chen chúc nhau trên đường, ngược xuôi; nối đuôi nhau, hối hả suốt cả ngày thâm đêm. Con kiến con trong đàn khổng lồ là tôi rệu rã dẫn chiếc xe xẹp lốp lê lết đã bốn trăm mét nhưng chẳng tìm ra chỗ vá. Đôi chân giống chiếc chân giả vặn gai ốc; tay nhừ mỏi, thân thể nhớp nháp qua lớp mồ hôi rịn vấy áp vào quần áo đến nhột nhạt khó chịu. Đến đôi giày gót cao mới thật khốn nạn: nó nghiến sít, thắt chặt đôi chân như bàn tay thô ráp, nham nhở của gã cà bông bóp thít lại, nhoi nhói. Ôi trời, một con bé cắm đầu dắt xe giữa dòng người xuôi ngược như một kẻ lạ. Tôi chẳng biết phải làm thế nào nữa? Công ty thì sáng nay có cuộc họp sớm, nghe nói quan trọng. Đành phải gọi về thôi. Tôi cố đẩy chiếc xe đáng nguyền rủa lên vỉa hè. Phía sau lưng, tiếng nói hơi quen quen gọi giật.

-Nè chị, sao vậy? Bể lốp à? Khổ thật!

Chiếc đầu trờ tới, cho xe leo lên lề, sát gần chỗ tôi đang loay hoay tìm cách gạt chân chống choãi ra. Chiếc đầu nhanh hơn, đỡ lấy tay nắm, dựng chân rồi khum người quay vòng vòng bánh xe trước, một tay áp lên vành bánh xe đang quay. Tôi không hiểu hắn đang làm cái trò gì; cứ như là hắn đang tìm kiếm lỗ thủng trên chiếc lốp đen thui hay một vật gì cấu xé vào đâu đó khiến chiếc xe bị xẹp. Cuối cùng Chiếc đầu đứng lên, chìa trước mắt tôi chiếc đinh nhọn, kêu lên:

-Xong rồi!

-Là sao?

-Là chiếc ruột bị nát như người ta băm ruột vịt xiêm xào sả ớt - Chiếc đầu nói thản nhiên.

-Can cớ chi tới vịt xiêm?

Chiếc đầu như không nghe tôi nói gì, lên tiếng:

-Nếu như chị không ngại tôi là kẻ gian, cỗm mất chiếc xe đáng giá năm mươi triệu này thì chị có thể lấy chiếc cà tàng của tôi chạy tạm tới công sở, chiều về đổi lại. Còn nếu quá tám giờ tối mà không thấy tôi mò về, tức thị tôi đã bán chiếc xe này và đã đi xa thiệt xa? Lúc đó chị nên báo cho chính quyền sở tại để họ phát lệnh truy nã - Hắn nói một thôi dài - Chị mà tìm ra chỗ vá xe thì cũng mất đến nửa tiếng nữa. Thôi lấy xe tôi đi đi kẻo trễ giờ làm việc!

Chiếc đầu nói giọng kẻ cả, như ra lệnh. Tôi ngó bộ dạng hắn, nhìn ngược từ đầu xuống chân. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ hắn là kẻ dối trá. Đến nước này thì tôi phải nghe theo, không còn cách nào khác. Đỡ lấy chùm chìa khoá trên tay hắn, tôi nói cảm ơn và bỏ mặc hắn với chiếc xe xẹp lốp giữa phố đông. Đầu óc trống trơn. Không nghĩ mình sẽ phản ứng ra sao nếu như hắn làm thật?. Không nghĩ mình tới công ty có còn bị trục trặc gì nữa không?

Chiếc xe cà tàng của hắn không giở chứng giữa đường. Nó ì ạch cõng tôi đến sở đúng giờ. Ngồi vào phòng họp. Mọi việc diễn ra chính xác và nhanh gọn. Kết thúc, mọi người kéo dịch ghế đứng dậy, ai lo việc nấy. Phòng họp trống trơn, còn lại những chai nước và ly cốc lỏng chỏng trên bàn. Hai giỏ hoa ở hai đầu bàn phòng họp không làm ấm hơn chút nào sự trống trải đang phơi dày trong căn phòng rộng. Tôi bước về phòng mình, ôm theo chồng báo cáo của các phòng ban dày cộp. Suốt ngày nay tôi phải đọc xong chồng giấy này để tổng hợp trình giám đốc. Trời đất, cứ như

một quyển từ điển nhỏ. Con số và chữ nghĩa dày đặc. Mắt căng lên những trang giấy, hai tay ấn bàn phím liên tục đến nỗi không còn nhớ gì đến sự bắt đầu của buổi sáng. Cả thân thể và đầu óc cứ chạy đuổi theo những trang kín chữ nằm ngổn ngang trên chiếc bàn rộng.

Trưa ăn vội khúc bánh mì kẹp thịt và chai nước lọc.

Nhắm mắt ba mươi phút. Lại tiếp tục ngồi vào bàn phím cho đến khi chuông đổ.

3*

Tôi không nhớ mình đã đi chiếc xe nào, chỉ mang máng đó là chiếc xe màu xanh rêu đã tróc sơn. Nhưng trong nhà để xe có hàng chục chiếc màu rêu biết làm thế nào? Chính xác là tại vị trí này, nhưng cũng có hai ba chiếc giống nhau, chiếc nào là của Chiếc đầu? Lôi chùm chìa khoá ra tra vào các ổ khoá, xe nào cũng mở được? Vầy là thế nào? Chỉ còn nước đứng đợi cho mọi người lấy hết xe ra, chiếc còn lại là của mình đi khi sáng? Mình đâu có số điện thoại của hắn để có thể hỏi rõ. Đành lòng vậy. Đứng chờ. Khởi đầu và kết thúc một ngày đều xui xẻo như nhau. Nó không có hình dạng, nhưng sự bực bội, căng thẳng thì có thừa?

Lúc về tới tổ ong nhỏ, tôi dựng xe trước cửa và liếc nhìn các ô cửa khép mở không đều. Không thấy dấu hiệu nào là có bóng dáng Chiếc đầu trong khu tổ ong. Cứ tưởng tượng rằng Chiếc đầu biến mất thì sự thể sẽ như thế nào nhỉ? Trên TV thỉnh thoảng vẫn thấy mấy khuôn mặt non choẹt, rất dễ thương bị còng tay chỉ vì chiếc di động và vài trăm ngàn như những thứ cần thiết cho đời sống tạm bợ cần phải đổi lấy thật nhanh chóng? Thời buổi táp nham này đến không thể phân biệt Phật Chúa với những tên mạt hạng thì nói chi đến... Ôi hơi quá đà, đi xa rồi. Tôi thốt nho nhỏ trong miệng, cố đẩy những ý nghĩ u ám trong đầu ra ngoài. Lòng trống không như cái bụng đang đói.

Đúng lúc tôi đang cởi soutien, quần lót thì tiếng Chiếc đầu vang lên:

-Chào chị, xe chạy tốt chứ?

Tôi vọng ra từ trong buồng:

-Không có chi, tốt.

Lúc tôi thay áo quần xong thì Chiếc đầu mở rộng cửa, đẩy xe vào góc:

-Má tôi gửi vào mấy cân sò. Tôi muốn mời chị món quê nhà. Nhưng ngồi đây chắc không tiện mà sang bên tôi lại càng bất tiện hơn. Nếu chị đồng ý, tôi mời chị qua bên kia cầu Rạch Chiếc. Chị có thể nhìn ngọn dừa nước còn tôi thì nhìn mấy cây cau thẳng đuột để ai cũng thấy quê nhà sát bên mình.

Tôi bật cười về lối ví von và cách mời chào khá đặc biệt, nghĩ hắn là người có thể tin cậy được nhưng vẫn cứ trù trừ. Chiếc đầu cười cười vẻ chế nhạo:

-Tôi làm mất xe chị thì nguy to, nhưng làm mất chị thì có thể là điều may mắn.

-Anh có dám làm vậy không?

-Nếu chị cho phép?

-Không đời nào!

-Là nói vui, chứ tôi không bao giờ có ý nghĩ sàm sỡ đó.

-Vậy thì tôi đồng ý ngồi nhìn cau, nhìn dừa với anh nhưng phải về trước 8 giờ. Bởi tôi có hẹn với người bạn.

-Cảm ơn.

-Tôi cảm ơn mới đúng chứ sao lại anh? Anh kêu đãi tôi món ngao sò gì kia mà?

-Đúng thế

(...)

Chiếc xe cà tàng của Chiếc đầu chở tôi ngồi sau, giữ một khoảng cách vừa phải. Tôi để ý qua mấy chỗ đèn đỏ, hắn chậm rãi dậm thắng. Té ra hắn cũng là con nhà tử tế, khá lịch sự trong đời sống khi hắn xách bọc sò đưa cho chủ quán, kéo ghế cho tôi, lau chén đũa, lật ly... Tôi ngồi quan sát, thấy hắn không đến nỗi nào, cũng có thể gần gũi, bạn bè được. Và ăn uống với Chiếc đầu chỉ là cái cớ để hắn dốc bầu tâm sự về hoàn cảnh gia đình, về những công việc hắn đang làm, những trắc trở, khó khăn thời mới ra trường. Tóm lại hắn là người có ý chí, cứng rắn nhưng không thiếu tình cảm.

Những cốc rượu vơi đi là thêm một thông tin, những vỏ sò mở banh ra trống trơn là thêm một chi tiết bất ngờ về cuộc đời hắn. Hoá ra Chiếc đầu là con nhà danh giá, bị sơ sẩy trên đường làm ăn khiến gia đình lâm vào ngõ cụt. Giờ thì chính Chiếc đầu là người gượng dậy và đang đến gần đích, theo như lời hắn giải bày.

-Chị biết không? - Chiếc đầu ngó ra phía đường – Gia đình tôi xuống dốc lúc tôi học năm thứ ba, vừa kèm trẻ vừa hoàn tất học trình vừa đau vừa giận cô bạn. Cô ta quay lui như lính nghe khẩu lệnh "đằng sau quay". Vậy đấy, rồi mọi chuyện cũng ổn. Giờ tôi phải khôi phục lại công ty của ba mẹ tôi bằng bất kỳ giá nào.

-Chúc anh thành công – Tôi nâng cốc rượu vang trắng lên - những con sò của anh ngọt lắm. Cảm ơn – Nói và tôi liếc nhìn đồng hồ.

Lúc đi qua chiếc cầu gỗ nối liền quán với khu đất trống bên ngoài, Chiếc đầu bất ngờ cầm tay tôi;

-Cảm ơn chị đã dành cho tôi một buổi tối thật đẹp.

Tôi không rụt tay lại, với ý nghĩ là lúc này không nên để Chiếc đầu mất đi niềm hứng khởi. Bàn tay tôi nằm gọn trong tay hắn hình như cũng âm ấm đôi chút, nhưng khi ngồi sau yên xe tôi vẫn giữ một khoảng cách khá an toàn, thật an toàn cho đến khi về tới khu tổ ong./.

NGUYỄN LỆ UYÊN







NGHỆ THUẬT ĐÃ CHIẾN THẮNG BẠO LỰC

TỪ VŨ

"Tôi muốn gợi lên cuộc đấu tranh giữa con người và định mệnh mình và hát lên sự chiến thắng của tâm linh , đạt được với cái giá của những nỗ lực kiên trì " **- Dimitri Shostakovich**

"Cái chết giải quyết tất cả mọi vấn đề: không có người , không có vấn đề" **- Joseph Staline**

Hai câu nói gần như là đủ để nhận ra cái hố sâu thẳm trí tuệ cách biệt giữa Dimitri Chostakovitch và Joseph Staline . Có những nghịch lý rõ ràng về bản chất: Staline thì lạnh lùng và tính toán trong khi đó Shostakovich thì nhạy cảm và kín đáo. Họ đối lập nhau trong suốt 20 năm, người nghệ sĩ chống lại nhà độc tài, sự hung bạo chống lại nghệ thuật. Tuy nhiên, đừng vội vàng nghĩ rằng Staline là một người thô tục kém văn hóa, nhưng ông trong tâm trí của chính ông đã thật nhanh để tưởng tượng bất kỳ một sự đối lập nào đó sẽ tới đối kháng lại quyền lực của ông. Không những chỉ có âm nhạc, mà còn bao gồm tất cả các bộ môn văn học nghệ thuật khác. Thời đại Staline là một giai đoạn cực kỳ khó khăn tại Liên Xô ...

I)- SƠ LƯỢC VÀI CHI TIẾT CẦN THIẾT

Chúng tôi sẽ vạch rõ ở những phần dưới đây, kể từ năm 1936 , quan hệ và đặc biệt là sự tương phản giữa Shostakovich và Staline , nhưng chúng tôi thấy rất cần thiết đưa ra một số thông tin sơ lược tiểu sử của cả hai người :

- Iossip Vissarionovich Dzhugashvili, tự là Staline , sinh ra tại Georgia vào năm 1879. Dù rằng xuất thân từ một gia đình khiêm tốn nhưng ông cũng đã nhận được một nền giáo dục rất tốt tại chủng viện Chính thống giáo ở Tbilisi. Bị thu hút bởi các tư tưởng xã hội chủ nghĩa, ông tham gia cuộc Cách mạng Nga năm 1905 và rồi sau đó thăng dần qua các cấp bậc của Đảng Dân chủ Xã hội Nga. Ông thường xuyên bị bắt giam và sau đó lại được trả tự do , hoạt động ở khắp nước Nga. Năm 1913, ông đã lấy tên Staline ("người đàn ông thép") và được Lénine ủy thác trách nhiệm chăm sóc tờ nhật báo "Pravda" ("sự thật"), cơ quan tuyên truyền của đảng . Staline tham gia vào cuộc nội chiến Nga, và bảo vệ thành phố Tsaritsyn kháng cự lại với các đội Bạch quân của Nga hoàng. Như một biểu tượng, thành phố này sau đó được đổi lại tên thành "Stalingrad" ("Thành phố Staline"). Sau cái chết của Lenine vào năm 1924, một cuộc tranh chấp quyền lực nội bộ về việc kế vị Lénine đã diễn ra vô cùng sôi nổi , trong đó Staline, đầy mưu kế và thủ đoạn , đã dần dần triệt hạ mọi đối thủ để từ năm 1926 nắm trọn quyền lực tối cao trên toàn lãnh thổ Nga Xô Viết .

Tuy được mô tả như một "đồ tể khát máu" , mà có lẽ là đúng như vậy, nhưng Staline có kiến thức . Ông đã đọc Emile Zola, và rất ưa chuộng âm nhạc, nhất là các thư mục "cổ điển" Nga như : Modest Mussorgsky , Pyotr Ilyich Tchaikovsky, Glinka Mickaïl Ivanovitch ... Ông thường xuyên tới thưởng ngoạn ở các nhà hát, trong đó có nhà hát lừng danh Bolshoï , nơi mà câu chuyện của chúng ta khởi đầu trong một ngày ảm đạm vào năm 1936.

Chúng ta hãy tạm dừng ở đây để quay trở lại thời điểm trước đó tìm hiểu về Dimitri Chostakovitch :

- Vào ngày 25 tháng 12 năm 1906, Dmitri Dmitrievich Shostakovich chào đời tại St Petersburg. Xuất thân từ một gia đình người nhập cư Ba Lan rất trái ngược với quyền lực của Nga (sau này chiếm đóng Ba Lan vào thời điểm đó). Dmitri bắt đầu học piano từ năm 9 tuổi và theo học tại nhạc viện thành phố dưới sự dạy bảo của nhà soạn nhạc Alexander Konstantinovich Glazunov (1). Người thầy dạy cảm nhận được cậu học trò của mình có "một tài năng sáng tạo và tuyệt vời," nên đã tận tâm hỗ trợ cậu. Một tương lai tươi sáng như một nghệ sĩ dương cầm (ông đã nuôi sống gia đình bằng cách chơi dương cầm cho những buổi trình chiếu các phim câm), và năm 19 tuổi Shostakovich ký tên cho bản giao hưởng đầu tiên của mình. Đây là một thành công ngay lập tức, Bruno Walter và Leopold Stokowski đã trình tấu tại Hoa Kỳ, Alban Berg đã viết một lá thư chúc mừng gởi cho nhà soạn nhạc trẻ tuổi. Sự công nhận đầu tiên đã như điều báo hiệu trước cho tương lai . Nhạc sĩ Glazunov đáng kính đã không nhầm lẫn về người học trò của mình : trong người thanh niên này có sự thiên bẩm. Nhưng Shostakovich tự dành chủ yếu một sự nghiệp cho các buổi độc tấu . Ông tham gia cuộc thi giải Chopin đầu tiên, nhưng không đoạt được giải nhất. Sự thất bại này , vô cùng đau đớn cho người nhạc sĩ trẻ , tuy nhiên lại mang đến nhiều lợi ích cho những sáng tác về sau này : thực vậy, ông đã từ bỏ sự nghiệp một nghệ sĩ dương cầm để tập trung vào các sáng tác . Một opéra đầu thiên đầy hứa hẹn hứa hẹn , Cái Mũi - The Nose - phỏng theo từ Gogol (2) , đã được chế độ "vui lòng" một cách ... vừa phải. Tuy vậy, bản giao hưởng thứ hai và thứ ba cũng đã được nhà nước đặt hàng .

Năm 1932, Shostakovich đã kết hôn với cô Varzar Nina. Ông đã đề tặng người vợ mới cưới vở opera "Lady Macbeth của quận Mtsensk" , vở opera mà sự tai tiếng sẽ xảy tới...

II)- SÁNG TÁC LOẠI ÂM NHẠC "VÔ NGHĨA" ?

Vở Opera là một thành công khó có thể chối cãi được. Khởi tạo vào ngày 22 tháng 1 năm 1934 tại Leningrad, tức tốc ngay sau đó, đã trở về Moscow.

Để hiểu được các sự kiện sẽ xảy ra chúng tôi thấy rất hữu ích tóm tắt ngắn gọn vở opéra :

Cô Katerina, kết hôn với Zinovy một chủ điền giàu có và bị quấy rối bởi Boris, người cha chồng , nên buồn chán. Đây là một loại Madame Bovary (3) của Nga, cũng như Madame Bovary cô đi tìm

sự tiêu khiển cho cô bằng sự ngoại tình. Cô giao tiếp thân mật với Sergei, một người làm công, để sau đó trở thành một tình nhân của cô . Ngay sau đó cô sát hại chồng và người cha chồng để có thể kết hôn với người yêu của cô ta. Nhưng tội phạm đã bị phát hiện ngay vào đêm đám cưới. Katerina và Sergei bị gửi đến nhà tù ở vùng Siberia. Tại nơi này, chán nản và mỏi mệt , Sergei tán tỉnh một phụ nữ khác. Điên cuồng vì ghen tuông, Katerina tự trầm trong nước đông giá .

Ngoài chủ đề đã có thể xúc phạm đến đạo đức vào thời đó, vở opera chứa đựng nhiều cảnh gợi cảm có phần táo bạo, hỗ trợ bởi một điệu nhạc khêu gợi. Nhưng khán giả và giới phê bình nhớ nhất là sức mạnh của tấn bi kịch cũng như sự hiện đại của tác phẩm.

Nhạc sĩ dương cầm Arthur Rubinstein đã nói rằng ông "vô cùng xúc động bởi thảm kịch dữ dội này ." Vở opera đã được trình diễn khắp nơi trên thế giới : từ Buenos Aires đến Stockholm, Zurich đến Zagreb, ngay cả tại Met (Metropolitan Opera, New York). Tại châu Âu, London và Paris đều đã bị mê hoặc, Benjamin Britten (4**) và Francis Poulenc (4*) bày tỏ sự thán phục của họ . Tuy nhiên, Dimitri Shostakovich lại vô cùng e dè . Dường như ông đang lo sợ phản ứng của chế độ về việc làm của ông. Tương lai đã chứng minh điều dè dặt của ông là đúng, cho dù phản ứng có xảy ra hơi chậm một chút.

Joseph Staline, phần ông ta, kỵ ghét bất kỳ một loại bộc lộ tình cảm nào được phô bầy ra . Đã có một lần ông tức giận khi một bộ phim chứa đựng một chút "nhẹ nhàng" được trình chiếu tại điện Kremlin: Viên Giám đốc phụ trách trình chiếu đã bị một phen lo sợ đến mất ăn mất ngủ mấy ngày. Người cha "bé nhỏ" của nhân dân Nga luôn sẵn sàng ra tay ngăn chận bất kỳ một nỗ lực nào tỏ vẻ thách thức với chế độ của ông ta. Cuộc "hội ngộ" của nhà độc tài và vở opera của Shostakovich không thể êm đẹp được , đó là điều quá hiển nhiên. Vào tháng Giêng năm 1936, nhà hát Bolshoi nổi tiếng ở Moscow đưa ra một sản xuất mới của Lady Macbeth. Ngày 26.1.1936, Staline tham dự với sự hiện diện của Zhdanov (5), người được Staline ủy thác giám sát những hoạt động của giới văn chương nghệ thuật Nga Xô. Shostakovich cảm thấy điều bất hạnh sẽ xảy ra . Ngoài ra, theo ông cho biết, đêm hôm đó diễn xuất không được hay, và phần kèn của dàn nhạc đã bị tăng cường đến mức qúa đáng, nên chẳng những không giúp đợ gì được cho tác giả của vở hát mà ngược lại . Staline trợn mắt bỏ đi ra , và phản ứng của ông không cần phải trông đợi. Hai ngày sau, một bài viết ký tên vô danh đã xuất hiện trên trang nhất của tờ Pravda, là sứ giả của chế độ. Bài viết với tên gọi là "một âm nhạc vô nghĩa", bài viết nhận bùn vở opera của Shostakovich và tác giả vở kịch bị cáo buộc là "kẻ đi theo chủ nghĩa hình thức" để viết nhạc trừu tượng, và cố tình gây mất trật tự. Tài năng không đặt vấn đề: Staline (mà có lẽ là tác giả trực tiếp của bài viết) xác định rằng Shostakovich cố tình "hy sinh tài năng để viết nhạc hay" để tìm một hành vi kỳ quặc "cố ý". Vở Opera còn bị gọi là "cánh tả" và "tiểu tư sản." Thực rõ rệt : Staline nhận thức bản chất muốn lật đổ chế độ của tác phẩm, và muốn nói rõ ràng rằng bất kỳ hành vi lệch lạc nào đi ngoài hệ tư tưởng chính thức của chủ nghĩa xã hội sẽ bị đè bẹp. Bài viết cũng rất rõ ràng với một câu như sau: "ở đây người ta đã trình diễn với một sự bí hiểm , một trò chơi mà có thể sẽ có một kết thúc thảm hại." Sư đe dọa qúa rõ ràng.

Shostakovich kinh hoảng. Năm 1936 là năm bắt đầu những cuộc thanh trừng lớn của Staline . Trong tất cả các tầng lớp xã hội, nam giới bị đưa đi giam ở các trại tập trung. 90% hàng ngũ tướng lãnh của Hồng quân bị biến mất. Những trí thức phản động và các nhà lãnh đạo núp bóng Staline cũng được đến các " cư trú " trong Gulag. Shostakovich rất sợ hãi, khi ngủ ông đã mặc quần áo ngủ đầy đủ, ngày này sang ngày khác, ông tin rằng trước hay sau ông cũng sẽ bị bắt giam . Ông hút thuốc lá rất nhiều, thân thể gầy yếu , nhưng vẫn can đảm đầy nói: "Nếu họ cắt hai tay tôi, tôi sẽ giữ cây bút của tôi giữa hàm răng và sẽ tiếp tục viết nhạc." Ông cũng đã hiểu rất rõ ràng sự đe dọa: chế độ sẽ không tha thứ cho ông một sự khác biệt thứ hai giống như Lady Macbeth. Shostakovich quyết định thật nhanh : hủy bỏ buổi diễn tập của bản 4è Symphonie - Giao Hưởng Thứ Tư . Một kiệt tác thống thiết , đổi mới cả về hình thức và nội dung , gồm hai hành khúc lớn đầy kịch tính (gần nửa giờ) đi kèm một scherzo mỉa mai. Bản giao hưởng kết thúc bằng những âm thanh đáng lo ngại của tiếng chuông , phần phản ánh sự sợ hãi về cái chết, được ông sáng tác sau khi bài báo định mệnh xuất hiện trong tờ Pravda. Bản Giao Hưởng thứ Tư, sẽ vẫn

còn nằm trong bóng tối suốt 25 năm sau ...

III)- LẠI ĐƯỢC CHIẾU CỐ

Dimitri Shostakovich là một người tự nguyện. Ông không thể để bị nghiền nát được. Nhưng thực rõ ràng là ông không thể đối đầu trực tiếp đến chế độ, tuy nhiên bây giờ ông biết tìm cách cẩn thận đề phòng. Cũng rất có thể nhờ vào uy tín quốc tế của ông nên Staline đã không thể đơn giản làm ông "mất tích" như nhiều người khác đã bị cáo buộc về một hành vi "lật đổ chế độ" nào đó .

Vào tháng Tư năm 1937, Shostakovich lại bắt tay vào việc sáng tác một tác phẩm mới, bản Giao Hưởng số 5, trong đó có một phụ đề với tựa đề *"một câu trả lời của một nghệ sĩ Xô Viết về một chỉ trích đúng ."*

Cùng lúc đó, các đối thủ của Shostakovich trong Hiệp hội Liên minh các nhà soạn nhạc Xô Viết đang sung sướng xoa tay vì họ luôn chờ đợi để sẵn sàng kết thúc lần này với tên nhạc sĩ "kỳ đà cản mũi " trẻ tuổi này.

Liên minh của các nhà soạn nhạc Xô Viết, được thành lập vào năm 1932, là một cơ quan tư vấn của Đảng Cộng sản về âm nhạc: Các thành viên thực sự đều là những kẻ "đánh bóng giầy" cho Staline và làm đúng theo những cơn vui buồn của vị chủ nhân đầy quyền lực này . Liên minh sẽ vẫn đóng một vai trò quan trọng sau chiến tranh, nhưng lần này các quan chức của Liên minh của các nhà soạn nhạc Xô Viết đều lại bị thất vọng vì Bản Giao Hưởng thứ Năm của Shostakovich lại là một thành công. Công chúng xúc động với âm nhạc thật "cụ thể" vượt thoát khỏi phần "hình thức" mà người ta đã chỉ trích tác giả trước đây. Shostakovich đã chứng tỏ tài năng thích ứng phi thường và thiên tài âm nhạc của ông. Tác phẩm này đã được trình tấu ngày 21 Tháng 11 năm 1937 bởi dàn nhạc thính phòng Leningrad dưới quyền điều khiển của một nhạc trưởng trẻ tuổi : Yevgeny Mravinsky. Người nhạc trưởng này sau đó đã trở thành một "siêu sao", trị vì tối cao trên 50 năm không chia xẻ với bất kỳ nhạc trường nào khác ở dàn nhạc này (ông qua đời năm 1988), và tiếp đó là 5 bản giao hưởng của Shostakovich hơn (bản giao hưởng thứ Tám được Shostakovich riêng tặng cho ông).



Năm 1940, Shostakovich sáng tác của ông Quintet dành cho piano và đàn dây. Tác phẩm được tạo ra từ Quartet của Ludwig van Beethoven và các chính nhà soạn nhạc đích thân đảm trách phần trình diễn bằng dương cầm , lại thêm một thành công nhưng lần này còn hơn những lần thành công trước đó : bản nhạc đã được trao "Giải thưởng Stalin First Class", mức cao nhất phân biệt nghệ thuật tại Liên Xô. Ngoài số tiền quan trọng mà Shostakovich nhận được (100.000 rúp), giải thưởng còn như khẳng định một đặc ân mà chế độ dành cho ông. Và đó là một thành quả khó tưởng tượng nếu chúng ta nghĩ lại rằng ba năm trước đây tên tuổi Shostakovich bị nằm trong quyển sổ đen, đã bị nhận sâu xuống bùn và có thể bị lưu đầy tù tội.

Nhưng nếu mọi thứ như đã đề cập ở trên được xếp đặt lại một cách thuận lợi cho cuộc sống của Shostakovich thì bóng tối của chủ nghĩa phát xít đang từ từ bao chùm ở phía tây: Mặc dù hiệp ước đã ký kết giữa Liên Xô và Đức quốc xã trong năm 1939 nhưng Hitler vẫn âm thầm chuẩn bị xâm chiếm lãnh thổ Liên Xô. Dù rằng đã được các điệp viên của ông ta cảnh báo nhưng Staline vẫn không tin vào sự bội ước của Hitler. Ngày 22 tháng sáu năm 1941 chiến dịch Barbarossa bắt đầu, Wehrmacht (quân đội Đức quốc xã) tiến công bất thình lình trong lúc Hồng quân Liên Xô không một chút chuẩn bị gì trước.

IV)- NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

Nếu mỗi một giai đoạn của cuộc Thế Chiến Thứ Hai là đối tượng của một phần chuyên biệt nào đó cũng là vì ảnh hưởng mãnh liệt của nó trong tác phẩm của Dmitri Shostakovich và tác động quan trọng tới các sự kiện diễn ra trong giới nghệ thuật ở Liên Xô , sau chiến tranh.

Chúng ta không cần phải đi sâu vào các chi tiết lịch sử mà chỉ qua một phác thảo ngắn gọn về các sự kiện : Liên Xô đã hoàn toàn bất ngờ trước sự xâm lược của Đức. Hồng quân bị tổn thất nặng ngay trong những ngày đầu của cuộc tấn công, và phải tháo lui. Ngay từ mùa thu, thành phố Leningrad, thủ đô của Nga Hoàng ngày trước, đã bị bao vây (một cuộc bao vây khủng khiếp kéo dài hơn 1000 ngày với con số hơn một triệu nạn nhân) và Moscow bị đe dọa. Trong bối cảnh đó, ngày 29 tháng 7, Shostakovich đã khởi đầu soạn thảo bản giao hưởng Thứ Bảy của ông, mà ông dành riêng "cho cuộc chiến đấu chống lại chủ nghĩa phát xít của chúng tôi [...] và thành phố Leningrad của tôi." Đó là tất cả những gì có thể Shostakovich làm được cho đất nước mình bởi vì rõ ràng là Shostakovich quá giá trị để được gửi ra mặt trận. Ông nài nỉ được làm những công việc hữu ích khi ở lại trong thành phố của mình: được điều động tới tiếp tay với các nhân viên cứu hỏa (cơ hội để thực hiện một số hình ảnh tuyên truyền trong đó người ta có thể nhận ra trên đầu nhà soạn nhạc một chiếc nón của lính chữa lửa). Hình ảnh về nhà soạn nhạc yêu nước, quả cảm này đã được phổ biến sâu rộng , bằng chứng là nó cũng được những người ở bên kia bờ Đại Tây dương biết tới: Shostakovich với chiếc nón của lính chữa lửa đăng trên tờ tạp chí nổi tiếng Times ngày 20 tháng 7 năm 1942. Sau cùng, những cuộc chiến đấu tại Leningrad đạt tới mức cực kỳ dữ dội và Shostakovich đã được sơ tán bằng đường hàng không. Ông tự an ủi cho chính mình bằng cách hoàn thành bản giao hưởng mà ông viết. Ông cũng không biết rằng tác phẩm này, một phương cách để đóng góp cho nỗ lực chiến đấu, sẽ còn quan trọng hơn nhiều hơn bất cứ điều gì ông có thể hoàn thành trong tư cách của một người lính. Qủa thật như vậy, bản giao hưởng, một bản nhạc ngợi ca thánh cuộc kháng chiến chống lại sự man rợ, một âm hưởng từ trước đến nay chưa từng có. Trong buổi trình diễn lần đầu tiên tại Moscow sau khi vừa được giải thoát , tiếng còi báo động một cuộc không kích rền rĩ nổi lên. Nhưng thay vì đổ xô đến các hầm trú ẩn thì khán thính giả, đã bị cuốn hút và tất cả vẫn đã ở nguyên lại vị trí của họ mà không di chuyển.



Buổi hòa nhạc được truyền lại qua làn sóng đài phát thanh trên toàn Liên Xô, vang lên như tiếng kêu gọi của sự tập hợp, nhưng âm hưởng cũng thể diễn sự đớn đau mà ngay lập tức tất cả người nghe đều bị xúc động. Tại Hoa Kỳ , giá trị nhà soạn nhạc - yêu nước - lính chữa lửa đã đạt được tới điểm tối đa.

Tất cả các nhạc trưởng lớn nhất vào thời điểm này, từ Stokowski tới Walter qua Koussevitzki tranh nhau để được "cầm đũa" điều khiển bản giao hưởng này nhưng cuối cùng người được vinh dự đó là nhạc trưởng Toscanini (6). Bản dàn bè của giao hưởng đã được ghi lại bằng microfilm và chuyển từ Liên Xô qua Trung Đông để tới tay các dàn nhạc ở Hoa Kỳ . Bản giao hưởng đã được trình tấu 62 lần trong thời kỳ đó ở Hoa Kỳ. Ngày 19 tháng 7 1942, đài phát thanh Hoa Kỳ cho truyền thanh buổi hòa nhạc do Toscanini điều khiển, và sự nhiệt tình của toàn thế giới tự do lên tới mức tột đỉnh ... Lại thêm một chiến thắng thế giới cho Shostakovich, khi đó mới chỉ được 36 tuổi ! .

Đứng trên quan điểm âm nhạc lẽ tất nhiên bản giao hưởng không phải là tuyệt hảo. Sergei Rachmaninov (7) , người đã được nghe qua đài phát thanh, nói rằng ông đã phiền chán. Béla Bartók (8) thì chế giễu chủ đề chính tác phẩm của Shostakovich qua bản "Concerto dành cho dàn nhạc" (1943) lừng danh của ông . Song le, Shostakovich sử dụng một phương pháp độc đáo (truyền bá bằng bản Bolero của Maurice Ravel) để mô tả cuộc xâm lược của Đức. Chủ đề của 1st

Movement , trước hết nhẹ nhàng vô thưởng vô phạt, được cố ý lặp đi lặp lại, rồi từ từ trở nên xấm tối hơn và đe dọa để biến thành sự chuyển động quái dị, ẩn dụ cho cuộc xâm lăng của Đức Quốc xã.

Bản Giao Hưởng số Bảy không tuyệt hảo ? Điều này tùy thuộc vào tác giả và Shostakovich vẫn còn dự trữ nhiều khả năng sáng tạo dành cho giới thưởng thức âm nhạc những ngạc nhiên lý thú về sau này . Ông lại bắt tay vào việc soạn thảo Bản Giao Hưởng số Tám . Thời kỳ này là thời kỳ mà Shostakovich đã đạt được tới tột đỉnh, ông đang sắp "với tay chạm đến sao" : Bản Giao Hưởng số Tám là một trong những kiệt tác của ông . Một trong những bản giao hưởng vĩ đại nhất của thế kỷ thứ XX.

Để mô tả bản giao hưởng hoành tráng thứ Tám, hãy nghe những lời tán dương của một nhạc sĩ lớn: nhạc sĩ dương cầm Sviatoslav Richter: "Người ta nghe vang vọng tiếng nức nở khóc than đau đớn và bài hát hy vọng của cả một dân tộc và toàn thể nhân loại." Nhân loại, trong những thời điểm khuấy động của thế chiến , đang cần thiết phải có một tác phẩm như vậy. Tạo bởi chính người được đề tặng, Yevgeny Mravinsky vào ngày 08 tháng 11 1943 tại Moscow. Kế tiếp ngày 2 tháng Tư năm 1944 tại New York: buổi hòa nhạc này đã được phát sóng bởi gần 250 đài phát thanh trên khắp Mỹ Châu với ước lượng khoảng 25 triệu thính giả (xem thế mà nhạc cổ điển cũng có thể được quảng đại quần chúng thưởng thức) .

Nhưng, duy nhất có một người, một người rất quan trọng, không hài lòng chút nào : người đó là Joseph Staline. Nếu bản Giao Hưởng thứ Bảy được Staline hài lòng thì bản Giao Hưởng thứ Tám vừa buồn thảm lại vừa có tính cách cáo giác làm cho Staline không ưa. Ông ta cảm thấy rằng cộng đồng văn học nghệ thuật đã lợi dụng chiến tranh, mà ông không có thời giờ để "chăm sóc" , để "nói nhiều hơn" . Vào năm 1944 Staline tổ chức một cuộc thi về một bài hát Liên Xô để thay thế cho bài hát "Quốc tế ca" (luôn luôn là một bài hát chính thức của chủ nghĩa xã hội). Các tên tuổi lớn được mời nộp đề xuất: Sergei Sergeyevich Prokofiev (9) , Shostakovich cũng có tên trong số những nhạc sĩ khác được yêu cầu. Nhưng đề nghị của Shostakovich bị cho là quá "trí thức" và không có thể sử dụng để khơi dậy được quần chúng nên không được chọn (cũng như hai nhà soạn nhạc nêu tên trên đây). Staline bất bình. Ông ta ngủ rất ít , chú tâm điều khiển cuộc chiến trong lúc này thì Hồng quân Liên Xô đã lấy lại ưu thế kể từ sau trận đánh Stalingrad, tuy nhiên Staline cũng bị ám ảnh về việc "nói nhiều hơn" của những người trong cộng đồng nghệ thuật Liên Xô . Nhưng Staline tạm thời để một bên, chờ dịp để ra tay ...

V)- PHẢI ĐẶT ĐỊNH LẠI TRẬT TỰ SAU KHI CHIẾN TRANH CHẤM DỨT

Ngày 24 Tháng Tư 1945, Hồng quân bao vây Bá Linh (Berlin). Chấm dứt Đệ Tam Quốc Xã và Hitler tự sát vào ngày 30. Một người lính Hồng quân cắm lá cờ Liên Xô trên Reichstag, hình ảnh



lịch sử bất tử đó đã được ghi lại qua một bức ảnh nổi tiếng sau này. Các nước Đồng Minh tuyên bố chiến thắng, từ Paris đến Moscow, từ London tới New York, khi bản đầu hàng được ký kết tại thành phố Reims (Pháp) ngày 07 tháng 5 và sau đó vào ngày 08 tại Bá Linh. Liên Xô là một những nước chiến thắng lớn của cuộc chiến tranh này.

Nhưng chỉ vừa ngay sau khi kết thúc trận chiến với Đức là một khởi đầu một cuộc chiến khác cho Joseph Staline. Ông ta đã quan sát, không phản ứng, sự khuấy động của giới trí thức Liên Xô trong thời gian chiến tranh. Bây giờ đã tới giờ thanh toán nợ nần và đặt để lại trật tự . Dimitri Shostakovich, người đã công bố một bản giao hưởng tuyệt vời "cho cuộc chiến thắng vĩ đại của chúng ta", lại làm cho ông ta thất vọng thêm một lần nữa. Bản Giao Hưởng thứ Chín tương đối ngắn, nhẹ nhưng có phần chua chát mỉa mai, nó chẳng có một chút gì rực rỡ mà hàng ngũ ưu tú của xã hội Liên Xô đang trông đợi.

179 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

"Điềm bất hạnh của bản Giao Hưởng thứ 9" có liên quan tới sự kiện này? Shostakovich sợ hãi sợ những gì có thể xảy ra tiếp theo cho ông? Sự nghiệp của rất nhiều nhạc gia hầu hết đều dừng lại với bản giao hưởng mang số 9 (mà tất cả đều là những kiệt tác): Ludwig van Beethoven với "Ode to Joy" bất tử, Anton Bruckner, Franz Schubert, Antonin Dvorak với các bản giao hưởng nổi tiếng "New World Symphony", hoặc Gustav Mahler (người cũng đã hoảng sợ bởi Symphonie no 9 en Ré majeur (để tránh điều bất hạnh xẩy ra bản giao hưởng này được xem như bản thứ 10 của Mahler).

Với đặc tính của một chế độ độc tài toàn trị, người ta hạ bệ thần tượng anh hùng của Shostakovich. Phần khác nữa, chẳng phaỉ chỉ riêng một mình Shostakovich mà còn Sergei S. Prokofiev mặc dù Prokofiev đã được trao giải thưởng Staline dành cho âm nhạc của ông cho bộ phim của Eisenstein (10) "Ivan the Terrible"), nhà thơ và nhà văn (tương lai đoạt giải Nobel) Boris Pasternak cũng bị chỉ trích. Prokofiev phớt tỉnh, khinh miệt việc làm này, nhưng Shostakovich, người đàn ông nhạy cảm bị tổn thương trầm trọng.

Năm 1948, trong một bản báo cáo cáo buộc Zhdanov đã cáo buộc rất nhiều nhà soạn nhạc đã đi theo "hình thức chủ nghĩa trong âm nhạc". Shostakovich và Prokofiev có tên đứng đầu bảng danh sách bị cáo. Sergei Eisenstein (10), một đạo diễn lớn của điện ảnh Liên Xô, đã bị thần chết mang đi vì một cơn đau tim ngay trước ngày công bố bảng danh sách các nhà soạn nhạc bị chế độ kết tội : có thể vì nhà đạo diễn này không chịu được cú sốc khi biết được rằng Prokofiev, đồng nghiệp của ông, có tên trong danh sách?. Sergei Eisenstein là một trong những nạn nhân gián tiếp cuả Staline. Cuộc đàn áp đang trên đà gia tăng tốc độ trong toàn Liên Xô, và chỉ cần một lời nói cũng đủ để được đến ngụ cư trong một Gulag nào đó. Vào thời điểm đó, học thuyết của Zhdanov trái ngược với học thuyết của Harry Truman và Khởi đầu thời kỳ Chiến tranh Lạnh .

Liên Minh các nhà soạn nhạc Xô Viết, mà chúng ta đã đề cập ở trên , tổ chức các cuộc họp. Những cuộc họp đó rất nhanh cóng đã đổi thành những phiên họp tự thú công cộng : các nhà soạn nhạc bị buộc tội bị nhận xuống bùn , buộc lòng phải thú nhận tội lỗi đã được tự động ghi và hứa sẽ cải tạo .

Con trai của Shostakovich, Maxime (sau này đã trở thành một nhạc trưởng) bị bắt buộc phải công khai chỉ trích cha mình . Ca sĩ opéra Galina Vichnievskaîa, vợ của nghệ sĩ cello Rostropovich Msistlav (một "siêu sao" của âm nhạc người đã chơi đàn trước bức tường Berlin sụp đổ), nhớ lại trong hồi ký về các cuộc họp đen tối của Liên Minh các nhà soạn nhạc (hai vợ chồng bà là những người bạn của Shostakovich): "Shostakovich đã phải ngồi một mình trong một hàng ghế trống. Đó là một thói quen cho chúng ta : ít người nào muốn đi bên cạnh một kẻ bị đang sắp sửa bị lên án. Hệt như một cuộc hành hình trước công chúng , mà đây là một cuộc hành hình trước công chúng thực sự chỉ có một điểm khác biệt duy nhất là thay vì kết liễu cuộc đời kẻ bị xử thì những tên đao phủ cứ để cho tử tội sống nhưng bị phủ kín từ đầu đến chân sự nhục nhã . Cuối cùng, qủa thật vậy, Shostakovich có thể được xem như là may mắn : bị trục xuất khỏi các nhạc viện ở Moscow và Leningrad nhưng được trả tự do. Nhiều người khác kém may mắn hơn như trường hợp nhà văn Nobel văn chương Alexander Solzhenitsyn, bị bắt năm 1945 vì đã dám gọi Staline là một "caïd" - tay anh chị - đã phải ở 8 năm trong Goulag. Qua kinh nghiệm tù đầy này mà ông đã viết được tác phẩm nổi tiếng "Quần đảo Gulag" - The Gulag Archipelago - tác phẩm dầy 1500 trang và được chuyển lậu sang Tây Phương để xuất bản tại Pháp vào năm 1973.

Suốt trong thời kỳ đen tối đó, Shostakovich ẩn mình, như ông cũng đã làm trong quá khứ. Ông sáng tác nhạc bản cho điện ảnh để mưu sinh : "Vào thời kỳ đó, tôi viết nhạc phim. Thực là khủng khiếp để đến nỗi đó". Thực thế, nghị định của Zhdanov tuyệt đối cấm bất kỳ một cuộc trình diễn tác phẩm nào của Shostakovich và tất nhiên là nguồn doanh thu của người soạn nhạc này cũng không có nữa. Tuy nhiên một số tác phẩm quan trọng của Shostakovich vẫn được bí mật sáng tác như bản Concerto Pour Violon N°1 tuyệt vời được đề tặng cho David Oistrakh hoặc String Quartet No. 5 được giữ kín trong ngăn kéo , cả hai đã phải nằm chờ đợi giờ xuất hiện trước công chúng cùng với bản Giao Hưởng số 4. Tuy nhiên với một chế độ chuyên về tra tấn cũng có những cơn

"nóng , lạnh" bất thường và bất thần "người ta" đề nghị cho Shostakovich du hành qua các quốc gia khác ngay cả tại Hoa Kỳ để ... đại diện cho văn hoá Liên Xô .

Vào tháng Bảy năm 1950, Shostakovich có mặt tại Leipzig trong dịp kỷ niệm hai trăm năm ngày Johann Sebastian Bach qua đời. Ông tham gia mà không một sự chuẩn bị nào ngay lập tức để trình tấu một Concerto dành cho 3 cây dương cầm của Johann Sebastian Bach (Concertos pour 3 pianos) - nên nhớ lại rằng khi còn trẻ Shostakovich đã có dự tính trở thành một người chơi hòa nhạc chuyên nghiệp. Lần tiếp xúc này với nhạc của Bach, cụ thể trong một những công trình trọng điểm , bản "Das wohltemperierte", sẽ là nguồn cảm hứng cho Shostakovich trong một sáng tác mới : 24 prélude và fugues của ông là một loạt tiếp theo các bản piano tưởng nhớ và tôn kính Bach. Chú tâm để tránh sự động chạm bất bình với chế độ Shostakovich đã trình tấu tác phẩm của mình trước cử toạ Liên minh của nhà soạn nhạc Liên Xô vào tháng 5 năm 1951 với sự đón nhận như người ta có thể đoán ra được : thật lạnh nhạt , vô cảm.

Nhà soạn nhạc Shostakovich vẫn kiên quyết tiếp tục : Trong những tháng kế tiếp, trước một cử tọa thù nghịch đó, ông lại trình tấu những phần nhạc đã viết . Hình như ông cảm thấy là giờ phút được giải thoát cũng đang đến . Nữ nhạc sĩ dương cầm Tatiana Nokalayeva, người ủng hộ nhiệt liệt tác phẩm (bà đã đóng một vai trò rất quan trọng trong công việc sáng tác tác phẩm này khi gặp tác giả của nó tại Leipzig), đã thành công khi gài được giới cầm quyền cho phép phổ biến tác phẩm. Cuộc trình diễn trước công chúng lần đầu tiên đã được thực hiện vào tháng 12 năm 1952. Chút lửa hy vọng này như một dấu hiệu báo hiệu trước một thời kỳ tốt đẹp cho Shostakovich.

VI)- KẾT THÚC CUỘC CHIẾN ĐẤU : NGHỆ THUẬT ĐÃ THẮNG !

Lịch sử đôi khi đã dành cho con người nhiều sự kiện khó tưởng tượng ra được. Đôi lúc lịch sử như đùa cợt . Thực như vậy, một tình cờ lạ lùng đã xảy ra, vào ngày 6 tháng 3 năm 1953, hai người từng đã đối kháng nhau biết bao nhiêu năm trời lại cùng qua đời chỉ cách nhau vài tiếng đồng hồ. Vào lúc 4 giờ 07 phút, theo giờ chính thức được nhà nước loan báo, Người Cha Nhỏ Bé của nhân dân Liên Xô, nhà độc tài sắt máu , kẻ từng ngự trị độc quyền tại Liên Bang Sô Viết suốt 1/4 thế kỷ, Josept Staline, qua đời. Cũng trong ngày đó, nhạc sĩ thiên tài Sergei Prokofiev từ trần. Người ta thế thứ hai này, người luôn luôn chế nhạo và chỉ trích chế độ, thêm một lần nữa lại bị ngạo báng : đám táng của ông không được quyền tổ chức chính thức. Và Dmitri Shostakovich, một người hâm mộ trung thành với bậc trưởng thượng của mình, là một tròng những người ít ỏi theo sau quan tài Prokofiev trong lúc đó ngược lại thì đám ma của một trong những tay đao phủ vĩ đại nhất thế kỷ đám đông tới tấp đến khúm núm tỏ lòng tôn kính trước quan tài lộng kiếng...Sergueï. M. Eisenstein (10) đã từng phát biểu về âm nhạc của Prokofiev : "Ngôn từ âm nhạc của Prokofiev có độ tinh chất của thủy tinh, duy nhất chỉ có Stendhal (11) mới có thể ngang hàng được" .

Nhưng chính Shostakovich cũng có một "món quà" để tưởng nhớ tới Staline : bản Giao Hưởng số 10
:
Bản Giao hưởng mở ra với một hành khúc tang lễ dài, có thể là để vinh danh các nạn nhân của nhà độc tài Staline này. Mouvement tuyệt vời thứ hai với sự mãnh liệt chưa từng có, theo lời của chính nhạc gia "chân dung cay độc của Staline." Người ta có thể khẳng định rằng bản giao hưởng là một loại bia mộ bia cho trận chiến đã diễn ra giữa hai người : Shostakovich và Staline . Một cách thức như để nói "ông đã đi nhưng ta vẫn còn sống sót, ta đã chiến thắng." vì Shostakovich cũng thể hiện trong tác phẩm này, thông qua điều thường được gọi là "chữ ký âm nhạc" của nhà soạn nhạc. Điểm này tương ứng với những chữ cái đầu tiên của các nhạc sĩ, bằng tiếng Đức: D. (Dimitri) SCH. (Ostakovitch), đó cũng là ghi chú những nốt nhạc trong danh mục anglo-saxon. Như vậy, chủ đề cấu thành bởi những chữ cái đầu của nhà soạn nhạc, và đối chọi với Staline trong Mouvement cuối cùng. Sau những hơi thở hổn hển cuối cùng của nhà độc tài, nhà soạn nhạc đã thắng, và để kết thúc trong sự chiến thắng đầy lạc quan .

LỜI BẠT

Chúng tôi xin kết thúc ở đây cuộc chiến đấu giữa hai người đàn ông quả cảm , đầy nghị lực : Staline và Shostakovich. Đối với người thứ hai, mọi sự việc đều được hoàn hảo . Bản Concerto dành cho Violon đã viết 7 năm về trước của ông là một thành công. Shostakovich được trao giải thưởng Hòa bình quốc tế (cùng với Charlie Chaplin) và được đặt danh hiệu là "Nghệ sĩ của nhân dân." Mối quan hệ của ông với nhà cầm quyền Liên Xô vẫn sẽ phức tạp, nhưng một thời gian tuyệt vời trong sự nghiệp sáng tác khai mở . Nhiều kiệt tác sẽ còn được viết ... Con gấu hung tợn vùng Georgia đã phải chịu thất bại trong mưu đồ tiêu diệt năng lực sáng tạo của một người chắc chắn là một trong những nhà soạn nhạc vĩ đại nhất của thế kỷ hai mươi . Shostakovich đã biết lấy sức mạnh từ chính nội tâm của mình để vượt qua những khó khăn áp chế của quyền lực, và chắc chắn sức mạnh đó cũng đã là nguồn gốc của những kiệt tác như các bản Giao Hưởng số 4, 8 và 10 , Concerto thứ 1 dành cho vĩ cầm ... và nhiều tác phẩm khác.
Cái chết của Staline không chỉ là kết thúc một kỷ nguyên sống của riêng Shostakovich mà cũng là mở đầu cho một thời kỳ phục hưng. Shostakovich sẽ còn sáng tác nhiều công trình lớn nữa với những sự hợp tác của nghệ sĩ uy tín nhất. Chúng tôi sẽ đề cập đề tài này trong một bài viết khác .

La Sérénité - Troyes, ngày 17.11.2011

GHI CHÚ :

(1) Glazunov : Alexander Konstantinovich Glazunov , sinh năm 1865 tại Saint Petersburg mất năm 1936 tại Neuilly-sur-Seine Paris : nhà soạn nhạc, nhạc sĩ , nhạc trưởng, giáo sư âm nhạc người Nga.

(2) Gogol , Nicolas (1809-1852) : nhà văn lừng danh người Nga.

(3) Madame Bovary : tiểu thuyết lừng danh của nhà văn Pháp Gustave Flaubert xuất bản vào năm 1857.

(4*) Francis Poulenc (1855-1917) : nhà soạn nhạc, nhạc sĩ dương cầm người Pháp.

(4) Benjamin Britten, Edward (1913-1976) : nhà soạn nhạc, nhạc sĩ dương cầm, nhạc trưởng người Anh .**

(5) Zhdanov : sanh năm 1896 chết năm 1948 , chủ trương Hiện Thực Xã Hội Chủ nghĩa, giám sát kiểm soát chính trị trên sách,báo, phim ảnh, âm nhạc ... đàn áp giới văn nghệ sĩ tình nghi đối kháng chế độ . Năm 1947, thành lập tổ chức Kominform với mục tiêu tập trung và phối hợp của các đảng Cộng sản ở châu Âu và đặt nền tảng cho chính sách của Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh: học thuyết Zhdanov để ngăn chặn học thuyết của Harry S. Truman (Hoa Kỳ).

(6) Arturo Toscanini (1867-1957) : nhạc trưởng người Ý, một trong những nhạc trưởng lừng danh của thế kỷ thứ 20, từng điều khiển các dàn nhạc thính phòng lớn trên thế giới như Metropolitan Opera, New York Philharmonic Orchestra, Israel Philharmonic Orchestra, BBC Symphony Orchestra , NBC Symphony Orchestra...

(7) Sergei Rachmaninov (1878-1943) : nhà soạn nhạc, nhạc sĩ dương cầm, nhạc trưởng người Nga.

(8) Béla Bartók (1881-1945) : nhà soạn nhạc, nhạc sĩ dương cầm người Hung Gia Lợi.

(9) Sergueï Sergueïevitch Prokofiev (1891-1953) : nhà soạn nhạc cổ điển , nhạc sĩ dương cầm và nhạc trưởng người Nga.

(10) Sergueï Mikhaïlovitch Eisenstein (1898-1948) : nhà thực hiện phim ảnh, đạo diễn nổi tiếng Nga.

(11) Stendhal (1783-1842) : là bút hiệu của Henri Beyle, văn sĩ Pháp, lừng danh qua các tác phẩm Le Rouge et le Noir , La Chartreuse de Parme ...

Theo Antonin – Symphozik.info

TỪ VŨ

182 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



Ký họa của Họa sỹ Bùi XuânPhái

TRẦN HUYỀN TRÂN ,

ĐÂY MỘT LOÀI HOA KHÁC HẢI ĐƯỜNG (*)

HUYỀN VIÊM

Mưa bay trắng lá rau tần
Thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa.
Có người về khép song thưa
Để rêu ngõ trúc tương tư lá vàng.

(Trần Huyền Trân – 1939)

Suýt nữa thì nhà thơ Trần Huyền Trân đã trở thành khách nhỡ tàu ! Cuối cuốn "Thi nhân Việt Nam" (1941), Hoài Thanh viết :"Viết đến đây, tôi đã định khép cửa lại, dầu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa : Trần Huyền Trân. Trần Huyền Trân, con người có tên lạ ấy không phải là một thiên tài. Nhưng tôi ưa những vần thơ hiền lành và ít nói yêu đương".

Tại sao Hoài Thanh lại mở cửa đón Trần Huyền Trân ? Vì "sau khi đọc hoài những câu rặt anh anh em em, tôi đã tìm thấy ở đây cái thú của người đi đổi gió". Nhưng chỉ tiếc một điều : cũng như T.T.Kh., trong "Thi nhân Việt Nam", Trần Huyền Trân không được trích in một bài thơ nào cả !

Trần Huyền Trân tên thật là Trần Đình Kim, bạn bè thường gọi tắt là Trần Kim, sinh ngày 13-9-1913 tại Hà Nội. Đó là con người có nước da bánh mật, cặp mày xếch và ánh mắt thăm thẳm. Ông đã trải qua thời thơ ấu rất vất vả. Nhà nghèo, cha mất năm 13 tuổi, mẹ chỉ có một cái lều vó để kiếm cá quãng đầm ao sau Cống Trắng, phố Khâm Thiên, Hà Nội :

Tôi ở lều tranh Cống Trắng này,
Chạnh lòng cá nhảy với chim bay.
Đêm sầu kẽo kẹt ngư bà thức,
Giăng phải hồn tôi một lưới đầy.

(Mưa đêm lều vó – 1938)


Ký họa của Họa sỹ Lê Quốc Lộc

Cái ngõ Văn Chương ngày nay ở phố Khâm Thiên có biết bao nhà cao cửa rộng, nhưng thời đó là một vùng ao đầm, nước tù dơ bẩn, thỉnh thoảng có một con thuyền thúng ra hái rau muống mà tác giả gọi một cách nên thơ là rau tần.

Nhà nghèo, ông phải làm đủ nghề để nuôi em, đỡ mẹ : thợ nguội, thợ chiếu bóng, dạy tư, viết văn, làm báo, lập đoàn kịch.... Nhưng dạy tư, mở báo Bắc Hà đều thất bại, thế là cái nghèo vẫn đeo đẳng không rời. Trần Huyền Trân từng được Hoài Thanh khen là "ít nói yêu đương". Ít nói chứ không phải là không nói, vì nhà thơ nào mà chả nói yêu đương :

Ai xui em gửi đời mưa gió
Làm kiếp hoa chiều đón bướm si.
Để một chiều buồn, anh tới đó,
Lòng về thật khác lúc ra đi.

(Lạc loài – 1938)

hay nhẹ nhàng mà vô cùng gợi cảm :

Mười năm mới hiểu tình yêu,
Một nguồn hương nhẹ, mấy chiều gió đưa.

(Mười năm – 1940-1942)

và thương nhớ bâng khuâng :

Xa nhau, gió ít lạnh nhiều,
Lửa khuya tàn chậm, mưa chiều đổ nhanh.

(Tương tư 1940-1942)

Vẫn biết không phải cuộc tình nào cũng dẫn đến kết thúc êm đẹp, nhưng khi phải chia tay với người yêu thì sao khỏi luyến tiếc ngậm ngùi :

Tương phùng là để biệt ly,
Biệt ly là một lòng đi qua lòng.
Giờ thuyền em đã sang sông,
Anh nhìn khói sóng ngỡ trông mây đèo.

(Mười năm – 1940-1942)

Dạo ấy ở miền Bắc có nhiều cô gái mê thơ Trần Huyền Trân lắm, trong số đó có một cô đã nhiều năm cần mẫn ngồi thêu những bài thơ của Trần Huyền Trân trên lụa, tuy hai người chưa hề quen biết nhau. Về sau, khi biết chuyện, ông có làm hai bài thơ nhan đề "Gửi người thêu thơ" chứa chan tình cảm. Bài I có những câu :

Phải người là xuân nữ
Thơ tôi làm hương đưa.
Phải người là cô phụ
Thơ tôi làm trăng thu.

Là ai ? Mà tâm sự
Gửi kim chỉ đường tơ ?
Là ai ? Mà tình tự
Với tình tôi trong thơ ?....

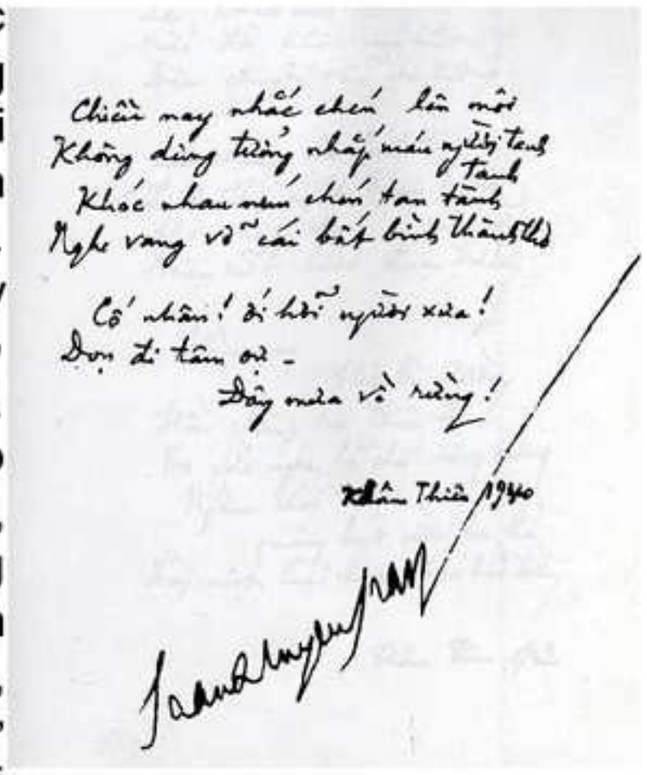
(Sơn Nam 1940)

Bài II có những câu :

.... Cảm ơn người đã thêu thơ
Cho nhau tỉnh giấc như vừa chiêm bao.
Thôi, thôi, thôi biết thế nào,
Dẫu cho giai thoại cũng vào biển dâu.

Người thêu thơ có biết đâu
Người làm thơ nhắc chuyện nhau mỉm cười.
Phải tình yêu ở cõi đời
Chỉ là một tiếng thở dài... ngày xưa ?

(Sơn Nam 1941-1942)



Trong đời sống tình cảm của mình, Trần Huyền Trân đã làm được một việc rất đẹp và đầy tình nhân ái. Khoảng năm 1937-1938 ông có quen biết một cô gái tên Trần Nguyệt Hiền. Nguyên do em trai của Hiền là học trò của thầy Trần Kim và mẹ cậu này nhờ thầy Kim đến nhà kèm thêm con nhỏ. Mối tình giữa thầy trò phát sinh từ đó. Nhưng vì nhà nghèo quá nên mẹ của cô gái yêu thơ, yêu thầy này phải gả bán cô cho một người chủ đồn điền giàu có. Chẳng bao lâu, cô Hiền bị đuổi về với cái thai trong bụng và sinh ra một đứa con gái không cha. Lúc Hiền trở dạ, chỉ có ông bên cạnh lo cho Hiền được mẹ tròn con vuông. Xót cho hoàn cảnh của người yêu, ông lấy tên mình đứng khai sinh cho cháu bé. Nỗi đau thương cùng cực của hai con người họ Trần đã khiến họ nghĩ ra cái dấu nối đẫm nước mắt : Trần nối với Trân bằng dấu huyền là Trần Huyền Trân, tên cô bé tội nghiệp, con thiên hạ, được khai sinh là con ông và trở thành bút danh của ông sau này (1). Rồi ông làm bài thơ "Cái thai hoang" đề tặng Trần Nguyệt Hiền :

Ơi hỡi đứa con không có tên
Nằm tròn xác bụng mẹ vô duyên.
Con lên mầm sống trong lòng chết
Bởi mẹ con là một gái đêm !

.... Nào khác chi đời mẹ của con,
Ép khuôn cười khóc để người buôn.
Một đêm chung chạ bao hơi hướm,
Đến rạng mai ngày nát phấn son !

để rồi kết thúc với một niềm hy vọng như mặt trời xua tan bóng đêm, mang lại muôn vàn hạnh phúc :

Rồi lớn lên con ! Mở mắt nhìn,
Khóc cùng bách tính sống như đêm ?
Nhưng không, đừng khóc ! Thân gân cốt
Ta bậc thang đời

Con giẫm lên !

(Dưới gót phát xít Nhật – 1942)

Tác giả tự biến mình thành bậc thang để con giẫm lên, đi về phía tương lai xán lạn. Lời thơ tuy nói với con nhưng cũng là nói với bạn bè, đồng bào ruột thịt đang bị dày xéo dưới gót sắt của phát xít Nhật.

Trước năm 1945, Trần Huyền Trân cùng với hai người bạn thân là Thâm Tâm và Nguyễn Bính lập thành nhóm "Tam anh", riêng với Thâm Tâm, Trần Huyền Trân chơi rất thân. Năm 1943, Thâm Tâm say mê nàng đào nương tên Yến ở phố Khâm Thiên đến nỗi xao lãng việc văn thơ và bè bạn. Trần Huyền Trân đã nhiều lần khuyên can, chẳng những Thâm Tâm không nghe mà còn gây

sự. Không kềm được cơn giận, Trần Huyền Trân đấm sưng mắt bạn khiến Thâm Tâm tức giận bỏ đi. Trần Huyền Trân rất ân hận, bèn làm một bài thơ tạ lỗi và giãi bày nỗi đau buồn cùng niềm ân hận của mình. Bài thơ nhan đề "Gửi Thâm Tâm" trong đó có những câu :

Ô ! Ví ta cười xé mắt ngươi
Là lòng đau xót cố nhân ơi !
Khi ngươi gói ghém đem hài cốt
Một ả ca nhi bước xuống đời.

Ta biết tình trường sóng gió lên,
Mà ngươi sóng gió một con thuyền.
Vắng ngươi, bút giấy ngày lên mốc,
Chăn chiếu tình trai giọt sáp hoen.

....Đành ngả nghiêng cười nói ngẩn ngơ,
Dang tay tâm huyết đón hương thừa.
Trời ơi ! Đến gái đời mưa gió
Mà cũng phụ tình trai gió mưa !.....

(Khâm Thiên 1943)

Xem bài thơ, Thâm Tâm khoái trá, vỗ đùi cười ha hả rồi quay về và bỏ ý định lấy cô đào nương ấy.

Hai năm sau, Trần Huyền Trân kết duyên với cô Hạc Đính, một hoa khôi của Hà Nội lúc bấy giờ, người đã từng tham gia ban kịch "Tháng Tám" và đóng vai Thị Lộ trong vở Lệ Chi viên trước đó (1944). Người phụ nữ xinh đẹp này về sau theo Trần Huyền Trân đi kháng chiến ở Việt Bắc, chịu biết bao khó khăn gian khổ, nhưng bao giờ cũng cùng chồng con vui sống. Nhà văn Nguyễn Đình Thi kể :

"Những năm chống Pháp, chúng tôi sống ở núi đồi Việt Bắc, một lần qua Cao Vân, phía chân dãy Tam Đảo, tôi tìm vào gia đình anh Trần Huyền Trân. Chị và các cháu ở đấy, sống cuộc sống vất vả của bao nhiêu gia đình Hà Nội đi kháng chiến. Chị, người diễn viên đã xuất hiện lộng lẫy trong vai Thị Lộ của vở kịch "Lệ Chi viên" năm 1944 trên sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội, nay chị đánh vật với đất rừng, với sốt rét, trồng sắn, làm vườn, và những lần giặc Pháp càn đến thì chị ôm các cháu mà chạy với bà con, trong lúc chồng đi xa suốt năm tháng. Hôm ấy tôi đến, may anh Trân cũng ở nhà, căn nhà nứa nhỏ trong đồi. Chúng tôi gặp nhau, ôm nhau cười nhiều hơn nói. Nhà không có gì thết khách, anh Trân đưa tôi ra bờ suối, buông cần câu tài tử, vậy mà cũng được mấy con cá nhỏ, bữa cơm độn sắn với canh cá suối ấy là kỷ niệm quý tôi còn giữ mãi trong lòng..." (2).

Nói đến thơ Trần Huyền Trân thì không thể không nhắc đến hai bài "Say ca" và "Độc hành ca". Bài thơ "Say ca" đề tặng Thâm Tâm và Nguyễn Bính có thể coi như tuyên ngôn của lớp trẻ bấy giờ về thái độ đối với thời cuộc, với đất nước, về sự trăn trở, không yên của thanh niên buổi quốc phá gia vong :

Tối om kìa vận chúng mình,
Trai lành bỏ cỗi, gái trinh bỏ già.
Mật người nào khác gan ta,
Tưới bao nước mắt mới ra nụ cười.
..... Mắt trong ví chọc cho mù
Thì đen bạc đấy ! Cũng ừ vàng son.
....Men lên ví chuyển lại thời,
Lũ ta đội ướt đêm dài với nhau.

(Sơn Nam 1943)

Còn bài "Độc hành ca" cho thấy sự chuyển biến tích cực trong tâm hồn tác giả. Người thơ cảm thấy bức bách, khó thở trong bầu không khí ngột ngạt của thời cuộc lúc bấy giờ :

Lòng ta không sóng không đừng,
Thơ vang lại vướng mấy tầng cửa quan.
Ngẩng thì núi cuốn mây tang,
Kìa Đông lửa cháy, kìa Nam khói mù.

để rồi muốn phá vỡ sự tù túng, ngưng đọng, muốn thoát ra khỏi cảnh u tối, bức bách đó :

Chiều nay nhắc chén lên môi,
Không dưng tưởng nhắp máu người tanh tanh.
Khóc nhau ném chén tan tành,
Nghe vang vỡ cái bất bình thành thơ !

Năm 1937 báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy đăng truyện ngắn "Hoa ti gôn" của Thanh Châu. Mấy hôm sau, tòa soạn nhận được bài thơ nhan đề "Bài thơ thứ nhất", rồi "Hai sắc hoa ti-gôn". Hai bài đều ký T.T.Kh. và đều một nét chữ run run. Từ đấy tòa soạn Tiểu Thuyết Thứ Bảy không nhận được bài nào nữa và cũng không biết T.T.Kh. ở đâu (Về sau có thêm một bài nữa là "Bài thơ cuối cùng").

Sau khi hai bài thơ kia đăng rồi, xóm nhà văn bỗng xôn xao. Có đến mấy người nhất quyết T.T.Kh. chính là người yêu của mình. Trần Huyền Trân cảm vì mối tình dang dở của hai kẻ yêu nhau, đã từng hẹn nhau ở vườn Thanh Giám (không phải Thanh Hóa) nên ông có bốn bài thơ ghi là viết ở Thanh Giám :

Thưa bà [gửi một bà yêu thơ] (1938)

Tiếng đàn đôi ta [gửi quả phụ Trần Nguyệt Hiền] (1938)

Có những mùa đông [3 bài] (1939)

Trưa ấy qua rồi (1939)


Ký hoa của Nhà thơ Quang Dũng

Trong bốn bài này, chỉ có bài thứ tư tả tâm sự của Trần Huyền Trân lúc trở lại vườn Thanh :

Bây giờ năm tháng vô duyên quá,
Em đã theo chồng bến cát xa.
Đò đã sang sông, chèo lái mới
Sao còn khua sóng mãi thơ ta ?

(Thanh Giám 1939)

Về sau, con trai ông – đạo diễn điện ảnh Trần Kim Bằng – một đêm, khuya lắm, hỏi ông về T.T.Kh. Ông trầm ngâm rồi thở dài :"Có những chuyện chẳng nên nhắc lại làm gì !" Thế là chuyện về T.T.Kh. vẫn mãi mãi là ẩn số. Có khi như thế lại hay.

***

Trần Huyền Trân sống vào thời kỳ mà xã hội đầy dẫy cảnh khổ đau. Bản thân mình đã khổ, nhìn

ra ngoài xã hội thấy còn lắm cảnh khổ hơn :

Đẻ ra trong đói khó,
Váy mẹ làm áo con.
Miệng khát, trẻ cào vú,
Nào hay già thiếu cơm !

(Bố về – 1945)

Khổ thế chưa đủ, phát xít Nhật còn bắt dân ta phải phá lúa trồng đay (để may bao tải), đem lúa đốt để chạy máy điện vì thiếu than, khiến năm 1944 miền Bắc có đến hai triệu người chết đói :

Đàn ông sót lại bao tên,
Chôn người để đợi người đem chôn mình.
(Những người chưa chết – 1944)

Miền quê trở nên xơ xác tiêu điều, dân đói quá phải bỏ làng kéo đi nơi khác kiếm ăn để sống vất vưởng qua ngày, nhưng đến đâu cũng chỉ thấy toàn là đói :

Con trâu, con chó không còn,
Khắp vùng dân đói dần mòn kéo đi.
Vai mang đời sống lặc lè,
Tráng phu năm trước, tử thi buổi này.

(Những người chưa chết – 1944)

Thế rồi cách mạng tháng tám đã về. Trần Huyền Trân hòa mình vào biển người hừng hực sức sống của một dân tộc đã hồi sinh sau bao năm dài quằn quại dưới gót giày xâm lược :

Khói lửa bốc hoa tay kẻ sĩ,
Bốn phương về thảo chính khí ca.

(Đi trên đường Hà Nội sau ngày Tuyên ngôn độc lập 1945)

Nhưng chẳng bao lâu, thực dân Pháp quay lại. Hải Phòng bốc lửa. Bài thơ "Hải Phòng 19-11-1946" của Trần Huyền Trân là một bài thơ truyền hịch, giọng thơ căm hờn kích thích toàn dân hãy đồng loạt đứng lên chống lại kẻ thù nuôi dã tâm xâm lược tổ quốc ta một lần nữa. Lời thơ hùng hồn, đầy hào khí, phản ánh nỗi căm thù chồng chất trong lòng dân ta sau những năm dài bị trị :

Hải Phòng !
Nẩy lửa trong lòng Nhà hát lớn,
Mười ba quyết tử cười hơn hớn.
Còn viên đạn cuối cùng
Nhà hát rung….

Những con người đã từng là phu phen cực khổ, nông dân bị bóc lột tận xương tủy, những con người một lần làm nên lịch sử ấy đã không tiếc thân mình, lăn xả vào chỗ lằn tên mũi đạn để giáng cho địch những đòn sấm sét :

Lửa xuống cửa ga,
Xe tăng giẫy chết !
Lửa vào Cát Bi

188 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Máy bay tan tành !
Hải Phòng khu bảy tay ôm lửa,
Một mái nhà thiêu một đạo binh !

Nhưng rồi chiến tranh kéo dài và lan rộng, gieo tang tóc điêu tàn lên khắp đất nước, Trần Huyền Trân đã vẽ lại cảnh bi thương ấy bằng những vần thơ cảm động :

Đất lành lúa chín, rau thơm,
Hốt nhiên giặc đến, xóm làng lửa thui.
Trẻ thơ khóc mẹ ồi ồi,
Già nua sấp ngửa đứt hơi giữa đồng.
Gà xao xác, chó chạy rông,
Lợn kêu, bò rống, trâu lồng, người rên...

(Đốt làng – 1948)

***

Thơ Trần Huyền Trân đã từ lĩnh vực tình yêu bước sang lĩnh vực xã hội rồi phản ánh một cách trung thực cuộc chiến đấu hào hùng của dân ta để giành lại độc lập tự do cho tổ quốc. Thơ Trần Huyền Trân nói lên tình cảm và ước vọng chân thành của thế hệ ông đang sống. Giọng thơ hiền hòa, nhẹ nhàng và gợi cảm, nhưng đôi khi cũng có vẻ ngang tàng (như trong bài "Say ca" hay "Độc hành ca").

Thâm Tâm quả đã hiểu Trần Huyền Trân hơn ai hết, nên khi đề tựa thơ Trần, đã viết :

….. Hôm nay
thơ lên đường

Hồn chàng ra thiên hạ
Ta vừa nghe lã chã dòng sương
Ngâm thôi

quăng bút cười ha hả

Đây một loài hoa khác hải đường.

(Thâm Tâm 1942)

(*) Thơ Thâm Tâm Theo Tô Hoài
(2) Nguyễn Đình Thi, "Thay lời nói đầu" tập thơ "Rau Tần" của Trần Huyền Trân

HUYỀN VIÊM



189 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Mẫu Âu Cơ



CHÙA HUYỀN KỲ THỜ MẪU ÂU CƠ

MAI THỤC

Chùa Huyền Kỳ cổ kính linh thiêng ngự tại làng Huyền Kỳ, xã Phú Lãm, huyện Thanh Oai thuộc tổng Sốm là Kinh đô cổ của Tổ Tiên Bách Việt. Chùa Huyền Kỳ mang tên ngôi làng Huyền Kỳ.

Nay xã Phú Lãm đổi thành phường Phú Lãm- quận Hà Đông- Hà Nội. Ngôi chùa Huyền Kỳ Tổ Tiên xây, giữ lại hồn làng Huyền Kỳ thuộc Thanh Oai- Kinh đô cổ.

Mồng 8 Tết Giáp Ngọ 2014. Chúng tôi và GS. TS Nguyễn Trường Tiến cùng bác Nguyễn Mạnh Can về dự Hội làng Huyền Kỳ. Bác Can sinh tại làng Huyền Kỳ, tâm hồn thơ bé thấm đẫm tiếng hát chèo, tiếng trống, mõ, tụng kinh, tiếng chuông chùa, đình, lăng mộ, miếu, đền thờ cúng, tế lễ Tổ Tiên Bách Việt và các vị có công với dân nhiều đời.

Làng Huyền Kỳ đã lên phường. Dấu thiêng làng cổ Huyền Kỳ vẫn vẹn nguyên. Phả cổ tạc chữ vàng. Ngôi đình Huyền Kỳ thờ Thành Hoàng làng là Lãnh Lãng- vị tướng thời vua Hùng thứ 18. Chùa Huyền Kỳ thờ Mẫu Âu Cơ (Bà Chúa Lính). Đình Huyền Kỳ, Chùa Huyền Kỳ được công nhận di tích Quốc gia năm 1992.

Phía sau làng, xưa là cánh đồng mênh mông, có khu mộ của một trong chín mộ vua Hùng tại tổng Sốm. Phả cổ ghi "Miếu Quán 06". Miếu mộ có giếng cổ. Theo chuyên gia kiến trúc, xây dựng Nguyễn Trường Tiến "*Giếng là Đại Long Mạch của vùng đất này*". Giếng đường kính khoảng mười mét, vừa được tu sửa, nước dâng đầy. Khí lành tỏa bốn phương, tám hướng. Cây quéo cổ thụ rêu phong, xanh tươi mấy người ôm không xuể.

Chúng tôi nhiều lần về chùa Huyền Kỳ (Hiển Linh Tự) nghe câu ca dân làng Huyền Kỳ đều thuộc.

Câu ca Báo *Người Cao Tuổi* đòi trả lại đất chùa Huyền Kỳ, được in to đậm dưới linh ảnh Phật,

tại phòng khách của ni sư Thích Đàm Thúy, trụ trì chùa Huyền Kỳ:

Đất chùa nào phải bánh trôi
Nuốt vào là hóc mấy đời đấy con

Chùa Huyền Kỳ ngự phía Tây Nam làng Huyền Kỳ. Từ Hồ Gươm vào Hà Đông, qua quốc lộ số 6 đến Ba La, rẽ trái theo quốc lộ 22, khoảng 3m là tới chùa.

Ngôi chùa linh hiển giữa đường lớn của làng. Mặt tiền rất rộng, bị bao chắn bởi những khối nhà bê- tông là xưởng của Hợp tác xã Sơn Mài Huyền Kỳ chiếm đóng mấy chục năm. Hợp tác xã chiếm đất chùa làm ăn sa sút, chủ nhiệm bỗng bị chết, phải giải tán. Họ vẫn không biết sợ. Không trả lại đất chùa. Mặc cho dân làng liên tục phát đơn kiện đòi trả đất.

Bản đồ khoanh vùng di tích Quốc gia, đất cổ chùa Huyền Kỳ hiện rõ vành đai một, là nơi thờ tự bất khả xâm phạm. Vành đai hai, là vườn chùa, mặt tiền, Tam quan, đường vào chùa, bảo vệ vành đai một. Hiện trạng, chùa bị cái gọi là "*Hợp tác xã Sơn Mài ma*" chiếm và cho đơn vị khác thuê. Họ cấp sổ đỏ 3367 mét vuông đất chùa bị chiếm.

Dân làng Huyền Kỳ kiện đòi đất chùa triền miên từ thời thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, nay lên Thành phố Hà Nội. Sự thể vẫn trơ trơ.

Công văn chồng đống. Các cấp đi lại, họp hành tốn tiền thuế của dân. Ngày 24- 12- năm 2013. Cục Di sản Văn hóa ra quyết định thu hồi đất di tích chùa Huyền Kỳ tại phường Phú Lãm quận Hà Đông theo đúng bản đồ khoanh vùng bảo vệ. "*Hợp tác xã ma*" vẫn không trả đất. Người thuê lại đất chiếm của chùa làm ăn lèo tèo, thưa vắng, chỉ cốt chiếm đất mà thôi. Ai đó bày mưu đầu tư tiền tu bổ, tôn tạo Tam Bảo chùa Huyền Kỳ. Không trả đất chùa đã bị chiếm.

Cây cao bóng cả, già làng đâu dễ bị tiền nó lừa. Tiếp tục kiện. Ngày 8- 1- 2014. Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao du lịch Hà Nội ký công văn trả lời, đề nghị thu hồi đất bị chiếm của chùa Huyền Kỳ rồi làm dự án tu bổ, bảo tồn chùa Huyền Kỳ.

Chùa Huyền Kỳ Thờ Mẫu Âu Cơ

Chùa Huyền Kỳ được xây dựng lâu đời. Là ngôi chùa cổ, làng Việt cổ- Kinh đô cổ Phong Châu của Tổ Tiên Bách Việt vùng tổng Sốm.

GS. Nguyễn Trường Tiến viết: "Chùa Huyền Kỳ là một công trình kiến trúc và điêu khắc cổ. Các hạng mục công trình còn đầy đủ và được bảo tồn, bảo vệ rất tốt. Chùa rất linh thiêng và Mẫu Âu Cơ hiển linh ở ngôi Chùa này. Vì vậy có tên là Hiển Linh Tự. Tên chùa Huyền Kỳ nghĩa là Huyền Quang, Kỳ Diệu. Là Trời đen có Ánh Sáng. Ánh hào quang kỳ diệu của các anh linh.

Chùa được xây dựng trên đất Phong Châu cổ, Kinh Đô của Vua Kinh Dương Vương (Xích Quỷ, Quỷ Đỏ là một ngôi sao ở phương nam trong 28 ngôi sao lớn) nhà nước Văn Lang của Lạc Long Quân, Âu Cơ và 108 Vua Hùng. Nơi đây có Mộ , có Đình, có Đền, có Chùa, có Miếu liên quan đến Tổ Tiên Người Việt".

Chùa Huyền Kỳ- Kho báu Tâm linh Việt

Đây là một ngôi chùa lớn với lối kiến trúc cổ và hệ thống tượng pháp đẹp, thâm hậu Tâm linh Tổ Tiên Việt, được dân làng Huyền Kỳ, đời nối đời thờ phụng, nâng niu, tu hành theo Mẫu Phật. Ngôi chùa cổ gần Kinh kỳ- Kẻ Chợ - Hà Nội, nổi tiếng mười phương. Du khách nhiều đời nguyện cầu, tham quan, cúng dường tôn tạo, bảo tồn chùa.

Với hệ thống tượng Phật, tượng Tổ Tiên, Động Thủy, Động Tiên, hai bức phù điêu Thập Điện, Tam Bảo, Điện thờ Mẫu, Điện thờ Bà Chúa Lính- Mẫu Âu Cơ... Chùa Huyền Kỳ thấm đẫm Tâm thức người Việt về Đạo Mẫu, Đạo Phật, Đạo thờ Thần Thánh, Tổ Tiên Việt, độc đáo về nghệ thuật điêu khắc, tạo hình, sơn mài. Là sáng tạo Tinh hoa Văn hóa Việt, hun đúc mấy ngàn năm của Tổ Tiên Bách Việt. Là kho báu Tâm linh Tổ Tiên truyền hôm nay và mai sau.

Dù chùa Huyền Kỳ đang bị chiếm, chắn bê- tông phía ngoài, nhưng khi chúng tôi kính cẩn trước Tam Bảo, Điện Mẫu, Điện thờ Bà Chúa Lính (Mẫu Âu Cơ) cảm nhận một không gian thiêng, ấm lành, thanh thản, bình yên.

191 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Điện thờ Mẫu Âu Cơ xây riêng, ngự bên ngoài gian Tam Bảo. Bác Can bảo nhiều thời trai làng Huyền Kỳ ra trận, đều vào chùa Huyền Kỳ cầu nguyện Bà Chúa Lính phù trợ. Phả cổ ghi Bà Chúa Lính là tên dân gian gọi Mẫu Âu Cơ.

Theo nhóm lập hồ sơ chùa Huyền Kỳ là Đặng Bằng, Nguyễn Hữu Thức, Nguyễn Đình Lam lưu tại Bảo tàng Hà Sơn Bình cũ, hệ thống tượng Mẫu Phật, chùa Huyền Kỳ đậm chất dân gian Việt, thờ Đạo Mẫu, Đạo Phật.

Hai bên tả, hữu phía sau Tam Bảo có hai Động. Động Thuỷ và Động Tiên. Mỗi Động có 157 pho tượng nhỏ. Thờ các vị Tổ Bách Việt, Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Âu Cơ.

Động Thủy và Động Tiên mô tả cuộc sống hang động của người Việt cổ, thời Cực Lạc, thời Phục Hy, thời Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát Đỗ Quý Thị tu thành Đạo Mẫu Việt.

Đặc biệt Chùa có hai bức phù điêu quý, mô tả Thập Điện, đắp nổi, sơn son thiếp vàng, hiếm có. Mô tả cuộc sống sau khi chết và các cảnh giới nhân quả. Có ý nghĩa triết học và đạo đức cao. Luật Nhân quả, luân hồi, tiến hoá, thoái hoá được mô tả trên hai bức phù điêu có kích thước là 2.16 m nhân với 1.08 m.

Chùa Huyền Kỳ có 335 pho tượng quý, được chế tác từ gỗ và nghề sơn mài truyền thống của làng.

Ba pho Tượng Phật Tam Thế cao 95 cm ở hàng trên cùng trong tư thế Thiền định. Ba pho tượng này tạc bằng gỗ, được sơn một cách công phu. Kỹ thuật sơn truyền thống, lấy sơn sống, trộn với đất, quét lên tượng gỗ mài phẳng gọi là hom, rồi sơn lót, sơn thếp, sơn phủ, sơn cần. Sau đó thếp vàng, thếp bạc. Trải mấy trăm năm, tượng chùa Huyền kỳ, bền màu, nước sơn nâu óng màu Thiền.

Lớp thứ hai là Tượng Phật A Di Đà cao 91 cm.

Lớp thứ ba là Tượng Di Lặc , cao 72 cm , hai bên có Kim Đồng và Ngọc Nử hầu.

Lớp thứ tư là Tượng Ngọc Hoàng Thượng đế Kinh Dương Vương. Hai bên là Tượng Thổ Địa và Thánh Tăng.

Lớp thứ năm là Tượng Nam Tào Bắc Đẩu.

Lớp thứ sáu là tượng Cửu Long. Chín con Rồng tượng trưng cho chín con suối và chín ngôi mộ các vua Hùng đã sinh ra chín họ Hùng Vương gọi là Thủy Tổ Cửu Tộc.

Hai bên Thượng Điện có hai động có vòm bằng đất. Bên phải là Động và Tượng của Thị Kính, cao 85 cm, bế bé con của Thị Mầu, gọi là Quan Âm Tống Tử. Cạnh Quan Âm Thị Kính có con vẹt là hậu thân của Thiện Sĩ.

Phía trên động vó 157 pho tượng nhỏ. Có Tượng Tam Thế, A Di Đà, Thái thượng Lão quân, Đường Tăng ở các tư thế khác nhau.

Bên trái Thượng Điện là Động của Bà Chúa Ba, tức Phật Bà Quán Thế Âm Bồ Tát. Tượng cao 85 cm, tọa Đài sen. Bà là con Vua Diệu Trang Vương, quyết chí đi tu và thành chính quả. Bà giúp dân trừ yêu quái ở sông nước. Trên động là 157 pho tượng, mô tả cảnh sống sông nước, văn minh sông Hồng, có tôm đánh trống, cá thổi kèn... Mừng vui yêu quái đã bị diệt. Nhịp sống Thái hoà.

Đất làng Huyền Kỳ là đất tụ thuỷ, dân làng Huyền Kỳ giỏi điêu khắc và sơn mài, đã thu lượm các tinh hoa của cả vùng, về làm Chùa làng.

Hai bên thượng điện là hai bức tượng Khuyến Thiện và Trừng ác , cao 235 cm. Rất đẹp và là một tác phẩm điêu khắc quý. Hai bên Thượng Điện thờ Đức Thánh Hiền và Đức Ông (Cha) tượng trưng cho Thánh và Thần.

Bên trái Tam Bảo là Đền Thờ Thánh Mẫu. Chính giữa là Tam Toà Thánh Mẫu (Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Âu Cơ) với những pho tượng Mẫu rất đẹp, dưới là các Quan và các Ông Hoàng. Bên phải thờ Đức Trần Triều. Bên trái là Tứ Phủ. Mẫu Thượng Thiên thờ trong động bằng đất, được chạm rất công phu và tinh xảo.

Tổng thể kiến trúc chùa Huyền Kỳ nhìn về phía Nam. Trước cửa là ao, vườn chùa hoa thơm, táo chín, chim ca.

Bên phải có Đền Bà Chúa Lính (Mẫu Âu Cơ) với một pho tượng Mẫu Âu Cơ nhỏ nhẹ, bí ẩn, linh thiêng.

Đền thờ Mẫu Âu Cơ khiêm nhường, linh hiển trong ngôi chùa Huyền Kỳ, nên gọi Hiển Linh Từ.

Kiến trúc của Chùa là chữ Công, có Tam quan. Tam quan dài 14.2 m, rộng 11 m, chia làm ba gian. Gian bên phải treo một chuông lớn, đúc năm Minh Mạng thứ 9, ngày 22/3/1828.

Qua Tam quan là một sân gạch nhỏ và Toà Tiền Đường, rộng 11 m, dài 9.5 m. Chia làm năm gian. Gian giữa chạm một mặt Hổ phù lớn, sơn son thếp vàng, dưới có ba chữ ***Hiển Linh Tự.***

Nổi bật ở gian giữa là hai câu đối :

" Quốc gia hữu Vĩnh Sơn hà cố
Phật Đạo vô cùng Nhật Nguyệt trường"

Nghĩa là:

" Nước Nhà còn mãi Non Sông vững
Phật Đạo vô cùng, trường tồn như Ngày Đêm "

Ý nghĩa sâu sa của đôi câu đối này Quốc gia phải tựa vào sông núi và Đạo Phật để trường tồn và vững vàng. Đạo Phật hợp với Đạo Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát, là nền tảng triết học của Tổ Tiên Bách Việt.

Phía trong toà Tiền Đường, giáp với Trung Cung là hai bức cồn lớn điêu khắc tích *"Ngư Long Hý Thuỷ"* . Trung tâm bức trướng là một Ông Rồng lớn, miệng phun nước. Dưới thân Rồng là một con Cá Chép đang lao mình lên, vượt Vũ Môn để hoá Rồng. Toàn bộ bức cồn được sơn son thếp vàng với mầu sắc rất tự nhiên.

Bức cồn bên trái cũng là *"Cá Rồng vui với sông Nước"* Huyền Kỳ. Bên cạnh Rồng và Cá Chép là đôi Sóc đang trèo cây, con Nghê đùa rỡn với con Cua. Đây là những con vật gần gũi với người nông dân Việt, được nâng thành linh thiêng.

Kiến trúc của Chùa đều theo bốn hàng cột gỗ và chồng giường cột. Hệ thống xà nách, cột quân, tường gạch, lợp ngói đã cho phép khép kín các không gian là Tiền Đường, Trung Điện và Thượng Điện.

Chùa Huyền Kỳ là tài sản có các giá trị văn hoá và tâm linh cao cả. Độc đáo và có bản sắc riêng về những pho tượng thờ Mẫu, Phật, Thánh, Thần và Tổ Tiên Bách Việt. Với 335 pho tượng quý, linh thiêng, có giá trị nghệ thuật cao.

Đạo Mẫu Mật Truyền

Chúng tôi ngỡ ngàng, chưa từng thấy một ngôi chùa nào có pho tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề bề thế, cao vững, trang trọng, uy linh như ở chùa Huyền Kỳ. Điện thờ Phật Mẫu Chuẩn Đề bên phải Đền thờ Mẫu Âu Cơ với pho tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề lớn, cao sát nóc điện tầng hai gian nhà khách của chùa.

Ông Nguyễn Vân Liên con cụ Nguyễn Vân Tằng, có điện thờ Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát, đứng trước pho tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề chùa Huyền Kỳ giải thích: "Phật Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát tu *Đạo Sa Bà hay Sa Môn giáo* theo Hư Không Giáo Chủ Phục Hy trên 5000 năm trước, được dân Việt tôn thờ là Phật Mẫu Chuẩn Đề".

Từ "*Sa môn*" tiếng Phạn gọi là Samana. Sa môn nghĩa là người rời bỏ gia đình, sống đời viễn ly. Ly dục, ly xã hội, là người ăn chay, tụng niệm thần chú, thực hành giới, định, tuệ.

"Dựa vào ngọc phả, Thần tích, ngày nay chúng ta biết Tổ Tiên Bách Việt trên đất Việt 5000 năm trước đã có Đạo Sa Bà hay Sa Môn giáo. Phả cũ nói rõ đất Việt là Trung tâm giáo chủ của 37 Vương quốc theo Đạo Sa Bà. Cụ Phục Hy theo đạo Sa môn giáo, được tôn đạo hiệu là **Vô Thượng Hư Không** giáo chủ Đế Thiên Phục Hy. Cách đây trên 2.500 năm Đức Phật Thích Ca

Mâu Ni tu và Giác Ngộ. Đạo Phật đã nở hoa kết trái nơi đất Việt rất sớm, nhờ nền tảng Đạo Sa Bà của Bách Việt". (Sách **Đi Tìm Tổ Tiên Việt**- trang 79).

Chuẩn Đề là một vị bồ tát trong trường phái Đại thừa. Pháp môn tu hành của Phật Mẫu Chuẩn Đề trì tụng bài chú: "*Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà Câu chi nẫm, đát diệt tha: án, chiết lệ chủ lệ chuẩn đề ta bà ha".*

Ông Nguyễn Vân Liên cùng chúng tôi chiêm ngắm pho tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề chùa Huyền Kỳ. Mẫu Phật được tạc bằng gỗ, hiện thân đúng như trong **Chuẩn Đề Phật Mẫu Đà La Ni Kinh.**

"Có nhiều vẻ quang minh tốt đẹp, đều chiếu diệu cả mình, còn thân tướng thì sắc vàng mà có lằn điển quang trắng. Chỉ ngồi kiết già, trên thì đắp y, còn dưới thì mặc xiêm đều trọn một sắc trắng mà có bông, lại có đeo chuỗi anh lạc và trên ngực có hiện ra một chữ "vạn".Còn hai cườm tay có đeo hai chiếc bằng ốc trắng, hai bên cánh tay trỏ có xuyến thất châu coi rất xinh lịch, lại hai trái tai có được ngọc bửu đương và trong các ngón tay đều có đeo vòng nhỏ. Trên đầu thì đội mão Hoa quang, trên mão ấy có hóa hiện ra năm vị Như Lai. Khuôn mặt có ba mắt, mỗi con mắt ấy có ánh nhìn sắc sảo. Toàn thân có mười tám cánh tay, mỗi bên chín cánh. Hai bàn tay ở trên hết thì kiết ấn Chuẩn đề, như tướng đương lúc thuyết pháp. Tay trái thứ hai cầm lá phướn như ý, còn tay mặt cầm cái thí vô úy. Tay trái thứ ba cầm một bông sen đỏ, còn tay mặt cầm cây gươm. Tay trái thứ tư cầm một bình nước, còn tay mặt cầm một xâu chuỗi Ni ma bửu châu. Tay trái thứ năm cầm một sợi dây Kim cang, còn tay mặt cầm một trái la ca quả. Tay trái thứ sáu cầm một cái bánh xa luân, còn tay mặt cầm một cái búa. Tay trái thứ bảy cầm cái pháp loa, còn tay mặt cầm cái thiết câu.Tay trái thứ tám cầm một cái bình như ý, còn tay mặt cầm một cái chày kim cang. Tay trái thứ chín cầm một cuốn Kinh Bát nhã Ba La Mật, còn tay mặt cầm một xâu chuỗi dài. Bồ tát Chuẩn Đề ngồi trên tòa sen, dưới có hai vị Long Vương ủng hộ."

Ông Nguyễn Vân Liên, cùng tôi cảm nhận pho tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề mười tám tay. Mười tay Phật Mẫu cầm Pháp khí Mật tông. Tám tay cầm vũ khí. Nghệ nhân Việt tạc tám tay Mẫu Phật Chuẩn Đề cầm tám loại vũ khí trừ giặc nội, ngoại xâm, trừ tà ma, quỷ quái, là tám loại vũ khí của Bát Bộ Kim Cương, tám em trai Hương Vân Cái Bồ Tát- Đỗ Quý Thị, cùng cháu là Nguyễn Lộc Tục (Kinh Dương Vương) đánh thắng giặc.

Đạo Mẫu Việt hiển hiện qua Mẫu Hương Vân Cái Bồ Tát- được dân tôn Phật Mẫu Chuẩn Đề, có giá trị triết lý cao siêu, mãnh lực thâm sâu, huyền bí, thu cả vũ trụ bằng con mắt thứ ba, cải tạo tà ma, yêu thương, từ mẫu, tu tập, rèn thân tâm theo Mật tông Việt cổ. Đó là phương pháp Tổ Tiên ta tiếp nhận được, để khai mở những khả năng đặc biệt của con người. Là cánh cửa mở đa tầng tư duy. Không khép kín trong một khung lý sự gò ép. Ý thức nhường chỗ cho vô thức để tiếp cận với vũ trụ và vạn vật.

Đạo Mẫu Mật Truyền. Tổ Tiên Bách Việt tu đạo *Sa môn giáo* thành Đạo Mẫu Việt đã thấu nguyên lý vũ trụ toàn đồ. Tế bào của con người, vũ trụ, muôn loài, hòa hợp. Thiên- Địa- Nhân hợp nhất. Con người là tiểu vũ trụ. Con người phải hòa hợp với thiên nhiên. Sống trái ngược thiên nhiên là diệt vong. Trí tuệ là hiện thân của tạo hóa. Tạo hóa là một trường thông tin năng lượng hư không. Con người là một trường thông tin, kết nối với trường thông tin tạo hóa. Nó nằm ở phần vô thức. Con người càng ngây thơ, trong sạch, càng dễ kết nối với trường thông tin vũ trụ.

Đạo Mẫu Mật Truyền Kết nối vũ trụ. Đây là mạch nguồn Đạo Mẫu, để hơn 2000 năm sau, nhanh chóng hòa vào Đạo Phật Thích Ca Mâu Ni, thấu luật Nhân Quả. Con người ngộ **Luật Nhân Quả của vũ trụ** không dám sống tham, ác.

Người Việt tiếp thu Đạo Phật Thích Ca Mâu Ni, hồn nhiên, bằng trực giác, vô thức, nên hòa hợp nhanh. Người Trung Quốc duy lý, thực dụng, tính toán hơi bị lâu, nên Đạo Phật Thích Ca Mâu Ni vào Trung Quốc khó khăn.

Trường năng lượng tâm linh của người Trung Quốc thấp hơn người Việt vì họ duy lý. Bởi thế, Cao Biền ra sức trấn yểm long mạch nước Nam, vẫn phải ôm đầu chạy về nước mà than: " ***Ôi! Vượng khí nước Nam, không đời nào hết được".***

Mới đây, một nhà khoa học Tâm linh Việt tại Hà Nội nói với tôi: "Chẳng ngại gì ai trấn yểm đất nước ta. Trường năng lượng của người Việt rất lớn. Vấn đề là chúng ta phải biết và thực hành,

lắng nghe tiếng nói Chân Thiện Mỹ, cùng nhau gìn giữ núi sông".

Chân Thiện Mỹ là tiêu chí để phân biệt với mê tín, dị đoan, lừa mỵ, dối trá, lợi dụng, u tối. Chân Thiện Mỹ ai cũng dễ nhận ra.

Đạo Mẫu Mật Truyền. Đây là mạch nguồn Trí huệ, để 2500 sau, Tổ Tiên ta sáng tạo Trống Đồng. LINH PHÙ VIỆT TỘC.

" Trống Đồng **LINH PHÙ VIỆT TỘC**

Các nhà nghiên cứu Năng Lượng Vũ Trụ, bằng nhiều phương pháp khoa học, đã khẳng định Tổ hợp hoa văn trên Trống Đồng Ngọc Lũ là mô hình toàn đồ Hiệu ứng Trường xoắn vũ trụ. Mô hình này là quỹ tích Trường xoắn Năng Lượng cực mạnh, nảy sinh và duy trì Năng Lượng cho vạn vật". (Sách **Đi Tìm Tổ Tiên Việt**- trang 15).

Dự án bảo tồn xây dựng Chùa Huyền Kỳ

GS. TS. Nhà kiến trúc Nguyễn Trường Tiến cùng tuổi với tôi. Không dư sức khỏe và tiền của, nhưng chúng tôi biết mình phải sám hối trước Tổ Tiên Việt. Phải làm những việc Chân Thiện Mỹ, giúp cháu con trở về Đạo Mẫu Phật Việt. Thay đổi cách nghĩ suy theo nguyên lý **Đạo Mẫu Mật Truyền**. Không duy lý, cứng nhắc, phụ thuộc. Nhìn bằng con mắt thứ ba, Huệ nhãn, Trí huệ, thấu **Nhân Quả**. Tu nhân, tích đức, sống một đời thanh bình, thương yêu, đoàn kết, như Tổ Tiên Bách Việt ta đã từng sống và gìn giữ non sông, đánh thắng mọi kẻ thù, trao lại cho chúng ta.

GS. Nguyễn Trường Tiến nghe tiếng gọi của bô lão và dân làng Huyền Kỳ, đã liên tục về chùa Huyền kỳ, khảo sát, đo đạc, nghiên cứu, cảm nhận Tâm linh, và thâu đêm viết *Dự án bảo tồn xây dựng chùa Huyền Kỳ.*

Dự án viết: "Quy hoạch tổng thể Chùa Huyền Kỳ để bảo vệ một di tích lịch sử quốc gia theo luật định. Trả lại sự thật về nơi Mẫu Âu Cơ hiển linh và phần Mộ của Bà và các Vua Hùng. Tổ Tiên phải ẩn tích, bảo vệ phần mộ và Đền thờ linh thiêng không bị kẻ xấu phá và trấn yểm. Nay đã đến thời Tổ Tiên Hiển Linh "***Rửa sạch nỗi thẹn ngàn thu/ Dựng nền Thái bình muôn thuở***" (Nguyễn Trãi). "***500 năm nữa, Việt Nam Thái bình, mười phương tìm đến, con cháu lại về với Tổ Tông.***" (Nguyễn Bỉnh Khiêm)

Dự án được lập để trả lại diện tích đất của Chùa Huyền Kỳ thờ Mẫu Âu Cơ đã bị lấn chiếm.

Cải tạo và nâng cấp các công trình tâm linh của Chùa và Đền Thờ Quốc Mẫu Âu Cơ…

Gắn Chùa Huyền Kỳ Thờ Mẫu Âu Cơ với Mộ của Mẫu Âu Cơ ở Chùa Thượng Mạo, Khu mộ của Vua Hùng (Miếu Quán 06) trong tổng thể các công trình Tâm linh của tổng Sốm Kinh đô cổ Phong Châu. Xây mộ Mẫu Âu Cơ ở Chùa Thượng Mạo, Phú Lương và xây Mộ Vua Hùng (Miếu Quán 06) ở Phú Lãm, gần Chùa Huyền Kỳ"…

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

Hồ Gươm sau Rằm tháng Giêng 2014.

MAI THỤC





VICTOR HUGO
DANH TÀI CỦA THỜI ĐẠI

VÕ CÔNG LIÊM

Lời ngợi ca nầy có ngoa không? André Gide đã phải thốt lên rằng: 'Hugo...hélas!'. Nghe như than thở, như hoài niệm về một tài hoa nhân loại. Thiên Địa Nhân ba vị trí tuyệt đối ở cõi đời; Hugo xứng đáng đại diện cho nhân loại ngày nay. Một thiên chức đúng nghĩa. Gide đã có lần nói: 'Ai là tác giả lừng danh Pháp quốc ở thế kỷ thứ 19"(Who was the greatest French author of the nineteenth century) Ông trả lời ngắn gọn như miả mai: 'Victor Hugo một con người bất hạnh'. Đủ quá đi thôi. Còn nói gì hơn cho một con người như Hugo: Một cuộc đời sáng chói, bao la rộng mở, không những với thi văn siêu việt, còn là nhà biên kịch, lý luận, phê bình mà tất cả siêu lý đó còn lưu truyền đến ngày nay. Hugo đã sống và làm việc như một đỉnh cao trí tuệ, sáng láng và thăng hoa. Một cuộc đời rộn ràng, trộn lẫn giữa đời riêng và đời chung. 'Ego Hugo' đó là tiếng than tận đáy lòng ông. Có phải đó là lời kiêu hãnh cho một con người tự hào như Hugo? Hay đây là lời ngạo mạn, kiêu căng, một thái độ bất tuân, bướng bỉnh, không thỏa lòng. Không!chỉ là luận điệu gán cho Hugo qua lời ta thán đó. Mà phải hiểu ở đây là lời tự trách, ghét bỏ lòng vị kỷ trong người Hugo. Victor Hugo đã khống chế văn đàn Pháp hơn sáu mươi năm. Ông đối xử sòng phẳng cả hai mặt quân dân và những gì thuộc về cách mạng; Hugo được quần chúng tôn thờ như người hùng dân tộc, dẫn đầu nền văn học Pháp và mở đường trào lưu Lãng mạn vào thời đó. Hugo với một đam mê vô tưởng, một năng lực kinh hoàng và một tính ngông pha một ít lập dị, một thảm kịch đời đã vượt xa trong ý thức của một nhà văn, đặc biệt trong những tác phẩm vĩ đại của ông để lại và còn vang vọng qua mấy thế hệ ngày nay.

Đi tìm đích thực con người Hugo vô hình trung chúng ta lạc vào cổ Hy Lạp của Odyssey, một bản anh hùng ca huyền bí lẫn lộn, lôi cuốn vào cuộc khởi nghĩa cách mạng Pháp: máu, nước mắt và mồ hôi chảy lên người nổi dậy, bức chế để từ đó sản sinh ra nền Cộng hòa Pháp(1848-1871)và giữa cảnh ngổn ngang gò đống đó hiện ra một Victor Hugo chứng nhân của thời đại lịch sử. Dẫu rằng ở một xã hội cuồng si, chết chóc, tù đày...tất cả xẩy ra trước mặt ông, không thể cầm lòng và từ đó nhào nặng vào sáng tạo nghệ thuật, vẽ lên một bối cảnh của con người và xã hội, đi vào thi ca, hội họa và những áng văn chương bất tử như 'Những Kẻ Khốn Cùng/Les Misérables' và 'Thằng Gù Thành Đức Bà/Notre-Dame-de-Paris' với những kịch bản và nhiều bình phẩm khác. Victor Hugo một cuộc đời sôi động -a tumultuous life- từ khi chào đời cho tới khi nằm xuống. Một cuộc đời hào hùng của kẻ sĩ.

Victor Hugo là bực thầy loại thơ trữ tình, một tiểu thuyết gia chuyên nghiệp, một biên kịch lão luyện, một luận thuyết giá trị với một kích thước uyên bác, một nhà cải cách xã hội sâu sắc và tinh tế. Từ đó Hugo trở nên tượng thần quốc gia trong suốt cuộc đời ông. Hugo có một cá tính đặc biệt, ông không giống người ta ở cái chỗ không lập dị cho cái bi thương lãng mạn, mà ông dựng lên một cái gì bất tận như cái phao nổi bềnh bồng; ông yêu dục tính, ăn nhậu và thú điền dã. Một con người độ lượng kẻ cả và luôn đem lòng thương đến những kẻ bất hạnh trong đời, một thể thức giải thoát và làm tốt cho đời và cho người. Victor Hugo được nhìn nhận là nhà văn chuyên nghiệp, ông luôn đứng trên lập trường tự do, bày tỏ trước quần chúng cũng như trên sân khấu, Hugo trở nên nhà hùng biện cho chính nghĩa tự do dân chủ trong thời chiến cũng như trong thời

bình. Tuy nhiên; chúng ta có thể quên một đôi điều của Hugo, thẩm quan của ông có một giới hạn rõ rệt nằm trong bầu khí quyển của đấu tranh giữa biểu hiện Ánh sáng và Bóng tối, giữa Thiên đường và Địa ngục. Sự nghiệp của ông phản ảnh được phần nào cái sa ngã của Pháp quốc đề rồi tìm kiếm một thế quân bình chính trị vào thời ấy ở thế kỷ thứ mười chín. Cái thời mà đất nước nằm trong tay chuyên chế và vô chính phủ.Vua là đấng quân chủ cầm quyền của Pháp(987-1789)một giả thuyết phải có (supposedly) như luật định bởi;'Thượng đế đòi hỏi điều đó để canh chừng con chiên'. Con người vốn hư hỏng, vốn tội lỗi, nhưng viên chức(vua) phải thuộc về thần thánh để điều hành. Déclaration des droits de l'homme et du citoyen (1789) Đệ nhứt Cộng hòa khởi từ vua Louis XVI nối tiếp cho đến Đệ nhị Cộng hòa (1848) mở ra một thể chế tự do dân chủ ở Pháp và Âu châu.

Những Vần Thơ Đầu Đời.

Sự nghiệp khởi đầu của Hugo được bao che bởi một thời phong kiến; cha mẹ ông bất đồng về điều này. Ông bắt đầu in ấn và phổ biến thơ dưới thời kỳ phục hưng chỉ ít năm sau Napoleon lưu đày. Ở tuổi 15 giọng thơ phát tiết tài năng và từ đó ông sáng tạo không ngừng. Thơ trữ tình Hugo chiếm trọn cảm tình của giới yêu thơ, đặc biệt phụ nữ từ cung cấm đến thành thị. Hugo sanh ra đã phản phất một dáng dấp lãng mạn, trong đôi mắt, nụ cười, trong tánh khí ngang bướng và trào phúng. Từ tuổi mới lớn, tâm hồn Hugo đã chứa nhiều giấc mơ trong tâm não, ông đã làm thơ 12 vần có niêm luật theo thể 2 nhịp (alexandrine) những vần thơ duyên dáng dị thường và gợi hình quyến rũ, hầu hết phát ra từ những giấc mơ. Trong vòng ít năm sau thơ ông đã chứng tỏ một trình độ nghệ thuật cao, một lối diễn tả cách riêng của thơ và một thể thơ có thể là đối thủ với những nhà thơ Âu châu mà thơ chỉ có Shelly và Goethe chớ không còn ai hơn.Hugo ở trong hàng ngũ đó. Thơ ông đã tràn khắp nước Pháp và lan dần khắp mọi nơi. Ngày nay thơ văn của Hugo không còn xa lạ đối với quần chúng trên thế giới. Nói đến Victor Hugo là nói đến Pháp quốc.

Loại thơ trữ tình (odes) của Hugo được diễn tả qua nhiều cách thức khác nhau và trong cái khác biệt đó vẫn tập trung trong ba điều kiện: Thơ trữ tình ngợi ca tình yêu theo dạng cổ thế kỷ thứ 6 (Anacreontic) thường tìm lạc thú tình yêu để phổ vào thơ. Thơ đối thoại gần giống như 'ghi' chép lại thành thơ gởi cho bạn bè (the Horatian conversational poems, rather like a letter to a friend) Và; một loại thơ 'gia huấn ca' (moral exhortation) trong đó phát nguồn từ tôn giáo, ẩn chứa tinh thần yêu nước, phản ảnh định mệnh của con người qua các đời phong kiến và các triều đại, thể đó gọi là (Pindaric). Ngoài ra Hugo thường pha giọng thơ mai mỉa, châm biếm hài hước nhưng nồng nàn. Một bầu khí quyển trong sáng, kỳ diệu phát hiện về một viễn ảnh tôn thờ thượng đế và thần linh. Thế kỷ thứ mười tám sáng chế ra 'thể thơ luân lý/moral ode'; có nhiều thi sĩ trình bày năng lực về hình ảnh ảo giác bởi nhân cách hóa vật thể có tính nhân hạnh đó cũng là một phần bất tử trong thơ ngày ấy. Hugo bám vào điều kiện đó trong một dạng thức có sớm trước đây trong thi ca của ông 'Ode à l'Amitié' ở những năm 1816, ông bày tỏ tình hữu nghị giữa các nữ thần. Thông thường thể thơ luân lý thể hiện tính yếu của con người qua từng tiết điệu của thi ca, cho nên thi nhân thường khi tỏ rõ và có phần tiên đoán trong cảm hứng. Hugo đã xử dụng thể thơ có tính giáo huấn xuyên qua các triều đại trong thể Pindar để làm sao thích nghi, phù hợp vào lối thi ca trữ tình hoặc những nhà thơ đương đại tìm thấy ở nơi mình là nguồn sáng tạo qua từng lời, từng chữ cho bài thơ, câu thơ trở nên bất diệt và tăm tiếng. Thực như thế ở vào tuổi 54 (1856) thi, văn của Hugo đã lừng danh, đặc biệt những bài thơ trở nên nổi tiếng và tạo ưu thế trên văn đàn: 'Les Contemplations/ Trầm mặc' là được nhắc nhở nhiều nhất. Thành công của Hugo nhờ vào sự điều hòa qua một cảm giác nửa thương nửa ghét đối với giới thượng lưu quan liêu một dấu ngoặc mở ra: bảo vệ những kỳ quan kiến trúc và đỉnh cao văn hóa của một thời đã qua. Đây là một đầu óc táo bạo phản ảnh qua bài thơ tăm tiếng 'La Bande noire/Hắc đảng' (1822-1823). Đó là một cố gắng say sưa đầy xúc cảm xây dựng bằng một kiến trúc để bảo tồn ngôi vị; có thể điều đó cho thấy rằng ở đây là cả một sự phòng ngự cho vương triều Pháp quốc, một vương triều được phục chế để xuyên qua những gì có tính hoà giải bất bạo động. Đọc một đoạn thơ ngắn trong thể thơ trữ tình (OP) của Hugo để thấy được tình yêu đất nước và con người ở trong ông:

O francais! Respection ces restes!

Le ciel bénit les fils pieux

Qui gardent, dans les jours funestes,

L'héritage de leurs aieux,

Comme une gloire dérobée,

Comptons chaque pierre tombée ;

Que le temps suspende sa loi ;

Rendons les Gaules(1) à la France,

Les souvenirs à l'espérance,

Les vieux palais au jeune roi !

(Odes 2,3)

Nhân dân Pháp ! hãy tôn kính dấu tích nầy !

Trời ban ơn lành đến con chiên ngoan đạo

Người che chở cho ta, trong những lúc gian nguy,

Tránh xa thừa kế của họ để lại

Đừng vì bả vinh hoa mà vồ chụp lấy

Xem như đây là tảng đá rơi;

Để cho thời gian ngừng lại mà xa đi chướng ngại;

Hãy cho chúng ta phục hồi một thời xa xưa Pháp quốc

Hoài niệm của niềm tin

Lâu đài xưa cổ dành cho vì vua trẻ!

(1) Gaules: được xem như loại thơ cổ của Pháp ở thời Trung Đại gọi là thể thơ 'La Gaule-poétique'.

(Vcl phỏng dịch nguyên bản Pháp ngữ)

Những Áng Văn Đầu Đời và Kiệt Tác Để Đời

Mãi cuối năm 1820; Hugo nhận ra hai điều khác biệt giữa thơ và văn đối với người viết. Trong cái say mê cuồng nhiệt nhất là tiểu thuyết của Hugo đã diễn tả một cái gì tàn ác, đẫm máu và phản kháng. Ở 'Hàn người Băng Đảo/Han d'Islande' và Bug-Jargal' ám chỉ nói lên cái gì mời mọc, một ý thức về chính trị một thứ chính trị cưỡng bức dành cho Cộng Hòa tương lai, một sự lơ đãng có dụng ý cho một nơi xa tầm nhìn. Điều chắc chắn những tác phẩm mà Hugo thực hiện là trọn

vẹn và đầy đủ, mà lâu nay đã nhốt kín bởi một đòi hỏi cho sự chịu đựng nghiêm trọng đều nằm trong thơ văn trữ tình của Hugo.

Một dự mưu lãng nhách trong tác phẩm 'Hàn Băng Đảo hay còn gọi là Giống Quỉ/Han of Iceland or The Demon Dwarf ' (1821) được xây dựng trong lịch sử Na-Uy(Norway) vào thế kỷ thứ mười bảy; ở đây phát hiện ra tính hiếu kỳ của Hugo cho một lối khiêu khích châm biếm và cũng tự châm biếm mình. Đưa ra những nhân vật tên tuổi như thể nói lên mặt trái xã hội, nơi họ dung thân để thực hiện những ý đồ vô tưởng một bài trí có tính cách chống đối hoàng triều. Một dấu hiệu ẩn tàng tư duy của Hugo, bởi; thân sinh ông vốn đã thừa hưởng 'ơn mưa móc' của Hoàng đế Napoléon I. Ở tác phẩm đầu đời Hugo đã chứng minh được lòng trong trắng của mình qua hành động cũng như tinh thần đối xử với nhà vua một hành trạng qua từng nhân vật như đại diện cho chính mình: tình yêu và đấu tranh được tìm thấy qua những người và vật hiện thân trong cái lốt quỉ sứ và như một đối đầu với thực trạng xã hội thời ấy (Ordener finds the dwarfish monster and confronts him...)

Một chủ đề nói lên sự mất mát cảm tình của những gia đình, những đứa trẻ sống bất hợp pháp và những người con bức tức không còn tự nhiên trước mặt cha mẹ, tất cả đã phản ảnh một xã hội chính trị rối loạn của một đòi hỏi cách mạng hóa cho kỷ nguyên nầy. Trong lần tái bản thứ hai về Han d'Islande, Hugo bày tỏ ngay thật là không một dụng ý hay điều động một cuộc Cách mạng :'Quan tâm đến một xã hội trong sáng để thế chỗ cho những tàng tích bởi điều đó chất chứa sâu xa một cách mù quáng man rợ; ấy là điều không thể thừa nhận để đi tới cái chết. Thật ra thì đó là một phản kháng mò mẫm [một tranh biện chống đối chính trị bè phái] vội vã đó đưa đến tranh giựt của con người và tàn suy cho cả một đội quân sẽ xẩy ra sau đó' –Enlightened social concern was superseded by that profound bestial blindness that cannot recognize approaching death. Indeed, the rebellion of the limbs[the strife of opposing political factions] quickly leads to the rending of the body,and the decay of the corpse ensues. Hàn Băng Đảo/Han d'Islande chỉ xuất hiện như nhân vật phạm tội để rồi buộc vào cái thế bung phá là một thứ văn chương đương đại vào thời đó. Han d'Islande là một tác phẩm thành công của Victor Hugo khởi từ năm 1825 và sau đó được dịch ra nhiều thứ tiếng ở thế kỷ thứ mười chín.

Trong bước đầu văn nghiệp Hugo thừa nhận rằng chủ nghĩa lãng mạn có hai phương thức xử dụng. Không giống những gì là chính yếu trong trào lưu văn chương của thế kỷ thứ mười tám, ông giải thích:'Cả hai được hiểu là có cái gì châm biếm, ngạo nghễ về vấn đề giải thoát mà triết học có lần đã từ chối về: cái bất tận của Thượng đế, một linh hồn bất diệt, một chân lý cơ bản và một bộc lộ sự thật'. Both acknowledge what a mocking (enlightenment) philosophy had denied: God's eternity, the immortal soul, fundamental verities and revealed truths. Nhưng chủ nghĩa lãng mạn đầu tiên theo Chateaubriand phải hiểu rằng sự thật ở đây là nằm trong qui định của tôn giáo, nghĩa là thờ phượng đấng tuyệt đối với Byron qui định đó chỉ là lời nguyền rủa chớ chẳng phải gì hơn.

Trong cuốn tiểu thuyết thứ hai, Hugo viết lên ở đây như một lời tường thuật, một lối tiểu thuyết diễn dịch hơn là mô tả trong cuốn Bug-Jargal. Ở lần xuất bản đầu tiên 1820 nhưng tới 1826 lối truyện tường thuật, diễn dịch đó quá sức khuếch trương và sau đó được cải thiện hoàn toàn vào năm 1826 là một tư duy thông thường và gần như hoàn tất cho hai tác phẩm đầu đời đã nêu.

Tiểu thuyết của Hugo thường ghi lại kịch tính thuộc chính trị (the political drama) nghĩa là xuất hiện cuốn Notre-Dame de Paris (1842) là một tựa đề quá đầy đủ nói lên được nội dung bên trong câu chuyện: một hình ảnh sống mãi với thời gian, một đụng chạm bất ổn đối với lịch sử (mà lịch sử đôi khi phải giấu kín sự thật) Cái chói chang vô tận đó và cái thay đổi nổi bật đó là cả một kết hợp hấp dẫn giữa nhân tính và giáo điều, giữa dân và quan chức, đột phá qua mỗi tư duy làm người là lối tiến hóa trong cái gì có tương quan chính trị và tôn giáo, hai lãnh vực quan trọng, mà thời nào cũng có dính dấp vào nhau như lên án quanh dữ kiện 1831, Hugo đã nhìn thấy thực trạng dù bất cứ khi nào hay nơi nào. Một tiểu thuyết mang nặng tinh thần chính trị của giữa yêu và ghét; tuy nhiên vẫn hòa hợp về sau Và; ghi nhận một thời gian hào phóng (1830-1832). Cuốn Les

Misérables(1862) là một lối đối xử về chiến thắng quân sự của nền Cộng Hòa, một chủ nghĩa lý tưởng được khơi mào bằng một cuộc tổng khởi nghĩa mồng 6 tháng 6 năm 1832. Trong hai tác phẩm vĩ đại nầy đã đưa Hugo vào bất tử qua mọi thời đại, một kỷ nguyên được mở ra để nhận biết đâu là chân lý, đâu là sự thật của con người; tuy đã trải qua nhưng vẫn còn hiện thực.

Hugo một trí tưởng siêu lý (Hugo's transcendent vision) ông cố tránh những gì rùng rợn dù là giản đơn trong một thị giác của ông, bởi; ở đây ông không để xen lẫn vào cái thẩm quyền của người giám mục trong truyện của ông, một sự khống chế lạm quyền vào vai trò của người viết văn hoặc một sự tiên đoán có thể là lãnh hội một cách đầy đủ cho mọi dữ kiện. Hoàn toàn không có dự tưởng, tiên đoán và cũng không có chuyện của một con người lão luyện khôn ngoan (wise-old-man) trong tác phẩm Notre-Dame de Paris mà thực ra đề cao quyền cao chức trọng của những vì vua được xem là quyền tối thượng như Thượng đế và rồi điều đó đưa tới vô hiệu hóa, một dục vọng ham muốn với một gái nhảy (Gypsy) La Esmeralda. Cái bơ vơ, không ai giúp đở lôi cuốn vào một xã hội bỏ rơi, lăng nhục đã khơi động trong tim Hugo. Vua không thể thấy những gì xẩy ra trong bốn bức tường của 'pháo đài' Bastille. Hugo đã chứng thực một viễn ảnh ở đây như nối tiếp và sau cùng chỉ còn thừa nhận God/Dieu. Một tinh thần cơ bản ý thức có thể có một cuộc đời mới cho chúng ta mà thôi. Ở đây Hugo không cố sức mô tả: mà chỉ là nói lên cá tính con người có thể là cảm nhận bén nhạy nhưng không tóm gọn một sự thật cao vọng nào hơn. Hình ảnh phi thường thấy được trong Hugo là có hai chiều: ấn tượng xúc cảm và một ý thức biến đổi đều qua lăng kính của thị giác. Trong khi đó vai trò vũ nữ La Esmeralda là một nhất thể là chủ động, là rạch mở của tiểu thuyết, còn Quasimodo là một hợp thể trong luận đề của tiểu thuyết. Một ý nghĩa đầy đủ của Hugo, bao bọc bởi tinh thần và thẩm mỹ là một ưu điểm dành cho một góc độ của bi kịch đời; điều đó chắc chắn là đảm bảo và dính liền với nhau trong tác phẩm của ông. Hugo thường khi đi tới đỉnh cao, một cái gì trong sáng vĩ đại là trong tinh thần đánh thức, hướng về của tiếng chuông đổ, âm thanh đó nổi lên từ trời cho một tập quán cầu nguyện của tín đồ. Không có Quasimodo ngày nay. Hugo nói: 'Nhà thờ Đức Bà gần như chưa hoàn toàn và không có sự sống tợ như cái sọ khô'(Notre Dame seems incomplete and lifeless as an empty skull.(3.3.177 NdP). Một kết thúc là một tái hợp lần nữa trong khi sườn bài của Quasimodo là được tìm thấy sự vượt thoát, mắc phải với La Esmeralda. Rõ ràng, Quasimodo chết mòn trong đôi tay của người vũ nữ, một tử thi đáng thương. Thằng Gù rơi dần vào cát bụi (his fall into dust). Nói một cách khác Quasimodo đã lìa xa thế giới này, tuyệt vọng bởi cái méo mó, xấu xí. Trong cái ngữ ngôn thẩm tích của tội lỗi và dâng hiến, có một cái gì kỳ cục bao phủ tất cả, một cái gì thiêng liêng 'concordia discors' và một cái gì khắc khẩu, nghịch lý không thể hòa hợp được. Quasimodo nhận sự đau đớn ấy. Cụ thể; sự cứu rỗi đó có cả chúng ta trong đó.

Với Les Misérables; tác phẩm nầy Hugo bắt đầu ngay trong thời gian Cách mạng bùng nỗ vào năm 1848. Hugo nhìn cuộc đời trong và ngoài cách mạng, ông đã mặc tư, không vội vã, bồn chồn trước một giao tranh ý thức hệ, sau đó ông quyết tâm đặc ngọn bút vào tác phẩm cho 'Những Kẻ Khốn Cùng'. Bày tỏ một tâm tư tự đáy lòng, ông tin vào sự thành quả của mình là một sáng tác đương đại có thể làm phai nhạt những tàn tích cổ lỗ. Hugo tin ở Les Misérables có một cái nhìn trung thực cho một hoàn cảnh xã hội, nơi đã chứa chấp những cuồng si, đe dọa, đàn áp và tù đày...một tác phẩm không đặc sai chỗ. Tạo nên một tri nhận vô danh trong lịch sử văn chương Pháp quốc. Khởi từ đó cho tới về sau Les Misérables trở thành một tác phẩm vĩ đại, đắc giá cả phẩm và lượng và rồi được dàn dựng trên sân khấu kịch nghệ ở khắp mọi nơi và thực hiện nhiều lần qua phim ảnh. Ngần ấy cũng đủ thấy giá trị tuyệt đối của nó. Vậy thì Les Misérables có những gì ẩn chứa bên trong tác phẩm? Bởi; nó không thông thường như những tiểu thuyết khác mà được gọi là tiểu thuyết hiện thực (a realistic novel). Nói lên cả cuộc đời rộng lớn vây quanh của con người. Một thể thức tột bực của chủ nghĩa hiện thực; ngoài ra ghi lại một thời kỳ nhiễu nhương, phức tạp qua từng giai cấp trong xã hội, một tiểu thuyết lịch sử hơn là một cuốn tiểu thuyết tình cảm xã hội. Đó là tác phẩm khác biệt của Hugo. Chắc chắn một điều đây là một tiểu thuyết xuất sắc và tình tiết đã được nhiều nhà phê bình văn học nhận xét là một trong ba tác phẩm vĩ đại mà Victor Hugo đã viết lên. Les Misérables trước đã có tên Les Misères/The Mercy/Đoái Thương và dần dà theo thói quen mà thông thường hóa cho tới bây giờ. Les Misérables một tác phẩm mà Hugo đã bỏ công sức và trí tuệ vào đó ròng rã gần hai mươi năm. Misères được chỉnh sửa nhiều lần trong vòng hơn ba năm. Khởi từ 1845 đến 1862 thì Les

Misérables mới hoàn tất.Nhưng theo ý Hugo cuốn misérables không có nghĩa là thương xót, tội nghiệp (the poor) và bất hạnh mà ở đây nói lên những kẻ vô gia cư, vô thừa nhận, kẻ hạ lưu bị chà đạp (underdogs) họ đứng lên phản đối xã hội và chống trả xã hội bằng một cuộc cách mạng từ những kẻ khốn cùng. Ở đây chúng ta cũng không quên vai trò nhân vật trong truyện - Jean Valjean, the Thénardiers, Fantine, Javert và tất cả những nhân vật phụ kể cả những đứa đứng đường (street-urchin) như Gavroche; với tất cả nhân vật sống thực trong truyện là có một chân dung tuổi trẻ của Hugo rải rác trong đó. Nhưng phải biết cho rằng truyện của Hugo là một chứng thực có thật là một cái gì gắn liền với thời chiến , một dàn trải khác trong thi ca của Hugo. Hình ảnh hiện thực, sống động là một gợi hình và là một vấn đề khác (như là ẩn dụ metaphorical) vì rằng; trong Les Misérables có một thẩm quan sâu xa là đặc trong vị trí xử thế nghĩa là phản ảnh hoàn toàn sự thật; sự thật phô diễn trạng thái thầm kín của viên chức điều tra đã thầm yêu cô gái điếm vô gia cư, vai trò nói lên hai giai cấp xã hội rõ rệt của yêu và ghét. Một chất liệu vừa tượng trưng vừa tượng hình để đưa tới một số trữ tình trong thơ, văn; vận chuyển đến thương mong –its moments of lyrical quality and of moving compassion. Một tập truyện dài như tháp ngà, cấu trúc dưới dạng kỳ quan của nhân loại, một tác phẩm vĩ đại của văn học Tây phương, một bi kịch đời xẩy ra thường khi trong mọi thế kỷ của loài người và cũng được coi là nền luân lý, đạo đức và một tài liệu dành cho mặt thực xã hội, ôm đầm cả một lãnh vực rộng lớn hơn những tiểu thuyết khác, ngay cả tác phẩm 'Chiến Tranh và Hòa Bình' của L. Tolstoi. Les Misérables gần như chứng tích lịch sử hơn là mặt thực xã hội.

Trong tác phẩm nầy những nhân vật trong truyện là một liên kết, gia nhập vào nhau trong cùng một hoàn cảnh, một trạng huống tâm tư; họ là những đại diện cho loại người ưu tú có lòng vị tha và chấp nhận, Hugo đưa họ vào một dải hành tinh bất tận. Victor Hugo đưa nhân vật đại điện tôn giáo Tổng giám mục địa phận Myriel là vai trò của niềm tin kiên cố: con người sinh ra vốn tốt-nhân chi sơ tánh bổn thiện- Kẻ Khốn Cùng chưa hẳn là hoàn toàn xấu xa mà xã hội vốn đã loại trừ. Hugo đào sâu qua từng nhân vật để thấy được tấm lòng sắc son của họ. Nhân vật chính qua hình ảnh của Valjean được coi như giả thuyết: được đời nhìn như kẻ phạm tội, một kẻ có tội ác, nhưng nó lại là người đạt được trách nhiệm hy sinh, chịu cực hình thế cho kẻ khác. Và; viên cảnh sát điều tra Javert luôn luôn gần gũi với dân, bao che cho dân, phục vụ cho dân nhưng thật ra là dã tâm; ấy là điều Hugo tuyệt vọng. Hugo đưa văn chương dự phần như nói lên con người cần có một sáng tỏ trong tư duy, yếu tố cần thiết của con người là vì tình thương mà bao che cái phải cái trái trong chức năng, nhiệm vụ chớ không thể cứng nhắc để buộc tội như kẻ cầm quyền.

Tóm lại; qua thơ, văn của Victor Hugo đã cho chúng ta một cái nhìn sáng tỏ, Hugo đã dựa trên những chứng thực của con người để làm nền tảng cho chính cuộc đời của Hugo. Truyện thường lên án hệ thống xã hội, đối xử bất công với kẻ thiệt thòi, điều đó đem lại những tác phẩm của Hugo trở nên thần tượng, một huyền thoại nói lên 'Kỷ nghệ Cách mạng/Industrial Revolution' và cái tương quan giữa con người và Thượng đế. Đó là chân dung trọn vẹn của thế kỷ mà Victor Hugo đã sống và ông sống mãi cho tới ngày nay./.

(ca.ab. Tháng 4/2013)

GHI CHÚ :

*** Victor Hugo: 1802-1885. Nhà văn, nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà biện luận và khám phá mới chủ nghĩa lãng mạn Pháp.. Làm thơ từ tuổi 10-15. Tác phẩm thơ: Phương Đông/Les Orientales (1829). Tiểu thuyết đáng kể nhất: Notre-Dame de Paris (1831) và Les Misérables (1862). Kịch :Hecnani (1830).Vua Ăn chơi/Le Roi s'amuse (1832) Thơ nổi tiếng :'Trừng Phạt/Les Châtiments (1853) Trầm Mặc/Les Contemplations(1856) Ngoài ra còn vô số tác phẩm thơ, văn giá trị khác để lại cho thế gian khắp năm châu.**

SÁCH ĐỌC : Victor Hugo by Laurence M. Porter. Twayne Publishers . New York .NY USA 1999.

PHIM ẢNH /MOTION PICTURE: -Les Misérables:(1995/French). (1998'England&USA) và (2012/USA).-Notre-Dame de Paris/The Hunchback of Notre Dame (1957/French) Gina Lollobrigida/Anthony Quinn.

VÕ CÔNG LIÊM



HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA

(1287 – 1340)

PHẠM VŨ

Là một công chúa đời nhà Trần, là con gái của vua Trần Nhân Tông và là em gái vua Trần Anh Tông. Vào mùa Hè năm 1306, Huyền Trân được gả cho vua Chiêm Thành (Champa) là Chế Mân (tiếng Phạn: Jaya Sinhavarman III) để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên đến phía bắc Quảng Trị ngày nay).

Vào năm 1293, vua Trần Nhân Tông thoái vị, hoàng thái tử Trần Thuyên lên nối ngôi (tức là hoàng đế Trần Anh Tông). Vua Trần Nhân Tông trở thành Thái thượng hoàng, lên tu ở núi Yên Tử. Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông nhận lời mời, du ngoạn vào Chiêm Thành, được vua Chiêm Thành là Chế Mân tiếp đãi nồng hậu, có ở lại trong cung điện Chiêm Thành gần 9 tháng. Khi ra về, Trần Nhân Tông có hứa gả con gái là Huyền Trân cho Chế Mân. Sau đó nhiều lần Chế Mân sai sứ sang hỏi về việc hôn lễ, nhưng triều thần nhà Trần phản đối, chỉ có Văn Túc Vương Đạo Tái và Nhập nội hành khiển Trần Khắc Chung chủ trương tán thành.

Năm 1306, Chế Mân dâng hai châu Ô, Rý (còn gọi là Lý) làm hồi môn, vua Trần Anh Tông đồng ý gả Huyền Trân cho Chế Mân. Huyền Trân về Chiêm Thành, được phong làm hoàng hậu **Paramecvari**. Một năm sau đó, khi hoàng hậu người Đại Việt vừa sinh xong hoàng tử Chế Đa Đa, thì tháng 5 năm 1307, quốc vương Chế Mân băng hà. Thế tử Chiêm sai sứ sang Đại Việt báo tang. Theo tục nước Chiêm, khi vua chết hoàng hậu phải lên giàn hỏa để tuẫn tang. Vua Trần Anh Tông biết tin, sai Trần Khắc Chung vờ sang viếng tang, tìm cách cứu Huyền Trân. Trần Khắc Chung bày kế thành công, cứu được Huyền Trân đưa xuống thuyền, đưa Huyền Trân về Đại Việt bằng đường biển. Cuộc hải hành này kéo dài tới một năm và theo Đại Việt Sử ký Toàn thư (ĐVSKTT) thì Trần Khắc Chung đã tư thông với công chúa (?)

Tháng 8 năm Mậu Thân (1308), Huyền Trân về đến Thăng Long. Theo di mệnh của Thượng hoàng Nhân Tông, công chúa đầu gia Phật giáo ở núi Trâu Sơn (nay thuộc Bắc Ninh) vào năm (1309), dưới sự ấn chứng của quốc sư Bảo Phát. **Công chúa thọ** Bồ tát giới và **được ban pháp danh Hương Tràng**

Cuối năm Tân Hợi (1311), Hương Tràng cùng một thị nữ trước đây, bấy giờ đã qui y đến làng Hổ Sơn, huyện Thiên Bản (nay thuộc Nam Định), lập am dưới chân núi Hổ để tu hành. Sau đó, am tranh trở thành điện Phật, tức chùa Nộm Sơn hay còn gọi là Quảng Nghiêm Tự

Bà mất ngày mồng 9 tháng giêng năm Canh Thìn (1340). Dân chúng quanh vùng thương tiếc và tôn bà là "Thần Mẫu" và lập đền thờ cạnh chùa Nộn Sơn. **Ngày bà mất sau này hàng năm trở thành ngày lễ hội đền Huyền Trân trên núi Ngũ Phong ở** Huế **.**

202 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Các triều đại sau đều sắc phong bà là thần hộ quốc. Vua triều Nguyễn ban chiếu đền ơn công chúa "trong việc giữ nước giúp dân, có nhiều linh ứng", nâng bậc tăng là "Trai Tĩnh Trung Đẳng Thần"

Sự thật mối tình Huyền Trân công chúa - Trần Khắc Chung

Viết về công chúa Huyền Trân, cả chính sử và dã sử đã tốn khá nhiều giấy mực để luận "công" và "tội" của nàng.

Việc nàng thuận theo ý phụ vương là Thái Thượng hoàng Trần Nhân Tông về làm phi của vua Chế Mân nước Chiêm Thành đã góp phần thắt chặt tình bang giao giữa hai nước, tạo mối thâm tình để chống kẻ thù chung là giặc Nguyên Mông vẫn đang ngày đêm nhòm ngó và đặc biệt là việc dâng châu Ô, châu Lý của vua Chế Mân để cầu hôn Huyền Trân công chúa đã giúp nước ta mở rộng bờ cõi về phía Nam.

Nhưng lịch sử cũng đặt ra nhiều câu hỏi xung quanh cuộc đời nàng: Làm thế nào **Huyền Trân công chúa** có thể thoát khỏi nước Chiêm Thành mà không phải chịu án "hỏa táng" theo vua Chế Mân khi nhà vua băng hà? Làm thế nào để nàng và đoàn hộ tống có thể sống sót trở về sau hơn một năm lênh đênh trên biển, vượt qua những hải khẩu chi chít của nước Chiêm Thành với đội quân tinh nhuệ thiện chiến hay lũ hải tặc luôn đêm ngày rình rập? Và tại sao, sau hơn một năm trời, đoàn thuyền mới trở về? – Đó cũng là mấu chốt của nghi án mối tình giữa Huyền Trân công chúa và quan Hành khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung – vị tướng trẻ tài ba, mưu lược được nhà Trần cử sang Chiêm quốc để tìm cách rước công chúa về nước.

Chuyến tàu định mệnh và nghi án "tư thông"

Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có đoạn chép như sau: Theo tục lệ Chiêm Thành, chúa chết thì bà hậu của chúa phải vào giàn thiêu để chết theo. Vua biết thế, sợ công chúa bị hại, sai bọn Khắc Chung, mượn cớ là sang viếng tang và nói với người Chiêm: "Nếu công chúa hỏa táng thì việc làm chay không có người chủ trương, chi bằng ra bờ biển chiêu hồn ở ven trời, đón linh hồn cùng về, rồi sẽ vào giàn thiêu".

Một sự việc quan trọng như thế mà nhà chép sử chỉ gói gọn trong chừng ấy dòng một cách hết sức sơ sài. Điều đó đã gây ra bao sự hiểu nhầm đáng tiếc, cho rằng trong hơn 1 năm lênh đênh trên biển ấy Huyền Trân và Trần Khắc Chung đã có cơ hội tư thông với nhau.

Từ đó đến nay lẻ tẻ cũng có một vài tiếng nói phản biện nhưng hầu như chưa ai bỏ công nghiên cứu, phân tích thật kỹ lưỡng, nghiêm túc về sự việc trên để minh oan cho Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông, Trần Khắc Chung và công chúa Huyền Trân.

Cuộc giải cứu Huyền Trân chắc chắn là có nhiều điều bí ẩn. Triều đại nhà Trần vì một lý do tế nhị nào đó mà không muốn công khai vụ việc này. Những người trực tiếp tham gia vụ giải cứu như Trần Khắc Chung, Đặng Vân… đã mang theo bí mật ấy xuống mồ. Vì thế những kẻ thâm thù với triều đại nhà Trần, với thượng tướng Trần Khắc Chung sau này có cớ để đơm đặt, suy diễn.

Sự thật Huyền Trân có "tư thông" với Trần Khắc Chung?

203 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Chỉ cần tinh ý ta cũng có thể nhận thấy những điều hết sức phi lý trong đoạn văn trên của Ngô Sĩ Liên. Nên nhớ là giai đoạn lịch sử ấy (1220- 1340), mối bang giao giữa hai nước Đại Việt và Chiêm Thành hết sức tốt đẹp. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông hai nước đã từng liên kết với nhau. Vua Chiêm đã từng mang quân ra tận Nghệ An giúp Trần Nhân Tông. Vua Trần Nhân Tông đã từng cử hàng nghìn binh mã, hàng trăm chiến thuyền ứng viện giúp chủ tướng Chế Mân đánh thắng Toa Đô khi Toa Đô hùng hổ đưa 5 nghìn quân, 100 hải thuyền, 250 chiến thuyền tấn công Chiêm Thành (năm 1282 - 1285). Việc Thái Thượng hoàng và Vua đồng tình gả công chúa "cành vàng lá ngọc" Huyền Trân cho Chế Mân (vua nước Chiêm) và Chế Mân dâng tặng hai châu Ô - Lý cho Đại Việt làm sính lễ đã nói lên mối bang giao tốt đẹp đó. Đây là chiến lược Hòa – Thân của cả hai nước để liên minh chống giặc xâm lược phương Bắc. Không lẽ chỉ vì sợ công chúa Huyền Trân bị đưa lên giàn thiêu theo tục lệ người Chăm khi Chế Mân băng hà mà Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông lại làm một việc chẳng lấy gì quang minh chính đại như vậy đối với một nước láng giềng đang hết sức thân thiện với nước mình? Chuyện Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông sợ Huyền Trân bị đưa lên giàn hỏa thiêu là có thật. Chuyện Thái Thượng hoàng và Vua cử thượng tướng Trần Khắc Chung đi giải cứu Huyền Trân là có thật. Nhưng sự việc không phải đơn giản như mấy dòng sao chép sơ sài của tác giả ĐVSKTT. Nhiệm vụ đặt ra cho vụ giải cứu này là bằng mọi giá cứu được Huyền Trân nhưng không làm tổn thương mối bang giao hai nước. Đó là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, buộc Thái thượng hoàng và vua phải "chọn mặt gửi vàng". Thượng tướng Trần Khắc Chung là một sự lựa chọn thích hợp và sáng suốt nhất. Ông vừa có tài quân sự vừa có tài ngoại giao. Chính Toa Đô cũng đã phải kính nể tài ứng đối của Trần Khắc Chung. Chính Trần Khắc Chung đã có công lớn trong cuộc chiến thắng quân Nguyên - Mông vào năm 1289 (đúng năm Huyền Trân ra đời) và sau đó được phong chức Đại Hành Khiển. Khi trao nhiệm vụ cho Trần Khắc Chung chắc chắn Thái thượng hoàng và vua đã lường trước một số tình huống và dự kiến một vài kế sách ứng phó. Trong bối cảnh mối quan hệ đang tốt đẹp của hai nước thì thượng sách vẫn là dùng con đường ngoại giao, cực chẳng đã mới dùng đến biện pháp quân sự. Theo một số tư liệu đáng tin cậy thì vua Chế Mân băng hà vào tháng 5 - 1306, tháng 9 Huyền Trân sinh thái tử Đa Da và mãi tháng 10 năm đó đoàn giải cứu của Trần Khắc Chung mới đến kinh đô Chiêm Thành đóng tại Quy Nhơn (Bình Định). Cuộc giải cứu kéo dài gần một năm trời. Tháng 8 năm 1307 đoàn mới đưa được Huyền Trân trở về Thăng Long. Bao nhiêu sự việc phức tạp xảy ra trong thời gian đó. Trước hết là vị thế của Huyền Trân. Nàng giờ đường đường là hoàng hậu của nước Chiêm, phải sống trong hậu cung có quân lính canh phòng nghiêm ngặt ngày đêm nên việc tiếp cận với nàng đâu phải dễ dàng.

Hơn nữa, nàng đang thời kỳ sinh nở nên việc tiếp cận lại càng khó khăn. Như vậy buộc lòng Trần Khắc Chung và đoàn giải cứu phải chờ đợi ít nhất là ba, bốn tháng. Trong thời gian đó Trần Khắc Chung tranh thủ tiến hành công tác ngoại giao, thuyết phục vừa nhu vừa cương để người Chăm buộc lòng đồng ý cho đưa Huyền Trân về nước. Điều này thì Trần Khắc Chung vốn có biệt tài.

Lại còn Huyền Trân nữa. Chắc gì Huyền Trân đã đồng ý trở về cố quốc trong hoàn cảnh chồng vừa mất chưa mãn tang và thái tử Đa Da vừa mới lọt lòng? Trong một năm chung sống với Chế Mân nàng thấu hiểu vì sao cha nàng đã chọn Chế Mân làm con rể. Chuyến ghé thăm Chiêm Thành (vào năm 1301) gần 9 tháng trời, Trần Nhân Tông quá hiểu về cốt cách và tài năng của

Chế Mân. Chế Mân là một vị anh hùng của người Chiêm thời đó. Đâu phải như thiên hạ chào xáo: Tiếc thay cây quế giữa rừng/ Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo. Chức danh Hoàng hậu của Huyền Trân được Chế Mân và triều đình sắc phong đủ cho ta thấy tình cảm tốt đẹp của cặp đôi "trai anh hùng, gái thuyền quyên" này. Đứa con mới sinh của nàng cũng là một bằng chứng cho tình cảm tốt đẹp đó. Thuyết phục nàng trở về cố quốc đâu phải là chuyện dễ dàng. Tất cả đều phải có thời gian và phụ thuộc vào tài ăn nói của Trần Khắc Chung. Chuyện Khắc Chung "dùng thuyền nhẹ cướp lấy công chúa đem về, rồi tư thông với công chúa" là hoàn toàn bịa đặt. Có người đã chứng minh khá thuyết phục rằng một chiếc "thuyền nhẹ" làm sao thoát được màng lưới thủy quân hùng mạnh và dày đặc đã từng đánh tan 5 nghìn quân, 100 hải thuyền, 250 chiến thuyền của Toa Đô; làm sao chuyên chở đủ lương thực, nước uống cho đoàn giải cứu trong gần một năm trời; làm sao bảo đảm được tính mạng của một phụ nữ chân yếu tay mềm vừa mới sinh con lênh đênh trên biển những khi sóng to gió lớn? Nếu chiếc "thuyền nhẹ" đó thoát ra khỏi vòng vây của thủy quân Chiêm Thành trong thời gian nhanh nhất (vì chậm sẽ bị bắt) thì làm gì có chuyện gần một năm "loanh quanh" trên biển mới về đến kinh đô Thăng Long. Chuyện này đâu dễ dàng qua mắt bá quan văn võ triều đình nhà Trần thời đó.

Lịch sử hai nước không ghi lại một cuộc rượt đuổi nào hay một sự tổn thất về người nào trong cuộc giải cứu. Và sau khi Huyền Trân về nước một thời gian khá dài không hề thấy phía Chiêm Thành động tĩnh gì. Điều đó cho chúng ta phỏng đoán khả năng cuộc giải cứu đã được tiến hành bằng biện pháp ngoại giao và công đầu thuộc về tài thuyết phục của Trần Khắc Chung. Bởi thế mà **sau khi ông mất, triều đình ban tặng cho Trần Khắc Chung chức Thiếu sư (chức danh xếp hàng thứ hai thời bấy giờ).** Chuyện một phụ nữ vừa chết chồng - người chồng mà nàng rất mực yêu thương và kính trọng; vừa mới buộc lòng xa lìa đứa con mình mới sinh cùng với việc Công chúa đang ở trong thời gian hậu sản, về phương diện y học thì thời gian hậu sản nầy kéo dài vài tháng đến nửa năm, nếu như cách đây 700 năm với hiểu biết vệ sinh, phòng bệnh và các phương tiện, thuốc men chăm sóc cho một sản phụ sau khi sinh nở thì còn rất lạc hậu, đâu có cắt tầng sinh môn, đâu có trụ sinh, phòng cách ly vô trùng như bây giờ, vả lại đối với công chúa đây là lần sinh đầu tiên trong đời, sinh con so khó khăn gấp nhiều lần sinh con rạ, thời gian để lành vết thương hay rách âm đạo, thời gian để co hồi tử cung, hoặc nhiễm trùng hậu sản và phần phụ có thể kéo dài rất lâu, theo phong tục tập quán của người Việt Nam thời gian "Phong Long" là 3 tháng 10 ngày, ngươi ta thường thường có thói quen treo trứớc phòng sản phụ một nắm lá cây có cây xương rồng, đó là một dấu hiệu, nhắc nhở cho người đàn ông biết chỉ được phép vào phòng vợ và tư thông sau khi cây xương rồng này khô đi !!!! đây chỉ là đầu thế kỷ XX mà còn nằm than nằm lửa huống hồ gì ở thế kỷ thứ XIV thì e rằng thời gian hậu sãn này còn kéo dài lâu hơn nữa.Điều đó cho thấy về phương diện thuần túy Y học khẳng định chắc chắn rằng chuyện tư thông là chuyện khó có thể xảy ra được.

Hơn nữa việc tư thông với một người đàn ông bằng tuổi cha chú mình liệu có xảy ra? Còn Trần Khắc Chung vốn được Thái Thượng hoàng và Vua hết lòng tin tưởng, đang giữ một trọng trách trong triều đình, lại theo đạo Phật, là môn đệ của môn phái Thiền Tông, từng viết lời bạt cho tập Tuệ trung thượng sĩ do nhà sư Pháp Loa biên soạn và Trần Nhân Tông hiệu đính... có lẽ nào lại đi làm cái việc xằng bậy ấy?

Huyền Trân trong thi ca nghệ thuật

205 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Câu chuyện về Huyền Trân đã trở thành một đề tài trong thi ca nghệ thuật.

Tương truyền là bài "**Nước non ngàn dặm"** theo điệu Nam Bình, có người cho rằng chính Công chúa đã soạn ra trong lúc đi đường sang Chiêm quốc:

Nước non ngàn dặm ra đi...Mối tình chi!

Mượn màu son phấn, Đền nợ Ô, Lý.

Xót thay vì, Đương độ xuân thì.

Số lao đao hay là nợ duyên gì?...

Một số tác phẩm có nói đến Huyền Trân như:

Âm nhạc

- *Trường ca Con đường Cái Quan* của Phạm Duy
- *Tiễn biệt Huyền Trân* của Phạm Duy - phổ thơ Đào Tiến Luyện
- *Nhớ* của nhạc sĩ Châu Kỳ
- *Tình sử Huyền Trân* của Nam Lộc
- *Sương gió Chiêm Thanh* - cổ nhạc...

Tiểu thuyết Lịch sử

Bộ "Bão táp triều Trần" của Hoàng Quốc Hải gồm 4 tập: Bão táp cung đình, Thăng Long nổi giận, Huyền Trân Công chúa, Vương triều sụp đổ, được xuất bản lần đầu cả bộ năm 2003. Dịch giả Chapuis Gérard đã hoàn thành **bản dịch Huyền Trân Công Chúa/Requiem pour une Princesse** sang tiếng Pháp cuối năm 2009 và dự kiến phát hành năm 2012. Năm 2008, bộ tiểu thuyết lịch sử này được nhận Giải thưởng Bùi Xuân Phái – Vì tình yêu Hà Nội.

TÓM TẮT

Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã bôn ba hoằng dương Phật pháp ở phương Nam xa xôi, nhưng lại còn đóng thêm vai 'Ông mai, ông mối'. Mâu thuẫn là, lẽ thường tình là xuất gia thì phải lánh tuyệt bụi trần, vậy mà Trần Nhân Tông chẳng hề sợ hãi vì "**Phật ở trong tâm. Tâm là Phật". Quan niệm đó là tông phái đặc trưng của phái Trúc Lâm Yên Tử** (do chính mình sáng lập). Dẫu sống trong trần ai mà vẫn thanh cao thư thái (Cư trần lạc đạo). Phải đem Phật tính ra để giúp đời, vì

Dù xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phúc cứu cho một người.

Trần Nhân Tông không chỉ cứu một người mà còn cứu cả dân tộc, cứu cả sự vĩnh hằng của giang sơn, Tổ quốc Việt Nam. Ông chỉ có một người con gái duy nhất là Huyền Trân Công chúa, vậy mà vì vùng phên dậu phương Nam quan trọng tới bờ cõi nước nhà, vì xã tắc muôn đời, ông sẵn sàng chịu để cho người đời chê trách. Ông có nghe câu:

Tiếc thay cây Quế giữa rừng

206 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo?

Ông biết nhưng ông tin cuộc đời sẽ hiểu, con cháu sau này sẽ mãi tri ân. **Chính nhờ Huyền Trân Công chúa gả cho Chế Mân, vua Chiêm Thành, mà bờ cõi nước Nam có thêm 2 châu Ô, châu Lý chạy dài tới tận đèo Hải Vân.**

-Và cách nhau 600 năm sống cách nửa vòng địa cầu, **Phật hoàng Việt Nam** (1258-1308) **và Tổng thống Mỹ Lincoln** (1809-1865) **lại tìm được sự đồng cảm sâu sắc trong chính sách "Hòa giải và Yêu thương"**. Chính sự khoan hồng của Nhà Vua (trong chiến thắng quân Nguyên) và Tổng Thống (xóa bỏ nô lệ, chiến thắng Miền Nam ly khai trong Nội chiến nước Mỹ) vết thương chiến tranh đã mau chóng được hàn gắn, từ đó tái thiết Đất nước hòa bình và thịnh vương, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam và Hoa Kỳ. Cả hai bậc vĩ nhân đều biết rõ rằng không thể nào xóa tan được mây đen của thù hận nếu người chiến thắng cứ "sỉ nhục" kẻ chiến bại, theo cách này hay cách khác.

Chính vì thế, Phật hoàng Trần Nhân Tông là một vị hoàng đế anh minh được hết sức kính trọng, không những tại Việt Nam **mà còn trên thế giới với việc thành lập Viện (Academy) Trần Nhân Tông năm 2012 thuộc Đại học Harvard, Mỹ** (với Giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về "Hòa giải và Yêu thương") như ý nguyện của vị Phật hoàng Việt Nam và Tổng thống Hoa Kỳ thứ 16 vậy.

Kỷ niệm mùa Hè năm ấy (1306) Huyền Trân Công chúa lên đường sang Chiêm, chúng ta cùng nhau hát vang ca khúc "Huyền Trân Công chúa" của nhạc sĩ Nguyễn Hiền để tưởng nhớ tới vị Công chúa khả ái mà cũng lắm truân chuyên...

Ngày xưa có nàng Huyền Trân Công Chúa
Giữa lúc xuân thì, đang độ thắm tươi mặn mà
Đành lòng ra đi, ôm một mối tình ban đầu
Ô, Lý hai châu, duyên nợ phấn son vì đâu.
Thuyền quyên má hồng vì yêu quê hương
Đáp tiếng non sông, xa một bóng người tình chung
Dù ngàn sơn khê, vẫn mơ đến ngày sum vầy
Muôn dặm xa xôi, biệt ly người ơi từ đây.

Duyên kia lỗi hẹn thôi biết bao giờ
Tìm lại nhịp đàn yêu thương, Kinh Kỳ hoàng hôn in bóng
Yêu ai trót nặng lời thề chưa phai
Vẫn một lòng son sắt hoài, dù nổi trôi kiếp hoa rơi.
Muôn chim tiễn nàng Công Chúa lên đường
Vượt ngàn trùng để quê hương, thanh bình khỏi cơn chinh chiến
Giang san cách trở mịt mờ cô liêu
Bóng nàng nhoà theo bóng chiều, mà lòng còn vương niềm yêu.

(Tham khảo: Tài liệu trên Sách báo và trên Internet)

PHẠM VŨ

207 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .



HÀ NỘI- THĂNG LONG NGÀN NĂM

KIÊM THÊM

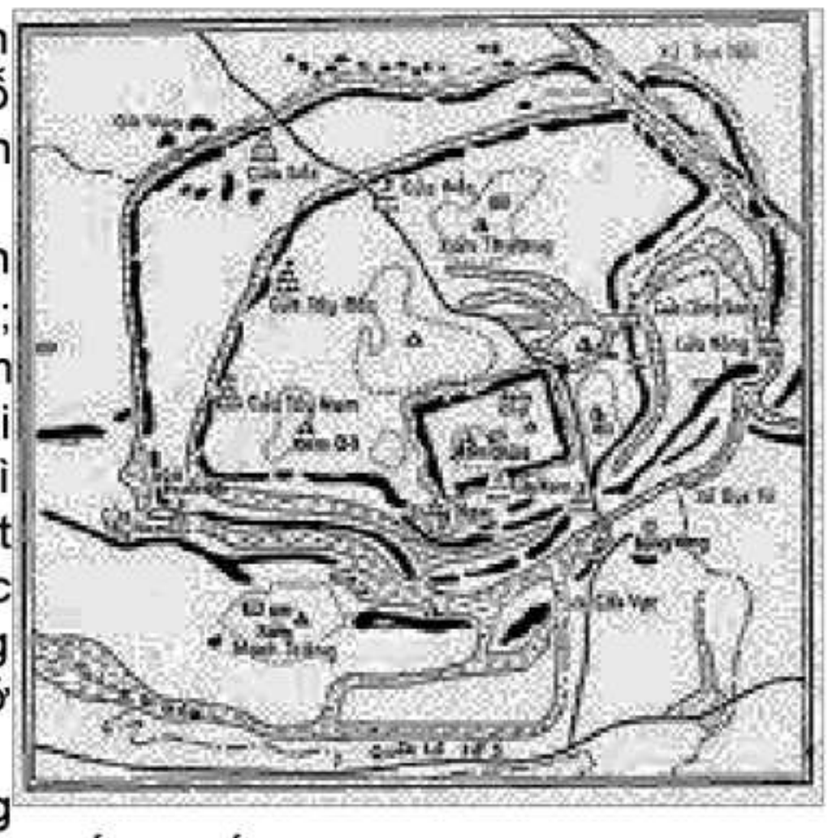
Đại cương

Vùng đất Hà Nội có lịch sử lâu đời nhất so với những thể loại đô thị khác tại Việt Nam; nhưng danh xưng Hà Nội thì chỉ mới xuất hiện vào thế kỷ thứ XIX, dưới triều nhà Nguyễn mà thôi. Trong thời gian trước đó, qua các triều đại và những giai đoạn kiến thiết thành trì, đô thị nầy có rất nhiều tên khác nhau; địa danh được sử dụng phổ biến nhất là thành Thăng Long, gắn liền với một huyền thoại khi dời đô, vào năm 1010 và được xây dựng và trùng tu qua nhiều giai đoạn khác nhau.

Theo những tài liệu sử học, thì thời gian trước đó, thoạt kỳ thủy, vùng đất nầy chỉ là một khu làng cổ, nằm trên bờ con sông Tô (Tô Lịch), dựa lưng vào núi Nùng (núi Long Đỗ). Tô Lịch là một con sông lớn, quan trọng có đoạn chảy vào giữa nội thành Hà Nội cổ, nhưng nay thì đã bị vùi lấp nhiều.

Theo quan niệm phong thủy học thì vị trí nầy khá thuận lợi (trước là sông, sau là núi), tiền án, hậu chẩm, tả long, hữu hổ, sơn triều, thủy tụ. Đây của là khái niệm cơ bản trong việc quy hoạch cổ truyền về địa diện, từ khi thành nầy chỉ là một địa điểm nhỏ rồi dần dà mới được mở mang thêm dầm ra.

Theo những tài liệu cổ sử học thì khu làng cổ đầu tiên của Hà Nội thuở xưa có cái tên huyền thoại là làng Long Đỗ (Rốn của con rồng), vào thời đại Hùng Vương, trong địa bàn của bộ Tây Vu.



Vào thời kỳ Bắc thuộc thì vùng nầy là đất của huyện Tây Vu và Phong Khê đời nhà Hán (23 sau Công Nguyên); sau đổi thành đất của huyện Vũ (hay Vũ Châu) và Nam Định vào đời nhà Ngô (thế kỷ III sau Công Nguyên) và đời nhà Tấn (thế kỷ thứ VI). Vào khoảng giữa thế kỷ thứ V, thì khu đất làng gốc của Hà Nội đã được phát triển thành một huyện, rồi sau đó, do tổ chức hành chánh, cũng đã được nâng cấp lên, để trở thành một quận, có tên là quận Tống Bình; đây là giai đoạn của nhà Lưu Tống và nhà Tùy ở Trung Hoa.

Vào giữa thế kỷ thứ VI, và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử củavùng đất nầy, cuộc khởi nghĩa của Lý Bí chống lại chế độ Bắc thuộc của người Tàu, lập ra nước Vạn Xuân; trong trường hợp nầy, địa bàn của Hà Nội đã trở thành vùng trung tâm đất nước của những phong trào đấu tranh; một toà thành cổ cũng đã được xây lên tại đây trong giai đoạn đầu tiên.

Trong các sách sử Trung Hoa, chẳng hạn như sách "Lương Thư" cũng đãchép: Vào năm 545, Lý Bí (tức là Lý Nam Đế) đã dựng lên một thành lũy bằng tre và bằng gỗ ở nơi cửa sông Tô Lịch (Hồng Hà). Cuộc khởi nghĩa chỉ dấy lên trong thời gian ngắn đã bị thất bại. Sang thế kỷ thứ VII, đất Tống Bình đã trở thành trung tâm hành chánh và quản trị của cả vùng đồng bằng miền bắc Việt Nam, dưới đời nhà Tùy, sang đến đầu nhà Đường.

Năm 621, nhà Đường thay thế nhà Tùy, đã bắt đầu xây dựng thành lũy ở vùng Tống Bình;

đến năm 679 thì đặt trị sở của vùng "An Nam Đô Hộ Phủ" tại đất Tống Bình, để khống chế tất cả vùng đất chiếm lấn được của người Tàu. Và cũng từ đó cho đến đầu thế kỷ thứ X, thì vùng trung tâm Hà Nội thời cổ đã trở thành vùng xây dựng dinh lũy quan trọng của chính quyền đô hộ.

Vùng đất nầy đã trở thành Đại La sau khi xây dựng một vòng thành lớn, kiên cố hơn và tổ chức nhiều cơ sở quan trọnghơn. Đây cũng là nơi tranh giành của những tổ chức khởi nghĩa chống ngoại bang, như cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng (cuối thế kỷ thứ VIII) hay cuộc khởi nghĩa của Dương Thanh (đầu thế kỷ thứ IX).

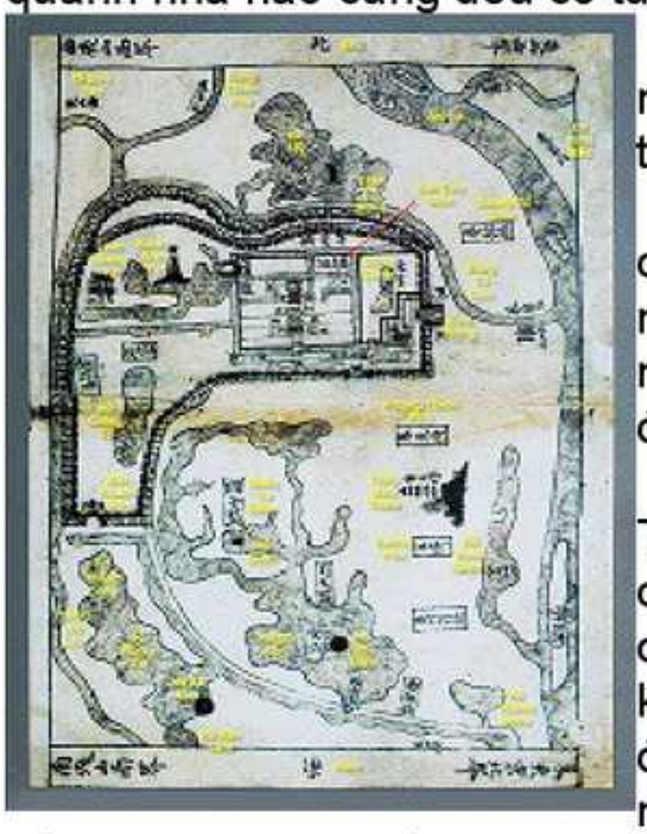
Hà Nội đời nhà Thục

Thục Phán thôn tính nước Âu Việt và Lạc Việt (Văn Lang) lập thành nước Âu Lạc, đó đô ở đất Việt Thường, xây thành Cổ Loa để cai trị. Đến khi Triệu Đà đánh Âu Lạc thì sát nhập vào Nam Việt, rồi sau đó nhà Hán đánh chiêmlấy đất Nam Việt; Ngô Tôn Quyên và nhà Đông Hán đánh Nam Triệu, và nhà Đường sai Cao Biền sang Lĩnh Nam, xây thành Đại La, để cai trị, mở đường cho việc xâm lăng.

Trong thời gian đầu, thủ phủ đặt tại thành Luy Lâu (Bắc Ninh) saudời về Đại La. Đây là thủ phủ của hệ thống cai trị trong toàn vùng. Nghệ thuật nơi đây cao hơn và phong phú hơn những vùng khác, nên thường được gọi là Nghệ Thuật Đại La.

Thành Đại La có vùng chu vi rộng 3,000 bộ, tức là gần 6 cây số. Bốn mặt thành đều xây nữ tường (tường nhỏ xây trên mặt thành), cao 5 thước,có 55 lầu dịch vọng. Trong toàn thành có đến 5 cửa lớn dùng để ra vào và phân chia theo từng loại khác nhau. Trên mỗi cửa có dựng trạm canh rất nghiêm ngặt. Ngoài ra còn trổ thêm 6 ứng môn (cửa nhỏ).

Theo những tài liệu nghiên cứu cho biết thì trong toàn thành có 5,000 căn nhà nhưng hầu hết giành cho binh sĩ. Một con đê bao quanh thành để ngăn lũ lụt. Đê nầy có tên là đê Trường Sa, có chu vi 2,125 trượng (khoảng 6 cây số) cao 5 thước, rộng 9 thước. Nhà cửa dân chúng trong thời đại nầy đều được xây cất trong khung khổ thông thường là hình vuông hay hình chữ nhật. Chung quanh nhà nào cũng đều có tường bao bọc.



Kiến trúc nhà cửa trong dân chúng ở Giao Châu không giống như nhà cửa ở Trung Hoa. Những ngôi nhà trong vùng thường có tường đất bao quanh để giữ gìn an ninh.

Đại cương có những đặc tínhnhư sau: Mái nhà thường uốn cong. Chồng nóc thường xây lớn hơn để ngăn ngừa lũ lụt khắc nghiệt của vùng nhiệt đới. Các tầng nhà đều xây theo độ lớn bằng nhau. Tầng sát đất thường thấp hơn những tầng trên cao, để chống đỡ vững chắc hơn. Một số nhà theo quy mô nhỏ thì chỉ làm hai chái.

Vào đầu thế kỷ thứ X, cuộc khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ, Khúc Thừa Mỹ, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ và nhất là cuộc kháng chiến của Ngô Quyền, thì trung tâm của Hà Nội cổ đã trở thành địa bàn chiến đấuđể quyết định số phận của quân xâm lược phương bắc, kết thúc một nghìn năm Bắc thuộc của người Tàu. Đây cũng khởi đầu cho nhữngtrang sử vẽ vang nhất của dân tộc, mở đầu kỹ nguyên mới. Trong thời gian từ 952 đến 997, khi cuộc khởi nghĩa đi đến thành ng chuyển sang giai đoạn kiến thiết đất nước thì trung tâm Hà Nội được phát triển thêm nhiều.

Năm 1010, khi Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) dời đô ra thành Đại La (của Cao Biền ngày trước) đã đánh giá vùng đất nầy là nơi *"nằm giữ khu vực đất trời, có thế rồng quấn, hổ ngồi, ở giữa nam bắc, đông tây, tiện hình thế núi sông sau trước, khu đất rộng mà bằng phẳng, chỗ đất cao mà sáng sủa, dân cư không bị khổ về nạn ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ nầy là hơn cả"* (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Bản Kỷ).

Những nhận định trên đây cũng chính là nhận định của nhà vua trong bức "Chiếu chỉ dời kinh đô", để có thể mở đường cho khu vực trung tâm của thành Hà Nội cổ trở thành kinh đô của nước Đại Việt *"Thực là chỗ hội họp của bốn phương, là nơi thượng đô của kinh sử muôn đời"*.

Như vậy thì đô thị cổ Hà Nội chính thức thành lập từ thời điểm nầy, để kết thúc giai đoạn thường được gọi là "Thời kỳ Tiền Thăng Long" để chuyển sang giai đoạn phát triển mới, tiêu biểu cho tínhchất đô thị hoá vùng đất nầy.

Hà Nội đời nhà Lý

Trong bản nhận định của vua nhà Lý trong giai đoạn đầu tiên nầy đã viết như sau: "Vùng đất Hà Nội qua nhiều thế kỷ trước từng xây dựng thành quách, trở thành một trong những trung tâm chính trị, kinh tế cũng như quân sự và văn hoá".

Phải kể từ năm 545, khi Lý Nam Đế đã xây dựng vùng nầy để trở thành Vạn Xuân, đắp lũy đào hào ở cửa sông Tô Lịch, để chống lại quân xâm lăng của Trần Bá Tiên từ Trung Hoa tràn sang. Năm 602, nhà Tùy lại chuyển trị sở đô hộ của chúng từ thành Long Biên đến đất Tống Bình (tức là vùng đất Hà Nội ngày nay) cũng trong mục đích tương tự như trên để phát triển. Năm 621, Khâu Hoá xây dựng Tử Thành; năm 767, Trương Bá Nghi xây La Thành, năm 791 và 801, Triệu Xương và Bùi Thái sửa sang lại LaThành, gọi tên là "An Nam La Thành".

Tài liệu ghi chép về thời gian đó có nói: An Nam La Thành cao 22 thước (khoảng 7 mét ngày nay). Thành nầy có 3 cửa, trên đều có xây dựng lầu. Cửa đông và cửa tây lầu có ba gian, cửa nam cũng là cửa chính) có lầu năm gian. Trong thành có 10 cung, hai bên tả hữu đại sảnh dựng lều giáp trượng 40 gian để chứa vũ khí. Đây là thành đầu tiên được xây dựng khá quy mô kể từ trước.

Lần cuối cùng đắp thành Hà Nội trong thời Bắc thuộc là lần do Cao Biền đắp lên trong khoảng những năm 866 - 868. La thành của Cao Biền có quan hệ chặt chẻ với thành Thăng Long về sau nầy và được gọi tên là thành Đại La, cũng từ chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ.

Khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi (1009) thì công việc đầu tiên là cho dời kinh đô từ Hoa Lư đến Đại La. Theo truyền thuyết thì khi nhà vua đi thuyền đến Đại La có rồng vàng hạ xuống ở thuyền ngự, cho nên đã đổi thành Đại La ra thành Thăng Long.Qua suốt những đời Lý, Trần, Hậu Lê, tên của kinh đô có thay đổi: Thăng Long, Đông Đô, Đông Kinh; thành lũy, cung điện có xây, có phá, có đổi dời, có mở mang, tuy nhiên cũng chỉ xây dựng quanh quẩn trong vùng đất của Hà Nội ngày nay mà thôi.

Vị trí của thành Thăng Long đời nhà Lý được nhiều nhà viết sử bàn luận khá nhiều và không đồng nhất.

Lập luận 1: Theo Trần Huy Bá (1959) thì vị trí của thành Thăng long phía bắc áng chừng ở chỗ rẽ đường xuống trường Đua Ngựa cho đến cửa đền Quan Thánh; phía đông từ quá đền Quan Thánh đến gần Văn Miếu bây giờ; phía nam từ gần Văn Miếu tới gần chỗ rẽ tránh đường xe điện Cầu Giấy; phía tây từ chỗ tránh đường xe điện Cầu Giấy đi tắt đến gần chỗ rẽ xuống Trường Đua Ngựa bây giờ. Núi Khán Sơn ở Bách Thảo và Chùa Một Cột phải ở về phía đông Hoàng Thành Thăng Long xưa. Hồ Ngọc Hà phải là ở về phía đông của nội thành mới đúng như bản đồ thời Hồng Đức đã ghi chép.

Như thế các cung điện chính phải ở trong khu Hữu Tiệp, Ngọc Hà, Vạn Phúc, nhà máy rượu bia và chùa Bát Tháp bây giờ mới đúng chỗ. Vậy thành Thăng Long xây năm 1805 có lẽ đã theo sự nhu cầu gần bên sông Hồng Hà mà đã thiên hẳn ra ngoài phía đông thành Thăng Long cũ, rồi các di vật đều thiên cả ra mà sử không chép tườngtận chăng?

Lập luận 2: Theo Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán (1966) thì ý kiến đã không đồng ý như thế. Sử sách không hề chép có một sựdi chuyển nào của kinh đô Thăng Long qua những triều đại Lý, Trần, Lê.

Trái lại những di tích ghi trong tài liệu cũ phối hợp với sự điều tra tại chỗ cho phép đoán định rằng: Thành Thăng Long đời nhà Lý vẫn giữ nguyên vị trí cũ cho đến đời nhà Nguyễn sau nầy. Núi Nùng tức là núi Long Đô được thuyết Phong Thủy coi như là nơi tập trung của "Khí thiêng sông núi nơi đế đô" vẫn là trung tâm của thành Thăng Long qua bao nhiêu thế kỷ...

Xem như thế thành Thăng Long cũ bao gồm Hoàng Thành cùng khu buôn bán về phía đông giáp với sông Hồng, khu nông nghiệp ở về phía tây đã được hình thành ít nhất ngay từ đời Lý. Hai ý kiến trên đây đã khác nhau xa về vị trí địa lý của thành Thăng Long đời nhà Lý cho tới nay vẫn chưa được phân định đúng sai. Vấn đề phải đợi những cuộc khai quật thăm dò ở dưới lòng đất sâu trong khu vực Thăng Long, thì mới có được sự xác minh rõ ràng, nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể tìm hiểu thêm qua những thư tịch còn lưu lại. Tuy nhiên các sách sử cũ thì trình bày sơ sài trong vấn đề nầy. Số lượng tương đối nghèo nàn, nhưng cũng có những giá trị nghiên cứu của nó, và giá trị nầy cao hay thấp thì cũng tùy theo cách khai thác tài liệu theo tư duy của mỗi người.

Như chúng ta thấy được những tài liệu đầu tiên quan hệ đến kinh đô Thăng Long ngày trước trong tờ Chiếu "dời đô" của vua Lý Thái Tổ, viết vào năm canh Tuất (1010).

Bài Chiếu có đoạn viết như sau: -"... *Thế mà nhà Đinh, nhà Lê lại theo lòng riêng, lo là mệnh trời... yên ở nơi quê quán, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn, muôn vật không nên. Trẫm rất xót thương, không thể không dời đi nơi khác. Huống chi kinh đô cũ của Cao Vương ở thành Đại La, ở giữa khu vực trời đất, có thế rồng cuộn, hổ ngồi, ở giữa nam bắc, đông tây, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ về nạn ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh, xem khắp nước Việt, chỗ nào ấy là nơi hơn cả*" (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Căn cứ theo tờ Chiếu, việc xây dựng thành đã nêu lên những điểm chính như sau: Không câu nệ về đất quê hương của người sáng lập như các triều Đinh, Lê trước đây. Dựa trên quan điểm địa lý để xây dựng và bố cục các mặt thành. Tập trung vào nơi dân cư đông đúc.

Về kiến trúc:

Đại Việt Sử ký toàn thư cũng ghi rằng: "Bên xây dựng cung điện ở trong cung thành Thăng Long phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả dùng làm điện Tập Hiền, bên hữu làm điện Giảng Võ, lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân, cửa Đan Phương thông với cửa Uy Viễn, chính cửa nam là điện Cao Minh, đều gọi là thềm rồng. Bên trong thềm rồng có mái cong, hàng hiên bao quanh bốn mặt.

Sau điện Càn Nguyên dựng hai điện Long An và Long Thụy làm nơi nghỉ ngơi; bên tả làm điện Nhật Quang; bên hữu làm điện Nguyệt Minh; đằng sau dựng hai cung Thúy Hoa và Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành, đào hào, bốn mặt thành mở bốn cửa. Phía tây của vùng hoàng thành còn có xây thêm một số cung điện phụ thuộc khác như: điện Diên Linh, điện Vĩnh Ninh, điện Thiên Khánh, điện Hội Liên, điện Lệ Thiên, điện Thanh Hòa, điện Trường Xuân. Một trong những cơ sở nổi tiếng là Long Trì. Nơi đây có lầu chuông trống; phàm trong dân chúng ai muốn kêu oan điều gì thì có thể vào thỉnh chuông hay trống để khiếu nại.

Mặt khác, vua nhà Lý còn cho xây thêm cung Long Đức ở ngoại thành; nơi đây vị Hoàng Thái Tử thường đến để được những vị quan đại thần hướng dẫn công việc tập làm quen trong việc trị dân sau nầy. Phía đông có sông Lô Giang; phía bắc và phía tây có sông Tô Lịch, lại thêm Dâm Đầm dùng nơi án ngự vững chắc; phía Nam có nhiều hồ, trong đó có Đại Hồ giữa ở miệt dưới.

Quả là vị trí phòng thủ thích nghi. Đã vậy nhà vua lại cho tạo thêm những ngọn giả sơn như Nùng Sơn, Khán Sơn, Ngũ Nhạc, Tam Sơn, để gia tăng thêm ý nghĩa phong thủy, mà còn dùng làm thế bảo vệ nội thành.

Từ trong thành có thể nhìn bao quát toàn diện dễ dàng. Để bảo vệ vững chắc thêm, nhà vua cho củng cố vùng thành ngoài. Trước đây vùng nầy đã có la thành, cũng còn gọi là thành Đại La, nhưng qua bao nhiêu biến cố, đã bị suy sụp nhiều.

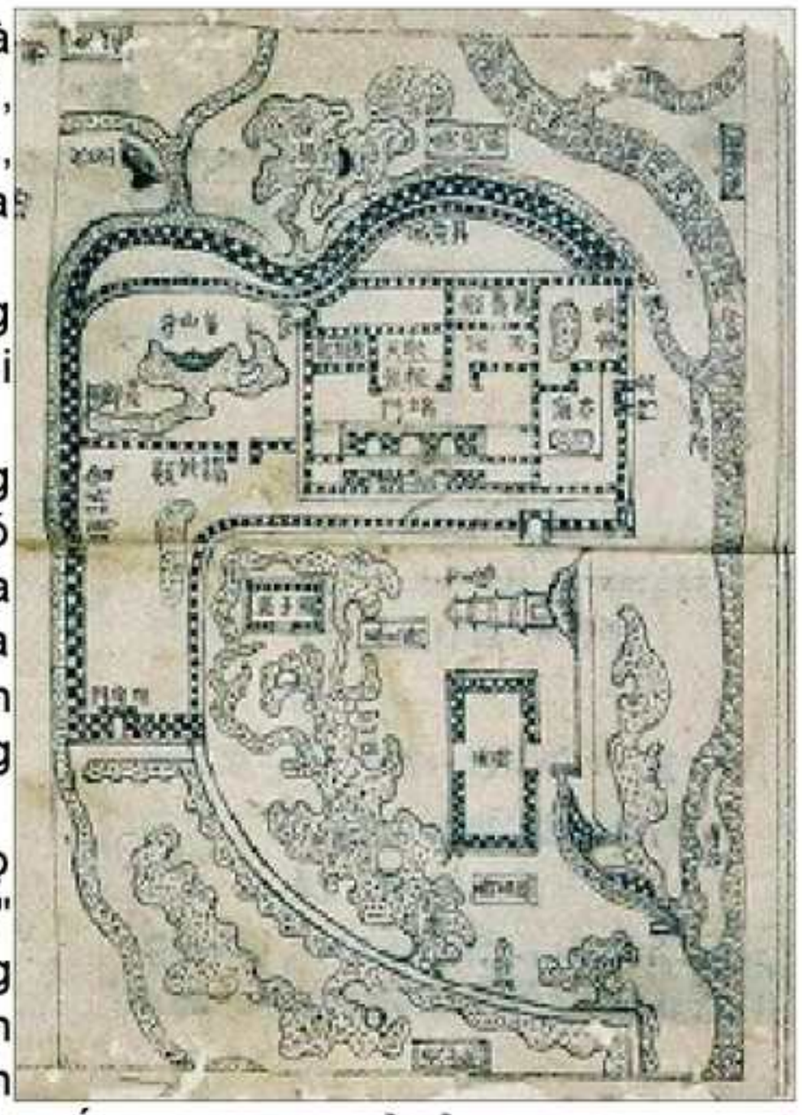
Vua Lê sai quan Chưởng Quản Lê Thái Tùng điều động quân sĩ và dân chúng trùng tu lại. Lũy nầy chạy theo dọc sông Tô Lịch, xuống sông Kim Ngưu sau đó ngược lên phía bắc; như thế vừa dùng làm đê ngăn chận mùa lũ lụt, lại vừa bảo vệ cho kinh thành.

Vùng la thành nầy có xây nhiều cửa ô ra vào; những cửa đó gồm có: ô Cầu Giấy, ô Yên Phụ, ô Ông Mạc, ô Triều Đông, ô Chợ Dừa. "Quân lính được tổ chức canh giữ chặt chẻ những cửa ô nầy. Thế bố trí cũng rất vững chắc. Ngoài ra, thành giữa xây theo hình đa giác, rồi chạy dọc theo sông Tô Lịch, đến sông Kim Ngưu thì lại chạy dọc lên phía Bắc. Chung quanh cũng có những cửa ra vào và được canh giữ. Phía trong là cấm thành, nơi vua và Hoàng gia cư ngụ.

Nhà Lý coi trọng việc bảo vệ kinh đô, nên cho kiến thiết không ngừng, nhất là những năm xẩy ra lũ lụt. Xem như vậy, thành Thăng Long đã trở thành một mô thức kiến trúc và bố cục khá vững chắc, quy mô. "Trong thời kỳ nầy, tất cả những cung điện đều được xây bằng gỗ, lợp ngói hoàng lưu ly hay thanh lưu ly. Đây là loại ngói ống, phía đầu có những mô hình điêu khắc tinh xảo.

Ba năm một lần, nhà vua thường tổ chức tế trời. Nơi tế lễ là đàn Hoà Khâu và đàn Xã Tắc. Trong vùng đất nầy còn có xây thêm đền thờ đức Khổng Phu Tử và Thất Thập Nhị Hiền. Ở đây còn có toà Quốc Tử Giám nơi giảng dạy các hoàng tử và con cái quan đại thần trong triều.

Dưới đời nhà Lý, trong hoàng thành có một số ngôi chùa giành cho những vị cao tăng và vị quốc sư. Nhà vua, hoàng hậu, hoàng thân quốc thích và các quan đại thần trong triều thường đến chiêm bái và nghe giảng kinh...."



Đoạn thư tịch trình bày trên đây cho thấy: Có một toà thành trong mới được đắp lên, có tường thành và hào ngoài, mở cửa ra bốn hướng. Toà thành nầy bao bọc các cung điện, kho tàng, chùa tháp của nhà vua và nằm trong thành Đại La của Cao Biền trước đây.

Như vậy thì thành Thăng Long của thời Lý có hai vòng thành: thành ngoài và La Thành của họ Cao; thành trong mới đắp sau khi dời kinh đô tới.

Tuy rằng đoạn thư tịch trên chỉ ghi chép một cách tổng quát về vịtrí và tên gọi của các cung điện, tuy nhiên cũng có thể gợi lên ývề công việc đắp thành đất và việc sửa chữa kinh thành Thăng Long, tức là tiếp tục đắp thêm và sửa chữa toà thành trong mới được đắp từ năm 1010, tường thành vẫn được đắp bằng đất, chứ không xây bằng gạch, đá hay bằng thứ vật liệu nào khác.

Một đoạn văn khác có chép thêm: "Năm Mậu Ngọ (1078), mùa Xuân,tháng giêng, sửa lại đoạn thành Đại La" cho biết thêm chi tiết rõràng hơn; đó là việc sửa chữa vòng thành ngoài của kinh thành Thăng Long đời nhà Lý. Cho đến nay thì những cuộc khai quật lẫn việc tìm dấu vết thành Thăng Long thời Lý không được là bao nhiêu, và chỉ mới được tiến hành sơ khởi ở vùng Ngọc Hà.

Những hiện vật thu thập được trong những cuộc khai quật không nhiều, tuy nhiên trên cơ bản có thể chứng minh được rằng: Thành trong của Thăng Long thời Lý là ở vùng Ngọc Hà ngày nay, nghĩa là chếch hẳn về phía tây thành Đông Đô thời Lê, hay Hà Nội thời nhà Nguyễn về sau.

Năm 1889, khi sửa sang lại vườn Bách Thảo, người Pháp có tìm được cột đá chạm rồng suốt thân cột, đường kính cột là 0,5 mét, caotrên 2 mét, hiện trưng bày tại Viện Bảo Tàng Hà Nội. Đây là cột đá chạm rồng độc nhất ở nơi cung điện của nhà vua trong thành Thăng Long đời Lý. Trong mấy năm đầu của thế kỷ XX, lại đào được ở phía tây của vườn Bách Thảo lan can đá chạm sấu, hai bên lan can còn chạm hoa cúc dây mang phong cách thời đại Lý - Trần. Đây là lan can bậc lên xuống của các cung điện nhà vua.

Tháng 7 năm 1932, cũng đã tìm thấy một hộp nhỏ chạm hoa cúc dây, trong có một cán dao hình đầu con vẹt. Hai hiện vật đều bằng vàng tìm thấy ở độ sâu chừng 2 mét, nơi cổng đi vào trường Đua Ngựa. Vùng Ngọc Hà, Vạn Phúc, Hữu Tiệp, Kim Mã... hàng trăm năm nầy cũng tìm thấy được nhiều đồ đất nung hình chạm khắc rồng, phượng hay những loài cầm thú. Đó là những bộ phận vật liệu kiến trúc và trang trí kiến trúc mang phong cách Lý - Trần.

Cũng tìm được hàng vạn mảnh đồ sứ men xanh, vàng hay nâu trong vùng đất nầy. Năm 1970 - 1972, cũng đã khai quật ở sườn phía tây nam núi Cung, nhằm tìm dấu vết cung Thái Hoà và Thành Trong, nhưng đã không mang lại kết quả nào. Năm 1972, khai quật khu Đồng Gạch và khu Đồng Giếng.

Hàng loạt divật kiến trúc như gạch, ngói, sư tử bằng đá và những đồ bằng đất nung... đã được phát hiện rải rác trong tầng văn hoá, tuy nhiên chưa tìm được nền kiến trúc rõ rệt. Những chồng bát đĩa được nung hông, dính liền lại với nhau đã tìm thấy được ở Đồng Giếng đã gợi ý cho biết có nhiều thợ thủ công sản xuất tại địa điểm nầy, để cung cấp vật liệu cho kinh đô trong thời gian đó.

Năm 1978, trong việc san bằng vùng đất Quần Ngựa, cũng tìm thấy được một phế tích kiến trúc xây dựng bằng loại gạch vồ và ngói lưu ly nhiều màu. Hiện vật nầy lại mang đặc điểm thời Lê; do đó, dự đoán về ngôi chùa Chân Giáo thời nhà Lý, nơi đi tu và bị sát hại của vua Lý Huệ Tông, nay cũng chưa được chứng minh rõ được.

Tháng 11 năm 1978, khu vực Quần Ngựa cũng tiếp tục được đào xới lên để xây nhà, cùng với khu Đồng Gạch, đã tìm được nhiều di vật bằng gạch vồ, gốm tráng men, bát đĩa còn nguyên vẹn, trong một tầng văn hoá ổn định. Một khẩu giếng được khai quật lên cũng tìm được một số đồ sứ nung khá phong phú, như là trung tâm thủ công nghiệp về loại đồ nầy.

Đồng thời có dấu vết của một dòng sông nhỏ, nối với sông Tô Lịch cũng được tìm ra dấu vết. Cuộc khai quật vết tích của chùa Chân Giáo cho thấy vào đời nhà Lý chưa có ngôi chùa tại đây. Cuộc tìm kiếm khác tại đình Thái Tề cũng tìm được nhiều vật liệu kiến trúc bằng đất nung vào thời

Trần như rồng, phượng thường dùng trang trí trên các bờ nóc của mái kiến trúc cổ. Chùa Vĩnh Phúc được đào 10 hố cho thấy dấu tích ngôi chùa có từ đời Lê.

Qua những công trình sơ khảo như đã nói có thể đưa đến kết luận tổng quát như sau: (a) Vòng thành trong của thành Thăng Long cho đến nay vẫn chưa tìm ra dấu vết gì đích xác cả. (b) Vòng thành ngoài chính là La Thành của Cao Biền trước đó. Dấu tích đến nay khá rõ rệt. La Thành mặt đông từ đê con sông Hồng lên tới Hồ Tây; tiếp đến là đoạn đường Hoàng Hoa Thám, rồi chạy dọc tả ngạn sông Tô Lịch, từ Bưởi lên tới Ô Cầu Giấy, qua Giảng Võ đến Ô Chợ Dừa, khu Kim Liên, đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khắc Chân cho đến Ô Đồng Mác, rồi lại gặp đê sông Hồng.

Vòng thành nầy đắp bằng đất; phía ngoài lợi dụng con sông Hồng, sông Tô Lịch và nhiều đầm hồ để làm những con hào tự nhiên. Những cửa thành tuy không còn tìm được chứng liệu gì, nhưng cũng có thể nghĩ rằng: Những đoạn khuyết của tường thành là nơi xâycửa thành. Vòng thành trong được xây đắp hoàn toàn mới, kể từ năm 1010.

Vòng thành bao quanh một loạt cung điện được dựng lên. Thành đắp bằng đất, có đào hào ngoài. Bốn cửa chính là Tường Phù, Quảng Phúc, Đại Hưng và Diệu Đức, nhưng không còn dấu vết gì để hiểu được cấu trúc của những cửa nầy. Vòng thành trong được gọi là "Cung Thành" (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư) với ý nghĩa là: một tường thành bao quanh cả khu vực các cung điện nhà vua mới xây dựng từ khi dời kinh đô tới. Tài liệu trên ghi thêm: "Năm 1012, nhà vua sách phong Hoàng Thái Tử Phật Mã làm Khai Thiên Vương, làm cung Long Đức ở ngoài cho ở, có ý muốn cho biết việc trong dân gian..."

Toàn Thư cũng chép: "Tháng 6 (năm 1029) rồng hiện ở nền cũ điện Càn Nguyên. Nhà vua bảo các quan hầu rằng: "Trẫm phá điện ấy, san phẳng nền rồi màrồng còn hiện ra, hay là chỗ ấy đất tốt, đức lớn, dấy nghiệp ở chính giữa trời đất chăng".

Bèn sai quan, theo quy mô rộng lớn,nhắm lại phương hướng, làm lại, mà đổi tên là điện Thiên An. Bên tả làm điện Tuyên Đức; bên hữu làm điện Diên Phúc, thềm trước điện gọi là Thềm Rồng (Long Trì); bên đông Long Trì đặt điện Văn Minh; bên tây đặt điện Quảng Vũ; hai bên tả hữu Long Trì đặt lầu chuông trống đối nhau; dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì gióng chuông trống lên; chung quanh Long Trì đều có hành lang giải vũ, để các quan hội họp và sáu quân túc vệ. Phía trước làm điện PhụngTiên; trên điện dựng lầu Chinh Dương, để xem giờ khắc;phía sau xây điện Trường Xuân, trên có gác Long Đồ, để nghỉ ngơi, chơi ngắm. Bên ngoài có đắp Long Thành..." Phạm vi vòng thành thứ 2 đến nay vẫn chưa có ý kiến khẳng định. Vòng thành bao bọc hàng trăm kiến trúc cung điện, lầu gác, chùa tháp.

Hai vòng thành dù xây dựng trước sau khác nhau, nhưng được những vua nhà Lý tiếp nhận trong đồ án kiến trúc chung. Long thành là một vòng tường thành nhỏ, chỉ bao bọc một khu vực mới xây thêm, gồm điện Thiên An, điện Tuyên Đức, Diên Phúc, Văn Minh, Quảng Vũ, Phụng Thiên và Trường Xuân.

Vòng tường thành nầy rõ ràng là vòng tường thành trong cùng, vòng tường thứ ba lọt trong phạm vi của vòng tường thứ 2, đắp năm 1010, và chỉ bảo vệ riêng nơi ăn ở và làm việc của nhà vua. Người ta gọi đó là Cấm Thành.

Nếu tính Long Thành là 1 vòng tường thành, thì kinh thành Thăng Long thời Lý có 3 vòng tường thành bao bọc lẫn nhau. Như vậy thì kiểu "tam trùng thành quách" đã xuất hiện tại Việt Nam từ đời Lý, sớm hơn cả Trung Hoa nữa. Nhưng một số nhà nghiên cứu thì xem đây chỉ là công trình mang tính chất quân sự thuần túy.

Hà Nội đời nhà Trần

Cuộc thay triều đổi họ từ triều Lý sang triều Trần đã diễn ra ởkinh đô Thăng Long, bằng cách nhường ngôi của vị nữ hoàng Lý Chiêu Hoàng cho chồng là Trần Cảnh (tức vua Trần Thái Tông) năm 1225.

Trần Thái Tông lên ngôi năm 1230 thì việc đầu tiên là cho xây thêm các cung điện trong thành Thăng Long vốn có từ đời Lý, thêm vào cung Thành Từ, cung Quan Triều, cùng những nhà Lang Vũ ở phía đông và phía tây để mở mang thêm nhiều cơ sở khác.

Cho đến năm 1248, triều đình lại cho xây dựng thêm cầu Lâm Ba ở chùa Lân Giáo qua hồ Ngoại Thiềm, đến cung Thái Thanh, trở nên lộng lẫy uy nghi hơn trước nhiều.

Những công trình của nhà Lý khá đồ sộ, nhưng khi quân Nguyên đem quân sang xâm lăng

nước ta vào năm 1280 đã phá phách nhiều cho nên triều đình phải cho tu bổ lại. Những viên sứ thần Trung Hoa đến Thăng Long thời gian đó đã ghi lại: *Từ sứ quán đi 60 dặm, thì đến cầu Vân Hoà; đi thêm một đoạn nữa thì đến phía bắc của cầu Thanh Hoa; trên cầu nầy đã cấtlên 19 gian nhà. Vào cửa Tù trưởng có cửa Dương Kinh Môn, trên cửa có Triều Thiên Các...*

Những cung được cất thêm trong thời gian nầy phải kể đến Tập Hiền Điện, Minh Linh Các, Đức Huy Điện. Vào những năm cuối đời nhà Trần, vua Trần Dụ Tông đã cho đào hồ trong Ngự Uyển, thả cá,lắp non bộ, lại nuôi chim quý, thú lạ. Lại cho người sang Châu Hoá mua cá sấu về thả.

Hà Nội đời Hậu Lê

Việc đầu tiên của vua Lê Thái Tổ sau khi lên ngôi là chỉnh đốn kinh đô, mọi việc triều chính. Nhà vua đổi tên thành Thăng Long ra thành Đông Kinh để phân biệt với Tây Kinh hay Lam Kinh ở Thanh Hoá. Đông Kinh vẫn trong vị trí cũ; chỉ xây thêm một số điện đài và đổi một số danh xưng.

Khu vực được mở rộng nằm về phía đông và phía tây nam. Phần mở rộng nhằm phát triển thêm mặt bằng của kinh đô trong giai đoạn được mở mang thêm và tổ chức lại đa dạng hơn trước. Về phía bắc, có đắp thêm một vòng thành rộng hơn, phần để ngăn nước lũ, phần khác để bảo vệ trị an và phòng giặc.

Thành thử thành Thăng Long nằm sát ngay bờ Tô Lịch, với những cung điện và thành lũy được khai triển thêm. Bố cục kiến trúc vẫn như cũ: tất cả đều nằm trên một trục thẳng và trở thành mô thức độc đáo xây hệ thống các lăng tẩm cho những triều sau. Lê Thái Tổ khởi đầu những công trình xây bổ túc Thăng Long của đời Trần. Những điện được xây dựng thêm: Kinh Thiên, Cần Chánh và Vạn Thọ, dùng làm nơi thiết triều và thờ phụng. Những vua Lê kế tiếp cũng xây dựng thêm Điện Hội Anh, Càn Đức, Tường Quang, Giảng Võ, Thúy Ngọc, Kim Loan, Bảo Quang. Về sau lại mở thêm Gác Thừa Thiên, đình Quảng Văn, Nghị Sự Đường, Vân Lập Đường, Phượng Nghi Đường, Viện Di Lâu.

Những phần bổ túc khác như: cầu Ngoại Thiềm là lối đi vào Hoàng Thành, vườn Ngự uyển nơi nhà vua vãn cảnh. Những vua Lê sau nầy như Lê Hiển Tông, Lê Uy Mục và Lê Tương Dực chỉ biết lo ăn chơi, cho nên việc mở cung điện thêm chỉ để thoả mãn những hiếu thắng, hành lạc.

Lê Hiến Tông cho xây Điện Thượng Dương, Giám Trị, Đồ Trị, Trường Sinh, và tất cả để mưu chuyện hoang đường trường sinh bất tử. Lê Uy Mục xây những cung điện thờ những nhân vật huyền bí như Châu Nguyên Điện, Bảo Thùy Điện, Tuyên Du Đường, có tính chất mê tín dị đoan, bùa phép, dung túng những tay thầy pháp, thầy bói, thầy tụng. Lê Tương Dực thì cho xây Đại Điện, Cửu Trùng Đài cũng trong mục tiêu tương tự kiểu ăn chơi đó.

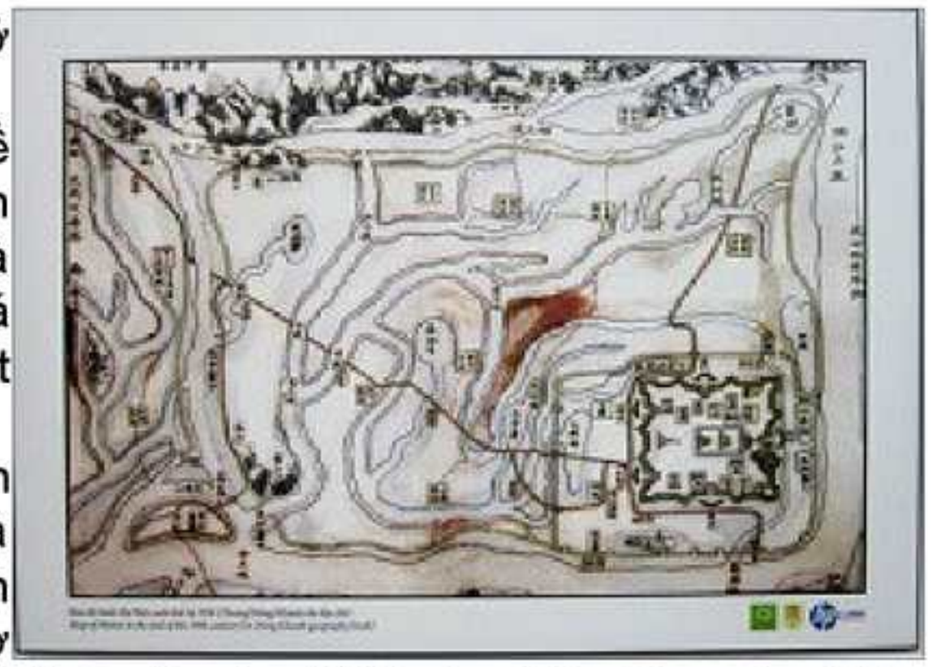
Câu chuyện Vũ Như Tô làm điên đảo kinh thành Thăng Long một thời cũng là sản phẩm của những trò chơi nầy. Vũ Như Tô chỉ là một tên thợ khéo ở Cẩm Giàng thường đắp những mô hình cung điện giả có nhiều tầng khá công phu. Tiếng đồn đến tai vua Lê, nên Vũ Như Tô được mời vào kinh và cũng được phong cho làm quan Đô Đốc Giám để xây hai cung điện vừa nói.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục nói về những toà nhà nầy như sau: Đại Điện có hơn 100 nóc có lầu. Cửu Trùng Đài có quy mô lớn lao. Trước mặt điện có hồ, thông với sông Tô Lịch. Dọc theo sông Tô Lịch thì lại cho đắp thành nghìn trượng để làm lá chắn cho những cung tế lễ trừ ma quái. Phần lớn những di tích nầy đã bị suy thoái và hư hỏng. Những triều sau không ai nghĩ đến kiến thiết lại và tổ chức những kiểu ăn chơi, mê tín nầy. Cảnh quan thời đó như thế thật đa dạng (Robequain).

Sinh hoạt kinh tế Hà Nội thế kỷ XIX

Từ khi định đô vào thế kỷ thứ XI cho đến ngay cả lúc kinh đô được dời về kinh thành Huế vào đầu thế kỷ thứ XIX, Hà Nội thời cổ vẫn là một đô thị sinh hoạt khá tấp nập, mà nền kinh tế chính yếu tại đây là những phát triển công thương và dịch vụ.

Tuy nhiên trong suốt nghìn năm tồn tại của mình, đô thị Hà Nội còn có một đặc trưng khác nữa là vị trí quốc đô của nó trong quá khứ. Về hai phương diện nầy, sinh hoạt nghìn năm của đô thị nầy là đã tạo ra một đường hướng, mô hình vận động theo kiến thức và tổ chức của một đô thị kết hợp giữa chợ, bến, phố, phường, mà những trung tâm là những khu chợ búa buôn bán sầm uất.



Ngay từ khi mới định đô, những hoạt động thị tứ ở Hà Nội đã được khai triển không ngừng.

Đại Việt Sử Ký chép lại: "Đô thị nầy mở phố chợ về cửa đông, hàng quán chen chúc sát đến bên đền Bạch Mã, rất huyên náo..." Vào thế kỷ XV, khi những nhà truyền giáo Tây Phương đến đây đã ghi rõ "Hàng hoá phong phú dựng lên nhiều lều quán, kẻ chợ thìcó rất nhiều ngôi chợ đẹp".

Trong Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú có ghi lại "Có 8 khu chợ nổi tiếng của đô thị là chợ Cửa Đông, chợ Cửa Nam, chợ Huyện, chợ Đình Ngang, chợ Ba Đá, chợ Văn Cử, chợ Bác Cử và chợ Ông Nước". Về sau lại còn bổ sung thêm một số chơi khác là: chợ Mới, chợ Yên Thọ, chợ Yên Thái, chợ Thịnh Quang, chợ Dịch Vọng.

Ngoài những chợ búa được trải đều khắp nơi, lại còn một hệ thống những bến cảng của đô thị nữa. Sông Hồng thông nước với sông Tô Lịch và các nhánh của sông nầy, tạo ra cho Hà Nội nhiều bến cảng lớn nhỏ, phục vụ đắc lực cho việc vận chuyển hàng hoá, đặc biệt là ở khu vực phía đông của Hà Nội. Những bến chính đều nằm ở phía bờ bên phải của con sông Hồng; hàng hoá từ đây mà ra vào không ngừng, qua các cửa ô.

Hồi thế kỷ XIX, Hà Nội cổ có 16 cửa ô thì ở mặt đông mở đến 11 cửa, để đón những nguồn hàng từ nhiều nơi đến trao đổi. Cùng với những khu chợ tấp nập của đô thị, những bến cảng trên sông của Hà Nội cổ đã hình thành cả mộtcảnh tượng nhộn nhịp lạ thường.

Chính ngay những phố phường của Hà Nội cổ cũng đã góp phần vào những hoạt động kinh tế của đô thị.

Trong "Lettres" (Annam - Tonkin (1884) Julieu viết: "Những người ở đây khéo tay, hay nghề; đô thị Hà Nội trải qua nhiều thế kỷ tồn tại, đã tập hợp được tại đô thị nầy cả một loạt nghề nghiệp và người sản xuất có chất lượng cao. Phố phường ở đây là nơi tàng trữ, đồng thời, cũng tung ra những khối lượng hàng hoá, với những kiểu thức đặc trưng nổi nét; nhiều phố do những người cùng làm một nghề tập hợp đông đúc..."

Một tác giả Tây Phương khác đến tìm hiểu Hà Nội cổ đã viết: *"Mỗi loại hàng hoá đều có một khu phố riêng của nó. Ở phố Bát Sứ, tất cả đều là màu xanh; tiếp đến phố Bát Đàn, tất cả đều là màu đỏ. Rồi đến phố hàng Đồng, lấp lánh ánh kim vàng chói. Phố Hàng Thêu và phố Hàng Tranh, màu sắc tươi vui sặc sỡ" (Yann- Croquis Tonkinois- 1889)*

Trên đây là một trong những sinh hoạt thương mải của Hà Nội cổ, điều mà những nhà nghiên cứu thường mệnh danh là "Kiểu đô thị trung cổ".

Nhà nghiên cứu xã hội Julien viết: "Những sinh hoạt cứ tuần tự theo kiểu đó: trên một quảng đường chừng 100 - 200 mét, không có gì khác hơn ngoài các cửa hành đồ khảm; xa hơn, không có gì khác hơn là các cửa hàng mây đan; xa hơn nữa, không có gì khác hơn, ngoài các hàng bán gạo.... Tất cả sinh hoạt kinh tế tại đây đều khuôn rập theo kiểu "tự sản tự tiêu, của phố phường Hà Nội, theo một nhịp điệu quen thuộc không mấy thay đổi.

Một số tàu buôn nước ngoài trong thế kỷ XIX đã ghé đến đây để mua những mặt hàng như bát đĩa, vàng, trầm hương, gỗ, đồ nhuộm, muối, hạt hồi. Hai mặt hàng chính tại đây thông thường là sơn và tơ lụa. Cũng có trường hợp và thời điểm tại đây còn kinh doanh tiền tệ.

Dampier trong Voyages and Discoveries viết: *"Đổi bạc là một nghề quan trọng ở Kẻ Chợ (Hà Nội). Nghề đó được thực hiện do giới phụnữ. Họ là những người rất khéo léo và lão luyện trong nghề. Họ tiến hành những mưu kế trong đêm tối và đã biết cách làm thế nàođể tăng túi tiền của họ lên, như hệt những tay đầu cơ chứng khoán sắc sảo nhất ở Luân Đôn..."*

Những hình ảnh trên đây được trình bày dưới mắt người nước ngoài khi đến nghiên cứu sinh hoạt kinh tế thị trường Hà Nội của thế kỷ trước, để tìm kiếm môi trường xuất nhập cảng. Tình trạng nầy kéo dài sang thế kỷ XX, và nhiều hình ảnh vẫn còn tồn tại đến ngày nay, ngoại trừ một vài sự kiện mới, nhưng cũng chỉ làm ăn nhất thời; như nghề địa ốc và nghề du lịch. Thiếu hẳn nền kinh tế xây dựng từ hạ tầng vững chắc, cho nên tình trạng đó cũng khó thay đổi sinh hoạt của dân chúng. Đó là chưa kể những khó khăn lớn dochính trị gây nên.

Kiến trúc Pháp đầu thế kỷ XX

Sang những năm đầu của thế kỷ XX, tình hình chính trị tương đối ổn định ở nhiều nơi trong nước, nhà cầm quyền cai trị Pháp đã bắt đầu quan tâm đến việc kiến trúc nhiều hơn. Ngôi nhà đấu xảo tại Hà Nội là bước thử nghiệm đầu tiên trong chương trình nầy. Ngôi nhà chính nầy phảng phất kiến trúc kiểu Petit Palais do nhà kiến trúc Charles Girauld đã trình bày trong cuộc triển lãm tại Parisnăm 1900, sau đó đã đem áp dụng trong kiến trúc tại đây.

Đây là kiểu bố trí ba khối kiến trúc nhô ra phía trước, khối giữa lớn hơn cả. Cả ba khối lợp mái kiểu Mansard, có hai hàng cột nối ba khối kiến trúc lại với nhau, trên những tường tầng hầm xây giả đá cổ điển Pháp. Cũng trong thời gian nầy, mạng lưới giao thông vận tải cũng được mở mang như đường sắt, đường xe hơi, xây dựng một số cơ quan hành chánh và văn hoá.

Năm 1902, ở Hà Nội đã xây trụ sở công ty xe lửa Đông Dương và đường Vân Nam, là một công ty độc quyền về hệ thống đường sắt của người Pháp tại đây, đồng thời cũng xây nhà ga Hà Nội trong thời gian nầy. Hai công trình nầy trong thời điểm đó được xem là đồ sộ về khối và chiều cao 3,4 tầng, nhưng cũng rất lạ về hình thức kiến tạo thời đó, với mái kiểu Mansard lợp bằng ngói thạch bản được chở từ Pháp sang.

Cùng với công trình kiến trúc nói trên, trụ sở Toà Án Hà Nội và Phủ Thống Sứ cũ, với những mái đen sì bằng đá (nay là Nhà Khách Hà Nội - 1998) và những cửa sổ ba góc trên mái (lucarnes), đã không thích ứng được với khí hậu nhiệt đới tại đây, nhưng cũng được xem là công trình kiến trúc trang nghiêm, mới lạ ở đầu thế kỷ XX.

Những thức của loại kiến trúc mới lạ nầy dần dần xuất hiện tại nhiều nơi ở Việt Nam, với dáng khoẻ mạnh và trang nhã của kiểu kiến trúc "Dorique" Hy Lạp và La Mã. Ở mặt trước là Toà Án Hà Nội và Viện Radium tại đây. Ở nhà Hát Lớn Hà Nội, nhiều mô-típ trang trí như các loại hoa dây và những hình đắp màu mè khác đã trình bày theo "kiểu Ionique và Composite".

Khi nói về cách cấu trúc của Toà Đốc Lý Sài Gòn thời Pháp thuộc xây trong khoảng 1898-1899, nhà kiến trúc danh tiếng nước Pháp là Jean De Lamarre đã viết như sau:

"Mô hình kiến trúc Hà Nội làm theo kiểu những mẫu họa theo những điển tích tượng trưng, những mặt nạ và những vòng hoa. Tất cả những loại hình hoa lá thạch cao đã diễn đạt kiến trúc căn bản đầu thế kỷ XX trên đất Nam Kỳ, vừa mang tính chất như một phép lạ, lại mang tính phóng túng. Bên trong của toànhà nầy được trang trí phủ kín trong từng mô-típ khác nhau, tùy theo các phòng. Những mô hình trang trí kiểu mới, về những tràng hoa theo kiểu Louis XV cho đến cách bố cục trang hoàng kỷ hà học theo kiểu tân kỳ của thời đại mới..."

Những kiến trúc trong giai đoạn nầy đã khuôn rập điệu thức của Pháp với những con-xơn nhẹ, nhỏ, để giảm bớt những hình tượng nặng nề trong tổng thể. Chẳng hạn như kiểu kiến trúc của chợ Đồng Xuân được lợp kín một diện tích lớn, đã thể hiện những cố gắng thích hợp với khí hậu, là nhờ những loại tường được thông hơi (claustras) rất lớn ở các đầu hồi.

Trong giai đoạn nầy, nhiều công trình xây dựng đã được kết cấu bằng sắt như mí cửa, vi kèo, dầm sàn, cho đến cái cầu dài nhất của Việt Nam trong thời gian đó là cầu Long Biên qua sông Hồng: những công trình kiến trúc nầy đã thể hiện được mức độ khéo léo của bàn tay người thợ Việt Nam.

Dù không đắp những phù điêu rồng phượng như trước kia nữa, tuy nhiên đã sử dụng khéo léo trong việc kẻ những gờ chỉ tế nhị của kiểu kiến trúc mới hay cách tô điểm những đầu cột (chapiteau) rất phức tạp của những kiến trúc loại mới.

Những công trình nầy đã thể hiện tinh thần tiếp thu những cái mới trong nền kỹ thuật kiến trúc bằng sắt đang phát triển tại Tây Phương vào đầu thế kỷ XX. Cầu Long Biên là ví dụ sinh động nhất theo mẫu kiến trúc loại nầy. Cũng trong thời điểm đó, đã xây cầu Tràng Tiền qua sông Hương (khoảng năm 1899) cầu Bình Lợi qua sông Bến Nghé năm 1902 và nhiều cầu khác nữa. Dù hồi đó không còn là thủ đô, nhưng vị trí, tổ chức và cơ cấu thì Hà Nội vào thời kỳ Pháp vẫn là nơi quần cư quan trọng của đất Bắc.

Những danh thắng Hà Nội

Chùa Trấn Quốc

Một trong những ngôi chùa được xây dựng tại trung tâm Đại La ngày trước là chùa Trấn

Quốc. Chùa được xây bên cạnh hồ Tây. Chùa nầy nguyên trước là chùa Khai Quốc, dưới triều vua Lý Nam Đế (544-548) ở ngoài bãi sông Hồng, nằm về phía Bắc phường Yên Hoa, tức là Yên Phụ, gần cầu Long Biên hiện nay. Năm 580, thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ Ấn Độ đến trung tâm Luy Lâu cũng đã dừng chân tại ngôi chùa nầy trong một thời gian.



Đời nhà Lý nhiều vị cao tăng, thạc đức trong nước được nhà vua mời đến để thuyết giảng tại đây, nên dân chúng khắp nơi thường đến chiêm bái. Dưới triều vua Lý Nhân Tông, thái hậu ý Lan thường đến lễ Phật tại chùa Trấn Quốc, và tổ chức cúng dường chư tăng trong vùng nầy. Bà cũng thường đến học hỏi Phật pháp với những cao tăng tại chùa nầy.

Vào đời vua Lê Thái Tông (1434-1442) chùa được tu sửa lại thêm nhiều và cũng đã được đổi tên là chùa An Quốc, dùng trong việc cầu khẩn vào những ngày đầu mỗi năm cho quốc thái, dân an. Nhưng thời gian sau đó thì nhiều trận lụt xẩy ra cho nên bến bãi của vùng nầy bị xoi mòn khá nhiều, có ảnh hưởng đến nền tảng của ngôi chùa nầy.

Vì vậy vào đời vua Lê Kính Tông, dân chúng làng Yên Phụ đã góp công sức để dời ngôi chùa vào gò đất Kim Ngư. Từ đó, ngôi chùa được tái thiết vững chắc hơn. Mãi cho đến đời vua Lê Hy Tông (1676-1705) thì chùa nầy mới được đổi tên là chùa Trấn Quốc cho đến ngày nay.

Nhà vua đã ban sắc tứ Quốc Tự cho chùa. Hằng năm vua nhà Lê thường đến lễ bái, cầu khẩn sau dịp Nguyên Đán. Hiện nay, bức hoành phi treo trong chùa có ba chữ Trấn Quốc Tự được kiến tạo từ thời đó. Chùa được xây dựng bên cạnh hồ Tây cho nên dưới thời vua Lê chúa Trịnh, chùa cũng được dùng làm nơi nghỉ ngơi cho nhà vua mỗi khi đến vãn cảnh hồ Tây.

Vào năm 1842, vua Thiệu Trị ra Bắc có đến vãn cảnh chùa và đổi tên chùa là Trấn Bắc Tự, nhưng dân chúng vẫn quen gọi tên cũ là chùa Trấn Quốc như hiện nay. Chùa Trấn Quốc không những là một ngôi quốc tự thường được nhiều vua chúa đến lễ bái, cúng dường mà còn là nơi kết tụ nhiều vị danh tăng từ nhiều phương đến đây.

Dưới thời Lý Trần, nhiều danh tăng thường đến trụ trì hay thuyết giảng tại ngôi chùa lịch sử nầy như: ngài Vân Phong, ngài Khuông Việt, ngài Thảo Đường, ngài Thông Biện, ngài Tịnh Không.

Ngoài ra chùa Trấn Quốc cũng liên hệ nhiều đến Thiền phái Thảo Đường. Sử chép: Vào năm 1069, vua Lý Thánh Tông đem quân sang đánh nước Chiêm Thành đến tận kinh thành Đồ Bàn, bắt được vua nước nầy là Chế Củ, nhiều hoàng thân quốc thích và nhiều tù binh. Trong số những tù binh nầy có một vị tu hành rất tinh thông Phật Pháp. Khi hỏi ra thì mới biết đó là danh sư Thảo Đường mà dân chúng Chiêm Thành rất trọng vọng. Vua nhà Lý đã phong cho thiền sư Thảo Đường làmQuốc sư và cũng đã cung thỉnh ngài trụ trì tại ngôi chùa Trấn Quốc. Thiền sư cũng đã lập ra thiền phái Thảo Đường.

Vào đời Hậu Lê, chùa Trấn Quốc cũng đã trở thành ngôi tổ đình của thiền phái Tào Động. Chùa Trấn Quốc trải qua bao nhiêu thăng trầm lịch sử cũng như thời gian bị hư hại nhiều cũng như được trùng tu nhiều lần. Khi được dời vào vùng bãi Kim Ngư (Cá Vàng), chùa Trấn Quốc cũng đã được kiến thiết và trùng tu nhiều lần.

Chẳng hạn như năm 1624, dưới triều nhà Hậu Lê, vua Lê Thần Tông đã được xây dựng toà Tam bảo, toà Thiên hương và ngôi Tiền đường. Nhà Tổ cũng được dựng lên sau chánh điện. Thời gian sau đó, năm 1639 lại xây thêm cổng tam quan, nhà hậu đường và la thành hai bên khá kiên cố.

Hiện nay phía gian bên phải của nhà chánh bái còn có tấm bia ghi lại công trình tái thiết nầy do Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính đề từ. Đời Tây Sơn, qua nhiều cuộc chiến, chùa Trấn Quốc cũng bị tàn phá khá nhiều.

Căn cứ theo nội dung của một tấm bia do vị tiến sĩ triều Gia Long là Phạm Quý Thích được dựng lên vào năm 1815 thì trong khoảng thời gian từ năm 1813 - 1815, chùa Trấn Quốc đã được trùng tu lại nhiều công trình đã bị hư hại: chánh điện, nhà thiêu hương, la thành, gác chuông, hậu đường. Công trình tu tạo lần nầy là do công đức của vị trụ trì tại chùa là thiền sư Khoan Nhân. Ngoài ra, ngài cũng cho đúc 5 pho tượng Phật và đại hồng chung.

Chùa Một Cột

Chùa Một Cột còn có tên là chùa Diên Hựu xây ngay ở trung tâm của kinh thành Thăng Long. Ngôi chùa đượcdựng lên trong giai đoạn đầu tiên bắt nguồn từ một giấc mơ. Tương truyền rằng: vào năm 1049, vua Lý Thánh Tông nằm chiêm bao thấy Phật Quan Âm hiện ra, cầm tay nhà vua dẫn lên toà sen. Khi tỉnh dậy nhà vua đã đem toàn câu chuyện kể cho triều thần nghe. Có người cho là điềm không lành.



Nhà sư Thiền Tuệ khuyên nên xây chùa ở trên cột đá giữa hồ làm toà sen thờ đức Quan Âm. Khi xây cất xong, nhà vua lại sai lập trai đàn chẩn tế để cầu cho nhà vua được sống lâu. Vì thế có tên là chùaDiên Hựu. Năm 1105 Lý Nhân Tông ban sắc chỉ cho sửa chữa lại toàn bộ ngôi chùa nầy, trước sân lại còn cho xây thêmmột bửu tháp theo mô hình kiến trúc Champa kiểu Pô Nagar. Ba năm sau đó, Ỷ Lan Phu Nhân cũng cho đúc một quả chuông rất to, tương truyền là nặng đến một vạn hai nghìn cân. Chuông nầy có tên là Giác Thế Chung, ngụ ý là tiếng chuông sẽ thức tỉnh người trên cõi đời. Chuông nầy được liệt vào một trong Tứ đại khí trong thời bấy giờ. Nhưng sau khi hoàn thành thì chuông gióng lên không kêu liền cho đem bỏ ngoài ruộng, có nhiều rùa. Chuông có tên là chuông Quy Điền.

Năm 1105 vua Lý Nhân Tông ngôi chùa nầy tu bổ đã cho xây 2 ngọn tháp chỏm trắng. Một số giả thuyết cho rằng chùa trước lớn hơn bây giờ, nhưng không có bằng chứng rõ ràng. Chùa xây trên trụ đá hình bát giác, mỗi cạnh có một khối gỗ chống từ cột lên xà ngang. Từ xà ngang hướng lên phía trên có 8 cột chống. Chùa cất theo bố cục hình vuông; các góc đều được trang trí khá tinh vi. Mái được lợp ngói uyên ương (âm dương) ở phần chánh điện và ngói ngang ở phần sau. Từ bờ hồ đi vào có xây một bậc thang dùng làm lối đi chính vào chùa.

Cho đến thế kỷ XV, quân Minh đem quân sang xâm lăng nước ta, chiếm được thành Đông Quan (tức là Hà Nội sau nầy). Lê Lợi đem quân từ Lam Sơn ra chống lại quân thù, bao vây thành lũy của chúng rất gấp. Vì thiếu vũ khí, cho nên tướng Minh là Vương Thông đã sai quân lính đem phá chuông nầy để lấy đồng đúc khí giới. Lê Lợi thắng giặc đem lại thịnh trị cho đất nước, nhưng chuông Quy Điền thì đã không còn lại nữa.

Chùa Một Cột được trùng tu nhiều lần, nhưng quan trọng nhất là cuộc đại trùng tu vào những năm 1840 cho đến 1850 và cuối cùng là năm 1920 sau nầy nữa. Đài Liên Hoa còn sót lại ngày nay cũng là do cuộc trùng tu theo mẫu cũ vào năm 1955. Đài nầy xây theo hình vuông, mỗi cạnh đo được 3 mét, có mái cong theo kiến trúc Trung Hoa, được dựng trên một cột cao 4 mét, đường kính vào khoảng 1,2 mét gồm có hai trụ đá ghép lại với nhau, thành một khối khá hoàn chỉnh.

Tầng trên của chùa là một khung gỗ khá kiên cố, đỡ ngôi đài. Mái chùa được lợp bằng ngói, bốn góc được gặp cong vút lên. Trên mái có tạc hình "Lưỡng long triều nguyệt" bằng những mảnh sành sứ ghép lại với nhau khá tỉ mỉ. Từ xa nhìn lại thì ngôi chùa nầy có dáng một toà sen đang vươn thẳng lên; chung quanh có hàng lan can bằng bằng những viên gạch được tráng màu xanh. Con đường đi qua hồ theo một lối đi nhỏ hơn, lót bằng gạch, rồi một cầu thang lên Phật Đài. Chùa Một Cột đã trở thành một biểu tượng của những ngôi cổ tự Việt Nam cũng như điển hình kiến trúc Thăng Long.

Chùa Quán Sứ

Chùa Quán Sứ được nổi tiếng trong những thập niên gần lại đây vì là Trung tâm Phật Giáo quan trọng của Hà Nội và cũng là trụ sở của những tổ chức Phật Giáo trong cả nước. Theo những tài liệu còn lưu lại cho đến ngày nay thì chùa Quán Sứ được xây dựng vào giữa thế kỷ thứ XV, nhưng một số chứng liệu khác thì chùa có thể xây dựng vào thế kỷ thứ XIV hay sớm hơn nữa.

Chùa Quán Sứ tọa lạc tại địa phận của thôn An Tập, thuộc phường Cổ Vũ, tổng Tiền Nghiêm, huyện Thọ Xương; ngày nay là phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm của thành phố Hà Nội.

Theo cụ Nguyễn Văn Tố (trong Tri Tân Tạp Chí) thì nguyên trước đây chưa phải là chùa mà chỉ là mấy gian nhà tranh vách đất, nằm về phía Nam của địa phương nầy để tế Thần, tế Kỳ Yên trong những ngày đầu năm cho nên được đặt tên là An Tập.

Hoàng Lê Nhất Thống Chí đã ghi lại rằng: *Ngày trước vào đời vua Lê Thế Tông, những nước*

Chiêm Thành và Ai Lao thường sang triều cống nước ta hằng năm. Những nước nầy đều theo đạo Phật. Nhà vua cho xây một căn nhà tạm trú cho những sứ thần khi mới đặt chân đến, cho nên được gọi tên là Quán Sứ.



Những sứ thần của Chiêm Thành và Ai Lao lại sùng bái đạo Phật, cho nên vua Lê cho xây thêm một ngôi chùa nhỏ nằm trong khu vực Quán Sứ, để họ hành lễ trong thời gian lưu trú tại đây. Ngôi nhà Quán Sứ sau không dùng nữa cho nên đã bị suy thoái theo dòng thời gian, nhưng ngôi chùa Quán Sứ thì được dân chúng đến lễ bái, nên vẫn còn được tồn tại và trùng tu thêm.

Cho đến những năm đầu thế kỷ XX, khi phong trào chấn hưng Phật Giáo được phát động thì Tổng Hội Phật Giáo Bắc Kỳ đã chọn chùa Quán Sứ làm trụ sở trung ương (3/1934) và cũng được sửa sang thêm nhiều. Cho đến năm 1942, ngôi chùa nầy đã được Hội Đồng Quản Trị ra công xây dựng lại toàn bộ. Bản thiết kế xây cất nầy do hai kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Ngoạn và Nguyễn Xuân Tùng phác họa ra. Hội Đồng đã trình lên tổ Vĩnh Nghiêm duyệt xét trước khi xây cất.

Theo nhận định chung thì kỹ thuật kiến trúc và điêu khắc của chùa Quán Sứ đã kết hợp những nét tiêu biểu nhất của những ngôi chùa nổi tiếng miền Bắc đúc kết lại. Về sau thì chùa nầy là trụ sở chính của Tổng Hội Phật Giáo Bắc Việt và nay là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Trước hết là nhìn vào kiến trúc của cửa tam quan; cửa có ba tầng mái cân đối, ở chính giữa cửa là tháp đại hồng chung lưu lại từ đời trước. Sau đó, qua một sân nhỏ có trồng nhiều hoa quý, bước lên 11 bậc thềm thì tới chánh điện của chùa.

Lối trang trí của điện Phật được phối hợp theo kỹ thuật mới, cách bài trí thanh thoát, trang nghiêm và những pho tượng đều sơn son, thiếp vàng. Phía giữa và bên trong thờ Tam Thế Phật ở ngôi vị trang trọng và trên bậc cao nhất. Bậc kế tiếp là tượng đức A Di Đà ở chính giữa; hai bên có tượng đức Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát. Phía dưới có thờ đức Bổn sư Thích Ca, ngài A Nan Đà và ngài Ma Ha Ca Diếp là hai đại đệ tử của đức Phật. Sau cùng, ở bậc thấp nhất của điện nầy, có tòa Cửu Long, hai bên có tượng Đức Quan Thế Âm Bồ tát và Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Một bàn thờ bên phải thờ ngài Minh Không (tức là LýQuốc sư) vị khai sáng chùa nầy. Những gian phòng khác được tổ chức khá quy mô, có giảng đường, có thư viện dùng trong việc hội họp và nghiên cứu. Hiện nay, Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học được đặt tại chùa nầy. Ngoài ra đây cũng là trụ sở của Tổ chức Phật Giáo Á Châu Phụng Sự Hoà bình chi bộ Việt Nam.

Chùa Kim Liên

Chùa Kim Liên nằm trong địa phận của làng Nghi Tàm, xã Quảng An thuộc thành phố Hà Nội, nằm cạnh Hồ Tây, xoay lưng ra sông Nhị Hà. Chùa cũng còn có tên là chùa Nghi Tàm. Chùa nầy được xây trên nền cũ của ngôi chùa Đống Long, có từ đời Trần; đây cũng là nền của chùa Từ Hoa.

Chùa Kim Liên được xây vào năm Dương Hoá thứ năm (1639) và đến năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771) thì được trùng tu lại. Một số tài liệu khác cho rằng: Chùa Kim Liên được xây lên từ đời nhà Lý. Thoạt đầu, ngôi chùa nầy có tên là cung Từ Hoa, hay chùa Từ Hoa, vì nơi đây công chúa Từ Hoa đã ra trú ngụ để trồng dâu chăn tằm. Công chúa đã mở ra trại Tàm Tang, về sau được đổi thành trại Tích ma, rồi lại đổi thành Nghi Tàm.



Đây cũng là tên làng như hiện có. Cảnh quan vùng nầy rất đẹp. Trong tài liệu Thăng Long - Đông Đô của Hoàng Đạo Thúy có viết về chùa Kim Liên như sau: *Đứng trên đê Nghi Tàm, vầng dương đã gác ngang vai núi Tản, ngắm lên các mũi dao của chùa Kim Liên thêu nổi lên nền trời và nước, một màu vàng như mới toả, trong khi gió núi đưa lại mùi hương sen ngào ngạt mà thanh thanh. Những mô thức kiến trúc ngôi chùa nầy có nhiều đường nét của nghệ thuật VN vào thế kỷ thứ XVIII; nhiều phần trông giống như kiểu chùa Tây Phương trên núi Câu Lậu.*

Nhiều nhà nghiên cứu kiến trúc Việt Nam đã liệt hai ngôi chùa nầy cùng chung nhau một mô

thức. Quang cảnh chùa rất thanh nhã. Khi mới đi vào địa phận của chùa, cổng tam quan chỉ có một hàng cột, trên có bệ con, đưa ra hai phía như đỡ lấy mái ngói. Tuy nhiên, nhìn tổng thể của phần cấu trúc nầy trông thật thanh thoát hẳn, ngay trong lối vào của chùa. Tấm bản sơn son, được dựng lên cách đây hơn hai trăm năm, với những chữ Kim Liên Tự. Cửa ở hai bên cũng có hai tấm biển khác; một bên có chữ Từ Bi Địa còn bên kia là Thanh Hư Cung. Những danh từ nầy được trích trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

Qua bao nhiêu năm tháng, cổng chùa nầy đã hư hại nhiều và cũng được trùng tu lại vào năm 1986, vẫn theo đúng khuôn mẫu của cổng cũ. Qua khỏi cửa tam quan, đi vào một sân rộng, lát gạch, chung quanh có trồng nhiều chậu cây kiểng, nhất là phong lan.

Ngôi chùa nầy gồm có ba lớp được kiến trúc theo hình chữ Tam. Đó là chùa hạ, chùa trung, chùa thượng. Những dãy chùa nầy đã được sắp xếp song song với nhau. Một tấm bia lớn được dựng lên phía bên tả, ngay trong tiền đường của chùa; người biên soạn là quan Thái Úy An Huy Bùi Huy Cận và gọi tên chùa nầy là chùa Đại Bi. Những cột xà của chùa khá kiên cố, những nét điêu khắc rất tinh vi, dù đã lâu ngày nhưng vẫn còn đường nét sắc sảo.

Tường chùa trước đây được xây bằng loại gạch Khuất Âm, đường vòng cổ khá dày. Chùa trải qua nhiều giai đoạn trùng tu; trong lần trùng tunăm 1792 thì mang nhiều dấu tích của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của triều đại Tây Sơn.

Trong chánh điện hiện nay còn bảo lưu những pho tượng Phật (Tam thế Phật) và chư Bồ tát. Một pho tượng của Uy Nam Vương Trịnh Giang, mặc sắc phục một vị võ tướng, dáng điệu uy nghi. Đây là một trong những nhân vật có công nhất trong nhiều đợt trùng tu chùa.

Hiện nay, trong chùa Kim Liên còn lưu giữ nhiều hoành phi và nhiều câu đối mang nhiều ý nghĩa. Một trong số những câu đối nầy ghi như sau: *"Tâm tức Phật, Phật tức tâm, hoành nhi sung chi dữ thiên địa đồng kỳ đại. Sắc thị không, không thị sắc, quả nhi truyền di quán nguyên hội dĩ vô cùng*".

Nghĩa là:

"Tâm tức Phật, Phật tức tâm, mở ra hết tâm rộng, ngang cùng vũ trụ, Sắc tức thị không, không tức thị sắc, lan truyền khắp, dài cùng thế gian".

Thành Cổ Loa

Đây là toà thành cổ vào bậc nhất Việt Nam được vua Thục An Dương Vương xây từ thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên để làm kinh đô nước Âu Lạc (tên của Việt Nam thời đó).

Thành được xây kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành) gồm 3 vòng: thành ngoài, thành giữa và thành trong. Dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước, thuyền bè đi lại được.

Từ trung tâm thành phố, đi 18km đến xã Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, sẽ tìm thấy được dấu vết còn lại của 3 vòng thành xưa bằng đất và nơi các nhà khảo cổ học tìm được hàng vạn mũi tên đồng, lưỡi cày, rìu sắc, xương thú vật.

Trong khu vực thành có đình làng Cổ Loa, am thờ công chúa Mỵ Châu và đền An Dương Vương - ông vua rất mực thương yêu con gái của mình nhưng vì mất cảnh giác, ông đã để thành Cổ Loa trở thành sân khấu của tấn bi kịch nước mất nhà tan.

Đền Quan Thánh



Ba chữ Hán tạc trên nóc cổng là Trấn Vũ Quán nghĩa là quán thờ ông Thánh Trấn Vũ. Thánh Trấn Vũ là một hình tượng kết hợp giữa một nhân vật thần thoại Việt Nam (ông Thánh giúp An Dương Vương trừ ma quấy rối khi xây thành Cổ Loa) và nhân vật thần thoại Trung Quốc (một ông thánh coi giữ phương bắc).

Đền Quán Thánh được xây dựng vào đời vua Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Năm 1893, đền được tu sửa lớn như diện mạo ngày nay. Đặc biệt có pho tượng Thánh Trấn Vũ bằng đồng đen đắp năm 1677. Tượng nặng 3,600kg, chu vi 3,48m. Đền còn có một bức tượng đồng đen cỡ nhỏ, tương truyền đó là tượng ông trùm Trọng, người thợ cả đúc đồng tài hoa đã chỉ huy hiệp thợ đúc tượng Trấn Vũ và quả chuông trên gác tam quan.

Để ghi công ơn thầy, những học trò của ông đã đúc tượng ông và xin được thờ trong đền.

Đền Hai Bà Trưng

Đền còn có tên gọi là Đồng Nhân, vì đền được dựng vào khu đất thuộc làng Đồng Nhân nay là quận Hai Bà Trưng. Đền được lập từnăm 1142 đời vua Lý Anh Tôn để thờ hai vị nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị. Trong hậu cung đền có tượng Hai Bà Trưng bằng đất luyện, hai bên tả hữu là tượng 12 nữ tướng đã cầm quân theo Hai Bà đánh giặc. Hàng năm cứ đến ngày mồng 5 và mồng 6 tháng 2 âmlịch, dân chúng nô nức kéo về Đồng Nhân dự lễ tưởng niệm Hai Bà.

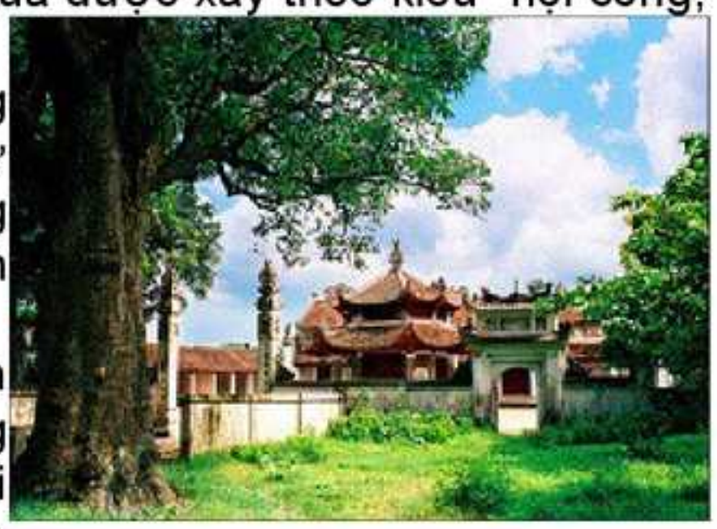
Chuà Liên Phái

Ngôi chùa ở trong ngõ Liên Phái, phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Chùa lập vào năm 1726. Lúc mới xây dựng chùa có tên là Liên Hoa, sau đổi tên là Liên Tông và đến năm 1840 đổi tên là Liên Phái. Trước cổng chùa có ngôi tháp Diệu Quang, hình lục lăng, cao 10 tầng, có lối kiến trúc thanh nhã, cổ kính (1768). Trong tháp có hoà cốt đã hoả táng của vị sư tổ Diệu Quang cùng với 5 vị trụ trì khác liên tiếp nhau điều hành ngôi chùa nầy. Nhà bia có 34 tấm bia ghi sự tích của chùa và những lần trùng tu qua những giai đoạn khác nhau. Qua sân rộng đến nhà bái đường và nhà tam bảo thờ Phật.

Khu vườn tháp sau chùa có 9 ngôi tháp xây thẳng theo ba hàng, tương truyền đây là nơi táng hài cốt vị sư tổ thứ nhất Lâm Giác Thượng Sĩ. Ngôi tháp Cửu Sinh đã có trên 250 năm. Đây là ngôi tháp cổ nhất trong nội thành Hà Nội. Ngoài ra chùa còn có một ngọn tháp cao chín tầng kiến trúc đẹp được xây dựng vào năm 1890.

Chùa Láng

Ngôi chùa nầy được khởi dựng vào đời vua Lý Anh Tông (1138 -1175) tại làng Yên Lãng, huyện Từ Liêm, thuộc phường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội. Chùa được xây theo kiểu "nội công, ngoại quốc", tam quan 3 gian, lầu bát giác 4 gian.

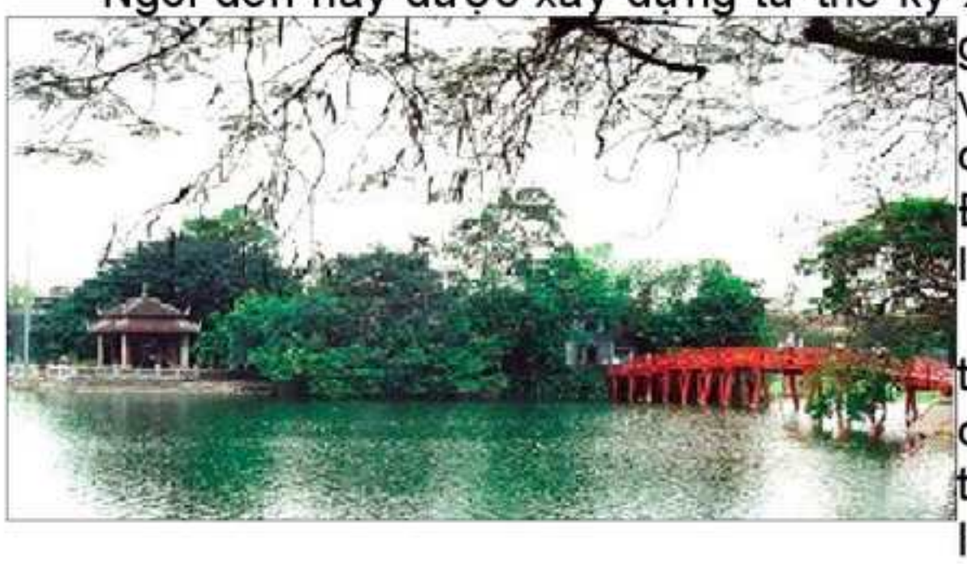


Các ngôi nhà chính đều gồm 9 gian, vì vậy ngôi chùa trông rất bề thế. Trong chùa còn lại nhiều di vật cổ của những thiền sư trụ trì ngày trước bảo lưu. Ở hậu cung, ngoài các pho tượng Phật, còn có pho tượng vua Lý Thần Tông bằng gỗ, tượng thiền sư Từ Đạo Hạnh đan bằng mây, bên ngoài quét sơn.

Hai dãy hành lang thờ Thập bát La Hán trong tư thế thiền định, có nhiều nét sinh động. Chùa Láng đã qua nhiều lần trùng tu. Lần trùng tu lớn nhất vào năm 1656. Chùa Láng là một ngôi chùa có lối kiến trúc đẹp, bố cục của chùa tạo nên một không gian hài hoà, sâu thẳm, tĩnh mịch, cổ kính uy nghi.

Đền Ngọc Sơn

Ngôi đền nầy được xây dựng từ thế kỷ XIX, trên hòn đảo Ngọc của hồ Hoàn Kiếm. Lúc đầu gọi là chùa Ngọc Sơn, sau đổi gọi là đền Ngọc Sơn, vì trong đền chỉ có thờ thần Văn Xương là ngôi sao chủ việc văn chương, khoa cử và thờ đức Trần Hưng Đạo, vị anh hùng có công phá tan quân Nguyên xâm lăng vào thế kỷ XIII.



Ngôi đền còn tồn tại đến ngày nay do công lao trùng tu của Nguyễn Văn Siêu một nhà văn hóa lớn của Hà Nội. Ông đã cho xây tháp Bút, trên tháp có tạc 3 chữ "Tả Thanh Thiên" (viết trên trời xanh), nói lên ý chí của con người chân chính.

Đền Phù Đổng

Còn gọi là đền Gióng, ở xã Phù Đổng, huyện Tiên Du, phủ Từ Sơn, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương Xung Thần.

Sử chép: Vào đời Hùng Vương thứ VI, ở hương Phù Đổng bộ Vũ Ninh, có nhà sinh đứa con lên 3 tuổi vẫn chưa biết nói cười. Gặp lúc có giặc Ân sang xâm lược, vua sai người đi tìm người tài giỏi ra dẹp giặc. Lúc ấy đứa trẻ bỗng cất tiếng nói, bảo mẹ ra gọi sứ giả vào xin tâu vua làm một con ngựa sắt và một cây gậy sắt để đi đánh giặc. Ngựa sắt, gậy sắt đúc xong, cậu bé vươn mình vụt biến thành cao lớn, nhảy lên ngựa, cầm gậy đánh giặc Ân, đuổi chúng lên núi Ninh Sóc, rồi cưỡi ngựa bay về trời.

Vua Hùng cảm tạ công đức phong thần làm Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ. Đền tọa lạc ở mé đông nam làng Phù Đổng, nhìn ra sông Thiên Đức (sông Đuống), phía tây đền có bàn đá, giếng đá, tương truyền là nơi thánh Gióng ra đời. Ngôi đền hiện nay gồm bái đường, hậu cung, nhà thủy đỉnh để múa rối nước trên nước ao trước cửa đền, dựng vào thế kỷ XIX.

Tượng Thánh Gióng khá lớn ngồi ở giữa, hay dãy là tượng các quan hầu. Quý nhất ở đền là đôi rồng đá cách điệu ở bậc thềm, đôi sư tử đá tạc vào thế kỷ XIX. Hàng năm cứ đến này 4 tháng 9 âm lịch tại đền Phù Đổng có tổ chức hội Gióng, diễn lại tích thánh Gióng đánh giặc Ân.

Đền Voi phục

Đền được lập từ đời Lý Thái Tông (1028 - 1054) ở góc phía tây nam kinh thành Thăng Long cũ, thuộc địa phận làng Thủ Lệ, nay là công viên Thủ Lệ. Đền thờ Linh Lang đại vương. Tương truyền bấy giờ hoàng phi họ Nguyễn đang tắm ở Dâm Đàm (Hồ Tây) bỗng có con rồng thần hiện ra phun nước thơm vào mình, về nhà bà mang thai, 14 tháng mới sinh ra Linh Lang.

Vua Lý Thánh Tông cho bà đưa hoàng tử về nuôi dưỡng ở nơi ở chỗ cũ của bà trong trại Thủ Lệ. Linh Lang lớn lên tướng mạo khôi ngô, trên người có nhiều tướng quý.

Bấy giờ nhà Tống sai Triệu Tiết chỉ huy sang cướp phá vùng biên giới nước ta, kinh thành trở nên náo động. Vua sai sứ đi chiêu mộ người có tài đi đánh giặc. Sứ giả tới trại Thủ Lệ, Linh Lang sai mời sứ giả vào nhà, bảo sứ giả trở về xin vua ban cho một lá cờ đỏ, một thớt voi để đi đánh giặc. Vua y theo, cho sắm sửa các thứ mang tới; Linh Lang hô to một tiếng, con voi lập tức nằm phục xuống. Linh Lang cầm cờ nhảy lên lưng phóng ra trận, vừa phất cờ vừa đánh, giặc thua chạy tan tác.

Sau khi thắng giặc, Linh Lang trở về nơi cũ, ít lâu sau lâm bệnh nặng. Vua tới thăm hỏi, Linh Lang tâu rằng: mình không phải là người trần, nay đã đến hạn kỳ, phải ra đi. Nói rồi hoá thành con giao long trắng dài trăm trượng, trườn xuống Dâm Đàm biến mất. Sau đó trời mưa lớn liền trong mấy ngày. Khi trời vừa tạnh, từ trên trời bay xuống nhiều cờ đỏ, cắm xuống trước cửa Ngọ môn. Vua bèn phong tước cho thần là Linh Lang đại vương, sửa lại nơi ở cũ của Đại vương làm đền thờ.

Khu phố cổ

Khu nầy còn gọi là khu "36 phố phường". Đặc điểm chung của khu phố nầy là phân chia ra từng con đường chuyên bán một mặt hàng: hàng Trống, hàng Đào, hàng Đường, hàng Mã, hàng Thiếc... Du khách mới đến Hà Nội thường chú ý đến vùng phố cổ nầy để thấy rõ nét khác biệt của Hà Nội với những thành phố khác ở các nước.

Từ phía bắc hồ Hoàn Kiếm, du khách đi bộ qua các phố hàng Đào, hàng Ngang, hàng Đường là đến khu chợ Đồng Xuân. Phố hàng Đào hình thành từ thế kỷ XV, dân ở đây chuyên nghề nhuộm vải. Thời đó họ thường xuyên nhuộm vải màu đỏ, màu hồng đào, nên gọi tên là hàng Đào. Từ đời Lê (thế kỷ XV) nhiều người Hoa được phép cư trú tại kinh thành Thăng Long, họ rủ nhau đến buôn bán tại phố hàng Ngang.

Xưa kia hai đầu phố có dựng hai cái cổng chắn ngang đường, tối đến đóng lại. Do đó có tên là hàng Ngang. Như tên gọi hàng Đường là nơi tập trung bán đường, bánh, kẹo. Sát với chợ Đồng Xuân là phố hàng Mã. Mặt hàng truyền thống nầy làm từ các loại giấy màu; phố nầy dường như không mấy thay đổi từ khi thàng lập cho đến nay. Khác chăng là có nhiều mặt hàng mới sáng tạo.

Từ đầu hàng Mã đi thẳng sang phố hàng Chiếu (bán loại chiếu bằng cói) là đền ô Quan Chưởng (cửa Đông Hà) di tích khá nguyên vẹn của Hà Nội 36 phố phường. Một nghề khá điển

hình là phố hàng Thiếc. Đến đây, sẽ nghe vang dội những tiếng búa gõ vào những mảng tôn, mảnh thiếc. Những mặt hàng ở đây thường là chân đèn thùng, chậu, bể nước, gáo múc nước. Hàng Trống chuyên bán loại tranh dân gian Đông Hồ.

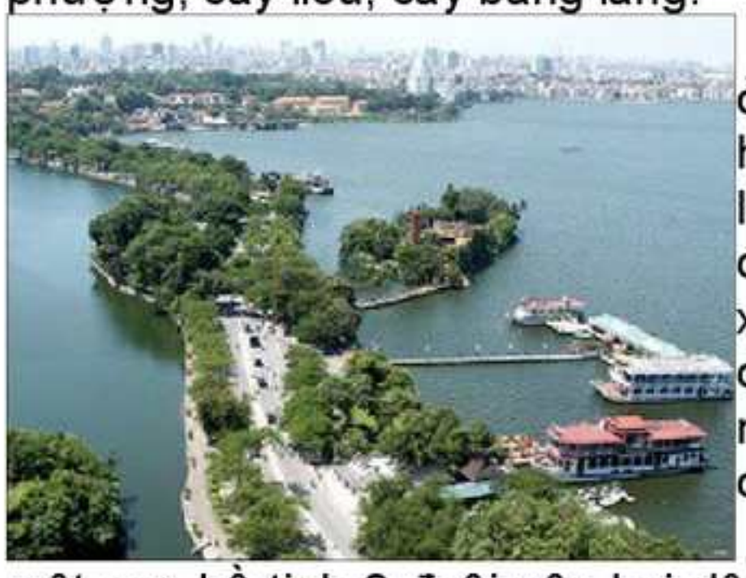
Hồ Hoàn Kiếm

Hồ Hoàn Kiếm nằm ở vị trí trung tâm thành phố, nên thường được ví như một lẵng hoa giữa lòng thành phố Hà Nội. Hồ nầy gắn liền với truyền thuyết trả gươm: vua Lê Thái Tổ có một thanh gươm quý luôn ở bên mình ông suốt 10 năm kháng chiến chống quân Minh (thế kỷ XV).

Sau chiến thắng, một lần vua Lê du thuyền trên hồ bỗng có con rùa nổi lên, vua lấy gươm báu trỏ cho quân sĩ biết thì ruà đớp ngay thanh gươm rồi lặn xuống nước. Nghĩ rằng trước đây thần đã giúp mang gươm cho mình đánh thắng giặc, nay đất nước đã thanh bình nên thần lấy lại gươm, nên vua đặt tên cho hồ là Hoàn Kiếm (trả lại thanh gươm).

Hồ Tây - Đường Cổ Ngư

Đây là một quần thể cảnh đẹp ở phía tây của thành phố Hà Nội. Có thể ví đường Cổ Ngư là một cái cầu bắc ngang hai hồ nước, một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch. Đoạn đường nầy dài 992m, đường đôi, giải phân cách là một hàng cây xanh, hai bên đường là những hàng cây phượng, cây liễu, cây bằng lăng.



Nếu đứng ở đầu đường nơi có đến Quán Thánh thì Hồ Tây ở bên tay phải. Hồ rộng vào khoảng 500ha, lớn nhất trong các hồ của Hà Nội. Con đường vòng quanh hồ dài 17km, qua các làng hoa Nghi Tàm, Tây Hồ, vườn đào thôn Nhật Tân và các đình chùa đẹp nổi tiếng như phủ Tây Hồ, chùa Kim Liên... Từ xa xưa, các triều đại vua chúa phong kiến đã xây dựng cung điện chung quanh hồ làm nơi nghỉ ngơi.Theo sự khảo sát của các nhà địa lý học thì hồ Tây cũng như hồ Hoàn Kiếm đều là dòng cũ của sông Hồng. trong dân gian có 2 thần thoại về Hồ Tây.

Một thuyết nói: Xưa kia, trong một quả núi đá gần đó có một con hồ tinh 9 đuôi gây hại dân chúng. Long Vương cùng đội quân thủy tộc theo dòng sông tràn vào, đánh tan quả núi, giết hồ tinh. Chỗ nầy thụt xuống thành hồ.

Một thuyết khác nói: Vị cao tăng nhà Lý là Nguyễn Minh Không sang Trung Quốc chữa bệnh cho con vua Tống. Khi thái tử khỏi bệnh, vua Tống cho phép Minh Không vào kho muốn lấy gì thì lấy. Minh Không hoá phép thu tất cả đồng trong kho bỏ gọn trong bị, xách ra bờ biển thả nón xuống làm thuyền chở về nước. Vua Lý sai đúc chuông đồng. Khi hoàn tất, gióng chuông đánh lên vang lên. Có con trâu vàng từ Trung Quốc nghe tiếng chuông chạy sang Thăng Long. Khi đến Bắc Kinh thành, tiếng chuông im bặt. Trâu vàng lồng lộng đi tìm, dẫm nát cả khu rừng, đất thụt, biến thành hồ nầy. Nhà vua sai ném quá chuông xuống hồ, để trâu vàng nằm im.Đời Lý, hồ nầy có tên là hồ Dâm Đàm, vì mặt hồ quanh năm đều cósa mù bao phủ. Nhà Trần có lập hành cung phía nam của hồ, gọi là Dâm Đàm hành cung. Vì trùng tên húy của Lê Thái Tổ là Duy Đàm, nên đổi là Hồ Tây. Đời Hậu Lê, vì kiêng tước "Tây vương" của chúa Trịnh Tạc, nên đổi tên là Duy Đàm, nhưng hết đời chúa nầy, vẫn gọi tên cũ là Hồ Tây.

Chợ Đồng Xuân

Trong số hàng chục ngôi chợ tại Hà Nội như chợ Mơ, chợ Hôm, chợ Cửa Nam, chợ Ngọc Hà... thì chợ Đồng Xuân là lớn nhất. Theo những tài liệu lưu lại thì ngôi chợ nầy ra đời từ năm 1889 trên địa phận của làng Đồng Xuân. Ban đầu chợ họp ngoài trời; sau được xây thành chợ với 5 cầu khung sắt, lợp tôn, tráng kẽm, dài 52m, cao 19m. Nằm gần ga đầu cầu Long Biên bên sông Hồng, chợ Đồng Xuân là một địa điểm thuận lợi để hàng hoá bốn phương dồn về đây, cũng như từ đấy tỏ đi các nơi. Ở chợ Đồng Xuân dường như có đủ tất cả các mặt hàng, ngành hàng phục vụ sinh hoạt và đời sống. Chợ Đồng Xuân cũng là ngôi chợ buôn bán lớn nhất trên đất Bắc. Ngày nay chợ Đồng Xuân được xây dựng lại với quy mô lớn hơn, gồm ba tầng, khang trang, rộng rãi, nhưng vẫn giữ phần kiến trúc mặt tiền như trước kia.

Chùa Ngọc Hồ

Chùa nầy còn có tên là chùa bà Ngô, ở thôn Tả Giáp, huyện Thọ Xương, phố Nguyễn Khuyến, Hà Nội. Hiện nay chùa làm theo chiếu chỉ năm Kiến Gia thứ VIII (1218) đời vua Lý Huệ Tông, dựng trên một gò đất hình dáng như bầu rượu cho nên gọi là Ngọc Hồ. Đến đời Trần chùa đổi tên là Thiên Phúc. Đời Lê có truyền thuyết kể rằng: Vua Lê Thánh Tông đến thăm chùa nầy, khi trở về thấy một cô gái nấp sau lùm cây mẫu đơn. Vua cho xa giá lại gần, thấy cô gái diện mạo diễm kiều, bèn mời cùng ngự giá về triều.

Đến cửa Đại Hưng (cửa Nam) cô gái tâu: "Thiếp nguyên là tiên nữ, bị trời phạt tội, may có duyên gặp bệ hạ ở đây. Nay xin tạm chia tay, sau nầy có ngày gặp lại". Nói xong cưỡi xe loan bay đi. Vua nhớ nhung không nguôi, sai dựng lên lầu Vọng Tiên ở trên cửa Đại Hưng. Tương truyền vào đời Mạc, có một Hoa kiều lấy vợ trong thôn nầy; về sau bà nầy xuất gia, tu sửa lại chùa, vì thế có tên là chùa bà Ngô.

Trong nội điện của chùa hiện nay chia làm 3 phần: phần giữa thờ Phật; bên tả là nhà hậu, thờ những người có công đức trong các giai đoạn trùng tu chùa; bên hữu thờ Liễu Hạnh Thánh Mẫu.

Cửa ngoài có hai câu đối: "*Chẳng thiêng cũng bụt chùa nhà, gái Thanh Hoá nữ thần là một,*" Đẹp nhất là tiên hạ giới, cõi Nam thiên bất tử hoà tư". Trên đây là những nét tiêu biểu văn hoá, kiến trúc và lịch sử của Hà Thành. Qua bao thay triều, đổi họ, những khu di tích đó vẫn là dấu ấn sâu sắc khi hiểu về Hà Nội - Thăng Long.

Phần phụ: Đền Hùng

Khu di tích đền Hùng Vương hiện nay gồm có 4 ngôi đền, một ngôichùa và một lăng Tổ; tất cả đều được xây dụng trên ngọn núi Hùng.

Đền Hạ và chùa: Đền Hạ kiến tạo vào khoảng thế kỷ thứ XVII - XVIII, được làm hai lớp theo kiểu chữ "nhị" như thường thấy trong những ngôi đền cổ ở miền Bắc. Theo những truyền thuyết thì nơi đây, sau khi kết hôn, Lạc Long Quân đã đưa Âu Cơ từ động Lăng Xương về đếb núi Nghĩa Lĩnh. Âu Cơ trở dạ, sinh ra một bọc trăm trứng, sau nở thành một trăm người con trai.

Cộng đồng người Việt được hình thành hai tiếng "đồng bào" (cùng chung bọc) vì thế mà có.- gác chuông và chùa Thiên Quang Thiền Tự (nơi có ánh sáng của mặt trời rọi xuống): Kiến tạo vào thời nhà Lê (từ 1427 - 1573);kiến trúc chính là cột gỗ có đá kê là lợp ngói. Ngày nay, ngôi chùa nầy chỉ còn để lại phần tiền tế mà thôi,

Đền Trung (Hùng Vương Tổ Miếu) : Đền trung xuất hiện sớm nhất trên ngọn núi Hùng. Kiến trúc ban đầu vào thời nhà Trần (thế kỷ XIII) nhưng đến thế kỷ XV thì bị giặc tàn phá. Cách đây 300 năm, đền Trung lại được xay dựng lại, kiểu chữ "nhất", tồn tại đến bây giờ. Tương truyền nơi đây các vua Hùng thường họp bàn việc nước, hay mỗi khi qua khu vực nầy thường đốt lửa nướng thịt chia đều cho mọi người trong những cuộc săn bắn.

Đền Thượng và Lăng: Đền Thượng (Kính Thiên Lĩnh Điện) được xây dựng vào thế kỷ XV. Tục truyền, thời Hùng Vương cùng các quan tướng thường đến đỉnh cao Ngũ Lĩnh để tiến hành những nghi thức cầu cúng, tế trời đất, mong cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, để muôn dân được ấm no, hạnh phúc.

Truyền thuyết lại còn kể lại rằng: tại đỉnh cao nầy vua Hùng thứ VI sau khi kháng chiến chống lại giặc Ân, cảm kíchvị anh hùng có công cứu nước, đã lập miếu thờ Phù Đổng Thiên Vương.- Lăng Tổ (Hùng Vương Lăng): Đến nay vẫn chưa biết rõ năm nào xây dựng Lăng nầy. Ngày trước có thể là một đất có mái che, sau tới năm 1874, được xây dựng toàn bộ kiểu dáng như ngày nay.



Tương truyền đó là Thần mộ vủa vua Hùng thứ VI, theo lời dặn của người *"Hãy chôn ta trên núi Cả, để đứng trên núi cao ta còn trông nom bờ cõi cho con cháu sau nầy..."* Cạnh đền Thượng còn có một cột đá, người xưa truyền lại Thục Phán được vua Hùng nhường ngôi đã dựng cột đá trên đỉnh Nghĩa Lĩnh thề nguyện muôn đời bảo vệ giang sơn gấm vóc mà vua Hùng đã trao lại cho mình.

Bảo Tàng Hùng Vương: Ngày nay đến viếng đền Hùng, còn được đến thăm Bảo Tàng Viện Hùng Vương. Viện nầy được khánh thành năm 1993 vào dịp khai hội hằng năm. Với hơn 700 hiện vật gốc trên tổng số hơn 3,000 hiện vật có trong kho bảo tàng, 162 bức tranh, 5 bức

sơn mài, 9 bức gò đồng, 5 hộp hình, 1 nhóm tượng lớn và nhiều hiện vật khác được trưng bày, để nói lên chủ đề tổng quát: Từ văn minh nông nghiệp thời vua Hùng dựng nước Văn Lang trên vùng đất Phong Châu (bao gồm Vĩnh Phú và một phần Hà Tây, Hà Nội ngày nay).

Lễ hội: Một trong những tiết mục sôi nổi hào hứng trong lễ hội, diễn xướng là kể chuyên dân gian. Người kể chuyện thường là những cụgià, đồng thời cũng là nghệ nhân dân gian, vừa là người phụ trách việc cầu cúng trong làng chạ cổ. Người kể thường hoá trang chogiống như các đấng thần linh trong chuyện kể.

Đây là nhân vật trung gian thể hiện khả năng giao tiếp giữa người và thần. Hình thức kể chuyện ngày hội khá phổ biến vẫn còn được bảo lưu cho đến ngày nay, tiêu biểu là hình thức kể vè của người Kinh (Việt) hát mo (sử thi) ở vùng Mường, kể khan (trường ca) ở tây Nguyên. Ở những vùng cư trú của người Ê Đê, Gia Rai, Bahnar... những lão nghệ nhân đầu cài lông chim, mặc lễ phục sang trọng kẻ chuyện khan Đam San, chuyện khan Đăm Di, khan Xinh Nhã, khan Kinh Dú... Bên cạnh đó là âm nhạc dân gian, tùy từng vùng, từng lễ hội để thực hiện. Những hình thức âm nhạc dân gian có phong cách rất cổ xưa như điệu hát muá Xoan ở Vĩnh Phú, múa hát Dậm, hát múa Lải Lê ở Hà Nam Ninh, hát múa Rô ở Hà Sơn Bình, hát múa Xuân Phả ở Thanh Hoá, múa hát Ải Lao ở ngoại thành Hà Nội, hát Chầu văn phụ họa cho múa lên đồng trong những lễ hội Tam Phủ, Tứ Phủ...

Đã từ lâu, dân tộc ta có truyền thống giỗ Tổ Hùng Vương (ngày 10 tháng ba âm lịch) Hùng Vương là vị vua đầu tiên mở nước: "*Cõi Nam riêng một góc trời, Hùng Vương gây dựng đời đời nghiệp vua*".

Lễ giổ Tổ được khai hội ngay trên địa bàn từ xưa vua Hùng đã thiết lập kinh đô, nơi cội nguồn của dân tộc ta. Địa bàn nầy nay thuộc xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú. Cả một quần thể kiến trúc đã được xây dụng ở đây khá lâu đời. trong thời gian đầu có lẽ chỉ có một ít ngôi nhà thờ kiến tạo đơn giản; nhưng theo tài liệu ghi trong Ngọc Phả Hùng Vương, viết vào năm 1470 thì đã có được quy mô rộng lớn.

Nói đến những tổ chức liên hệ đến ngày giỗ tổ Hùng Vương là nói đến lễ hội và diễn xướng tại Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, Đền Giếng, chùa Thiên Quang và Lăng Vua Hùng.

Tất cả đều quây quần trên ngọn Ngũ Lĩnh, tất cả đều được xem là những di tích lịch sử đầy kỷ niệm hào hùng của thời dựng nước.

Ai về Phú Thọ cùng ta,
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng ba mồng mười

Hay là:

Dù ai đi ngược, về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng ba.

Lễ hội ở đây bao gồm cả những cuộc tế lễ và hội hè, diễn xướng những trò vui chơi giải trí. Lễ hội nầy đầy đủ tất cả những nghi thức ở cấp quốc gia (quốc lễ) diễn ra ở những đền thờ nói trên. Nghi thức đầy đủ các tiết mục, các quy phậm như những cuộc hội lớn. Lễ vật là lễ tam sinh : lợn, dê, bò, mỗi thứ một con để nguyên. Bắt buộc là phải có bánh chưng, bánh dày mới đầy đủý nghĩa của cuộc tượng niệm nầy. Nhạc khí chủ yếu được dùng từ xưa đến nay trong ngày lễ nầy là trống đồng; tiếng trống thiêng ngânvang lên luôn luôn gây niềm xúc động. Thể hiện đầy đủ những lễ tiết trên, thì mới thể hiện trọn vẹn được tấm lòng thành kính biết ơn của bao nhiêu thế hệ con Rồng, chúa Tiên.Tiếp theo phần lễ là phần hội; chủ yếu là các cuộc rước.

Trước hết là rước cỗ chay, rước bánh chưng, bánh dày. Đây là cuộc rước độc đáo, không đám rước nào trước kia có cả, vì là riêng của Đền Hùng. Không phải chỉ tưởng nhớ đến truyện tích Lang Liêu, mà để nhớ ơn các vua Hùng, các vị thánh như Thánh Tản Viên, người đã dạy cho dân chúng thời ấy nhiều nghề trong đó có nghề trồng lúa nước. Trong những nghi lễ nầy cũng thường có cả rước voi. Theo những lời lưu truyền lại của những vị bô lão trong vùng nầy thì trước đây là những đoàn voi thực được dẫn đi diễu hành.

Voi tiêu biểu cho sức mạnh, cho sức hào hùng của dân tộc đương đầu chống đỡ lại bất cứ trở ngại nào. Cuối cùng là tiết mục rước kiểu bay. Những làng chung quanh núi Nghĩa Lĩnh đem những chiếc kiệu của làng, cờ quạt nhiều màu sắc từ các ngả rước về Đền Hạ, được chạy quanh sân đền. Ý nghĩa của cuộc rước kiệu bay nầy là con cháu xa gần nhanh chóng về lễ Tổ. Kiệu các

làng trong vùng cũng đại diện cho các làng trong cả nước.

Cùng với những cuộc ruớc nầy là những trò vui chơi, diễn xướng khác nữa; những cuộc vui chơi của các địa phương chung quanh Đền Hùng góp chung vào không khí tưng bừng của ngày lễ hội nầy. Trên hồ Đá Vao, cạnh chân núi Nghĩa Lĩnh là cuộc thi bơi của những đội thuyền rồng. Quanh bờ hồ, bên sườn núi dọc hai bênquốc lộ và tỉnh lộ là những rạp tuồng chèo, những cây đu tiên, những cuộc tung còn của những trai thanh gái lịch. những phướngHát Xoan từ nhiều nơi cũng đua nhau về tham gia những cuộc thi hát Xoan, một điệu dân ca riêng trong vùng đất Vĩnh Phú.

Lại còn có những cuộc trình bày các tiết mục âm nhạc đặc biệt của các dân tộc Mường gần đó như "Đâm Đuống". Tất nhiên những địa phương xa gần đều kéo nhau đến mở những quán ăn thu hút những khách tham dự lễ hội.

Ngày nay, những quán ăn nầy lại càng nhiều hơn, vì vùng đất Vĩnh Phú có khá nhiều sản vật đậm đà ý nghĩa quê hương: bưởi Đoan Hùng, chè Phú Thọ, dứa Tam Đảo. Mùa xuân của lễ hội Đền Hùng là cả một mùa Xuân rực rỡ với bầu không khí sôi động lan toả khắp vùng từ những luá chuẩn bị cho ngày lễ và dư âm còn vang lại về sau. Lễ hội Đền Hùng là cả mộtcuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc, cũng là biểu tượng lòng yêu nước. Sinh hoạt văn hoá của lễ hội đền Hùng có ý nghĩa thiêng liêng hơn bất cứ một lễ hội nào trong cả nước.

Di tích trung tâm Thăng Long - Hà Nội

Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội có tổng diện tích 18,395ha, bao gồm: khu khảo cổ học 18 Hoàng Diệu và các di tích còn sót lại trong khu di tích Thành cổ Hà Nội như cột cờ Hà Nội, Đoan Môn, điện Kính Thiên, nhà D67, Hậu Lâu, Bắc Môn, tường bao và 8 cổng hành cung thời Nguyễn. Cụm di tích này nằm ở quận Ba Đình và được giới hạn bởi phía bắc là đường Phan Đình Phùng; phía nam là đường Bắc Sơn và nhà Quốc hội; phía tây là đường Hoàng Diệu, đường Độc Lập và nhà Quốc hội; phía tây nam là đường Điện Biên Phủ và phía đông là đường Nguyễn Tri Phương.

Lịch sử

Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi vua, sáng lập vương triều Lý. Tháng 7 mùa thu năm 1010, nhà vua công bố thiên đô chiếu (chiếu dời đô) để dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La. Ngay sau khi dời đô, Lý Công Uẩn đã cho gấp rút xây dựng Kinh thành Thăng Long, đến đầu năm 1011 thì hoàn thành. Khi mới xây dựng, Kinh thành Thăng Long được xây dựng theo mô hình tam trùng thành quách gồm: vòng ngoài cùng gọi là La thành hay Kinh thành, bao quanh toàn bộ kinh đô và men theo nước của 3 con sông: sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu. Kinh thành là nơi ở và sinh sống của dân cư. Vòng thành thứ hai (ở giữa) là Hoàng thành, là khu triều chính, nơi ở và làm việc của các quan lại trong triều. Thành nhỏ nhất ở trong cùng là Tử Cấm thành, nơi chỉ dành cho vua, hoàng hậu và số ít cung tần mỹ nữ. Nhà Trần sau khi lên ngôi đã tiếp quản Kinh thành Thăng Long rồi tiếp tục tu bổ, xây dựng các công trình mới. Sang đến đời nhà Lê sơ, Hoàng thành cũng như Kinh thành được xây đắp, mở rộng thêm ra. Trong thời gian từ năm 1516 đến năm 1788 thời nhà Mạc và Lê trung hưng, Kinh thành Thăng Long bị tàn phá nhiều lần. Đầu năm 1789, vua Quang Trung dời đô về Phú Xuân, Thăng Long chỉ còn là Bắc thành. Thời Nguyễn, những gì còn sót lại của Hoàng thành Thăng Long lần lượt bị các đời vua chuyển vào Phú Xuân phục vụ cho việc xây dựng kinh thành mới. Chỉ duy có điện Kính Thiên và Hậu Lâu được giữ lại làm hành cung cho các vua Nguyễn mỗi khi ngự giá Bắc thành. Năm 1805, vua Gia Long cho phá bỏ tường của Hoàng thành cũ và cho xây dựng Thành Hà Nội theo kiểu Vauban của Pháp với quy mô nhỏ hơn nhiều. Năm 1831, trong cuộc cải cách hành chính lớn, vua Minh Mạng đã cho đổi tên Thăng Long thành tỉnh Hà Nội. Khi chiếm xong toàn Đông Dương, người Pháp chọn Hà Nội là thủ đô của liên bang Đông Dương thuộc Pháp và Thành Hà Nội bị phá đi để lấy đất làm công sở, trại lính cho người Pháp. Từ năm 1954, khi bộ đội ta tiếp quản giải phóng thủ đô thì khu vực Thành Hà Nội trở thành trụ sở của Bộ quốc phòng. Như vậy giá trị đầu tiên của khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội thể hiện ở chỗ nó gần như là một "bộ lịch sử sống" chảy suốt theo cả chiều dài lịch sử hơn 10 thế kỷ của Thăng Long- Hà Nội, kể từ thành Đại La thời tiền Thăng Long đến thời đại ngày nay.

Giá trị khảo cổ

226 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

Trong lịch sử, Hoàng thành Thăng Long trải qua khá nhiều thay đổi, nhưng trung tâm của Hoàng thành, đặc biệt là Tử Cấm Thành thì gần như không thay đổi. Chỉ có kiến trúc bên trong là đã qua nhiều lần xây dựng, tu sửa. Chính đặc điểm này giải thích tại sao trên khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu, các lớp di tích kiến trúc và di vật nằm chồng lên nhau qua các thời kỳ lịch sử. Các di tích đó có mối quan hệ và sự liên kết lẫn nhau, tạo thành một tổng thể liên hoàn rất phức tạp nhưng phong phú và hấp dẫn, phản ánh rõ mối quan hệ về qui hoạch đô thị và không gian kiến trúc, cũng như sự tiếp nối giữa các triều đại trong lịch sử xây dựng kinh đô Thăng Long. Đó chính là giá trị nổi bật và độc đáo của khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long- Hà Nội. Tại đây, các nhà khảo cổ học còn khai quật được một số lượng lớn đồ gốm sứ là những vật dụng dùng hàng ngày trong hoàng cung qua nhiều thời kỳ. Những khám phá này đã thực sự mở ra một cánh cửa mới cho việc nghiên cứu về gốm Thăng Long và gốm dùng trong hoàng cung Thăng Long qua các triều đại, là minh chứng cụ thể về trình độ phát triển cao của kinh tế và văn hoá. Ngoài ra, nhiều tiền đồng, đồ gốm sứ của Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Á... được tìm thấy ở đây là bằng chứng cho thấy Thăng Long là trung tâm giao lưu văn hoá với các nước trong khu vực và tiếp nhận những giá trị tinh hoa của nhân loại.

Ban di sản thế giới của UNESCO đã thông qua Nghị quyết công nhận khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội là di sản văn hóa thế giới dựa trên 3 tiêu chí nổi bật: (ii) là minh chứng đặc sắc về quá trình giao lưu văn hóa lâu dài, là nơi tiếp nhận nhiều ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, nhiều học thuyết, tư tưởng có giá trị toàn cầu của văn minh nhân loại để tạo dựng nên những nét độc đáo, sáng tạo của một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia, (iii) là minh chứng duy nhất về truyền thống văn hóa lâu đời của người Việt ở vùng châu thổ sông Hồng qua các thời kỳ lịch sử, (vi) có liên hệ trực tiếp với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của quốc gia trong mối quan hệ với khu vực và thế giới.

Khu phố ngoại thành

Khu phố cổ Hà Nội là tên gọi thông thường của một khu vực đô thị có từ lâu đời của Hà Nội nằm ở ngoài hoàng thành Thăng Long. Khu đô thị này tập trung dân cư hoạt động tiểu thủ công nghiệp và buôn bán giao thương, hình thành lên những phố nghề đặc trưng, mang những nét truyền thông riêng biệt của cư dân thành thị, kinh đô. Ngày nay khu phố cổ Hà Nội là điểm đến hấp dẫn cho những ai muốn tìm hiểu về Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội.

Khu "Hà Nội 36 phố phường" là một cách gọi không chính xác của khu phố cổ, vì 36 phố phường là một cách gọi ước lệ khu vực đô thị cổ, nằm bên trong và bên ngoài cả khu phố

Theo quyết định số 70 BXD/KT-QH ngày 30 tháng 3 năm 1995 của Bộ Xây dựng, khu Phố cổ Hà nội có phạm vi được xác định: phía Bắc là phố Hàng Đậu; phía Tây là phố Phùng Hưng; phía Nam là các phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng; phía Đông đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật.

Khu phố cổ Hà Nội thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm tổng diện tích khoảng 100 ha, có 76 tuyến phố thuộc 10 phường: phường Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Buồm, Hàng Bồ, Hàng Bông, Hàng Gai, Hàng Mã, Đồng Xuân, Cửa Đông, Lý Thái Tổ.

Mặc dù các phố cổ của Hà Nội còn nằm cả bên ngoài khu vực này, nhưng do đây là khu vực tập trung phố cổ nhiều nhất và còn giữ được những đặc trưng nên chỉ khu vực theo quy định trên được gìn giữ, bảo tồn là khu phố cổ.

Khu dân cư sinh hoạt và buôn bán sầm uất này đã được hình thành từ thời Lý - Trần, nằm ở phía đông của hoàng thành Thăng Long ra đến sát sông Hồng. Đầu đời đời Lê, trong sách Dư Địa Chí, Nguyễn Trãi cũng đã đề cập đến tên một số phường nghề tại đây. Dưới thời Lê, đặt phủ Phụng Thiên gồm hai huyện là Vĩnh Thuận và Thọ Xương, thì khu này nằm gọn trong bốn tổng Túc của huyện Thọ Xương là Tiền Túc, Hậu Túc, Tả Túc, Hữu Túc. Bên ngoài khu vực là vòng thành Đại La có trổ các cửa ô.

Thời Lê, giữa khu này có một số đầm hồ, lớn nhất là hồ Thái Cực. Sông Tô Lịch nối với hào thành, các đầm hồ, thông với hồ Hoàn Kiếm và sông Hồng cũng ở khu vực này. Đến cuối thế kỉ 19 thì các sông hồ đó hoàn toàn bị lấp, nhưng vẫn còn để lại dấu tích qua các địa danh: Hà Khẩu, Giang Khẩu, Cầu Gỗ, Cầu Đông.

Thời Lý - Trần, dân cư từ các làng quanh đồng bằng Bắc Bộ tụ tập về khu vực này sinh sống, tạo

thành khu phố đông đúc nhất kinh thành. Đến đời Lê, dần dần đã có một số Hoa kiều buôn bán ở đây, hình thành nên các khu phố Tàu.
Thời Pháp thuộc, sau khi lấp toàn bộ các đầm hồ, khu phố được chỉnh trang, người Ấn, người Pháp cũng đến đây buôn bán. Hai chợ nhỏ được giải tỏa để lập chợ Đồng Xuân, Đường ray xe điện Bờ hồ - Thụy Khuê cũng chạy xuyên qua đây.
Cho đến nay, đây vẫn là khu buôn bán nhộn nhịp nhất của Hà Nội. Tuyến phố đi bộ cũng được mở tại đây.
Đặc trưng nổi tiếng nhất của khu phố cổ là các phố nghề. Thợ thủ công từ các làng nghề quanh Thăng Long xưa tụ tập về đây, tập trung theo từng khu vực chuyên làm nghề của mình. Các thuyền buôn có thể vào giữa phố để buôn bán trao đổi, khiến các phố nghề càng phát triển. Và chính sản phẩm được buôn bán trở thành tên phố, với chữ "Hàng" đằng trước, mỗi phố chuyên môn buôn bán một loại mặt hàng.
Hiện nay, một số phố vẫn còn giữ được sản phẩm truyền thống như phố Hàng Mã, Hàng Tre, Hàng Thiếc, Thuốc Bắc... Ngoài ra một số phố tuy không giữ nghề truyền thống, nhưng cũng tập trung chuyên bán một loại hàng hóa như phố Hàng Quạt bán đồ thờ, phố Hàng Buồm bán bánh kẹo, phố Mã Mây chuyên dịch vụ du lịch...
Hàng Bông lấy theo tên đoạn phố chính Hàng Bông Đệm vốn có nhiều nhà làm nghề bật bông, bán mền bông, chăn đệm.
Phố Hàng Mã ngày xưa chuyên buôn bán đồ vàng mã để thờ cúng, bao gồm tiền giấy âm phủ, vàng giấy âm phủ, sau mở rộng thêm các tượng giấy hình các quan, hình nhà cửa... để cúng và đốt cho người âm (người chết). Ngày nay phố Hàng Mã tập trung nhộn nhịp vào các dịp lễ, tết Trung Thu, Nguyên Đán với các mặt hàng phong phú về đồ chơi. Ngoài ra, tại đây cũng là nơi bán đồ trang trí phông màn cho đám cưới với các hình cắt làm từ nguyên liệu giấy màu hay bọt xốp nhiều màu sắc.
Phố Mã Mây. Phố này nguyên bao gồm hai phố xưa: phố Hàng Mã và phố Hàng Mây[2]. Đoạn phố Hàng Mây nằm giáp phố Hàng Buồm, trên bờ sông Nhị, nơi tập trung thuyền bè miền ngược chở các mặt hàng lâm sản như song, mây, tre, nứa...
Phố Hàng Bạc do ông Lưu Xuân Tín được nhà vua cho phép mở lò đúc bạc thành nén cho triều đình[3] , kéo người trong họ hàng và người làng Trâu Khê (hay Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang - Hải Dương) ra đây mở phường đúc bạc, thành lập trường đúc ở số nhà 58 Hàng Bạc.
Phố Hàng Đào là nơi buôn tơ, bán vải vóc (chữ vải điều chỉ màu đỏ được đọc chệch thành chữ đào)
Phố Hàng Lược nối từ phố Hàng Cót đến phố Chả Cá, vốn là nơi có nhiều nhà buôn bán lược : lược gỗ, lược sừng và sau này là lược nhựa.
Phố Hàng Chai không phải là nơi sản xuất, buôn bán chai lọ; phố này là một đoạn ngõ nhỏ nối phố Hàng Rươi và Hàng Cót, đây là nơi tập trung dân nghèo chuyên làm nghề thu lượm các đồ phế liệu, đồ bỏ (rác)
Phố Hàng Gà chạy từ phố Hàng Điếu đến phố Hàng Cót, vốn là nơi tập trung các cửa hàng bán đồ gia cầm: gà , vịt , ngan , ngỗng , bồ câu, gà tây...
Phố Hàng Chĩnh được người Pháp gọi là *Rue des Vases* (phố hàng Vại Chậu), vốn thông ra bờ sông, là bến đậu các thuyền chở vại, chậu bằng sành của làng Phù Lãng, nồi đất, chum vại, tiểu sành từ Hương Canh, bằng gốm từ Thổ Hà
Phố Hàng Đồng và phố Bát Sứ thời thuộc Pháp có tên chung là *Rue des Tasses* (phố Hàng Chén). Đoạn Hàng Đồng và Hàng Mã trước thuộc thôn Yên Phú, có nghề gốc bán đồ đồng như mâm, nồi, đỉnh, lư hương, lọ hoa, hạc thờ...
Một đặc trưng nữa của khu phố cổ là kiến trúc nhà cổ trong khu phố buôn bán. Những nhà cổ chủ yếu là nhà ống, mái ngói nghiêng, mặt tiền là cửa hàng buôn bán thò thụt không đều. Hình ảnh nhà cổ và mái ngói đã đi vào hội họa, thơ ca. Những ngôi nhà này chủ yếu được dựng vào thế kỉ XVIII - XIX, trước đó hầu hết là nhà mái tranh, chỉ có một số nhà giàu có, nhà của Hoa kiều mới lợp mái ngói.
Thời kì toàn quốc kháng chiến, để tránh đụng độ trực tiếp với quân Pháp và lính Lê dương, người dân và Vệ quốc quân đã đục thông tường từ nhà này sang nhà khác. Khi cần người ta có thể đi từ đầu đến cuối phố qua những lỗ hổng giữa các ngôi nhà mà không cần phải xuống đường.
Từ cuối thế kỉ XX, các nhà cổ dần dần biến mất. Thay vào đó là các ngôi nhà ống xây mới phá vỡ

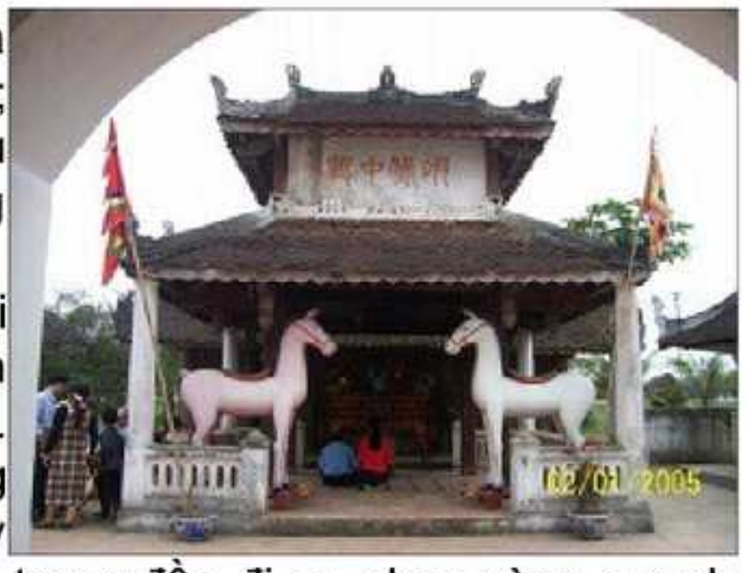
cảnh quan vốn có của phố cổ. Tuy vậy, bên trong các ngôi nhà vẫn là hệ thống đường đi chằng chịt.
Trong khu vực phố cổ có rất nhiều di tích lịch sử lâu đời, gồm đình, đền, chùa, hội quán.
Đình: mỗi phố nghề thường có một đình để thờ tổ nghề hoặc thành hoàng làng nguyên quán. Đình ở khu này đặc biệt là tầng dưới vẫn làm cửa hàng cho thuê, tầng trên mới làm nơi thờ cúng. Qua thời gian, các đình bị lấn chiếm nhiều, rất khó tìm ra dấu.
Đền: tương tự như đình, nhiều đền cũng chỉ đặt trên tầng, phía dưới làm cửa hàng. Một số đền còn giữ được là: đền Mã Mây, đền Nhân Nội, đền Bà Chúa,
Chùa: trong khu phố cổ còn một số ngôi chùa, tuy đã bị lấn chiếm nhiều: chùa Cầu Đông, chùa Kim Cổ, chùa Thái Cam.
Hội quán: khi người Hoa đến buôn bán, đã lập ra hai hội quán: Hội quán Quảng Đông và Hội quán Phúc Kiến.
Tại khu vực khu phố cổ xưa kia có các cửa ô: ô Phúc Lâm, ô Thanh Hà (ô Quan Chưởng), ô Trừng Thanh, ô Mỹ Lộc. Hiện chỉ còn lại ô Quan Chưởng là còn nguyên vẹn.
Chợ: Bên cạnh các phố nghề, khu phố cổ cũng có một số chợ để tập trung bán các loại hàng hóa phục vụ đời sống, như chợ Đồng Xuân - Bắc Qua, chợ Hàng Da, chợ Hàng Bè.

Thăng Long tứ trấn

Người Hà Nội xưa có truyền thống đầu năm đi lễ nhất định phải đến Thăng Long tứ trấn. Có lẽ là bởi nơi đây là nơi thờ 4 vị thần trấn giữ đất kinh kỳ, những người đã mang đến sự yên bình và cuộc sống ấm no cho người dân.

Thăng Long tứ trấn trải quá nhiều thời kỳ còn được tôn là "Thượng đăng phúc thần", đây cũng là 4 di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng của thủ đô Hà Nội. "Tứ trấn" được xây dựng từ rất sớm, gắn liền với việc ra đời kinh đô Thăng Long thời nhà Lý từ những năm 1010. Vào thời kỳ đó Tứ trấn Thăng Long là nơi diễn ra các lễ hội Xuân, là nơi nhà vua chọn đến để dâng hương những ngày đầu năm. Và có lẽ cũng từ đó, người dân đất kinh kỳ nối tiếp truyền thống này cho đến tận hôm nay.

Nói đến Tứ trấn nghĩa là nói đến Đền Bạch Mã trấn phía Đông; Đền Voi phục trấn phía Tây; Đền Kim Liên trấn phía Nam; Đền Quan Thánh trấn phía Bắc. Cả bốn đền đều nằm trong khu vực nội thành Hà Nội và có những nét kiến trúc độc đáo riêng biệt.



Đền Bạch Mã xưa thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, nay là số nhà 76 phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm. Đền Bạch Mã thờ thần Long Đỗ, vị thần bảo hộ của Kinh Thành. Truyền thuyết kể rằng: Khi vua Lý Công Uẩn định đô Thăng Long (năm 1010), xây thành mà cứ bị sụt lở, nhà Vua tới đây cầu lễ và lạ thay, một buổi sáng chợt thấy có vị ngựa trắng từ trong đền đi ra, chạy vòng quanh khu vực đang xây thành, chạy đến đâu để dấu chân đến đấy rồi trở lại Đền và vụt biến mất. Vua Lý cứ theo vết chân ngựa mà xây, thành không lở nữa. Từ đó thành được đắp cao lên, rất vững chắc. Thành xây xong, nhà Vua xuống chiếu cho chúng dân Thăng Long phong thần Long Đỗ làm thành Hoàng bảo vệ cho Thăng Long. Từ đấy Ngựa trắng là một biểu tượng thiêng liêng của Đền. Hội Đền Bạch Mã hằng năm được tổ chức vào ngày 12 và 13-2 âm lịch.



Trấn phía Tây là đền Voi Phục, đền tọa lạc bên hồ Thủ Lệ thuộc phường Cầu Giấy, quận Ba Đình.. Quanh năm đền nằm trong những hàng cây cổ thụ rợp bóng mát, lại thêm không khí trong lành bên hồ khiến cho nơi đây là địa điểm lý tưởng để đến vãn cảnh, dâng hương. Truyền thuyết ghi lại rằng thần vốn là một Thiên sứ đầu thai làm con nàng phi thứ bảy của vua Lý Thái Tông, được vua cha yêu quý đặt tên là Linh Lang. Tương tự như người anh hùng làng Gióng, khi đất nước có giặc ngoại xâm, Hoàng tử nhỏ vươn mình trở thành một dũng sĩ cưỡi voi xung trận, diệt tan quân xâm lược. Sau chiến thắng, bỗng nhiên hoàng tử lâm bệnh, vua cha đến thăm,

chàng cho biết mình không phải là người trần rồi biến thành con giao long trườn xuống hồ Dâm Đàm và biến mất. Vua cho lập đền thờ, phong là "Thượng đẳng thần".

Đền thờ Linh Lang được xây dựng vào năm 1065, đời vua Lý Thánh Tông. Cửa đền có đắp hai vị voi quỳ. Trong đền còn lưu giữ tảng đá có vết lõm, tương truyền đó là dấu vết hoàng tử nằm gối đầu lên rồi hóa thành giao long và trườn xuống hồ. Trải qua những biến cố của lịch sử, chiến tranh, và nhiều lần trùng tu, đến nay kiến trúc của Đền đã thay đổi khá nhiều so với kiến trúc ban đầu. Tuy vậy, lễ hội đền Voi Phục vẫn duy trì tổ chức vào này mùng 9 đến 11 tháng 02 âm lịch hàng năm.

Trấn phía Nam là đền Kim Liên, cho đến nay đây vẫn là một trong những tuyệt tác kiến trúc của kinh thành xưa. Trước đây đền thuộc địa phận phường Kim Hoa, sau thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức nay là phường Phương Liên, quận Đống Đa. Đền thờ thần Cao Sơn, truyền thuyết xưa kể rằng thần Cao Sơn đã có công giúp Sơn Tinh chiến thắng Thủy Tinh và sau này lại giúp vùa Lê Tương Dực dẹp loạn, khôi phục nhà Lê. Chính vì thế vua Lê cho xây đền, dựng bia để hương khói thờ phụng.



Tam quan và Đền xây trên gò đất cao, từ sân bước lên phải qua chín bậc gạch, hai bên thềm là hai sấu đá niên đại thời Lê. Tam quan xây thành nhà hoàn chỉnh, kiểu tường hồi bít đốc. Bốn góc tường hồi có bốn cột trụ, bốn bộ vì đỡ mái làm theo kiểu chồng giường, giá chiêng, cột trốn. Các con rường chạm nổi hình mây cuốn, câu đầu và chạm lộng nhiều lớp hình tứ linh vô cùng đẹp với kỹ thuật tinh xảo. Trong đền vẫn còn long ngai thờ thần Cao Sơn và hai nữ thần phối hưởng: Thuỷ Tinh đệ Tam Tôn nữ và Huệ Minh phu nhân.

Vị trí của đền cũng rất đẹp, tọa lạc ngay bên hồ Tây (xưa là hồ Dâm Đàm) với không gian rộng rãi, thoáng đãng, cảnh quan thi vị hữu tình. Cho đến nay đền hàng năm đền vẫn có hàng trăm nghìn lượt du khách đến dâng lễ, vãnh cảnh. Lễ hội đền Kim Liên mở vào ngày 16 tháng 03 âm lịch.

Cuối cùng là đền Quán Thánh trấn phía Bắc kinh thành, đền thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ. Vào đời nhà Lê, đền thuộc phường Thụy Chương, huyện Vĩnh Thuận, phía Nam Hồ Tây, nay ở ngã tư giao đường Thanh Niên với đường Quán Thánh, Hà Nội. Truyền thuyết xưa kể rằng: Huyền Thiên Trấn Vũ là thần cai quản phương Bắc giúp dân trừ tà ma, yêu quái; trừ rùa thành tinh (đời Hùng Vương 14); trừ cáo chín đuôi ở Tây Hồ; giúp An Dương Vương trừ tinh gà trắng xây thành Cổ Loa; diệt hồ ly tinh trên sông Hồng đời vua Lý Thánh Tông... Đến thời nhà Lê, các vua cũng thường đến đây để cầu mưa mỗi khi có hạn hán. Theo tư liệu cũ, ngôi Đền được xây dựng vào những năm đầu khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Năm 1823, Vua Minh Mạng lên ngôi đổi tên Đền là Trấn Vũ Quán. Đến đời vua Thiệu Trị năm 1842, đổi tên là Đền Quán Thánh như hiện nay. Trong đền có một bức tượng đồng Trấn Vũ cao lớn uy nghi nặng 4 tấn. Pho tượng đồng đen lớn này là tác phẩm nghệ thuật của các tay thợ tài hoa làng đúc đồng Ngũ Xã. Trải qua hàng trăm năm pho tượng ngày càng đen và bóng bởi người nào đến đây thắp hương dâng lễ cũng xoa vào phần chân bức tượng khiến cho những phần này trở nên nhẵn bóng. Đền Quán Thánh vẫn duy trì tổ chức chính hội vào ngày 3 tháng 3 âm lịch hàng năm.



Cả bốn ngôi đền đều đẹp với những kiến trúc khác nhau được thể hiện qua từng giai đoạn lịch sử, thời điểm cũng như ý nghĩa của việc xây dựng đền. Bốn di tích này là những dấu mốc định hình long mạch của đất Thăng Long và suốt bao thế kỷ đã tồn tại trong tâm thức người dân Việt Nam. Có lẽ bởi tầm quan trọng của và ý nghĩa lịch sử của "tứ trấn", ngoài ra các di tích này nằm ngay trong nội thành Hà Nội và có khoảng không gian thoáng mát, tĩnh lặng nên cả bốn ngôi đền đều là những địa điểm mà người dân Hà Nội thường đến dâng lễ cũng như vãn cảnh đặc biệt vào đầu xuân mới. Đây âu cũng là một cách thể hiện lòng thành kính đến với những vị thần ngày đêm canh giữ, bảo vệ để người dân kinh kỳ có cuộc sống âm no, hòa bình.

KIÊM THÊM

230 - nguyệt san việt văn mới số 12 – ngày 15 tháng 6 năm 2014 .

MỤC LỤC

. tấc lòng sóng nước biển đông – truyện lịch sử - tiến thảo – trang 06.
. bông hồng miền nắng xanh – truyện ngắn - dương phương toại – trang 14.
. vé số đàn bà – truyện ngắn – phong linh – trang 20.
. mùa thiên di – thơ – vương hoài uyên – trang 22.
. chân trời bỗng tối – truyện ngắn – dương leh – trang 23.
. rừng xuân – truyện ngắn – mai thục – trang 25.
. có phải sầu vạn cổ – truyện ngắn – hồ thủy – trang 28.
. hương hoa phượng đỏ – thơ – dung thị vân – trang 33.
. bà chủ – truyện ngắn – hoàng tháp – trang 34.
. góc làng – truyện ngắn – phùng phương qúy – trang 39.
. lên chùa tìm thăm sư cụ – thơ – lê nhiên hạo – trang 45.
. biển đêm & sóng – truyện ngắn – như hoài – trang 46.
. hái nụ bình minh – thơ – lê hành khuyên – trang 48.
. tình cũ vấn vương – truyện ngắn – qúy thể – trang 49.
. giọt nước mắt muộn màng – truyện ngắn – mang viên long – trang 52.
. chuyện cũ ở làng hạ – truyện ngắn – nguyễn thăng – trang 57.
. một chiều không nắng không mưa – thơ – trần vấn lệ – trang 63.
. tình mờ – truyện ngắn – lê văn thiện – trang 64.
. một thoáng trên sông nước tiền giang – bút ký – vương liêm – trang 68.
. nghề đi biển xưa – bút ký – phan chính – trang 72.
. chờ – thơ – hoàng yên linh – trang 73.
. ngắn dài – truyện ngắn – cảnh dương – trang 74.
. đi thăm thanh hoá – bút ký – vũ kiêm ninh – trang 76.
. biển và chuyện tình không may – truyện ngắn – phạm nga – trang 87.
. nhà thơ xuân diệu mà tôi biết – hồi ký – lâm bích thủy – trang 91.
. phận – truyện ngắn – khải nguyên – trang 95.
. điệu hát quê tôi – thơ – hồng vinh – trang 100.
. miếng líp cửa – truyện ngắn – phan – trang 101.

. chị đồng – truyện ngắn – đàm lan – trang 104.
. minh lệ – làng mang tên huyền thoại một tình yêu – bút ký – hoàng gia cương – trang115.
. điểm nhìn – truyện ngắn – lãng hiền xuân – trang 118.
. ngày ở lại với đàlạt – thơ – huy uyên – trang 123.
. nhớ mùi khói đốt đồng – tạp bút – phạm thanh phúc – trang 124.
. người đóng thuế – truyện ngắn – lê mai – trang 125.
. ký ức miền tây – thơ – đào bích phương– trang 127.
. người tốt – truyện ngắn – la thị ánh hường – trang 128.
. dịu dàng gốc phố – tạp bút – trương đạm thủy – trang 130.
. có một loài hoa – thơ – dạ thảo hương – trang 132.
. cầu sông con – truyện ngắn – phạm thuận thành – trang 133.
. đò sang sông rồi – thơ – tâm đạm dương trữ la – trang 136.
. thời gian không của người – truyện ngắn – phạm thanh khương – trang 137.
. chiêm bao – thơ – lê văn trung – trang 146.
. chênh vênh – truyện ngắn – đỗ tiến thụy- trang 147.
. quán chim – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 151.
. đồng dao mùa hạ – thơ – phan thành minh – trang 153.
. hoa thanh long vỡ – truyện ngắn – ngô thị hạnh – trang 154.
. đêm dài tình ái – truyện ngắn – thế phong – trang 158.
. gió bay xa – truyện ngắn – nguyễn lệ uyên – trang 168.
. nghệ thuật đã chiến thắng bạo lực – biên luận – từ vũ – trang 174.
. trần huyền trân, đây một loài hoa khác hải đường – biên luận – huyền viêm – trang 183.
. chùa huyền kỳ thở mẫu âu cơ – biên luận – mai thục – trang 190.
. victor hugo, danh tài của thời đại – biên luận – võ công liêm – trang 196.
. huyền trân công chúa – biên luận – phạm vũ – trang 202.
. hà nội, thăng long ngàn năm – biên luận – kiêm thêm – trang 208.
. mục lục – trang 231.

VIỆT VĂN MỚI

số 12

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 6 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : tranh của hoạ sĩ Nguyễn Trung

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

Tuyện đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

tủ sách việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 12

15 tháng 6 năm 2014



tủ sách việt văn mới

2014